Hòa Thượng Tuyên Hóa



Giảng Giải

Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện

Kinh Địa Tạng Thiển Thích

KINHDIATANGBOTAT.WEEBLY.COM

Nghe Kinh Địa Tạng Trọn bộ (mp3)

KINH ĐỊA TẠNG PHẦN 1 MP3

KINH ĐỊA TẠNG PHẦN 2 MP3

KINH ĐỊA TẠNG PHẦN 3 MP3

KINH ĐỊA TẠNG PHẦN 4 MP3

Kinh Địa Tạng Diễn Đọc HQ MP3

Download PM3 | GOOGLE DRIVER | TẢI KINH MP3

➤ PHÁP SƯ TỊNH KHÔNG GIẢNG KINH ĐỊA TẠNG

GOOGLE DRIVER

KINH ĐỊA TẠNG GIẢNG KÝ PHÁP SƯ TỊNH KHÔNG PDF



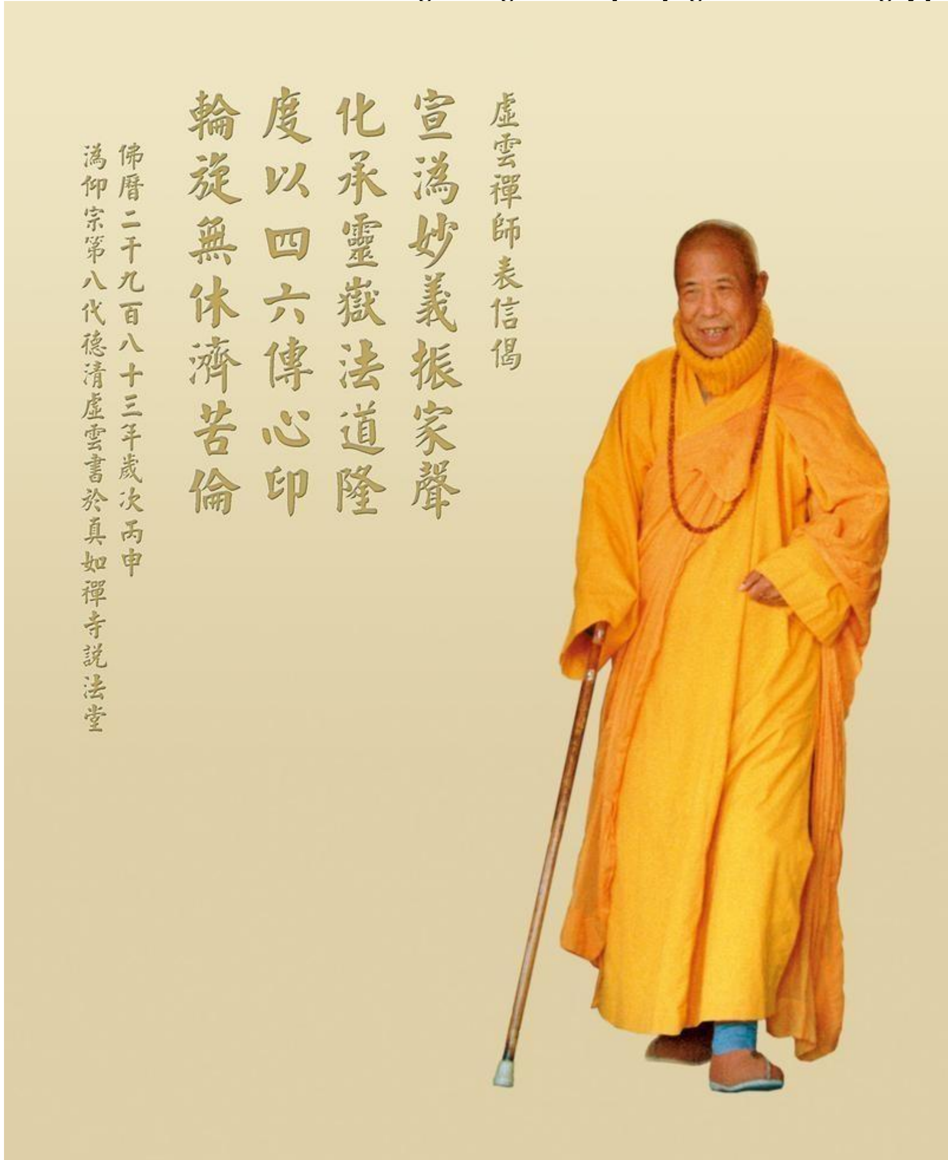
Kinh Dia Tang Bo Tat



Tải Kinh Địa Tạng Trọn Bộ .zip (1.3GB)

KINH ĐỊA TẠNG GIẢNG KÝ PS TỊNH KHÔNG .PDF





Hòa thượng Tuyên Hóa

Kinh Địa Tạng – Thích Trí Tịnh Dịch .PDF

DUYÊN KHỞI CỦA PHÁP HỘI GIẢNG KINH

Tất cả mọi nơi đều là đạo tràng, Pháp Hội, cho nên bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu, chúng ta cũng đều có thể giảng Kinh thuyết Pháp, tu tập, hành trì được cả. Mọi lúc đều có thể tu hành, mọi chốn đều là nơi để dụng công. Tu hành thì không nên phân biệt nơi chốn, chẳng nên phân biệt xa gần; đến nơi nào cũng thấy như nhau. Ngoài ra, cũng không nên phân biệt về sự tốt xấu của Pháp Hội. Nếu ở bất cứ nơi nào chúng ta cũng có thể giảng Kinh thuyết Pháp, nghiên cứu giáo lý Phật Đà, thì chúng ta sẽ có thể "kết thành một đoàn, luyện thành một khối." Cho nên, tập được thói quen đến đâu cũng nghiên cứu Phật Pháp là điều quan trọng nhất vậy.

Chủ yếu của việc nghiên cứu Phật Pháp là gì? Đó là cắt đứt vọng tưởng, thâu nhiếp thân tâm. Nếu chúng ta không mơ tưởng về quá khứ, hiện tại hoặc vị lai, mà chỉ một lòng một dạ nghiên cứu Phật Pháp, thì chúng ta sẽ không còn phiền não, khổ đau. Tại sao chúng ta có phiền não ? Bởi vì chúng ta không có được cái nhìn thấu suốt, không nỡ buông bỏ, cứ cho rằng việc này quan trọng, việc kia cần thiết, do vậy mà sanh lòng chấp trước. Một khi đã có tâm chấp trước thì phiền não sẽ theo đó mà nảy sinh. Cho nên, chúng ta nghiên cứu Phật Pháp thì cần phải dẹp bỏ tâm chấp trước.

Hôm nay là ngày đầu tiên chúng tôi giảng Kinh ở đây. Sau này, khi quý vị vào chỗ ngồi thì người hàng sau nên ngồi xen kẽ đối với người hàng trước, để người trước người sau đều có thể thấy rõ, khỏi cản trở tầm nhìn của nhau. Đó là cách ngồi; còn đứng thì như thế nào ? Cứ hai người đứng một hàng, hàng này cách hàng kia một khoảng vừa đủ để có thể cúi lạy được.

Vừa rồi chúng ta có niệm Lục Tự Đại Minh Chú (Án Ma Ni Bát Di Hồng). Bồ Tát Địa Tạng rất thích mọi người niệm chú Lục Tự Đại Minh này. Nếu quý vị trì niệm Lục Tự Đại Minh Chú thì quý vị cầu xin bất cứ điều gì, Bồ Tát Địa Tạng cũng sẽ giúp cho qúy vị được toại nguyện. Sự cảm ứng linh thiêng của Ngài Địa Tạng không thể nào nói hết được, điều này trong Kinh

cũng có đề cập đến. Vì thế, trong các buổi giảng Kinh, chúng ta đều nên luôn luôn niệm Lục Tự Đại Minh Chú. Đây là một Thần Chú tối nhiệm mầu; công năng của Thần Chú này thật không thể nghĩ bàn!

Nhân duyên của Pháp Hội giảng Kinh Địa Tạng lần này cũng khá đặc biệt. Mùa hạ năm nay tôi mướn căn nhà này để mở khóa tu học, và dự trù sau khi khóa học viên mãn thì trả nhà. Đến khi trả nhà rồi, thì có vài học viên muốn ở lại tu học tiếp nên phải tự đi tìm thuê phòng tạm trú; nhưng tìm phòng để thuê là một việc rất vất vả, không dễ gì kiếm được ngay. Cho nên tôi cũng rất "mạo hiểm" quyết định mướn lại căn nhà này. Sau đó, tôi mời mấy học viên đó về ở, đồng thời thỉnh bức tượng Địa Tạng Vương Bồ Tát về đây "sống chung" với mọi người. Như thế, đại chúng ngày ngày đều có cơ hội lễ bái Bồ Tát hầu gieo trồng thiện căn, vun bồi cội phước.

Tuy nhiên, đối với người Mỹ thì Bồ Tát vẫn còn quá xa lạ! Trước kia họ không biết đến bất cứ một vị Bồ Tát nào cả, bây giờ lại ở chung một nhà với Bồ Tát, thì có người lấy làm vui mừng, song cũng có người ngần ngại: "Ồ! Tượng Bồ Tát này trông giống người thật quá!"; và sanh ra sợ sệt. Do đó, bây giờ tôi sẽ "giới thiệu" vị Bồ Tát này với quý vị. Phàm muốn kết bạn với ai, tất trước hết chúng ta phải tìm hiểu xem người ấy là người như thế nào; nay vì quý vị muốn "làm quen" với Bồ Tát Địa Tạng nên tôi sẽ giảng Kinh Địa Tạng cho quý vị nghe.

Kinh Địa Tạng được xem là một bộ "Hiếu Kinh" của Phật Giáo. Bồ Tát Địa Tạng là một vị Bồ Tát thực hành hiếu đạo, và là vị Bồ Tát hiếu thảo với cha mẹ nhất. Vì cũng mong muốn mọi người đều học theo tinh thần hiếu đạo của Bồ Tát Địa Tạng, cho nên hôm nay tôi giảng bộ Kinh Địa Tạng này.

Bây giờ, chúng ta sẽ tìm hiểu bộ Kinh này dựa trên sáu yếu tố:

- Thứ nhất là Nhân Duyên Nảy Sanh Giáo Pháp (Giáo Khởi Nhân Duyên), tức là nhân duyên, nguyên do có bộ Kinh này.

- Thứ hai là Phân Loại Theo Tạng Thừa (Tạng Thừa Sở Nhiếp). "Tạng" là Tam Tạng. "Thừa" là Đại Thừa và Tiểu Thừa; mà cũng là Ngũ Thừa - Nhân Thừa, Thiên Thừa, Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa và Bồ Tát Thừa. Như vậy, yếu tố thứ hai là xét xem Kinh này thuộc về tạng nào trong ba Tạng và thừa nào trong năm Thừa.

- Thứ ba là Nêu Rõ Tông Chỉ Kinh (Biện Định Tông Chỉ)

- Thứ tư là Giải Thích Đề Mục Kinh (Tiêu Thích Danh Đề)

- Thứ năm là Dịch Giả Truyền Dịch (Truyền Dịch Sử Giả), nói rõ ai là người lưu truyền, phiên dịch bộ Kinh.

- Và, thứ sáu là Giảng Giải Kinh Văn (Biệt Giảng Văn Nghĩa), giải thích ý nghĩa của kinh văn.

I) **Nhân Duyên Nảy Sanh Giáo Pháp** (Giáo Khởi Nhân Duyên)

"Giáo khởi nhân duyên" nghĩa là gì? "Giáo" là lời giáo hóa, dạy dỗ chúng sinh của các bậc Thánh Nhân. "Khởi" tức là trước kia vốn không có mà bây giờ lại có, lại nảy sanh rạ "Nhân" là nhân tố, còn "duyên" là duyên cớ. Thế thì, do nhân duyên gì mà khởi sanh giáo pháp này?

Sau khi thành Phật, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết Pháp ròng rã suốt bốn mươi chín năm, giảng Kinh tại hơn ba trăm Pháp Hội, song thủy chung vẫn chưa siêu độ cho Ma-Da Phu Nhân, thân mẫu của Phật. Đức Phật Thích Ca vốn được sanh ra từ cạnh sườn (phía trên bụng) bên trái của thân mẫu, và hạ sinh Ngài xong thì Ma-Da Phu Nhân qua đời. Sau khi chứng đắc Phật Quả, Ngài quán xét và biết là Thánh Mẫu đã được thác sanh lên cõi trời.

Bấy giờ, lúc đã thuyết xong Kinh Pháp Hoa và trước khi thuyết Kinh Niết Bàn, Phật Thích Ca nhớ đến mẫu thân nên liền lên cung trời Đao Lợi ba tháng để thuyết Pháp cho Thánh Mẫu nghe. Phật thuyết Pháp gì ở Đao Lợi Thiên? Phật đã thuyết Kinh Địa Tạng, một bộ kinh dạy về đạo hiếu. Vậy, do muốn cứu độ từ

mẫu nên Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã lên cung trời Đao Lợi thuyết giảng Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện. Đức Phật vì mẹ mà tuyên thuyết giáo pháp Kinh Địa Tạng; thế thì bộ Kinh này phải chăng rất trọng yếu ?

II) **Phân Loại Theo Tạng Thừa** (Tạng Thừa Sở Nhiếp)

"Tạng" là Tam Tạng - Kinh Tạng, Luật Tạng, Luận Tạng. "Nhiếp" có nghĩa là thuộc về. Kinh Tạng thì thuộc về Định Học, Luật Tạng thuộc về Giới Học, và Luận Tạng thì thuộc về Huệ Học. Kinh-Luật-Luận cũng chính là Giới-Định-Huệ. Bộ Kinh này thuộc về Kinh Tạng và Luật Tạng vì trong đó có đề cập đến Giới Luật.

"Thừa" ở đây chính là Ngũ Thừa. Có người nói là chỉ có Tam Thừa - Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa và Bồ Tát Thừa - mà thôi; thế thì Ngũ Thừa là gồm những gì? Là ba Thừa ấy cộng thêm Nhân Thừa và Thiên Thừa nữa, thì thành năm Thừa. Mỗi chúng ta đều có nhiều điểm khác biệt nhau; giữa chư Thiên với nhau cũng có thiên sai vạn biệt; Thanh Văn, Duyên Giác cũng thế; và Bồ Tát cũng không phải chỉ có một mà là rất nhiều vị. Vậy, bộ Kinh Địa Tạng này thuộc về Nhân Thừa, Thiên Thừa và Bồ Tát Thừa.

III) **Nêu Rõ Tông Chỉ Kinh** (Biện Định Tông Chỉ)

Bộ Kinh này lấy gì làm tông chỉ? Tông chỉ của bộ Kinh này gồm có bốn điều và được bao hàm trong tám chữ "Hiếu Đạo, Độ Sanh, Bạt Khổ, Báo Ân." Tám chữ này nói lên điều gì? Đó là "tinh nghiên hiếu đạo" - đạo lý hiếu thảo với cha mẹ. Con người nếu biết giữ hiếu đạo thì trời đất sáng ngời rạng rỡ. Điều khiến cho trời đất cảm động cũng chính là lòng hiếu thảo, nên nói: ""Thiên địa trọng hiếu, hiếu đương tiên" (trời đất đều xem trọng đạo hiếu, hiếu là trước nhất).

1) **Hiếu Đạo**. Chữ "hiếu" này vô cùng quan trọng. Chỉ cần có một chữ "hiếu" là toàn gia được yên vui, êm ấm. Có câu:

Hiếu thuận lại sanh con hiếu thuận
(Hiếu thuận hoàn sanh hiếu thuận tử.)

Nếu quý vị hiếu thuận với cha mẹ mình thì sau này con cái của quý vị cũng sẽ hiếu thuận với quý vị. Còn nếu quý vị không hiếu thảo với song thân, thì con cái của quý vị rồi cũng sẽ không hiếu thảo với quý vị!

Vì sao chúng ta phải học cách làm người? Làm người có ý nghĩa gì? Có người nói rằng: "Tôi làm người một cách hồ đồ như vầy thì cũng xong thôi!" Nói như thế là không phải! Bổn phận của kẻ làm người là phải hiếu thảo với cha mẹ, bởi cha mẹ chính là trời đất, là sư trưởng, và cũng là chư Phật. Có cha mẹ mới có mình; nếu không có cha mẹ thì mình không có được thân thể này, mà không có thân này để tu hành thì mình sẽ chẳng bao giờ thành Phật được cả! Cho nên, muốn thành Phật thì trước tiên là phải trọn hiếu với cha mẹ. Vậy, tông chỉ thứ nhất là "Hiếu Đạọ"

2) **Độ Sanh**. Tông chỉ thứ hai của bộ kinh này là "Độ Sanh."

Thế nào gọi là "độ sanh"? Từ bờ bên này vượt sang bờ bên kia, gọi là "độ." Từ sanh tử đến Niết Bàn cũng gọi là "độ." Từ phiền não mà được Bồ Đề cũng gọi là "độ." "Độ sanh" ở đây có nghĩa là cứu độ chúng sanh. "Cứu độ chúng sanh" thì không phải là chỉ cứu một hoặc hai người, cũng không phải là ba người hoặc năm người. "Độ chúng sanh" là độ thoát tất cả mười hai loại chúng sanh. Phải phát tâm giáo hóa hết thảy chúng sanh, khiến cho tất cả chúng sanh đều sớm được thành Phật; như thế mới gọi là "độ chúng sanh."

3) **Bạt Khổ**. Đây là tông chỉ thứ ba. Bộ Kinh này có công năng "nhổ sạch khổ não," dứt trừ mọi nỗi khổ của chúng sanh.

4) **Báo Ân**. "Báo ân" ở đây chính là báo đáp công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ.

Vậy, tám chữ "Hiếu Đạo, Bạt Khổ, Độ Sanh, Báo Ân" là tông chỉ của Kinh Địa Tạng. Nếu giảng cặn kẽ thì quá nhiều, cho nên tôi chỉ đề cập đến những điểm trọng yếu; sau khi hiểu rõ các ý chính, quý vị sẽ thông suốt được tất cả.

Nghe nhắc đến đạo hiếu, có nhiều người liền nghĩ: "Mình phải về để hầu hạ, báo hiếu cho cha mẹ!" Nhưng về đến nhà, gặp cha mẹ, thì họ lại chứng nào tật nấy, quên mất bổn phận hiếu thảo. Vì sao họ quên? Vì họ không hiểu hiếu đạo chân chánh là như thế nào. Tu học Phật Pháp tức là chân chánh hiếu thảo vậy Chớ nói rằng về nhà quanh quẩn bên cha mẹ mới là có hiếu, rồi về tới nhà thì lại quên mất bổn phận hiếu thảo! Qúy vị ở đây nghiên cứu Phật Pháp, học làm người tốt - điều này đối với thế giới rất có lợi. Mang lại lợi ích cho thế giới cũng chính là báo hiếu cha mẹ vậy.

"Hiếu" được phân làm bốn loại: Tiểu Hiếu, Đại Hiếu, Viễn Hiếu và Cận Hiếu.

Thế nào gọi là "Tiểu Hiếu"? "Tiểu Hiếu" là hiếu đạo trong phạm vi gia đình, tức là chỉ hiếu thảo với cha mẹ ruột của mình, chứ không hiếu thảo với tất cả mọi người, chưa có được lòng hiếu thảo bao la, quảng đại.

"Hiếu Quảng Đại" là gì? Đó chính là Đại Hiếu - hiếu thuận với khắp thiên hạ, xem tất cả các bậc cha mẹ trên đời như là cha mẹ của mình. Đây gọi là hiếu thuận với tất cả mọi người. Thế nhưng, Đại Hiếu vẫn chưa phải là hiếu thuận chân chánh.

Thế nào là "hiếu thuận chân chánh"? Chỉ khi nào quý vị thành Phật mới gọi là có lòng hiếu thảo chân chánh, mới là "Chân Hiếu" Đây là một loại hiếu thảo đích thực, rốt ráo, vượt hẳn bốn loại hiếu kia. Đức Phật Thích Ca xưa kia, mặc dù vua cha không cho phép xuất gia, muốn cầm giữ Ngài ở mãi trong cung, nhưng Ngài đã trốn khỏi hoàng thành, lén đi xuất gia tu hành. Sau sáu năm ròng rã tu khổ hạnh trên ngọn Tuyết Sơn, Ngài đã ngộ Đạo thành Phật dưới cội Bồ Đề. Thành Phật rồi, Ngài đến cung trời Đao Lợi, vì mẹ mà thuyết Pháp. Qúy vị xem, đó chẳng phải là chân chánh hiếu thảo sao?

Thế nào gọi là "Cận Hiếu"? Noi gương những người con chí hiếu thời cận đại, học cách hiếu thuận cha mẹ của họ - đó gọi là "Cận Hiếu". Có câu:

Viễn hiếu, hiếu muôn đời

Cận hiếu, hiếu đương thời.
(Viễn Hiếu, hiệu ư vạn cổ;
Cận Hiếu, hiệu ư đương thời)

Viễn Hiếu là gương hiếu thảo được muôn thế hệ truyền tụng và noi theo; còn Cận Hiếu là sự hiếu thuận đương thời. Cận Hiếu cũng có thể gọi là Tiểu Hiếu, mặc dù vẫn có vài điểm bất đồng. Viễn Hiếu là hiếu thuận muôn đời, điển hình là Nhị Thập Tứ Hiếu (hai mươi bốn gương hiếu tử) của Trung Hoa. Gương hiếu thảo của họ được muôn đời truyền tụng, lưu lại tiếng thơm cho hàng vạn thế hệ sau.

Trong Nhị Thập Tứ Hiếu của Trung Hoa có một Đổng Vĩnh. Đổng Vĩnh, còn gọi là Đổng Ảm, là một người con chí hiếu. Gia đình Đổng Vĩnh rất nghèo, cảnh nhà thiếu trước hụt sau; còn hàng xóm của anh ta là Vương Kỳ thì lại rất giàu có, sung túc. Mẹ của Đổng Vĩnh nhờ con hiếu thảo nên hồng hào khỏe mạnh; tuy tuổi đã cao mà vẫn còn linh hoạt và lúc nào cũng tươi vui. Trong khi đó, mẹ của Vương Kỳ mặc dù tiền bạc dư dả, ăn toàn những món ngon vật lạ, cao lương mỹ vị, nhưng lại gầy gò ốm yếu, và trông có vẻ buồn phiền áo não, chẳng chút vui tươi thanh thản.

Một hôm, nhân lúc Đổng Vĩnh và Vương Kỳ đều vắng nhà, bà mẹ của Vương Kỳ mới sang chơi và hỏi mẹ của Đổng Vĩnh: "Bà chị tuổi tác cũng đã cao, cảnh nhà lại thanh bần, chẳng thuốc thang tẩm bổ, mà sao trông bà lúc nào cũng vui vẻ, khoẻ mạnh?"

Mẹ của Đổng Vĩnh đáp: "Bởi vì con trai tôi rất hiếu thảo. Nó không dám làm việc gì xấu cả, lại rất thật thà đúng đắn, cần cù làm việc; cho nên tôi rất hài lòng, không có điều chi lo nghĩ hoặc buồn bực cả. Có lẽ nhờ tâm trí thư thái, trong lòng thanh thản, nên thân thể được khỏe mạnh đấy thôi."

Rồi bà hỏi lại mẹ của Vương Kỳ: "Nhà bà chị giàu có thế kia, ăn uống toàn là món ngon vật lạ, mà sao lại gầy ốm như vậy? Bà chị gầy như cây sậy ấy, có mắc bệnh gì không?"

Mẹ của Vương Kỳ thở dài ngao ngán: "Tôi ư? Giàu thì cũng có giàu đấy, ăn uống thì cũng toàn là những thức ngon lành, bổ

báo; nhưng khổ nỗi lại gặp phải thằng con ngỗ nghịch, toàn làm những chuyện phi pháp, khiến tôi rất đau lòng. Hôm nay phạm pháp, ngày mai phạm luật; hôm nay không bị sai nha truy lùng, thì ngày mai cũng có lệnh của phủ đường đòi đến tra hỏi. Tôi từ sáng đến tối cứ vì thế mà thấp thỏm âu lo, thức ăn dù ngon cách mấy cũng nuốt không xuống, không thấy vui. Bởi suốt ngày cứ rầu rĩ phiền muộn, cho nên tôi càng ngày càng gầy mòn đấy thôi!"

"Hiếu" tuy có Viễn Hiếu, Cận Hiếu, Đại Hiếu, Tiểu Hiếu, nhưng nếu nói đến sự hiếu thảo chân chánh thì chính là tu hành để sau này thành Phật vậy. Hôm nay quý vị ở lại nghiên cứu Phật Pháp, không bỏ về, đó chính là Chân Hiếu vậy. Chân chánh nghiên cứu, hành trì Phật Pháp mới là sự hiếu thảo đúng đắn, rốt ráo nhất.

IV) **Giải Thích Đề Mục Kinh** (Tiêu Thích Danh Đề)

Yếu tố thứ tư là Tiêu Thích Danh Đề. "Tiêu" nghĩa là gì? "Tiêu" có nghĩa là giải thích ý văn một cách rõ ràng. "Tiêu thích danh đề" tức là giải thích tên đề của Kinh.

Tên của bộ Kinh này là "Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh." Trong đó, "Địa Tạng Bồ Tát" là Nhân (người), "Bổn Nguyện" là Pháp. Pháp cũng là một thứ "nghiệp." "Bổn nguyện" chính là "bổn lai hạnh nghiệp" - hành vi và nghiệp sở tạo trong đời quá khứ. Như vậy, trong bảy loại lập đề, bộ Kinh này thuộc loại Nhân Pháp Lập Đề.

Vì sao gọi là "Địa Tạng"? "Địa" có nghĩa là đất, và có công năng sinh trưởng vạn vật. "Tạng" là bảo tạng, tức là kho báu. Chữ "tạng" này cũng có nghĩa là tàng trữ, cất giấu. Tất cả kho báu vạn vật, tất cả mọi vật đều có thể chôn giấu dưới đất. Vị Bồ Tát này giống như đại địa vậy - có thể sinh trưởng tất cả vạn vật, lại có vô lượng vô biên kho báu chôn dưới đất mà ai ai cũng có thể khai quật được. Người nào tin Ngài thì sẽ có phần trong những kho báu đó. Trong các kho báu này, cái gì cũng có, ngay cả những thứ quý báu nổi tiếng như kim cương, vàng, bạc, lưu ly,

pha lê, xa cừ, ... không thiếu một thức gì. Nếu qúy vị lấy được một khối kim cương nặng chừng ba trăm pounds, thì qúy vị sẽ trở thành "đại phú ông," là người giàu nhất thế giới! Vừa nghe tôi nói tới viên kim cương "ba trăm pounds" thì có nhiều người phì cười, cho rằng quá lớn! Thật ra, đó là viên nhỏ nhất trong kho đấy; còn viên lớn nhất thì e rằng qúy vị nhấc không nổi! Vì có đủ những mỹ đức kể trên, cho nên vị Bồ Tát này có danh hiệu là "Địa Tạng."

"Bồ Tát" là tiếng Phạn, có nghĩa là "hữu tình giác," tức là một người giác ngộ trong hàng ngũ chúng sanh. Lại cũng có nghĩa là "giác hữu tình," tức là người mà sau khi đã giác ngộ, liền đem những điều mình đã chứng đắc ra dạy lại, khiến cho các chúng sanh khác cũng được giác ngộ như mình. Đây chính là "tự giác, giác tha" - sau khi tự mình giác ngộ rồi, thì nguyện cho tất cả chúng sanh cùng được giác ngộ. Lại cũng có thể gọi là "tự lợi, lợi tha" - chính mình có được đại trí huệ, bèn nguyện cho tất cả chúng sanh cũng được đại trí huệ. Có đại trí huệ rồi thì không còn sự điên đảo nữa.

"Bổn Nguyện" tức là những thệ nguyện mà Địa Tạng Vương Bồ Tát vốn đã lập từ xưa đến nay, chứ không phải bây giờ mới lập. "Từ xưa đến nay" tức là từ lúc nào? Là từ vô lượng kiếp về trước. Trong nhiều đời ở quá khứ, Ngài đã từng phát lời thệ nguyện này, nên gọi là "bổn nguyện."

Trong Thập Nhị Bộ Kinh có phần Bổn Sự, ghi chép những sự việc xảy ra trong đời quá khứ. Tương tự như thế, "bổn nguyện" hiện tại của Bồ Tát Địa Tạng chính là những thệ nguyện mà Ngài đã từng phát trong đời quá khứ, chứ không phải chỉ trong đời này. Trong đời này Ngài chỉ lập lại và tiếp tục thực hiện các thệ nguyện đó mà thôi. Ngài phát lời thệ nguyện như thế nào? Ngài nguyện rằng:

"Địa ngục chưa trống không, tôi quyết chưa thành Phật;
Chúng sinh độ hết rồi, tôi mới chứng Bồ Đề."

Nếu tất cả các địa ngục chưa trống không, vẫn còn tội nhân, thì Ngài cương quyết chưa thành Phật. Chỉ khi nào địa ngục hoàn

toàn trống không, chẳng còn một bóng tội nhân, Ngài mới thành Phật. Qúy vị nghĩ xem, thệ nguyện này rộng lớn như thế nào? Địa Tạng Vương Bồ Tát phát nguyện: "Tôi nguyện ở trong địa ngục để tiếp dẫn tất cả ngạ quỷ. Nếu những ngạ quỷ này một ngày chưa lìa khổ được vui, thì tôi một ngày chưa thành Phật. Đợi cho tất cả những ngạ quỷ trong địa ngục đều được giải thoát, lìa khổ được vui rồi, thì tôi mới thành Phật."

Chúng ta thử nghĩ xem, chúng sanh tạo nghiệp thì vô cùng, phiền não cũng vô tận; thế thì địa ngục làm sao có lúc cùng tận được? Trừ phi phiền não và nghiệp chướng của chúng sanh đều tiêu trừ hết, thì may ra địa ngục mới có ngày trống rỗng. Song le, nghiệp chướng của chúng sanh không thể tiêu trừ, phiền não cũng chẳng thể đoạn diệt, thì địa ngục làm sao có thể trống không được?

Hạnh nguyện của Bồ Tát Địa Tạng, theo quan điểm của các triết gia và khoa học gia hiện nay, phải chăng là một tư tưởng ngu si nhất và cũng là một hành vi ngu si nhất? Vì sao họ cho rằng đây là một tư tưởng và hành vi ngu si nhất? Bởi vì sự việc này vốn không thể nào xảy ra được - địa ngục không bao giờ trống không cả! Thế thì Ngài Địa Tạng vĩnh viễn không có cơ hội thành Phật sao?

Không phải vậy! Đó không phải là một tư tưởng và hành vi ngu si nhất, mà chính là một tư tưởng và hành vi mang đậm nét từ bi, đồng thời cũng là một tư tưởng và hành vi vô cùng hiếu thảo. Vì sao lại nói đó là một tư tưởng và hành vi chứa đầy lòng hiếu thảo? Bồ Tát Địa Tạng, sau khi quán sát và biết được mẹ mình bị đọa địa ngục, chịu nhiều thống khổ, bèn đến cầu xin Đức Phật siêu độ cho mẫu thân.

Địa Tạng Vương Bồ Tát đích thực là ai? Ngài chính là Tôn Giả Ma Ha Mục Kiền Liên, nguyện ở trong địa ngục làm Bồ Tát. Vì sao Ngài muốn làm Bồ Tát ở địa ngục? Bởi vì Ngài thấu hiểu và cảm thông được mọi đau khổ mà thân mẫu Ngài đã chịu đựng, nên Ngài liên tưởng: "Nếu mẹ mình chịu khổ như vậy, thì tất cả những bà mẹ trên cõi đời này cũng đều chịu khổ như thế!" Cho

nên Ngài dùng tâm hiếu đạo bình đẳng, không phân biệt, mà độ thoát tất cả chúng sanh trong địa ngục, khiến họ lìa khổ được vui.

Vừa rồi là nói về "bổn nguyện" của Địa Tạng Vương Bồ Tát; bây giờ chúng ta hãy tìm hiểu chữ "địa (đất)." "Địa" có mười nghĩa, nhưng mười ý nghĩa này cũng chưa diễn đạt hết được công năng của "Địa," tuy vậy tôi sẽ giảng sơ lược:

1) **Rộng Lớn** (Quảng Đại). Ý nghĩa thứ nhất là "quảng đại." Qúy vị thấy Đất có quảng đại, rộng lớn không? Có lẽ trong quý vị có người đang nghĩ: "Thầy ơi, Thầy không cần giảng nữa, ý nghĩa rộng lớn của Đất ai mà chẳng biết!" Thì chính vì ai ai cũng biết nên tôi càng cần phải giảng hơn nữa, để mọi người có thể biết được nhiều thêm một chút nữa!

2) **Nơi Nương Tựa Của Chúng Sanh** (Chúng Sanh Y). Đất là nơi nương tựa của mọi chúng sanh; tất cả chúng sanh đều nhờ vào Đất mà sinh trưởng. Qúy vị nghĩ xem, có chúng sanh nào mà chẳng sống nhờ trên Đất hay không? Thật vậy, không một chúng sanh nào sống trong hư không cả! Đó là ý nghĩa thứ hai của "Địa."

3) **Đất Không Ưa Ghét** (Địa Vô Hảo Ố). Đất không ưa thích, cũng chẳng ghét bỏ ai. Đất không hề phân biệt, lựa chọn: "Ê, tên chúng sanh này, ta cho ngươi ở chỗ đó. Còn tên chúng sanh kia, hãy cút đi, ta không thích ngươi!" Bất luận chúng sanh nào, dù tốt hay xấu, thiện hay ác, dù là cọp, beo hay hươu, nai... tất cả đều sống trên Đất, đều nhờ Đất mà sinh tồn. Ngoài ra, Đất không sinh tâm tốt, cũng chẳng nảy tâm xấu. Có người nói: "Tôi hiểu điều đó - Đất hoàn toàn không có tri giác!" Qúy vị cho rằng Đất không có tri giác sao? Tri giác của Đất không phải là điều mà tri giác chúng ta có thể hay biết được. Đất cũng có tri giác của Đất, và Đất cũng là một trong những chúng sanh vậy.

4) **Tiếp Thọ Mưa Lớn** (Thọ Đại Vũ). Đất có thể tiếp thọ những cơn mưa lớn. Trời mưa lớn cách mấy, Đất cũng đều tiếp nhận, hấp thụ được cả.

5) **Sanh Cỏ Cây** (Sanh Thảo Mộc). Đất có thể sản sinh mọi thứ cỏ, cây.

6) **Chủng Tử Nương Gởi** (Chủng Sở Y Ký). "Chủng" là chủng tử, hạt giống. Tất cả hạt giống đều được vùi trong lòng đất, cho nên Đất là nơi ký thác, nương nhờ của mọi chủng tử.

7) **Sanh Châu Báu** (Sanh Chúng Bảo). Ý nghĩa thứ bảy là gì? Điều này lẽ ra không nên nói, vì e rằng nghe xong thì ai nấy đều đổ xô đi tìm châu báu! Ý nghĩa thứ bảy của Đất chính là "sanh chúng bảo"- trong lòng đất có chứa rất nhiều thứ quý báu.

8) **Sản Sanh Thuốc** (Sản Chư Dược). Tất cả mọi dược phẩm, mọi thứ thuốc, đều do Đất sản sanh.

9) **Gió Thổi Không Động** (Phong Xuy Bất Động). Gió không bao giờ lay động được Đất; dù gió lốc mạnh cách mấy cũng chẳng thể nào thổi Đất đi được. Thế động đất thì sao? Động đất không phải là do gió thổi!

10) **Không Sợ Sư Tử Gầm** (Sư Tử Hống Bất Kinh). Đây là ý nghĩa thứ mười của Đất. Sư tử gầm lên một tiếng thì muôn loài đều run sợ, duy có Đất là chẳng mảy may kinh động.

Trên đây là mười ý nghĩa của chữ "Địa" trong danh hiệu của Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Như vậy, tên của bộ Kinh này thuộc loại Nhân Pháp Lập Đề, với "Địa Tạng Bồ Tát" là Nhân (người) và "Bổn Nguyện" là Pháp. Chữ "bổn" này có nghĩa là căn bản (cội gốc), và cũng có nghĩa là bản lai (vốn sẵn). "Bản lai" và "căn bản" đều hàm ý "dĩ tiền" (thuở trước); do đó, "Bổn Nguyện" tức là những thệ nguyện mà Bồ Tát Địa Tạng đã lập từ thuở trước. Kể từ vô lượng kiếp về trước cho đến nay, đời đời kiếp kiếp Ngài đều phát nguyện chu toàn hiếu đạo - luôn luôn hiếu thuận với cha mẹ, và sẵn sàng xả thân để cứu độ họ. Đây là hạnh nguyện của Bồ Tát Địa Tạng.

"Kinh." Chữ "Kinh" này đã được giảng nhiều lần rồi, nhưng trong mỗi Pháp Hội giảng Kinh đều cần phải nhắc lại. Tại sao? Vì người đã nghe giảng rồi thì đương nhiên hiểu rõ, còn những người chưa hề nghe giảng tất không sao hiểu được, cho nên tôi không ngần ngại mà giảng lại lần nữa.

Chữ "Kinh" có rất nhiều nghĩa. "Kinh" có nghĩa là "**kính**," tức là con đường - con đường tu hành. Ai ai cũng có thể đi theo

con đường này cả. Qúy vị muốn thành Phật, tất phải đi qua con đường tu hành, cho nên con đường này chính là con đường thành Phật; vì thế mà nói "Kinh" nghĩa là "con đường" vậy.

"Kinh" còn có nghĩa là **"dây mực"** (thằng mặc). Dây mực là gì? Thuở trước, các thợ mộc của Trung Hoa thường dùng một dụng cụ gọi là dây mực để vẽ các đường thẳng. Đó là một hộp mực, bên trong có để sẵn sợi dây; mỗi khi cần vẽ đường thẳng, họ kéo sợi dây căng ra, rồi đưa tay búng nhẹ một cái vào sợi dây, thì sẽ có một đường mực đen thẳng băng, ngay ngắn in trên mặt gỗ. "Kinh" ví như sợi dây mực, có thể giúp chúng ta phân biệt tà, chánh.

"Kinh" cũng có nghĩa là **"tràng hoa"** (kết man)**.** Tức là dây hoa hoặc tràng hoa, do dùng dây xâu kết từng đóa hoa lại với nhau mà thành. Tương tự như thế, "Kinh" kết nối các nghĩa lý lại với nhau như một tràng hoa vậy.

Ngoài ra, "Kinh" còn bao hàm bốn ý nghĩa là Quán, Nhiếp, Thường và Pháp.

1) **Quán**. "Quán" tức là quán xuyên (xuyên suốt qua). "Quán xuyên" cái gì? Đó là "quán xuyên sở thuyết nghĩa"Ỗtrong kinh, các đạo lý và nghĩa lý tuyên thuyết như có một sợi dây xâu xuyên qua, không một chi tiết nào bị thất lạc hoặc bỏ sót.

2) **Nhiếp**. "Nhiếp" có nghĩa là thu hút, thâu về; như nam châm hút sắt cũng gọi là "nhiếp" vậy. "Nhiếp" ở đây là "nhiếp" cái gì? Đó là "nhiếp trì sở hóa cơ" - Phật nói Pháp là để hóa độ chúng sanh tùy theo cơ duyên. Những kinh điển ghi chép lời Phật dạy có một sức thu hút đối với các chúng sanh đáng được hóa độ chẳng khác nào đá nam châm đối với sắt vậy.

Chẳng hạn hiện nay tôi giảng kinh, qúy vị đến đây nghe giảng, đó cũng là do bị "thu hút" mà đến. Tại sao qúy vị đến nghe giảng kinh? Đó là do tác dụng của "lực" nhiếp trì - "lực" yếu thì "thu hút" được ít người, "lực" mạnh thì "thu hút" được nhiều người hơn. Có những người từ Seattle về tận đây (San Francisco) tham gia Pháp Hội, là cũng do tác dụng của "lực" nhiếp trì vậy. "Lực" nhiếp trì này tương tự như sức hút của đá nam châm - đá

nam châm hút sắt bằng một hấp lực chúng ta không thể thấy được, nhưng vô hình trung nó đã gây tác dụng ảnh hưởng; đó là "nhiếp."

Phật dùng tâm từ bi đối đãi chúng sanh, còn chúng sanh thì đem lòng cung kính thờ Phật; đó gọi là Phật "nhiếp thọ" tất cả chúng sanh.

3) **Thường**. "Kinh" còn có nghĩa là "thường," ngụ ý "cổ kim bất biến" (xưa nay không đổi). "Kinh," một chữ không được bỏ, một từ không được thêm; chẳng thể tăng, chẳng thể giảm - do đó gọi là "thường," vĩnh viễn không bao giờ thay đổi. Qúy vị muốn sửa đổi Kinh ư? Coi chừng bị đọa địa ngục đấy! Vấn đề ở đây không phải là chuyên chế cường quyền, mà là vì đạo lý của Kinh giống như sắt vậy, không thể nào biến đổi.

4) **Pháp**. "Kinh" còn có nghĩa là "pháp." Thế nào gọi là "pháp"? "Tam thế đồng tuân viết pháp" - cả ba đời (quá khứ, hiện tại, vị lai) đều tuân hành và y theo giáo pháp này mà tu hành. Đây là một loại hiến pháp có tính cách vĩnh cửu chứ không phải chỉ tạm thời.

"Kinh," tiếng Phạn là Tu-đa-la (Sutra), dịch sang Trung văn là "khế kinh."

Ngày xưa, người Trung Hoa thường dùng khế ước trong việc giao dịch. Vào thời ấy, khi mua bán sản nghiệp, người ta không cần phải đến cơ quan chính phủ để làm thủ tục sang tên, chuyển nhượng chủ quyền tài sản như hiện nay, mà chỉ cần sự thỏa thuận giữa kẻ mua người bán với nhau là đủ. Như mua bán ruộng đất chẳng hạn, sau khi viết giao ước trên tấm giấy, họ gấp tờ giao ước lại, dùng kéo cắt thành hai mẩu dài ngắn không đều nhau, rồi chia cho đôi bên, mỗi người giữ một mẩu - người bán nói: "Thế là xong, từ nay sở đất này thuộc về ông!"; người mua xác nhận: "Vâng, sở đất này bây giờ là của tôi." Thế đến khi cần thì lấy gì làm chứng cứ? Họ chỉ cần lấy hai mẩu giấy so le nọ của bên mua và bên bán ráp lại với nhau; nếu ăn khớp, vừa vặn, không sai lệch một mảy may, tức là "khế" (hợp) vậy.

Thế thì, "khế kinh" nghĩa là gì? "Khế kinh" là:

Trên, hợp giáo lý chư Phật,
Dưới, hợp căn cơ chúng sanh
(Thượng, khế chư Phật chi lý,
Hạ, khế chúng sinh chi cơ.)

Kinh thì tương hợp với giáo lý của chư Phật, mà giáo lý của chư Phật chính là tâm của chư Phật, cho nên cũng là khế hợp với tâm của chư Phật vậy. Ngoài ra, Kinh cũng khế hợp với cơ nghi của chúng sanh.

Thế nào gọi là "cơ nghi của chúng sanh"? Hãy lấy tất cả các loài thảo mộc trên mặt đất này làm tỷ dụ cho cơ năng của chúng sanh chúng ta. Khi trời mưa, vạn vật đều được tưới nhuần và tùy theo nhu cầu mà hấp thụ một lượng nước thích ứng - cây to thì hút nhiều nước, cây nhỏ thì hút ít nước hơn, như cỏ thì chỉ cần đủ để xanh tươi, hoa chỉ cần đủ để óng mượt. Mỗi loài đều được thấm nhuần rất bình đẳng; đó gọi là "khế cơ" - thích hợp với cơ năng của chúng sanh. Tương tự như thế, "Kinh" ví như nước mưa rưới đều khắp tất cả cỏ cây, vạn vật.

Vậy, "khế chúng sanh chi cơ" là thế nào? Tức là khéo hợp với căn cơ của chúng sanh, hễ chúng sanh cần bao nhiêu thì liền được bấy nhiêu. Như bây giờ tôi giảng bộ Kinh này, ai nghe cũng được mở mang kiến thức, trí huệ gia tăng - người thông minh thì được thêm một chút trí huệ, mà kẻ tối dạ cũng được thêm một chút trí huệ - nói chung, tùy theo căn cơ, ai ai cũng được một sự lợi ích tương ứng. Thế còn những người không có thiện căn thì sao? Họ sẽ không đón nhận thứ "mưa" Pháp này, vì thế mà không đạt được sự lợi ích. Cho nên, mỗi người đạt được sự lợi ích tùy theo khả năng thích ứng của cá nhân mình. Đó gọi là "khế chúng sanh chi cơ."

Trên đây chỉ là tóm lược ý nghĩa của chữ "Kinh," nếu giảng rộng ra thì còn rất nhiều.

Địa Tạng Vương Bồ Tát đời đời kiếp kiếp đều rất hiếu thảo với cha mẹ, cho nên trong Phật Giáo, Kinh Địa Tạng được xem là một bộ kinh về đạo hiếu. "Hiếu" là gốc của con người. Con người nếu không hiếu thảo với cha mẹ, tức là trọn một đời chưa

làm tròn được trách nhiệm của kẻ làm người. Vì sao? Cha mẹ sinh ra ta, nuôi nấng ta, nếu ta được khôn lớn mà không biết báo đáp công ơn sinh thành dưỡng dục, tức là ta chưa chu toàn nghĩa vụ làm người vậy.

Đức Khổng Tử luôn đề xướng Hiếu Đạo, do vậy trong Kinh Hiếu có đoạn:

Trọng Ni ở Hạnh Đàn, có Tăng Tử theo hầu. Khổng Tử nói: "Này Tăng Sâm, các đấng Tiên Vương nhờ có chí đức và yếu đạo mà thiên hạ thuận hòa, dân chúng yên vui, trên dưới không oán ghét nhau. Ông có biết thế chăng?"

Tăng Tử đứng dậy thưa: "Sâm này không thông minh, làm sao biết được?"

Khổng Tử nói: "Hiếu là gốc của đức, cũng là chỗ sanh ra giáo. Ông hãy ngồi xuống, Ta sẽ nói cho ông nghe. Thân thể, tóc, da là cha mẹ ban cho, nên chẳng dám hủy hoại; ấy là khởi đầu của đạo hiếu. Lập thân hành đạo, lưu danh cho hậu thế, hiển vinh cho cha mẹ; đó là làm tròn đạo hiếu. Hiếu, bắt đầu ở việc phụng dưỡng cha mẹ, phụng sự quốc trưởng, và sau cùng là lập thân vậy."

Đây là một mẩu đối thoại giữa Đức Khổng Phu Tử và học trò là Tăng Tử, luận về đạo hiếu. Khổng Tử lúc bấy giờ đương ở Hạnh Đàn, và Tăng Tử cũng ở đó để hầu hạ Khổng Tử. Tăng Tử là học trò của Khổng Tử, học trò thì phải hầu hạ thầy; bởi Khổng Tử đã từng giảng rằng: "Chúng ta không chỉ hiếu thảo với cha mẹ, mà còn phải hiếu thảo với các bậc sư trưởng nữa." Cho nên, Khổng Tử cần làm việc gì thì Tăng Tử đều đỡ đần hoặc làm thay cho thầy; như muốn uống trà thì Tăng Tử liền rót trà bưng tới...

"Tiên Vương" tức là "cổ thánh tiên vương" - những bậc vua hiền nhân, đức độ thời xưa của Trung Hoa. "Chí đức" có nghĩa là đức hạnh lớn nhất, đã lên đến cực điểm. "Yếu đạo" tức là đạo lý quan trọng, thiết yếu nhất. Như vậy, Đức Khổng Tử muốn hỏi ông Tăng Tử (Tăng Sâm) rằng các vị vua thuộc hàng Thánh Nhân ngày xưa đều có đức hạnh cực lớn, lại hiểu được đạo lý quan trọng nhất; bá tánh nhờ áp dụng đạo lý đó mà trên thuận

dưới hòa, không còn tranh chấp; nhưng chẳng rõ ông Tăng Tử đã biết đạo lý đó chưa.

Khi ấy, ông Tăng Tử liền đứng dậy và thưa với Khổng Tử rằng: "Tăng Sâm không được thông minh. Con là một kẻ ngu muội, kém cỏi, thì làm sao biết được? Con thực không biết điều đó."

Khổng Tử lại nói rằng thân thể, tóc, da này của chúng ta là do cha mẹ ban cho, đều nhờ cha mẹ mà có được, vì thế chúng ta không nên tùy tiện hủy hoại; và đó chính là bước khởi đầu của đạo hiếu.

Có một số người Mỹ hiểu lầm về đạo hiếu; hiểu lầm như thế nào? Họ nói là ở Trung Hoa có ông Khổng Phu Tử dạy học trò rằng: "Thân thể, tóc, da là cha mẹ ban cho, nên chẳng dám hủy hoại; ấy là khởi đầu của đạo hiếu." Rồi từ đó xuất hiện những kẻ hippy - tóc không cắt, mặt không rửa, râu không cạo...; họ ngụy biện rằng rửa mặt là làm hại da dẻ, cạo râu cắt tóc là làm tổn thương râu, tóc... và như thế là bất hiếu!!! Đây là một tư tưởng vô cùng sai lầm, một sự ngộ nhận hết sức tai hại! "Chẳng dám hủy hoại" không có nghĩa là chúng ta đừng cắt tóc để khỏi tổn thương thân thể hoặc đừng tắm rửa để khỏi tổn hại đến da, mà ý nói là chớ nên hủy hoại thân thể của mình một cách phi lý! Cắt tóc chẳng qua là một tập tục của thời đại, mọi người cũng nên tùy theo thời đại mà cắt tóc đàng hoàng.

Hiện nay có một số người hippy muốn "thay đổi thời đại," đi hút thuốc phiện, ma túy..., và nói rằng những thứ ấy đều không làm tổn thương thân thể. Những độc phẩm này giết chết không biết bao nhiêu tế bào trong cơ thể, làm cho con người trở thành suy nhược, sức khỏe bị sút giảm. Đó đúng là hủy hoại thân thể, song họ không chịu nhìn nhận, lại khăng khăng nói là mình hiếu thảo! Họ chẳng đoái hoài tới cha mẹ, xem như cha mẹ mình đang ở tận trên chín tầng mây, hoặc xa tít cả mười vạn tám ngàn dặm! Thậm chí nếu có hỏi họ: "Cha bạn là ai? Mẹ bạn họ gì?" thì họ đều ngẩn người, chẳng nhớ ra được, mặc dù miệng lúc nào cũng huênh hoang là mình đang thực hành đạo hiếu của người Trung

Hoa! Như thế là hoàn toàn sai lầm, cần phải sửa đổi chiều hướng suy nghĩ cho đúng đắn. Qúy vị nói mình vì hiếu thảo nên không cắt tóc, song từ sáng đến tối cứ làm điều xằng bậy, thậm chí cướp bóc hoặc làm chuyện bất lương; thế thì rốt cuộc qúy vị sẽ đi về đâu? Rủi ro bị bắn chết một cách oan uổng thì mới thật là bất hiếu! Nếu cứ cướp giật, phạm pháp, hoặc là bắn cảnh sát, hoặc là bị cảnh sát bắn chết; thì như thế có phải là "chẳng dám hủy hoại; ấy là khởi đầu của đạo hiếu" hay không?

Cho nên, tôi hy vọng ở quốc gia này, ai nấy đều vào khuôn phép, tuân theo pháp luật, sửa đổi những thói quen không tốt, và chớ nên sanh tâm oán hận. Chúng ta phải thận trọng gìn giữ thân tâm, ở bất cứ nơi nào cũng đều làm những việc hữu ích cho nhân loại, đất nước, thế giới; chứ không nên mang lại tai hại, thảm họa. Đây là điều mong mỏi của tôi.

Nếu mọi người đều không muốn làm việc khó nhọc, cũng chẳng thích làm việc sản xuất, thì tương lai đất nước chắc chắn sẽ không được tốt đẹp. Cho nên chúng ta, những người hiện đang học Phật Pháp, đều nên tích cực đóng góp công sức để giúp thế giới, giúp nhân loại. Hãy tự nêu gương sáng, làm người gương mẫu, để ảnh hưởng xã hội, cảm hóa nhân tâm, khiến mọi người đều trở nên hiền hòa, thánh thiện. Đó chính là trách nhiệm của Phật giáo đồ chúng ta vậy.

Nước Mỹ xưa nay vốn có nhiều chế độ rất tốt, đặc biệt là về phương diện giáo dục. Ngành giáo dục ở Mỹ hiện rất phổ cập và đang trên đà phát triển mạnh mẽ, hơn hẳn các quốc gia khác, nên có thể làm gương cho toàn thế giới. Duy có một điều là nếu mọi người còn biết hiếu thảo với cha mẹ nữa, thì quốc gia này chắc chắn càng tốt đẹp hơn nhiều. Có câu :

Bậc quân tử vun trồng nơi gốc, gốc vững thì Đạo nảy sanh.

Hiếu và đễ, ấy là gốc làm người chăng?

(Quân tử vụ bổn, bổn lập nhi Đạo sanh.

Hiếu để dã giả, kỳ vi nhân chi bổn dư?)

Người quân tử phải tìm cho được chỗ gốc, nếu gốc được bồi đắp vững vàng thì Đạo sẽ nảy sanh; vậy cái "gốc" ấy là gì? Đó là

"hiếu" và "đễ" - hiếu thuận với cha mẹ, kính mến bậc huynh trưởng. Đối với anh chị thì phải giữ hòa khí, không gây gỗ, không ẩu đả nhau; đó gọi là "đễ." Hai chữ "hiếu, đễ" này là căn bản, là "gốc" của con người. Nếu mọi người đều tìm được "gốc," ai nấy đều biết hiếu thuận cha mẹ, kính trên nhường dưới, thì thế giới sẽ vô cùng tốt đẹp.

Nếu qúy vị có lòng hiếu thảo thì qúy vị sẽ không làm chuyện phi pháp, không để cho cha mẹ phải phiền lòng. Mà, nếu biết tôn trọng, tuân thủ luật pháp quốc gia, thì qúy vị sẽ là những công dân lương thiện, gương mẫu. Nếu toàn thể dân chúng trong nước đều trở thành những công dân tốt của quốc gia, thì cũng có thể nói rằng đó là những công dân tốt của toàn thế giới. Như vậy có nghĩa là qúy vị đang dẫn dắt tất cả nhân loại trên toàn thế giới hướng về con đường tươi sáng, tốt đẹp. Cho nên, trước tiên, mọi người cần phải biết hiếu thảo với cha mẹ. Nếu con cái không hiếu thuận phụng dưỡng cha mẹ, thì cha mẹ sanh con ra để làm gì?

Cha mẹ sinh con ra, khó nhọc nuôi con khôn lớn nên người; nhưng đến khi được mười tám tuổi thì con cái lại "tung cánh bay xa," rời khỏi mái ấm gia đình, chẳng đoái hoài đến cha mẹ. Rồi đến khi cha mẹ già yếu thì phải lủi thủi vào sống trong viện dưỡng lão. Ở đó, tuy nói là có chính phủ bảo trợ, song chẳng có chút thâm tình ruột thịt; phải sống lẻ loi trơ trọi, côi cút hẩm hiu như không người thân thích. Nếu may mắn có được con cái hiếu thảo, hết lòng chăm sóc phụng dưỡng, thì bậc làm cha làm mẹ cũng thấy an ủi lúc tuổi già bóng xế. Bằng trái lại, thì chỉ nuôi con cho khôn lớn để rồi chúng lại tản mác bay đi như bầy chim sẻ khi đã đủ lông đủ cánh, mà cũng chẳng biết chúng bay về nơi đâu!!!

Sách có câu:

Dê con qùy bú, quạ con mớm mồi nuôi mẹ.

(Dương cao quỳ nhũ, ô nha phản bô.)

Quạ con khi khôn lớn thì biết đi kiếm mồi mang về nuôi quạ mẹ, mãi cho đến khi nào quạ mẹ bình phục, có thể bay lượn trở lại được mới thôi; cho nên người Trung Hoa gọi quạ là loài

"chim hiếu" (hiếu điểu). Dê con lúc bú sữa mẹ thì hai chân trước đều quỳ xuống. Cho nên, con người nếu không hiếu thảo với cha mẹ thì chẳng bằng loài quạ và dê! Nói như thế không phải là trách móc bất cứ người nào, mà chỉ để nêu lên một đạo lý mà ai ai cũng cần phải biết. Hơn nữa, người biết hiếu thảo với cha mẹ thì thường được gặp những sự cảm ứng linh thiêng, mầu nhiệm. Cảm ứng như thế nào ư?

Ở Trung Hoa có lưu truyền câu chuyện "Quách Cự Chôn Con." Vì sao Quách Cự phải chôn con? Quách Cự vốn là người nghèo khổ; hai vợ chồng có được một mụn con, lại còn mẹ già cần phụng dưỡng. Mẹ ông vì tuổi già, răng rụng hết, nên không ăn cơm được, thường ngày chỉ uống sữa của người con dâu, vợ của Quách Cự. Thế nhưng, sau khi sinh thêm đứa con thì người con dâu không thể nào có đủ sữa cho cả bà lẫn cháu được, cho nên bà phải chịu đói mà cháu cũng chẳng được no. Quách Cự nghĩ tới nghĩ lui, không biết nên giải quyết như thế nào mới phải - nếu để dành sữa cho mẹ già thì con thơ sẽ chết vì khát sữa; nhưng nếu chỉ dành sữa cho con thì mẹ già đành phải chịu đói!

Vốn là một người con chí hiếu không ai bằng, Quách Cự bàn với vợ: "Vợ chồng ta hãy còn trẻ, sau này vẫn có thể có thêm con được. Bây giờ chúng ta bỏ đứa con này để lo phụng dưỡng mẹ già trước. Mẹ nay tuổi hạc đã cao, chẳng còn ở với chúng ta được bao lâu nữa; chúng ta cần phải săn sóc, hầu hạ mẹ cho chu đáo." Vợ Quách Cự mặc dù không đành đoạn bỏ con, nhưng vì hiếu đạo nên phải dằn lòng, cố nén đau thương, nói rằng: "Vâng, mình nói cũng phải!"

Thế là, sau khi bàn bạc, hai vợ chồng Quách Cự liền chuẩn bị mang con đến một nơi hoang vắng, xa thành phố để chôn. Cả hai vợ chồng vốn cưng chìu, nâng niu đứa bé như một báu vật, nhưng nay lại phải đành lòng đem con đi chôn sống! Thế nhưng, khi họ đào hố thì lạ thay, đào lên toàn là vàng với bạc, và trên những thoi vàng, thoi bạc ấy đều có dòng chữ "Trời ban cho hiếu tử Quách Cự."

Quách Cự vì nghèo khổ nên bất đắc dĩ phải đem con đi chôn, bây giờ vàng thoi bạc nén đầy dẫy, cho nên không cần phải chôn con nữa. Đây là một công án mà ở Trung Hoa ai cũng biết cả. Ở Trung Hoa có rất nhiều người tuy không phải là tham lam, muốn được phát tài, song do biết đạo hiếu rất quan trọng, nên hầu như ai ai cũng hết lòng hiếu thảo.

V) **Dịch Giả Truyền Dịch** (Truyền Dịch Sử Giả)

Yếu tố thứ năm là Dịch Nhân (Truyền Dịch Giả), tức là giới thiệu người có công phiên dịch bộ Kinh.

Về dịch giả của Kinh Địa Tạng, thì có sách chép là do Tam Tạng Pháp Sư Pháp Đăng phiên dịch. Pháp Sư Pháp Đăng vốn là người Trung Hoa, khoảng đời nhà Hậu Trần. Tuy nhiên, phần lớn các sách lại chép rằng Kinh Địa Tạng là do Tam Tạng Sa Môn Thật-Xoa Nan-Đà (Siksananda), người xứ Vu Điền (Khotan), phiên dịch vào đời nhà Đường của Trung Hoa.

Vào đời Đường, có một quốc gia tên là Vu Điền, nằm khoảng phía trên vùng biên giới của tỉnh Vân Nam ngày nay.

"Vu Điền" là tiếng Phạn, dịch là "Địa Nhũ," nghĩa là "đất có sữa chảy ra." Xuất xứ của cái tên này nghe như chuyện thần thoại, chuyện thần thoại ấy như thế nào? Tên ngày xưa của nước này là gì thì chúng ta không thể nào tra cứu được nữa. Chỉ biết tương truyền rằng, khi xưa, thuở chưa mang tên Vu Điền, nước này có một ông vua vì chưa có con trai nối dõi bèn đến một ngôi miếu nọ để cầu tự. Kết quả là có một đứa bé được sinh ra từ trán của tượng Thần miếu. Qúy vị nghĩ rằng có chuyện đó hay không? Đứa bé nọ không chịu bú sữa, bất kể là sữa mẹ hay sữa bò. Về sau, trên mặt đất bỗng xuất hiện một vật hình thù giống như cái vú và có sữa chảy ra; đứa bé chỉ chịu bú thứ sữa ấy. Vì thế, từ đó quốc gia này có tên là "Vu Điền," tức "Địa Nhũ Quốc." Qúy vị nghĩ xem, đó có phải là thần thoại không?

Như vậy, tại nước Địa Nhũ (Vu Điền) ấy có một vị Tam Tạng Sa Môn tên là Thật Xoa Nan Đà. "Sa Môn" là tiếng Phạn và có nghĩa là "cần tu Giới Định Huệ, tức diệt Tham Sân Si"; đồng nghĩa với từ ngữ "Sa Di." "Cần tu," tức là siêng năng cần mẫn, không biếng nhác. Qúy vị chớ cho rằng ngủ nhiều là tốt. Ngủ nhiều thì có thể qúy vị cảm thấy khỏe khoắn về thể xác; song đối với Pháp thân thì không ích lợi gì cả. Cho nên, cần phải siêng năng tu tập Giới Định Huệ, hăng hái dẹp trừ Tham Sân Si.

"Thật Xoa Nan Đà" là tiếng Phạn, dịch ra Trung văn là "Hỷ Học." Vị Sa Môn này không lười biếng, Ngài rất hoan hỷ và rất thích học Phật Pháp, học Chú Lăng Nghiêm, Chú Đại Bi cũng như nhiều kinh điển khác, cho nên Ngài có tên là Thật Xoa Nan Đà.

"Dịch" tức là phiên dịch; trong trường hợp này là phiên dịch từ Phạn văn sang Trung văn. "Dịch" cũng có nghĩa là hoán đổi; hoán đổi cái gì? Đó là chiếu theo nguyên bản bằng tiếng Phạn mà chuyển đổi thành tiếng Trung Hoa. Dưới triều đại nhà Chu của Trung Hoa, có một chức quan đặc trách về ngôn ngữ của bốn phương. Ở phương Bắc, chức quan này được gọi là "Dịch," nghĩa là vị quan trông coi việc phiên dịch; cho nên về sau người ta đều gọi phiên dịch là "dịch."

VI) **Giảng Giải Kinh Văn** (Biệt Giải Văn Nghĩa)

Yếu tố thứ sáu là Biệt Giải Văn Nghĩa. "Biệt" là phân biệt; "giải" là giải thích; "văn" là kinh văn; và "nghĩa" là ý nghĩa. Vậy, đây là phần giải thích ý nghĩa của kinh văn.

KINH ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỔN NGUYỆN THIỂN THÍCH

Quyển Thượng

Phẩm Thứ Nhất

Thần Thông Trên Cung Trời Đao Lợi

Đây là phẩm mở đầu của Kinh Địa Tạng. "Đao Lợi" là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là "tam thập tam", tức là chỉ cõi trời Ba Mươi Ba. Như thế, có phải trời Đao Lợi nằm ở tầng thứ ba mươi ba không? Không phải! Tuy gọi là cõi trời "Ba Mươi Ba", nhưng đó không phải do đếm từ dưới lên trên theo thứ tự, như tầng trời thứ nhất, tầng trời thứ hai, rồi đến tầng trời thứ ba,... cho tới tầng trời thứ ba mươi ba. Vậy thì như thế nào? Cõi trời Ba Mươi Ba này vốn nằm chính giữa, và ở bốn phía đông tây nam bắc của cõi trời này thì mỗi phía lại có tám cõi trời. Do đó, tổng cộng có ba mươi hai cõi trời phân bố chung quanh cõi trời Ba Mươi Ba.

Thiên chủ của cõi trời Ba Mươi Ba là Đế Thích. Trong Kinh A Di Đà có nói đến "Thích Đề Hoàn Nhân", tức là vị Đế Thích này vậy. Ngoài ra, trong Chú Lăng Nghiêm có câu "Nam Mô Nhân Đà La Da", thì Nhân Đà La Da cũng chính là Thiên Chủ Đế Thích. Ở cõi trời thì Đế Thích là một vị Thiên Chủ; còn trong Phật Giáo thì Ngài là một vị Hộ Pháp - Ngài chẳng những không được làm chủ mà ngay cả tòa sen để ngồi cũng không có nữa, Ngài chỉ đứng ở ngưỡng cửa mà thôi!

Thiên Chủ Đế Thích cũng chính là đấng "Thượng Đế Vạn Năng" mà người đời thường xưng tụng. Đúng vậy, Đế Thích quả là một "đấng vạn năng" - Ngài cai quản tất cả mọi việc ở cõi trời cũng như ở cõi người. Tuy nhiên, giữa Ngài và người thế gian chúng ta chẳng có gì khác biệt lắm. Vì sao? Vì Ngài vẫn còn tâm dâm dục, và vẫn cần ăn uống, ngủ nghỉ; có khác chăng là ba thứ dục vọng ấy ở Ngài thì nhẹ và tinh tế, chứ không nặng nề và thô thiển như ở phàm phu chúng ta! Người thế gian chúng ta chỉ

không ăn không uống vài bữa là chịu không nổi, vài ngày không dâm dục là cảm thấy khó chịu, vài hôm không ngủ nghỉ là thấy uể oải, bạc nhược. Còn Trời Đế Thích thì một trăm ngày không ăn cũng được; thậm chí hai trăm ngày, ba trăm ngày, hoặc một năm mới ăn một lần cũng chẳng sao; suốt năm không ngủ cũng vẫn tỉnh táo như thường, và quanh năm không dâm dục cũng chẳng lấy làm phiền - tuy nhiên, Ngài vẫn chưa đoạn trừ được dục vọng.

Tuổi thọ của chư thiên ở cõi trời Đao Lợi là một ngàn năm. Một trăm năm của cõi nhân gian chúng ta chỉ là một ngày một đêm ở cõi trời Đao Lợi. Vậy, quý vị thử tính xem, so với người thế gian chúng ta thì thọ mạng của chư thiên lâu hơn được bao nhiêu năm?

Cõi trời Đao Lợi rộng tám vạn do-tuần; tất cả tường vách của thành trì nơi đây đều được làm bằng bảy thứ báu. Thành trì của Thiên Chủ Đao Lợi Thiên là Thiện Kiến Thành, rộng sáu vạn do-tuần; và tất cả cung điện đều được xây bằng những vật liệu quý báu nhất. Đây cũng là lý do khiến Thiên Chủ Đế Thích sau khi được sanh về đó rồi thì chỉ muốn ở lại làm chúa trời, chứ không muốn "dọn nhà" đi nơi khác! Mọi thứ xung quanh Đế Thích toàn làm bằng châu báu; ngay cả nhà cửa phòng ốc cũng được kiến tạo bằng những vật liệu vô cùng quý giá.

Vì được sống ở một nơi đẹp đẽ với những cung điện tráng lệ như thế, nên Đế Thích khó thể dứt bỏ dục tâm. Ngài lấy làm thỏa mãn, an nhiên hưởng thụ phước trời, và cho rằng đó là nơi vui sướng nhất. Chẳng những thế, Ngài còn kêu gọi tất cả chúng sanh hãy sanh về "thiên quốc" - thế giới của Ngài. Đối với Ngài, cõi trời Đao Lợi là một thế giới đầy vui thú; do đó, ai thích thì cứ đến ở, Ngài sẵn lòng hoan nghênh tất cả. Ngài cho rằng Ngài rất khảng khái, rộng lượng, vì lúc nào cũng hoan hỷ nghênh đón mọi người đến ở và cùng an hưởng phước lạc của cõi trời với Ngài; song le, Ngài không biết rằng sở dĩ bản thân mình chưa thoát khỏi vòng sanh tử là bởi mình còn tham đắm dục lạc!

Vì sao Ngài được làm Thiên Chủ? Có phải là trước tiên thì làm Địa Chủ (chúa đất), rồi sau đó được thăng chức làm Thiên Chủ (chúa trời)? (Ở Quảng Châu, Trung Hoa, hầu như nhà nào cũng có thờ Địa Chủ cả.) Hay là phải từ địa vị Địa Chủ rồi lên Nhân Chủ (chúa nhân gian), sau đó mới từ Nhân Chủ mà thăng lên làm Thiên Chủ? Không phải! Thế thì nhờ đâu mà Ngài được làm Thiên Chủ?

Vào thời Đức Phật Ca Diếp, vị chúa trời Đế Thích này là một người con gái từng phát tâm xây cất ngôi tháp thờ Phật Ca Diếp. Do nhân duyên gì mà cô phát tâm như thế? Thuở ấy, nhân thấy một ngôi miếu đổ nát, mất nóc, và trong miếu có pho tượng Phật đã bị mưa gió làm loang lổ lớp vàng thếp trên mặt, cô cảm thấy rất đau lòng: "Chao ôi! Tượng Phật này đã bị nhện giăng bụi bám, bây giờ lại còn phải chịu cảnh gió táp mưa sa, tôi thật không đành lòng!". Thế là cô ta phát tâm sửa sang ngôi cổ miếu ấy lại cho trang nghiêm. Tuy nhiên, vì không có tiền, cô ta bèn tìm đến bạn bè và những người thân thuộc, nói với họ rằng: "Tôi muốn xây dựng lại ngôi cổ miếu nọ nhưng không có tiền, chẳng hay quý vị có thể giúp tôi một tay không? Quý vị ai có người thân thì kêu gọi người thân, ai có bạn bè thì kêu gọi bạn bè; chúng ta hãy hợp lực để làm một việc từ thiện, cùng nhau trùng tu ngôi cổ miếu này."

Bạn bè và bà con quyến thuộc của cô gái này đều hăng hái hưởng ứng: "Được, tất cả chúng ta hãy hợp tác để trùng tu ngôi cổ miếu!". Cô ta tìm được ba mươi hai người có cùng một tâm nguyện với mình, và có lẽ tất cả đều là nữ giới. (Điều này không thể kiểm chứng qua lịch sử, cũng chẳng thể tra cứu ở đâu được!) Cho dù có phái nam tham gia thì con số cũng rất ít; vì sao ư? Vì nam giới thường tự cho là mình tài giỏi, không thích việc xây chùa dựng tháp, lại còn bảo rằng họ nhường công việc đó cho phái nữ!

Sau khi cô gái khởi xướng và ba mươi hai người nữ ấy hoàn tất việc trùng tu ngôi cổ miếu, họ còn cùng nhau cất thêm một bảo tháp nữa. Họ cứ kẻ góp công người góp của, ai nấy đều tùy

theo khả năng của mình mà góp phần, nhờ đó việc xây dựng ngôi bảo tháp cũng được thành tựu viên mãn. Đến khi thọ mạng của ba mươi ba người này đã hết, tất cả đều được sanh lên cõi trời. Lên trời thì mỗi người một cõi, cho nên ba mươi ba người thì có ba mươi ba cõi trời. Vị Thiên Chủ của cõi trời trung ương Ba Mươi Ba - Đao Lợi Thiên - là Đế Thích, tức là cô gái khởi xướng việc trùng tu ngôi cổ miếu thuở trước. Đó là sự tích của cung trời Đao Lợi.

"Trời" có nghĩa là gì? Không có nghĩa gì cả; bởi nếu có nghĩa thì đã không gọi là "trời"! Vì sao không có nghĩa? "Trời" lấy "tự nhiên" làm nghĩa; "tự nhiên" là ý nghĩa của "trời". Những cõi trời này là do nghiệp báo, nghiệp lực của ba mươi ba người ấy cảm ứng mà hóa hiện ra. Nếu không có ba mươi ba người ấy, thì ba mươi ba cõi trời này cũng chẳng hiện hữu; cho nên tôi nói "trời" không có ý nghĩa là vì vậy. Ước vọng được lên cõi trời là một điều không có ý nghĩa, do đó chúng ta không nên cầu mong được đến ba mươi ba cõi trời ấy.

"Cung" tức là cung điện với lối kiến trúc nguy nga tráng lệ, vô cùng xinh đẹp. Tại Trung Hoa cũng còn một vài cung điện, song cung điện ở cõi trời thì tráng lệ và đẹp đẽ hơn, lộng lẫy không thể nói hết.

"Thần Thông". Thế nào gọi là "thần"? Thế nào gọi là "thông"? "Thần" là "thiên tâm", là tâm của trời; "thông" là "huệ tánh", tức là có trí huệ. "Thông" còn là "thông đạt vô ngại" - chẳng có gì không thông suốt; và "thần" cũng hàm ý thần kỳ bí ẩn.

Thần thông có sáu loại - sáu loại cũng là một loại, một loại mà phân làm sáu loại. Cho nên, tách riêng ra thì có tới sáu loại, song hợp lại thì chỉ là một. Thật ra, một loại cũng chẳng có nữa, bởi xưa nay vốn không có thần thông mà vốn cũng có thần thông!

Vì sao nói "vốn không có thần thông"? Vì sao lại nói "vốn cũng có thần thông"? Điều này rất kỳ diệu, lý thú. Bây giờ, chúng ta hãy nói về sáu loại thần thông trước, rồi sau đó sẽ bàn đến

"vốn là thần thông, vốn không phải là thần thông; vốn là một loại thần thông, vốn là một loại thần thông cũng chẳng có."

Sáu loại thần thông chính là Thiên Nhãn Thông, Thiên Nhĩ Thông, Tha Tâm Thông, Túc Mạng Thông, Lậu Tận Thông, và Thần Túc Thông.

1) Thiên Nhãn Thông. Người chứng được Thiên Nhãn Thông có thể nhìn thấy khắp cả ba ngàn đại thiên thế giới rõ ràng như nhìn quả am-ma-la trong lòng bàn tay vậy. Trong hàng đệ tử của Phật, Tôn Giả A Na Luật là bậc đứng đầu về Thiên Nhãn Thông.

2) Thiên Nhĩ Thông. Chứng được Thiên Nhĩ Thông thì có thể nghe được mọi âm thanh từ cõi nhân gian cho đến tận ba ngàn đại thiên thế giới, luôn cả các âm thanh của cõi trời.

3) Tha Tâm Thông. Đây là khả năng đọc được ý nghĩ của người khác. Tất cả những việc mà quý vị dự tính trong đầu, định sẽ thực hiện, thì cho dù quý vị chưa hề thổ lộ với ai cả, nhưng người đã chứng đắc Tha Tâm Thông vẫn có thể biết rõ.

4) Túc Mạng Thông. Người chứng đắc Túc Mạng Thông có khả năng biết được tất cả những việc - thiện cũng như ác - mà quý vị đã tạo tác trong các đời trước.

5) Thần Cảnh Thông (cũng gọi là **Thần Túc Thông** hoặc **Như Ý Thông**). Chữ "thần" này đồng nghĩa với chữ "thần" vừa giảng ở trên, và cũng chỉ cho một cảnh giới kỳ diệu, không thể nghĩ bàn. Ý nghĩa của chữ "thần" và chữ "diệu" có đôi chút tương đồng; cho nên có lúc nói "thần diệu khôn lường", chính là ám chỉ một thứ cảnh giới không thể nghĩ bàn.

"Cảnh" là cảnh giới; còn "thông" là thông đạt vô ngại, vốn không thông mà lại thông. Thí dụ, bức tường chắn ngang tuy có gây trở ngại, nhưng nếu quý vị khoét một lỗ hổng thì sẽ được thông lưu. Tương tự như thế, "bức tường" vô minh gây chướng ngại, ngăn che ánh sáng quang minh của tự tánh trong chúng ta; song, nếu quý vị có thể dùng "gươm" trí huệ của mình để phá vỡ bức tường đó, thì sẽ được thông suốt ngay.

6) Lậu Tận Thông. Chúng ta vì sao chưa thành Phật? Bởi vì chúng ta vẫn còn "lậu hoặc"! Chúng ta vì sao chưa thể làm Bồ Tát? Bởi vì "lậu hoặc" vẫn tồn tại trong chúng ta! Chính vì lậu hoặc mà chúng ta phải trầm luân trong Tam Giới - Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Chẳng những thế, các lậu hoặc này còn khiến cho chúng ta bị lưu lạc, nổi trôi trong chín Pháp Giới. Chín Pháp Giới là gì? Đó là chín cõi giới của Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, Thiên (Trời), Nhân (Người), A Tu La, Địa Ngục, Ngạ Quỷ và Súc Sanh. Chúng sanh trong chín Pháp Giới này chưa thể thành Phật được là vì họ còn có lậu hoặc; nếu không còn lậu hoặc nữa thì nhất định sẽ thành Phật.

Lậu hoặc này do đâu mà có? Chính là do vô minh! Cho nên, hễ diệt trừ được vô minh thì lậu hoặc sẽ không còn nữa; nếu vô minh chưa bị phá hủy thì lậu hoặc vẫn còn tồn tại. Do vậy, người chứng được Lậu Tận Thông chẳng có bao nhiêu. Một khi không còn lậu hoặc thì quý vị sẽ không còn phải trôi lăn trong vòng sanh tử nữa. Tại sao chúng ta vẫn còn luẩn quẩn trong vòng sanh tử? Đó là vì chúng ta có lậu hoặc! Người có lậu hoặc ví như cái bình bị lủng vậy - quý vị muốn đổ nước cho đầy bình, nhưng nước cứ rỉ ra ngoài theo chỗ lủng, bình không thể giữ được nước. Cho nên, dứt sạch mọi mối lậu tức là được "lậu tận thông" vậy.

Nói rằng con người "vốn không có thần thông", là ám chỉ lúc chúng ta còn là phàm phu, chưa hiện thần thông. Lại nói rằng con người "xưa nay vốn có thần thông", bởi y cứ vào quả vị của bậc Thánh nhân mà nói thì thần thông vốn đã có sẵn. Hạng phàm phu thì không có thần thông, bậc Thánh nhân mới có thần thông. Thần thông của Thánh nhân phải chăng là đến từ bên ngoài? Không, đó là có sẵn! Thế thì phàm phu không có thần thông, phải chăng là vì họ đã đánh mất? Cũng không phải, bởi thần thông ấy vẫn tiềm tàng trong tự tánh của phàm phu; chẳng qua là họ chưa phát hiện ra, chưa nhận thức được, nên tưởng rằng mình không có mà thôi! Cho nên, tôi nói "vốn không có thần thông" là vì lẽ ấy.

Có thần thông hay không có thần thông đều chẳng quan trọng. Quý vị chớ lầm tưởng rằng có thần thông tức là đắc Đạo hoặc chứng được quả vị. Phải biết rằng có được thần thông rồi vẫn còn ở cách sự chứng quả và đắc Đạo rất xa! Chúng ta không nên mới đạt được đôi chút thành tựu liền tự mãn: " - , phen này tôi phát tài rồi!" Mới có được một lượng vàng mà đã reo mừng rối rít, cho là mình phát tài; trong khi người ta có tới hàng ngàn hàng vạn lượng vàng thì lại không hề khoe khoang, vẫn bình thản như không có gì cả vậy! So với người ta thì việc mình có được một lượng vàng có gì là to tát đâu? Có câu:

"Đắc thiểu vi túc, trung đạo tự hoạch".

(Được ít cho là đủ, nửa đường tự ngừng.)

Những kẻ chỉ mới gặt hái được một vài thành quả nhỏ nhoi mà ngỡ là nhiều lắm, thì chẳng khác nào tự vẽ sẵn mức đường giới hạn cho mình ở nửa đường, đến mức đó thì ngừng lại, không lướt tới nữa. Đó là cảnh giới của hàng Nhị Thừa, chứ không phải là căn tánh Bồ Tát của Đại Thừa. Cho nên, đừng nghĩ rằng có thần thông là tài giỏi. Nếu quý vị có thần thông rồi tự phụ, cho rằng mình tài giỏi hơn người, thì quý vị còn quá nông nỗi - bởi như thế là quý vị vẫn còn tâm chấp trước, còn lòng tự mãn.

KINH VĂN:

Tôi nghe như vầy: Một thuở nọ, tại cung Trời Đao Lợi, Đức Phật vì Thánh Mẫu mà thuyết Pháp.

LƯỢC GIẢNG:

Tôi nghe như vầy. Hiện tại (1968), chúng ta khai đàn giảng Kinh Kim Cang, Kinh Địa Tạng và Kinh Pháp Hoa trong cùng một thời điểm, cho nên bốn chữ "Tôi nghe như vầy" sẽ được giảng đi giảng lại đến ba lần.

"Như vầy" hay "như thị", vốn là từ "chỉ pháp"; ngụ ý rằng pháp như vậy thì tin được, còn pháp không như vậy thì không đáng tin. Hiện tại, pháp này gọi là pháp "như thị" - đây là thứ pháp đáng tin cậy. "Như thị" cũng là từ "ấn khả", khẳng định rằng (Pháp) đích thực là như vầy, tuyệt đối không được sửa đổi.

"Tôi nghe như vầy" chính là đáp án của Đức Phật cho một trong bốn vấn đề mà Tôn Giả A Nan đã thỉnh vấn trước khi Phật nhập Niết Bàn. Lúc bấy giờ, sau khi hay tin Đức Phật Thích Ca Mâu Ni sắp nhập Niết Bàn, Tôn Giả A Nan khóc đến nỗi đầu váng mắt hoa, tâm trí bấn loạn, quên bẵng hết mọi việc. Trong khi đó, Tôn Giả A Na Luật, nhục nhãn tuy không còn song Thiên Nhãn rất sáng tỏ, thì lại hết sức trầm tĩnh; Ngài căn dặn Tôn Giả A Nan phải thỉnh vấn Phật về bốn việc:

- Thứ nhất, khi kết tập kinh điển, mở đầu văn kinh nên dùng chữ gì làm tiêu biểu cho tất cả kinh tạng;

- Thứ hai, khi Phật còn tại thế thì các đệ tử đều an trú cùng một nơi với Phật, vậy sau khi Phật nhập Niết Bàn thì họ phải sống với ai;

- Thứ ba, khi Phật còn trụ thế thì Phật là Thầy, vậy sau khi Phật nhập Niết Bàn thì nên tôn ai làm Thầy;

- Thứ tư, nên đối phó như thế nào với các Tỳ Kheo có tánh tình xấu ác?

Khi ấy, Đức Phật trả lời rằng:

- Thứ nhất, khi kết tập kinh tạng, hãy dùng bốn chữ "Tôi nghe như vầy" (Như thị ngã văn) để mở đầu cho tất cả các bộ kinh;

- Thứ hai, hãy nương theo Tứ Niệm Xứ mà an trú. Tứ Niệm Xứ chính là Thân, Thọ, Tâm và Pháp - quán thân bất tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã;

- Thứ ba, khi Phật còn tại thế thì Đức Phật là Thầy; Phật nhập Niết Bàn rồi thì lấy Ba La Đề Mộc Xoa (Giới) làm Thầy - đây là Thầy của tất cả Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni;

- Thứ tư, hãy dùng phương pháp "mặc tẫn" để đối phó với các Tỳ Kheo tánh ác. "Mặc" nghĩa là làm thinh, không nói chuyện với họ; còn "tẫn" là làm lơ, không để ý đến họ nữa.

Câu "Tôi nghe như vầy" được dùng nhằm xóa tan mọi nghi vấn trong lòng đại chúng. Lúc Đại Hội Kết Tập Kinh Tạng khai mạc, Tôn Giả A Nan không được mời tham dự. Sau đó, khi đã

chứng được Tứ Quả A La Hán, vì không có ai mở cửa cho vào, Tôn Giả A Nan bèn đi xuyên qua cửa và tiến vào hội trường để tham gia Đại Hội Kết Tập Kinh Tạng. Những người tham dự cuộc kết tập kinh tạng tuy đã chứng quả, nhưng trí nhớ của họ đều không bằng Tôn Giả A Nan. Ngài A Nan là "đại quyền thị hiện" - giấu thật hiện quyền, thị hiện thiện xảo phương tiện. Tôn Giả A Nan đã từng làm thị giả cho tất cả chư Phật xuất thế trong quá khứ, được thân cận hết thảy chư Phật. Khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành Phật, Tôn Giả A Nan cũng xuất thế để làm thị giả cho Phật; và vị thị giả ấy chính là người được chuẩn bị cho công cuộc kết tập kinh tạng sau này.

Đương thời, lúc Tôn Giả A Nan vừa bước lên Pháp tòa, trong đại chúng lập tức dấy khởi ba mối nghi ngờ:

- Thứ nhất, họ nghi đó là Phật Thích Ca Mâu Ni sống lại, ngờ rằng Phật chưa nhập Niết Bàn. Vì khi Tôn Giả A Nan lên Pháp tòa sư tử để kết tập kinh tạng, Ngài thị hiện tướng hảo trang nghiêm, tướng mạo giống hệt Đức Phật, chỉ thấp thua Phật ba lóng tay mà thôi, cho nên đại chúng mới ngờ rằng đó là Phật Thích Ca Mâu Ni sống lại.

- Thứ hai, hoài nghi đó là Đức Phật từ phương khác đến.

- Thứ ba, hoài nghi Tôn Giả A Nan đã chứng quả, thành Phật.

Tuy nhiên, khi Tôn Giả A Nan vừa thốt ra bốn tiếng "Tôi nghe như vầy" thì ba nỗi hoài nghi ấy liền tan biến, không còn vướng mắc trong tâm trí mọi người nữa.

Câu "Tôi nghe như vầy" được dùng bởi bốn nguyên do:

1) Dứt trừ mọi nghi ngờ (Đoạn chúng nghi);

2) Ttuân theo lời dặn dò của Đức Phật (Tuân Phật chúc);

3) Chấm dứt mọi tranh cãi (Tức tranh luận);

Khi kết tập kinh tạng, ngài A Nan tuổi vẫn còn rất trẻ. Một người trẻ tuổi mà đứng ra chủ trì việc kết tập kinh tạng thì e rằng những bậc Trưởng Lão như Tôn Giả Ca Diếp, Kiều Trần Như,

Tu Bồ Đề sẽ nói: "Ông còn trẻ người non dạ như thế thì đã có kinh nghiệm, kiến thức gì đâu mà đòi kết tập kinh điển?"

Nếu Ngài A Nan nói kinh điển là do chính Ngài tự viết ra thì sẽ không tránh khỏi sự tranh luận: "Những điều ông nói hoàn toàn không đúng, Đức Phật không hề nói như vậy!" Nhưng khi Ngài A Nan tuyên bố "Tôi nghe như vầy," thì mọi người đều không tranh cãi; vì sao? Vì bốn chữ ấy ngụ ý rằng tất cả những gì Ngài A Nan sắp sửa nói ra chỉ là tuyên thuyết lại những điều mà chính Ngài đã được nghe từ kim khẩu của Đức Phật, chứ hoàn toàn không phải do Ngài bịa đặt; nhờ thế mà chấm dứt mọi tranh luận!

4) Để khác biệt với ngoại đạo (Dị ngoại đạo): . Lý thuyết mà các Luận Sư ngoại đạo thường dùng là: "Tất cả vạn pháp của thế gian đều không ngoài hai chữ 'hữu (có), vô (không)'."

Nếu nói "có," tức là vạn pháp đều hiện hữu; còn nói "không," tức là vạn pháp đều không hiện hữu. Bởi họ cho rằng hết thảy các pháp đều nằm trọn trong một chữ "có" và một chữ "không," nên kinh điển ngoại đạo dùng hai chữ "A, Hạ" làm mở đầu cho văn kinh. "A" có nghĩa là "không", và "hạ" nghĩa là "có".

Do đó, nhằm phân biệt với ngoại đạo, Đức Phật dạy phải dùng bốn chữ "Tôi nghe như vầy" để mở đầu cho văn kinh, ý nói rằng: "Chính tôi, A Nan, từng được nghe Phật nói Pháp như thế này".

Phàm kinh điển do Phật thuyết đều hội đủ sáu điểm để thành tựu cho toàn Kinh, gọi là **Sáu Loại Thành Tựu** (Lục Chủng Thành Tựu):

1) Tin cậy(Tín). "Như vầy" biểu thị Tín thành tựu.

2) Nghe (Văn). "Tôi nghe" biểu thị Văn thành tựu. Vì sao không nói "tai nghe" mà lại nói là "tôi nghe"? Vì "tôi" là từ tổng xưng cho một thân thể, cho nên dùng "tôi" để tiêu biểu cho cả sáu căn.

3) Thời điểm (Thời). "Một thuở nọ" (nhất thời) biểu thị Thời thành tựu. Tại sao không nói rõ là Phật thuyết Pháp vào ngày nào, tháng nào, năm nào, mà chỉ nói chung chung là "một

thuở nọ"? Bởi vì quốc tế lịch số không đồng nhất - có khi nơi này là tháng chạp thì nơi khác lại đang là tháng hai, ở nước nọ là tháng giêng thì ở nước kia lại đang là tháng ba hoặc tháng tư... - cho nên trong kinh điển của Phật chỉ nói là "một thuở nọ" mà thôi. Có một thời điểm như thế này, thì đây là Thời thành tựu.

4) Chủ. "Đức Phật" biểu thị Chủ thành tựu. Phật thì tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Bởi tam giác viên mãn, vạn đức đủ đầy, nên gọi là "Phật". "Đức Phật" này chính là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Giáo Chủ cõi Ta Bà.

Thật ra, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thành Phật từ vô lượng kiếp về trước; nhưng vì nhận thấy chúng sanh ở cõi Ta Bà - Nam Thiệm Bộ Châu - cơ duyên đã thành thục, cho nên Ngài đến thị hiện thành Phật, hầu khiến tất cả chúng sanh cũng đều thành Phật, thoát khỏi sanh tử. Giáo pháp mà Đức Phật thuyết giảng đều là chân thật, không hư dối, tất cả chúng sanh chúng ta cần phải trân trọng thọ lãnh. Nếu chúng ta xem những lời giáo huấn của Đức Phật như"gió thoảng qua tai," vào tai này rồi ra tai kia, ắt sẽ không được chút lợi ích nào cả. Do đó, chúng ta cần phải thực sự áp dụng, chân chánh thực hành đúng theo giáo pháp, không được có một mảy may hư dối dù nhỏ như đường tơ kẽ tóc - nhất định phải hoàn toàn chân thật.

5) Nơi chốn (Xứ). "Cung trời Đao Lợi" biểu thị Xứ thành tựu.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lên cõi trời Đao Lợi là để độ thân mẫu. Sau khi Phật ra đời được bảy ngày, thì thân mẫu của Phật là Ma Da Phu Nhân qua đời và sau đó được sanh lên cõi trời Đao Lợi. "Ma Da" (Maya) là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là "Đại Thuật", và cũng là "Huyễn". Thánh Mẫu Ma Da từng là mẹ của ngàn đức Phật trong thời quá khứ, là đấng sanh thành của tất cả chư Phật xuất thế.

Thánh Mẫu làm mẹ của Đức Phật, đến khi Đức Phật thành Phật lại đi thuyết pháp để độ Thánh Mẫu - đây có thể ví như một vở tuồng ở nhân gian chúng ta vậy. Thế gian này, nếu quý vị hiểu rõ thì sẽ thấy tất cả đều giống như một vở kịch, mà các tình tiết,

các màn diễn trong đó đều nói lên chân đế của cuộc đời, một thứ chân lý của nhân sinh. Nếu thấu suốt được một chân lý này, thì quý vị cũng sẽ thông hiểu được chân lý kia. Cho nên, những kẻ không hiểu mà xem kịch thì chỉ thấy các tình tiết diễn tiến cùng những cảm xúc vui buồn tan hợp, hoặc vui mừng, đau đớn, xót xa, sợ sệt, yêu thương, ganh ghét, thù hận, mong cầu... của vở kịch. Còn người sáng suốt, từng trải thì sao? Họ biết rằng đó chỉ là một vở kịch và tất cả vốn như huyễn như hóa - đời người chẳng qua là như thế mà thôi! Kinh Kim Cang có dạy:

"Tất cả pháp hữu vi,
Như mộng huyễn, bọt nước,
Như sương mai, điện chớp,
Nên quán tưởng như vậy."

Thế nên, việc giáo hóa chúng sanh đối với Phật cũng là Du Hý Tam Muội, Phật không xem đó là điều đáng kể. Phật không như phàm phu chúng ta - chấp đông chấp tây, chấp nam chấp bắc, chấp trên chấp dưới, không thấy được tất cả đều là viên dung vô ngại. Kỳ thực, mọi cảnh giới chẳng qua đều là giả dối, không thật; nếu quý vị không có được cái nhìn như vậy, tức là còn chấp trước.

6) Chúng. "Vì Thánh Mẫu mà thuyết pháp" biểu thị Chúng thành tựu.

Phật Mẫu Ma Da Phu Nhân là mẹ của cả ngàn đức Phật; và mỗi đức Phật sau khi thành Phật đều lên cõi trời Đao Lợi thuyết Pháp cho mẫu thân nghe.

Phật thuyết Pháp cần phải có Luân Vương (tức Chuyển Luân Thánh Vương) hoặc Đế Thích đến thỉnh Pháp; thế thì lần này Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lên cõi trời Đao Lợi thuyết Pháp, là do ai cung thỉnh? Đó là do thân phụ của Phật cung thỉnh. Thân phụ của Phật, tức Luân Vương, nói với Phật rằng: "Xin Phật hãy đến cõi trời Đao Lợi thuyết Pháp để cứu độ Phật Mẫu". Đây là Luân Vương thỉnh cầu Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết Pháp.

Cũng có sách chép là do Đế Thích, thiên chủ cõi trời Đao Lợi, thỉnh Pháp. Ngài vốn là cô gái nghèo tu sửa tháp miếu thuở xưa, và nhờ công đức ấy mà được làm Thiên Chủ Đế Thích. Nhân biết được thân mẫu của Đức Phật cũng ở cõi trời Đao Lợi, Đế Thích bèn thỉnh Phật đến đó thuyết Pháp. Có sách thì chép như vậy; song, bất luận thế nào, nói tóm lại là Phật thuyết Pháp thì phải có người thỉnh Pháp.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết pháp gì cho Phật Mẫu nghe? Phật thuyết Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện, một giáo pháp về hiếu đạo.

Chúng ta, ai ai cũng phải hiếu thảo với cha mẹ; vì sao? Vì cha mẹ là gốc rễ của con người - chúng ta hiếu thảo với cha mẹ thì cũng giống như tự chăm bón, vun bồi cái gốc của chính mình vậy. Cho nên, kẻ bất hiếu thì tương lai chắc chắn chẳng có triển vọng gì. Người biết hiếu thảo với cha mẹ, tức là biết chăm sóc, bồi đắp gốc rễ của mình cho vững chắc, thì tiền đồ nhất định sẽ huy hoàng, xán lạn. Có câu:

Bổn cố chi vinh, căn thâm diệp mậu.

(Gốc vững cành nhiều, rễ sâu lá tốt.)

Nghĩa là cái gốc mà được vun phân tưới nước, chăm sóc kỹ lưỡng thì cây sẽ đâm chồi nẩy lộc; rễ mà bám sâu vào đất thì cành lá sẽ sum xuê, tươi tốt.

Như vậy, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vì mẹ mà tuyên thuyết giáo pháp về hiếu đạo này. Và, phần tiếp theo sau là các đạo lý mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết giảng cho Thánh Mẫu nghe.

KINH VĂN:

Lúc ấy, không thể nói hết không thể nói hết tất cả chư Phật và Đại Bồ Tát Ma Ha Tát trong vô lượng thế giới ở mười phương đều đến hội họp...

LƯỢC GIẢNG:

"Vô lượng thế giới ở mười phương" là thuộc về Y Báo; **"không thể nói hết không thể nói hết tất cả chư Phật và Đại Bồ Tát Ma Ha Tát"** là Chánh Báo. "Người" là Chánh Báo, "thế giới" là Y Báo - đó gọi là "Y, Chánh Nhị Báo."

"Lúc ấy" (nhĩ thời) tức là đương thời, lúc bấy giờ. Nay tôi dùng năm thứ thời điểm để giảng, vì có năm cách giải thích từ ngữ "lúc ấy" này:

1) Lúc muốn nói (dục thuyết thời), lúc đương nói (chánh thuyết thời), lúc nói xong (dĩ thuyết thời). "Lúc ấy" tức là chỉ cho thời điểm mà Phật bằng lòng thuyết Pháp, muốn nói Pháp. "Lúc ấy" lại là đúng ngay lúc Phật muốn thuyết thứ Pháp về hiếu đạo; và"lúc ấy" cũng chính là khi Phật đã nói xong Pháp hiếu đạo đó. Đây là cách giải thích thứ nhất về từ "lúc ấy."

2) Lúc phá ngoại đạo. Những pháp mà hàng ngoại đạo nói thì không có quá khứ, cũng chẳng có hiện tại hoặc vị lai; mà chỉ nói một cách chung chung, rất mơ hồ. Cho nên, bây giờ đã đến lúc Phật thuyết thứ Pháp có đủ ba thời quá khứ, hiện tại và vị lai để đả phá ngoại đạo. Đây là ý nghĩa thứ hai của từ ngữ "lúc ấy."

3) Lúc gieo hạt (hạ chủng thời). Gieo hạt tức là vùi hạt giống xuống dưới đất. Có gieo hạt tất sẽ có lúc thu hoạch, chín muồi. Sau khi chín muồi thì thế nào? Thì đến "giải thoát thời" - tức là lúc được giải thoát. Đây cũng là một hàm nghĩa của từ ngữ "lúc ấy."

"Lúc gieo hạt" cũng có nghĩa là lúc chưa trồng thiện căn, hoàn toàn không có căn lành. Như trường hợp của lão ông nọ - ông vốn muốn xuất gia nhưng khi các bậc A La Hán quán sát thấy rằng trong tám vạn đại kiếp ông ta không hề trồng được một mảy may thiện căn nào cả, bèn khước từ, không chịu thâu nạp ông ta vào hàng ngũ xuất gia. Có câu:

Mạc đạo xuất gia dung dị đắc,
Giai nhân lũy thế chủng Bồ Đề.
(Chớ bảo xuất gia là chuyện dễ,
Ấy do nhiều kiếp trồng Bồ Đề.)

Vì vậy, những người đời này hiện đã xuất gia ắt hẳn trong tám vạn kiếp về trước đã có gieo trồng thiện căn rồi, nên nay mới được như thế. Chớ nên cho rằng việc xuất gia là tùy tiện, dễ dàng.

Đối với những người đến nay vẫn chưa hề trồng thiện căn, Phật dạy họ trồng thiện căn. Đối với những ai chưa biết niệm Phật thì Phật dạy họ niệm Phật, chưa biết trì Chú thì dạy họ trì Chú; bởi đó cũng là trồng thiện căn, gieo hạt giống tốt lành. Đã gieo hạt, đã có trồng thiện căn rồi, thì sẽ có sự nẩy mầm, tăng trưởng; và sau đó sẽ đến giai đoạn thành thục, chín muồi. Như làm ruộng chẳng hạn, mùa xuân gieo mạ thì sang mùa thu gặt hái, tức là bước sang giai đoạn chín muồi. Tuy nhiên, nếu lúa chín rồi mà không kịp thời gặt hái, để mãi ngoài đồng ruộng, thì cũng chẳng có ích lợi gì. Thu hoạch được lúa thóc, đem hoa lợi về - đó gọi là đạt được sự giải thoát vậy.

Đây là ngụ ý rằng những người chưa trồng thiện căn thì hãy chăm chỉ gieo trồng thiện căn; còn những người đã trồng thiện căn thì nên cố gắng tu hành, xuất gia làm Tăng, Ni. Làm Tăng, Ni thuần thục rồi thì phải thành Phật, phải chứng quả vị - chứng quả vị là được giải thoát.

Thế nên, quý vị nghe giảng kinh, chớ nên nói rằng: "Tôi nghe hai lần rồi, không cần nghe thêm nữa!" Quý vị nghe càng nhiều thì càng biết được nhiều vấn đề, nếu không nghe nhiều thì kiến thức sẽ không tăng trưởng và không lãnh hội được tri thức của Phật Học.

4) Thời điểm của chánh sư - vị Thầy chân chánh. Muốn học Phật Pháp thì cần phải có bậc Thầy chân chánh (chánh sư), với giáo pháp chân chánh (chánh giáo) và sự học tập chân chánh (chánh học). Nếu quý vị không học tập một cách chân chánh, nghiêm túc, thì dù có gặp được chánh giáo cũng chẳng ích lợi gì. Lại nữa, nếu quý vị gặp được chánh giáo và quý vị cũng có lòng muốn học hành đàng hoàng, chăm chỉ, nhưng không có một vị Thầy chân chánh hiểu rõ Phật Pháp hướng dẫn cho, thì quý vị

cũng không học tập gì được. Cho nên, "lúc ấy" cũng có nghĩa là thời điểm hội đủ chánh sư, chánh giáo, chánh học.

5) "Lúc ấy" là lúc Phật bằng lòng thuyết Pháp, đồng thời cũng là lúc chúng sanh muốn nghe Pháp. Sự nghe Pháp và thuyết Pháp xảy ra cùng một lúc, cơ duyên giáo hóa tương ưng, không cao không thấp, chẳng sâu chẳng cạn. Phật thuyết pháp nào thì có chúng sanh thích hợp với giáo pháp đó đến nghe. Đây gọi là "Phật muốn thuyết, chúng sanh muốn nghe" - thích hợp với căn cơ mỗi người, không có sự cao thấp.

Trên đây là năm ý nghĩa của từ ngữ"lúc ấy." Tóm lại, trong bộ Kinh này:

- "như vầy" là Tín thành tựu,
- "tôi nghe" là Văn thành tựu,
- "một thuở nọ" là Thời thành tựu,
- "Phật" là Chủ thành tựu,
- "cung trời Đao Lợi" là Xứ thành tựu,
- "vì Thánh Mẫu mà thuyết pháp" là Chúng thành tựu.

Tuy nói rằng Đức Phật vì Phật Mẫu mà thuyết pháp, nhưng trên trời cũng có thiên chúng đến nghe. Ngoài ra, còn có người ở nhân gian lên trời dự Pháp Hội nữa - riêng Đức Phật là đã có đến một ngàn hai trăm năm mươi vị đệ tử thường xuyên đi theo Ngài rồi. Như vậy, Nhân Đà La Da, thiên chủ cõi trời Đao Lợi, làm Hộ Pháp Chủ, tức là trai chủ thỉnh pháp. Tuy nói Đức Phật "vì Thánh Mẫu mà thuyết pháp," nhưng thật ra cũng là thuyết pháp cho toàn thể đại chúng; do đó, câu này là tiêu biểu cho Chúng thành tựu.

Vậy, trên đây là Sáu Loại Lục Chủng (Lục Chủng Thành Tựu).

Lúc ấy, không thể nói hết không thể nói hết tất cả chư Phật và Đại Bồ Tát Ma Ha Tát... "không thể nói hết" tức là nói không xuể, kể không xiết, không có đủ ngôn từ để diễn đạt. "Ma Ha Tát" là bậc Đại Bồ Tát trong hàng Bồ Tát, là những chúng sanh có Đạo tâm rộng lớn. Lúc bấy giờ, có vô số kể chư Phật và chư Đại Bồ Tát, đông đảo đến không thể nói được là bao nhiêu,

từ trong vô lượng thế giới ở mười phương, tận cùng hư không và khắp Pháp Giới, đều đến hội họp tại cung trời Đao Lợi.

Quý vị xem, khi Phật thuyết Kinh Địa Tạng, mười phương chư Phật và chư Đại Bồ Tát đều tề tựu lắng nghe, thế thì hạng phàm phu chúng ta càng cần phải đến tụ họp để nghe Pháp hơn nữa!

Hiện nay chúng ta khai đàn giảng Kinh Địa Tạng tại đạo tràng này, thì mười phương chư Phật và chư Bồ Tát cũng tựu về nơi đây. Nếu có Phật Nhãn, quý vị sẽ thấy được vô lượng vô biên, không thể nào đếm xuể chư Phật và chư Đại Bồ Tát từ khắp mười phương đến đây để hộ trì Pháp Hội giảng kinh này.

KINH VĂN:

... tán thán Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có thể ở trong đời ác Ngũ Trược mà hiện sức Đại Trí Huệ, Thần Thông không thể nghĩ bàn...

LƯỢC GIẢNG:

Tất cả chư Phật và Đại Bồ Tát trong mười phương đều đến cung trời Đao Lợi và tất cả các ngài cùng tán thán Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

"Tán" là xưng tán;"thán" là thán thưởng - "tán thán" có nghĩa là tấm tắc khen ngợi, hết lời ca tụng.

"Thích Ca Mâu Ni" là tiếng Phạn."Thích Ca Mâu Ni" là tên riêng - "Thích Ca" là họ và"Mâu Ni" là tên - còn"Phật" là tên chung. Tất cả Đức Phật đều được tôn xưng là"Phật," nhưng mỗi Đức Phật đều có một danh hiệu riêng biệt (biệt danh)."Thích Ca" có nghĩa là"năng nhân," hàm ý rằng Ngài có năng lực dùng đức nhân từ để phổ độ tất cả chúng sanh."Mâu Ni" tức là"tịch mặc," ngụ ý"bất động.""Tịch" là tịch tĩnh,"mặc" là mặc nhiên - "tịch tĩnh mặc nhiên" chính là trạng thái tĩnh lặng, không có âm thanh, chẳng còn mùi vị. Trong Nho Giáo có câu:

"Chí ư tĩnh, vô dĩ phục gia hề! Vô thanh, vô khứu."

(Đến chỗ tột cùng của tĩnh lặng, không thêm được nữa! Không âm thanh, chẳng mùi vị.)

Âm thanh không còn, mùi vị cũng hết - đây chính là lúc con người đạt đến bản thể tịch nhiên bất động."Tịch nhiên bất động" chính là Định;"năng nhân" chính là Huệ.

Vì sao Phật có thể dùng lòng nhân từ để tế độ chúng sanh? Bởi vì Phật có trí huệ."Năng nhân" cũng có nghĩa là tùy duyên;"tịch mặc" cũng chính là bất biến. Đức Phật thì thường bất biến, song cũng luôn tùy duyên; tuy luôn tùy duyên, nhưng vẫn thường bất biến. Mặc dù ở trong Định tịch nhiên bất động, Phật vẫn có thể cảm thông linh ứng. Cho nên nói:

"Nhất thiết chúng sanh nhược can chủng tâm, Như Lai tất tri tất kiến."

*(*Mọi tâm tưởng của chúng sanh, Phật đều có thể thấy, nghe và rõ biết.)

Mọi tâm tưởng của chúng sanh, bất luận nhiều hay ít, Phật đều có thể thấy, nghe và rõ biết tất cả. Vì sao Phật có thể thấy biết tất cả? Chính là nhờ"năng nhân, tịch mặc." Bởi Đức Phật có thể"năng nhân" nên Ngài thấy rõ được tất cả; và nhờ có thể"tịch mặc" nên Phật thấu suốt hết mọi sự. Do đó, quý vị đừng lầm tưởng rằng không ai hay biết những việc mình làm, bởi Phật có thể thấy biết tất cả.

Chúng ta tu Đạo, hễ trong lòng có một phần chân thành thì sẽ được một phần cảm ứng, có mười phần chân thành thì sẽ được mười phần cảm ứng. Nếu tâm quý vị có trăm ngàn vạn ức phần chân thành, thì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dù đang ở vị trí"bổn giác tịch nhiên bất động," cũng có thể cảm thông linh ứng mà giúp cho quý vị được toại nguyện, khiến cho quý vị được sớm thành tựu Đạo nghiệp.

Trên đây là ý nghĩa của bốn chữ"Thích Ca Mâu Ni."

"Phật" là gọi tắt từ chữ"Phật Đà Da," và vốn là tiếng Phạn. Vậy thì Phật là người như thế nào? Phật chính là một bậc Đại Giác Ngộ. Phật có đủ Tự Giác, Giác Tha, Giác Hạnh Viên Mãn - bởi Ngài là"Tam Giác viên mãn, vạn đức đủ đầy" nên được thành

Phật. Cũng có thể nói Tam Giác tức là Thủy Giác, Bổn Giác và Cứu Cánh Giác - ba loại giác ngộ này đều hoàn toàn viên mãn nên được thành Phật. Nếu chúng ta có thể y theo giáo pháp của Phật mà chân chánh tu hành, thì chúng ta cũng sẽ đạt được loại giác ngộ và quả vị này. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni từng dạy:

"Nhất thiết chúng sanh giai kham tác Phật!"

(Tất cả chúng sanh đều có thể làm Phật!)

Vì sao hết thảy chúng sanh đều có thể thành Phật? Bởi vì tất cả chúng sanh đều có Phật tánh! Cho nên, chỉ cần chịu cố gắng, nỗ lực tu hành, thì chắc chắn tất cả chúng ta đều sẽ được thành Phật.

Có thể ở trong đời ác Ngũ Trược. "Đời ác" tức là một thế giới xấu xa nhất. Ngũ Trược tức là năm thứ ô trược, dơ bẩn; đó là: Kiếp Trược (thời đại này hết sức ô uế, bất tịnh), Kiến Trược (con người có những kiến giải hết sức tà vạy, bất chánh), Phiền Não Trược (trong lòng con người chứa đầy phiền não, như thế là bất tịnh), Chúng Sanh Trược (chúng sanh cũng bất tịnh, không trong sạch), và Mạng Trược (thân mạng này của chúng ta cũng ô trược, bất tịnh).

Theo Kinh Lăng Nghiêm, nếu ta bỏ một nắm đất vào chậu nước trong, thì công năng vốn có của đất và nước sẽ bị mất đi.

Vậy công năng vốn có của đất (thổ) là gì? Là "lưu ngại" (lưu giữ, ngăn ngại)! Đất (thổ) có tánh gây chướng ngại cho nên con người có thể đi lại trên đất. Nếu không có đất, chúng ta sẽ bị rơi vào biển cả, bởi bên dưới đất là nước, nước có thể cuốn trôi đất. Bên dưới nước lại là lửa; cho nên có lúc núi lửa bộc phát là do tác dụng của một sự biến hóa. Nếu nói rằng bên dưới nước là lửa, vậy lửa này không bị nước dập tắt sao? Vì lửa cháy quá dữ dội nên nước không dập tắt nổi! Muốn hiểu thấu đạo lý này thì quý vị phải nghiên cứu Phật Pháp thâm sâu hơn nữa mới được.

Kinh Lăng Nghiêm cũng có chép: "Thổ thất lưu ngại, thủy vong thanh khiết." (Khi nước và đất trộn lẫn, thì đất mất tánh lưu ngại, nước mất tánh thanh khiết.)

Bởi nước bị vẩn đục, mất đi sự thanh khiết, cho nên gọi là "trược." Cõi "Ngũ Trược ác thế" này ví như vũng bùn dơ bẩn - một hỗn hợp của nước và đất. Đây là một thế giới không thanh tịnh bởi có sự hiện hữu của năm thứ ô trược:

1) **Kiếp Trược**. "Kiếp" là danh từ chỉ thời gian. Thời gian thì ô trược bởi chúng ta không thể phân định một cách rõ ràng là khi nào, thời điểm nào. Trước kia có người hỏi tôi, thế nào gọi là thời gian? Thật ra, không có cái gọi là "thời gian," không thể nào định rõ được thời gian. Đó là Kiếp Trược.

2) **Kiến Trược**. Quý vị nghĩ xem, chúng ta có thể phân biệt cái "thấy" của mình một cách rõ ràng hay không? Tất nhiên là không thể được! Chúng ta có thể phân ranh giới cho cái"thấy" của mỗi người hay không? Cũng không được! Bởi nếu quý vị nói rằng đây là cái "thấy" của quý vị, kia là cái"thấy" của tôi; thế thì quý vị lấy gì làm ranh giới để phân biệt giữa cái "thấy" của quý vị và cái "thấy" của riêng tôi? Chính vì cái "thấy" ấy là một hỗn hợp lộn xộn, không có ranh giới, không thể phân định rõ ràng, nên gọi là Kiến Trược.

3) **Phiền Não Trược**. Mọi người đều có phiền não - quý vị có phiền não, tôi cũng có phiền não - phiền não của chúng ta trộn lẫn, xen lộn với nhau, không cách nào phân định cho rõ được.

Có người nói: "Tôi thừa biết rằng phiền não của tôi là của tôi, phiền não của Thầy tức là của Thầy - của ai cứ nấy!" Nếu nói như thế thì tại sao quý vị lại có thể gây phiền não cho tôi được? Nếu quả thật phiền não là của tôi thì đáng lẽ không cần quý vị gây ra mới phải; còn nếu đó đích thật là của quý vị, thì tất nhiên cũng không cần tôi gây ra, không cần tôi làm cho quý vị sanh phiền não mới đúng chứ?! Như vậy, xét ra thì phiền não cũng không có ranh giới rõ rệt và cũng là một hỗn hợp ô trược, bất tịnh.

4) **Chúng Sanh Trược**. Có những chúng sanh đời này mang thân người, song biết đâu chừng đời sau lại phải đầu thai làm chó, làm mèo, làm chuột, hoặc làm côn trùng bò lung tung khắp nơi... - không có gì là nhất định cả. Như thế thì làm sao quý

vị có thể phân biệt một cách rõ ràng được? Chúng sanh với chúng sanh cùng nhau hợp tác để mở một "đại công ty," cũng không phân biệt nhau được rõ ràng. Trong "đại công ty" này, nếu không phải mình bị người ta đem bán, thì cũng là người ta bị mình đem bán - tất cả đều có quan hệ qua lại với nhau. Như thế không phải là "trược" sao? Vậy, đó gọi là Chúng Sanh Trược.

5) **Mạng Trược**. Vận mạng của chúng ta cũng là hỗn trược, bất tịnh.

Mặc dù năm thứ ô trược này rất phức tạp, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vẫn có thể ở trong đời ác Ngũ Trược - một thế giới xấu xa nhất - mà hiện sức Đại Trí Huệ và Thần Thông không thể nghĩ bàn. "Không thể nghĩ bàn" tức là vô cùng vi diệu, chúng ta không tài nào nghĩ ra hoặc mường tượng ra được. Thứ gì mà vi diệu, không thể nghĩ bàn như thế? Đó chính là năng lực từ Đại Trí Huệ và Đại Thần Thông của Đức Phật.

KINH VĂN:

...điều phục những chúng sanh cang cường, khiến cho họ biết được pháp khổ, pháp vui. Rồi mỗi Ngài đều sai thị giả đến vấn an Đức Thế Tôn. Bấy giờ, Đức Như Lai mỉm cười, phóng ra trăm ngàn muôn ức vầng mây sáng rỡ lớn...

LƯỢC GIẢNG:

Điều phục những chúng sanh cang cường. "Điều" là điều hòa,"phục" là hàng phục. Sao gọi là "điều hòa"? Chúng ta muốn cho thức ăn có hương vị ngon lành thì phải nêm nấu sao cho năm vị chua, ngọt, đắng, cay, mặn được điều hòa, vừa phải. Nếu thức ăn cay quá thì người không quen ăn cay sẽ không ăn được; chua quá thì người không thích chua sẽ không đụng đến; đắng quá thì cũng có người không thích; mà ngọt quá thì cũng có người chê, chẳng muốn ăn! Cho nên các thứ gia vị phải điều hòa, mỗi loại chỉ nêm vừa phải, không nhiều không ít, để có được mùi vị thích đáng.

Mọi người thường chỉ thích thưởng thức các món ăn hợp khẩu vị của mình. Tương tự như thế, về Phật Pháp thì có người thích pháp môn này, có người thích pháp môn kia. Về tín ngưỡng

thì có người tin Gia Tô Giáo, có người tin Hồi Giáo, có người theo Đạo Giáo (đạo Lão), có người theo Nho Giáo (đạo Khổng). Khổng, Lão, Phật, Gia, Hồi là năm tôn giáo lớn trên thế giới. Tuy nói là năm, nhưng trên thực tế thì chỉ là một. Vì sao lại là một? Bởi pháp mà Đức Phật nói ra thì "mọi pháp đều là Phật Pháp," và trong đó bao hàm tất cả các pháp môn của mọi tôn giáo. Bất luận là Gia Tô Giáo, Hồi Giáo, Đạo Giáo, hay Nho Giáo, hết thảy đều được bao gồm trong "mọi pháp," đều không ở ngoài "mọi pháp." Không một tôn giáo nào có thể nói là không có giáo pháp; bởi vì nếu nói như thế tức là ở ngoài"mọi pháp," mà ở ngoài mọi pháp" thì hoàn toàn không có một pháp nào cả!

"Mọi pháp" đều là Phật Pháp và đều là "bất khả đắc" - đều không thể chứng đắc. Thể hội được "mọi pháp" đều không hiện hữu thì mới gọi là chân chánh "về tới nhà." Tôi không hề nói rằng tôi có phương pháp đặc biệt này hoặc món ăn ngon lành nọ để dụ dỗ, lừa phỉnh quý vị. Bởi thực sự là không có, cái gì cũng không có cả! Xưa nay vốn không có cái gì cả! Vì sao lại biết được xưa nay cái gì cũng không có? Lục Tổ Đại Sư từng dạy:

"Bồ Đề vốn không thân,
Gương sáng cũng không đài,
Xưa nay không một vật,
Nơi nào bụi bám đây?"

Xưa nay vốn không có, vậy phải đến nơi nào để tìm chỗ cho bụi bám? Hoàn toàn không có! Vậy thì còn tìm bụi bặm gì nữa? Nếu quý vị có một món đồ cụ thể thì còn có chỗ cho bụi bám, nhưng vì không có đồ vật gì cả, do đó bụi bặm cũng không có chỗ để bám vào. Cho nên, người thông hiểu đạo lý thì biết rằng"mọi pháp đều là Phật Pháp."

Tuy nhiên, "pháp" thì có pháp đúng và pháp sai; có pháp rốt ráo và pháp không rốt ráo; có pháp thiện và cũng có pháp ác. Chúng ta tu hành thì phải tu pháp rốt ráo (cứu cánh pháp).

Hãy nêu một ví dụ: Từ Châu Mỹ sang Châu Âu, nếu quý vị đi bằng máy bay thì nhất định sẽ mau chóng tới được nơi sở định; còn nếu theo đường bộ thì quý vị nghĩ phải mất bao lâu? Ngoài

việc đi bộ vất vả trên đất liền, quý vị còn phải trải qua những gian khổ của đường biển nữa. Lúc gặp biển tất phải dùng thuyền để vượt biển, mà thuyền thì đi rất chậm, phải mất rất nhiều thời gian; trong khi nếu đáp máy bay thì lại rất nhanh.

Tương tự như thế, chúng ta tu pháp không rốt ráo thì phải tu trong một thời gian rất lâu mới được "về tới nhà" (thành Phật). Song, nếu tu pháp rốt ráo thì chẳng mấy chốc là chúng ta "về tới nhà" ngay, rất nhanh chóng. Như thế, pháp không rốt ráo là gì? Đó là tất cả các pháp của ngoại đạo. Đúng vậy, tu pháp không rốt ráo cũng có được đôi chút lợi ích, nhưng rất chậm. Tu pháp rốt ráo tức là y chiếu theo giáo pháp của Đức Phật mà tu hành.

Để điều phục, cảm hóa những chúng sanh cang cường, trước hết, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không nói thẳng với họ rằng nóng giận là không tốt; Ngài chỉ nói: "Này! Nóng tánh cũng không đến nỗi nào, vì phiền não chính là Bồ Đề. Ngươi có tánh nóng nảy đấy, song cũng chẳng sao - phiền não là Bồ Đề, sanh tử là Niết Bàn!"

Phật làm cho họ cảm thấy:"Mình có tánh nóng nảy nhưng không phải là người xấu. Đành rằng mình rất nóng tánh, nhưng tâm Bồ Đề của mình cũng đâu phải nhỏ! "Thế là họ quyết định thử tu sửa tâm tánh xem sao; và càng thử thì họ càng nhận thấy rằng hễ phiền não giảm bớt thì Bồ Đề lại gia tăng. Phiền não càng ngày càng giảm thì Bồ Đề càng ngày càng tăng. Giảm được phiền não, thì đó chính là Bồ Đề vậy. Cho nên, đối với những chúng sanh tánh tình cang cường, ương ngạnh, thì Đức Phật giảng nói thứ pháp như thế.

Còn đối với những chúng sanh nhu nhược thì sao? Những chúng sanh nhu nhược tức là những kẻ nhút nhát, từ sáng đến tối họ cứ hồi hộp sợ sệt; thậm chí tiếng mèo kêu hay tiếng chó sủa cũng làm cho họ giật mình run sợ, hồn phiêu phách tán. Bất cứ một động tĩnh gì cũng có thể làm cho họ hốt hoảng được cả; cho nên, Đức Phật phải dùng lời dịu ngọt như dỗ dành trẻ con mà vỗ về những chúng sanh nhút nhát đó:"Con đừng sợ. Hãy bình tâm mà học Phật Pháp, Phật sẽ giúp đỡ và phù hộ cho con!" Các

chúng sanh ấy nghe được liền cảm thấy an ủi phần nào, trong lòng thầm nghĩ rằng lời nói của người này thật đáng tin cậy; và thế là họ dốc lòng tin tưởng Phật Pháp. Sau khi tin và học Phật Pháp, họ càng ngày càng bớt nhút nhát, càng ngày càng mạnh dạn, can đảm thêm.

Ở Hồng Kông, tôi có một đệ tử quy y vốn tánh nhút nhát. Khi chưa quy y, anh ta rất sợ ma và sợ bóng tối. Trời vừa nhá nhem tối là anh ta không dám bước chân ra khỏi cửa, tánh rất nhát gan. Cho dù trong nhà có đông người, anh ta cũng vẫn cứ nơm nớp sợ hãi, cứ cảm thấy xung quanh mình - trái, phải, trước, sau - chỗ nào cũng có ma cả. Tuy chưa bao giờ gặp ma, nhưng anh ta lại rất sợ ma! Sau khi anh ta quy y Tam Bảo, mặc dù tôi không niệm Chú cũng chẳng làm phép thuật gì cho anh ta cả, nhưng kể từ đó thì anh ta không còn thói hay sợ sệt nữa - không sợ ma mà cũng chẳng sợ bóng tối. Ban đêm ở nhà một mình cũng không sợ, đi đâu lúc trời tối cũng không sợ. Cho nên, đối với những chúng sanh không có lòng gan dạ, thì chúng ta cần phải giúp đỡ, khiến họ có can đảm.

Ngoài ra, đối với những chúng sanh hay khóc, thì quý vị nên khuyên họ chớ khóc lóc nữa, mà hãy sanh tâm hoan hỷ, vui vẻ. Tóm lại, chúng sanh thường mang nhiều thành kiến lệch lạc, tánh tình cũng thiên vị, quá quắt; cho nên chúng ta phải tìm cách làm cho họ trở về với trung đạo, giữ được mức quân bình - như thế gọi là "điều phục" vậy.

Khiến cho họ biết được pháp khổ, pháp vui. Đức Phật có thể điều phục các chúng sanh ương ngạnh, bướng bỉnh và làm cho họ hiểu rõ thế nào là khổ, thế nào là vui. Những chúng sanh này vì ương ngạnh cho nên khổ họ cũng bất chấp mà sướng họ cũng bất cần. Thế nào là khổ, thế nào là sướng? Họ chẳng hề để ý tới! Vì tánh ương ngạnh, khổ hay sướng họ đều không sợ; họ cứ sống một cách không lo không buồn, không khổ không sướng như thế.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có khả năng làm cho các chúng sanh ương ngạnh này biết được thế nào là "chân khổ" (đau khổ thật sự) và thế nào là "chân lạc" (an vui thật sự). Rốt cuộc, cái gì

là "chân khổ"? Đọa lạc chính là "chân khổ." Bị đọa xuống địa ngục, bị đọa làm ngạ quỷ, súc sanh - đó đều là"chân khổ." Cái gì là "chân lạc"? Được khai ngộ, chứng quả (như quả vị A La Hán chẳng hạn), thực hành Bồ Tát Đạo - đó đều là"chân lạc" vậy. "Khổ" vốn rất nhiều loại, "vui" cũng rất nhiều thứ, song chúng ta bây giờ biết được ý nghĩa tổng quát là được rồi. Vậy, "biết được pháp khổ, pháp vui" tức là biết được "mùi vị" của đau khổ và của an vui.

Rồi mỗi Ngài đều sai thị giả đến vấn an Đức Thế Tôn. Các vị Đại Bồ Tát, Ma Ha Tát ở khắp mười phương quốc độ đều không đi một mình. Mỗi Bồ Tát thường dẫn theo một, hai, ba hoặc bốn thị giả; có vị lại thích dắt theo nhiều thị giả, có khi đông tới mấy trăm, mấy ngàn, mấy vạn thị giả. Lúc bấy giờ, mỗi vị Bồ Tát đều phái người thị giả theo hầu bên cạnh mình đến hỏi thăm Đức Phật. Hỏi thăm như thế nào? Họ đồng đến trước mặt Phật và thưa hỏi rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, chẳng hay Ngài có được ít bệnh, ít phiền não chăng? Ngài có được an vui chăng? Chúng sanh có dễ độ chăng?" Các thị giả đều hỏi han Đức Thế Tôn như vậy.

Bấy giờ, Đức Như Lai mỉm cười, phóng ra trăm ngàn muôn ức vầng mây sáng rỡ lớn. Khi ấy, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mỉm cười - không phải cười lớn mà là cười chúm chím - và phóng ra hàng trăm ngàn vạn ức đám mây sáng to lớn.

KINH VĂN:

...như là vầng mây sáng Đại Viên Mãn, vầng mây sáng Đại Từ Bi, vầng mây sáng Đại Trí Huệ, vầng mây sáng Đại Bát Nhã, vầng mây sáng Đại Tam Muội, vầng mây sáng Đại Kiết Tường, vầng mây sáng Đại Phước Đức, vầng mây sáng Đại Công Đức, vầng mây sáng Đại Quy Y, vầng mây sáng Đại Tán Thán. Đức Phật phóng ra không thể nói hết vầng mây sáng rỡ như thế...

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni phóng ra trăm ngàn vạn ức vầng mây sáng to lớn. Trăm ngàn vạn ức vầng mây này bao gồm rất

nhiều chủng loại, song ở đây chỉ nêu ra mười loại tiêu biểu cho Thập Thừa Quán Pháp và Thập Pháp Giới mà thôi.

Vậy, lúc bấy giờ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni phóng ra các vầng mây sáng như là:

1) Vầng mây sáng Đại Viên Mãn. Loại mây sáng này biểu thị Phật Đạo chiếu soi khắp cả Pháp Giới. "Viên mãn" tức là tròn đầy, trọn vẹn - khắp mọi nơi, không một nơi nào dù nhỏ như hạt bụi mà không được áng mây quang minh này giọi ánh sáng tới. Tận hư không, khắp Pháp Giới, nơi nơi đều được bao phủ bởi đám mây sáng này. Vậy, vầng mây sáng Đại Viên Mãn tiêu biểu cho Phật Đạo viên mãn.

2) Vầng mây sáng Đại Từ Bi. Đây là tiêu biểu cho Bồ Tát Đạo. Lòng "từ" có thể ban vui; tâm "bi" có thể diệt khổ - con đường mà các vị Bồ Tát đeo đuổi chính là ban phát niềm vui cho chúng sanh và giúp chúng sanh dứt trừ mọi khổ não. Chúng sanh thích niềm vui gì thì chư Bồ Tát ban cho niềm vui đó - thích ngọt cho ngọt, muốn chua cho chua.

Thuở xưa, Bồ Tát Phổ Hiền đã từng giữ nhiệm vụ Hành Đường trong chùa. Hành Đường là thế nào? Đó là lo việc lấy thêm cơm hoặc thức ăn cho người xuất gia trong lúc họ thọ trai. Thông thường, khi người xuất gia thọ trai thì có một người túc trực bên cạnh để giúp họ bới cơm và thức ăn vào bát; ăn hết thì đưa bát cho người ấy để lấy thêm. Khi giữ nhiệm vụ này, Bồ Tát Phổ Hiền thường mang theo bên mình những chai lọ lỉnh kỉnh đựng đủ loại gia vị để nêm thêm vào thức ăn cho vừa khẩu vị của mỗi người - hễ ai muốn ngọt hơn thì Ngài cho thêm đường, thích chua hơn thì Ngài cho thêm giấm, thích cay hơn thì Ngài cho thêm ớt...

Tuy nhiên, có khi Ngài vừa rót thêm giấm cho người thích ăn chua thì người ấy lại phàn nàn: "Ô hay, tôi không thích chua quá; tại sao ông lại thêm nhiều giấm đến thế?" Hoặc có người muốn cay hơn nữa, nhưng Ngài vì ngại rằng nếu cay quá thì khó ăn nên chỉ đưa thêm một chút ớt mà thôi, thì người đó lại cằn nhằn: "Thêm một chút nữa! Sao ít quá vậy?" Đó gọi là:

"Phổ Hiền Bồ Tát nan mãn chúng sanh nguyện!"

(Bồ Tát Phổ Hiền khó thể thỏa mãn ý muốn của chúng sanh.)

Cho nhiều thì chê dư, cho ít thì chê thiếu - quý vị xem, thật là rắc rối, phức tạp! Cho nên, làm Bồ Tát không phải là chuyện dễ!

Khổng Phu Tử của Trung Hoa có nói rằng:

"Duy nữ tử dữ tiểu nhân vi nan dưỡng dã.

Cận chi, tắc bất tốn; viễn chi, tắc oán."

(Người nữ và kẻ tiểu nhân đều khó đối phó.

Gần thì khinh lờn, xa thì oán trách.)

Người nữ và kẻ tiểu nhân đều khó đối phó. Tại sao lại khó? Vì nếu quý vị gần gũi, dễ dãi với họ, thì họ khinh lờn, không để ý đến lý lẽ và không giữ phép tắc; còn nếu quý vị xa cách, nghiêm nghị với họ thì họ lại oán ghét, hờn trách. Cho nên, ứng phó với họ không phải là chuyện dễ. Khổng Tử có lẽ đã từng trải, giàu kinh nghiệm về mặt này, cho nên mới thốt ra những lời xác đáng như thế!

Bồ Tát đối xử với chúng sanh cũng vậy - quá tốt hoặc quá tệ thì đều không hợp với Trung Đạo. Cho nên, Phổ Hiền Bồ Tát cũng khó mà làm cho chúng sanh được vừa ý, hài lòng. Thực hành hạnh Bồ Tát là điều không phải dễ - mình sốt sắng lo cho người ta, nhưng họ lại không chịu "biết đủ"!

Tóm lại, Đại Từ Bi Quang Minh Vân là biểu thị cho Bồ Tát Đạo.

3) Vầng mây sáng Đại Trí Huệ. Vầng mây này biểu thị cho Duyên Giác Đạo. Duyên Giác là những bậc nhờ tu pháp Thập Nhị Nhân Duyên mà thành Đạo; và như thế, cần phải có Đại Trí Huệ. Các ngài quán sát Thập Nhị Nhân Duyên, thấu triệt đạo lý sanh diệt, biết rõ vạn vật thảy đều tự sanh tự diệt; rồi hoát nhiên được tỏ ngộ, từ Phật tánh sẵn có bèn nảy sanh một thứ trí huệ chân chánh. Do đó, đám mây sáng Đại Trí Huệ này là tiêu biểu cho Duyên Giác Đạo.

Thập Nhị Nhân Duyên tức là mười hai cái nhân duyên níu kéo nhau: Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh Sắc, Danh Sắc duyên Lục Nhập, Lục Nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, Sanh duyên Lão, Tử. Đây gọi là"thuận sanh môn" (lưu chuyển môn - sự xoay vần).

Còn "hoàn diệt môn" (diệt trừ trở lại) tức là: Vô Minh diệt thì Hành diệt, Hành diệt thì Thức diệt, Thức diệt thì Danh Sắc diệt, Danh Sắc diệt thì Lục Nhập diệt, Lục Nhập diệt thì Xúc diệt, Xúc diệt thì Thọ diệt, Thọ diệt thì Ái diệt, Ái diệt thì Thủ diệt, Thủ diệt thì Hữu diệt, Hữu diệt thì Sanh diệt, Sanh diệt thì Lão, Tử diệt.

Như vậy, nếu phá trừ được vô minh thì tất cả đều không nảy sanh. Bậc Duyên Giác quán sát đến điểm này liền phá bỏ vô minh trước nhất. Bởi tất cả đều từ vô minh mà ra, cho nên một khi vô minh đã bị phá hủy thì trí huệ chân chánh sẽ nảy sanh.

4) Vầng mây sáng Đại Bát Nhã. "Bát Nhã" tức là trí huệ, và gồm có ba loại là Văn Tự Bát Nhã, Thực Tướng Bát Nhã và Quán Chiếu Bát Nhã. Bậc Thanh Văn dựa vào Văn Tự Bát Nhã mà sanh khởi Quán Chiếu Bát Nhã, rồi do Quán Chiếu Bát Nhã mà đạt đến Thực Tướng Bát Nhã, và vì đã đạt đến Thực Tướng Bát Nhã cho nên chứng được quả vị A La Hán.

Vậy, đám mây sáng Đại Bát Nhã là tiêu biểu cho Thanh Văn Thừa.

5) Vầng mây sáng Đại Tam Muội. "Tam Muội" là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là Định. Thiên nhân (người ở cõi trời) tu hành bậc thượng phẩm của Thập Thiện thì có được thứ định lực này, chứng đắc Tứ Thiền Bát Định (bốn Thiền, tám Định).

Tứ Thiền là bao gồm Tứ Thiền Thiên, Tam Thiền Thiên, Nhị Thiền Thiên và Sơ Thiền Thiên. Sơ Thiền gọi là Ly Sanh Hỷ Lạc Địa, Nhị Thiền gọi là Định Sanh Hỷ Lạc Địa, Tam Thiền gọi là Ly Hỷ Diệu Lạc Địa ("ly hỷ" tức là rời bỏ sự vui vẻ, sung sướng), và Tứ Thiền gọi là Xả Niệm Thanh Tịnh Địa.

Lại còn có Tứ Không Xứ - Không Vô Biên Xứ Thiên, Thức Vô Biên Xứ Thiên, Vô Sở Hữu Xứ Thiên, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên. Như vậy, hợp lại gọi chung là Tứ Thiền Bát Định. Chư thiên ở đây đều có Định lực, và đều tu bậc thượng phẩm của Thập Thiện. (Thập Thiện gồm có thượng phẩm, trung phẩm và hạ phẩm.) Họ nhờ thọ Tam Quy và trì Ngũ Giới cho nên được sanh lên cõi trời.

6) Vầng mây sáng Đại Kiết Tường. Vầng mây này tiêu biểu cho Nhân Đạo (cõi người). Con người, ai ai cũng muốn mọi sự được kiết tường. Người Trung Hoa thường dùng hai chữ này đi đôi với nhau - "kiết" là may mắn thuận lợi,"tường" là điềm lành - nói chung là chỉ sự tốt đẹp. Những chúng sanh tu bậc trung phẩm của Thập Thiện, thọ Tam Quy, trì Ngũ Giới, thì được sanh vào cõi người.

7) Vầng mây sáng Đại Phước Đức. Đây là biểu thị Tu-La Đạo (cõi A-tu-la). A-tu-la có lúc ở cõi trời, có lúc ở nhân gian, trong loài súc sanh hoặc trong đường ngạ quỷ. Nói chung thì A-tu-la cũng có phước đức lớn; cho nên vầng mây sáng này soi chiếu cõi A-tu-la.

8) Vầng mây sáng Đại Công Đức. Đây là biểu thị Súc Sanh Đạo (cõi súc sanh). Đức Phật phóng vầng mây sáng Đại Công Đức này khiến cho tất cả nghiệp tội của loài súc sanh đều tiêu trừ, và tương lai có thể lìa khổ, được vui.

9) Vầng mây sáng Đại Quy Y. Đây là biểu thị cho Ngạ Quỷ Đạo (cõi quỷ đói). Đức Phật phóng vầng mây sáng này khiến cho tất cả ngạ quỷ đều bỏ ác theo thiện, sửa đổi lại chính mình cho tốt, và cùng nhau phát tâm quy y Tam Bảo. Quỷ cũng có thể được quy y Tam Bảo.

10) Vầng mây sáng Đại Tán Thán. Đây là biểu thị cho Địa Ngục Đạo. Đức Phật phóng vầng mây sáng này với lòng khen ngợi. Những chúng sanh ở chốn địa ngục trông thấy vầng mây sáng này thì đều lìa khổ được vui, sửa sai hướng thiện, phát Bồ Đề tâm.

Mười vầng mây sáng này tiêu biểu cho cơ nghi của chúng sanh trong Thập Đạo, tức là mười nẻo đường hoặc mười cõi giới. Đức Phật Thích Ca Nâu Ni phóng ra nhiều đám mây sáng như vậy, khiến cho chúng sanh trong mười Pháp Giới đều phát tâm tu hành để sớm thành Phật Đạo.

Đức Phật phóng ra bất khả thuyết vầng mây sáng rỡ như thế - sau khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã phóng ra những vầng mây sáng kỳ diệu không tả xiết này, thì thế nào?

KINH VĂN:

...rồi lại phát ra các âm thanh vi diệu, như là tiếng Đàn Ba La Mật, tiếng Thi Ba La Mật, tiếng Sằn Đề Ba La Mật, tiếng Tỳ Ly Da Ba La Mật, tiếng Thiền Ba La Mật, tiếng Bát Nhã Ba La Mật, tiếng Từ Bi, tiếng Hỷ Xả, tiếng Giải Thoát, tiếng Vô Lậu...

LƯỢC GIẢNG:

Rồi Đức Thế Tôn lại phát ra các âm thanh vi diệu. Phật phát ra không phải chỉ một loại mà là vô số loại âm thanh. "Vi" là êm dịu, nhỏ nhẹ - âm thanh không ầm ĩ chói tai, mà rất là hài hòa, dịu dàng."Diệu" là thánh thót, trong và rõ - giọng nói của Phật rất thánh thót, vi diệu.

Phật chỉ dùng một thứ âm thanh để thuyết pháp, nhưng bất cứ loại chúng sanh nào nghe thấy cũng đều hiểu được cả; thậm chí những người tuy khác quốc gia, bất đồng ngôn ngữ, cũng có thể hiểu được như nhau. Mặc dù Phật chỉ nói bằng một thứ tiếng, nhưng người Nhật nghe thì hiểu đó là tiếng Nhật, người Anh nghe thì hiểu đó là tiếng Anh, người Pháp nghe thì hiểu đó là tiếng Pháp, người Tây Ban Nha nghe thì hiểu đó là tiếng Tây Ban Nha... Tuy rằng ngôn ngữ mỗi nước mỗi khác nhau, nhưng tất cả đều hiểu được tiếng của Phật mà không cần phải phiên dịch. Cảnh giới của Phật vốn không thể nghĩ bàn; cho nên nói:

Phật dĩ nhất âm diễn thuyết Pháp,

Chúng sanh tùy loại các đắc giải.

(Phật chỉ dùng một loại âm thanh để thuyết pháp

nhưng mọi loài chúng sanh đều hiểu được.)

"Âm" nghĩa là gì? Chữ"âm" ở đây có thể giảng là đồng nghĩa với chữ"ẩm," tức là"uống." Vì sao gọi là"uống"? Bởi âm thanh ấy"rót" thẳng vào lòng quý vị, khiến quý vị nghe và hiểu thông suốt, chẳng khác nào"uống" từng lời vậy.

Chữ "âm" này lại cũng có thể giảng theo nghĩa của chữ "ẩn," tức là "ẩn giấu." Bởi âm thanh thì có lớn có nhỏ, khi vang khi bặt, chẳng khác nào lúc ẩn lúc hiện, cho nên gọi là "ẩn." Đức Phật có cảnh giới không thể nghĩ bàn - Pháp âm của Ngài, chúng sanh nghe nhận đều không giống nhau. Người này nghe ra là thứ tiếng này, người khác nghe ra là thứ tiếng khác. Thật ra thì vốn chỉ là một loại âm thanh mà thôi, nhưng chúng sanh vì chủng loại bất đồng, nên cái "nghe" cũng có sự khác biệt.

Âm thanh của Phật có thể truyền đi bao xa? Tôn Giả Mục Kiền Liên, vị đệ tử thần thông bậc nhất của Phật, đã thí nghiệm bằng cách dùng thần thông hướng về Hằng hà sa số thế giới ở phía đông để nghe xem âm thanh của Phật truyền đi được bao xa. Vượt qua Hằng hà sa số thế giới như thế mà Tôn Giả vẫn nghe được âm thanh của Phật rõ mồn một như đang đối diện với Đức Phật vậy; cho nên âm thanh của Phật thật không thể nghĩ bàn.

Lúc bấy giờ Đức Phật phát ra rất nhiều loại âm thanh chứ không phải chỉ có một loại; vậy thì tổng cộng có bao nhiêu loại?

Như là tiếng Đàn Ba La Mật. "Đàn" là Đàn-na (Dana), và vốn là tiếng Phạn; Trung Hoa dịch là "bố thí." Bố thí, trước kia giảng nhiều lần rồi. Bố thí thì gồm có tài thí, pháp thí và vô úy thí. Mặc dù mọi người đều hiểu rồi, nhưng nay giải thích cặn kẽ hơn về ý nghĩa của"bố thí."

Bố thí mà không chấp trước ở tướng bố thí thì mới là sự bố thí chân chánh. Bố thí mà có sự chấp tướng thì quả báo sẽ là sanh về cõi trời; còn bố thí mà không chấp tướng thì được quả báo thuộc loại vô lậu. "Không chấp tướng" tức là tuy có hành động song trong lòng không so đo, nhớ nghĩ đến. Ví dụ như mình bố thí cho ai đó một số tiền, thâm tâm liền nghĩ: "A! Thế là phen này mình làm được một việc thiện, tương lai mình sẽ được hưởng

phước báo!" Luôn suy nghĩ, tính toán như vậy thì rốt cuộc lại không được phước báo; cho dù có được phước báo đi chăng nữa thì cũng chỉ là sanh lên cõi trời mà thôi, chứ không thể hưởng được thứ phước báo vô lậu.

Phải như thế nào mới gọi là bố thí không chấp tướng? Phải đạt đến cảnh giới "tam luân thể không" - không có năng thí (người cho), không có sở thí (vật đem cho) và cũng không có thọ giả (người nhận).

Thế nào gọi là "năng thí"? Thế nào gọi là "sở thí"?" Năng thí" tức là bố thí mà còn có cái "ngã," không quên được cái "tôi." Ví dụ cứ nhớ rằng: "Mình đã cúng dường một số tiền để xây chùa, đúc tượng Phật, in kinh điển"; rồi sanh tâm chấp trước. Chấp trước như thế nào? Cứ nghĩ rằng mình là người có khả năng bố thí, cứ thấy mình là người đã dám xuất ra năm vạn đồng để cúng dường! Đó là "năng thí."

"Sở thí" tức là những thứ được mang ra bố thí. Như nghĩ rằng: "Mình đã bỏ ra năm vạn đồng để làm việc bố thí. Mình đã cúng dường tiền bạc để cất chùa, in kinh, tạc tượng. Mình đã làm công quả, tạo được công đức. Mình có góp phần bố thí. Mình là kẻ có công bố thí, có đem của cải ra bố thí."

Có năng thí và sở thí rồi, tất phải có "thọ giả," tức là người thọ nhận của đem cho, thì mới hoàn tất sự bố thí.

"Thọ giả" thì có năng thọ và sở thọ. Thế nào gọi là "năng thọ"? Chẳng hạn có một người xuất ra năm vạn đồng bố thí cho tôi, thì tôi chính là "năng thọ" - kẻ thọ nhận; còn số tiền mà tôi thọ nhận từ người ấy chính là "sở thọ."

Không có năng thí thì cũng không có sở thí. Đã không có năng thí, sở thí, thì cũng không có năng thọ, sở thọ - tức là không có thọ giả - đó gọi là "tam luân thể không." Cho nên, bố thí mà không chấp trước vào tướng bố thí thì mới gọi là sự bố thí "tam luân thể không."

"Ba La Mật (paramita)" là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là "đáo bỉ ngạn" (đến bờ bên kia), và cũng là "bỉ ngạn đáo." "Đáo bỉ ngạn" là nói theo ngữ pháp của tiếng Trung Hoa; còn "bỉ ngạn

đáo" là nói theo ngữ pháp của tiếng Phạn (Ấn Độ) và tiếng Anh, có hơi khác với văn phạm của Trung văn. Vậy, "đáo bỉ ngạn" và "bỉ ngạn đáo," nói tóm lại là "đáo" cái "bỉ ngạn" nào?

"Đến bờ bên kia" (Đáo bỉ ngạn) ngụ ý rằng tất cả những việc mà chúng ta làm đã thành công rồi, chúng ta đã đạt mục đích, đã thực hiện được điều mình hằng mong muốn. Ví dụ, hiện nay chúng ta muốn chấm dứt sự sanh tử, thì đối với chúng ta, sanh tử là "bờ bên này" (thử ngạn), còn Niết Bàn là "bờ bên kia" (bỉ ngạn). Như thế, từ bờ sanh tử bên này mà vượt qua được con sông phiền não, tới được bờ Niết Bàn bên kia, gọi là "đến bờ bên kia."

Chúng ta từ thế giới này muốn đến thế giới Thường Tịch Quang của Phật, nếu bây giờ khởi hành thì đến khi tới nơi, cũng gọi là "Đến bờ bên kia." Từ bờ bên này của phàm phu mà sang đến bờ bên kia của Thánh nhân, chứng được Thánh quả, cũng gọi là "Đến bờ bên kia." Trước kia chúng ta chưa thông hiểu Phật Pháp, nay lại hiểu rõ Phật Pháp, tức là chúng ta cũng"Đến bờ bên kia" vậy.

Tuy nhiên, "Đến bờ bên kia" thì có "bờ bên kia rốt ráo" và "bờ bên kia không rốt ráo." Thế nào là "bờ bên kia rốt ráo"? Thế nào là "bờ bên kia không rốt ráo"? Phàm phu chúng ta nếu chứng đắc Sơ Quả tức là đến được "bờ bên kia" của Sơ Quả chứ chưa đến được "bờ bên kia" của Nhị Quả. Chứng đắc Nhị Quả tức là đến "bờ bên kia" của Nhị Quả, chứ chưa đến được "bờ bên kia" của Tam Quả. Chứng đắc Tam Quả tức là đến được "bờ bên kia" của Tam Quả. Chứng đắc Tứ Quả tức là đến được"bờ bên kia" của Tứ Quả, chứ vẫn chưa đến được "bờ bên kia" của Bồ Tát. Chứng đắc tri kiến và trí huệ của Bồ Tát tức là đến được"bờ bên kia" của Bồ Tát, chứ chưa phải là của chư Phật. Phải chứng được Phật Quả thì mới là đạt đến cái "bờ bên kia rốt ráo," và đó cũng chính là cái "bờ bên kia" cuối cùng.

Cho nên, ý nghĩa của ba chữ "đáo bỉ ngạn" (đến bờ bên kia) vô cùng thâm áo. Nay tôi chỉ giảng sơ lược đạo lý này, sau khi hiểu rõ ý nghĩa của từ ngữ "đến bờ bên kia" rồi, quý vị hãy

suy rộng ra, bổ sung thêm, để đạt đến chỗ rốt ráo của "bờ bên kia." Nói như vậy cũng có nghĩa là tuy tôi giảng rất ít, song quý vị có thể dựa vào những đạo lý tôi giảng mà suy rộng, bổ túc, triển khai vấn đề cho bao quát hơn; như thế thì tôi chỉ giảng một mà quý vị có thể lãnh hội được mười hoặc trăm.

Ngoài ra, như bây giờ bắt đầu giảng kinh, hai tiếng đồng hồ sau thì giảng xong, đó là "đến bờ bên kia," là "Ba La Mật" - buổi giảng kinh đã "đến bờ bên kia" vậy. Lại nữa, từ lúc bắt đầu giảng câu "Tôi nghe như vầy" (như thị ngã văn), có thể nói là chúng ta còn ở "bờ bên này" (thử ngạn); đến khi giảng xong câu "tất cả vui vẻ, tín thọ mà lui ra" (giai đại hoan hỷ, tín thọ nhi khứ), là chúng ta đã "đến bờ bên kia" - sang đến bờ bên kia rồi. Tóm lại, làm việc gì mà thành công, đạt mục đích rồi, thì đó là "đến bờ bên kia." Quý vị hiểu thấu suốt từ ngữ "đến bờ bên kia" này, tức là quý vị cũng "đến bờ bên kia" vậy. Mục đích tối hậu của chúng ta là thành Phật, chứng được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đắc quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì mục đích đó cũng chính là "bờ bên kia" (bỉ ngạn) của chúng ta vậy.

Tiếng Thi Ba La Mật. "Thi" là tiếng Phạn, nói đầy đủ là "Thi La" (Sila); Trung Hoa dịch là "thanh lương." "Thanh" là thanh tịnh, trong sạch; "lương" là lương sảng, mát mẻ. Vậy, "thanh lương" có nghĩa là vừa sạch sẽ vừa mát mẻ; ngụ ý rằng chẳng những không có phiền não mà còn được thoải mái, thanh thản nữa.

"Thi La" còn được dịch là "phòng chỉ" (ngăn dứt). Mỗi quốc gia đều có dự bị quân đội, để phòng khi nước khác không giữ quy củ, xâm lấn đất nước mình, thì mình có binh lính sẵn sàng để chống cự; đó gọi là "quốc phòng" - sự phòng bị của quốc gia. Gia đình có sự phòng bị của gia đình, mỗi cá nhân đều có sự phòng bị của riêng mình. Ở đây là nói về sự phòng bị của mình đối với chính mình.

Thế nào gọi là "phòng chỉ"? Đó là "phòng bị" mà"đình chỉ." Phòng bị việc gì? Tức là đề phòng tất cả điều ác, đình chỉ tất cả việc ác, tuyệt đối không làm điều ác. Và, đó chính là:

Chư ác mạc tác,
Chúng thiện phụng hành.
(Chớ làm các việc ác,
Vâng làm mọi việc lành.)

Khi xưa có một cư sĩ đến xin một vị Hòa Thượng giải thích cho ông biết Phật Pháp là gì. Hòa Thượng đáp: "Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành."

Vị cư sĩ liền nói: "Bạch Hòa Thượng, điều tôi muốn biết là Phật Pháp. Còn chuyện 'chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành,' thì đứa bé lên ba cũng biết được, sao Ngài lại bảo đó là Phật Pháp?"

Hòa Thượng đáp: "Tuy đứa bé ba tuổi hiểu được, nhưng ông già tám mươi không làm được!"

"Chư ác mạc tác."- *Chớ làm các việc ác* - Chư ác" tức là tất cả mọi cái ác, mà cũng là một trong những việc ác. Chữ "chư" này là chỉ số nhiều, mà cũng có thể hiểu là một. Ví dụ, quý vị làm được một việc ác thứ nhất tất sẽ làm được việc ác thứ hai, làm việc ác thứ hai rồi quý vị sẽ làm việc ác thứ ba, làm việc ác thứ ba rồi tất quý vị sẽ không ngần ngại mà làm việc ác thứ tư, cho đến cả trăm ngàn vạn điều ác - như thế, tất cả đều khởi sự từ con số một, từ một việc ác ban đầu mà sinh sôi nảy nở rồi tích lũy dần dần. Giống như trái núi, quý vị thấy to lớn như vậy, nhưng thực tế nó được kết thành từ những hạt bụi nhỏ, vô số hạt bụi kết tụ lại hình thành một hòn núi. Cho nên quý vị nói "nhiều," nhưng "nhiều" rốt cuộc là bao nhiêu? Không có số lượng nhất định! Thế thì chi bằng cứ nói là "một," như vậy còn dễ hiểu hơn!

Vì thế, ngay cả một việc ác cỏn con cũng không nên làm; đó chính là "chớ làm các việc ác" vậy. Nếu như nói "chớ làm các việc ác," e rằng có người lại nghĩ: "Đó là nói không nên làm nhiều việc ác, còn một việc ác này thôi thì đâu phải là nhiều, mình có làm cũng chẳng sao!" Cho nên, ở đây tôi nhấn mạnh là một việc ác còn không nên làm, huống hồ là nhiều việc ác! Nhiều thì càng không nên làm. Vậy, điều trọng yếu nhất, vi diệu nhất là một việc ác cũng không làm!

"Chúng thiện phụng hành." - *Vâng làm mọi việc lành* - "Chúng" là nhiều; đồng nghĩa với chữ "chư." "Chúng thiện phụng hành" nghĩa là tất cả mọi việc thiện, bất kể là lớn hay nhỏ, chúng ta đều nên làm, chẳng nên bỏ sót một việc nào. Cho dù là chuyện nhỏ nhặt, nhưng miễn là việc tốt thì cũng nên làm. Bằng không, nếu bỏ qua, thì sẽ bị thiếu một việc thiện nhỏ đó, mà như thế thì không thể gọi là "chúng thiện" được! "Chúng" là toàn thể đại dụng, trọn vẹn, không thiếu một chút gì. Do đó, không thể nói rằng: "Tôi chỉ làm việc thiện này thôi; tôi không thích làm việc thiện kia!" Làm thiện sự thì dù nhiều hay ít, dù lớn hay nhỏ, chúng ta cũng đều nên làm tất cả.

Còn đối với việc ác thì hoàn toàn trái ngược - việc ác, bất kể là lớn hay nhỏ, nhiều hay ít, chúng ta đều tuyệt đối không nên phạm. Nếu quý vị làm điều ác bất chấp lớn nhỏ, như thế là điên đảo đấy! Cho nên, sở dĩ vị Hòa Thượng này nói: "Tuy đứa bé ba tuổi hiểu được, nhưng ông già tám mươi không làm được," là vì chúng ta làm mà chưa đạt tới chỗ viên mãn.

"Thi La" còn có nghĩa là Giới - Giới Luật. Khi Đức Phật sắp nhập Niết Bàn, ngài A Nan thỉnh vấn bốn điều, và một trong bốn điều ấy là khi Phật còn tại thế thì chúng đệ tử thờ Phật làm Thầy, vậy sau khi Phật nhập Niết Bàn rồi thì phải tôn ai làm Thầy. Bấy giờ, Đức Phật dạy rằng: "Chúng đệ tử xuất gia phải lấy Giới làm Thầy!" Những giới luật ấy chính là "chớ làm các việc ác, vâng làm mọi việc lành," và cũng chính là "chỉ ác, phòng phi" - ngăn dứt điều ác, đề phòng việc quấy. Cho nên Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói Thi La Ba La Mật.

"Giới" là tối trọng yếu, là quan trọng nhất. Bố thí là vấn đề quan trọng nhất trong việc tu hành, mà trì Giới lại cũng là vấn đề quan trọng nhất. Sao có nhiều vấn đề "quan trọng nhất" vậy? Trong Phật Pháp không có thứ nhì, mà toàn là thứ nhất, bất cứ pháp nào cũng đều là thứ nhất cả!

Có người hỏi tôi: "Phật Pháp có tám vạn bốn ngàn pháp môn, vậy pháp môn nào là đệ nhất, cao nhất, vi diệu nhất?" Quý vị đoán tôi trả lời như thế nào? Tôi nói: "Phật Pháp có tám vạn

bốn ngàn pháp môn, thì có tám vạn bốn ngàn pháp môn là đệ nhất, là số một, không có pháp môn nào là hạng nhì cả!" Vì sao tôi nói như vậy? Tám vạn bốn ngàn pháp môn là để đối trị tám vạn bốn ngàn tật bệnh của chúng sanh. Mỗi chúng sanh đều mắc một chứng bệnh khác nhau, thế thì, pháp môn nào trị lành được bệnh của người nào, thì pháp môn ấy là hạng nhất đối với người đó vậy!

Thí dụ như các dược phẩm, có thứ thì trị nhức đầu, có thứ thì trị đau cổ, hoặc đau mắt, đau tai, nhức răng, sổ mũi..., có thứ thì trị các chứng bệnh khác trong cơ thể; vậy quý vị nói thứ thuốc nào là hay nhất, là số một? Nếu nói rằng thuốc nhức đầu là số một còn thuốc đau mắt là số hai, tức là sai lầm! Quý vị mắc chứng nhức đầu, uống thuốc đau đầu vào thì hết nhức, thì thuốc ấy là số một; quý vị bị bệnh đau mắt, uống thuốc đau mắt rồi thì hết đau, thì thuốc này cũng là số một vậy.

Loài người chúng ta đều có "bệnh" tham, sân, si; nếu quý vị hiểu Phật Pháp rồi trị được "bệnh" tham trong tâm mình, thì pháp môn trị tâm tham ấy là đệ nhất; nếu quý vị hiểu Phật Pháp rồi trị được "bệnh" sân, thì pháp môn trị tâm sân ấy là đệ nhất; và nếu quý vị hiểu Phật Pháp rồi dứt trừ được lòng si mê, thì pháp môn trị tâm si ấy là đệ nhất. Chúng sanh có tám vạn bốn ngàn thói hư tật xấu, Phật bèn giảng nói tám vạn bốn ngàn pháp môn để đối trị những thói hư tật xấu ấy. Hễ pháp môn nào trị dứt được bệnh của quý vị thì pháp môn ấy là số một; bằng không thì không gọi là số một được. Do đó, tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là tám vạn bốn ngàn pháp môn thuộc loại số một cả!

Kinh Kim Cang dạy:"Pháp đây bình đẳng, không có cao thấp." Đã không có cao thấp cho nên tôi nói cả tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là số một, là đệ nhất, quý vị bảo như thế có phải là Phật Pháp không?

Tôi giảng kinh không giống như các người khác - như "chư ác mạc tác," thì chữ "chư" phải giảng là "nhiều," không thể nào là "một" được! Tôi thì khác! Tôi áp dụng ngữ pháp của tiếng Anh, đảo ngược lại để truy tìm từ đầu. Bởi tôi không biết về số học,

con số nhiều quá làm tôi không biết đâu vào đâu nữa. Liệu mình không theo kịp, tôi bèn quày trở lại để đón đầu. Thí dụ có người chạy rất nhanh, người đó quẹo, tôi cũng quẹo, cứ thế mà chạy theo người ấy. Song người ấy chạy quá nhanh, biết mình không thể nào bắt kịp được, tôi bèn quay đầu chạy ngược hướng lại tức thì đón được anh ta! Quý vị xem, tôi giảng Kinh cũng theo phương thức ấy - số mục quá nhiều, đếm không nổi, do vậy tôi nói là"một" cho đơn giản. Như thế, chẳng những tôi mà ngay cả đứa trẻ con cũng có thể hiểu được! Đó là cách giảng của tôi!

"Thi La Ba La Mật." "Thi La" là trì Giới. Người trì Giới thì rất nhiều, nhưng người mà tôi muốn nói đến chính là Đạo Tuyên Luật Sư. Đạo Tuyên Luật Sư là một vị Pháp Sư trì Giới nghiêm minh bậc nhất và nghiên cứu Giới Luật cao thâm nhất ở Trung Hoa. Ngài do trì Giới tinh nghiêm mà khiến cho chư thiên cảm động và hằng ngày đến dâng cơm cúng dường; vì thế Ngài thọ dụng thức ăn của cõi trời chứ không phải của nhân gian. Trong các Tổ Sư ở Trung Hoa từ trước đến nay, chỉ có Đạo Tuyên Luật Sư được thọ hưởng sự cúng dường của chư thiên, và việc này ai ai cũng rõ biết.

Giới Luật thì chuyên nói về giới tướng, giới pháp và oai nghi - ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh. Ba ngàn oai nghi này từ đâu mà có? Từ Tứ Đại Oai Nghi - đi, đứng, nằm, ngồi - đi cũng phải có oai nghi, ngồi cũng phải có oai nghi, đứng cũng phải có oai nghi, và nằm cũng phải có oai nghi:

Hành như phong,
Lập như tùng,
Tọa như chung,
Ngọa như cung.
(Đi như gió
Đứng như tùng
Ngồi như chuông
Nằm như cung .)

"Hành như phong" - Đi như gió - tức là đi như làn gió. Gió này hoàn toàn không phải là gió lốc, cũng chẳng phải là cuồng phong. Đi mà hấp tấp như chạy, tất không là gió lốc thì cũng thành cuồng phong. Người xuất gia khi cất bước phải khoan thai như làn gió nhẹ, chỉ dịu dàng thổi lướt qua, không làm xao động mặt nước; tuy rằng có gió song không làm dậy sóng.

"Lập như tùng" - Đứng như tùng - tức là đứng thì thân phải thẳng như cây tùng, không nên ngoẹo đầu ngoẹo cổ, dáng vẻ ủ rủ chẳng có chút tinh thần, giống như chưa tỉnh ngủ vậy. Phải đứng cho ngay, thẳng người lên; khi đi thì đừng lúi húi khom lưng còng cổ, cũng đừng gằm đầu cúi mặt! Tuy nhiên, không nên cúi đầu tức là phải ngẩng đầu, nhưng ngẩng lên quá cũng không đúng, mà phải ngẩng một cách tự nhiên. Đây là nói về cách đứng, một trong bốn đại oai nghi.

Ngoài ra, khi đi thì không nên nhìn đông nhìn tây, cũng đừng dáo dác trông trước trông sau! Quý vị lơ láo nhìn ngó như thế mà cảnh sát trông thấy thì sẽ nghĩ: " A! Tên này khả nghi quá, hắn định dở trò trộm cướp gì đây. Hắn rình xem có ai ở nhà không để đột nhập đấy mà!" và liền chú ý đến quý vị. Cho nên, đừng nhìn ngang liếc dọc, chớ dáo dác dòm ngó!

"Tọa như chung" - Ngồi như chuông - tức là ngồi ngay ngắn, vững chãi như cái chuông úp vậy.

"Ngọa như cung" - Nằm như cung - tức là nằm như cái cung. Đó là tư thế "thác tai đáp khác," còn gọi là dáng nằm kiết tường. "Thác tai" là nằm nghiêng về bên tay phải, bàn tay lật ngửa ra kê dưới má phải; "đáp khác" là tay trái duỗi ra và bàn tay úp lại để trên bắp đùi trái; hai chân hơi co lên một chút, tư thế tựa như cây cung.

Về bốn đại oai nghi đi đứng nằm ngồi, thì mỗi oai nghi có hai trăm năm mươi điều lệ - hai trăm năm mươi điều về đi, hai trăm năm mươi điều về ngồi, hai trăm năm mươi điều về đứng, hai trăm năm mươi điều về nằm. Đi sâu vào chi tiết thì mỗi một oai nghi đều có tới hai trăm năm mươi điều lệ, chứ chẳng phải là chuyện đơn giản! Như thế, bốn đại oai nghi thì tổng cộng là một

ngàn điều lệ. Một ngàn điều lệ cho mỗi thời - quá khứ một ngàn, hiện tại một ngàn và vị lai một ngàn - nên tổng cộng là ba ngàn oai nghi.

Đạo Tuyên Luật Sư trì giới tinh nghiêm, đầy đủ ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh, cho nên người cõi trời cảm động mà dâng cơm cúng dường Ngài. Lúc tu hành, Ngài không tùy tiện nói cười. Nói chuyện với Ngài phải nói hợp với Giới Luật thì Ngài mới đáp lại; bằng không, Ngài không trả lời. Ngài không tùy tiện cười đùa, cũng chẳng khóc than, nóng giận, mà luôn luôn có vẻ điềm tĩnh, bình thản vốn sẵn - không mừng, không giận, chẳng buồn, chẳng vui. Không có mừng giận buồn vui, thế thì đó là người gì? Phải chăng là người gỗ - người gỗ thì chẳng biết mừng vui, chẳng biết nổi nóng, chẳng biết khóc than, cũng chẳng biết cười đùa? Thật ra, con người, khi những trạng thái mừng giận buồn vui không còn phát khởi, thì đó chính là lúc họ đạt đến Trung Đạo. Người trì Giới, nhất cử nhất động đều phải giữ Trung Đạo. Đạo Tuyên Luật Sư nhờ giữ Trung Đạo, cho nên người cõi trời cảm động mà ngày ngày mang vật thực tới cúng dường Ngài. Hằng ngày, cứ vào giữa trưa, Tiên Lục Huyền Sướng lại đến dâng cúng Ngài những đồ ăn thức uống của cõi trời.

Đạo Tuyên Luật Sư vốn tu hành trên núi Chung Nam (Trung Hoa). Núi Chung Nam nối liền với rặng Hy Mã Lạp Sơn, dãy núi thông nhau liên tiếp, không đứt đoạn. Nghe nói có rất nhiều người đến núi Chung Nam tu hành và được ngộ Đạo. Trên núi này cũng có rất nhiều cọp beo, nhưng chúng không hề gây trở ngại cho những vị xuất gia tu Đạo, lại còn hộ pháp cho họ nữa.

Đạo Tuyên Luật Sư bấy giờ sống trong một am tranh trên núi Chung Nam để tu hành, và ngày ngày đều được thiên nhân đến cúng dường vật thực. Biết được chuyện ấy, Khuy Cơ Pháp Sư liền sanh vọng tưởng; vọng tưởng gì? Ngài nghĩ: "Tất cả đồ ăn thức uống của nhân gian, chay cũng như mặn, ta đều đã nếm qua; duy có thức ăn của cõi trời là ta chưa được thưởng thức mà thôi. Nay Đạo Tuyên Luật Sư được người trời cúng dường, ta

phải đến chỗ ông ấy thọ trai một bữa cho biết mới được!" Thế là Ngài liền đến núi Chung Nam để gặp Đạo Tuyên Luật Sư.

Đương thời, Khuy Cơ Pháp Sư là Quốc Sư trong nước. Ngài vốn là đệ tử của Huyền Trang Pháp Sư và chuyên giảng về Duy Thức. Khuy Cơ Pháp Sư vô cùng thông minh; Ngài là một nhân vật chủ yếu trong số tám, chín trăm Hòa Thượng cùng hợp tác phiên dịch kinh điển tại chùa Bạch Mã.

Khuy Cơ Pháp Sư đến am tranh rất sớm để đợi bữa cơm trưa, vì Đạo Tuyên Luật Sư chỉ thọ trai vào giờ ngọ. Nhưng đợi mãi, tới quá trưa, rồi xế chiều, cho đến tối mịt cũng không có ai đến dâng cúng thức ăn cả; cho nên cả ngày hôm đó Đạo Tuyên Luật Sư không có gì để dùng qua bữa, Khuy Cơ Pháp Sư cũng đành phải ôm bụng chịu đói!

Pháp Sư Khuy Cơ thường nhật quen dùng những thức ăn ngon, bây giờ suốt một ngày phải nhịn đói, chịu không nổi - mối phiền não này thật tình là không phải nhỏ - bèn chất vấn ngài Đạo Tuyên: "Nghe nói chỗ Ngài có người trời dâng cơm cúng dường, thế sao hôm nay tôi đến lại chẳng thấy có động tịnh gì cả? Hay là Ngài nói khoác? Có phải là Ngài vọng ngữ, dối người?"

Đạo Tuyên Luật Sư nói: "Tùy Ngài, muốn nói sao cũng được! Ngài nói tôi lừa dối mọi người thì cũng mặc Ngài, song chỉ có tôi biết là tôi có dối gạt người khác hay không mà thôi!"

Mặc dù Khuy Cơ Pháp Sư nói oan cho Đạo Tuyên Luật Sư là lừa dối người, nhưng Luật Sư vẫn không buồn biện luận lôi thôi. Khuy Cơ Pháp Sư đợi mãi đến chiều tối; rồi vì trời tối mịt nên về không được, phải ở lại am tranh. Hai ngài - Khuy Cơ Pháp Sư thì to béo, còn Đạo Tuyên Luật Sư thì gầy ốm. Đạo Tuyên Luật Sư mặc dù thọ dụng thức ăn của chư thiên cúng dường, nhưng lại không được mập; Khuy Cơ Pháp Sư thì tuy không có thực phẩm của nhà trời để dùng, mà lại phốp pháp, mập mạp - một phần cũng vì Pháp Sư ngon miệng, nên suốt ngày cứ khuyến khích đầu bếp ráng nấu những món chay thật ngon lành!

Thế là đêm hôm ấy, Khuy Cơ Pháp Sư phải ở lại am tranh; Ngài không tham Thiền, kê đầu là ngủ, lại còn ngáy vang như sấm.

Trong khi đó, Đạo Tuyên Luật Sư ngồi Thiền, nhưng bị tiếng ngáy ồn ào của Khuy Cơ Pháp Sư quấy rầy, lại thêm lũ rận không ngớt làm Ngài khó chịu (khí hậu ở vùng núi Chung Nam rất lạnh, người tu Đạo lại bận dụng công, rất ít tắm rửa, nên trong mình thường có rận); khiến cho Ngài không tài nào nhập Định được. Do đó, Ngài đành phải ngồi bắt rận; nhưng vì trì Giới, không dám sát sanh, nên Ngài bắt từng con rồi từ từ thả nhẹ xuống đất cho chúng tự bò đi nơi khác. Lúc bấy giờ trong am không đốt đèn, mà Khuy Cơ Pháp Sư cũng đã ngủ say, chẳng thể hay biết chuyện gì được. Sau đó, Đạo Tuyên Luật Sư lại tiếp tục tọa Thiền.

Sáng hôm sau, Đạo Tuyên Luật Sư trách Khuy Cơ Pháp Sư: "Sao Ngài chẳng tu hành gì cả vậy? Không tọa Thiền, không dụng công, tối đến đặt lưng xuống là ngủ vùi, lại còn ngáy ầm ĩ và mớ nữa, khiến tôi đây không thể tọa Thiền, cũng chẳng nhập Định được!"

Khuy Cơ Pháp Sư nói: "Ngài nói tôi không tu hành ư? Tôi lại thấy Ngài mới là kẻ chẳng tu hành đấy! Ngài nói có thiên nhân đến cúng dường cho Ngài, song tôi chờ mãi mà chẳng thấy bóng một thiên nhân nào tới cả. Đã thế, đêm qua Ngài không chuyên chú dụng công mà lại ngồi bắt rận. Ngài bắt được hai con, nếu Ngài lỡ tay gí chết chúng thì cũng được đi, đằng này Ngài lại thả xuống đất, khiến một con thì bị té chết, một con thì bị gãy mất hai chân. Con rận bị chết đó bèn tố cáo Ngài với Diêm La Vương, cho nên Diêm La Vương định phái loài quỷ đến bắt Ngài về tra hỏi. Tôi phải nói tốt cho Ngài, rằng Ngài là một người tu Đạo, mong Diêm Vương lượng thứ cho Ngài, và xin cho hai con rận kia đi đầu thai; nhờ vậy Ngài mới không bị liên lụy. Thế mà nay Ngài lại nói ngược là tôi quấy rầy Ngài, không để yên cho Ngài tu hành! Xem ra, Ngài mới thật là kẻ không biết tu hành đấy!"

Đạo Tuyên Luật Sư thắc mắc tự hỏi: "Ông ta làm sao mà biết chuyện mình thả hai con rận xuống đất được nhỉ? Đêm qua lại không đốt đèn, sao ông ta lại biết rõ sự việc đến thế?" Tuy nghĩ như thế, Đạo Tuyên Luật Sư vẫn không dám biện hộ; bởi Ngài nghiêm trì Giới Luật, không lời qua tiếng lại tranh cãi với người khác. Người ta nói Ngài thế nào Ngài cũng nhẫn chịu, không hề tranh biện.

Sau đó, Khuy Cơ Pháp Sư chào từ biệt Đạo Tuyên Luật Sư: "Chào Ngài, tôi đi đây! Ngài cứ ở đây mà làm ra vẻ tu hành. Tôi không muốn chờ đến trưa để thọ trai nữa!"

Trưa hôm đó, Tiên Lục Huyền Sướng lại đến cúng dường Đạo Tuyên Luật Sư như thường lệ. Đạo Tuyên Luật Sư nói với vẻ không vui: "Hôm qua sao ông không đến?"

Tiên Lục Huyền Sướng lập tức quỳ xuống thưa:"Thưa Luật Sư! Hôm qua không phải là tôi không đến dâng cúng. Chẳng qua là tôi đã đến đây rồi, song không cách nào vào trong am của Ngài được cả. Lúc tôi đến, chung quanh am tranh này trong vòng bốn mươi dặm, đều tràn ngập một thứ ánh sáng sắc vàng chói ngời, rực rỡ. Tôi bị chóa mắt, không thể nào nhìn thấy con đường trước mặt được nữa. Tôi bèn hỏi Thổ Địa Bồ Tát là vì sao phía trước lại có hào quang chói vàng rực rỡ, khiến tôi không thể đi tới được như thế; thì Thổ Địa Bồ Tát đáp rằng: 'Bởi vì trong nhà tranh đó có một người vốn là nhục thân Bồ Tát - một vị Bồ Tát sống.' Hôm qua tôi đi lui đi lại đến mấy lần, nhưng đều không có cách nào vào được, cho nên không thể cúng dường cho Ngài, cúi mong Ngài lượng thứ cho!"

Đạo Tuyên Luật Sư bấy giờ mới vỡ lẽ: "Thảo nào Khuy Cơ Pháp Sư được Hoàng Đế hết lòng tin tưởng và tôn làm Quốc Sư! Thì ra Ngài chính là nhục thân Bồ Tát!"

Từ đó về sau, Đạo Tuyên Luật Sư không dám coi thường Khuy Cơ Pháp Sư nữa. Thật cảnh giới của Bồ Tát, chúng ta không thể nào suy đoán được!

Tiếng Sằn Đề Ba La Mật. Trong sáu Độ (Lục Ba La Mật) thì tôi đã giảng xong hai Độ, như thế là còn bốn Độ nữa. Vậy, Độ

thứ ba là "Sằn Đề"; đây cũng là tiếng Phạn (Ksanti); Trung Hoa dịch là "nhẫn nhục."

"Nhẫn nhục" thì gồm có Sanh Nhẫn, Pháp Nhẫn và Vô Sanh Pháp Nhẫn. Vô Sanh Pháp Nhẫn là một cảnh giới vô cùng thâm áo, vi diệu, luôn tràn ngập một niềm Pháp hỷ. Phải chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, thì quý vị mới thực sự nếm được mùi vị của Phật Pháp, thực sự hiểu rõ được sự áo diệu và không thể nghĩ bàn của Phật Pháp.

Quý vị phải có thể nhẫn nhục thì mới mong đạt được "Ba La Mật"; không nhẫn nhục được thì không thể nào đạt được "Ba La Mật" - không đến được "bờ bên kia" vậy!

Tiếng Tỳ Ly Da Ba La Mật. "Tỳ Ly Da" cũng là Phạn ngữ (Virya); Trung Hoa dịch là "tinh tấn"; và đây là Độ thứ tư trong Lục Độ. Có người hiểu lầm đức tinh tấn này là tinh tấn hướng theo ngoại đạo; nhưng kỳ thực, người chân chánh hiểu rõ tinh tấn thì phải tinh tấn hướng về Phật Pháp. Nếu hướng theo ngoại đạo mà tinh tấn, thì đó chỉ là tu khổ hạnh một cách vô ích mà thôi.

Ở Ấn Độ có rất nhiều tà phái ngoại đạo. Có phái ngoại đạo chủ trương không ăn cơm mà chỉ ăn cỏ, bắt chước các hành vi của loài trâu, trì giữ "ngưu giới" (giới trâu). Có phái ngoại đạo thì đề xướng học theo những hành vi, động tác của chó và trì "cẩu giới" (giới chó) - việc gì chó không làm thì họ không làm; thức nào chó không ăn thì họ cũng chẳng đụng đến; chỉ những thức nào chó chịu ăn thì họ mới ăn mà thôi. Đó gọi là "ngưu cẩu giới" (giới trâu, giới chó).

Lại có phái ngoại đạo thì đề xướng việc ngủ trong đống tro. Thân thể con người vốn đã không được sạch sẽ rồi, thế mà họ thì sao? Họ lại còn bôi tro lên khắp mình mẩy cho dơ dáy thêm, cứ vùi thân trong tro trong bụi mà bảo đó là tu hành!!!

Ngoài ra, còn có phái ngoại đạo đưa ra chủ thuyết rằng tu hành thì phải chịu khổ - chịu khổ như thế nào? Phải nằm ngủ trên giường đinh để chứng tỏ rằng mình có khả năng chịu đựng sự đau đớn về thể xác, có thể thực hành mọi khổ hạnh.

Trên đây là một vài thí dụ điển hình trong vô số khổ hạnh tự hành hạ thân xác một cách phi lý và vô ích của các phái ngoại đạo. Những kẻ ấy tự cho rằng họ rất tinh tấn dụng công; kỳ thực, đó chỉ là một thứ tinh tấn của tà tri tà kiến chứ không phải của chánh tri chánh kiến, cho nên thứ tinh tấn ấy chẳng có ích lợi gì cả!

Chúng ta hãy tinh tấn về mặt thiện pháp, chứ đừng nên tinh tấn về mặt ác pháp. Nếu quý vị áp dụng sự tinh tấn vào ác pháp, thì đó là đi ngược với Đạo, là quay lưng lại với Đạo vậy.

Đối với thiện pháp, tinh tấn tức là chăm chỉ lạy Phật, tụng kinh, lễ sám, niệm Phật - đó là nói về "thân tinh tấn" (sự tinh tấn của thân). Rồi kế đến là "tâm tinh tấn" (sự tinh tấn của tâm); thế nào gọi là "tâm tinh tấn"? Tức là trong lòng thời thời khắc khắc đều nhớ đến việc tu hành, niệm niệm không quên siêng năng tu tập thiện pháp, lúc nào cũng hăng hái tu hạnh Tinh Tấn Ba La Mật, chẳng quản mệt nhọc.

Nếu quý vị chân chánh tu học Phật Pháp, tất quý vị sẽ không cảm thấy mệt mỏi, cũng chẳng thấy đói bụng hay khô cổ, và cũng không phải chịu đựng những phiền nhiễu ngoài ý muốn. Vì sao vậy? Vì hễ quý vị tinh tấn thì sẽ không thấy có thứ cảm giác uể oải, chán nản đó nữa. Nếu quý vị biếng nhác, thiếu tinh tấn, thì rất dễ sanh nhiều tật xấu, lại thường cảm thấy mệt mỏi, xuống tinh thần, chỉ muốn đi ngủ cho khỏe thân mà thôi! Tinh tấn là thước đo chủ yếu xem mình như thế nào. Vậy, ở mọi nơi mọi lúc chúng ta đều phải siêng năng tu hành thiện pháp, như thế mới gọi là "Tinh Tấn Ba La Mật."

Trong khóa tu học vào mùa hè năm ngoái, lúc giảng Kinh Lăng Nghiêm, tôi có đề cập đến bốn câu kệ mà người xuất gia cần phải khắc cốt ghi tâm. Khi Đức Phật còn trụ thế, các đệ tử xuất gia của Phật hằng ngày đều phải trì tụng bài kệ ấy, tuyệt đối không được xao lãng; vì thế mà trong khóa hè năm ngoái tôi đã đặc biệt đem ra giảng cho quý vị nghe. Tôi thậm chí nhận thấy rằng những người có ý định muốn xuất gia cũng cần phải thuộc

nằm lòng bốn câu đó, huống hồ là những kẻ đã xuất gia - quý vị lại càng không được quên! Bốn câu kệ ấy như sau:

Thủ khẩu nhiếp ý thân mạc phạm,
Mạc não nhất thiết chư hữu tình,
Vô ích khổ hạnh đương viễn ly,
Như thị hành giả khả độ thế.

(Gìn lời giữ ý, thân chớ phạm,
Chớ gây phiền não hại chúng sanh,
Vô ích khổ hạnh cần xa lánh,
Hành giả như thế khéo độ đời.)

"Thủ khẩu nhiếp ý thân mạc phạm" (gìn lời giữ ý, thân chớ phạm). "Thủ khẩu" có nghĩa là không nói năng một cách tùy tiện, cũng không tùy tiện phê đúng phê sai, nói cái này tốt, bảo cái kia xấu, khen món nọ ngon, chê thức kia dở ...; mà phải "giữ mồm giữ miệng," thận trọng từng lời ăn tiếng nói.

"Nhiếp ý," tức là thâu nhiếp ý niệm lại, không để cho nó chạy đông chạy tây, không vọng tưởng viễn vông, không nghĩ ngợi lăng xăng.

"Thân mạc phạm," có nghĩa là thân không phạm Giới.

Từng giây từng khắc, chúng ta nhất định phải luôn luôn tự nhắc nhở chính mình rằng mình là người xuất gia, dứt khoát không được vi phạm Giới Luật, quy củ - đó gọi là "thủ khẩu, nhiếp ý, thân mạc phạm" vậy.

"Mạc não nhất thiết chư hữu tình" (chớ gây phiền não hại chúng sanh.) Chúng ta không nên quấy nhiễu, não loạn chúng hữu tình. Chẳng riêng gì đối với con người, mà ngay cả đối với một con vật cũng vậy, nếu quý vị làm cho nó giận dữ tức là quý vị không đúng rồi. Phàm là người xuất gia thì chớ nên gây phiền não cho mọi chúng sanh.

"Vô ích khổ hạnh đương viễn ly" (vô ích khổ hạnh cần xa lánh). Đối với mười hai hạnh Đầu Đà thì chúng ta nên thực hành; nhưng đối với những khổ hạnh không có ích và không khế hợp với Phật Pháp thì chúng ta cần phải tránh xa, chớ nên theo. Thậm

chí có phái ngoại đạo tuyên bố là có phương pháp tu hành thành Phật ngay trong đời này, thì quý vị cũng chớ nên học theo! Chúng ta chỉ nên y chiếu giáo pháp của Đức Phật để tu hành, chứ đừng chạy theo những kẻ tu "ngưu cẩu giới," bắt chước lối sống của loài trâu, loài chó. Do đâu mà nảy sinh hiện tượng "ngưu cẩu giới"?

Hàng ngoại đạo thực hành khổ hạnh, tự hành hạ thân xác, làm những việc rất khổ cực, và cũng có người được mở Thiên Nhãn. Sau khi có Thiên Nhãn, họ tình cờ trông thấy một con chó được thác sanh lên cõi trời. Thế là họ kết luận ngay rằng loài chó được thăng thiên, vậy nếu họ học theo loài chó, thì họ cũng sẽ được thăng thiên như thế; cho nên họ bèn trì "cẩu giới," bắt chước sống theo loài chó.

Lại có những kẻ ngoại đạo khác cũng được Thiên Nhãn Thông, thì trông thấy một con trâu sau khi chết được sanh lên cõi trời; cho nên họ bèn học theo cách của loài trâu, trì giữ "ngưu giới."

Những kẻ ngoại đạo này vì không có trí huệ, cho nên tuy khó nhọc tu tập nhiều loại khổ hạnh nhưng đều không được ích lợi gì cả; do đó nói "vô ích khổ hạnh đương viễn ly."

"Như thị hành giả khả độ thế" (hành giả như thế khéo độ đời). Người hành Đạo cần phải như vậy - thủ khẩu, nhiếp ý, trì Giới, không não loạn chúng sanh, không hành xác một cách vô ích - thì mới có thể cứu đời và giáo hóa chúng sanh.

"Tinh tấn," thật ra, vốn không hiện hữu. Sở dĩ nói có tinh tấn, chẳng qua là để nói pháp với phàm phu chúng ta mà thôi; chứ căn bản thì không có cái gọi là "tinh tấn." Do đó, có thể nói rằng cả sáu Độ trong Lục Độ đều là Tinh Tấn, mà đồng thời cũng đều không phải là Tinh Tấn.

Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục là thuộc về sự tinh tấn của thân; còn Thiền Định, Bát Nhã (Trí Huệ) là thuộc về sự tinh tấn của tâm. Như vậy, tinh tấn hoàn toàn không hiện hữu vì nó đã hợp nhất với năm Độ kia và được biến thành thứ khác. Thí dụ, quý vị chăm chỉ tu hạnh bố thí, thì đó là sự tinh tấn của Bố Thí;

quý vị nghiêm trì Giới Luật, thì đó là sự tinh tấn của Trì Giới; quý vị kiên trì nhẫn nhục chịu đựng, thì đó là sự tinh tấn của Nhẫn Nhục. Nếu quý vị chuyên cần tinh tấn thêm nữa, thì đó là sự tinh tấn của Tinh Tấn, tức là bản thân của tinh tấn đang tinh tấn, nỗ lực. Lại nữa, nếu quý vị siêng năng tọa Thiền, không nghỉ ngơi, chẳng nề mỏi mệt, thì đó là sự tinh tấn của Thiền Định; quý vị chuyên cần tu tập Trí Huệ Bát Nhã, thì đó là sự tinh tấn của Trí Huệ; quý vị học tập pháp môn Bát Nhã, thì đó là sự tinh tấn của Bát Nhã.

Cho nên, tinh tấn tự nó vốn không hiện hữu, bởi nó được biến thành một thứ "lao nhi vô công" - tuy vất vả song chẳng cậy công. Do đó, quý vị không nên chấp trước rằng mình có tinh tấn, vì như thế mới gọi là sự tinh tấn chân chánh! Nếu quý vị cứ cố chấp, khăng khăng cho rằng mình tinh tấn như thế này như thế nọ, rằng sự tinh tấn của mình là vô lượng vô biên, rằng mình rất tinh tấn tu học Lục Độ Ba La Mật - thì kể như quý vị chẳng tinh tấn gì cả! Bởi như thế tức là có một cái "tinh tấn" nằm chắn trong lòng và làm trở ngại tư tưởng siêu thoát của quý vị, khiến cho quý vị không có được sự tinh tấn chân chánh.

Một khi chân chánh hiểu rõ Phật Pháp, quý vị sẽ thấy rằng tất cả vốn không hiện hữu. Lúc chưa thấu triệt thì quý vị còn thấy có cái gọi là "tinh tấn," song đến lúc hiểu rõ rồi thì sẽ không thấy có nó nữa! Nghe nói như thế thì có người sẽ bảo: "Hiện tại tôi không thấy có gì cả, vậy tôi chẳng cần phải tinh tấn!" Đành rằng quý vị không tinh tấn thì tinh tấn cũng chẳng hiện hữu, song ở đây vẫn có điểm khác biệt. Đó là, nếu quý vị thực sự hiểu Phật Pháp, thì sự tinh tấn chân chánh cũng không hiện hữu! Vì sao ư? Bởi vì bấy giờ quý vị không còn chấp trước nữa! Còn nếu quý vị không hiểu Phật Pháp, vẫn còn một mực chấp trước ở sự tinh tấn của mình, thì đó không thể kể là tinh tấn được. Chính vì quý vị thực tình không hiểu Phật Pháp, hoàn toàn không biết thế nào là tinh tấn, cho nên càng không thể nói là mình tinh tấn!

Về Phật Pháp, bởi quý vị chưa hiểu nên không biết, chứ khi hiểu được rồi thì còn cần phải buông bỏ luôn cả Phật Pháp nữa;

bằng không, tức là quý vị vẫn còn chưa hiểu Phật Pháp! Chúng ta phải lìa bỏ tất cả các tướng, chớ nên chấp trước vào bất cứ một cái gì; bởi hễ còn có chỗ chấp trước, bám víu, tức là chưa hiểu Phật Pháp vậy!

Tiếng Thiền Ba La Mật. "Thiền" là tiếng Phạn, gọi tắt từ chữ "Thiền Na" (Dhyana); Trung Hoa dịch là "tư duy tu," và cũng là "tịnh lự." Về Thiền Định thì có Tứ Thiền, Bát Định, và còn có Cửu Thứ Đệ Định nữa. Ngoài ra, Thiền lại được phân làm Thế Gian Thiền, Xuất Thế Gian Thiền, và Xuất Thế Thượng Thượng Thiền.

Phàm phu chúng ta thì tu Thế Gian Thiền; trong đó bao gồm Tứ Vô Lượng Tâm và Tứ Vô Sắc Định. Về những cảnh giới này, tôi không giải thích cặn kẽ, bởi chỉ cần quý vị dụng công tu hành và tọa Thiền thì tự nhiên sẽ thấu rõ được tất cả. Còn Xuất Thế Thiền là gì? Xuất Thế Thiền thì gồm có Tứ Thiền Bát Định, Bát Thắng Xứ, Bát Bội Xả.

Bây giờ tôi có giảng rõ những danh tướng này thì cũng chỉ làm cho quý vị thấy rối thêm mà thôi! Bởi vì ví dụ nói rằng món này ngon, nhưng nếu không ăn thử thì rốt cuộc quý vị cũng không biết được mùi vị của nó là ngon lành ra sao cả! Cho nên, bây giờ quý vị biết là có nhiều thứ khác nhau như Thế Gian Thiền, Xuất Thế Gian Thiền, Xuất Thế Gian Thượng Thượng Thiền, Như Lai Thiền, Tổ Sư Thiền... rồi; chỉ cần quý vị chịu siêng năng dụng công tu hành, sau này chắc chắn quý vị sẽ biết được "hương vị" của các thứ đó.

Tiếng Bát Nhã Ba La Mật. "Bát Nhã" là tiếng Phạn (Prajna); Trung Hoa dịch là "trí huệ." Trí Huệ lại phân ra Thế Gian Trí và Xuất Thế Gian Trí.

Thế Gian Trí cũng gọi là Thế Trí Biện Thông. Những tiến bộ về khoa học, triết học hiện nay cùng tất cả các kiến thức, đều là học vấn của thế gian. Khả năng biện luận thông minh, nhạy bén về các việc thế gian, dù không có lý cũng có thể nói thành có lý - đó gọi là Thế Trí Biện Thông.

Xuất Thế Gian Trí tức là trí huệ của xuất thế gian. Siêng năng cầu Phật Đạo, nghiên cứu Phật Pháp không bao giờ ngơi nghỉ, thậm chí lúc ngủ cũng tư duy đến Phật Pháp, chiêm bao cũng suy nghĩ đến Phật Pháp, và cho dù ốm đau bệnh hoạn, bất kỳ lúc nào cũng nghĩ đến Phật Pháp - đó chính là chân chánh tu tập trí huệ xuất thế vậy.

Vậy thì trí huệ xuất thế gian và trí huệ thế gian rốt cuộc là một hay là hai thứ khác nhau? Đó vốn chỉ là một, nhưng còn phải xem quý vị sử dụng nó như thế nào - dùng vào chuyện thế gian thì nó là trí huệ thế gian, dùng ở Phật Pháp xuất thế thì nó là trí huệ xuất thế.

Trí huệ hoàn toàn không có hai, mà chỉ phân ra để giảng thôi. Ban đầu, quý vị nghiên cứu các vấn đề của thế gian và biết được tất cả mọi thứ trên cõi đời này đều là Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã. Rồi sau đó, nếu quý vị dùng cái trí hiểu biết về việc thế gian ấy để nghiên cứu học vấn xuất thế, thì đó cũng chính là trí huệ xuất thế vậy. Cho nên, Thế Gian Trí và Xuất Thế Gian Trí vốn không phải là hai.

Đa số người đời chỉ có trí huệ thế gian chứ không có trí huệ xuất thế gian; song cũng có người lại có trí huệ xuất thế gian mà không có trí huệ thế gian. Vì sao lại có sự như thế? Có nhiều người rất thông minh nhưng cứ làm toàn những việc hồ đồ - chuyện không cần thiết thì tận lực mà làm, còn việc quan trọng như vấn đề sanh tử thì lại thờ ơ, chẳng để ý đến và cũng chẳng muốn tìm hiểu. Ngoài ra, cũng có người nghiên cứu vấn đề xuất thế nhưng lại không hiểu gì về pháp thế gian cả. Chúng ta cần phải hiểu rõ cả pháp nhập thế lẫn pháp xuất thế:

"Ký nhập thế nhi xuất thế,
Ký xuất thế nhi nhập thế."

Nhập thế mà xuất thế, xuất thế mà nhập thế - sự nhập thế và xuất thế cần phải thông đạt vô ngại. Nếu quý vị hiểu rõ thì nhập thế cũng chính là xuất thế; nhược bằng không hiểu thì cho dù là xuất thế cũng trở thành nhập thế vậy!

Cổ nhân có câu:

Thông minh nãi thị âm trắc trí,
Âm trắc dẫn nhập thông minh lộ,
Bất tín âm trắc sử thông minh,
Thông minh phản bị thông minh ngộ.
(Thông minh sáng dạ nhờ âm đức,
Âm đức dẫn lối tới thông minh,
Thông minh nếu chẳng tin âm đức,
Ấy thông minh phản, thông minh hại)

"Thông minh nãi thị âm trắc trí" (thông minh sáng dạ nhờ âm đức). Chúng ta nhờ đâu mà có được trí thông minh? Đó là nhờ đời trước chúng ta làm được nhiều việc "âm trắc." Việc "âm trắc" là gì? Đó là những việc nhân đức được thực hiện một cách âm thầm với lòng hảo tâm thật sự, chứ không phải với mục đích khoe khoang, hoặc để cho người khác thấy. Chẳng hạn có người cảnh nhà đơn chiếc, chết mà không có quan tài để chôn, quý vị động lòng trắc ẩn bèn mua cho người đó một cỗ áo quan, rồi lo khâm liệm và chôn cất tử tế; tuy làm được một việc tốt, đáng khen, nhưng quý vị không khoe khoang, không tiết lộ với ai cả - như thế là có âm đức vậy.

Tóm lại, quý vị ngầm giúp đỡ hoặc làm những việc có lợi cho người khác, song quý vị không kể lể lôi thôi, không để cho ai biết cả, thì đó gọi là "âm trắc." Đời trước làm nhiều việc âm trắc thì đời này được thông minh; đời trước xem nhiều sách về Phật Học, tụng nhiều kinh điển Phật Giáo, như tụng Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật được vài vạn biến, thì đời này cũng được thông minh, sáng dạ. Ngoài ra, nếu đời trước đọc sách nhiều, chịu khó nghiên cứu sách vở để học hỏi, thì đời này cũng được trí óc minh mẫn. Như vậy, trí thông minh chính là đến từ âm trắc - do đời trước đã tu nhân tích đức, tạo được nhiều âm đức, cho nên đời này mới được thông minh tài trí hơn người.

"Âm trắc dẫn nhập thông minh lộ" (âm đức dẫn lối tới thông minh). Nhờ có đức hạnh cho nên quý vị mới được thông minh;

do đó có thể nói rằng chính đức hạnh đã dẫn dắt quý vị tới con đường thông minh vậy.

"Bất tín âm trắc sử thông minh,/ Thông minh phản bị thông minh ngộ" (thông minh nếu chẳng tin âm đức,/ ấy thông minh phản, thông minh hại). Nếu đời này quý vị được thông minh, nhưng vì quên lãng nên quý vị không đi theo đường ngay nẻo phải, không tin âm đức, không làm việc thiện, chỉ cậy vào trí thông minh của mình để mưu đồ việc xấu, thì chính cái trí thông minh của quý vị sẽ hại quý vị vậy. Vì sao ư? Bởi nếu không thông minh thì quý vị sẽ không làm được nhiều việc xấu! Chính vì thông minh lanh lợi cho nên quý vị mới biết được những điều mà kẻ khác không thể nào ngờ tới; do đó, cho dù quý vị làm điều mờ ám hoặc ám hại người khác, thì nhờ khôn khéo, quý vị vẫn không bị ai nghi ngờ hoặc phát giác ra được. Cho nên, sử dụng trí thông minh mà không tin là có âm đức, thì cái trí thông minh đó sẽ trở thành chướng ngại, và là thứ "thông minh có hại" vậy!

Thời Tam Quốc (Trung Hoa), Tào Tháo vốn là một người rất thông minh, có thể nói là thông minh còn hơn cả quỷ thần nữa. Ông ta cũng có một vài thành tựu nhờ thông minh, mưu trí. Tuy nhiên, những tác hại do cái trí thông minh xảo quyệt của ông ta gây ra cũng không phải là ít!

Những kẻ thích được thông minh sau khi nghe qua bài kệ trên, thì nên nỗ lực làm việc tốt, có ích cho nhân quần, chứ đừng mưu tính chuyện hãm hại người khác.

Để bổ sung cho phần giảng về "Trì Giới Ba La Mật," tôi kể cho quý vị nghe một công án. Vào thuở Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn trụ thế, có hai thầy Tỳ Kheo nọ cùng nhau đi bái kiến Đức Phật. Trải qua một lộ trình dài thì hết nước uống, cả hai vị Tỳ Kheo này đều bị kiệt sức vì khát. Giữa lúc tuyệt vọng, tưởng chừng sắp phải chết khát ấy, một vị Tỳ Kheo chợt trông thấy một cái sọ người, bên trong còn đọng chút nước, liền mừng rỡ reo lên: "Có nước rồi! Chúng ta đã khát đến nông nỗi này, thôi thì hãy uống chỗ nước trong cái sọ này vậy!"

Vị Tỳ Kheo kia can ngăn: "Không nên! Trong nước đó có côn trùng, chúng ta không thể uống được!"

Vị Tỳ Kheo thứ nhất cố thuyết phục bạn: "Chúng ta đang khát khô cả cổ như vầy, nếu uống chỗ nước này thì chúng ta sẽ thoát chết, có thể đi tiếp đến chỗ Đức Phật. Bằng không, cả hai chúng ta đành phải bỏ xác tại đây, không thể nào gặp Phật được!"

Vị Tỳ Kheo kia vẫn cương quyết: "Tôi thà vì trì Giới mà chết! Tuy rằng không được gặp Phật, song tôi nhất định vâng theo sự dạy bảo của Ngài, dẫu có chết cũng chẳng ân hận!"

Vị Tỳ Kheo thứ nhất bèn uống cạn chỗ nước đọng trong cái sọ ấy, rồi một mình tiếp tục cuộc hành trình; còn vị Tỳ Kheo kia vì không chịu uống, quả nhiên phải chết khát.

Sau đó, thầy Tỳ Kheo có uống nước tìm đến được chỗ Phật ngự. Thầy tới đảnh lễ Đức Phật và thưa chuyện: "Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con hai người cùng đi chung, được nửa đường thì khát nước chịu không nổi; nhân thấy trong một cái sọ người có đọng một ít nước, con liền uống để khỏi bị chết khát, hầu có thể đến gặp Đức Thế Tôn. Còn thầy Tỳ Kheo cùng đi với con thì quá cố chấp, nhất định thà chết chứ không uống nước này; bởi trong nước có côn trùng, ông ấy bảo nếu uống tức là phạm Giới. Rốt cuộc, con nhờ uống nước này nên được sống sót và được diện kiến Đức Thế Tôn; còn ông ấy không chịu uống, có lẽ giờ đây đã bị chết khát rồi!"

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói: "Ông tưởng là Tỳ Kheo ấy chết khát rồi sao? Tỳ Kheo ấy nhờ trì Giới, nên đã khiến cho ông ấy đến gặp Ta trước; hiện giờ ông ấy đang ở đây nghe Ta thuyết Pháp. Trì Giới quả thật là việc rất khó, song nếu có lòng thành thì Ta liền thấu rõ cảm thông. Ông tuy được gặp Ta, nhưng tâm ông không chí thành vì ông giữ Giới không được tinh nghiêm. Do vậy, Tỳ Kheo kia nay đã khai ngộ chứng quả, còn ông thì vẫn cần phải tiếp tục tu hành thêm nữa!"

Qua công án này, chúng ta có thể thấy rằng sáu hạnh Ba La Mật - Trì Giới, Nhẫn Nhục, Bố Thí, Tinh Tấn, Thiền Định, Trí Huệ - cần phải được thực hành một cách chân thành, nghiêm túc.

Nếu không thành tâm thành ý, chỉ làm qua loa cho xong chuyện, tất sẽ không tương ưng với Phật Pháp. Cho nên, người xuất gia thời thời khắc khắc đều phải ghi nhớ và noi theo bốn câu kệ này mà tu hành:

Thủ khẩu, nhiếp ý, thân mạc phạm,
Mạc não nhất thiết chư hữu tình,
Vô ích khổ hạnh đương viễn ly,
Như thị hành giả khả độ thế.
(Gìn lời giữ ý, thân chớ phạm,
Chớ gây phiền não hại chúng sanh,
Vô ích khổ hạnh cần xa lánh,
Hành giả như thế khéo độ đời.)

Trì Giới là điều vô cùng trọng yếu, quý vị chớ lầm tưởng rằng chỉ trì giữ lấy lệ, đại khái là được; bởi vì chỉ cần sơ hở một chút là chúng ta có thể đi sai lệch cả ngàn dặm. Cho nên, tu hành cần phải đàng hoàng nghiêm chỉnh, siêng năng cẩn thận; làm việc gì cũng phải chân thật, chu đáo, không được cẩu thả.

Tiếng Từ Bi. Lòng "từ" ban vui, lòng "bi" cứu khổ - tất cả những chúng sanh nghe được thứ âm thanh này của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đều có thể lìa khổ được vui, thoát vòng sanh tử.

Tiếng Hỷ Xả. "Hỷ" là hoan hỷ, vui vẻ; "xả" là bố thí. Vậy, "hỷ xả" là hoan hỷ bố thí. Từ, Bi, Hỷ, Xả được gọi chung là Tứ Vô Lượng Tâm, tức là bốn cái tâm bao la vô lượng - Từ Vô Lượng Tâm, Bi Vô Lượng Tâm, Hỷ Vô Lượng Tâm và Xả Vô Lượng Tâm. Muốn tu hạnh bố thí thì cần phải sanh tâm hoan hỷ - hoan hỷ xả bỏ, vui vẻ thực hành pháp bố thí. Không nên sau khi đã xả bỏ, đã bố thí rồi, thì trong lòng lại thấy tiếc nuối, không đành; bởi như thế tức là chưa sanh tâm hoan hỷ vậy.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni phát ra tiếng Hỷ Xả, khiến cho tất cả những chúng sanh nghe được âm thanh này đều sanh tâm hoan hỷ bố thí.

Tiếng Giải Thoát. "Giải thoát" tức là có được thứ tự do chân chánh, hoàn toàn không bị ràng buộc vướng víu nữa. Vậy "giải thoát" tức là thoát khỏi cái gì? Đó chính là thoát ra khỏi nỗi khổ não của sanh tử trong sáu nẻo luân hồi.

Thuở xưa, có một vị Sư đến thỉnh vấn một bậc cao tăng danh tiếng rằng: "Xin hỏi Thượng Tọa, làm thế nào để được giải thoát?"

Vị cao tăng hỏi lại: "Ai trói buộc ông vậy?"

Vừa nghe xong, vị Sư nọ lập tức khai ngộ: " - ! Thì ra chẳng có ai trói buộc mình cả; chẳng qua là tự mình trói mình đó thôi! Nếu mình không tự trói chính mình nữa, thì tự nhiên mình sẽ được giải thoát."

Thế nào gọi là "tự mình trói mình"? Tất cả mọi người hãy lưu ý điểm này - bởi vì chúng ta không có được cái nhìn thấu suốt, lại chẳng thể triệt để buông bỏ tất cả, nên mới bị ràng buộc tù túng, không đạt được sự tự tại; mà không đạt được sự tự tại cũng chính là không đạt được sự giải thoát! Nếu quý vị có thể nhìn thấu suốt sự việc, thông hiểu mọi chuyện, và có thể buông bỏ tất cả, tức là quý vị đã tự cởi trói và sẽ đạt được sự tự do chân chánh; được tự do cũng chính là được giải thoát vậy. Bấy giờ, quý vị sẽ thấy an nhiên tự tại, chẳng ràng chẳng buộc, "không quái không ngại, vĩnh viễn xa lìa mộng tưởng điên đảo" (Tâm Kinh). Chân thật buông bỏ tất cả thì sẽ được giải thoát; nếu không buông bỏ được thì chẳng thể nào có được sự giải thoát.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã phát ra thứ tiếng Giải Thoát này, vậy bây giờ chúng ta cũng nên giải thoát chính mình, không nên tự trói mình và cũng đừng tự giam mình trong nhà tù, để rồi vĩnh viễn không được tự do. Sao lại nói chính mình nhốt mình trong nhà tù? Nếu quý vị không phải đang bị cầm tù tức là quý vị đã được giải thoát; còn nếu chưa đạt được sự giải thoát thì cũng chẳng khác nào quý vị đang ở tù vậy, không được tự do làm theo ý mình - đông tây nam bắc, muốn đi đâu cũng đều không được tự do cả!

"Tự do" mà chúng ta đương nói đây không phải là tự do của cái "túi da hôi thối" này, mà là tự do của tự tánh. Nếu cái tự tánh này được tự do, thì quý vị muốn sống là cứ việc sống, muốn chết là lúc nào cũng có thể chết được. Mà chết cũng chẳng cần phải có bệnh tật gì mới chết được, chỉ ngồi mà chết thôi - đó mới đúng là sự tự do chân chánh. Đây gọi là:

Sanh tử do ngã, bất do thiên.

(Sống chết do ta, chẳng do trời.)

Bấy giờ, quý vị muốn sống thì sống, muốn chết thì chết. Muốn sống đến một trăm tuổi, một ngàn tuổi, hay một vạn tuổi... đều được cả. Nếu không muốn sống nữa thì bất cứ lúc nào cũng có thể trở về với "quê hương vốn có" của mình. Quý vị thích ở cái "nhà" này thì cứ việc ở; không thích ở nữa thì có thể "dọn" đi bất cứ lúc nào tùy ý.

Tự do của tự tánh gồm có hai thứ; đó là tự do của thần thức và tự do của bản hữu Phật tánh:

1) Tự do của thần thức. Thần thức thì thuộc âm và có thể du hành đến bất cứ nơi đâu; như từ thành phố Cựu Kim Sơn, thần thức có thể tới Nữu Ước, Âu Châu, Á Châu... Tuy rằng thần thức có thể biết rõ tình hình nơi mình đến, nhưng lại không thể cầm nắm đồ vật - thần thức không thể mua quà từ Nữu Ước rồi mang về lại Cựu Kim Sơn được; tại sao vậy? Vì thần thức vốn thuộc âm. Thần thức chỉ có thể nhìn xem cảnh vật của Nữu Ước, chứ không thể làm bất cứ việc gì ở đó cả.

2) Tự do của bản hữu Phật tánh. Phật tánh thì thuộc dương, là toàn thể đại dụng, công năng rộng lớn vô hạn. Đạt được thứ tự do này, thì cho dù quý vị đang ở thành phố Cựu Kim Sơn, nhưng nếu cần món đồ gì ở Nữu Ước, thì chỉ cần duỗi tay ra là lấy được ngay. Quý vị thấy có kỳ diệu hay không? Đó có phải là thần thông không? Thật ra, đó là thứ cảnh giới của sự giải thoát, không ràng không buộc, vô quái vô ngại. Ở cảnh giới này, cả cõi tam thiên đại thiên thế giới như ở trong một căn phòng, quý vị có thể đi lại khắp nơi trong đó và làm những việc mình muốn.

Vậy, nếu được giải thoát, được tự do, thì chúng ta sẽ có được những cảnh giới như thế. Tuy nhiên, chúng ta không được phép hiển thị công phu của mình một cách tùy tiện, bất cẩn. Không được nói rằng: "Quý vị thích món đó của Đức, vậy để tôi sang nước Đức mua về cho. Tôi chỉ việc thi triển thần thông là xong ngay!" Chúng ta dứt khoát không được lạm dụng thần thông để làm những việc như thế!

Khi sắp nhập Niết Bàn, Đức Phật căn dặn tất cả đệ tử không được dùng thần thông; bằng không, nếu họ dùng thần thông, thì họ phải gấp rút ra đi, không được ở lại thế giới này lâu hơn nữa! Bởi người thường thì không có thần thông, do đó nếu quý vị dùng thần thông tất sẽ khiến cho mọi người sanh tâm sợ hãi đối với quý vị!

Tóm lại, quý vị có thể tùy tâm như ý làm xong công việc, thì đây là thuộc dương; còn làm không được là thuộc âm, và là tác dụng của thần thức - mọi người cần phải hiểu rõ điều này.

Tiếng Vô Lậu. "Vô lậu" là gì? Là không còn vô minh nữa. Không còn vô minh tức là được vô lậu. Cho dù quý vị chỉ còn một phần vô minh mà thôi, thì quý vị cũng không đạt được sự vô lậu. Cho nên, vô minh chính là nguồn gốc của phiền não - hễ có vô minh thì có đủ loại phiền não, không có vô minh thì không có phiền não.

Vì sao quý vị có tâm tham? Vì quý vị có vô minh.

Vì sao quý vị có tâm sân? Vì quý vị có vô minh.

Vì sao quý vị có tâm si? Vì quý vị có vô minh.

Vì sao quý vị có tâm dâm dục? Cũng là vì quý vị có vô minh!

Chính vì ngay từ điểm sơ khởi quý vị đã không hiểu rõ nên mới tạo ra các nghiệp chướng. Tuy nhiên, nếu nghe được tiếng Vô Lậu thì quý vị sẽ không còn vô minh nữa. Cho nên, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni phát ra vô số loại âm thanh là để tất cả chúng sanh đều nghe được và nhờ đó mà ngộ Đạo. Có câu:

Thử phương chân giáo thể,

Thanh tịnh tại âm văn.
(Chân giáo thể xứ này,
Dùng âm thanh thanh tịnh.)

Ở cõi Ta Bà, bản thể của Phật Giáo là âm thanh - dùng âm thanh làm Phật sự, vì thế mà có các loại âm thanh biểu dương, tán thán, diễn thuyết...

KINH VĂN:

... tiếng Trí Huệ, tiếng Đại Trí Huệ, tiếng Sư Tử Hống, tiếng Đại Sư Tử Hống, tiếng Mây Sấm, tiếng Mây Sấm Lớn. Khi Đức Phật phát ra bất khả thuyết bất khả thuyết âm thanh như thế xong,...

LƯỢC GIẢNG:

Tiếng Trí Huệ. "Trí huệ" là gì? Trí huệ "độ" ngu si - có trí huệ thì không có ngu si, có ngu si thì không có trí huệ - hai thứ này không thể đi đôi với nhau. Bây giờ tôi cho quý vị biết thêm một điều tương đối dễ hiểu hơn; đó là: "Trí huệ chính là ngu si, ngu si chính là trí huệ!"

Có người nói rằng: "Tôi bây giờ ngu si, mà như thế tức là có trí huệ; vậy tôi cứ việc dung túng cái ngu si của mình!" Nếu quý vị có thể hết sức ngu si, ngu si đến cực điểm, thì đó chính là trí huệ chân chánh vậy!

Lại có người nói: "Pháp Sư! Lý lẽ mà Thầy vừa nêu thật là khó chấp nhận! Thầy nói rằng trí huệ là ngu si và ngu si là trí huệ; thế nhưng tôi nhận thấy người ngu si thì toàn làm những chuyện hồ đồ, còn người có trí huệ thì làm những việc đúng đắn, sáng suốt."

Đúng vậy, quý vị nói rất đúng, còn tôi thì nói không được đúng! Vì sao ư? Bởi vì ngu si có thể biến thành trí huệ, cho nên tôi nói "ngu si chính là trí huệ"; song trí huệ cũng có thể biến thành ngu si, cho nên tôi nói "trí huệ chính là ngu si" vậy. Mấy hôm trước, lúc giảng bài kệ "thông minh sáng dạ nhờ âm đức," tôi đã giải thích điều này rồi; bây giờ chẳng qua là nêu ra lại mà thôi.

Người có trí huệ là người có được tự do chân chánh, và cũng chân chánh đạt được sự giải thoát. Tại sao nói vậy? Người có trí huệ thì không làm việc hồ đồ; còn người ngu si thì toàn làm những việc hồ đồ, không làm những việc thông minh. Ngoài ra, người ngu si không có được sự tự do, lại toàn ở thế "bị động." Trong khi đó, người có trí huệ thì trái lại, không bao giờ phải ở thế "bị động"; bởi họ có chủ tể chân chánh, trí huệ chân chánh, và bất luận sự việc nào xảy đến với họ, họ đều nhận thức được điểm tốt xấu của vấn đề - tốt thì nên làm, không tốt thì không làm. Nói chung, họ có được sức phán đoán chân chánh và trạch pháp nhãn (con mắt chọn lựa pháp) chân chánh.

Người ngu si thì không như thế - họ biết rõ ràng là không đúng mà vẫn cứ làm. Thí dụ chúng ta đều biết cờ bạc là không tốt, nhưng những kẻ ngu si lại cho rằng đó là một cơ hội hiếm có trong muôn một, nếu thắng thì phát tài lớn! Chính vì một niệm tham lam vô minh, muốn phát "vô minh tài" này, mà tất cả tài sản của họ đều không cánh mà bay! Thua "cháy túi" mà họ vẫn chưa tỉnh ngộ, còn toan tính: "Mình phải thử thời vận thêm lần nữa, biết đâu phen này mình sẽ thắng, sẽ giàu to!"

Như có người mua số đề, một đồng mua được tám chữ, nếu trúng thì được hơn một ngàn đồng, nhưng chẳng may sai mất một chữ nên không được tiền; người ấy lại cho rằng nếu mua lần nữa thì chắc chắn sẽ được trúng! Quý vị nghĩ xem, như thế có phải là ngu si không? Nếu những người đánh bạc đều thắng, thì người bày ra trò cờ bạc đỏ đen không cách gì phát tài được cả!

Lại còn những người nghiện thuốc phiện nữa: Ai ai cũng công nhận rằng hút thuốc phiện là có hại, nhưng người ngu si thì nói: "Để tôi thử xem!" Thử một lần cảm thấy chưa thỏa mãn, bèn thử thêm lần thứ hai, rồi lần thứ ba, thứ tư..., cứ thế mà "thử" hết lần này sang lần khác. Một lần "thử" thôi là đã bị nghiện rồi, nếu không "thử" nữa thì chịu không nổi. Quý vị nói xem, như thế có phải là ngu si hay không?

Một người bình thường thì đàng hoàng, lịch sự là thế, mà đến khi lên cơn ghiền, bị sự chi phối của thuốc phiện thì ôi thôi,

nước mắt, nước mũi lòng thòng, toàn thân bứt rứt xốn xang, thật là khổ sở vô vàn, bèn phải vội vã kiếm tiền đi mua thứ thuốc đó về dùng để "nâng đỡ" tinh thần của mình. Đây đều do sự ngu si gây ra, khiến cho họ không được tự do. Tại sao không được tự do? Những người hút thuốc phiện cho rằng hút thuốc phiện là một thứ tự do, cứ mải mê hút cho thỏa thích; thế nhưng, khi đến cữ nghiện mà không có thuốc để hút, thì họ có còn được tự do hay không?

Vậy, quý vị làm việc gì mà lẽ ra mình không nên làm, thì đều là ngu si, không có trí huệ. Nếu có trí huệ thì quý vị sẽ không điên đảo, không làm những việc mà mình không nên làm!

Tiếng Đại Trí Huệ. Người có đại trí huệ vừa nhìn qua sự việc thì có thể thấy được điểm then chốt của vấn đề, không cần phải đợi đến khi sự việc diễn tiến rồi mới phát hiện ra. Do có đại trí đại huệ nên họ có thể tiên liệu được việc nào không nên làm và nếu làm thì kết quả ra sao, nhờ đó họ mới không làm những việc hồ đồ. Thế nào là đại trí, đại huệ? Nghiên cứu Phật Pháp là đại trí đại huệ. Phải nghiên cứu Phật Pháp thì mới có thể đạt được tự do chân chánh, cho nên đó là đại trí huệ.

Tiếng Sư Tử Hống. Sư tử là chúa tể của muôn thú. Hễ nghe tiếng sư tử gầm lên thì tất cả các loài thú đều run sợ đến nỗi "trở tay không kịp" - đứng cũng đứng không vững, chạy cũng chạy không được. Thậm chí những dã thú hung dữ mạnh mẽ như hổ báo, lang sói..., cũng đều sợ hãi đến nỗi không có phản ứng gì cả! Bách thú khi nghe tiếng gầm của sư tử thì đều cảm thấy đầu óc như muốn vỡ tung ra vì sợ, chúng sợ sệt đến trở thành ngu si!

Tiếng Đại Sư Tử Hống. Tiếng gầm của loài sư tử bình thường thì lợi hại như thế; còn tiếng gầm của đại sư tử thì càng vang xa hơn nữa, xa gần đều nghe rõ.

Tiếng Mây Sấm. Thứ âm thanh này nghe giống như tiếng sấm nổ vang ra từ trong đám mây.

Tiếng Mây Sấm Lớn. Tiếng sấm này nghe lớn hơn tiếng sấm bình thường. Ở đây ngụ ý rằng Phật Pháp ví như một áng mây lớn trên không, soi chiếu khắp đại lục, bao phủ khắp địa cầu.

Tiếng sấm này một khi vang dội thì mọi nơi trên thế giới đều nghe được, biểu thị Phật Pháp phổ cập đến tất cả chúng sanh.

Có mây, có sấm, thì sẽ có mưa. "Mưa" là biểu thị Phật Pháp tưới nhuần căn tánh của mọi chúng sanh, khiến cho tất cả chúng sanh đều được biết đến "mùi vị" của mưa Pháp (Pháp vũ). Mưa rưới nước xuống khắp thế gian, cây lớn thì hấp thụ nhiều nước, cây nhỏ thì hấp thụ ít hơn một chút; hoa cỏ thì tùy loại mà hấp thụ một lượng nước mưa thích ứng. Phật Pháp cũng tương tự như vậy - mọi chúng sanh đều được thấm nhuần mưa Pháp tùy theo căn cơ; nhờ vậy mà Pháp thân huệ mạng tăng trưởng và đại trí huệ được khai mở.

Khi Đức Phật phát ra bất khả thuyết bất khả thuyết âm thanh như thế xong,... "Bất khả thuyết" là một con số rất lớn, không thể nói được là bao nhiêu. Vậy, sau khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni phát ra vô số loại âm thanh, nhiều đến không thể kể ra cho hết được, thì thế nào?

KINH VĂN:

... từ thế giới Ta Bà và các cõi nước phương khác, có vô lượng ức Thiên, Long, Quỷ, Thần cũng đến tụ tập tại Đao Lợi Thiên Cung. Đó là thiên chúng ở trời Tứ Thiên Vương, trời Đao Lợi, trời Tu Diệm Ma, trời Đâu Suất Đà, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự Tại, trời Phạm Chúng, trời Phạm Phụ, trời Đại Phạm, trời Thiểu Quang, trời Vô Lượng Quang, trời Quang Âm, trời Thiểu Tịnh, trời Vô Lượng Tịnh, trời Biến Tịnh...

LƯỢC GIẢNG:

Trước tiên, Đức Phật phóng ra vô lượng đám mây sáng lớn, kế đến Ngài lại phát ra vô số loại Pháp âm, khiến chúng sanh lìa mê theo giác, bỏ tà về chánh. Bấy giờ, từ thế giới Ta Bà và các cõi nước phương khác...

"Ta Bà" là tiếng Phạn (Saha); Trung Hoa dịch là "kham nhẫn," và cũng là "cực khổ." So với thế giới Cực Lạc ở phương Tây, thì thế giới Ta Bà của chúng ta này đây quả thật là thế giới "Cực Khổ"!

Vì sao gọi là "kham nhẫn"? Vì chúng sanh ở thế giới này có thể nhẫn nhịn, chịu đựng sự thống khổ.

"Các cõi nước phương khác" tức là những cõi nước thuộc thế giới phương khác, chứ không phải là thuộc thế giới Ta Bà của chúng ta.

Bấy giờ, **có vô lượng ức Thiên, Long, Quỷ, Thần từ khắp mọi nơi, cũng đến tụ tập tại Đao Lợi Thiên Cung,** tức cung trời Ba Mươi Ba.

Đó là thiên chúng ở trời Tứ Thiên Vương. Tứ Thiên Vương còn được gọi là Hộ Thế Tứ Vương, tức là bốn ông thiên vương bảo hộ thế gian. Tứ Thiên Vương Thiên nằm ở lưng chừng núi Tu Di; còn Đao Lợi Thiên thì ở tại sơn đỉnh của núi này.

Tứ Thiên Vương chính là bốn vị đại thiên vương trấn giữ bốn phương - Đông Thiên Vương, Nam Thiên Vương, Tây Thiên Vương và Bắc Thiên Vương. Vị Thiên Vương ở phương đông là Trì Quốc Thiên Vương, ở phương nam là Tăng Trưởng Thiên Vương, ở phương tây là Quảng Mục Thiên Vương, và ở phương bắc là Đa Văn Thiên Vương.

Ở cõi trời mà bốn vị đại thiên vương cư ngụ, thọ mạng của thiên nhân là năm trăm tuổi; và một ngày một đêm tại cõi Tứ Vương Thiên này là năm mươi năm ở chốn nhân gian.

Tứ Vương Thiên là cõi trời gần với thế giới của chúng ta nhất. Người thế gian ai làm thiện hoặc làm ác đều do Tứ Vương Thiên xét xử; bởi chư thiên ở đó lo trông coi việc thiện ác của nhân gian chúng ta. Đó là nói về Tứ Thiên Vương Thiên.

Trời Đao Lợi. Trong phần trước tôi đã có giảng rồi - "Đao Lợi" (Trayastrimsa) là Phạn ngữ; Trung Hoa dịch là "tam thập tam," tức là cõi trời Ba Mươi Ba. Thiên chủ của cõi trời này còn được gọi là Năng Thiên Tử.

Trời Tu Diệm Ma. Đây là nơi mà ánh mặt trời và mặt trăng đều không giọi tới được. Thế thì nơi ấy có lẽ rất tối tăm? Cũng không hẳn! Bởi thiên nhân ở cõi Dạ Ma Thiên này trên thân đều

có hào quang chiếu sáng, cho nên cũng không cần tới ánh sáng của mặt trời và mặt trăng.

Vì sao cõi trời này có tên là "Dạ Ma"? "Dạ Ma" (Suyama) là Phạn ngữ; Trung Hoa dịch là "thiện thời phân" (khéo chia thời giờ). Vì sao gọi là "thiện thời phân"? Bởi vì cõi trời này nằm ở vị trí quá cao, ánh sáng của mặt trời và mặt trăng đều không thể nào giọi tới được; cho nên thiên nhân ở đây bèn lấy lúc bông sen nở hiệp để phân biệt ngày và đêm - hoa nở là ban ngày, hoa hiệp là ban đêm.

Tại Tứ Vương Thiên thì thiên nhân thân cao nửa dặm (lý).

Tại Đao Lợi Thiên, thiên nhân thân cao một dặm (lý), và có thọ mạng là một ngàn tuổi. Một ngày đêm ở cõi trời này là một trăm năm ở chốn nhân gian.

Còn ở Dạ Ma Thiên thì thế nào? Thiên nhân ở đây thân cao một dặm (lý) rưỡi, và có thọ mạng là một ngàn năm trăm tuổi. Một ngày đêm tại cõi trời này là một trăm năm ở trần gian.

Cứ lên cao hơn một tầng trời thì thọ mạng được tăng thêm năm trăm tuổi, thân cao thêm nửa dặm (lý); cho nên càng lên các tầng trời phía trên thì thiên nhân thân hình càng cao lớn, và tuổi thọ càng gia tăng.

Trời Đâu Suất Đà. "Đâu Suất Đà" là Phạn ngữ (Tusita); Trung Hoa dịch là "tri túc" (biết đủ); do đó cũng gọi là "Tri Túc Thiên." Đâu Suất Đà Thiên gồm có nội viện và ngoại viện. Bồ Tác Di Lặc hiện ngụ tại nội viện, còn các thiên nhân thì ở tại ngoại viện.

Tam Tai (ba thứ tai họa - lửa cháy, nước lụt, gió bão) không lan tràn đến Đâu Suất Nội Viện được, song vẫn có thể hủy diệt Đâu Suất Ngoại Viện.

Trời Hóa Lạc. Sự vui sướng tại cảnh trời này có tánh biến hóa, bởi sự vui sướng phi thường ấy là do chư thiên ở đó biến hóa ra.

Trời Tha Hóa Tự Tại. Sự vui sướng ở Tha Hóa Tự Tại Thiên vốn là của các cõi trời khác hóa hiện ra; vì chư thiên ở đây

có thần thông nên họ có thể chuyển dịch sự vui sướng của các cõi trời khác về cõi trời của họ. Tha Hóa Tự Tại Thiên là nơi trú ngụ của thiên ma, chứ không phải của các vị thiên thần hoặc tiên nhân chân chánh.

Sáu cảnh trời kể trên - Tứ Vương Thiên, Đao Lợi Thiên, Dạ Ma Thiên, Đâu Suất Đà Thiên, Hóa Lạc Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên - được gọi chung là Lục Dục Thiên. Vì sao gọi là "Lục Dục Thiên" (sáu cõi trời dục)? Bởi vì các thiên nhân ở đó tuy được sanh lên cõi trời nhưng vẫn còn tâm dâm dục, vẫn còn những ý nghĩ không thanh tịnh. Trong khóa hè vừa qua, lúc giảng Kinh Lăng Nghiêm, tôi đã có giảng về Lục Dục Thiên rồi, song tôi tin chắc là quý vị nghe xong đều không muốn giữ cho mình và đã "tặng" lại hết cho tôi; vì thế bây giờ tôi giảng lại để "thân tặng" cho quý vị thêm lần nữa vậy!

Thiên chúng ở Lục Dục Thiên đều còn lòng ái dục. Sự hành dâm của chư thiên ở trời Tứ Thiên Vương và trời Đao Lợi thì cũng giống như của con người ở nhân gian vậy. Vì sao ư? Bởi vì họ đều có hình thể. Thiên nhân ở trời Tứ Thiên Vương cũng kết hôn như người thế tục; và ngay cả thiên nhân ở trời Đao Lợi cũng vậy, họ đều có vợ chồng, con cái chẳng khác gì loài người ở trần gian cả.

Trẻ sơ sinh ở Tứ Vương Thiên thì như thế nào? Ở cõi trời này, trẻ con mới sinh ra đã lớn bằng đứa bé năm tuổi ở nhân gian. Còn ở Đao Lợi Thiên thì sao? Trẻ sơ sinh ở trời Đao Lợi thì trạc đứa bé bảy tuổi ở nhân gian; và ở trời Dạ Ma thì trẻ sơ sinh bằng cỡ đứa bé mười tuổi ở nhân gian. Trẻ con mới sinh ra là đã lớn như thế, ngồi trên đùi của thiên nhân; và một lát sau thì được cho ăn "thiên lộ tự nhiên," một thứ cam-lộ của cõi trời tự nhiên hóa hiện ra. Ăn xong chưa được bao lâu thì đứa bé vụt biến thành cao lớn như mọi thiên nhân khác - thân cao nửa dặm (lý), và thọ mạng là năm trăm tuổi. Đó là nói về Tứ Vương Thiên.

Có bài kệ nói về cảnh giới dục lạc của chư thiên ở Lục Dục Thiên như sau:

Tứ Vương, Đao Lợi dục giao bão,

Dạ Ma chấp thủ, Đâu Suất tiếu,
Hóa Lạc thục thị, Tha tạm thị,
Thử thị Lục Thiên chi dục lạc.
(Tứ Vương, Đao Lợi còn ôm ấp,
Dạ Ma nắm tay, Đâu Suất cười,
Hóa Lạc nhìn lâu, Tha nhìn thoáng,
Đó là dục lạc cõi Lục Thiên)

"Tứ Vương, Đao Lợi dục giao bão" (Tứ Vương, Đao Lợi còn ôm ấp). Thiên chúng ở trời Tứ Thiên Vương và trời Đao Lợi cũng hành dâm như loài người ở thế gian vậy.

"Dạ Ma chấp thủ, Đâu Suất tiếu" (Dạ Ma nắm tay, Đâu Suất cười). Hành vi sắc dục của thiên nhân ở trời Dạ Ma là cầm tay nhau.

Ở cõi trời này, thiên nam và thiên nữ giao tình bằng cách nắm tay nhau, tương tự như lối bắt tay của người Tây phương vậy.

Thế còn ở trời Đâu Suất thì sao? Ở trời Đâu Suất thì thiên nam thiên nữ chỉ cười với nhau là đã thành vợ chồng rồi; bởi thiên nhân ở đó bình thời không hề cười! Vì sao? Vì lòng ham muốn của họ quá nhẹ, hầu như là không còn nữa vậy. Tại Lục Dục Thiên, hễ lên cao được một tầng trời thì dục niệm lại giảm nhẹ bớt một bậc.

Tại sao ở cõi nhân gian chúng ta, những người tu Đạo đều cần phải "khử dục đoạn ái," quét sạch mọi dục niệm? Bởi vì nếu dục niệm mà nhiều thì ngu si mê muội cũng nhiều thêm; dục niệm càng giảm thiểu thì trí huệ sáng suốt càng gia tăng. Dục niệm là thuộc cõi Ngũ Trược Ác Thế - cái gì gọi là "trược"? Đó là dục niệm! Dục niệm là một thứ ô trược nhất, dơ bẩn nhất.

Lòng sắc dục của thiên chúng trên cõi trời Tứ Thiên Vương thì cũng giống như của nhân gian chúng ta vậy; còn dục niệm của thiên nhân ở trời Đao Lợi thì có phần nhẹ hơn so với ở trời Tứ Thiên Vương.

Hành vi sắc dục của thiên nhân ở trời Dạ Ma là nắm tay nhau, còn ở trời Đâu Suất thì cười với nhau. Quý vị chớ cho rằng cười là tốt - nhân gian chúng ta thường cho cười là điều tốt, mà không biết rằng cười cũng có một tác dụng về mặt tình cảm và sắc dục.

Chư thiên ở cõi trời Dạ Ma đều thích dụng công tu hành, cho nên rất hiếm khi có chuyện nắm tay nhau xảy ra.

"Hóa Lạc thục thị, Tha tạm thị" (Hóa Lạc nhìn lâu, Tha nhìn thoáng). "Thục thị" tức là nhìn hơi lâu một chút, như chừng một phút, hai phút hoặc năm phút. Thiên nam thiên nữ ở trời Hóa Lạc thì đăm đăm ngó nhau chừng một vài phút là thành dâm; còn ở trời Tha Hóa Tự Tại thì chỉ cần nhìn phớt nhau thôi, không phải nhìn lâu.

"Thử thị Lục Thiên chi dục lạc" (đó là dục lạc cõi Lục Thiên). Hành vi sắc dục của thiên nam thiên nữ ở Lục Dục Thiên là như thế - hễ lên cao hơn một tầng thì dục niệm giảm nhẹ bớt một tầng. Kẻ có dục niệm nặng nề thì không thể sanh lên cõi trời, cho nên những người được sanh thiên đều rất ít dục niệm. Bài kệ vừa rồi là nói về dục lạc ở Lục Dục Thiên.

Trời Phạm Chúng, trời Phạm Phụ, trời Đại Phạm. Đây là ba tầng trời thuộc cõi Sơ Thiền, cũng gọi là Sơ Thiền Tam Thiên. Ngoài ra, còn có cõi Nhị Thiền và Tam Thiền, và ở mỗi cõi cũng đều có ba tầng trời.

Trời Phạm Chúng. "Phạm" là gì? "Phạm" có nghĩa là thanh tịnh. Dục niệm của thiên nhân ở cõi Sơ Thiền Thiên thì càng nhẹ hơn nữa so với ở Lục Dục Thiên, cho nên gọi là "phạm." Tất cả thiên nhân cư ngụ ở tầng trời này đều thanh tịnh và đều là dân chúng của toàn cõi Phạm Thiên.

Trời Phạm Phụ. Chư thiên ở nơi này là những vị Tể Quan thanh tịnh, làm quan trên cõi trời. "Phụ" tức là phụ tá; và ở đây là phụ tá cho Đại Phạm Thiên Vương.

Còn trời Đại Phạm thì sao? Đây là nơi trú ngụ của Đại Phạm Thiên Vương. Ngài vốn là người rất siêng năng dụng công tu Đạo, song chỉ tu thiên phước để được hưởng phước lạc của cõi

trời chứ chưa đạt đến mức khai ngộ và chứng quả vị; do đó, ngài được sanh lên cõi trời và làm vua trời Đại Phạm. Vị Đại Phạm Thiên Vương này được sự hỗ trợ của chư thiên ở tầng trời Phạm Chúng và Phạm Phụ.

Sơ Thiền Tam Thiên còn được gọi là Ly Sanh Hỷ Lạc Địa, tức là cảnh giới xa lìa sự sanh khởi phiền não, vô cùng vui sướng. Phàm phu chúng ta khi dụng công đạt tới cảnh giới Sơ Thiền, thì cũng có thể đến được Sơ Thiền Thiên để gặp Đại Phạm Thiên Vương, các Tể Quan phụ tá của ngài, và dân chúng cư ngụ ở đó.

Trời Thiểu Quang, trời Vô Lượng Quang, trời Quang Âm. Đây là ba tầng trời thuộc cõi Nhị Thiền, cũng gọi là Nhị Thiền Tam Thiên. Làm thế nào để được sanh lên cõi trời Nhị Thiền này? Cần phải "khử dục đoạn ái," dứt sạch tâm dâm dục! Nếu vẫn còn lòng ham mê sắc dục thì không thể nào sanh về cõi trời này được. Mỗi tầng trời ở đây chênh lệch nhau một "giai cấp"; vì sao? Bởi chư thiên ở nơi này không còn dục niệm nữa, cứ lên cao mỗi tầng thì dục niệm mỗi giảm nhẹ, ít dần.

Trời Thiểu Quang. Thân thể của chư thiên ở tầng trời này đều tỏa ánh hào quang; và hào quang này lớn hơn nhiều so với hào quang của thiên nhân ở trời Dạ Ma. Tuy nhiên, trong ba tầng trời thuộc Nhị Thiền Tam Thiên, thì hào quang của thiên nhân ở trời Thiểu Quang có phần kém thua hai tầng trời kia.

Vì sao các thiên nhân này có hào quang? Đó là do lúc còn tu hành ở thế gian, họ chuyên chú tuân thủ Giới Luật, trì Giới rất thanh tịnh. Chư thiên ở trời Phạm Chúng và Phạm Phụ cũng tuân thủ Giới Luật vậy, có điều là không được nghiêm ngặt bằng chư thiên ở trời Thiểu Quang, cho nên thanh tịnh thì có thanh tịnh, song không phát hào quang. Thiên nhân trời Thiểu Quang thì giữ Giới chẳng những tinh nghiêm mà còn sanh xuất hào quang nữa, do đó mà được sanh lên tầng trời này.

Trời Vô Lượng Quang. Tầng trời vừa rồi là Thiểu Quang - ít hào quang; còn tầng trời này thì thế nào? Thì có vô lượng vô biên hào quang, không tính ra số lượng được.

Trời Quang Âm. Tầng trời nằm phía trên trời Vô Lượng Quang là trời Quang Âm. Chư thiên ở trời Quang Âm nói chuyện với nhau bằng cách nào? Bằng hào quang! Tương tự như việc dựa vào tác dụng của điện quang để cấu tạo hình ảnh của tivi, chư thiên ở đây dùng ánh sáng tiêu biểu cho lời nói. Thiên nhân ở trời Quang Âm không nói ra tiếng, điều đó không có nghĩa là họ không biết nói; chẳng qua là họ không dùng ngôn ngữ mà lại dùng hào quang để nói chuyện.

Có người phê bình, cho rằng chư thiên ở trời Quang Âm là không biết nói, không có ngôn ngữ, không có văn tự; và sở dĩ họ dùng hào quang thay cho ngôn ngữ, văn tự là vì họ vốn không biết nói! Không phải thế! Nếu họ không biết nói, thì chẳng lẽ cả tầng trời Quang Âm toàn là thiên nhân "câm" hết sao? Thế thì so với người biết nói ở chốn nhân gian có tốt hơn gì đâu? Nếu nói rằng chư thiên ở trời Quang Âm dùng hào quang tiêu biểu cho lời nói vì họ đều bị câm, thế thì sanh lên tầng trời này có lợi ích gì???

Cho nên, tôi nói rằng họ cũng có ngôn ngữ, chẳng qua là họ không dùng đến ngôn ngữ mà thôi. Nhân gian chúng ta thì có văn tự và chúng ta dùng văn tự để tiêu biểu ngôn ngữ, chứ chúng ta không phải chỉ dùng văn tự mà từ bỏ ngôn ngữ. Hào quang được dùng ở trời Quang Âm cũng tương tự như văn tự của nhân gian chúng ta - chư thiên ở đó dùng hào quang để viết, tính chất cũng tựa như máy fax của chúng ta vậy. Sự việc nhất định là như thế; chứ không phải là họ chẳng có ngôn ngữ, chỉ có thể nói bằng hào quang mà thôi!

Cho nên, đối với Phật Pháp, quý vị cứ đem Phật Pháp với thế gian pháp ra để hỗ tương so sánh, suy luận, thì sẽ hiểu được ngay. Quý vị chớ nên hùa theo người khác mà vội cho rằng cõi trời Quang Âm chẳng có ngôn ngữ và tất cả chư thiên ở đó đều bị câm! Những người đó chắc chắn là chưa hiểu rõ vấn đề!!!

Vừa rồi là nói về ba tầng trời của Nhị Thiền Thiên. Người tham Thiền đạt được Định lực của Nhị Thiền Thiên tức là đến

được cảnh giới Định Sanh Hỷ Lạc Địa, từ trong Định sanh xuất ra một thứ hỷ lạc.

Tuy nhiên, kẻ đạt tới cảnh giới Nhị Thiền cũng không thể nói rằng công phu tu tập của mình đã lên đến tột đỉnh, đến mức cao nhất. Không phải như thế! Quý vị, những người đang dụng công, bây giờ hãy tự hỏi rằng mình đã đạt đến trình độ này hay chưa? Có thật là mạch tim mình có ngừng đập? Có thật là sự hô hấp của mình có gián đoạn? Có phải là hễ ngồi Thiền thì sự hít thở của mình liền đình chỉ? Không phải ư? Nếu không phải, thì hãy tiếp tục dụng công tu tập; nếu không dụng công thì không thể nào ngăn chặn được vòng luân hồi sanh tử. Cho dù quý vị có đạt được cảnh giới Sơ Thiền hay Nhị Thiền đi nữa, sự sanh tử của chính quý vị vẫn chưa kết thúc.

Chúng ta dụng công tu tập không phải để thấy được một vài cảnh giới nho nhỏ, thấy được Bồ Tát hiện thân hộ pháp, hoặc trông thấy người nào đó ... Khi chúng ta ngồi Thiền, nếu có trông thấy hào quang thì phải biết đó chỉ là thứ cảnh giới nhỏ nhặt, không nên sanh tâm chấp trước, bám trụ vào cảnh giới.

Có trường hợp đang ngồi Thiền thì thân thể tự dưng lắc lư - quý vị không muốn động đậy, nhưng thân thể cứ chao qua đảo lại, có muốn ngừng cũng không ngừng lại được. Đây là tác dụng của sáu loại chấn động đối với lục căn, biểu hiện sáu cách chấn động của đại địa. Tuy nhiên, đó vẫn chưa phải là công phu chân chánh, quý vị vẫn còn phải hướng tới trước mà nỗ lực nhiều hơn nữa mới được.

Quý vị nếu chưa đạt được cảnh giới Sơ Thiền và Nhị Thiền, thì cần phải cố gắng dụng công hơn nữa, không nên lười biếng. Nếu lười biếng thì không dứt được sanh tử; mà không dứt được sanh tử thì sẽ rất nguy hiểm cho tương lai của quý vị; cho nên, xuất gia tu hành không phải là chuyện dễ. Lười biếng tức là tự dọn đường cho mình tiến vào địa ngục. Nếu không muốn đọa địa ngục, thì phải siêng năng chịu khó, chăm chỉ dụng công.

Có người phàn nàn: " - , hễ tôi dụng công là trong người thấy khó chịu, không được khỏe." Thế thì đợi đến khi đọa địa

ngục, quý vị sẽ thấy rằng ở đó còn khó chịu, khổ sở hơn nhiều! Quý vị muốn được thoải mái sung sướng trong hiện tại, thì tương lai sẽ không được "dễ chịu"; còn nếu quý vị chịu khó dụng công ngay từ bây giờ, thì tương lai tất sẽ rất "dễ chịu." Do đó, quý vị hãy cân nhắc điều này cho kỹ! Một khi bị đọa địa ngục, thì không biết phải chịu đày đọa đến bao lâu; vì nếu bị đọa vào địa ngục Vô Gián thì sẽ không có ngày được ra, quanh năm suốt tháng phải ở trong đó mà thọ tội, chịu sự trừng phạt. Bởi đã xuất gia học Đạo rồi mà còn lười biếng trễ nãi, chẳng chịu dụng công, chẳng học Phật Pháp, chỉ muốn "tự do tự tại" theo ý mình, nên phải thọ tội ở địa ngục. Đó chính là "tự do tự tại" vào địa ngục vậy!

Trời Thiểu Tịnh, trời Vô Lượng Tịnh, trời Biến Tịnh. Đây là ba tầng trời thuộc cõi Tam Thiền.

Cõi Sơ Thiền còn gọi là Ly Sanh Hỷ Lạc Địa, Nhị Thiền là Định Sanh Hỷ Lạc Địa, và Tam Thiền là Ly Hỷ Diệu Lạc Địa.

Tại Sơ Thiền Thiên - trời Phạm Chúng, trời Phạm Phụ, và trời Đại Phạm - chư thiên đều thanh tịnh, song chưa có hào quang. Thật ra thì không hẳn là hoàn toàn không có - họ cũng có hào quang đấy, nhưng hết sức yếu ớt, mờ nhạt. Các thiên nhân thuộc Nhị Thiền Thiên thì có hào quang sáng rỡ và cũng thanh tịnh hơn.

Ở đây chúng ta có thể nêu ra một tỷ dụ rất đơn giản, so sánh trình tự của các tầng trời với tiến trình làm sạch sàn nhà. Trước hết, sàn nhà cần phải được quét dọn cho thật sạch sẽ - đây là dụ cho các tầng trời thanh tịnh Phạm Chúng, Phạm Phụ và Đại Phạm (thuộc Sơ Thiền Thiên).

Sàn nhà tuy đã được quét dọn sạch sẽ rồi, song chưa được đánh sáp nên trông không có vẻ sáng sủa, bóng loáng. Sau khi đánh sáp thì mặt nền sáng hẳn lên - đây là dụ cho trời Thiểu Quang, trời Vô Lượng Quang và trời Quang Âm của Nhị Thiền Thiên.

Đánh sáp rồi, chúng ta cần phải lau chùi thêm nữa thì sàn nhà mới hoàn toàn sáng loáng, bóng lộn. Bởi sau khi đánh sáp, trên mặt sàn vẫn còn sót chút ít bụi bặm hoặc một vài cọng lông

chổi, cho nên sàn nhà tuy có sáng lên song vẫn chưa hoàn toàn sạch sẽ. Khi được lau chùi cẩn thận, không còn dính một hạt bụi, thì sàn nhà vừa sáng sủa lại vừa sạch sẽ - đây là dụ cho trời Thiểu Tịnh, Vô Lượng Tịnh và Biến Tịnh của Tam Thiền Thiên. Quý vị nào muốn hiểu rõ cảnh giới của các tầng trời, thì nên suy gẫm thêm về tỷ dụ này.

Khi quý vị tọa Thiền đến được cảnh giới Tam Thiền thì mọi ý niệm đều không còn, tất cả vọng niệm đều đình chỉ. Tại Sơ Thiền thì ý niệm vẫn còn tồn tại, quý vị vẫn còn sự suy nghĩ. Ở cảnh giới Nhị Thiền thì dòng ý niệm này vẫn chưa đoạn dứt; song đến Tam Thiền thì mọi niệm đều dứt tuyệt - không còn tình trạng hết niệm này sanh đến niệm kia khởi nữa.

Trong một sát-na có chín mươi cái sanh tử, trong mỗi cái sanh tử lại có chín trăm niệm; cho nên chỉ nội trong một khoảnh khắc vô cùng ngắn ngủi mà chúng ta đã khởi không biết bao nhiêu là niệm. Nhưng khi quý vị đạt đến cảnh giới Tam Thiền thì mọi niệm đều đình chỉ. Lúc này, một niệm cũng không khởi, không còn niệm trước cũng chẳng có niệm sau - tất cả đều vắng lặng. Đó là cảnh giới của Tam Thiền.

Bấy giờ, chẳng những khí và mạch đình chỉ, mà luôn cả niệm cũng đình chỉ, không còn nảy sanh nữa. Những người hành Thiền đến trình độ này có thể ngồi Thiền trong suốt một tháng mà không biết là đã một tháng, hoặc ngồi Thiền cả năm mà không biết là đã một năm trôi qua. Mặc dù họ không còn ý niệm về tánh thời gian và không gian nữa, song đó là trạng thái nhập Thiền Định chứ không phải là chết; cho nên nếu muốn thì họ vẫn có thể trở về được. "Muốn trở về" ư? Thế không phải là mọi niệm đều đình chỉ rồi sao? Khi họ vừa sực nghĩ: "Vì sao mình lại ngồi Thiền ở đây nhỉ?"; thì luồng ý niệm lập tức tái sanh và họ trở về lại.

Vậy, ở cảnh giới Tam Thiền thì ngay cả ý niệm cũng không tồn tại, cho nên gọi là "tịnh" (trong sạch). Nếu còn ý niệm thì cũng như còn dính bụi bặm vậy, chưa được thanh tịnh, sạch sẽ

hoàn toàn. Do đó, các tầng trời thuộc Tam Thiền Thiên có tên là Thiểu Tịnh, Vô Lượng Tịnh và Biến Tịnh.

Tam Thiền Thiên cũng gọi là Ly Hỷ Diệu Lạc Địa, cảnh giới xa rời sự vui sướng. Loài người chúng ta hễ sanh tâm vui vẻ thì cho là điều tốt, song ngay cả "điều tốt" này chúng ta cũng phải lìa bỏ, không nên chấp trước bám víu vào sự vui sướng. Được như thế thì sẽ nảy sanh tác dụng vi diệu.

KINH VĂN:

...trời Phước Sanh, trời Phước Ái, trời Quảng Quả, trời Vô Tưởng, trời Vô Phiền, trời Vô Nhiệt, trời Thiện Kiến, trời Thiện Hiện, trời Sắc Cứu Cánh, trời Ma Hê Thủ La, cho đến trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Tất cả Thiên chúng, Long chúng, cùng các chúng Quỷ, Thần đều đến hội họp.

LƯỢC GIẢNG:

1) Trời Phước Sanh. Vì sao gọi là trời Phước Sanh? Bởi chư thiên ở tầng trời này đều là "khổ nhân dĩ tận, lạc phi thường trụ" - họ không còn sự đau khổ, và cũng không còn chấp trước vào dục lạc nữa.

Thế nào gọi là "khổ nhân dĩ tận, lạc phi thường trụ"? Chư thiên ở Sơ Thiền Thiên vẫn còn một thứ khổ não mà ngay cả tại Nhị Thiền Thiên và Tam Thiền Thiên, sự khổ não này cũng vẫn còn tồn tại, chưa hoàn toàn dứt tuyệt. Phải đến Tứ Thiền Thiên, ở tầng trời Phước Sanh này, thì mới đích thực là "khổ nhân dĩ tận" - cái mầm mống gây khổ não đó không còn nữa, mọi chủng tử của khổ não đều bị hủy diệt. Phải chăng hết khổ rồi thì sẽ được vui? Bấy giờ, họ cũng chẳng chấp trước vào cái vui, cho nên nói là "lạc phi thường trụ."

Thế thì, nguyên nhân của khổ là gì? Nguyên nhân của khổ là "dục" - "dục" đích thị là cái nhân dẫn đến mọi đau khổ. "Dục" là gì? Đó là "dục niệm," hay "dục vọng," tức là lòng ham muốn; tiếng Anh gọi là *desire*! Chữ "dục" này chính là nguyên nhân, mầm mống của khổ đau; nếu không có "dục" thì không có đau

khổ. Không có tâm dâm dục thì không có cái nhân gây tạo bao nhiêu khổ não khác.

Thiên nhân ở Tứ Thiền Thiên đều không còn dâm tâm; bởi họ đã dứt trừ được tâm dâm dục nên nói là "chư dục đỗ tuyệt" - mọi dục vọng, ham muốn đều đã dứt tuyệt, không còn nữa. Các tướng trạng thô trọng đều bị hủy diệt, hết thảy các tướng có hình sắc và rất thô đều bị đoạn trừ. Tướng thô trọng diệt rồi, thì họ liền đắc được một thứ phước đức rất thanh tịnh, nên gọi là trời Phước Sanh - nơi nảy sanh thứ phước thanh tịnh. Đó là tầng trời thứ nhất thuộc Tứ Thiền Thiên.

Nhiều người chỉ biết suông trời là trời; quý vị có biết là có bao nhiêu cõi trời không? Theo kinh điển đạo Phật thì có sáu tầng trời cõi Dục (Lục Dục chư thiên), ba tầng trời Sơ Thiền (Sơ Thiền tam thiên), ba tầng trời Nhị Thiền (Nhị Thiền tam thiên), ba tầng trời Tam Thiền (Tam Thiền tam thiên); còn Tứ Thiền thì sao? Cõi Tứ Thiền thì có đến chín tầng trời, và trời Phước Sanh là tầng trời thứ nhất thuộc Tứ Thiền Thiên. Chính vì có sự nảy sanh và hiện tiền của phước thanh tịnh tại tầng trời này cho nên có tên là "trời Phước Sanh."

2) Trời Phước Ái. Đây là tầng trời thứ hai thuộc Tứ Thiền Thiên. "Phước ái" tức là love, love cái gì? Love cái phước - yêu phước, thích phước. "Phước Ái Thiên" tức là cõi trời yêu chuộng phước đức.

Chư thiên ở tầng trời này thì:

Xả tâm viên dung,
Thắng giải thanh tịnh,
Đắc diệu tùy thuận,
Khổ lạc song ly.
(Lòng xả viên dung,
Thắng giải thanh tịnh,
Được diệu tùy thuận.
Khổ vui đều xa.)

"Xả tâm viên dung." Lòng thí xả của chư thiên ở tầng trời này đã đạt đến cảnh giới viên dung vô ngại - những gì không thể thí xả đều được thí xả, những gì có thể thí xả cũng đều thí xả; những gì không thể buông bỏ đều được buông bỏ, những gì có thể buông bỏ thì càng phải buông bỏ. Đó gọi là "xả tâm viên dung" vậy.

"Thắng giải thanh tịnh." Họ đạt được thứ giải thoát thù thắng rất thanh tịnh. "Thắng," tiếng Anh gọi là *supreme*. "Thắng giải thanh tịnh" - phước báo của họ to lớn vô ngần, có thể nói là phước ấy vượt khỏi trời đất, không có gì có thể che lấp được.

"Đắc diệu tùy thuận." Họ đạt tới cảnh giới "tùy tâm như ý," muốn thế nào thì được thế ấy. Đây là một sự tùy thuận vô cùng kỳ diệu, muốn gì được nấy, luôn luôn được toại tâm toại ý.

"Khổ lạc song ly." Bấy giờ, không có khổ đau cũng chẳng còn vui sướng - họ đã lìa bỏ được cảm giác khổ và sướng. Tuy nhiên, chư thiên ở đây cũng còn một thứ ước muốn khác, một thứ hy vọng khác. Đó là điều gì? Hy vọng của họ chính là hai tầng trời ở ngay phía trên trời Phước Ái; đó là hai tầng trời nào? Đó là trời Quảng Quả và trời Vô Tưởng - họ hy vọng đạt được cảnh giới của hai tầng trời này.

Trời Quảng Quả là một trong những tầng trời thuộc Tứ Thiền Thiên, còn trời Vô Tưởng là nơi trú ngụ của ngoại đạo. Từ trời Phước Ái, chư thiên có thể đến trời Quảng Quả, lại cũng có thể đến trời Vô Tưởng; mà đến trời Vô Tưởng tức là tiến vào cảnh giới của ngoại đạo. Cho nên, ở đây cũng giống như gặp phải ngã rẽ vậy - rất dễ đi sai đường. Do đó, tuy là sanh lên cõi trời, song cũng dễ bị đi lạc vào cảnh trời của ngoại đạo.

3) Trời Quảng Quả. Thế nào gọi là trời Quảng Quả? Trời Quảng Quả là quả vị của phàm phu. Sáu tầng trời cõi Dục (Lục Dục chư thiên) đều được xem là cảnh giới phàm phu - quả vị mà hạng phàm phu có thể đạt được thì không vượt quá trời Quảng Quả, không hơn được cảnh giới của trời Quảng Quả.

Trời Quảng Quả cách biệt hẳn mọi nhiễm ô, phiền lụy của các tầng trời bên dưới. Tại trời Quảng Quả, chư thiên sống trong

niềm an lạc vô cùng vô tận và thần thông của họ cũng diệu dụng vô cùng; cho nên, được sanh lên trời Quảng Quả không phải là chuyện dễ. Ở trời Quảng Quả, sự "diệu tùy thuận" còn thâm áo hơn ở trời Phước Ái một bậc - không chỉ "tùy thuận" thôi, mà là "quảng diệu tùy thuận," một sự tùy thuận rộng lớn, vi diệu! "Tùy thuận" tức là tùy tâm thuận ý, chư thiên ở nơi này chứng đắc được quả vị mà họ đang tu tập, thuận theo điều họ mong mỏi. Đó là Quảng Quả Thiên.

4) Trời Vô Tưởng. Thế nào gọi là trời Vô Tưởng? Chư thiên ở trời Vô Tưởng đã đoạn dứt tư tưởng, song đó chưa phải là sự đoạn dứt vĩnh viễn; họ chỉ mới đoạn được trong năm trăm kiếp mà thôi. Thọ mạng của họ là năm trăm kiếp, như vậy suốt trong một đời của họ, tư tưởng không nảy sanh - họ không nghĩ ngợi, không có tư tưởng. Thế nhưng, trong năm trăm kiếp ấy, có bốn trăm chín mươi chín (499) kiếp là không có tưởng, và có một kiếp có tưởng. Trong một kiếp này, suốt nửa kiếp đầu thì tư tưởng diệt, không hề dấy khởi; đến nửa kiếp sau cuối thì tư tưởng lại sanh khởi. Cho nên, "vô tưởng" ở đây có nghĩa là trọn đời, rất hiếm khi sanh khởi tư tưởng.

Toàn cõi trời này là nơi trú ngụ của ngoại đạo. Tại đây, hàng ngoại đạo tự cho là cảnh trời rốt ráo, và đinh ninh rằng lúc này họ có thể đạt được Niết Bàn. Chính vì thế mà họ ở lại đây để tu hành; song tu hành thì tu hành mà vẫn bị đọa lạc như thường! Vậy, tầng trời này là chỗ ở của ngoại đạo.

5) Trời Vô Phiền. "Phiền" tức là phiền não. Thiên nhân ở tầng trời này không còn "kiến tư phiền não" nữa, họ đã đoạn dứt được kiến tư phiền não. "Kiến tư phiền não" là gì?

"Kiến" là cái thấy; đối diện cảnh giới liền sanh lòng tham ái, đó gọi là "kiến phiền não" - phiền não của cái thấy. "Tư" là nghĩ ngợi; đối với đạo lý, vì không hiểu rõ mà sanh tâm phân biệt, ấy gọi là "tư phiền não" hay "tư hoặc" - phiền não của ý tưởng.

Chư thiên ở tầng trời Vô Phiền này không còn hai mối phiền não kiến hoặc và tư hoặc nữa, nên cũng không phải chịu đựng mối phiền não phiền nhiệt; mà cũng chẳng có khổ, chẳng có

sướng - sướng khổ đều tiêu vong. Tại cảnh giới "khổ lạc song vong" này, họ không có tâm đấu tranh. Bởi không có tâm đấu tranh, nên cũng chẳng có phiền não; hết phiền não thì được thanh lương (mát mẻ).

6) Trời Vô Nhiệt. "Nhiệt" (nóng) tức là nhiệt não. Tầng trời này rất mát mẻ, thanh thản, không còn cái "nhiệt" của phiền não.

7) Trời Thiện Kiến. Vì sao gọi là trời Thiện Kiến? Chư thiên ở tầng trời này có tầm nhìn vô cùng rộng lớn, họ có thể nhìn thấy được rất xa.

8) Trời Thiện Hiện. Ở tầng trời này có một sự biến hóa rất vi diệu - chư thiên ở đây có thể biến hóa ra mọi cảnh giới an lạc.

9) Trời Sắc Cứu Cánh. Trời Sắc Cứu Cánh là tầng trời cuối cùng trong số các tầng trời thuộc Sắc Giới Thiên.

10) Trời Ma Hê Thủ La. "Ma Hê Thủ La" là tiếng Phạn; Trung Hoa dịch là "Đại Tự Tại." Đại Tự Tại Thiên Vương có tám tay, ba đầu, cỡi một con trâu lớn màu trắng; và Ngài tự cho là mình rất thong dong, tự tại.

Trong mười cảnh trời kể trên, ngoại trừ trời Vô Tưởng là nơi trú ngụ của thiên ma ngoại đạo, tất cả chín tầng trời còn lại - trời Phước Sanh, trời Phước Ái, trời Quảng Quả, trời Vô Phiền, trời Vô Nhiệt, trời Thiện Kiến, trời Thiện Hiện, trời Sắc Cứu Cánh, trời Ma Hê Thủ La - đều thuộc cõi Tứ Thiền Thiên.

Tứ Thiền còn gọi là Xả Niệm Thanh Tịnh Địa. Ở cảnh giới Sơ Thiền thì sự hô hấp gián đoạn, tới Nhị Thiền thì mạch tim ngưng đập, đến Tam Thiền thì ý niệm dứt tuyệt; còn ở Tứ Thiền thì sao? Thì "xả niệm," vất bỏ hết mọi niệm, không còn gì nữa.

Cho đến trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Ngoài ra, còn có cả chư thiên ở các tầng trời Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, và Phi Phi Tưởng Xứ cũng đến cung trời Đao Lợi để tham gia Pháp Hội.

Bởi ngay cả cái "thức" cũng không còn nên gọi là "phi tưởng"; nhưng "phi tưởng" này không phải là hoàn toàn không có "tưởng," mà là vẫn còn chút ít, vì thế gọi là "phi phi tưởng" -

chẳng phải không có tư tưởng. Đó là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên.

Tất cả Thiên chúng, Long chúng, cùng các chúng Quỷ, Thần đều đến hội họp, tham gia Pháp Hội tại cung trời Đao Lợi.

KINH VĂN:

Lại có những vị thần ở các cõi nước phương khác cùng thế giới Ta Bà, như Thần biển, Thần sông cái, Thần sông con, Thần cây, Thần núi, Thần đất, Thần suối và ao đầm, Thần cây con và hạt giống, Thần ngày, Thần đêm, Thần hư không, Thần trên trời, Thần ăn uống, Thần cỏ cây và gỗ; các vị thần như thế đều đến hội họp.

LƯỢC GIẢNG:

Lại có những vị thần ở các cõi nước phương khác cùng thế giới Ta Bà... "Phương khác" tức là các thế giới khác, các quốc độ khác. Không phải chỉ có quỷ thần từ thế giới phương khác, mà luôn cả quỷ thần ở cõi Ta Bà cũng lũ lượt đến cung trời Đao Lợi để tham gia Pháp Hội.

Như Thần biển, Thần sông cái, Thần sông con. Thế nào gọi là biển, sông cái, sông con? Đây đều là những nơi có nước. Trong Kinh Trường A Hàm có nói đến nguồn gốc của biển, sông, hồ. Đó là bởi thế gian này có sự hiện diện của mặt trời - từ mặt trời phát ra một nguồn nhiệt lực gây nóng bức khiến cho vạn vật đều tiết "mồ hôi"; chính lượng "mồ hôi" này tích tụ lại và hình thành sông, hồ, ao, biển... Không phải chỉ riêng con người mà ngay cả đất đai, cây cối cũng có "mồ hôi" - tất cả chúng sanh đều có "mồ hôi." Mặt trời dọi đến đâu thì tỏa sức nóng đến đó, và sức nóng này gọi là "chích" (nướng). Thế giới này vì có quá nhiều "mồ hôi" - nhiều nước - nên có rất nhiều sông, hồ.

Nước hiện hữu khắp nơi - tận hư không, khắp Pháp Giới, đâu đâu cũng có nước cả. Trong *Kinh Lăng Nghiêm* có chép về việc cầm hạt châu thủy tinh hướng lên không trung để hứng nước trong ánh trăng vào giữa đêm trăng sáng. Điều này chứng tỏ rằng khắp nơi đều có nước. Tuy nhiên, cũng có những nơi chúng ta

không thấy có sự hiện diện của nước, là vì những nơi đó chỉ có "tánh" của nước chứ không có "thể" của nước. Điều này cũng tương tự như việc mọi người đều có Phật tánh, nhưng chúng ta không thấy được Phật tánh mà chỉ thấy được hình thể con người thôi vậy. Tánh của nước là ẩm ướt; hầu như mọi nơi đều có khí ẩm, do vậy có thể nói rằng mọi nơi đều có nước. Đồng thời, mọi nơi đều có lửa.

Tánh nước và tánh lửa vốn hỗ tương hợp tác, chứ không xung khắc lẫn nhau; vậy thì tại sao nước không tràn ngập khắp mọi nơi? Bởi giữa trời, đất và nước có sự tương quan, gắn bó mật thiết với nhau. Vả lại, Tứ Đại Thiên Vương còn có viên ngọc "trị nước" (tỵ thủy châu); nếu không nhờ viên ngọc này thì khắp cả thế giới sẽ toàn là nước, tất cả đều bị chìm trong biển nước mênh mông. Cho nên, không phải khắp nơi đều có sự hiện hữu rõ rệt của nước.

Cái gì là biển? "Biển" (hải) có thể giảng theo nghĩa của chữ "hối," có nghĩa là đen tối. Đó là vì "biển" là nơi tối tăm, u ám; khi ở trong biển, quý vị có mở to mắt cũng không nhìn thấy được gì cả. Biển thì mênh mông rộng lớn vô cùng - quý vị không thể biết được biển sâu bao nhiêu, rộng tới đâu, và lớn đến chừng nào. Do đó, "biển" còn tiêu biểu cho sự rộng lớn bao la; và cũng hàm nghĩa ngu muội, không sáng suốt.

Ở biển có rất nhiều thần; Long Vương cũng là một vị thần biển vậy. Trong các thần biển, có một vị tên là Hải Nhược và một vị tên là Dương Hòa. Thần Hải Nhược là vị thần tối cao ở biển, và vốn là loài thú chứ không phải loài trùng. Vị thần này có mười tám cái đuôi, tám chân, và tám đầu; mặt mày thì trông cũng giống như loài người vậy. Ngoài ra, còn có rất nhiều vị thần biển khác nữa. Nếu trong lúc tọa Thiền mà thấy cảnh giới có các vị thần hình thù quái dị như thế hiện ra thì quý vị chớ sợ hãi, bởi đó là các thần biển đến để cúng dường quý vị đấy.

Còn "sông" thì thế nào? "Sông" và "biển" khác nhau ra sao? Sông cái tuy rộng mà không sâu lắm; sông con thì không rộng bằng sông cái. Biển thì rộng lớn hơn hết và là "vạn lưu chi chủ" -

chủ tể của cả muôn vạn dòng nước. Mọi sông hồ đều đổ về biển cả; bất luận bao nhiêu dòng sông, lưu lượng nhiều ít thế nào, thì biển cũng đều dung nạp hết thảy. Biển sẵn sàng dung chứa muôn vạn dòng nước mà chẳng ngại nhiều. Sông thì không như vậy - sông luôn luôn lưu chuyển và còn tẽ nhánh tạo thành sông con, trong khi nước biển thì không chảy đi nơi khác.

Chữ "sông" (giang) có thể được giải thích theo nghĩa của chữ "công"; ngụ ý rằng sông rất công bằng. "Sông" còn có một nghĩa khác nữa là "cống"; bởi thời xưa ở nước Trung Hoa, những sản vật của sông hồ đều phải được "tiến cống," dâng nạp cho nhà vua. Như vậy, "sông" có nghĩa là "công," và cũng có nghĩa là "cống."

"Sông con" (hà) còn được định nghĩa là "chưởng," tức là lòng bàn tay; bởi lúc không có gió thì mặt sông êm ả, phẳng lặng như gương hoặc như lòng bàn tay vậy.

Các thần biển, thần sông cái, thần sông con đều là những vị thần dưới nước.

Thần cây (thụ thần). Ở những cây to đều có thần linh cư ngụ. Theo tiếng Trung Hoa, chữ "thụ" này đồng âm với chữ "thụ" có nghĩa là đứng thẳng hoặc dựng đứng.

Thần núi (sơn thần). Chữ "sơn" (núi) có thể được định nghĩa như chữ "sản" hoặc chữ "sanh" vậy, bởi vì núi non cũng là nơi mọi vật có thể sanh trưởng.

Thần đất (địa thần). Chữ "địa" (đất) cũng hàm ý là chỗ thấp nhất. Tuy là ở dưới tất cả nhưng đất lại có thể sản sanh vạn vật, chuyên chở muôn loài.

Thần suối và ao đầm. "Suối" là dòng nước chảy xuyên qua đất, xuyên qua những nơi vốn không có nước. "Ao, đầm" cũng là những nơi có nước.

Thần cây con và hạt giống. Cây con là thứ cây còn non, mới nhú, mới nẩy mầm, như mạ non, mầm đậu...

Thần ngày, Thần đêm. Thần ngày (trú thần) là vị Thần cai quản ban ngày; và Thần đêm (dạ thần) là vị Thần cai quản ban

đêm. Thời khắc thuộc ngày và đêm được phân định như sau: sau mười hai giờ khuya là bắt đầu thuộc về ban ngày, và sau mười hai giờ trưa là bắt đầu thuộc về ban đêm.

Vào mười hai giờ khuya thì tuy là chưa có ánh mặt trời nhưng khí dương đã bắt đầu sanh xuất. Cho nên, con người thường khởi tâm dâm dục vào trước lúc bình minh, khoảng từ ba đến năm giờ sáng, bởi đó là lúc dương khí đang thịnh. Tuy nhiên, nếu quý vị không khởi dâm tâm thì khí lực đó sẽ chuyển hóa thành trí huệ. Ở đây, quý vị cũng đối diện với một "ngả ba," tương tự như trường hợp của Vô Tưởng Thiên và Quảng Quả Thiên vậy - quý vị rẽ về hướng này thì có được tư tưởng chánh đáng, giúp ích cho sự phát triển của trí huệ; còn rẽ sang hướng kia thì lại khiến cho lòng tham dục của mình trở nên nặng nề thêm.

Sau mười hai giờ trưa thì khí âm sanh xuất, và đến tối con người cũng khởi lòng tham dục. Nếu quý vị không chiều theo dục vọng của mình, không chọn "con đường" dâm dục, tất có thể đi theo "con đường" trí huệ. Âm và dương là hai lối rẽ, tất cả đều tuỳ thuộc vào sự quyết chọn của chính quý vị.

Thần hư không. Thần hư không (không thần) là ai? Thần hư không chính là vị Thuấn Nhã Đa được nhắc đến trong bài kệ tụng của ngài A Nan ở phần đầu Chú Lăng Nghiêm:

"Thuấn Nhã Đa tánh khả tiêu vong,
Thước Ca La tâm vô động chuyển."

Quý vị nghe giảng kinh điển thì không nên chỉ nghe rồi là xong, chẳng nghĩ tới nữa; và cũng đừng cho rằng như thế tức là mình không có lòng tham, ngay cả Pháp mình cũng không tham! Quý vị không tham Phật Pháp, thì cũng phải không tham thế gian pháp. Nếu quý vị không tham cầu Phật Pháp nhưng lại đi tham cầu các pháp của thế gian, từ sáng đến tối chỉ biết bận rộn đếm tiền, thì đó cũng là một sự phiền não vậy!

Thần trên trời, Thần ăn uống. Việc ăn uống của chúng ta đều có thần linh trông coi. Chúng ta mỗi ngày, cho dù uống một hớp nước, ăn một mẩu trái cây hay một miếng bánh, đều là do

thần linh quản lý cả. Quý vị tin là có vị thần này, thì thần hiện hữu; quý vị không tin là có thần, thì thần cũng vẫn tồn tại như thường, chẳng qua là quý vị không nhận biết được mà thôi. Chớ nên cho rằng cái gì mình không tin thì không có thật, bởi suy nghĩ như thế là rất ngu xuẩn! Phải biết rằng, bất luận quý vị tin hay không tin, vị thần này vẫn luôn luôn hiện hữu!

Trước kia, ở Bắc Kinh (Trung Hoa), có một người tên là Đoạn Chánh Nguyên, mà người đương thời quen gọi là Đoạn Sư Tôn. Vị Đoạn Sư Tôn này đã từng được gặp một người chuyên lo về phân lượng ăn uống hằng ngày của nhân gian - mỗi ngày mỗi người ăn uống những thức gì, tiêu thụ bao nhiêu thức ăn, uống hết bao nhiêu nước, đều có sự nhất định cả.

Người ấy làm việc như thế nào ư? Anh ta chỉ ngủ suốt ngày! Cha anh ta làm quan và là một vị Liên Trưởng hay Doanh Trưởng gì đó; dưới quyền có khoảng bốn, năm trăm người. Vị Liên Trưởng này thấy con bấy giờ đã hai, ba mươi tuổi rồi mà không chịu làm việc, cứ nằm ngủ suốt ngày, thì rất bực dọc. Một hôm, không dằn được, ông trách mắng anh con trai: "Cha đã năm, sáu mươi tuổi rồi mà còn phải làm lụng kiếm tiền nuôi con; còn con thì đã hai, ba chục tuổi đầu rồi mà lại không chịu đi làm để mưu sinh! Con không chịu làm một công việc nào cả, thì cuộc đời con còn có ý nghĩa gì nữa chứ?"

Anh con trai đáp: "Cha à, cha làm quan ở nhân gian, còn con thì làm quan ở âm phủ đấy!"

- Hử? Con làm chức quan gì ở âm phủ?

- Mỗi ngày người nhân gian được ăn uống thức gì, phân lượng bao nhiêu, đều do một tay con tính toán, phân phối cả!

Vị Liên Trưởng gắt lên: "Con nói cái gì? Ăn uống mà còn phải đợi kẻ khác phân phối, định đoạt sao? Thật là hoang đường! Vậy thì ngày mai cha được con phân phối cho ăn những gì, con nói cha nghe thử xem."

Người con thưa: "Chưa được đâu, cha ạ. Con cần phải ngủ một giấc, khi thức dậy con sẽ nói cho cha rõ, vì hiện giờ con vẫn chưa biết chắc được."

Người cha nghe thế thì trong lòng giận lắm, song chỉ biết lắc đầu ngao ngán, cho rằng con mình chỉ nói nhảm, chứ làm gì có chuyện mình ăn thức gì cũng phải đợi nó phân phối, sắp đặt!!! Người con, sau khi ngủ dậy, nói với cha rằng: "Ngày mai cha sẽ không có cơm ăn đâu, cha ạ."

Cha anh ta cười lớn: "Cha làm quan chức quyền lớn như vầy mà lại không có cơm ăn sao? Như thế thì cha sẽ được ăn cái gì?"

Anh con trai trả lời: "Ngày mai cha chỉ có được một quả trứng thối và nửa bát cháo cám thiu mà thôi. Phần ăn của cha vào ngày mai chỉ có thế!"

Người cha đùng đùng nổi giận, quát lớn: "Hừ! Cha đường đường là một vị Liên Trưởng có tiền của, có quyền thế, thì tại sao phải ăn uống ít ỏi như thế, mà lại là đồ hư đồ thối nữa chứ? Thật là phi lý hết sức!"

Sáng sớm ngày hôm sau, vị Liên Trưởng đốc thúc gia nhân giết gà, giết vịt, chuẩn bị một bữa ăn thật linh đình. Nào ngờ, lúc ông sắp sửa ngồi vào bàn để ăn thì nhận được lệnh khẩn của cấp trên, bảo ông phải tức tốc xuất binh đi dẹp loạn, không được chậm trễ. Thế là thức ăn thì đã nấu nướng xong xuôi, nhưng ông ta không thể đụng đến được vì phải gấp rút ra đi.

Giao tranh hơn nửa ngày trời, vị Liên Trưởng đánh tan được bọn cướp. Bấy giờ, ông cảm thấy đói và mệt lả bởi suốt ngày chưa có gì vào bụng cả; trong khi đó, thuộc hạ của ông thì vì không phải chờ đợi một bữa ăn thịnh soạn, cho nên từ sớm, trước khi xuất binh, họ đều đã ăn uống đầy đủ cả rồi. Vất vả lắm mới tìm thấy một ngôi nhà có người ở, vị Liên Trưởng bèn vào hỏi mua thức ăn. Thế nhưng, không ngờ đó lại là một gia đình nghèo túng vào bậc nhất trong thiên hạ!

Người chủ nhà nói với vị Liên Trưởng: "Chúng tôi chẳng còn cái gì có thể ăn được cả. Gạo thì hết mà rau cũng chẳng còn. Cả nhà chỉ còn vỏn vẹn có một quả trứng thối với nửa bát cháo cám đã thiu. Đó là phần để dành cho người sản phụ sắp sanh kia; nhưng nếu ông không chê thì xin cứ tự nhiên, không sao cả!"

Vị Liên Trưởng vì ruột gan cồn cào, đói chịu không nổi, liền nhận lấy quả trứng thối và nửa bát cháo cám thiu ấy. Đương ăn, ông sực nhớ lại lời tiên đoán của anh con trai ngày hôm qua. Quả thật hôm nay ông đã ăn những thứ đúng như anh ta "phân phối"! Từ đó, vì biết rằng con mình thực sự đang làm quan ở âm phủ nên ông cũng để tùy anh ta, không còn la rầy trách mắng như trước nữa.

Thần cỏ cây và gỗ. Cỏ có thần cỏ (thảo thần), gỗ có thần gỗ (mộc thần), và cây có thần cây (thụ thần).

Ở Nam Thiệm Bộ Châu (Nam Diêm Phù Đề) có cây "thụ vương" (vua của cây cối), là cây to nhất. Khi cây cối trở nên to lớn, già cỗi, thì được gọi là "quỷ thần thôn," tức là chỗ trú ẩn của quỷ thần, vì quỷ thần thường chọn những cây đại thụ làm nơi nương náu. Nếu không có các loại đại thụ này thì quỷ thần sẽ rất khốn khổ; bởi chỉ có nương náu nơi những cây to, um tùm, thì quỷ thần mới cảm thấy an ổn và vui sướng. Vì thế, những cây cổ thụ to lớn được gọi là "quỷ thần thôn."

Thời Tam Quốc, có một cây đại thụ lâu năm được mọi người gọi là "thần thụ" (cây thần). Tào Tháo bấy giờ chẳng những không tin, lại còn sai người đến đốn cây ấy đi. Sau đó, Tào Tháo bỗng dưng bị mắc chứng đau đầu dữ dội, suốt ngày đau đớn khổ sở; về sau phải mời Hoa Đà đến chữa trị cho. Ấy là do ông ta đã đắc tội với quỷ thần - thần cây - mà ra vậy.

Trong *Tứ Phần Luật* có nói rằng Tỳ Kheo không được phép đốn hoặc chặt những cây cối to lớn, um tùm, vì ở những cây đại thụ như thế đều có quỷ thần cư ngụ. Điển hình là tại Trung Hoa, ở chùa Nam Hoa thì có cây long não (chương thụ) xin thọ Giới với Lão Hòa Thượng Hư Vân; và ở chỗ của Nam Nhạc Tân Sơn Lão Nhân, có một cây quả trám (bạch quả) cũng được thọ Giới. Các thần cây được thọ Giới kể ra thì rất nhiều - đây quả là thứ cảnh giới không thể nghĩ bàn vậy!

Vừa rồi tôi có nói rằng nếu quý vị tin là có thần, thì thần tồn tại; mà không tin là có thần, thì thần cũng vẫn tồn tại! Có nhiều người cho rằng "tin thì có, không tin thì không có"; nhưng trong

trường hợp này thì "tin cũng có, không tin cũng vẫn có" như thường! Thí dụ dưới đất có mỏ vàng, thì bất luận quý vị biết hay không biết, tin hay không tin, mỏ vàng vẫn nằm sờ sờ ở đó. Quý vị tin, tức là quý vị biết rằng có thần; còn quý vị không tin, có nghĩa là quý vị không biết rằng có những vị thần như thế, chứ không phải là không có thần! Đó chẳng qua là vì quý vị hoàn toàn không có tri thức, không có trí huệ để nhận biết mà thôi. Vì vậy, chúng ta phải thận trọng, không nên hùa theo những kiến giải sai lầm, lệch lạc của người khác!

Các vị thần như thế đều đến hội họp. Không phải chỉ có những vị thần kể trên mà còn có đông đảo những vị thần khác nữa, và tất cả đều tấp nập tựu về cung trời Đao Lợi để nghe Đức Phật thuyết Pháp.

Tại thành phố Cựu Kim Sơn (San Francisco) hiện nay xảy ra rất nhiều thiên tai nhân họa; mới gần đây lại có cơn bão gây thiệt mạng cho hơn chín mươi người. Đó cũng là do ác nghiệp của chúng sanh đã tới lúc chín muồi nên mới sanh ra những việc như thế.

Có người nói rằng vào tháng năm năm ngoái, căn cứ theo dự liệu của các nhà khoa học, thì có nạn động đất xảy ra. Tôi bèn làm "giấy bảo đảm," cam đoan rằng chỉ cần tôi còn ở tại thành phố San Francisco thì sẽ không có chuyện động đất xảy ra; tuy nhiên, nếu tôi đi sang nơi khác, không có mặt ở San Francisco nữa, thì tôi chẳng thể làm gì hơn được!

Tôi không muốn có nạn động đất xảy ra để rồi phải bị rơi xuống biển, và tôi cũng không muốn những người bên cạnh tôi bị rơi xuống biển nữa. Vì sao ư? Vì tôi không muốn gặp mặt Long Vương, cũng chẳng thích kết bạn với vị Thần Biển (hải thần) có tám đầu, tám chân và mười tám cái đuôi. Tám cái đầu này là gồm bốn đầu nam và bốn đầu nữ - từ một thân thể mà mọc ra tám cái đầu của bốn cặp vợ chồng, trông rất là quái dị. Đã thế, Thần Biển còn làm những việc rất kỳ quặc và rất đặc biệt; cho nên tôi không muốn kết giao với vị thần này, và tôi lại càng không muốn để cho những người cùng sống với tôi đi gặp thần nữa. Đây không phải

là tôi ích kỷ, bởi có gặp vị thần này thì cũng chẳng làm nên được việc gì tốt đẹp cả!

Đầu năm nay (1969), có người báo cho tôi biết là vào khoảng tháng ba hoặc tháng tư lại có trận động đất nữa. Thế thì lần này, tôi có lại mở "công ty bảo hiểm" để mọi người có thể đến "mua bảo hiểm" nữa hay không? Vẫn y như vậy! Nói tóm lại, quý vị đừng quên những lời tôi nói hồi năm ngoái! Hễ tôi còn ở thành phố San Francisco ngày nào, thì bảo đảm ngày đó sẽ không có nạn động đất lớn (đại địa chấn) xảy ra; song le, các vấn đề nho nhỏ thì tôi không thể đoan chắc được.

Trong thời Mạt Pháp này, thiên tai nhân họa sẽ còn xảy ra rất nhiều; cho nên tôi hy vọng mọi người đều chuyên cần trì niệm danh hiệu của Quán Thế Âm Bồ Tát và Địa Tạng Vương Bồ Tát. Được như thế thì thành phố San Francisco này sẽ vững chãi như núi Thái Sơn, và sẽ không có vấn đề gì nghiêm trọng xảy ra cả!

KINH VĂN:

Lại có chư đại quỷ vương ở các cõi nước phương khác cùng thế giới Ta Bà, như Ác Mục Quỷ Vương, Đạm Huyết Quỷ Vương, Đạm Tinh Khí Quỷ Vương, Đạm Thai Noãn Quỷ Vương, Hành Bệnh Quỷ Vương, Nhiếp Độc Quỷ Vương, Từ Tâm Quỷ Vương, Phước Lợi Quỷ Vương, Đại Ái Kính Quỷ Vương..., các quỷ vương như thế đều đến hội họp.

LƯỢC GIẢNG:

Lại có chư đại quỷ vương ở các cõi nước phương khác cùng thế giới Ta Bà... Vì sao nói là "lại có"? Bởi vì không phải chỉ có chư Bồ Tát cùng Thiên Long Bát Bộ như đã kể trên mà thôi, mà còn có rất đông đảo các vị từ các cõi nước phương khác cũng đến cung trời Đao Lợi nữa.

"Các cõi nước phương khác" tức là các quốc độ, các cõi nước của chư Phật khác ở thế giới khác, chứ không phải là của thế giới Ta Bà.

"Ta Bà" là Phạn ngữ; Trung Hoa dịch là "kham nhẫn," ngụ ý rằng chúng sanh ở nơi này có thể nhẫn chịu sự thống khổ.

"Chư đại quỷ vương." Thông thường, người ta giảng chữ "chư" này là đồng nghĩa với chữ "đa," và có nghĩa là "nhiều"; nhưng tôi thì lại khác. Khác như thế nào ư? Theo tôi, chữ "chư" không đồng nghĩa với chữ "đa" mà là đồng nghĩa với chữ "thiểu," tức là "ít"; và "ít" tức là chỉ có "một" mà thôi!

Có người nghe thế thì bất bình, nói rằng: "Thầy lầm rồi! Theo tiếng Trung Hoa thì chữ 'chư' đồng nghĩa với chữ 'đa'; sao Thầy lại giảng thành chữ 'thiểu,' rồi rốt cuộc lại biến thành chữ 'nhất,' tức là 'một' được?"

Chính thế, tôi thích quy nạp tất cả về "một"; vì sao ư? Bởi vì tôi vốn rất dốt toán, số mục nhiều quá thì không thể nào nhớ nổi; vả lại, tôi thấy rằng "một" là dễ nhớ nhất, chứ sang đến "hai" là bắt đầu phải động não, nghĩ ngợi rồi! Quý vị nói chữ "chư" đồng nghĩa với chữ "đa," tức là "nhiều"; thế "nhiều" thì rốt cuộc là bao nhiêu? Chẳng có một con số cụ thể nào cả! Không có một con số đích xác thì rất rắc rối, cho nên tôi giảng thành "một" để đơn giản hóa vấn đề vậy. "Chư" chính là "nhất," mà "nhất" cũng là "chư"; "nhiều" tức là "một," mà "một" cũng chính là "nhiều." Cho nên, đây là điểm khác biệt của tôi trong vấn đề giảng Kinh.

Như vậy, "chư" đại quỷ vương thì tôi nói là "một" đại quỷ vương; thế thì đó là ám chỉ vị đại quỷ vương nào? Bây giờ tôi cứ giảng tới vị quỷ vương nào thì vị đó chính là "một" đại quỷ vương! Ở đây có Ác Mục Quỷ Vương, Nhiếp Độc Quỷ Vương, Từ Tâm Quỷ Vương, vân vân...; tôi sẽ đề cập tới từng quỷ vương một, chứ không gộp chung lại một cách lộn xộn.

Vì sao tôi lại giảng chữ "chư" này thành chữ "nhất"? Đó là cách giảng "bất chấp lý lẽ" của tôi, và bây giờ tôi sẽ giải thích cho quý vị nghe; bởi vì nếu tôi không giải thích thì quý vị sẽ không "tâm phục, khẩu phục," và có thể còn ngờ rằng tôi giảng sai nữa. Thế nên, bây giờ tôi sẽ cắt nghĩa cho quý vị rõ.

Chúng ta nói về chữ "nhiều," vậy do đâu mà thành "nhiều"? Cái "nhiều" này là từ đâu đến? Thử truy tìm nguồn gốc của

"nhiều," thì quý vị sẽ thấy rằng "nhiều" vốn từ nơi "một" mà ra; thậm chí cả "một" cũng không hiện hữu nữa. Vậy, "nhiều" vốn dĩ phát xuất từ "một." Quý vị hãy thử bắt đầu từ "một" mà tính lên, hễ quý vị nhớ được cái thứ nhất, thì có thể biết được cái thứ hai, lại có thể biết cái thứ ba...; cứ thế mà suy ra thì có thể nói rằng "một" là vô lượng, mà vô lượng rốt ráo cũng chỉ là "một." Đó chính là cảnh giới:

Nhất bổn tán vi vạn thù,
Vạn thù nhưng quy nhất bổn.
(Một gốc phân tán thành muôn vàn,
Muôn vàn quy nạp về một gốc.)

Cho nên, chúng ta tu hành thì đều phải quy nạp về "một." Tu hành là "tu" cái gì? Chính là tu sửa cái tâm của mình. Tâm chúng ta cần phải như thế nào? Tâm cần phải chuyên nhất; chúng ta phải tu sao cho chỉ còn duy nhất "một" cái tâm mà thôi! Có câu:

Đắc nhất vạn sự tất.

(Được "một" thì muôn việc đều xong.)

Nếu quý vị đạt được cái "một" này, thì mọi sự kể như hoàn tất, không còn việc gì nữa cả. Tu hành chính là tu cái "một" này, phải tập luyện sao cho ý niệm của mình trở nên chuyên nhất, chỉ còn có "một" mà thôi; bởi ý niệm có chuyên nhất thì trí huệ mới khai mở. Nếu niệm không chuyên nhất thì sao? Thì đó là "hướng ngoại trì cầu," tức là quý vị vẫn còn bôn ba tìm kiếm ở ngoài. Nếu quý vị có thể không khởi một niệm nào cả thì lại càng vi diệu hơn nữa; bởi:

Nhất niệm bất sanh toàn thể hiện,
Lục căn hốt động bị vân già.
(Một niệm chẳng sanh, toàn thể hiện,
Sáu căn chợt động, mây liền che.)

Mặc dù trong kinh văn kể ra nhiều quỷ thần như vậy, nhưng nếu quý vị có thể "nhất niệm bất sanh," thì sẽ không có ma quỷ nào cả. Thậm chí, chẳng những không có ma quỷ mà ngay cả

một vị thần cũng không có nữa. Thật ra, chẳng những không có thần mà ngay cả một đức Phật, một vị Bồ Tát, cũng không có nữa - tất cả đều không hiện hữu! Tất cả đều "không" - đây mới là lúc mà tất cả đều thực sự hiện tiền! Bấy giờ, Đức Phật hiện đến, Bồ Tát cũng đến, Thanh Văn, Duyên Giác, Bích Chi Ca La... tất cả đều hiện thân đến. Vì sao các ngài hiện đến? Bởi vì quý vị có thể "nhất niệm bất sanh"! Nếu quý vị vẫn còn khởi tâm động niệm thì các ngài sẽ không hiện đến. Điều vi diệu là ở điểm này và cũng chính là ở chữ "chư" này; cho nên, đây đích thật là thứ cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Ở đây, quý vị đừng giải thích chữ "chư" này theo nghĩa "nhiều," mà hãy dùng theo nghĩa "một"; và rồi ngay cả "một" cũng không tồn tại. Như thế, "chư" đại quỷ vương tức là "một" đại quỷ vương; và rồi ngay cả một vị quỷ vương cũng không có nữa - tất cả đều cao bay xa chạy hết. Không còn quỷ vương thì thế giới này cũng không tồn tại. Thế giới này đã không tồn tại, thế thì quý vị còn gì để lo âu nữa? Chẳng lo chẳng buồn, không quái không ngại; lúc đó gọi là:

"Tánh tận văn tịch tham Thiên Địa."

Một khi quý vị đạt tới cảnh giới "tận nhân tánh, tận kỷ tánh, tận vật tánh," tức là không còn thấy có tánh người, tánh mình, và tánh của sự vật, thì lúc bấy giờ, quý vị chính là trời đất và trời đất chính là quý vị; đồng thời, quý vị là chư Phật và chư Phật chính là quý vị - không hai không khác. Nào có cái gì gọi là "bạn," là "tôi," hoặc là "hắn"? Nào có cái gì gọi là "tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả"? Không có gì cả! Tất cả đều không tồn tại, thế thì quý vị còn gì để phiền não nữa chứ? Bấy giờ, phiền não gì cũng đều tiêu tan cả - lúc đó thật là "thanh tịnh chí vô dư," trong sạch đến cực điểm; và quả thật là:

"Nhất niệm bất sanh toàn thể hiện,
Lục căn hốt động bị vân già."

Quý vị xem, cảnh giới này thật là "diệu bất khả ngôn," vi diệu đến chẳng thể nói hết được! Đã "chẳng thể nói hết được," thế thì không cần phải nói, không cần phải giảng nữa sao? Vẫn

cần phải giảng! Bởi vì tôi thích giảng và vẫn muốn tiếp tục giảng nữa! Bây giờ chúng ta nói về "chư đại quỷ vương." Các đại quỷ vương này rất hung ác, bởi vì là quỷ mà! Chân của loài quỷ rất dài; dài khoảng bao nhiêu ư? - ! Tôi cũng không biết là dài bao nhiêu nữa, có lẽ độ chừng vài "trượng." Thật ra, ngay cả các học giả, các *professors* của Trung Hoa cũng chẳng biết nhiều về quỷ vì chân của loài quỷ quá dài, dài đến nỗi người ta không thể thấy được bọn chúng đang ở nơi đâu!

Theo tiếng Trung Hoa, chữ "quỷ" này đồng âm với chữ "quy," có nghĩa là "trở về." Người ta thường nói: "Chết tức là trở về." Về đâu? Về lại nơi mà mình đã phạm tội! "Quỷ" tức là "quy" - tức là trở về lại trong địa ngục; bởi loài quỷ cho rằng địa ngục là nhà của chúng, là nơi mà chúng phải quay về. Vì sao chúng nghĩ như vậy? Vì mê muội!

Bây giờ tôi lại giải thích chữ "quỷ" theo tiếng Anh. Theo Anh ngữ, "quỷ" tức là "ghost," và đồng âm với chữ "go" hoặc "goes" có nghĩa là "đi." Đi đâu và để làm gì? Loài quỷ cho rằng đi đây đi đó vui chơi là tuyệt nhất; nhưng thật ra, chúng đi đâu? Đi đến núi đao, rừng kiếm, chảo dầu! Suốt ngày cứ "go, goes, ghost"; rốt cuộc là "go" tới địa ngục, "go" tới cõi ngạ quỷ, "go" tới cõi súc sanh!

Như vậy, chữ "quỷ" giảng theo tiếng Trung Hoa thì ngụ ý là "quy" (quay về); còn giảng theo tiếng Anh thì ngụ ý là "go" (đi). Đây là cách giải thích đơn giản của tôi.

Như Ác Mục Quỷ Vương (chúa quỷ mắt dữ). Loài quỷ này có chân rất dài, mắt thì chứa đầy vẻ hung ác đến nỗi vừa nhìn thấy mắt của chúng là người ta liền phát run cầm cập!

Đạm Huyết Quỷ Vương (chúa quỷ uống máu). Loài quỷ này chuyên uống máu của chúng sanh; hễ nơi nào có máu là chúng đều tìm đến để uống.

Đạm Tinh Khí Quỷ Vương (chúa quỷ hút tinh khí); tiếng Phạn gọi là "Tỳ Xá Già." Trong Chú Lăng Nghiêm có nhắc tới "Tỳ Xá Già," đó chính là Đạm Tinh Khí Quỷ Vương này vậy. Loài quỷ này chỉ thích hút lấy tinh khí của con người và tinh túy

của ngũ cốc. Tinh khí của loài người chúng ta vì sao vô hình trung bị suy kém? Chính là vì bị loài quỷ này hút mất vậy.

Đạm Thai Noãn Quỷ Vương (chúa quỷ ăn thai noãn). Loài quỷ này chuyên ăn những thai nhi chưa thành hình. Khi có các trường hợp như sẩy thai, đẻ non, thai nhi chết trong bụng mẹ xảy ra, thì lúc nhau thai rơi xuống là loài quỷ này liền chụp lấy để ăn. "Noãn" tức là trứng; loài quỷ này cũng ăn cả trứng nữa, như trứng gà chẳng hạn.

Tại sao bị làm loài quỷ này? Đó là bởi đời trước, loài quỷ này vốn là những kẻ thích việc sát sanh; và thịt của những thú vật mà họ giết được thì đừng nói gì người khác, ngay cả vợ của họ mà họ cũng không cho ăn nữa! Chẳng những không cho thịt con vật, mà luôn cả huyết của nó họ cũng không chia cho ai cả. Họ tự sát sanh, rồi một mình ăn, một mình uống. Ngay cả vợ của họ mà họ còn không chia xẻ cho, huống hồ là người khác! Đối với người khác thì họ lại càng cho không đành nữa! Điều này thể hiện thói keo kiệt, bỏn sẻn của họ. Cho nên, sau khi chết, họ phải làm loài quỷ ăn thai noãn, chỉ ăn toàn đồ dơ; đó là do thói tham lam, keo kiệt từ đời trước mà ra.

Hành Bệnh Quỷ Vương (chúa quỷ gây bệnh tật). Loài quỷ này đi đến đâu là gieo rắc các bệnh dịch, bệnh truyền nhiễm đến đó - chúng đem mầm bệnh đến khắp nơi.

Nhiếp Độc Quỷ Vương (chúa quỷ hút khí độc). Đây là một loài quỷ tốt bụng, chứ không phải độc ác, hại người. Nếu quý vị bị nhiễm phải khí độc, loài quỷ này có thể giúp quý vị hút chất độc ra, bởi chúng là loài quỷ cứu người. Nhiếp Độc Quỷ Vương chính là hóa thân của Bồ Tát, thị hiện đến để cứu độ chứ không phải để đầu độc chúng sanh. Bất luận là ai bị trúng độc, Nhiếp Độc Quỷ Vương đều có thể hút chất độc ra để giải cứu cho người ấy - đây là một vị quỷ vương tốt bụng, có lòng hảo tâm.

Từ Tâm Quỷ Vương (chúa quỷ có lòng nhân từ). Vị quỷ vương này thì đầy lòng từ bi. Tuy rằng làm quỷ, song mục đích của Từ Tâm Quỷ Vương là muốn lọt vào cõi giới của quỷ để dễ bề cứu độ và khiến cho loài quỷ phát Bồ Đề tâm.

Phước Lợi Quỷ Vương (chúa quỷ làm phúc lợi). Vị quỷ vương này chính là vị Thần Tài giúp tăng phước, ban tài lộc.

Ngoài ra, còn có vị quỷ vương tên là **Đại Ái Kính Quỷ Vương** (chúa quỷ đại ái kính).

Các quỷ vương như thế đều đến hội họp. Tất cả các quỷ vương kể trên đều hớn hở đến cung trời Đao Lợi để nghe Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết *Kinh Địa Tạng*.

KINH VĂN:

Bấy giờ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: "Ông xem tất cả chư Phật, Bồ Tát và Trời, Rồng, Quỷ, Thần ở trong thế giới này cùng thế giới khác, quốc độ này cùng quốc độ khác, nay đều đến hội họp tại cung trời Đao Lợi như thế, Ông có biết số bao nhiêu chăng?"

LƯỢC GIẢNG:

Bấy giờ... "Bấy giờ" tức là vào lúc nào? Đó là lúc "mỗi một" quỷ vương vừa đến cung trời Đao Lợi để nghe Pháp.

Vì sao gọi là "quỷ vương" (chúa quỷ)? Vì họ là thủ lãnh của loài quỷ. Những quỷ vương vừa kể, bất luận là thiện hay ác, tất cả đều là Bồ Tát hóa thân. Quý vị chớ cho rằng quỷ vương bất quá cũng chỉ là loài quỷ mà thôi; thật ra, quỷ vương rất lợi hại!

Những quỷ vương nói trên, trong đời trước đều đã từng phát nguyện rằng họ sẽ dùng mọi cách để giáo hóa chúng sanh. Có vị dùng đức từ bi để nhiếp thọ, có vị dùng vẻ hung ác để chiết phục chúng sanh. "Chiết phục" (làm cho khuất phục) và "nhiếp thọ" (thâu nhiếp)-"chiết nhiếp nhị môn"-là hai phương pháp chính dùng để giáo hóa chúng sanh. Những chúng sanh do gặp quỷ vương từ bi mà phát tâm Bồ Đề, tức là được giáo hóa bằng phương pháp "nhiếp thọ"; còn những chúng sanh do gặp quỷ vương có vẻ hung dữ mà phát tâm Bồ Đề, tức là được giáo hóa bằng phương pháp "chiết phục."

Chúng ta đã biết rõ ràng rằng những quỷ vương này đều là Bồ Tát hóa hiện, thế thì trong các quỷ vương đó vốn chẳng có ai là thiện mà cũng chẳng có ai là ác cả. Thiện và ác vốn từ đâu đến? Chính là từ nghiệp báo của mỗi chúng sanh-khi nghiệp ác chín muồi thì phải gặp Ác Mục Quỷ Vương, và lúc nghiệp thiện thành thục thì được gặp Từ Tâm Quỷ Vương. Bất luận là nghiệp ác hay nghiệp thiện, hễ đến lúc chín muồi thì tất cả đều có thể chuyển biến-nghiệp ác chín muồi thì có thể chuyển thành nghiệp thiện và nghiệp thiện chín muồi thì lắm lúc cũng có thể chuyển ra nghiệp ác. Thế nhưng, người chân chánh tu học Phật Pháp thì không bị chuyển bởi nghiệp thiện và nghiệp ác. Họ chỉ hướng theo thiện nghiệp mà đi; không rẽ sang ác nghiệp, cũng không lạc bước vào con đường dẫn đến núi đao, chảo dầu, rừng kiếm.

Vì sao chúng ta cần phải học Phật Pháp? Vì muốn đánh đổ trời đất, muốn làm cho "trời lật đất nghiêng"! "Đánh đổ trời đất" là thế nào? Trời tiêu biểu cho nghiệp thiện và đất tiêu biểu cho nghiệp ác; cho nên muốn "đánh đổ trời đất" tức là muốn xoay chuyển nghiệp thiện và nghiệp ác để tất cả mọi người đều hướng theo con đường thiện, không còn ai theo đường ác nữa. Nếu quý vị có thể làm được như thế thì cả quỷ vương thiện lẫn quỷ vương ác đều sẽ bị "thất nghiệp," đành phải "về hưu" hết!

Lúc giảng kinh, tôi không thích đặt máy ghi âm; quý vị có biết vì sao chăng? Bởi vì công dụng của máy đã khiến cho một số đệ tử quy y của tôi sanh tánh ỷ lại và trở nên lười biếng-chẳng có người nào ghi chép bài giảng cả! Trước kia, khi chưa đặt máy ghi âm, thì ai nấy đều rất chú ý theo dõi bài giảng và chịu khó ghi chép, và chính nhờ thế nên mọi người đều ghi nhớ được nhiều và rất rõ ràng; nhưng nay thì không còn như thế nữa. Lúc đáng nghe thì không chú ý nghe, xem rồi thì cũng quên bẵng mất. Dần dần rồi thì những gì tôi giảng đều được hoàn trả nguyên vẹn lại cho tôi, và tôi cũng phải "về hưu" thôi! Nếu các quỷ vương-thiện quỷ, ác quỷ-đều trở thành vô dụng thì Pháp Sư tôi cũng thành kẻ vô dụng; do đó, tôi không thể để cho các thiện quỷ và ác quỷ "về hưu" được. Nếu họ không có việc làm thì tôi cũng không có việc

làm-tôi chẳng còn kinh sách mà giảng nữa! Không có giảng kinh thì cũng chẳng có người nghe; chẳng có người nghe thì làm một vị Pháp Sư nào có ý nghĩa gì đâu?

Bấy giờ **Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử Bồ Tát Ma Ha Tát rằng**... Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi còn được gọi là Diệu Đức Bồ Tát hoặc Diệu Kiết Tường Bồ Tát. Vì sao gọi là "Diệu Đức"? Bởi vì khi Ngài ra đời thì có mười điềm lành xảy ra:

1) Ánh sáng đầy nhà;

2) Cam lồ đầy nhà;

3) Dưới đất vọt lên bảy thứ quý báu;

4) Chư thần mở các kho tàng ẩn giấu;

5) Gà sanh ra phượng hoàng;

6) Heo sanh ra rồng;

7) Ngựa sanh ra kỳ lân;

8) Trâu sanh ra bạch trạch;

9) Kho thóc biến thành vàng. (Tất cả lúa thóc, ngũ cốc chứa trong kho đều biến thành vàng.)

10) Voi sáu ngà xuất hiện. (Voi xưa nay chỉ có hai ngà, nhưng con voi này lại có đến sáu ngà.)

Do mười hiện tượng kỳ diệu không thể nghĩ bàn này, nên Ngài có tên là Diệu Đức. Lại nữa, bởi vì đó cũng toàn là những điềm lành, đem lại sự may mắn cát tường, cho nên Ngài còn có tên là Diệu Kiết Tường.

Thật ra, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát không còn là Bồ Tát nữa; thế thì Ngài là gì? Là một đức Phật! Trong đời quá khứ, Ngài đã thành Phật, hiệu là Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật. Ngài đã thành Phật trong đời quá khứ, thế thì trong đời hiện tại này Ngài đã thành Phật chưa? Hiện tại, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát cũng đã thành Phật, danh hiệu là Hoan Hỷ Tạng Ma Ni Bảo Tích Phật và quốc độ là Hoan Hỷ Thế Giới ở phương Bắc. Tuy đã thành Phật, Ngài vẫn quay thuyền từ bi trở lại cõi Ta Bà, "giấu lớn hiện nhỏ," thị hiện làm Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi.

Theo *Kinh Pháp Hoa* (phẩm thứ nhất), thì Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi là "sư tổ" của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Vì sao? Thuở trước, khi chưa xuất gia, Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh có tám người con trai và cả tám người này đều tu hành thành Phật. Người thành Phật sau rốt có danh hiệu là Phật Nhiên Đăng, và thầy của Đức Phật Nhiên Đăng này là Pháp Sư Diệu Quang. Pháp Sư Diệu Quang là ai? Chính là tiền thân của Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi! Còn Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thì vốn là học trò của Đức Phật Nhiên Đăng và được Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký làm Phật trong đời này.

Do đó, nếu luận về thứ bậc thì Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi thuộc vai trên-là "sư tổ" của Phật Thích Ca Mâu Ni. Thế nhưng, trong đời này thì Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện thành Phật, còn Bồ Tát Văn Thù thì lại làm đệ tử của Ngài.

Quý vị xem, cảnh giới của Bồ Tát quả thật là không có hình tướng, chẳng phân lớn nhỏ, chẳng hiềm cao thấp-hoàn toàn không có sự phân biệt. Thế nên, khi giảng *Kinh Kim Cang*, tôi thường nhắc nhở quý vị rằng:

Thị pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ.

(*Pháp vốn bình đẳng, chẳng có cao thấp.)*

Hiện tại, trong giảng đường này, có thể có những người vốn là thầy hoặc là đệ tử của tôi trong đời quá khứ cũng không chừng. Hoặc biết đâu trong số quý vị lại có người học Phật Pháp một cách chân thành, tinh tấn, thật sự có đạo hạnh, có đức độ, sớm khai ngộ thành Phật, và xứng đáng cho tôi tôn làm Thầy cũng không chừng. Phật Pháp vốn vi diệu không thể nghĩ bàn; nếu quý vị hiểu rõ thì:

Ly nhất thiết tướng, tức nhất thiết pháp.

(Lìa tất cả tướng, tức được tất cả pháp.)

còn như không hiểu rõ thì:

Trước tướng đầu đầu thố,
Vô vi hựu lạc không.

(Chấp tướng thì sai lầm,

Vô vi rơi vào không.)

Tôi giảng kinh thì cứ nghĩ gì nói nấy, nhớ đâu giảng đó; trời sụp đất lở, tôi cũng mặc, bởi chẳng có cái gì thật sự hiện hữu cả. Tất cả các pháp đều "không mình, không người, không chúng sanh, không thọ giả"; vậy thì thế nào gọi là Phật Pháp hưng thịnh? Thế nào gọi là Phật Pháp suy vi? Ở đâu có Chánh Pháp? Nơi nào có Mạt Pháp? Không có gì cả; tất cả đều là giả tạm!

Có người cằn nhằn: "Này Pháp Sư, ông càng giảng thì càng khiến cho chúng tôi thêm hồ đồ, rối trí mà thôi!" Thì ý của tôi là muốn làm cho quý vị trở nên hồ đồ kia mà! Nếu quý vị minh mẫn sáng suốt, thì quý vị đã không ngồi đây để nghe tôi giải thích! Thôi, bây giờ tôi nên trở lại với công việc giảng kinh một cách "hồ đồ" của mình thì hơn.

"Bồ Tát Ma Ha Tát" tức là "Đại Bồ Tát." Ở đây là muốn nói đến vị Đại Bồ Tát nào? Chính là Đại Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi!

Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hỏi Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi rằng: **"Ông xem tất cả chư Phật, Bồ Tát và Trời, Rồng, Quỷ, Thần ở trong thế giới này cùng thế giới khác, quốc độ này cùng quốc độ khác, nay đều đến hội họp tại cung trời Đao Lợi như thế, Ông có biết số bao nhiêu chăng?** Hiện tại, Ông có biết được là có bao nhiêu đức Phật, bao nhiêu Bồ Tát, bao nhiêu quỷ thần, v. v... đến nghe Ta thuyết *Kinh Địa Tạng* hay không? Ông có thể tính ra được con số đích xác hay không? Vì sao Ta hỏi Ông ư? Bởi vì Ông có đại trí huệ, một thứ trí huệ chân thực, có thể thấu triệt được cội nguồn của các pháp. Vậy bây giờ Ông hãy nói cho Ta rõ."

KINH VĂN:

Ngài Văn Thù Sư Lợi bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Nếu dùng thần lực của con để tính đếm trong ngàn kiếp, cũng không thể biết được!"

Đức Phật bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi: "Ngay Ta dùng Phật Nhãn xem hãy còn không đếm xiết! Đây đều là do Địa Tạng Bồ

Tát từ thuở kiếp lâu xa đến nay, hoặc đã độ, đương độ, chưa độ, hoặc đã thành tựu, đương thành tựu, chưa thành tựu."

Ngài Văn Thù Sư Lợi bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Từ thuở lâu xa về trước con đã tu căn lành, chứng được Trí Vô Ngại, nghe lời Phật nói đó thời tin nhận liền. Còn hàng Tiểu Quả Thanh Văn, Thiên Long Bát Bộ, và những chúng sanh đời vị lai, dẫu nghe lời thành thật của Như Lai, nhưng chắc là sanh lòng nghi ngờ, dầu cho có lạy vâng đi nữa cũng chưa khỏi hủy báng. Cúi mong Đức Thế Tôn nói rõ Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ở nhân địa đã tu hạnh gì, lập nguyện gì mà thành tựu được sự không thể nghĩ bàn như thế?"

LƯỢC GIẢNG:

Ngài Văn Thù Sư Lợi bạch Phật rằng... Vừa rồi, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hỏi Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi rằng Ngài có thể biết được là có bao nhiêu đức Phật, bao nhiêu vị Bồ Tát cùng bao nhiêu quỷ thần đến dự Pháp Hội hay chăng; và Ngài trả lời Đức Phật rằng: "**Bạch Đức Thế Tôn! Nếu dùng thần lực của con để tính đếm trong ngàn kiếp, cũng không thể biết được!** Cho dù con vận dụng tất cả sức thần thông trí huệ có được của mình, và bỏ ra một quãng thời gian chừng một ngàn kiếp để suy lường tính toán không thôi, thì cũng chẳng thể nào biết được con số ấy là bao nhiêu!"

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni **bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi: "Ngay Ta dùng Phật Nhãn xem hãy còn không đếm xiết!"**

Phật Nhãn là gì? Phật Nhãn (con mắt Phật) được ví như một ngàn cái mặt trời vậy-không chỗ nào mà chẳng biết tới, không chỗ nào mà chẳng nhìn thấu, không chỗ nào mà chẳng nghe thấy. Phật Nhãn có đầy đủ mọi công năng và là biểu hiện của tất cả trí huệ. Ngoài ra, còn có bốn loại mắt nữa; đó là Nhục Nhãn (con mắt thịt), Thiên Nhãn (con mắt trời), Pháp Nhãn (con mắt Pháp) và Huệ Nhãn (con mắt trí huệ). Có một bài kệ tụng nói về năm con mắt này (Ngũ Nhãn) như sau:

Nhục Nhãn ngại phi thông,
Thiên Nhãn thông phi ngại,

Pháp Nhãn duy quán tục,
Huệ Nhãn liễu chân không,
Phật Nhãn như thiên nhật,
Chiếu dị thể hoàn đồng.
(Nhục Nhãn ngại, chẳng thông
Thiên Nhãn thông, chẳng ngại
Pháp Nhãn quán tục đế
Huệ Nhãn rõ chơn không
Phật Nhãn, ngàn mặt trời
Khác tánh, thể vẫn đồng.)

" Nhục Nhãn ngại, chẳng thông ? (Nhục Nhãn ngại phi thông). Nhục Nhãn là gì? Nhục Nhãn tức là "con mắt thịt," chỉ có thể nhận thấy được con người và đồ vật.

" Thiên Nhãn thông, chẳng ngại ? (Thiên Nhãn thông phi ngại). Thiên Nhãn thì nhìn cái gì cũng thông đạt, có thể thấy được vô cùng thấu triệt, không có sự ngăn ngại.

Với Nhục Nhãn này thì chẳng những đồ đạc trong phòng mà ngay cả ở ngoài, thậm chí bất luận là bao xa, chỉ cần quý vị muốn nhìn là đều có thể thấy được. Nếu quý vị không nhìn thì sao? Thì đương nhiên là sẽ không thấy! Tuy rằng có thể nhìn thấy được, nhưng tốt nhất là đừng nhìn! Vì sao vậy? Bởi khi quý vị nhìn một vật nào đó thì sẽ bị phân tâm, và liền khởi tâm động niệm. Sanh thêm một tâm niệm thì không bằng ít bớt một tâm niệm; giảm đi một vọng tưởng thì vẫn hơn là tăng thêm một vọng tưởng. Quý vị dùng Nhục Nhãn này để nhìn mọi vật, xem xét sự việc, và đó đều gọi là "niệm." Mặc dù cái "niệm" này có phần nào không giống với những tâm niệm hoặc ý nghĩ thông thường khác, song cũng chẳng có ích lợi gì cả. Do đó, có những lúc dù có thể nhìn thấy được đi chăng nữa, thì quý vị cũng chẳng nên nhìn!

Vậy, "Nhục Nhãn ngại phi thông" ngụ ý rằng với Nhục Nhãn, cái nhìn còn gặp sự chướng ngại của đồ vật cụ thể, không nhìn xuyên qua được.

" Pháp Nhãn quán tục đế (Pháp Nhãn duy quán tục). "Con mắt Pháp" chỉ quán xét, nhìn thấy tục đế. "Tục đế" tức là những tình hình của thế gian nói chung. Nếu quý vị được mở Pháp Nhãn thì khi tụng kinh sẽ không cần phải nhìn vô sách nữa. Bấy giờ, quý vị chỉ việc "mở con mắt Pháp" ra thì sẽ thấy cùng tận hư không và khắp Pháp Giới đều toàn là kinh điển, đâu đâ cũng thấy tràn ngập vô lượng vô biên Pháp bảo. Quý vị chỉ cần chứng đắc Pháp Nhãn Tịnh là có thể quán thấy được tất cả thật tướng của các pháp. Vậy, Pháp Nhãn chỉ quán xét tục đế.

" Huệ Nhãn rõ chơn không (Huệ Nhãn liễu chân không). "Con mắt trí huệ" thì quán xét tánh "không." "Tục đế" còn được gọi là "giả đế," bởi nó không phải là loại có thực thể. "Huệ Nhãn liễu chân không" nghĩa là con mắt trí huệ có thể nhìn thấu triệt được thật tướng chơn không của các pháp.

" Phật Nhãn, ngàn mặt trời? (Phật Nhãn như thiên nhật). Mắt của Phật thì quang minh, chiếu sáng như cả ngàn mặt trời vậy.

" Khác tánh, thể vẫn đồng? (Chiếu dị, thể hoàn đồng). Cái thấy của năm thứ mắt này tuy chẳng giống nhau, song về bản thể thể vẫn chỉ là một mà thôi.

Vậy, trong đoạn kinh văn trên, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói rằng chính Ngài đã dùng Phật Nhãn để quán sát chư Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, Bích Chi Phật, Thiên Long Bát Bộ hiện đang có mặt tại cung trời Đao Lợi, song cũng không biết được con số chính xác là bao nhiêu. Và, **"đây đều là do Địa Tạng Bồ Tát từ thuở kiếp lâu xa đến nay, hoặc đã độ, đương độ, chưa độ, hoặc đã thành tựu, đương thành tựu, chưa thành tựu."**

"Đã độ," tức là chỉ chư Phật quá khứ. Các ngài vốn là những chúng sanh xưa kia ở nhân địa đã được Bồ Tát Địa Tạng hóa độ và nay đã thành Phật.

"Đương độ," tức là chỉ tất cả chư Bồ Tát hiện tại-những chúng sanh xưa kia ở nhân địa đã từng được Bồ Tát Địa Tạng hóa độ.

"Chưa độ," tức là chỉ hết thảy chúng sanh, tất cả trời, người, cũng như Thiên Long Bát Bộ trong đời vị lai, chưa được độ thoát.

"Đã thành tựu," tức là đã hoàn tất xong xuôi.

"Đương thành tựu, chưa thành tựu." Chữ "thành" ở đây có thể giảng theo nghĩa của chữ "thạnh," tức là trở thành xum xuê, trù phú, thịnh vượng; và chữ "tựu" có thể giảng theo nghĩa của chữ "cao." Tại sao chữ "tựu" mà lại đồng nghĩa với chữ "cao"? Bởi vì quả vị mà các chúng sanh ấy sẽ thành tựu được thì rất lớn, rất cao.

Lại nữa, chữ "thành tựu" này còn được hiểu như chữ "hiếu." Song đối với người Trung Hoa thì đây không phải là sự hiếu thảo mà người bình thường có thể đảm đương được. Vậy thì ai có thể đảm đương được? Chỉ có các bậc Hoàng Đế! Các Hoàng Đế thời xưa đều dùng hiếu đạo để cai trị thiên hạ, và đều thành tựu được đức hạnh cao tột. Bởi do lấy hiếu đạo mà trị dân nên có được đức hạnh tối cao, cho nên gọi là "thành tựu."

Theo bộ Kinh này, Bồ Tát Địa Tạng đã từng giúp đỡ hết thảy chúng sanh thành Phật, hiện tại Ngài cũng đang giúp đỡ chúng sanh làm Bồ Tát, và trong tương lai Ngài cũng sẽ tiếp tục giúp cho tất cả chúng sanh này thành tựu được Phật Quả tối cao; như thế tức là hội đủ ba điều "chủng, thục, thoát." "Chủng" (trồng) là vùi hạt giống dưới đất; "thục" là thành thục, chín muồi; và "thoát" là giải thoát. Thí dụ chúng ta gieo hạt giống xuống đất, rồi phải trải qua bao công phu bón phân tưới nước thì hạt giống mới nảy mầm, tăng trưởng, rồi thành thục, chín muồi; và sau khi chín muồi rồi thì bắt đầu bước sang giai đoạn thu hoạch. Tương tự như thế, đối với những chúng sanh chưa trồng thiện căn thì Địa Tạng Bồ Tát khiến họ trồng thiện căn, đã trồng thiện căn rồi thì khiến cho tăng trưởng, thiện căn đã tăng trưởng rồi thì khiến cho thành thục, thiện căn được thành thục rồi thì khiến cho được giải thoát. Vậy, chữ "thành tựu" bao hàm ba nghĩa như trên.

Ngài Văn Thù Sư Lợi bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Từ thuở lâu xa về trước con đã tu căn lành, chứng được Trí Vô Ngại."

"Trí Vô Ngại" tức là Tứ Vô Ngại Trí, hay còn gọi là Tứ Vô Ngại Biện, tức là bốn loại tài trí biện luận không bị ngăn ngại:

1. *Pháp biện luận không ngăn ngại* (Pháp Vô Ngại Biện). đây là nói về khả năng giảng Pháp một cách vô cùng sâu sắc, hữu lý và tuy chỉ là một đạo lý song có thể triển khai thành trăm ngàn vạn ức đạo lý rồi từ trăm ngàn vạn ức đạo lý có thể quy nạp lại thành một đạo lý.

2. *Nghĩa biện luận không ngăn ngại* (Nghĩa Vô Ngại Biện). Biện giải mọi nghĩa lý một cách thông suốt, không hề bị ngăn ngại.

3. *Lời biện luận không ngăn ngại* (Từ Vô Ngại Biện) . Nói năng hoạt bát lưu loát không bị trở ngại về ngôn từ; lời nói thốt ra cũng hợp với đạo lý.

4. *Vui thuyết biện luận không ngăn ngại* (Nhạo Thuyết Vô Ngại Biện). Biện tài vui thuyết không trở ngại.. "Nhạo thuyết" tức là thích nói, vui vẻ thuyết giảng.

Bởi trong những đời quá khứ rất lâu xa về trước, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát đã từng tu pháp Đại Thừa, cho nên bây giờ Ngài **"nghe lời Phật nói đó thời tin nhận liền. Còn hàng Tiểu Quả Thanh Văn, Thiên Long Bát Bộ và những chúng sanh đời vị lai, dẫu nghe lời thành thật của Như Lai nhưng chắc là sanh lòng nghi ngờ."**

"Tiểu Quả" tức là quả vị của hàng Tiểu Thừa-Thanh Văn, Duyên Giác.

"Thiên Long Bát Bộ" tức là tám bộ Quỷ Thần Long Chúng-Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già.

Quý vị xem! Lời lẽ của Phật vốn hết sức chân thành, thế mà còn bị chúng sanh ngờ vực, thế thì các đệ tử của tôi cũng chẳng có gì đáng trách nếu họ bỏ đi vì không tin lời giảng của tôi! Ngài

Văn Thù Sư Lợi đã nhìn nhận rằng vẫn có một số chúng sanh, một số Thiên Long Bát Bộ, chẳng những không trọn tin mà còn hoài nghi những lời thành thật của Đức Phật nữa.

Có nhiều người cho rằng những buổi giảng kinh như hiện nay là một sự kiện rất bình thường. Thật ra, được nghe giảng kinh là một việc hết sức hy hữu! Đây là một cơ hội vô cùng hiếm có và rất khó mà gặp được-nhất là ở ngay tại xứ Mỹ này. Nếu không tin thì quý vị hãy tìm thử xem có được mấy nơi có giảng kinh thuyết pháp, đặc biệt là chiếu theo kinh văn mà cắt nghĩa từng chữ một như chúng ta ở đây? Chưa có! Tại các nước Tây phương thì có thể nói là rất hiếm hoi, quá ít ỏi. Mặc dù hiếm có, nhưng vì người Tây phương từ trước đến nay chưa hiểu nhiều về Phật Pháp, cho nên tuy bây giờ được nghe Phật Pháp chân chánh song họ cũng chưa hoàn toàn nhận thức được!

Ở đời, có nhiều người chưa bao giờ nhìn thấy vàng, cho nên nếu quý vị cho họ nén vàng thì họ lại tưởng đó là thỏi đồng, thỏi sắt. Sở dĩ người ta "thấy vàng ngỡ đồng, gặp kim cương tưởng pha-lê," là vì họ chưa hề thấy qua và cũng không biết gì về giá trị trân quý của vàng và kim cương. Tương tự như thế, nếu quý vị thuyết giảng Phật Pháp chân chánh cho những người chưa đủ trình độ để nhận thức, thì họ lại cho rằng đó là những lý lẽ rất tầm thường, còn ở "bên ngoài" ngưỡng cửa chứ chưa đi sâu vào "bên trong." Kỳ thật, nếu không hiểu được "bên ngoài" thì làm sao thấu triệt được "bên trong"? Chúng ta cần phải "trong ngoài đều tường tận" mới được! Không hiểu rõ lý thì chẳng thể tu hành; mà không tu hành thì chẳng thể nào hiểu được lý! Do đó, tu hành cần phải "hành giải tương ưng"-"giải" tức là hiểu rõ Phật Pháp; còn "hành" tức là y chiếu theo Phật Pháp mà thực hành.

Quý vị xem, khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết bộ *Kinh Địa Tạng* này, Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi đã nêu ra mối quan tâm về việc hàng Tiểu Quả Thanh Văn, Thiên Long Bát Bộ, cùng tất cả chúng sanh trong đời vị lai sẽ không tin nhận. Sở dĩ như thế là vì họ không có thiện căn, hoặc thiện căn không đủ, cho nên dù được nghe những lời thành thật của Đức Phật, trong thâm tâm họ

vẫn cứ nghi hoặc, và **"dầu cho có lạy vâng**, tạm thời tin chịu trong một thời gian rất ngắn **đi nữa, cũng chưa khỏi hủy báng."**

Có nhiều người tuy cũng quy y nhưng lại không sanh khởi tín tâm. Đó là vì trong đầu óc họ chứa đầy những tà tri tà kiến, cho nên quý vị có giảng Chánh Pháp cho họ nghe thì họ cũng không thể nào hiểu được; và chính vì không hiểu được nên họ sẽ không khỏi sanh lòng hủy báng!

Nhân lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi thỉnh cầu: **"Cúi mong Đức Thế Tôn nói rõ Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ở nhân địa đã tu hạnh gì, lập nguyện gì mà thành tựu được sự không thể nghĩ bàn như thế?"**

"Nhân địa" nghĩa là gì? "Nhân địa" tức là đời trước, tiền sanh túc thế, nơi chúng ta gieo trồng nhân duyên.

Bất luận lập thệ nguyện gì, chúng ta đều cần phải ghi nhớ thệ nguyện đó, và thực hiện đúng theo lời nguyện của mình. Đã hứa thì phải giữ lời, không được đổi ý-cho dù có vất vả gian nan đến thế nào đi nữa, chúng ta cũng phải y chiếu nguyện lực mà thi hành.

KINH VĂN:

Đức Phật bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi: "Ví dụ trong cõi Tam Thiên Đại Thiên thế giới có bao nhiêu cỏ, cây, lùm, rừng, lúa, đay, tre, lau, núi, đá, bụi bặm, cứ mỗi vật một số, mỗi số là một sông Hằng; rồi cứ số cát trong mỗi sông Hằng, mỗi hạt cát làm một cõi giới; rồi trong mỗi cõi giới, cứ mỗi hạt bụi làm một kiếp; rồi bao nhiêu số bụi chứa trong mỗi kiếp đều đem làm kiếp cả; thì từ lúc Địa Tạng Bồ Tát chứng quả vị Thập Địa đến nay, ngàn lần lâu hơn số kiếp tỷ dụ ở trên, huống là từ những thuở Địa Tạng Bồ Tát còn ở bậc Thanh Văn và Bích Chi Phật!"

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni **bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi:** "Bây giờ Ta sẽ nêu ra một tỷ dụ. **Ví dụ trong cõi Tam Thiên Đại Thiên thế giới có bao nhiêu cỏ, cây, lùm, rừng, lúa, đay,**

tre, lau, núi, đá, bụi bặm ..." Những thứ này thì đầy dẫy ở khắp mọi nơi, mà mỗi thứ mỗi loại lại nhiều đến vô số.

Nơi có cỏ mọc um tùm gọi là "lùm"; chốn có nhiều cây cối rậm rạp gọi là "rừng." "Lúa" là lương thực để ăn; còn "đay" (cây gai) là để dùng làm sợi đay. Bụi bặm tích tụ lại nhiều thì thành núi.

Đức Phật nói rằng với tất cả các thứ như thế ở trong cõi Tam Thiên Đại Thiên thế giới, Bồ Tát Văn Thù hãy lấy mỗi vật làm một con số; làm một con số bao nhiêu? **"Cứ mỗi vật một số, mỗi số là một sông Hằng."** Nếu lấy mỗi ngọn cỏ làm một sông Hằng, tức là có bao nhiêu cỏ thì có bấy nhiêu sông Hằng, thì chắc chắn là chúng ta không tài nào tính ra được con số ấy là bao nhiêu. Và, không riêng gì loài cỏ, mà kể cả cây cối, lùm, rừng, lúa, đay, tre, lau... cũng đều phải y như thế mà tính-cứ một vật làm một sông Hằng. Vậy thì, hai vật tức là hai sông Hằng, ba vật là ba sông Hằng, bốn vật là bốn sông Hằng... Cỏ cây thì nhiều vô số kể, thế nên số sông Hằng cũng thành ra nhiều đến không thể kể xiết. Do đó, đây là biểu thị số lượng quá nhiều, tổng số quá lớn, chẳng có cách nào tính đếm được.

"Rồi cứ số cát trong mỗi sông Hằng, mỗi hạt cát làm một cõi giới; rồi trong mỗi cõi giới, cứ mỗi hạt bụi làm một kiếp." Sau đó, cứ mỗi một hạt cát trong từng sông Hằng lại tính là một cõi Tam Thiên Đại Thiên thế giới. Kế đến, cứ tất cả bụi bặm trong cõi Tam Thiên Đại Thiên, mỗi hạt bụi làm một đại kiếp.

"Rồi bao nhiêu số bụi chứa trong mỗi kiếp đều đem làm kiếp cả." Với biết bao bụi bặm tích tụ trong một đại kiếp, nếu cứ lấy mỗi hạt bụi làm một đại kiếp, thì số kiếp tính được sẽ là bao nhiêu?

"Thì từ lúc Địa Tạng Bồ Tát chứng quả vị Thập Địa đến nay, ngàn lần lâu hơn số kiếp tỷ dụ ở trên, huống là từ những thuở Địa Tạng Bồ Tát còn ở bậc Thanh Văn và Bích Chi Phật!" Từ khi Bồ Tát Địa Tạng chứng quả vị Thập Địa đến nay mà đã lâu như thế, thì nếu tính từ lúc Ngài còn tu làm Thanh

Văn, Duyên Giác, Bích Chi Phật, lại càng không biết là đã trải qua thời gian lâu xa đến chừng nào?! Cho nên, Bồ Tát Địa Tạng đã lập những hạnh nguyện này từ lâu lắm rồi.

KINH VĂN:

"Này Văn Thù Sư Lợi! Oai thần thệ nguyện của Bồ Tát đó không thể nghĩ bàn đến được. Trong đời vị lai, nếu có kẻ thiện nam, người thiện nữ nào nghe thấy danh tự của Bồ Tát đó rồi hoặc tán thán, hoặc chiêm lễ, hoặc xưng niệm danh hiệu, hoặc cúng dường, cho đến tô vẽ, chạm khắc, tạc đúc, sơn thếp hình tượng, thì người ấy sẽ được một trăm lần sanh lên cõi trời Tam Thập Tam, vĩnh viễn chẳng còn bị đọa vào ác đạo.

Này Văn Thù Sư Lợi! Không thể nói hết không thể nói hết số kiếp lâu xa về trước, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát là con trai của một vị đại Trưởng Giả. Thuở đó, trong đời có đức Phật hiệu là Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai."

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại gọi Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi mà bảo rằng: **"Này Văn Thù Sư Lợi! Oai thần thệ nguyện của Bồ Tát đó không thể nghĩ bàn đến được."** "Bồ Tát đó" tức là vị Bồ Tát nào? Chính là Bồ Tát Địa Tạng! Oai đức thần thông và thệ nguyện không thể nghĩ bàn của Bồ Tát Địa Tạng có công năng độ thoát tất cả chúng sanh có tội ác sâu nặng. Ngài dùng oai thần của chính mình để chiết phục chúng sanh; Ngài nguyện rằng:

"Địa ngục vị không, thệ bất thành Phật,
Chúng sanh độ tận, phương chứng Bồ Đề."
(*Địa ngục chưa trống không, thề chưa thành Phật,*
Chúng sanh độ hết, mới chứng Bồ Đề."

Bao giờ địa ngục còn chưa trống không, thì bấy giờ Bồ Tát Địa Tạng còn chưa thành Phật; chỉ khi nào tất cả chúng sanh đều được độ thoát rồi thì khi đó Ngài mới thành Phật, nếu vẫn còn một chúng sanh chưa độ xong thì Ngài vẫn chưa thành Phật.

Trải qua quãng thời gian lâu dài như vậy mà Bồ Tát Địa Tạng vẫn chưa thành Phật, cũng vì hễ Ngài độ chúng sanh này xong thì lại có chúng sanh khác đến, cứ liên tục không bao giờ ngớt. Không phải là cứ một chúng sanh ra đời thì có một chúng sanh tạ thế; cũng chẳng phải là cứ chúng sanh kia tạ thế thì chúng sanh nọ mới chào đời. Số chúng sanh ra đời nói chung vẫn nhiều hơn số chúng sanh tạ thế gấp mười lần, trăm lần, ngàn lần và có thể cả vạn lần. Quý vị thử làm thống kê xem tại thành phố San Francisco hiện nay thì mức độ tử vong cao hơn hay sinh sản cao hơn?

Thường thì người ta phải chết là vì tuổi già sức yếu hoặc có bệnh hoạn, do đó trung bình thì con người sống cũng được chừng vài chục năm; trong khi đó, hầu như chỉ sau mười tháng hoài thai là có thêm người được sinh ra, cho nên dân số gia tăng rất nhanh, và xác suất sinh sản có thể cao hơn xác suất tử vong đến hằng ngàn, hằng vạn lần. Chính vì thế mà cho đến bây giờ Địa Tạng Bồ Tát vẫn còn vất vả, bận rộn, và vẫn chưa thể thành Phật được.

Thế nhưng, quý vị nghĩ rằng Địa Tạng Bồ Tát có hối hận về thệ nguyện của mình hay không? Đương nhiên là Ngài không hối hận! Chúng sanh càng đông đúc thì Ngài càng có nhiều công việc để bận rộn; nếu không có chúng sanh thì Ngài không có việc làm và đã thành Phật từ lâu rồi-mà thành Phật rồi thì chẳng còn việc gì để làm nữa cả! Cho nên, đây là Địa Tạng Vương Bồ Tát "không có việc thì kiếm việc mà làm"! Lẽ ra thì Ngài có thể sống rất thanh nhàn, rảnh rỗi, song Ngài lại thích suốt ngày lăng xăng bận rộn đi cứu độ chúng sanh, bởi đó chính là hạnh nguyện của Ngài vậy.

Tại sao Địa Tạng Vương Bồ Tát lại lập thệ nguyện lớn lao này? Bởi vì Ngài nhận thấy rằng Ngài và chúng sanh vốn đồng một thể-nếu chúng sanh chưa thành Phật thì Ngài thành Phật cũng chẳng có ý nghĩa gì, vì thế Ngài tự nguyện chờ đợi chúng sanh, gìn giữ thứ nhân duyên "vĩnh viễn đồng thể" với chúng sanh. Nguyện lực của Địa Tạng Vương Bồ Tát thì không cách nào đo lường hoặc hiểu rõ được. Những gì chúng ta nói ra được

thì chỉ là một phần hết sức nhỏ, bởi thật ra, nguyện lực của Ngài vốn không thể suy lường hay luận bàn đến được.

"Trong đời vị lai, nếu có kẻ thiện nam, người thiện nữ nào nghe thấy danh tự của Bồ Tát đó-Địa Tạng Vương Bồ Tát-**rồi hoặc tán thán..."** Sau khi được nghe giảng, nếu có cơ hội thì quý vị nên giới thiệu nguyện lực từ bi của Địa Tạng Vương Bồ Tát cho các bạn đồng nghiệp hoặc thân bằng quyến thuộc của mình được biết. Đồng thời, quý vị cũng nên tự hỏi chính mình: "Địa Tạng Vương Bồ Tát có thể lập thệ nguyện rộng lớn như thế, còn mình thì sao? Mình có nên lập một thệ nguyện nho nhỏ chăng? Chẳng hạn nguyện là mình sẽ hóa độ cho một chúng sanh thành Phật rồi mình mới thành Phật? Hoặc là hóa độ cho hai chúng sanh thành Phật rồi mình mới thành Phật?"

Quý vị không lập nguyện lớn mà chỉ lập nguyện nhỏ thôi cũng được, như thế cũng là không uổng công nghe giảng *Kinh Địa Tạng*. Nếu quý vị nghe rồi bỏ qua, cho rằng Bồ Tát là Bồ Tát, còn mình là mình, Bồ Tát và mình chẳng có liên quan gì với nhau cả; như thế tức là nghe rồi mà cũng như là chưa nghe vậy!

Thí dụ, người nam có thể phát nguyện rằng: "Trước kia tôi có một người bạn gái, phen này nếu tôi thành Phật thì tôi nhất định sẽ độ cho cô ta cũng được thành Phật." Thế còn người nữ thì sao? Người nữ cũng có thể lập nguyện rằng: "Trước kia tôi có quen một người bạn trai, người này đối với tôi rất tương thân tương ái. Nay tôi muốn tu hành, nên tôi nguyện sẽ độ cho anh ta thành Phật, rồi tôi mới thành Phật." Quý vị nên lập những thệ nguyện đại loại như thế; chứ không nên có khuynh hướng:

Di Đà Phật các cố các,
Ma Ha Tát bất quản tha!
(A Di Đà Phật, thân ai nấy lo,
Ma Ha Tát, chẳng màng người khác.)

Có người nói rằng: "Tôi còn nhỏ nên chưa có bạn trai, cũng chưa có bạn gái!" Nếu thế thì hãy nghĩ tới cha mẹ của mình và phát nguyện độ cho họ thành Phật. Trường hợp cha mẹ của quý vị đã qua đời rồi thì sao? Thì quý vị hãy nghĩ tới anh chị em của

mình. Nếu không có anh chị em gì cả thì sao? Thì quý vị hãy nghĩ tới bạn bè, hàng xóm láng giềng. Quý vị chọn người nào làm mục tiêu cứu độ của mình cũng đều được cả. Nếu vẫn không nghĩ ra được một người nào cả thì quý vị có thể nguyện rằng: "Tôi có một vị sư huynh đệ, tôi nhất định độ cho vị ấy được thành Phật."

Bản thân tôi cũng từng lập nguyện rằng trong số những người đã quy y với tôi, nếu có một người chưa thành Phật thì tôi cũng chưa thành Phật. Tuy nhiên, vì tôi không có được nguyện lực lớn lao như Địa Tạng Vương Bồ Tát để có thể độ cho tất cả chúng sanh đều thành Phật, do đó tôi có đặt điều kiện-phải là đệ tử quy y và phải thật tâm tin tưởng nơi tôi thì tôi mới chờ đợi. Nếu người ấy bị đọa địa ngục, tôi sẽ vào địa ngục để tìm và cứu người ấy ra.

Giả sử về đời sau, có người tấm tắc ngợi khen rằng Địa Tạng Vương Bồ Tát có nguyện lực không thể nghĩ bàn, thần thông không thể nghĩ bàn và lòng từ bi cũng không thể nghĩ bàn; đồng thời giới thiệu cho mọi người biết về Ngài, và **"hoặc chiêm lễ, hoặc xưng niệm danh hiệu** 'Nam Mô Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát'..."

"Chiêm" là dùng mắt để nhìn ngắm; "lễ" là lễ bái, vái lạy. Khi chúng ta quỳ lạy trước tượng Phật, tức là chúng ta đang "chiêm lễ" Phật. Chúng ta hiện đang giảng *Kinh Địa Tạng*, tôi nói Địa Tạng Vương Bồ Tát thật là bất khả tư nghì; thì đó là "tán thán," khen ngợi. Trong lúc chiêm ngưỡng và đảnh lễ, chúng ta niệm "Nam Mô Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát"; thì đó gọi là "xưng niệm danh hiệu."

"Hoặc cúng dường." Chúng ta đã cung thỉnh tượng Địa Tạng Vương Bồ Tát về giảng đường này, và bây giờ mọi người ngày ngày thắp hương, lễ lạy, dâng cúng hoa quả... trước tôn tượng; như thế gọi là "cúng dường."

"Cho đến tô vẽ, chạm khắc, tạc đúc, sơn thếp hình tượng của Địa Tạng Vương Bồ Tát..." Đừng nói tới dùng gỗ, chỉ

cần dùng màu sắc để tô vẽ một bức hình của Bồ Tát Địa Tạng cũng là rất đáng quý.

Người nào vẽ được một bức tranh Phật thì tướng mạo của người đó sẽ trở nên trang nghiêm, viên mãn thêm một chút. Đức Phật có ba mươi hai tướng tốt cùng tám mươi vẻ đẹp-nếu quý vị vẽ một bức hình Phật thì tướng mạo của quý vị sẽ tốt đẹp hơn một chút, vẽ hai bức thì tướng mạo lại đẹp lên một chút nữa; vẽ ba bức, bốn bức, năm bức..., thậm chí cả trăm ngàn vạn ức bức tranh Phật, thì quý vị cũng sẽ có được ba mươi hai tướng tốt cùng tám mươi vẻ đẹp như Phật vậy. Nói tóm lại, nếu quý vị tô vẽ hình Phật, tạc tượng Phật, đắp tượng Phật, thì tướng mạo của quý vị sẽ được đẹp đẽ hơn.

"Chạm khắc" tức là dùng dao để đẽo gọt và chạm trổ trên gỗ, làm thành tượng Phật hoặc Bồ Tát.

"Thì người đó sẽ được một trăm lần sanh lên cõi trời Tam Thập Tam." Nếu quý vị tô vẽ tranh ảnh Phật, điêu khắc từ gỗ tốt hoặc tạc từ đá quý thành hình tượng Phật, hoặc là dùng sơn keo để tô đắp và sơn thếp tượng Phật, thì sẽ được sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba một trăm lần. "Một trăm lần" này không phải chỉ ở cõi trời Ba Mươi Ba, mà trước tiên là sanh lên sáu tầng trời Dục Giới, mười tám tầng trời Sắc Giới-tức là ba tầng trời Sơ Thiền, ba tầng trời Nhị Thiền, ba tầng trời Tam Thiền và chín tầng trời Tứ Thiền-và luôn cả các tầng trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ ở Vô Sắc Giới. Cứ ở mỗi cõi giới-Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới-quý vị sẽ được tái sanh một trăm lần, sau đó sanh về cõi trời Ba Mươi Ba một trăm lần nữa. Quãng thời gian này vô cùng lâu dài.

"Vĩnh viễn chẳng còn bị đọa vào ác đạo." Nếu quý vị thành tâm tán thán, chiêm ngưỡng đảnh lễ, xưng niệm danh hiệu, cúng dường, hoặc tạc đúc các hình tượng của Địa Tạng Vương Bồ Tát, thì vĩnh viễn sẽ không bị đọa lạc vào đường ác nữa.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại bảo Bồ Tát Văn Thù: **"Này Văn Thù Sư Lợi! Bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp lâu xa về trước, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát là con trai của một vị**

đại Trưởng Giả." Quãng thời gian "lâu xa" này không có cách nào để diễn tả cho đích xác được. Nếu lấy tất cả lúa, đay, tre, lau, núi, đá, bụi bặm,... cứ mỗi vật làm một sông Hằng, rồi mỗi hạt cát trong mỗi sông Hằng làm một cõi giới, mỗi hạt bụi trong mỗi cõi giới làm một kiếp... như tỷ dụ nói trên, thì làm sao có thể tính cho xuể được? So với việc tính toán các số liệu để có thể phóng hỏa tiễn lên tận mặt trăng thì tỷ dụ trên còn phức tạp và nan giải hơn nhiều.

Hiện nay, con người phóng hỏa tiễn vào không gian được là nhờ dùng số học để tính toán tốc lực, định phương hướng, cũng như suy luận xem làm thế nào để có thể ngừng lại hoặc đáp xuống, khi lọt vào quỹ đạo không gian thì phải di chuyển ra sao... Công việc này đòi hỏi bao nhiêu hỏa lực để đạt được, tất cả đều căn cứ vào toán học để tính toán. Sau khi tính ra được những số liệu chuẩn xác rồi thì người ta mới có thể phóng hỏa tiễn vào tầng khí quyển. Tuy nhiên, những số liệu này còn có thể tính ra được, duy có số kiếp tu hành lâu dài của Địa Tạng Vương Bồ Tát thì chúng ta không thể nào tính được. Cho dù môn số học có tiến cao hơn nữa, khoa học có tinh vi hơn nữa, cũng chẳng có cách nào tính toán ra cả.

"Thuở đó, trong đời có đức Phật hiệu là Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai."

Sư tử là chúa tể của loài thú. Hễ sư tử gầm lên một tiếng thì núi rừng rúng động, muôn thú đều đinh tai nhức óc và đều khiếp sợ đến nỗi chạy không được, đứng cũng không vững, toàn thân bủn rủn, thậm chí còn ngã lăn ra đất.

"Phấn" tức là hưng phấn, hăng hái; "tấn" có nghĩa là nhanh chóng, mau lẹ; biểu thị sư tử chạy nhanh vô cùng. Do đó, "sư tử phấn tấn" hàm ý dõng mãnh, tinh tấn, nhanh nhẹn.

"Cụ túc vạn hạnh" là chỉ Đức Phật có đủ Lục Độ Vạn Hạnh.

Vậy, lúc Địa Tạng Vương Bồ Tát là con trai của một vị đại Trưởng Giả, thì có Đức Phật Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh đang trụ thế.

KINH VĂN:

"Lúc bấy giờ, con trai vị Trưởng Giả thấy Đức Phật tướng mạo tốt đẹp, ngàn phước trang nghiêm, bèn bạch hỏi Đức Phật đó tu hạnh nguyện gì mà được tướng mạo như thế.

Khi ấy, Đức Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai bảo con trai vị Trưởng Giả rằng: 'Muốn chứng được thân tướng này, cần phải lâu đời độ thoát tất cả những chúng sanh bị khốn khổ.'"

LƯỢC GIẢNG:

"Lúc bấy giờ, con trai vị Trưởng Giả thấy Đức Phật tướng mạo tốt đẹp, ngàn phước trang nghiêm..."

Nhờ đâu mà Đức Phật có được ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp? Nhờ có "ngàn phước trang nghiêm." Thế nào gọi là "ngàn phước"? Chúng ta trì Ngũ Giới, hành Thập Thiện thì được một trăm phước; rồi cứ mỗi số mục lại biến thành mười nên thành ra một ngàn; đó gọi là "một thiện, một phước." Tập trung lại thì thành một ngàn phước, đây chính là "ngàn phước trang nghiêm."

Đương thời, con trai ông Trưởng Giả thấy Đức Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ngàn phước trang nghiêm, tướng mạo vô cùng viên mãn, vi diệu, **"bèn bạch hỏi Đức Phật đó tu hạnh nguyện gì mà được tướng mạo như thế."** Trưởng Giả tử thỉnh vấn Đức Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai rằng: "Bạch Đức Như Lai! Chẳng hay Ngài đời trước nhờ tu pháp môn gì, lập thệ nguyện gì mà nay có được tướng tốt viên mãn, hoàn hảo như thế?"

"Khi ấy, Đức Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai bảo con trai vị Trưởng Giả rằng: 'Muốn chứng được thân tướng này, cần phải lâu đời độ thoát tất cả những chúng sanh bị khốn khổ! Ông muốn có được thân tướng giống như Ta ư? Vậy thì Ta sẽ nói cho ông rõ: Ông cần phải trải qua thời gian rất lâu và rất dài để cứu vớt cho hết tất cả những chúng sanh đang chịu cảnh trầm luân khổ sở. Các chúng sanh ấy được xa lìa khổ

não thì ông được tướng mạo viên mãn. Như thế có nghĩa là ông độ cho chúng sanh thành Phật, thì bản thân ông cũng được thành Phật.'"

KINH VĂN:

"Này Văn Thù Sư Lợi! Bấy giờ, con trai vị Trưởng Giả nhân đó liền phát nguyện rằng: 'Từ nay cho đến tận vị lai kiếp chẳng thể tính đếm về sau, tôi sẽ vì những chúng sanh tội khổ trong Lục Đạo mà quảng thiết nhiều phương tiện, làm cho họ được giải thoát tất cả, rồi tự thân tôi mới chứng thành Phật Đạo.'

Bởi đã ở trước Đức Phật đó mà lập đại nguyện như thế, nên đến nay đã trăm ngàn vạn ức na-do-tha không thể nói hết số kiếp, mà vẫn còn làm vị Bồ Tát."

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại gọi Bồ Tát Văn Thù**: "Này Văn Thù Sư Lợi! Bấy giờ, con trai vị Trưởng Giả nhân đó liền phát nguyện rằng: 'Từ nay cho đến tận vị lai kiếp chẳng thể tính đếm về sau ...'"**

"Tận vị lai kiếp" tức là chỉ cho vô số vô lượng kiếp về sau, tận cùng của số kiếp trong đời vị lai, đến hết kiếp vị lai. Kiếp vị lai vì sao lại có thể hết được? Kiếp vị lai vốn chẳng thể hết hay cùng tận được; song ở đây nói "hết" là ám chỉ quãng thời gian dài bất tận, lâu dài đến nỗi không thể nào tính xuể là bao nhiêu kiếp.

Sau khi được nghe Đức Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai giải thích xong, con trai ông Trưởng Giả bèn phát tâm lập nguyện rằng: "Kể từ bây giờ cho đến tột số kiếp chẳng thể kể xiết ở đời sau, **tôi sẽ vì những chúng sanh tội khổ trong Lục Đạo mà quảng thiết nhiều phương tiện..."** Bởi chúng sanh ở thế giới Ta Bà cử tâm động niệm không chi là không tội, không chi là không nghiệp, cho nên họ được mệnh danh là "những chúng sanh tội khổ trong Lục Đạo."

"Lục Đạo" tức là sáu nẻo đường-Trời, Người, A Tu La, Địa Ngục, Ngạ Quỷ và Súc Sanh.

"Quảng" là rộng rãi; "thiết" là thiết lập, đặt ra. Vậy, "quảng thiết nhiều phương tiện" tức là tùy nghi mà đặt ra vô số pháp môn phương tiện, chứ chẳng phải chỉ có một mà thôi.

"'Làm cho họ được giải thoát tất cả, rồi tự thân tôi mới chứng thành Phật Đạo.'" Trưởng Giả tử nguyện rằng đến khi nào mọi chúng sanh tội khổ trong Lục Đạo đều lìa khổ được vui và đều thành Phật cả rồi, thì bấy giờ anh ta mới thành Phật; nếu còn sót một chúng sanh chưa thành Phật, thì vị Trưởng Giả tử này cũng sẽ chưa thành Phật!

Có câu:

"Như nhất chúng sanh vị thành Phật,
Chung bất ư thử thủ Nê Hoàn."
(Nếu còn một kẻ chưa thành Phật,
Tôi quyết không về cõi Nê Hoàn.)
(Kinh Lăng Nghiêm, quyển 3)

Nghĩa là giả sử còn một chúng sanh chưa thành Phật, thì tôi dứt khoát chưa vào Niết Bàn. ("Nê Hoàn" tức là Niết Bàn.)

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy tiếp: "Này Văn Thù Sư Lợi! Địa Tạng Vương Bồ Tát **bởi đã ở trước Đức Phật đó mà lập đại nguyện như thế, nên đến nay đã trăm ngàn vạn ức na-do-tha bất khả thuyết kiếp, mà vẫn còn làm vị Bồ Tát."**

"Na-do-tha" là một con số rất lớn của Ấn Độ. "Bất khả thuyết" cũng ám chỉ một con số lớn vô kể. Do đó, "na-do-tha bất khả thuyết kiếp" có nghĩa là số kiếp nhiều đến nỗi không thể nói hết.

Trưởng Giả tử-tiền thân của Địa Tạng Vương Bồ Tát-đã đối trước Đức Phật Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai mà phát lời đại nguyện đó, và từ ấy đến nay đã trải qua quãng thời gian lâu dài tới cả trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp như thế, mà Ngài Địa Tạng vẫn còn làm vị Bồ Tát, chứ chưa thành Phật.

KINH VĂN:

"Lại không thể nghĩ bàn a-tăng-kỳ kiếp về trước, thuở đó trong đời có đức Phật hiệu là Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai; thọ mạng của Đức Phật ấy là bốn trăm ngàn muôn ức a-tăng-kỳ kiếp."

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni kể tiếp: **"Lại không thể nghĩ bàn a-tăng-kỳ kiếp về trước..."** "A-tăng-kỳ kiếp" là số kiếp nhiều đến nỗi không thể suy đoán, không thể luận bàn được; và ở đây không chỉ nói tới ba đại a-tăng-kỳ kiếp, mà là "bất khả tư nghị a-tăng-kỳ kiếp"—quãng thời gian này càng lâu càng dài hơn nữa.

"Thuở đó, trong đời có đức Phật hiệu là Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai." - "Giác Hoa" là nhân, "Tự Tại Vương" là quả. "Giác Hoa" là gốc, "Định Tự Tại Vương" là ngọn. Như thế, Đức Phật này nhờ ở nhân địa đã tu "Giác Hoa" nên chứng được quả "Tự Tại Vương." Ngài dùng cái gì để tu "Giác Hoa"? Ngài dùng "Định" để tu. Do đâu mà Ngài thành tựu được quả "Tự Tại Vương"? Cũng là do tu "Định" mà thành. Đó gọi là "Định nhân, Định quả" - nhân là Định, mà quả cũng là Định. Bởi do tu Định nhân mà kết thành Định quả, cho nên Đức Phật này có danh hiệu là "Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai." Trong đó, "Giác Hoa Định Tự Tại Vương" là danh hiệu riêng của Ngài, và "Như Lai" là danh hiệu chung của chư Phật - danh hiệu của Phật cũng có chung có riêng như thế.

"Thọ mạng của Đức Phật ấy là bốn trăm ngàn muôn ức a-tăng-kỳ kiếp." "Thọ" là tuổi thọ, sự lâu dài; "mạng" là sanh mạng, mạng sống. Theo Kinh Pháp Hoa thì Đức Phật có ba thân:

1) Pháp Thân. Pháp Thân Chân Như của Đức Phật vốn không tách rời các pháp. Chân Như của Pháp Thân cùng chư pháp không mảy may ngăn cách; đó gọi là "thọ." Ở đây lấy lý Như Như làm "mạng" của Pháp Thân. Điều này thật không phải dễ giải thích! Lý Như Như là gì? Đó chính là đạo lý căn bản xưa nay, là sanh mạng của Phật, và cũng chính là Pháp Thân.

2) Báo Thân. Còn Báo Thân thì sao? Thì lấy Thật Tướng Trí Huệ làm "mạng." "Cảnh, trí tương ưng" - "cảnh" là "trí," "trí" cũng là "cảnh" - cảnh giới của Phật chính là trí huệ, trí huệ cũng là cảnh giới.

Đức Phật dùng trí huệ chiếu soi tất cả các cảnh giới, đó gọi là "cảnh, trí tương ưng" (cảnh giới và trí huệ hỗ tương tương ứng), và cũng là "cảnh, trí bất nhị" (cảnh giới và trí huệ chẳng phải hai). Đó cũng là hễ cảnh giới đến lúc nào thì chiếu soi lúc đó; soi chiếu tới đâu thì liễu ngộ tới đó. Cảnh giới nào xảy đến thì Đức Phật cũng đều nhận biết, đều hiểu rõ; chứ không bị cảnh giới làm chướng ngại mà không nhận rõ được nó.

Tuy cảnh giới và trí huệ vốn là hai, nhưng rốt ráo cũng biến thành một. Báo Thân lấy đạo lý này làm "thọ," lấy trí huệ làm "mạng." Đây là nói về thọ mạng của Báo Thân Phật.

3) Ứng Thân. Ứng Thân còn được gọi là Ứng Hóa Thân. "Hóa" chính là Ứng Thân. Ứng Thân lấy kỳ hạn một trăm năm không gián đoạn làm "thọ" - sống đến một trăm tuổi tức là "thọ" vậy. Ứng Hóa Thân, Hóa Thân, hoặc Ứng Thân, lấy nhân duyên trong một đời này làm "mạng."

Trên đây là nói về Tam Thân (ba thân) căn cứ theo Kinh Pháp Hoa. Tuy nhiên, trong Kinh Thập Lục Quán thì lại giảng cách khác; khác như thế nào? Trong kinh này có chép rằng: "Ứng Thân thị đồng sanh diệt"; nghĩa là sự thị hiện của Ứng Thân cũng có sanh có diệt. Phật có ra đời thì cũng có nhập Niết Bàn - đó gọi là "đồng sanh diệt." Vậy, "thị đồng sanh diệt" tức là sự thị hiện "hữu thủy hữu chung," có khởi đầu và cũng có kết thúc - và đó chính là thọ mạng của Ứng Thân Phật.

Thế còn Báo Thân thì sao? Báo Thân này một khi đã chứng đắc được rồi thì vĩnh viễn thường còn.Hễ có được Báo Thân của Phật thì mãi mãi được sở hữu thân ấy - đây gọi là "hữu thủy vô chung," có khởi đầu mà không có kết thúc; và đó chính là thọ mạng của Báo Thân Phật.

Còn thọ mạng của Pháp Thân thì như thế nào? Thì "phi thọ, phi bất thọ." Quý vị nói rằng Pháp Thân này thọ, tồn tại lâu dài

ư? Cũng chẳng được lâu dài lắm! Thế thì Pháp Thân này không thọ, không lâu dài sao? Cũng lâu dài lắm chứ! "Chẳng thọ," song "chẳng phải là không thọ" - đó là thọ mạng của Pháp Thân Phật. Chính vì không thể nói được Pháp Thân của Phật sống thọ được bao nhiêu lâu, cho nên nói là "phi thọ" (chẳng thọ); lại vì tuổi thọ của Pháp Thân ấy cũng không phải là ngắn ngủi cho nên nói "phi bất thọ" (chẳng phải không thọ).

"Phi thọ phi bất thọ, vô thủy vô chung" (không có sự khởi đầu, cũng chẳng có sự kết thúc) - đó là thọ mạng của PhápThân Phật.

Như vậy, trong kinh nói rằng thọ mạng của Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai là bốn trăm ngàn muôn ức a-tăng-kỳ kiếp, là chỉ cho thứ thọ mạng nào? Đó là thọ mạng của Báo Thân Phật và Ứng Thân Phật.

KINH VĂN:

"Trong thời Tượng Pháp, có một người con gái dòng Bà La Môn nhiều đời tích phước sâu dày, được mọi người kính nể, đi đứng nằm ngồi đều được chư Thiên theo hộ vệ; song bà mẹ lại tin theo tà đạo, thường khinh chê ngôi Tam Bảo.

Thuở ấy, Thánh Nữ lập nhiều phương tiện để khuyến dụ mẹ, hầu làm cho bà sanh chánh kiến, nhưng bà chưa tin hẳn; và chẳng bao lâu thì bà mệnh chung, thần hồn bị đọa vào địa ngục Vô Gián.

Lúc đó, Thánh Nữ Bà La Môn biết rằng bà mẹ khi còn sống không tin nhân quả, ắt phải theo nghiệp mà sanh vào đường ác, bèn bán nhà, đất, sắm nhiều hương, hoa, cùng những đồ lễ cúng, rồi đem đến chùa tháp thờ tiên Phật mà làm đại lễ cúng dường."

LƯỢC GIẢNG:

"Trong thời Tượng Pháp." Phật Pháp của mỗi đức Phật đều gồm có ba thời kỳ là Chánh Pháp, Tượng Pháp và Mạt Pháp.

Vào thời kỳ Chánh Pháp, các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, đều thành tâm tu Đạo và chứng đắc quả vị (cho nên gọi là thời Chánh Pháp!)

Còn thời kỳ Tượng Pháp thì thế nào? Trong thời Tượng Pháp thì người thật tâm tu hành rất ít, đa số chỉ là dụng công ngoài mặt mà thôi. Đây là thời kỳ "tự miếu kiên cố" - mọi người đều thích làm việc công đức như xây chùa cất tháp, dựng am lập miếu, kiến tạo những chùa tháp tôn nghiêm để thờ Phật. Con người trong thời kỳ này chỉ muốn cầu phước chứ không cầu trí huệ. Đó là thời kỳ Tượng Pháp - "tự miếu kiên cố," mạnh về mặt xây dựng chùa chiền.

Thời kỳ Chánh Pháp kéo dài một ngàn năm, thời kỳ Tượng Pháp cũng một ngàn năm, còn thời kỳ Mạt Pháp thì một vạn năm. Chúng ta hiện nay đang ở vào thời kỳ Mạt Pháp. Con người thời Mạt Pháp thì "đấu tranh kiên cố" - mạnh về mặt đấu tranh, hiếu chiến.

Vậy, trong thời Tượng Pháp sau khi Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai nhập Niết Bàn, **"có một người con gái dòng Bà La Môn..."**

Bà La Môn là một phái ngoại đạo của Ấn Độ. Người theo phái ngoại đạo này tu hạnh thanh tịnh - họ chủ trương ăn chay, không ăn thịt, cũng giảng về việc tu Đạo, không có hành vi nam nữ bất tịnh - cho nên còn gọi là "Tịnh Duệ." "Tịnh" tức là hạnh thanh tịnh, trong sạch. "Thanh tịnh" là không có hành vi bất tịnh giữa nam nữ, nếu phạm tức là không thanh tịnh.

Dòng Bà La Môn này tuy cũng tu pháp môn "viễn ly," song tu tới tu lui vẫn không đến được chỗ cốt tủy, không đạt được đạo lý rốt ráo. Đây là một giáo phái có tự ngàn xưa của nước Ấn Độ; và cho đến hiện nay, tại Ấn Độ vẫn còn rất nhiều loại giáo phái như thế. Điển hình là phái Du Già, một giáo phái thoát thai từ đạo Bà La Môn. Đối với người Trung Hoa thì đạo Bà La Môn chính là Đạo Giáo (đạo Lão), một giáo phái cũng chủ trương tu hạnh thanh tịnh.

"Nhiều đời tích phước sâu dày." Vào thời Tượng Pháp của Đức Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, có một người con gái thuộc dòng Bà La Môn mà trong những đời trước đã từng làm rất nhiều việc tốt, tạo được rất nhiều công đức; cho nên đời này cô ta được hưởng rất nhiều phước báo, và **"được mọi người kính nể."** Mỗi khi gặp cô gái Bà La Môn này, mọi người đều tỏ ra khâm ngưỡng, kính trọng. Vì sao mọi người đều ngưỡng mộ, kính nể cô ta như vậy? Đó là phước báo do đời trước cô ta đã từng làm nhiều việc công đức. Cho nên, tướng mạo con người xấu hay đẹp là tùy thuộc vào công đức mà họ đã tạo được trong đời quá khứ. Nếu trong đời trước quý vị có tạo được công đức thì đời này tướng mạo của quý vị sẽ viên mãn, hoàn hảo. Còn nếu không tạo được công đức thì thế nào? Thì tướng mạo sẽ không được viên mãn - không viên mãn tức là xấu xí vậy!

Đức Phật có ba mươi hai tướng hảo, tám mươi vẻ đẹp - đó là "ngàn phước trang nghiêm." Thế nào gọi là "ngàn phước"? Cứ làm một ngàn việc thiện thì được "một phước." Vậy, quý vị phải hoàn tất một ngàn việc thiện thì mới có được "một phước," thế thì nếu làm mười ngàn việc thiện tức là được "mười phước," làm một trăm ngàn việc thiện tức là được "một trăm phước," và làm một triệu việc thiện thì được "một ngàn phước." Đức Phật Thích Ca Mâu Ni do dùng "ngàn phước trang nghiêm" nên mới có được ba mươi hai tướng tốt cùng tám mươi vẻ đẹp. Tướng mạo của chúng ta trong đời này là tùy thuộc vào nhân duyên của đời trước; do đó có người sinh ra thì xinh xắn đẹp đẽ, song cũng có người lại xấu xí khó coi.

Vậy, cô gái dòng Bà La Môn này được mọi người kính nể, nói gì cũng được mọi người hoan hỷ lắng nghe, và khởi xướng việc gì cũng được mọi người hoan hỷ tán thành, hết lòng hỗ trợ. Chẳng những thế, **"đi đứng nằm ngồi đều được chư Thiên theo hộ vệ."** Hằng ngày, cô ta luôn luôn được chư Thiên âm thầm che chở, phù hộ

Như tôi đã nói ban nãy, chúng ta hiện nay đã "kết giới," cho dù quý vị có nghiệp chướng - thí dụ có ma quỷ muốn gây chướng

ngại cho quý vị - thì chúng cũng phải đình hoãn lại, không được đến quấy nhiễu quý vị trong lúc này. Bởi vì quý vị đến đây để nghe giảng kinh và bây giờ nơi này đã được "kết giới," thì mọi nợ nần vay trả đều phải tạm thời đình chỉ, không ai được phép đến đây gây rắc rối hoặc sinh sự lôi thôi, mà phải để cho quý vị một lòng một dạ chuyên chú nghe giảng kinh.

Mặc dù cô gái dòng Bà La Môn này có phước đức sâu dày, khi đi đứng lúc nằm ngồi đều có các vị Hộ Pháp, Thiện Thần, Thiên Long Bát Bộ, hoặc chư Thiên theo phù hộ; **"song bà mẹ lại tin theo tà đạo, chứ không tin Chánh Pháp, và thường khinh chê ngôi Tam Bảo."**

Thế nào gọi là "tin theo tà đạo"? "Tin theo tà đạo" không nhất thiết là tin theo bàng môn tả đạo, mà còn có nghĩa là vừa tin vừa ngờ. Thí dụ có người hôm nay tin Phật, ngày mai lại sanh lòng hoài nghi, phân vân lưỡng lự, không biết mình đúng hay sai: "Nói là tin Tam Bảo Phật Pháp Tăng, nhưng tôi chưa hề gặp một ông 'Phật' nào cả. Tôi cũng chưa hề gặp được 'Pháp'; tuy nói là có kinh điển, song giáo lý chứa đựng trong các kinh sách đó cũng tầm thường, chẳng có gì đặc biệt. Còn 'Tăng' thì bất quá chỉ là những con người phàm phu tục tử như bao kẻ khác thôi, vì sao tôi lại phải kính trọng họ?" Sanh lòng hoài nghi như thế, thì cũng gọi là "tin theo tà đạo." Nói tóm lại, không có chánh niệm thì đó chính là tà niệm; và không có chánh tín thì đó là tà tín, là "tin theo tà đạo" vậy.

Như có kẻ ngoại đạo rêu rao rằng: "Quý vị đưa cho tôi một triệu đồng thì tôi sẽ giúp quý vị mua một cái ngôi Hoàng Đế, bảo đảm đời sau quý vị sẽ được làm vua! Chỉ cần đưa tôi một triệu đồng là mọi việc đều ổn thỏa cả!" Nghe cũng bùi tai, quý vị liền xiêu lòng: "Ồ! Chỉ cần bỏ ra một triệu đồng mà kiếp sau được lên làm vua! Nên lắm chứ!"; và lật đật đếm tiền đem nộp cho người ấy. Đó tức là quý vị "tin theo tà đạo"; bởi sự thật thì ngôi vị Hoàng Đế làm sao có thể mang ra bán buôn tùy tiện như thế được!? Quý vị làm gì mà có thể mua được ngôi vua!

Ở các quốc gia dân chủ hiện nay thì có thể có chuyện mua bán chức vị Tổng Thống, do đó cũng có thể có kẻ dám gạ gẫm: "Đời này cô mang thân nữ nên không thể ra ứng cử Tổng Thống được, vậy cô đưa tôi một triệu đồng, tôi bảo đảm kiếp sau cô sẽ được làm Tổng Thống!" Thế nhưng, đến kiếp sau, bất luận quý vị có được làm Tổng Thống hay không thì cũng chẳng tìm ra người ấy để đòi tiền lại! Hắn ta cũng chẳng có công ty bảo hiểm để bảo đảm cho "quý thân chủ"! Cho nên, tin vào những chuyện viễn vông như thế thì gọi là "tin theo tà đạo," đi theo đường tà!

Làm sao mà có thể dùng tiền để mua chức Tổng Thống được kia chứ? Không thể nào có chuyện đó! Nếu nói rằng dùng một triệu đồng để mua chức vị Tổng Thống ngay trong đời này, thì may ra còn có thể tin là có thật; vì sao? Vì nếu quý vị dùng số tiền đó để đi vận động "mua" phiếu, mua chuộc người ta để họ bầu cho mình, thì may ra cũng có thể được lên làm Tổng Thống nước Mỹ! Tuy nhiên việc đó còn đòi hỏi nhiều điều kiện khác nữa; chẳng hạn muốn ra tranh cử thì quý vị phải là công dân Mỹ, phải mang quốc tịch Mỹ mới được, chứ quốc tịch nước khác là không xong. Vì vậy, nếu quý vị tin tưởng vào những việc mua bán kiểu đó tức là quý vị "tin theo tà đạo."

"Tin theo tà đạo" cũng có nghĩa là nói ra những điều không có đạo lý, không hợp tình hợp lý. Chẳng hạn có người tuyên bố một cách phi lý rằng: "Quý bà quý cô chỉ cần đưa tôi một trăm đồng (hoặc một ngàn đồng, một vạn đồng), tôi bảo đảm kiếp sau ai nấy đều được sanh làm thân nam, không còn phải mang thân nữ nữa!" Thế nhưng, quý vị nghe xong liền nhẩm tính: "Ồ! Được đấy chứ! Một triệu đồng mà mua được thân nam thì đâu có đắt, quá rẻ nữa là khác"; và ngoan ngoãn đem tiền ra nộp cho ông thầy ngoại đạo. Cất tiền vào hầu bao rồi là hắn tha hồ nhậu nhẹt, chơi bời thỏa thích. Tiền bạc một khi đã bị hắn tiêu xài hết rồi, quý vị chẳng có cách nào đòi lại được. Cho nên, tuy nói là bảo đảm kiếp sau làm thân nam, song cũng không có bảo chứng để quý vị có thể đòi bồi thường. Đó gọi là "tin theo tà đạo." Trên

đây là tôi chỉ mới kể ra một vài thủ đoạn lường gạt của bọn "cáo già" (những kẻ chuyên môn đi lường gạt thiên hạ) mà thôi.

Bà mẹ của cô gái dòng Bà La Môn này **"thường khinh chê ngôi Tam Bảo."** Chỉ vì bà ta toàn là tin vào tà thuyết, cho nên không tin theo Chánh Pháp.

Thế nào gọi là tà thuyết? Chẳng hạn nói rằng: "Quý vị cần gì phải tin Phật? Quý vị chính là Phật kia mà! Chỉ cần mỗi người đưa cho tôi sáu mươi lăm đồng là được!" Sáu mươi lăm đồng mua được một quả vị Phật - những kiểu nói như thế đều là tà thuyết, đều là luận điệu của tà pháp, tà đạo. Quả vị Phật thì làm sao mà mua bằng tiền được chứ? Ai ai cũng có thể làm Phật, song đó không phải là dùng tiền bạc để mua mà được. Quý vị chỉ dùng tiền để làm công quả, làm thiện sự, và đến bao giờ công đức đầy đủ thì quý vị được thành Phật. Chẳng những làm công quả mà quý vị còn phải dụng công tu Đạo, phải ngồi tham Thiền nữa; nếu không chịu khó tu tập thì không đời nào có thể thành Phật được cả! Nếu có thể dùng tiền mà mua được quả vị Phật thì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đâu cần phải trải qua "sáu năm khổ hạnh rừng già" trên dãy Tuyết Sơn, rồi sau đó lại ngồi dưới cội Bồ Đề, đêm nhìn sao mai mà ngộ Đạo? Vả lại, khi Ngài còn làm Thái Tử thì sẵn tiền rừng bạc bể trong tay, nếu quả vị Phật mà mua được thì Ngài đã mua rồi! Cho nên, vấn đề là quả vị Phật không phải là thứ có thể mua được bằng tiền bạc!

"Khinh chê ngôi Tam Bảo" tức là coi thường Tam Bảo, gặp Tăng, Ni (người xuất gia) thì đều hủy báng, buông lời xúc phạm. Những người thường tỏ ra bực bội, ghét trông thấy Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni; đó cũng là "khinh chê ngôi Tam Bảo" vậy.

"Thuở ấy, Thánh Nữ tức là cô gái thuộc dòng Bà La Môn nói trên **lập nhiều phương tiện để khuyến dụ mẹ."** "Phương tiện" ở đây có nghĩa là đối với những người xem chừng có thể tin tưởng Phật Pháp, thì chúng ta tùy thuận theo hoàn cảnh và trình độ của họ mà linh động giảng giải để họ có thể lãnh hội được. "Khuyến" là dùng lời lẽ khéo léo để khuyên lơn; "dụ" là dẫn dụ, tức là dùng sự lợi lộc để cám dỗ. Thí dụ, biết trẻ con thường thích

ăn kẹo, quý vị bèn bảo: "Tôi có nhiều kẹo lắm, đi theo tôi rồi tôi sẽ cho em thật nhiều kẹo!" Như thế gọi là "dụ dỗ." Vậy, cô gái dòng Bà La Môn cũng nói với bà mẹ: "Mẹ hãy cùng học Phật Pháp với con. Phật Pháp vi diệu và mầu nhiệm vô cùng, mẹ ạ!"

Mặc dù Thánh Nữ nhiều lần khuyên nhủ thân mẫu như thế, **"hầu làm cho bà sanh chánh kiến, nhưng bà chưa tin hẳn."** Bà mẹ của cô gái dòng Bà La Môn này cũng có sanh lòng tin song chỉ tin đôi chút thôi, chưa hoàn toàn tin hẳn, vẫn còn vừa tin vừa ngờ, bán tín bán nghi: "Con nói thì dường như cũng có lý đấy, song mẹ nghĩ không phải hoàn toàn là như thế!" Cũng như có mấy đệ tử quy y của tôi vẫn còn nửa tin nửa ngờ, chưa hoàn toàn tin tưởng ở lời giảng của thầy mình: "Sư Phụ giảng như thế chẳng biết có đúng hay không?" Đó gọi là vừa tin vừa ngờ, chưa trọn lòng tin cậy vậy.

"Và chẳng bao lâu thì bà mệnh chung." Không lâu sau thì bà mẹ của cô gái dòng Bà La Môn này qua đời.

Nếu nói rằng con người chết rồi thì chẳng còn hay biết gì nữa cả, không cần ăn uống, không cần ngủ nghỉ, không cần đi làm (nói tóm lại là chết rồi thì chẳng phải làm gì cả) như thế thì tốt lắm chứ! Song le, có một điều chẳng tốt chút nào; đó là điều gì? Sau khi chết, nếu trước kia quý vị đã từng làm việc thiện, thì quý vị sẽ được thác sanh vào ba đường lành (Tam Thiện Đạo); còn nếu làm điều ác thì quý vị phải thác sanh vào ba đường dữ (Tam Ác Đạo), như đọa địa ngục, chuyển làm thân ngạ quỷ hoặc làm thân súc sanh.

Hôm qua có một số du khách đến viếng Phật Đường, và tôi có nói chuyện với họ về trách nhiệm của một người lính. Tôi bảo cho họ biết rằng trong hàng ngũ quân đội thì thường có cả Bồ Tát lẫn Tu La. Bồ Tát ở trong quân đội là để giáo hóa chúng sanh, khiến cho họ không giết chóc nhiều quá; còn Tu La thì trà trộn vào quân đội để xúi giục binh lính giết người càng nhiều càng tốt. Trong khi Tu La kêu gọi binh lính rằng hễ giết được càng nhiều người thì mình càng trở nên oai phong, công lao lập được càng to tát; thì Bồ Tát lại khuyên họ chớ nên tàn sát, mà nên làm

cho đất nước của đôi bên đều được thanh bình, cùng nhau hòa đàm để giải quyết sự việc. Bồ Tát cũng bảo cho họ biết rằng nếu được như thế, thì công lao của họ rất lớn và họ sẽ được thăng quan tiến chức rất nhanh.

Tôi cũng nhấn mạnh với các người khách đó rằng chúng ta nên học làm Bồ Tát, chứ đừng bắt chước Tu La!

Sử Trung Hoa có chép về hai vị tướng là Quan Vũ và Bạch Khởi. Quan Vũ làm tướng nên phải ra trận và giết người rất nhiều, nhưng sau khi tạ thế thì làm Bồ Tát. Còn Bạch Khởi, một võ tướng tài ba đời nhà Tần, thì giết người cũng rất nhiều, và sau khi chết thì phải đọa làm trâu, làm ngựa... Vì sao Bạch Khởi lại bị đầu thai làm thân trâu, ngựa? Bởi vì ông ta đã tàn sát hơn hai mươi vạn hàng binh bằng cách chôn sống. Thuở ấy, có hơn hai mươi vạn binh lính quy thuận đầu hàng ông ta, nhưng ông ta lại nhẫn tâm cho đào một cái hố thật lớn để chôn sống tất cả bọn họ đây quả là thứ tâm địa của Tu La. Quan Công thì chỉ giết người ác, không giết người thiện; đó gọi là "trừ bạo an lương," dẹp trừ kẻ bạo ác để bảo vệ người hiền lương vô tội. Cho nên, cùng làm tướng cả, mà rốt cuộc thì một người thành Bồ Tát và một người thành trâu, ngựa, heo, dê...

Có một đạo hữu người Mỹ vốn là lính Hải quân hỏi tôi rằng: "Thầy có tin là sau khi chết, con người có thể đầu thai làm súc sanh không?"

Lúc bấy giờ, tôi trả lời rằng: "Anh tin là con người sau khi chết có thể đầu thai làm súc sanh thì cũng được, mà anh không tin là con người có thể đầu thai làm súc sanh thì cũng chẳng sao! Nếu anh tin là có chuyện đầu thai làm súc sanh và nếu anh đáng phải làm súc sanh, thì anh sẽ phải đầu thai làm súc sanh; còn nếu anh không tin là có chuyện đầu thai đó và nếu anh đáng phải làm súc sanh, thì anh cũng vẫn phải đầu thai làm súc sanh như thường! Cho nên, anh tin thì cũng vậy mà không tin thì cũng vậy, chẳng thay đổi được gì cả! Anh làm việc Phật thì anh chính là Phật; anh làm việc Bồ Tát thì anh là Bồ Tát; anh làm việc người thì anh là người; anh làm việc quỷ thì anh là quỷ; và anh làm việc

súc sanh thì anh là súc sanh. Nói tóm lại, hễ mình làm việc gì thì bản thân mình sẽ đón nhận hậu quả tương ưng của việc làm đó. Đừng tưởng rằng chuyện gì mình tin là có thì mới xảy ra, còn nếu mình không tin là có thì sẽ không xảy ra. Phải biết rằng bất luận là anh tin hay không tin, nếu tội anh đáng phải làm súc sanh thì nhất định là anh phải làm súc sanh, chẳng trốn chạy đi đâu được cả; còn nếu anh không đáng phải làm súc sanh thì chắc chắn là anh không phải làm súc sanh! Do đó, vấn đề không phải là tin hay không tin mà được!"

Trở lại với phần kinh văn, bây giờ mỗi người trong chúng ta hãy tự phản tỉnh: "Bao giờ thì mình chết? Mẹ của cô gái dòng Bà La Môn là 'chẳng bao lâu thì bà mệnh chung'; còn mình thì bao giờ? Chết rồi thì mình sẽ đi về đâu? Mình có phải bị đọa địa ngục như bà mẹ của cô gái dòng Bà La Môn đó không?"

Phàm nghe giảng kinh, hễ chúng ta nghe đến đâu thì phải "hồi quang phản chiếu" đến đó, phải "soi" lại chính mình; chứ không phải nghe giảng mà xem như "gió thoảng qua tai," không lưu lại dấu vết, chẳng hiểu được gì cả. Ai ai cũng đều có lúc phải chết. Quý vị chớ cho rằng chết là một việc tốt nhất; cũng đừng nghĩ rằng chết là một việc xấu hoặc xui xẻo nhất—bất luận là tốt hay xấu, hên hay xui, may hay rủi, ai rồi cũng sẽ chết cả. Cho nên, quý vị làm điều tốt thì sẽ là tốt, làm điều không tốt thì sẽ là không tốt. Vừa rồi tôi cũng đã nói với quý vị:

Chủng thiện nhân, kết thiện quả,
Chủng ác nhân, kết ác quả.

(Trồng nhân lành thì được quả lành,
Gieo nhân ác thì gặt quả ác.)

Người xưa có nói:

"Nhược kiến tha nhân tử,
Ngã tâm nhiệt như hỏa,
Bất thị nhiệt tha nhân,
Khán khán luân đáo ngã.

(Trông thấy người khác chết,

Lòng ta như lửa đốt,
Chẳng phải xót cho người,
Mà vì nghĩ đến mình.)

Mấy hôm trước đây tôi có nói về vấn đề sanh sản và tử vong. Mặc dù tỷ lệ sanh sản có cao hơn tử vong, nhưng con người thì ai rồi cũng phải chết; do đó mà cổ nhân đã nói: "Khi thấy người khác chết, thì lòng ta như thiêu như đốt. Song, ta đau đớn không phải vì xót xa thương tiếc kẻ vừa qua đời, mà vì ta nghĩ rằng sớm muộn gì rồi cũng có ngày sẽ đến phiên mình!"

Nếu quý vị nói rằng mình không sợ chết thì ngay bây giờ hãy chết liền đi! Tại sao quý vị lại chưa thể chết được ngay? Vấn đề chẳng phải là sợ chết hay không sợ chết, mà chính là cái chết ấy thuộc loại nào chết "tốt" (hảo tử) hay chết "xấu" (ác tử). Cái chết "xấu" tức là bị chết vì "phi tai hoạnh họa," như bị xe đụng, máy bay rớt, thuyền chìm, xe lửa lật... Những cái chết như thế, chính đương sự không thể nào ngờ tới và cũng không có ý muốn chết, đều gọi là những trường hợp "ngoài ý muốn." Cái chết "ngoài ý muốn" tức là cái chết "xấu." Nếu khi quý vị muốn chết, đã sẵn sàng để chết và cái chết tự nhiên đến, thì đó là cái chết "tốt"; và trong trường hợp này, nếu quý vị chưa muốn chết thì sao? Thì cũng có thể không bao giờ chết, cứ sống mãi để tu Đạo!

Người tu Đạo có thể đạt được sự tự do về vấn đề sanh tử muốn sống thì cứ sống hoài sống mãi, lúc nào không muốn sống nữa thì chỉ việc ngồi mà vãng sanh, nhập Niết Bàn. Muốn được như thế, quý vị cần phải có công phu tu hành để làm chủ sự sống chết của chính mình tánh mạng sanh tử của ta là do chính ta chứ không phải do Trời, không ai cai quản được ta, chỉ một mình ta tự quyết định lấy; hễ ta muốn chết thì liền được chết ngay, còn nếu chưa muốn chết thì ta vẫn cứ tiếp tục sống mãi. Tu Đạo chính là tu tập để có được năng lực này vậy. Tuy nhiên, khi đạt được năng lực này rồi, e rằng quý vị lại không muốn lưu lại cõi "ngũ trược ác thế" này nữa, bởi nơi đây quá ô trược!

Như vậy, sau khi thân mẫu của Thánh Nữ Bà La Môn nọ qua đời thì **"thần hồn bị đọa vào địa ngục Vô Gián."** "Thần" là

thần thức, và "hồn" là linh hồn. "Thần hồn" cũng chính là thức thứ tám. Vì sao gọi là địa ngục Vô Gián (không gián đoạn)? Bởi ở địa ngục này thì thời gian và thân mạng đều không hề gián đoạn, đây là chỉ cho việc dù có một hay nhiều tội nhân thì địa ngục cũng chật đầy như nhau. Trong những bài giảng sắp tới, chúng ta sẽ được biết tường tận hơn về địa ngục Vô Gián.

"Vô gián" nghĩa là gì? "Vô gián" có nghĩa là liên tiếp không ngừng, không hề có sự gián đoạn. Ở địa ngục này, tội nhân mặc dù phải chịu muôn phần khổ sở, nhưng mạng vẫn không đứt đoạn; do đó họ cứ liên tục chết đi rồi sống lại, sống lại rồi chết đi. Đó là do tác dụng của thần thức, mà thần thức thì bất biến.

"Lúc đó, Thánh Nữ Bà La Môn biết rằng bà mẹ khi còn sống không tin nhân quả, ắt phải theo nghiệp mà sanh vào đường ác." "Không tin nhân quả" tức là không tin rằng phàm trồng thiện nhân thì được thiện quả, gieo ác nhân tất gặp ác báo. Bà mẹ của Thánh Nữ không chịu tin rằng hễ cái nhân mà không thanh tịnh thì quả cũng không thanh tịnh, và nếu cái nhân không chánh đáng thì quả cũng sẽ không chánh đáng.

Bởi biết rằng mẹ mình sinh thời đã tạo nhiều ác nghiệp, sau khi chết tất phải bị đọa vào đường ác, nên Thánh Nữ **"bèn bán nhà, đất, sắm nhiều hương, hoa, cùng những đồ lễ cúng** - trái cây, đèn đuốc, tràng phan, bảo cái ... **rồi đem đến chùa tháp thờ tiên Phật mà làm đại lễ cúng dường."** Ở đây, "chùa tháp thờ tiên Phật" tức là nội viện chùa tháp của Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai.

KINH VĂN:

"Trong một ngôi chùa kia, trông thấy hình tượng của Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai đắp vẽ oai dung đủ cách tôn nghiêm, Thánh Nữ Bà La Môn chiêm lễ tôn dung, lòng càng bội phần kính ngưỡng, thầm nghĩ rằng: 'Đức Phật là đấng Đại Giác đầy đủ mọi trí huệ. Nếu Đức Phật còn tại thế, thì sau khi mẹ tôi mất, thảng như tôi đến bạch hỏi Phật, tất biết được nơi mẹ tôi thác sanh!'"

LƯỢC GIẢNG:

"Trong một ngôi chùa kia, Thánh Nữ trông thấy hình tượng của Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai đắp vẽ oai dung đủ cách tôn nghiêm..." Pho tượng này làm bằng đất sét, dung mạo được tô vẽ trông rất trang nghiêm, đầy uy đức, và đủ cả ba mươi hai tướng tốt cùng tám mươi vẻ đẹp, vô cùng viên mãn.

Bấy giờ, **"Thánh Nữ Bà La Môn chiêm lễ tôn dung, lòng càng bội phần kính ngưỡng."** Càng ngắm nhìn dung mạo uy nghi của tượng Phật, Thánh Nữ càng thêm sanh lòng cung kính, ngưỡng mộ, và **"thầm nghĩ rằng: 'Đức Phật là đấng Đại Giác đầy đủ mọi trí huệ. Nếu Đức Phật còn tại thế, còn trụ ở đời, thì sau khi mẹ tôi mất, thảng như tôi đến bạch hỏi Phật, tất biết được nơi mẹ tôi thác sanh! Chắc chắn là Đức Phật biết rõ mẹ tôi hiện đang ở nơi đâu.'"**

Phật là một người đã đại giác đại ngộ; Ngài có đủ cả ba thứ trí huệ - Đạo Chủng Trí, Nhất Thiết Trí và Nhất Thiết Chủng Trí.

"Thảng" có nghĩa là nếu, nếu như, giả sử.

Có một vấn đề mà nay tôi muốn nêu ra để mọi người cùng suy nghĩ. Đành rằng chúng ta tu hành thì không nên nghĩ ngợi nhiều, nhưng bây giờ mọi người hãy thử suy nghĩ về một vấn đề; đó là vấn đề gì? Đó là, "loài người chúng ta đến thế gian này là để ăn mà sống, hay sống để mà ăn?"

KINH VĂN:

"Lúc ấy, Thánh Nữ Bà La Môn cúi đầu khóc rất lâu, rồi lại chiêm luyến tôn tượng của Như Lai, bỗng nghe trên không trung có tiếng bảo rằng: 'Này Thánh Nữ đương khóc kia, thôi đừng có bi ai quá lắm! Nay Ta sẽ bảo cho ngươi biết chỗ thác sanh của mẹ ngươi!'

Thánh Nữ chắp tay hướng lên hư không mà bạch rằng: 'Chẳng hay đức thần nào đã giải bớt lòng sầu lo của tôi như thế?

Từ khi mẹ tôi mất đến nay, tôi ngày đêm thương nhớ, không biết đâu để hỏi cho rõ mẹ tôi thác sanh vào chốn nào.'

Bấy giờ, trên hư không lại có tiếng bảo Thánh Nữ rằng: 'Ta là Đức Phật quá khứ Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai mà ngươi đương chiêm lễ đó. Thấy ngươi thương nhớ mẹ trội hơn thường tình của chúng sanh, nên Ta đến chỉ bảo.'"

LƯỢC GIẢNG:

Bấy giờ, cô gái giòng Bà La Môn quỳ trước tôn tượng của Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai mà trầm tư nghĩ ngợi: **"Đức Phật là bậc Đại Giác Ngộ có đầy đủ trí huệ nhất, tiếc thay nay Ngài đã vào cõi Niết Bàn rồi! Giá như Đức Phật còn tại thế, thì sau khi mẹ tôi qua đời, tôi có thể đến thưa hỏi Phật—Ngài nhất định biết rõ mẹ tôi phải đầu thai về chốn nào!"**

"Lúc ấy, suy nghĩ đến đó, Thánh Nữ Bà La Môn cúi đầu khóc rất lâu, rồi lại chiêm luyến tôn tượng của Như Lai." "Chiêm" là chiêm ngưỡng, ngắm nhìn; "luyến" là quyến luyến, không đành lòng rời xa, tưởng chừng như bị níu kéo bởi một sợi dây vô hình vậy. Thánh Nữ này "chiêm luyến tôn tượng của Như Lai" tức là cô ta đăm đăm ngắm nhìn, và trong lòng cứ thấy quyến luyến, không muốn xa rời tôn tượng của Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai.

Lúc bấy giờ, Thánh Nữ Bà La Môn đang thân tâm chuyên chú, trong lòng không có một vọng tưởng nào khác, ngoại trừ một niệm chí thành chiêm ngưỡng tượng Phật - một tấm lòng thiết tha nhớ nghĩ đến Phật tánh. Do đó, có thể nói rằng đây là lúc mà tâm của Thánh Nữ hết sức thuần thành, thanh tịnh. Bấy giờ, cô ta **"bỗng nghe trên không trung có tiếng bảo rằng: 'Này Thánh Nữ đương khóc kia, thôi đừng có bi ai quá lắm! Nay Ta sẽ bảo cho ngươi biết chỗ thác sanh của mẹ ngươi. Vậy ngươi chớ nên khóc lóc sầu thảm như thế nữa!'"** Mặc dù bà mẹ của cô ta có tội, nhưng bản thân cô ta có căn lành nên vẫn được gọi là "Thánh Nữ."

"Thánh Nữ Bà La Môn chắp tay hướng lên hư không mà bạch rằng: 'Chẳng hay đức thần nào đã giải bớt lòng sầu lo của tôi như thế? Chẳng hay Ngài là vị Bồ Tát nào, thần tiên nào, mà từ bi chiếu cố, đến an ủi khiến cho tôi được khuây khỏa, không còn bi ai thống khổ nữa thế?'" Chữ "đức" ở đây là chỉ cho đức hạnh từ bi.

"'Từ khi mẹ tôi mất đến nay, tôi ngày đêm thương nhớ.'" Thánh Nữ nói tiếp rằng: "Kể từ khi mẹ tôi qua đời, tôi ngày nào đêm nào cũng nhớ nghĩ đến người. Bởi thân thể này của tôi là nhờ mẹ tôi mà có; người đã khó nhọc sanh ra tôi, thì tôi cần phải hiếu thảo với người. Song le, tôi chưa tròn hiếu thuận, thì mẫu thân tôi đã vội qua đời! Vì thế, tôi cảm thấy vô cùng hổ thẹn và lại càng đau xót, tiếc thương hơn nữa!"

Có câu:

Thụ dục tĩnh nhi phong bất chỉ,
Tử dục dưỡng nhi thân bất tại.
(Cây muốn lặng, gió chẳng ngừng,
Con muốn phụng dưỡng, cha mẹ không còn.)

Thế nào là "*Cây muốn lặng, gió chẳng ngừng* "? Có những lúc cây chỉ muốn đứng lặng yên, không thích lay động nữa; nhưng gió lại chẳng chịu để yên, cứ thổi đến làm cho cành lá cứ lắc lư xào xạc. Đó gọi là "*Cây muốn lặng, gió chẳng ngừng*."

" *Con muốn phụng dưỡng, cha mẹ không còn*," nghĩa là con cái muốn phụng dưỡng, chăm sóc cha mẹ để đền đáp công ơn sanh thành dưỡng dục, song tiếc thay, bấy giờ cha mẹ không còn ở đời nữa!

"Không biết đâu để hỏi cho rõ mẹ tôi thác sanh vào chốn nào." Ý của Thánh Nữ Bà La Môn muốn nói rằng: "Công ơn của cha mẹ cao hơn trời, dày hơn đất. Bởi tôi ăn ở không tròn hiếu thuận với mẹ, nên nay tôi cảm thấy đau khổ và hối hận khôn nguôi. Tôi muốn biết tin tức của mẹ tôi, song chẳng có nơi nào để có thể dò hỏi được cả. Không biết mẹ tôi được sanh lên cõi trời hay bị đọa vào địa ngục?'"

"Bấy giờ, trên hư không lại có tiếng bảo Thánh Nữ rằng: 'Ta là Đức Phật quá khứ Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai mà ngươi đương chiêm lễ đó...'" Thánh Nữ vừa dứt lời thì kỳ diệu thay, từ không trung vọng xuống tiếng trả lời rằng: "Ngươi muốn biết Ta là đức thần nào đến giải bớt lòng sầu lo của ngươi ư? Ta chính là Đức Phật quá khứ Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, là đức Phật mà ngươi hiện đang chiêm ngưỡng, lễ bái đó!"

Vì sao Thánh Nữ Bà La Môn có thể cảm động đến Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, khiến Ngài thị hiện từ trên hư không nói chuyện với cô ta như thế? Câu trả lời hết sức rõ ràng: **"'Thấy ngươi thương nhớ mẹ trội hơn thường tình của chúng sanh nên Ta đến chỉ bảo.** Bởi Ta thấy ngươi thương nhớ mẫu thân quá thiết tha, không giống như những người bình thường khác. Lẽ thường, người ta thương nhớ cha mẹ được mười phần, thì ngươi lại có đến hai mươi phần—bởi nhiều hơn bội phần nên mới đặc biệt, khác thường. Chính vì ngươi quá sức thiết tha, thành khẩn, nên mặc dù đã nhập Niết Bàn, Ta cũng phải cảm động mà đến để chỉ bảo cho ngươi!'"

KINH VĂN:

"Thánh Nữ Bà La Môn nghe nói xong liền nhảy chồm lên và bị té rớt xuống, các khớp tay chân đều bị tổn thương; những người ở cạnh bên liền đỡ dậy. Một lát sau Thánh Nữ mới tỉnh lại, rồi bạch cùng trên hư không rằng: 'Cúi xin Đức Phật từ bi thương xót, bảo ngay cho con rõ chỗ thác sanh của mẹ con, nay thân tâm của con sắp chết mất!'"

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni kể tiếp: **"Thánh Nữ Bà La Môn nghe nói xong liền nhảy chồm lên và bị té rớt xuống, các khớp tay chân đều bị tổn thương."** Lúc bấy giờ, tinh thần của Thánh Nữ vô cùng căng thẳng, có thể nói là như không còn lý trí nữa, chẳng nghĩ ngợi suy tính gì cả, nên mới nhổm dậy và lao mình nhảy phóc lên không trung như thế!

Khi biết được tiếng nói từ trên hư không vọng xuống là của Đức Phật quá khứ Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, Thánh Nữ vì nóng lòng muốn được gặp Ngài ngay lập tức, bèn nhoài người nhảy chồm lên hư không và bị té rất nặng. Tôi tin rằng Thánh Nữ Bà La Môn này không biết "kung fu" mà cũng chẳng rành võ thuật, nên khi bị rớt xuống cô không biết cách chống đỡ, vì thế tay chân mình mẩy đều bị tổn thương - có thể là bị trật khớp hoặc gãy xương - không tự đứng dậy được.

"Những người ở cạnh bên liền đỡ dậy." "Những người ở cạnh bên" có thể là bà con thân thích hoặc bạn bè cùng đi với Thánh Nữ đến cúng dường Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, hoặc cũng có thể là các vị Sư hoặc Ni Sư trong chùa, vì trông thấy cô té nặng đến thế kia bèn vội vàng chạy lại giúp đỡ.

"Một lát sau Thánh Nữ mới tỉnh lại, rồi bạch cùng trên hư không rằng..." Bấy giờ, vì bị té quá đau đớn nên Thánh Nữ bị ngất xỉu, chẳng còn hay biết gì nữa, phải một lúc lâu cô ta mới hồi tỉnh; và nhớ lại việc phóng mình lên không trung vừa rồi, cô liền hướng lên hư không mà bạch rằng: **"'Cúi xin Đức Phật từ bi thương xót, bảo ngay cho con rõ chỗ thác sanh của mẹ con.** Hiện nay con chỉ có một nguyện vọng duy nhất là xin Ngài, Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, hãy rũ lòng từ bi thương xót mà mau nói cho con biết, chẳng hay mẹ con phải đầu thai vào chốn nào? Cúi xin Ngài hãy cho con biết mau lên, kẻo nay **thân tâm của con sắp chết mất!** Con giờ đây đã bị té đến nông nỗi như thế này rồi, thân thể và tâm trí con đều rã rời, kiệt quệ.'"

KINH VĂN:

"Lúc ấy, Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai bảo Thánh Nữ rằng: 'Cúng dường xong, ngươi hãy mau trở về nhà, rồi ngồi ngay thẳng nghĩ tưởng danh hiệu của Ta, thời sẽ biết được chỗ thác sanh của mẹ ngươi.'

Bấy giờ, lễ Phật xong Thánh Nữ Bà La Môn liền trở về nhà. Vì thương nhớ mẹ, nên Thánh Nữ ngồi ngay thẳng niệm danh

hiệu của Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Trải suốt một ngày một đêm, Thánh Nữ bỗng thấy thân mình đến một bờ biển kia, nước trong biển đó sôi sùng sục, có rất nhiều thú dữ thân thể toàn bằng sắt bay nhảy trên mặt biển, chạy rảo bên này, xua đuổi bên kia; và thấy những trai cùng gái, số nhiều đến trăm ngàn muôn, thoạt chìm thoạt nổi trong biển, bị các thú dữ giành nhau ăn thịt; lại thấy các Dạ Xoa hình thù khác nhau, hoặc nhiều tay, nhiều mắt, nhiều chân, nhiều đầu..., răng nanh chìa ra ngoài miệng, bén nhọn dường gươm, đang lùa những người tội đến gần thú dữ."

LƯỢC GIẢNG:

"Lúc ấy, Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai bảo Thánh Nữ Bà La Môn rằng: **'Cúng dường xong, ngươi hãy mau trở về nhà.** Vì ngươi vừa bị té, thân thể bị nhiều thương tích, vậy sau khi cúng dường ở đây xong thì ngươi nên sớm trở về nhà. Về đến nhà rồi thì thế nào? **Rồi ngồi ngay thẳng nghĩ tưởng danh hiệu của Ta.** Mặc dù tay chân ngươi đều bị tổn thương, song ngươi hãy cố gắng ngồi cho ngay thẳng đoan chánh mà tưởng niệm đến danh hiệu của Ta—Nam Mô Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, **thời sẽ biết được chỗ thác sanh của mẹ ngươi.'"**

"Bấy giờ, lễ Phật xong, Thánh Nữ Bà La Môn liền trở về nhà. Vì thương nhớ mẹ, lòng quá chân thành thiết tha nghĩ đến mẫu thân, **nên Thánh Nữ ngồi ngay thẳng,** quên hết mọi đau đớn, cũng chẳng nhớ tay chân mình đang bị thương, chỉ một lòng một dạ **chuyên chú niệm danh hiệu của Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai."**

"Trải suốt một ngày một đêm." Trong suốt quãng thời gian lâu như thế, Thánh Nữ tuyệt nhiên không nghỉ ngơi, chẳng ăn chẳng uống, cũng không đi tiêu đi tiểu. Thánh Nữ ngồi ngay thẳng (chứ không phải quỳ) suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ, và chỉ chuyên tâm chí thành niệm Phật, ngoài ra không làm việc gì khác.

Bấy giờ, sau một ngày một đêm kiên trì niệm Phật, **"Thánh Nữ bỗng thấy thân mình đến một bờ biển kia."** Trạng thái này gọi là gì? Đây không phải là cô ta nằm mộng, mà là do thành tâm đến cực điểm cho nên "linh tánh" của cô ta xuất khỏi thân thể.

"Linh tánh" này còn gọi là "thần thức" hoặc "hồn phách," danh xưng tuy nhiều như vậy song cũng chỉ là một, chính là "thức thứ tám"của con người. Khi Thánh Nữ ngồi quá lâu, lại quên cả đau đớn, thì tất cả đều như ngừng lại, chỉ còn duy nhất một niệm là tưởng nghĩ đến danh hiệu của Đức Phật. Bởi một niệm này rất chân thành, khiến thức thứ tám có thể lìa khỏi thân thể để đi đến nơi khác, do đó Thánh Nữ thấy mình bỗng dưng lại ở tại một bờ biển xa lạ.

Những người ngồi Thiền mà nếu định thần ngồi được lâu, thì cũng có thể thấy được một vài cảnh giới nào đó. Ấy là vì lúc bấy giờ thức thứ tám của họ có thể rời khỏi thể xác, cho nên họ có thể thấy được cảnh giới khác.

Nếu quý vị được khai mở Ngũ Nhãn thì có thể nhìn thấy quỷ, thần, Bồ Tát, Phật...; chưa mở Ngũ Nhãn thì không thể nào thấy được. Linh tánh (thức thứ tám) của người tu Đạo cũng có Ngũ Nhãn; khi linh tánh tách ra khỏi nhục thể, thì Ngũ Nhãn khai mở, do đó họ có thể trông thấy vô số cảnh giới. Thánh Nữ Bà La Môn này nhất định là có tu Đạo từ lâu, nên mặc dù Ngũ Nhãn của nhục thể chưa được khai mở, nhưng khi thức thứ tám rời khỏi xác thân thì cô ta liền có thể thấy được các cảnh giới, và biết được rằng mình bỗng nhiên ở tại một bờ biển xa lạ.

"Nước trong biển đó sôi sùng sục." Nước trong biển ấy không phải mát lạnh mà là rất nóng, nước đang sôi sùng sục. Trong biển nước sôi ấy, Thánh Nữ nhìn thấy **"có rất nhiều thú dữ."** Có bao nhiêu thú dữ? Quý vị cũng không cần biết là bao nhiêu, nói chung là trong biển đó có rất nhiều thú dữ chứ chẳng phải ít! Các ác thú này, **"thân thể toàn bằng sắt,** cứng chắc kiên cố, **bay nhảy trên mặt biển.** Chúng bay qua bay lại trên mặt biển với tốc độ rất nhanh, hết **chạy rảo bên này**, lại **xua đuổi bên kia**, chạy qua chạy lại, rượt bắt lẫn nhau."

"**Và**, Thánh Nữ lại còn **thấy những trai cùng gái, số nhiều đến trăm ngàn muôn, thoạt chìm thoạt nổi trong biển. Số người này hết trồi lên thì lại hụp xuống, rồi lại bị các thú dữ giành nhau ăn thịt."** Những ác thú nói trên ở trong biển nước sôi này để làm gì? Để ăn thịt những người nam kẻ nữ đang ngoi ngóp dật dờ đó! Đây đều là những ác thú hết sức hung dữ, mạnh mẽ; miệng chúng rất to, bụng cũng rất lớn, cho nên chúng có thể há miệng nuốt chửng từng người một.

Thánh Nữ **"lại thấy các Dạ Xoa hình thù khác nhau."** "Dạ Xoa" tức là quỷ Dạ Xoa, vốn có tên là "quỷ Tiệp Tật," vì chúng có thể bay và chạy vô cùng mau lẹ. Hình dạng của loài quỷ Dạ Xoa này rất kỳ dị và không giống nhau. Chúng trông như thế nào? **"Hoặc nhiều tay**, có quỷ Dạ Xoa có tới mấy chục cánh tay; **nhiều mắt**, có quỷ Dạ Xoa thì chỉ có hai cánh tay nhưng lại rất nhiều mắt, trông xấu xí kỳ quái, lại rất hung ác dữ tợn; **nhiều chân**, có quỷ Dạ Xoa thì tay không nhiều, mắt cũng không nhiều, song lại mọc rất nhiều chân; **nhiều đầu**, có quỷ Dạ Xoa lại có rất nhiều đầu."

"Răng nanh chìa ra ngoài miệng, bén nhọn dường gươm." Miệng của quỷ Dạ Xoa giống như bồn máu, há ra có thể lớn bằng cái thúng, có thể nuốt chửng rất nhiều người trong cùng một lúc. Răng chúng thì lợi hại như đao kiếm, đã nhọn lại sắc bén vô cùng.

Các quỷ Dạ Xoa đó **"đang lùa những người tội đến gần thú dữ."** Chúng xua đuổi các tội nhân, đẩy họ đến gần bọn ác thú như thế để làm gì? Đó là chúng giúp cho những con thú dữ kia kiếm mồi! Có lúc, vì loài người thì khôn ngoan hơn loài thú, nên tội nhân cũng trốn chạy ra xa được, nhưng rồi lại bị quỷ Dạ Xoa đón đường, chặn lại. Cho nên, đằng sau thì có thú dữ rượt đuổi, phía trước lại gặp quỷ Dạ Xoa cản đường; quả là "tiền vô khứ lộ, hậu hữu truy binh." Các tội nhân ở đó đúng là bị dồn vào bước đường cùng, không còn lối thoát—trời trên đất dưới, chẳng trốn đi đâu được cả! Cho dẫu muốn tìm một người bạn để tới nhà lánh tạm một đêm cũng không được!

KINH VĂN:

"Rồi chúng lại tự chụp bắt, túm quắp đầu chân lại với nhau, hình trạng muôn thứ, chẳng dám nhìn lâu.

Khi ấy, Thánh Nữ Bà La Môn nhờ nương sức niệm Phật nên tự nhiên không kinh sợ. Có một Quỷ Vương tên là Vô Độc, đến cúi đầu nghênh tiếp, hỏi Thánh Nữ rằng: 'Lành thay, Bồ Tát! Do duyên sự gì mà Ngài đến chốn này?'

Bấy giờ, Thánh Nữ Bà La Môn hỏi Quỷ Vương rằng: 'Đây là chốn nào?'

Vô Độc đáp rằng: 'Đây là tầng biển thứ nhất ở phía Tây núi Đại Thiết Vi.'

Thánh Nữ hỏi rằng: 'Tôi nghe trong núi Thiết Vi có địa ngục, việc ấy có thật chăng?'

Vô Độc đáp rằng: 'Thật có địa ngục!'

Thánh Nữ hỏi rằng: 'Nay tôi làm sao được đến chốn địa ngục?'

Vô Độc đáp rằng: 'Nếu không phải sức oai thần, cần phải do nghiệp lực. Ngoài hai điều này ra, ắt không bao giờ có thể đến được.'

Thánh Nữ lại hỏi: 'Do duyên cớ gì mà nước trong biển này sôi sùng sục và có những người tội cùng các thú dữ như thế?'

Vô Độc đáp rằng: 'Đây là những chúng sanh tạo ác ở cõi Diêm Phù Đề mới chết, quá bốn mươi chín ngày không người kế tự để làm công đức hầu cứu vớt khổ nạn cho; lúc sống, họ lại không làm được nhân lành nào cả; vì thế nên cứ theo bổn nghiệp mà chiêu cảm lấy địa ngục, tự nhiên họ phải lội qua biển này trước.

'Cách biển này mười vạn do-tuần về phía Đông lại có một cái biển, những sự thống khổ ở đó còn gấp bội chốn này. Phía Đông của biển đó lại có một cái biển nữa, sự thống khổ ở đó càng trội hơn. Do ác nhân của Tam Nghiệp cảm vời ra và gọi chung là biển nghiệp, chính là chốn này vậy.'"

LƯỢC GIẢNG:

"Rồi chúng, tất cả những thú dữ và quỷ Dạ Xoa này, **"lại tự chụp bắt, túm quắp đầu chân lại với nhau, hình trạng muôn thứ, chẳng dám nhìn lâu."** Những ác thú và quỷ Dạ Xoa này hè nhau túm lấy tội nhân, rồi bẻ quặp đầu và chân tội nhân lại. Hoặc có lúc quỷ Dạ Xoa túm lấy ác thú rồi bẻ quặp đầu và chân của ác thú; hoặc ác thú chụp bắt Dạ Xoa rồi cũng bẻ quặp đầu và chân của Dạ Xoa lại; hoặc quỷ Dạ Xoa và ác thú cùng bắt tội nhân rồi bẻ quặp đầu và chân của tội nhân lại với nhau—nói chung là ai nấy đều bị bẻ vặn thành muôn hình vạn trạng, toàn là những hình thù rất ghê rợn, khủng khiếp, đến nỗi người thường chẳng dám nhìn lâu.

"Khi ấy, Thánh Nữ Bà La Môn nhờ nương sức niệm Phật–Nam Mô Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, **nên tự nhiên không kinh sợ trước những cảnh tượng hãi hùng đó."**

"Có một Quỷ Vương tên là Vô Độc, đến cúi đầu nghênh tiếp. Bấy giờ, thủ lãnh của loài quỷ là Quỷ Vương Vô Độc tiến đến lạy chào Thánh Nữ Bà La Môn, **rồi hỏi Thánh Nữ rằng: 'Lành thay, Bồ Tát! Do duyên sự gì mà Ngài đến chốn này? Thưa vị Bồ Tát có thiện tâm, chẳng hay vì duyên cớ gì mà Ngài lại đến nơi đây?'"**

"Bấy giờ, Thánh Nữ Bà La Môn hỏi Quỷ Vương rằng: 'Tôi không rõ làm thế nào tôi lại đến được nơi này nữa; **chẳng hay đây là chốn nào?'**

Quỷ Vương Vô Độc đáp rằng: 'Đây là tầng biển thứ nhất ở phía Tây núi Đại Thiết Vi.' Núi Đại Thiết Vi là một trong những hòn núi lớn ở bên ngoài núi Tu Di.

Thánh Nữ hỏi rằng: 'Tôi nghe trong núi Thiết Vi có địa ngục, việc ấy có thật chăng? Tôi thường nghe người ta nói rằng bên trong núi Thiết Vi có địa ngục, chẳng hay có thật như thế chăng? Có nhiều người không tin là có địa ngục; thế thì có thật là có địa ngục hay không?'

Vô Độc đáp rằng: 'Thật có địa ngục! Quả thật có địa ngục, đây chẳng phải là do con người tưởng tượng ra, mà đích thực là có địa ngục!'

Thánh Nữ lại hỏi: 'Nay tôi làm sao được đến chốn địa ngục? Do duyên cớ gì mà bây giờ tôi lại đến địa ngục này?'

Vô Độc đáp rằng: 'Nếu không phải sức oai thần, cần phải do nghiệp lực; ngoài hai điều này ra, ắt không bao giờ có thể đến được.' Có hai nguyên nhân dẫn dắt đến chốn địa ngục. Thứ nhất, là phải có oai thần, sức thần thông, đức hạnh, mới có thể đến được nơi này. Thứ hai, là do nghiệp lực—tức là vì có nghiệp tội nên mới bị đọa vào địa ngục. Như vậy, nếu không do oai thần hoặc nghiệp lực dẫn dắt, thì không thể nào đến được địa ngục.

Thánh Nữ lại hỏi: 'Do duyên cớ gì mà nước trong biển này sôi sùng sục và có những người tội cùng các thú dữ như thế? Vì sao nước trong biển này nóng dữ dội như thế? Vì sao lại có nhiều tội nhân bị dìm trong nước sôi, và vì sao lại có đông đảo ác thú đến thế?'

Vô Độc đáp rằng: 'Đây là những chúng sanh tạo ác ở cõi Diêm Phù Đề mới chết, quá bốn mươi chín ngày, tức là bảy tuần lễ, thường gọi là "thất tuần" hoặc "bảy thất", **không người kế tự để làm công đức hầu cứu vớt khổ nạn cho; lúc sống, họ lại không làm được nhân lành nào cả...'**

"Diêm Phù Đề" là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là "thắng kim." Bởi vì lá của cây Diêm Phù Đàn Kim rụng xuống sông thì biến thành vàng ròng; thứ vàng này là thù thắng nhất, đặc biệt nhất, nên gọi là "thắng kim." Thế giới mà chúng ta đương sống được gọi là cõi Nam Diêm Phù Đề.

Chúng sanh ở cõi Nam Diêm Phù Đề khởi tâm động niệm đều là tội, đều là nghiệp, chúng ta thường xuyên tạo tác nghiệp tội. Những tội nhân trong biển này chính là những chúng sanh đã từng gây tạo ác nghiệp ở cõi Diêm Phù Đề vừa mới chết hoặc mới chết gần đây.

Đối với người đã chết, nếu quý vị muốn làm việc công đức để giúp cho họ được siêu thoát, cần phải làm trước ngày thứ bốn mươi chín kể từ ngày họ chết. Bởi vì trước ngày thứ bốn mươi chín, nghiệp tội của người chết vẫn chưa được xét xử, quý vị có thể kịp thời vì họ mà làm công đức, để họ được hưởng sự lợi ích. Nếu để quá bốn mươi chín ngày thì khi ấy nghiệp tội của họ đã được phán định xong xuôi, cũng như tòa án đã kết án, định tội rồi vậy, không thể nào thay đổi được nữa. Vì thế, trong vòng bốn mươi chín ngày này, nếu quý vị có thể tụng Kinh tụng Chú hồi hướng cho họ, thì có thể giúp họ được siêu độ, khiến họ đạt được sự lợi ích.

Thế thì, nếu sau bốn mươi chín ngày, nghiệp tội của người quá vãng đã được xét xử xong, mà quý vị mới tụng Kinh siêu độ cho họ, thì họ có được hưởng công đức gì không? Tất nhiên là có, nhưng công đức mà họ được hưởng có ít bớt, năng lực có yếu hơn; tuy là không lớn lao song chẳng thể nói là hoàn toàn không có. Do đó, từ rày về sau, nếu quý vị muốn làm công đức để hồi hướng cho những người quá vãng, thì tốt nhất là nên làm trước kỳ hạn bốn mươi chín ngày sau khi họ qua đời.

Vậy, những chúng sanh đang trôi nổi trong biển nước sôi là những kẻ mà lúc còn ở cõi Diêm Phù Đề đã trót gây tạo nhiều ác nghiệp, không hề làm việc thiện, chưa từng trồng nhân lành và chết đã quá bốn mươi chín ngày mà vẫn không có ai làm thiện sự để hồi hướng công đức ngõ hầu giải bớt khổ nạn cho; **‘vì thế nên cứ theo bổn nghiệp mà chiêu cảm lấy địa ngục, tự nhiên họ phải lội qua biển này trước.’** Căn cứ vào nghiệp tội trước đây họ đã tạo tác mà cảm thọ quả báo địa ngục, tự nhiên trước hết họ phải lội qua cái "đại khổ hải" này, nhận lãnh nghiệp báo mà họ đáng phải nhận lãnh.

Quỷ Vương Vô Độc lại nói tiếp: **"Cách biển này mười vạn do-tuần về phía Đông lại có một cái biển. Ở phía Đông của biển nước sôi này lại có một biển lớn khác; biển ấy cách biển này mười vạn do-tuần và những thống khổ ở đó còn gấp bội chốn này."** Thấy những người trong biển này bị ác thú và quỷ

Dạ Xoa xua đuổi, rượt bắt, quý vị cho rằng như thế là thống khổ, nhưng khi đến biển kia thì quý vị sẽ thấy rằng ở đó còn khổ sở và lợi hại hơn ở biển này rất nhiều!

"Phía Đông của biển đó lại có một cái biển nữa, sự thống khổ ở đó càng trội hơn, càng nhiều hơn so với biển trước."

Do nguyên nhân nào mà có những biển này? **"Do ác nhân của Tam Nghiệp cảm vời ra và gọi chung là biển nghiệp, chính là chốn này vậy."**

Tam Nghiệp tức là ba nghiệp, thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Thân có ba nghiệp ác là sát, đạo, dâm, sát sanh, trộm cắp, và tà dâm, không giữ quy củ. Ý có ba nghiệp ác là tham, sân, si, lòng tham lam, lòng sân hận, lòng si mê. Khẩu (miệng) có bốn nghiệp ác là ỷ ngữ, vọng ngữ, ác khẩu, lưỡng thiệt.

"Ỷ ngữ" là nói những chuyện trai gái không chánh đáng. "Vọng ngữ" là chuyên nói những lời gian dối, nói láo. "Ác khẩu" là dùng lời hung dữ mắng chửi người. "Lưỡng thiệt" là nói lưỡi đôi chiều, gặp Trương Tam thì nói xấu Lý Tứ, gặp Lý Tứ thì nói xấu Trương Tam, để gây xích mích lẫn nhau. Một người mà nói hai lời trái nghịch nhau, đi với Giáp thì nói Ất thế này thế nọ, đi với Ất thì lại nói Giáp thế nọ thế kia, một cái lưỡi mà nói hai lời đâm thọc nhau, chẳng khác nào có hai cái lưỡi, cho nên gọi là "lưỡng thiệt."

Miệng có bốn nghiệp ác, thân có ba nghiệp ác, ý có ba nghiệp ác, gọi chung là Thập Ác (mười điều ác), hoặc Tam Nghiệp Ác Nhân, tức là những chủng tử hoặc mầm mống gây tạo tội ác qua thân, khẩu và ý.

Vì sao lại có biển "nước ác" (ác thủy), cùng nhiều thú dữ và quỷ Dạ Xoa như thế? Đây đều là do những nghiệp nhân xấu ác của con người tạo ra mà chiêu cảm lấy quả báo. Trồng nhân lành thì gặt quả lành, gieo ác nhân thì chịu ác báo, nghĩa là "bụng làm dạ chịu," nghiệp tội đều là do mình tự gây ra và tự chuốc lấy.

Vậy, ba cái biển này được gọi chung là "biển nghiệp" (nghiệp hải), và đều do nghiệp lực của con người cảm vời ra.

KINH VĂN:

"Thánh Nữ lại hỏi Quỷ Vương Vô Độc rằng: 'Địa ngục ở đâu?'

Vô Độc đáp rằng: 'Ở trong ba cái biển đó đều là đại địa ngục, nhiều đến số trăm ngàn, mỗi ngục đều khác nhau. Về địa ngục lớn thì có mươi tám chỗ; bực kế đó có năm trăm chỗ, đủ không lường sự khổ sở; bực kế nữa có đến ngàn trăm, cũng đầy không lường sự thống khổ.'

Thánh Nữ lại hỏi Đại Quỷ Vương rằng: 'Thân mẫu tôi mới mất gần đây, song không rõ thần hồn của người phải sa vào chốn nào?'"

LƯỢC GIẢNG:

"Thánh Nữ lại hỏi Quỷ Vương Vô Độc rằng: 'Địa ngục ở đâu? Ngài nói có địa ngục, vậy chẳng hay địa ngục rốt cuộc ở nơi đâu?'

Quỷ Vương Vô Độc đáp rằng: 'Ở trong ba cái biển đó đều là đại địa ngục.'

Tại sao gọi là "biển nghiệp" (nghiệp hải)? "Biển nghiệp" tức là cái biển do nghiệp lực của chúng sanh tập hợp lại mà thành. Chữ "biển" còn ngụ ý rộng lớn, dồi dào; chứ không nhất thiết là một biển nước thật sự. Do đó, "biển nghiệp" ám chỉ nghiệp lực của chúng sanh nếu dồn lại, kết nhóm lại, thì cũng rộng lớn vô lượng vô biên như biển cả vậy.

Ba cái biển vừa kể này cũng có thể gọi là "biển nghiệp," do ba nghiệp thân, khẩu, ý của con người tạo thành; cho nên Quỷ Vương Vô Độc mới nói với Thánh Nữ Bà La Môn rằng: "Ở trong ba cái biển đó đều là đại địa ngục, nhiều đến số trăm ngàn, mỗi ngục đều khác nhau."

Có bao nhiêu địa ngục? Có đến hàng ngàn hàng vạn địa ngục, và mỗi ngục mỗi có những thiết bị khác nhau, không ngục nào giống với ngục nào. Có thể nói rằng mỗi người gây mỗi nghiệp, chẳng ai giống ai, cho nên mỗi người tự tạo mỗi địa ngục cho chính mình. Địa ngục hoàn toàn không phải được xây sẵn

hoặc chuẩn bị sẵn cho con người trước khi chết. Không phải thế! Địa ngục là do tự nghiệp của mỗi người chiêu cảm mà hiện ra—tự mình tạo nghiệp tội gì, thì phải gánh chịu quả báo tương ứng với tội lỗi đó, gây vô số ác nghiệp tất gặp vô số ác báo.

Thí dụ, có một nơi gọi là địa ngục "bào lạc", cột đồng nung. Ở địa ngục này có cây cột làm bằng đồng, rỗng ruột, nên có thể đốt lửa ở bên trong. Hạng người nào phải đọa vào địa ngục này? Đó là những người háo sắc đa dâm, chuyên làm điều bất chánh; bởi địa ngục cột đồng nung nóng này là do nghiệp lực của họ cảm vời mà ra! Họ nhìn cột đồng song đối với họ thì đó không phải là một cột đồng rực lửa, mà là hình dáng của một con người, người nam thì thấy đó là một mỹ nữ, nên liền mừng rỡ nhào tới ôm chầm lấy, và vì thế bị lửa thiêu đốt đến bỏng da cháy thịt, muốn gỡ cũng gỡ không ra; còn người nữ nhìn cột đồng nóng thì lại thấy đó là một người nam khôi ngô tuấn tú, hoặc là bạn trai cũ của mình, liền vui mừng cho rằng "đất khách gặp cố nhân," bèn hớn hở chạy ào đến ôm chầm lấy, nhưng tới nơi thì liền bị "lửa dục" (dục hỏa) này thiêu chết.

Tội nhân bị chết rồi, thì sau đó trong địa ngục có một ngọn "xảo phong" (gió tinh khôn), do một thứ diệu pháp tạo thành, thổi lướt qua. Ngọn gió này thổi đến thì họ đều sống trở lại, nhưng sau khi sống lại, họ lại quên mất hình phạt vừa mới thọ nhận, mà chỉ nhớ điều ưa thích trước, nên cứ "chứng nào tật nấy," do đó lại phải tiếp tục chịu khổ báo, và các hình phạt tại địa ngục cột đồng nung cứ thế mà tái diễn.

Ngoài ra còn có rất nhiều loại địa ngục, mỗi loại đều có những đặc điểm riêng; do đó nói là **"mỗi địa ngục đều khác nhau."**

'Về địa ngục lớn thì có mười tám chỗ.' Có tất cả mười tám đại địa ngục, trong mỗi địa ngục ấy lại ngăn thành mười tám gian, mười tám gian này chính là mười tám chỗ riêng biệt.

'Bực kế đó có năm trăm chỗ, đủ không lường sự khổ sở.' Thứ đến lại có năm trăm địa ngục, mà sự khổ sở ở nơi này nhiều đến đếm không xuể, kể không xiết.

'Bực kế nữa có đến ngàn trăm, cũng đầy không lường sự thống khổ.' Kế nữa thì lại có đến hàng trăm hàng nghìn địa ngục, sự khổ sở ở những ngục này so với năm trăm địa ngục trên tuy có phần nào nhẹ hơn, song nói chung thì vẫn là vô lượng vô biên.

"Thánh Nữ lại hỏi Đại Quỷ Vương rằng: 'Xin Ngài mở lòng từ bi mà chỉ bày cho. Thân mẫu tôi mới mất gần đây song không rõ thần hồn của người phải sa vào chốn nào? Mẹ tôi vừa mới qua đời, tính đến nay cũng chưa được bao lâu, song tôi nóng lòng muốn biết linh hồn của mẹ tôi hiện đương phiêu bạt phương nào, xin Quỷ Vương làm ơn chỉ giúp cho.'"

KINH VĂN:

"Quỷ Vương hỏi Thánh Nữ rằng: 'Thân mẫu của Bồ Tát khi còn sống, quen làm những nghiệp gì?'

Thánh Nữ đáp rằng: 'Thân mẫu tôi tà kiến, khinh chê ngôi Tam Bảo, hoặc có lúc tạm tin, nhưng rồi chẳng kính; dầu khuất không bao lâu, mà chưa rõ thác sanh về đâu.'

Vô Độc hỏi rằng: 'Thân mẫu của Bồ Tát tên họ là gì?'

Thánh Nữ đáp rằng: 'Thân phụ và thân mẫu của tôi đều dòng dõi Bà La Môn. Thân phụ tôi hiệu là Thi La Thiện Kiến, thân mẫu tôi tên là Duyệt Đế Lợi.'

Vô Độc chắp tay thưa Bồ Tát rằng: 'Xin Thánh Giả hãy trở về, và chớ thương nhớ buồn rầu quá lắm nữa. Tội nữ Duyệt Đế Lợi được sanh lên cõi trời đến nay đã ba ngày rồi. Nghe nói nhờ con trai của bà có lòng hiếu thuận, vì mẹ mà thiết cúng để tu phước, và bố thí chùa tháp thờ Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Chẳng phải chỉ thân mẫu của Bồ Tát được thoát khỏi địa ngục, mà ngày đó, những tội nhân Vô Gián cũng đều được an lạc, đồng được thác sanh cả.'

Nói xong, Quỷ Vương chắp tay chào Thánh Nữ mà cáo lui."

LƯỢC GIẢNG:

Nghe Thánh Nữ nói muốn biết thân mẫu mình thác sanh vào chốn nào trong sáu nẻo luân hồi, **"Quỷ Vương hỏi Thánh Nữ rằng: 'Thân mẫu của Bồ Tát khi còn sống, quen làm những nghiệp gì?** Bà sinh sống bằng nghề gì? Thuở sinh tiền bà thích làm những việc gì?'" Vì thấy Thánh Nữ Bà La Môn đến được địa ngục, thì nhất định là nhờ ở sức mạnh của oai đức nguyện lực, cho nên Quỷ Vương mới gọi Thánh Nữ là "Bồ Tát."

"Thánh Nữ đáp rằng: 'Thân mẫu tôi tà kiến. Mặc dù là mẹ của tôi, nhưng tôi không thể che giấu những sai lầm của bà được, mẹ tôi là người tà tri tà kiến.'"

"Tà kiến" là một trong năm thứ kiến giải sai lầm (Ngũ Kiến) hoặc năm mối sai khiến (Ngũ Lợi Sử), Thân Kiến, Biên Kiến, Giới Kiến, Kiến Thủ Kiến và Tà Kiến.

1) Thân Kiến (chấp là có thân mình). "Thân kiến" là luôn luôn lo toan tính toán cho cái thân của mình," không muốn nó phải chịu thiệt thòi. Thí dụ, ăn uống thì phải là đồ ngon đồ bổ, như thế mới khỏi lo sợ là sẽ ảnh hưởng không tốt cho cơ thể! Những người có "thân kiến" cứ muốn bồi bổ thân hình cho mập mạp, béo tốt, không ngại thân mình quá thừa thịt thừa mỡ; bởi họ cho rằng như thế mới là thân thể khỏe mạnh, càng mập càng tốt. Lúc nào họ cũng sẵn sàng vì bản thân mà ưu tư, tính toán—phải ở nơi nhà cao cửa rộng, đầy đủ tiện nghi, ăn uống phủ phê, áo quần sang trọng, ... từ sáng đến tối chỉ nghĩ tới chuyện hưởng thụ sung sướng và chăm sóc cái thân này từng ly từng tí. Đó là nói về "thân kiến"—không muốn cho thân thể chịu thiệt thòi, tổn thất.

2) Biên Kiến (cực đoan, chỉ thấy một bên). "Biên kiến" tức là nhìn sự việc một cách thiên lệch hoặc quá khích. Thí dụ, hút thuốc lá là có hại, nhưng những kẻ có "biên kiến" lại nói rằng hút thuốc thì chẳng có gì là không tốt cả, và còn ngoan cố bảo rằng làm như thế mới là hay, là tài giỏi nữa! Họ lại còn biện hộ rằng quý vị sở dĩ chống đối việc hút thuốc là vì quý vị chưa hiểu hết được sự thần diệu của nó, chứ một khi được "nếm" qua sự thần diệu đó rồi thì e rằng ai nấy cũng đều không muốn từ bỏ, và biết đâu lại còn hút nhiều hơn!

Những kẻ có "biên kiến" thường nói năng rất khéo léo, lưu loát, viện dẫn lý lẽ rất hùng hồn, nhưng thực chất thì chỉ toàn là thành kiến lệch lạc.

3) Kiến Thủ Kiến (cố chấp, bám chặt vào kiến giải sai lầm).

4) Giới Kiến (hiểu sai về giới, trì giữ những giới sai lạc). "Giới kiến" chính là "tà giới". Thí dụ, có những kẻ khi thấy người theo đạo Phật thì không ăn thịt, liền nói: "Không ăn thịt thì có gì đáng nói? Quý vị biết không, có người ngay cả muối họ cũng không ăn nữa; như thế mới là có bản lãnh chứ! Nếu không tin thì quý vị thử làm xem!" Và họ cố ý cứ thế mà đi dần tới việc hủy báng Tam Bảo. Nói chung, cho dù việc quý vị làm rõ ràng là đúng, song những kẻ có "giới kiến" vẫn "bới lông tìm vết," cố tìm cho ra khuyết điểm để phê phán, dèm pha cho bằng được!

5) Tà Kiến (cái thấy tà vạy). Thí dụ, khi thấy mọi người đều ca ngợi hạnh hiếu thảo, thì kẻ "tà kiến" lại bảo: "Hiếu thảo cha mẹ để làm gì? Cha mẹ sanh con đẻ cái là hậu quả của lòng ham khoái lạc nhất thời, chứ nào phải tử tế gì đâu?" Và vì thế, họ bỏ mặc cha mẹ, không đoái hoài tới; đến khi cha mẹ già nua rồi qua đời thì họ thở phào nhẹ nhỏm: "Cũng tốt thôi! Như thế là thế giới bớt được một kẻ ngồi không, ăn bám."

Những kẻ "tà kiến" thường nói năng dài dòng, viện dẫn lung tung. Nói rằng hiếu thảo cha mẹ là hợp với đạo lý, đúng với lẽ phải, thì họ phản đối và cãi lại: "Thật là ngu xuẩn! Hai ông bà đều già cả, sắp xuống lỗ hết rồi, còn hầu hạ hiếu thuận họ làm gì cho nhọc xác chứ?" Họ bảo quý vị ngu xuẩn; song le, chính họ mới thực sự là ngu xuẩn đến cực điểm! Đó là điển hình của hạng người đầy rẫy tà tri tà kiến.

"'Khinh chê ngôi Tam Bảo.'" Câu này nguyên văn chữ Hán là "cơ hủy Tam Bảo" - "cơ" là giễu cợt, "hủy" là chê bai. Thí dụ, có nhiều người thấy kẻ khác lạy Phật liền mai mỉa: "Xem kìa! Hắn là người sùng tín đạo Phật đấy. Những người tin Phật điều gì cũng làm, xem ra thì họ có gì hay hơn người khác đâu? Không phải là họ cũng chơi bời, cờ bạc, rượu chè, ... như thiên hạ, việc gì cũng tham dự hết sao? Tin Phật thì được lợi ích gì?" Họ gán

cho tín đồ Phật giáo cả núi tội, trút lên đầu người Phật tử cả đống lỗi, mà tội nào tội nấy đều nghiêm trọng hơn cả Thập Ác và Ngũ Nghịch rất nhiều, đó gọi là "cơ."

"Hủy" là chê bai, phỉ báng. Thí dụ có người nói rằng: "Quý vị không nên tin Phật; những người theo đạo Phật đều là những kẻ lừa đảo!" nói như thế tức là chê bai, hủy báng Tam Bảo vậy. Hoặc có người lại nói rằng: "Phật, Pháp, Tăng đều là giả dối. Phật chỉ là tượng đất, Pháp chẳng qua chỉ là chữ viết trên giấy, còn Tăng nhân thì bất quá cũng là con người phàm phu tục tử mà thôi, đâu có gì đặc biệt? Thế thì tại sao mọi người cần phải tin lời Phật nói? Tại sao phải dập đầu quỳ lạy? Các người quả thật là ngu si tột bực!" Họ mắng nhiếc một thôi một hồi thậm tệ như thế, khiến cho những người tin Phật cũng sanh lòng hoang mang, ngờ vực, thậm chí có kẻ phải giấu giếm, không dám cho ai biết rằng mình theo đạo Phật!

Trong số những vị cao niên thường đến đây nghe thuyết Pháp vào ngày Chủ Nhật, có một vị cách đây mấy năm đã từng ngỏ ý muốn được quy y với tôi, nhưng tôi trước sau vẫn không nhận lời. Vì sao ư? Vì ông ấy muốn quy y một cách bí mật, không muốn để cho người khác biết! Qúy vị xem, quy y chứ đâu phải đi ăn trộm, thì tại sao phải bí mật, lén lén lút lút chứ? Ông ta muốn bí mật nhưng ở đây tôi không có thứ "quy y bí mật" đó, cho nên tôi bảo ông ấy nên suy nghĩ lại. Việc này thật là kỳ lạ! Ông ấy viện cớ gì ư? Ông ấy nói rằng ông vốn là tín đồ Thiên Chúa giáo và có quen biết rất nhiều người trong giáo đoàn, bây giờ nếu họ biết ông ta theo đạo Phật thì họ sẽ cho rằng ông là kẻ "phản đạo," là một tên "phản đồ"! Song, nếu không thú thật tức là ông ta lừa dối mọi người, như thế lại càng tội lỗi hơn nữa! Ông ta lại còn nêu ra một nguyên do khác, đó là vì ông còn muốn nhận sự cứu tế từ nhà thờ nọ. Quý vị xem, như thế thì làm sao có thể gọi là tin Phật được? Thật là đáng thương!

'Hoặc có lúc tạm tin.' "Tạm tin" tức là tin tưởng tạm thời, chỉ trong một khoảng thời gian ngắn ngủi, chứ chẳng phải mãi mãi tin tưởng.

Chúng ta tin Phật, thì cần phải phát nguyện vĩnh viễn tin Phật, không nên chỉ tin tạm thời như bà mẹ của Thánh Nữ Bà La Môn. Thí dụ có nhiều người nói rằng: "Tôi chỉ tin trong vòng một tiếng đồng hồ, quá một tiếng đồng hồ rồi thì tôi không tin nữa"—như thế gọi là "tin tạm thời," hay "tạm tin." Những người đó không thể nào duy trì lòng tin lâu tới hai tiếng đồng hồ được, họ chỉ tin trong một giờ đồng hồ mà thôi. Có người thì lòng hăng hái và nhiệt tình tin tưởng của họ chỉ kéo dài tối đa là năm phút, quá năm phút thì nguội lạnh hẳn—họ chỉ có thể giữ được tín tâm trong năm phút! Tuy nhiên, chúng ta học Phật thì cần phải tin Phật và cần phải phát nguyện mãi mãi có đức tin.

Vậy thì, có thể là cũng trong năm phút ngắn ngủi nào đó, bà mẹ của Thánh Nữ chịu theo con đi lễ Phật, quy y Tam Bảo, hoặc lạy một vị Sư làm Thầy, **'nhưng rồi chẳng kính.'** Khi đối trước tượng Phật thì bà lạy Phật tin Phật, nhưng chỉ vừa quay lưng là lập tức không còn cung kính nữa.

'Dầu khuất không bao lâu, mà chưa rõ thác sanh về đâu. Mẹ tôi vừa mới qua đời, song tôi không biết bà phải đầu thai vào chốn nào.'

Vô Độc hỏi rằng: 'Thân mẫu của Bồ Tát tên họ là gì?' Vì Thánh Nữ Bà La Môn chưa cho biết danh tánh của bà mẹ, nên Quỷ Vương không thể không hỏi cho rõ ràng: "Chẳng hay mẹ của Ngài tên họ là gì? Bà cư ngụ nơi đâu? Địa chỉ của Ngài là gì? Xin Ngài hãy kể rõ."

Thánh Nữ đáp rằng: 'Thân phụ và thân mẫu tôi đều dòng dõi Bà La Môn.'

Xã hội Ấn Độ thời bấy giờ có bốn chủng tánh (những người có nghiên cứu về Ấn Độ cần phải biết bốn chủng tánh này là gồm những gì):

1) Bà La Môn (tức là "tịnh duệ," dòng dõi thanh tịnh);

2) Sát Đế Lợi (dòng dõi vua chúa);

3) Phệ Xá (hạng người hành nghề "thương cổ"—"thương" là đem hàng hóa đi bán, "cổ" là ngồi bán. "Hành thương tọa cổ" là chỉ cho nghề buôn bán);

4) Chiên Đà La (giai cấp hạ tiện, thấp kém nhất trong xã hội, như hàng đồ tể chuyên giết heo, giết bò...)

Tại Ấn Độ, những kẻ làm nghề đồ tể lúc đi đường đều phải đi nép một bên, không được đi chung hoặc ngang hàng với người thuộc ba giai cấp trên; và càng không được đi cùng một con đường với hàng quý tộc. Trên thân những người đồ tể đều có đánh dấu, ai trông thấy thì liền biết đó là hạng Chiên Đà La. Đồ tể là một công việc rất thấp hèn, cho nên những người hành nghề này đều bị liệt vào giai cấp thấp hèn nhất trong xã hội.

Thánh Nữ đang được nói đến trong Kinh này vốn thuộc dòng Bà La Môn, tức là ở hàng quý tộc.

Xã hội Ấn Độ và Anh Quốc đều chú trọng giai cấp, và cho đến nay họ vẫn còn đặt nặng vấn đề giai cấp. Nước Mỹ là một quốc gia dân chủ, không ai có quan niệm phân chia giai cấp cả, mọi người đều sống rất bình đẳng. Còn Ấn Độ thì lại khác—những người thuộc giai cấp cao không được trò chuyện với người ở giai cấp thấp thua mình; nếu vi phạm, họ sẽ bị những người thuộc giai cấp cao khinh rẻ, xem như kẻ chẳng ra gì, không có chút giá trị! Quan niệm phân chia giai cấp này rất lợi hại!

'Thân phụ tôi hiệu là Thi La Thiện Kiến.' "Thi La" là tiếng Phạn và có nghĩa là "giới luật"; tuy nhiên ở đây thì hàm nghĩa "thanh lương" (mát mẻ).

'Thân mẫu tôi tên là Duyệt Đế Lợi.' "Duyệt Đế Lợi" cũng là Phạn ngữ. Trong kinh Phật, không có cái gì thuyết pháp một cách chánh thức; có điều ở đây tôi chú giải thêm chút đỉnh, "duyệt" nghĩa là hoan hỷ, vui vẻ; "đế" tức là hoàng đế. Vậy, "hoàng đế vui thích" là ý nói người này rất xinh đẹp, ngay cả hoàng đế cũng phải yêu thích, cũng có thể giải thích như thế.

Thật ra, ý nghĩa của tên gọi thì không nhất định, quý vị muốn giảng nghĩa thế nào cũng được, miễn sao hợp lý thì thôi, nhất là đối với tiếng Phạn. Do đó, sau khi nghe giảng rồi, quý vị xem kinh văn có chỗ nào không hiểu, thì chớ vội nói là mình không biết. Qúy vị phải vận dụng trí huệ của chính mình để nghiền ngẫm, suy luận! Trí huệ của quý vị một khi khai mở thì:

"Ồ! Tôi biết rồi, thì ra là như vậy!" Hễ nói cho hợp lý thì giảng giải thế nào cũng được, chỉ cần đừng mắng chửi người khác, đừng nói xấu hoặc bôi nhọ, cũng chớ nên cứng nhắc, cố chấp!

"Vô Độc chắp tay thưa Bồ Tát rằng... Quỷ Vương Vô Độc nghe Thánh Nữ Bà La Môn nói xong, liền chắp hai tay lại (biểu thị sự cung kính) và nói với Thánh Nữ rằng: **'Xin Thánh Giả hãy trở về và chớ thương nhớ buồn rầu quá lắm nữa.** Xin Bồ Tát hãy trở về nơi ở của mình; và xin Ngài chớ nên lo âu, buồn bã, nhớ thương thân mẫu nữa. Xin Ngài hãy bớt lòng lưu luyến, tiếc thương bởi **vì tội nữ Duyệt Đế Lợi được sanh lên cõi trời đến nay đã ba ngày rồi.'"**

Vì sao bà Duyệt Đế Lợi lại được sanh lên cõi trời? **'Nghe nói nhờ con trai của bà có lòng hiếu thuận** (mặc dù là con gái, nhưng ở đây biểu thị là con trai) **vì mẹ mà thiết cúng để tu phước, và bố thí chùa tháp thờ Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai.'** "Bố thí" tức là "trai tăng cúng chúng," làm cơm chay cúng dường chư tăng. Như vậy, bà Duyệt Đế Lợi này có một người con trai rất hiếu thảo, đã bán hết tất cả gia sản để thiết trai tăng, cúng dường đại chúng tại các chùa và tháp thờ Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, ngõ hầu tu tạo phước lành cho mẫu thân.

'Chẳng phải chỉ thân mẫu của Bồ Tát được thoát khỏi địa ngục, mà ngày hôm đó, những tội nhân Vô Gián cũng đều được an lạc, đồng được thác sanh cả.' Ngoài ra, cũng trong ngày hôm đó, không riêng gì thân mẫu của Thánh Nữ Bà La Môn, mà vô lượng vô biên tội nhân ở địa ngục Vô Gián lúc bấy giờ cũng đều được thoát khỏi tội khổ, được sự an vui, và đều được sanh lên cõi trời.

"Nói xong, Quỷ Vương chắp tay mà cáo lui." Quỷ Vương Vô Độc nói xong, liền cung kính chắp tay làm lễ chào Thánh Nữ, rồi rút lui.

KINH VĂN:

"Thánh Nữ Bà La Môn dường chiêm bao chợt tỉnh, rõ biết các việc rồi, bèn đối trước tháp tượng của Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai mà lập hoằng thệ nguyện rằng: 'Tôi nguyện từ nay cho đến tận vị lai kiếp, sẽ vì những chúng sanh mắc phải tội khổ mà quảng thiết phương tiện, khiến cho họ đều được giải thoát.'"

Đức Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi rằng: "Quỷ Vương Vô Độc ngày trước, nay chính là Tài Thủ Bồ Tát; còn Thánh Nữ Bà La Môn đó, nay là Bồ tát Địa Tạng vậy."

LƯỢC GIẢNG:

"Thánh Nữ Bà La Môn dường chiêm bao chợt tỉnh." Câu này, nguyên văn chữ Hán là "Bà La Môn nữ, tầm như mộng quy." Chữ "tầm" ở đây ngụ ý là thời gian không lâu. "Tầm" vốn có nghĩa là tìm kiếm, nhưng ở đây hàm ý khoảng thời gian không lâu lắm, chỉ trong khoảnh khắc. Cho nên, "tầm như mộng quy" tức là dường như vừa tỉnh dậy sau một cơn mơ ngắn ngủi vậy.

"Rõ biết các việc rồi." Tỉnh dậy rồi, Thánh Nữ hồi tưởng: "Ồ! Tôi vừa đến một bờ biển và gặp Đại Quỷ Vương Vô Độc. Sau đó, tôi lại còn trông thấy các thú dữ ở địa ngục cùng các tội nhân nữa. Tôi có hỏi về chỗ thác sanh của mẹ tôi, và được Quỷ Vương cho biết là bà đã sanh lên cõi trời rồi!" Thánh Nữ biết rằng mọi việc mình vừa được chứng kiến hoàn toàn không phải là hư dối, mà là nhờ oai thần của Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai gia bị, giúp cho mình được thành tựu ý nguyện.

Thánh Nữ **"bèn đối trước tháp tượng của Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai mà lập hoằng thệ nguyện rằng..."** "Hoằng" có nghĩa là rộng lớn, to tát. Thánh Nữ Bà La Môn phát thệ nguyện rộng lớn như thế nào? Cô ta nguyện rằng: **"Tôi nguyện từ nay cho đến tận vị lai kiếp, sẽ vì những chúng sanh mắc phải tội khổ,** những kẻ đang trầm luân trong sáu đường, **mà quảng thiết phương tiện,** lập ra nhiều phương chước, **khiến cho họ đều được giải thoát, lìa khổ được vui."**

"Tận vị lai kiếp" tức là đến tận bao giờ? Khi nào sẽ là lúc cùng tận? Không thể có lúc cùng tận! Do đó, thệ nguyện của Địa Tạng Vương Bồ Tát cũng không có cùng tận.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni **bảo ngài Văn Thù Sư Lợi rằng: "Quỷ Vương Vô Độc ngày trước,** vị Quỷ Vương đã cùng hỏi đáp với Thánh Nữ Bà La Môn thuở nọ, **nay chính là Tài Thủ Bồ Tát."** Như vậy, Bồ Tát Tài Thủ vốn là Vô Độc Quỷ Vương tu tập mà thành. Ngài đã tu pháp Thất Thánh Tài, bảy món của cải quý báu của hàng Thánh giả:

1. Tín. Đức tin là một báu vật của sự tu hành.

2. Giới Tài Bảo. Truyền Giới và thọ Giới là những sự kiện hết sức hy hữu (đặc biệt là trong thời Mạt Pháp), mà người xuất gia thì nhất định phải thọ Giới mới là người xuất gia hoàn chỉnh.

3. Đa Văn Tài Bảo. Được nghe nhiều biết rộng cũng là một tài sản quý báu.

4. Xả. Biết bố thí, biết xả bỏ, cũng là một hạnh quý báu trong sự tu hành.

5. Trí Huệ. Có trí huệ là điều rất thiết yếu, cho nên trí huệ cũng là báu vật của sự tu hành.

6. Tàm. "Tàm" tức là lòng xấu hổ.

7. Quý. "Quý" là lòng hổ thẹn (sợ người chê).

Hai chữ "tàm" và "quý" này vốn thường đi chung với nhau, nhưng ở đây thì tách riêng ra. Trên đây là những "bảo bối" mà người tu hành cần phải có.

Do có bảy món tài sản quý báu, thiêng liêng, (Tín, Giới, Đa Văn, Xả, Trí Huệ, Tàm, Quý) nên gọi là Tài Thủ

"Còn Thánh Nữ Bà La Môn đó nay chính là Bồ Tát Địa Tạng vậy." Cho nên, chúng ta cần phải học theo đức hạnh tốt đẹp của tiền thân Bồ Tát Địa Tạng, phải hiếu thảo với cha mẹ, độ thoát cha mẹ!

KINH ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỔN NGUYỆN THIỂN THÍCH

Quyển Thượng

Phẩm Thứ Hai

PHÂN THÂN TẬP HỘI

Phẩm Phân Thân Tập Hội là phẩm thứ hai trong số mười ba phẩm, và thuộc quyển Thượng trong toàn bộ ba quyển Thượng, Trung, Hạ của *Kinh Địa Tạng*.

"Phân thân" - thân thể làm sao có thể phân chia ra được? "Phân thân" ở đây cũng có thể gọi là "phân linh", "phân tánh", hoặc "phân tâm". Vì sao gọi là "phân linh"? Các bậc Bồ Tát thường có một thứ "linh cảm" có thể nói là "hữu cảm tự thông, vô cầu bất ứng," và có thể ví với cảnh giới:

"Ngàn ao đầy nước, ngàn trăng hiện,
Vạn dặm không mây, vạn dặm trời xanh."
(Thiên đàm hữu thủy, thiên đàm nguyệt,
Vạn lý vô vân vân lý thanh.)

Có một ngàn đầm nước thì có một ngàn bóng trăng lung linh phản chiếu trong đầm - các vầng trăng trong những đầm nước này chính là "linh," là "tánh," là "thân," và cũng là "tâm" vậy. Vì có hồ nước cho nên có bóng trăng phản chiếu, song bổn thể của trăng vẫn nguyên vẹn, chẳng hề bị phân chia. Có hồ nước thì có

bóng trăng, vậy bóng trăng đó có phải là từ mặt trăng tách ra không? Không phải! Tuy không phải, nhưng trong hồ nước rõ ràng vẫn có bóng trăng hiển hiện, nên nói:

"Ngàn ao đầy nước, ngàn trăng hiện,
Vạn dặm không mây, vạn dặm trời xanh."

Các "phân thân" của Bồ Tát Địa Tạng vốn không hiện hữu, vì sao ở đây lại nói là có "phân thân"? Bởi vì các "phân thân" này là do tùy thuận theo cơ duyên của chúng sanh mà thị hiện. Các "phân thân" này là như thế nào? Nói một cách đơn giản, "phân thân" cũng tương tự như hình ảnh vậy, vốn chỉ là một người, sau khi chụp hình thì có được nhiều bức ảnh của cùng một người. Tuy nhiên, hình ảnh thì không có tác động, không có sự cảm thông linh ứng, và cũng chẳng có sinh khí; còn các "phân thân" mà Bồ Tát Địa Tạng hóa hiện ra thì đều giống hệt bổn thân của Ngài; cho nên gọi là "ngàn muôn ức hóa thân." Hễ thấy nơi nào có địa ngục, Bồ Tát Địa Tạng liền phân phối một thân của mình đến nơi đó để giáo hóa chúng sanh. Do vậy, khắp ba ngàn đại thiên thế giới, bất cứ nơi nào có địa ngục, Ngài đều hiện diện để giáo hóa chúng sanh. Vì Bồ Tát Địa Tạng phát thệ nguyện giáo hóa các chúng sanh trong địa ngục, cho nên ở đâu có địa ngục, thì ở đó có phân thân của Ngài Địa Tạng vậy!

"Tập hội" tức là quy tụ, tựu về. Vậy, "Phân Thân Tập Hội" ở đây có nghĩa là tất cả những thân mà Địa Tạng Bồ Tát đã hóa hiện ra đều trở về và tụ hội lại với nhau.

KINH VĂN:

Lúc đó, phân thân của Bồ Tát Địa Tạng từ các nơi có địa ngục trong trăm ngàn muôn ức không thể nghĩ, không thể bàn, không thể tính đếm, không thể nói hết, vô lượng a-tăng-kỳ thế giới, đều đến hội họp tại cung trời Đao Lợi.

Do nhờ thần lực của Đức Như Lai, phân thân từ mỗi phương hợp cùng những chúng đã được giải thoát khỏi chốn nghiệp đạo, cũng đông đến số ngàn muôn ức na-do-tha, đồng cầm hương hoa đến cúng dường Phật.

Những chúng cùng đến ấy thảy đều nhờ Bồ Tát Địa Tạng giáo hóa, làm cho vĩnh viễn không còn thối chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Những chúng sanh này từ nhiều kiếp lâu xa đến nay, trôi lăn trong vòng sanh tử, chịu khổ trong sáu đường, không lúc nào tạm ngừng dứt. Nhờ lòng từ bi quảng đại và thệ nguyện thâm sâu của Bồ Tát Địa Tạng, nên tất cả đều chứng được quả vị. Khi đến được cung trời Đao Lợi, lòng họ vui mừng hớn hở chiêm ngưỡng Đức Như Lai, mắt nhìn mãi không rời.

LƯỢC GIẢNG:

Lúc đó, phân thân của Bồ Tát Địa Tạng từ các nơi có địa ngục trong trăm ngàn muôn ức không thể nghĩ, không thể bàn, không thể tính đếm, không thể nói hết, vô lượng a-tăng-kỳ thế giới, đều đến hội họp tại cung trời Đao Lợi.

"không thể nghĩ" có nghĩa là không thể nào nghĩ ra được, không thể mường tượng được.

"không thể bàn" là không thể dùng lời lẽ mà luận bàn được.

"không thể tính đếm" tức là không thể nào tính toán, đong đếm hoặc đo lường được.

"không thể nói hết" tức là ngay cả nói cũng không thể nói cho hết được.

"Vô lượng a-tăng-kỳ thế giới" tức là vô lượng vô số thế giới, nhiều đến nỗi không thể tính đếm ra số lượng được.

Hễ nơi nào có địa ngục thì nơi đó có phân thân của Bồ Tát Địa Tạng hóa hiện ra, cho nên có đến vô lượng phân thân của Bồ Tát Địa Tạng, và lúc bấy giờ tất cả các phân thân này đều cùng quy tụ về Đao Lợi Thiên Cung.

Do nhờ thần lực của Đức Như Lai, phân thân từ mỗi phương hợp cùng những chúng đã được giải thoát khỏi chốn nghiệp đạo, cũng đông đến số ngàn muôn ức na-do-tha, đồng cầm hương hoa đến cúng dường Phật.

Nhờ đại oai thần lực của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, phân thân của Bồ Tát Địa Tạng đến từ các phương đều dẫn theo những

chúng sanh từng được Ngài cứu độ ra khỏi chốn nghiệp đạo tội lỗi. Cho nên, mỗi phân thân của Bồ Tát Địa Tạng đều có cả trăm ngàn vạn ức na-do-tha chúng sanh lũ lượt tháp tùng. Những chúng sanh này cũng như các phân thân của Địa Tạng Vương Bồ Tát, ai nấy đều có mang theo hương và hoa để cúng dường Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Những chúng cùng đến ấy, tất cả những chúng sanh đi theo các phân thân của Bồ Tát Địa Tạng**, thảy đều nhờ Bồ Tát Địa Tạng giáo hóa, làm cho vĩnh viễn không còn thối chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.** Những chúng sanh ấy nhờ được Bồ Tát Địa Tạng giáo hóa mà được an trụ mãi mãi trong cảnh giới bất thối chuyển đối với Đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Những chúng sanh này từ nhiều kiếp lâu xa đến nay, trôi lăn trong vòng sanh tử, chịu khổ trong sáu đường. Họ cứ thoạt chìm thoạt nổi, ngoi ngóp trong bể khổ sanh tử, chẳng khác nào những đợt sóng biển cuồn cuộn không ngừng, họ cứ sanh ra rồi chết đi, chết rồi lại sanh ra, sanh sanh tử tử như sóng nước bất tận. Cứ thế, họ trầm luân trôi giạt trong sáu nẻo luân hồi, **không lúc nào tạm ngừng dứt.** Trong Lục Đạo, họ đã phải liên tục chịu đựng vô lượng khổ não, ngay cả một khoảnh khắc ngắn ngủi để nghỉ ngơi cũng không thể nào có được.

May thay, **nhờ lòng từ bi quảng đại và thệ nguyện thâm sâu của Bồ Tát Địa Tạng, nên tất cả** những chúng sanh khốn khổ ấy **đều chứng được quả vị**. Bồ Tát Địa Tạng đã từng phát nguyện:

"Địa ngục chưa trống không, ta thề chưa thành Phật,
Chúng sanh độ hết rồi, ta mới chứng Bồ Đề
(Địa ngục vị không, thệ bất thành Phật,
Chúng sanh độ tận, phương chứng Bồ Đề.")

Chính nguyện lực rộng lớn của Bồ Tát Địa Tạng đã khiến cho các chúng sanh ấy đều chứng được quả vị, Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả, Tứ Quả A La Hán, hoặc các quả vị khác.

Giờ đây, **khi đến được cung trời Đao Lợi, lòng họ vui mừng hớn hở,** ai nấy đều sanh tâm đại hoan hỷ, và **chiêm ngưỡng Đức Như Lai, mắt nhìn mãi không rời.**

Những chúng sanh này đến được cõi trời Đao Lợi rồi thì tất cả đều một lòng một dạ hân hoan dõi mắt về phía Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, thành kính ngắm nhìn, không rời một thoáng, đó là biểu thị sự nhất tâm chiêm ngưỡng Đức Như Lai và lòng cung kính chí thành của họ.

KINH VĂN:

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đưa cánh tay sắc vàng xoa đảnh các phân thân của Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát trong trăm ngàn vạn ức không thể nghĩ, không thể bàn, không thể tính đếm, không thể nói hết, vô lượng a-tăng-kỳ thế giới, rồi dạy rằng: "Ta ở trong đời ác Ngũ Trược giáo hóa những chúng sanh cang cường như thế, làm cho lòng chúng nó điều phục, bỏ tà về chánh; nhưng trong mười phần, vẫn còn một hai phần quen theo thói ác.

Ta cũng phân ngàn trăm ức thân, rộng lập ra nhiều phương tiện. Hoặc có kẻ có lợi căn, nghe thấy liền tín thọ; hoặc có kẻ có thiện quả, phải ân cần khuyên bảo mới thành tựu; hoặc có kẻ ám độn, phải giáo hóa thời lâu mới quay về; hoặc có kẻ nghiệp nặng, chẳng sanh lòng kính ngưỡng; Ta bèn phân ra nhiều thân để độ thoát những hạng chúng sanh mỗi mỗi sai khác như thế.

Hoặc hiện thân người nam, hoặc hiện thân người nữ; hoặc hiện thân Trời, Rồng; hoặc hiện thân Quỷ, Thần; hoặc hiện ra núi, rừng, nguồn sông, đồng bằng, sông rạch, ao hồ, khe suối, giếng nước, để làm lợi ích cho con người, khiến tất cả đều được độ thoát.

Hoặc hiện thân Thiên Đế, hoặc hiện thân Phạm Vương, hoặc hiện thân Chuyển Luân Vương, hoặc hiện thân Cư Sĩ, hoặc hiện thân Quốc Vương, hoặc hiện thân Tể Phụ, hoặc hiện ra thân các hàng quan thuộc, hoặc hiện ra thân Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, cho đến các thân Thanh Văn, La Hán,

Bích Chi Phật, Bồ Tát... để hóa độ chúng sanh; chớ chẳng phải chỉ có thân Phật hiện ra trước chúng thôi đâu!"

LƯỢC GIẢNG:

Bấy giờ, Đức Thế Tôn - tức là Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn, **đưa cánh tay sắc vàng xoa đảnh các phân thân của Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát trong trăm ngàn vạn ức không thể nghĩ, không thể bàn, không thể tính đếm, không thể nói hết, vô lượng a-tăng-kỳ thế giới.** Đức Phật chỉ dùng một cánh tay mà có thể xoa đảnh đầu của tất cả phân thân của Bồ Tát Địa Tạng từ trăm ngàn muôn ức thế giới, số nhiều đến không thể nghĩ tới, không thể bàn luận, không thể tính đếm được, nhiều đến vô lượng a-tăng-kỳ. Đây là Phật thị hiện Như Ý Thân (Như Ý Thần Thông) từ một cánh tay mà biến thành cả trăm ngàn cánh tay, do đó với một cánh tay mà Phật có thể xoa đảnh đầu của cả trăm ngàn vạn ức phân thân của Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát trong cùng một lúc.

Rồi Đức Phật **dạy rằng: "Ta ở trong đời ác Ngũ Trược** (một thế giới ô trọc xấu ác với năm thứ trược là kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sanh trược, và mạng trược) để **giáo hóa những chúng sanh cang cường như thế."**

Chúng ta hãy lưu ý danh xưng này, "chúng sanh cang cường" là ai? Có thể là quý vị mà cũng có thể là người khác. Người nào cang cường, bướng bỉnh thì người đó tự biết. "Những chúng sanh cang cường" chính là những chúng sanh ương ngạnh, cứng đầu cứng cổ, không chịu giữ quy củ, chẳng muốn vào khuôn phép. Có một đứa bé còn hỏi rằng: "Tại sao phải có quy củ chứ?" Nghe hỏi như thế cũng đủ thấy rằng đứa bé này không thích có quy củ, luật lệ; và đó cũng là do ảnh hưởng của những người lớn xưa nay chẳng muốn tuân theo quy củ mà ra. Nói tóm lại, những kẻ ngang tàng, không chịu giữ gìn phép tắc quy củ, thích thế nào thì làm thế ấy, thì đó chính là "những chúng sanh cang cường" vậy!

"Làm cho lòng chúng nó điều phục." Đối với những chúng sanh cang cường ương ngạnh này, muốn khiến cho họ vui vẻ và thành thật cảm phục, thật không phải dễ!

"Điều phục." Thế nào gọi là "điều" (làm cho hài hòa)? Cách nấu ăn của người Mỹ thì không cần tới nhiều gia vị rắc rối; song người Trung Hoa thì rất để ý đến gia vị nêm nấu, họ thường trộn thêm các vị chua, ngọt, đắng, hoặc cay vào thức ăn một cách thích đáng, vừa phải, để thành những món ăn thật ngon lành. Đó gọi là "điều vị" (điều hòa mùi vị).

Ở Trung Hoa vào thời Liệt Quốc (các nước phân tranh), có một người đầu bếp giỏi tên là Dịch Nha. Mạnh Tử đã từng nói: "Dịch Nha tiên đắc ngã khẩu chi sở tư dã" (Dịch Nha biết trước được những gì mà miệng tôi muốn nếm). Dịch Nha có tài đón ý, đoán biết được khẩu vị của người khác, nêm nấu rất vừa miệng, giỏi về "điều vị." Dịch Nha là một đầu bếp danh tiếng xưa nay của Trung Hoa; và cũng nhờ tài nấu ăn rất khéo nên được tuyển vào làm đầu bếp trong hoàng cung.

"Phục" là hàng phục, trong lòng vui vẻ và thành thật phục tòng, không còn phản kháng nữa. Những chúng sanh mà Đức Phật nói bất luận giáo pháp gì họ cũng ngoan ngoãn nghe theo, hoan hỷ tiếp thọ, chẳng chút hoài nghi, không hề phản đối, thì đó chính là những chúng sanh đã được "điều phục," tánh nết đã thuần thành vậy.

Chớ nói rằng năm trăm năm sau khi Phật nhập Niết Bàn thì chẳng còn ai khai ngộ, hoặc không có ai chứng quả A La Hán nữa. Thật ra, bất cứ lúc nào và ở vào thời nào cũng đều có người được khai ngộ, cũng có bậc A La Hán xuất thế cả; chẳng qua là các bậc A La Hán này sau khi chứng quả đều không muốn thị hiện thần thông, không đi khắp nơi xem xét chuyện thế gian.

Thuở trước, các Pháp Sư từ Ấn Độ sang Trung Hoa hoằng Pháp như Tôn Giả Ma Đằng, Tôn Giả Trúc Pháp Lan, và cả Tổ Sư Đạt Ma (xuất thế sau khi Phật diệt độ cả ngàn năm) nữa, các ngài đều có thần thông. Gần đây thì có Lão Hòa Thượng Hư Vân, Luật Sư Hoằng Nhất và Lão Pháp Sư Ấn Quang, các ngài đều là

những bậc cao tăng thời cận đại của Trung Hoa và là những bậc A La Hán, những bậc Bồ Tát. Đặc biệt hơn nữa, mọi người đều công nhận Lão Pháp Sư Ấn Quang chính là hóa thân của Đại Thế Chí Bồ Tát! Như vậy, sau khi Phật nhập Niết Bàn, ở nước Trung Hoa vẫn có rất nhiều bậc đại đức cao tăng xuất hiện. Cho nên, dù Phật vào Niết Bàn đã năm trăm năm, một ngàn năm, hay một vạn năm đi chăng nữa, hễ người nào có thể y theo Phật Pháp mà chân chánh tu hành, thì người đó cũng sẽ được khai ngộ và chứng quả vị như thường.

"Bỏ tà về chánh." Đức Phật đã khiến cho tất cả chúng sanh từ bỏ mọi tà tri tà kiến, để quay về với chánh tri chánh kiến.

"Nhưng trong mười phần, vẫn còn một hai phần quen theo thói ác." Trong mười người thì có một hoặc hai người vẫn còn giữ các tập khí xấu ác, chưa hoàn toàn từ bỏ được tất cả những thói hư tật xấu.

"Ta cũng phân ngàn trăm ức thân." "Ta" (ngô) là tiếng tự xưng của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni; Ngài nói rằng: "Ta cũng phân thành cả ngàn trăm ức hóa thân và **rộng lập ra nhiều phương tiện.** Ta lại còn mở bày vô số pháp môn phương tiện nữa."

Trong số các chúng sanh đó, **"hoặc có kẻ có lợi căn, nghe thấy liền tín thọ."** Kẻ có "lợi căn" tức là người có thiện căn sâu dầy, thông minh lanh lợi, rất có trí huệ. Những chúng sanh có lợi căn khi nghe được giáo pháp của Phật thì liền mau mắn tin nhận.

"Hoặc có kẻ có thiện quả, phải ân cần khuyên bảo mới thành tựu." Lại có hạng người mà trong đời trước đã từng làm một vài việc thiện, có gieo trồng thiện quả, thì Phật cũng phải ân cần khuyên bảo thêm để họ được nhanh chóng thành tựu Phật Đạo, và không phải chỉ khuyên bảo một lần mà là rất nhiều lần. "Ân cần khuyên bảo" không có nghĩa là chỉ khuyên bảo một lần rồi thôi. Khi chúng ta có lòng muốn cứu vớt, độ thoát một người nào đó, thì phải nhớ rằng chưa chắc chỉ khuyên bảo một lần mà "độ" được người ấy ngay. Khuyên một lần mà chưa "độ" được thì

phải khuyên thêm lần nữa; nếu thêm lần này mà vẫn chưa "độ" được, thì chúng ta lại phải cố gắng thêm nhiều lần nữa. Nếu những người đó ở xa thì quý vị nên viết thư nhắc nhở, kể chuyện Phật Pháp cho họ biết; còn nếu ở gần thì thỉnh thoảng nên gặp gỡ, tiếp xúc với họ để giảng Phật Pháp cho họ nghe.

Lại nữa, hễ đã phát tâm muốn "độ người" thì chớ để cho mình bị "người độ"! Thế nào gọi là bị "người độ"? Thí dụ, ban đầu là quý vị muốn độ họ, muốn làm cho họ tin Phật, nhưng rốt cuộc thì quý vị lại bị lung lạc và bị lôi kéo vào tôn giáo của họ! Thâm tâm mình vốn muốn "độ người," làm cho họ tin Phật, ngờ đâu lại bị họ làm cho mình chuyển đổi tín tâm, thay đổi tín ngưỡng, như thế là mình bị "người độ" vậy. Muốn "độ người" thì bản thân mình cần phải có Định Lực; sở dĩ mình bị "người độ" chính là vì mình không có Định Lực.

"Ân cần khuyên bảo" ngụ ý là thường xuyên nhắc nhở, sốt sắng khuyên lơn. Ví dụ quý vị suy nghĩ: "Người bạn này đối xử với mình quá tử tế, mình phải độ anh ấy, khiến anh ấy tin theo Phật mới được! Lại còn ông chú bà bác kia nữa, họ đều là những người tốt bụng, mình cũng nên độ họ, làm cho họ thích học Phật Pháp!" Do đó quý vị "ân cần khuyên bảo" họ. Không phải chỉ khuyên một lần mà là kiên nhẫn khuyên lơn rất nhiều lần, lần này mình khuyên giải mà họ chưa hiểu rõ thì cố gắng thêm lần nữa, rồi cứ lần này sang lần khác như thế, dứt khoát không chịu bỏ cuộc. Nói tóm lại, quý vị phát tâm độ người thì phải độ cho tới nơi tới chốn, độ được họ phát tâm tin Phật và cho tới khi họ thành Phật, như thế, sứ mạng mới hoàn tất, thệ nguyện mới viên mãn!

"Hoặc có kẻ ám độn, phải giáo hóa thời lâu mới quay về." "Ám độn" tức là ngu si, căn tánh mê muội, không có trí huệ. Đối với hạng chúng sanh ám độn, si mê thì cần phải có thời gian lâu dài để giáo hóa, chứ không thể một sớm một chiều mà được ngay đâu. "Ân cần khuyên bảo" thì tính theo số lần; còn "thời lâu" là thuộc vấn đề thời gian. Nếu trong một ngày mà mình chưa độ được họ, thì phải kiên trì cho dù là hai ngày, ba ngày, năm

ngày, hoặc một tháng, hai tháng, ba tháng, năm tháng, hoặc một năm, hai năm, ba năm, năm năm... - quý vị phải nuôi trong lòng một chí nguyện bền bỉ, lâu dài, và giáo hóa họ với cái tâm trường cửu, nhất quyết làm cho họ thành tâm tin tưởng đạo Phật. Đây gọi là "cửu hóa phương quy" - phải trải qua một sự giáo hóa lâu dài họ mới có thể quay về, quy y Tam Bảo.

"Hoặc có kẻ nghiệp nặng, chẳng sanh lòng kính ngưỡng." Lại có hạng chúng sanh nghiệp chướng nặng nề, tội lỗi thâm trọng, hoàn toàn không có lòng kính tin ngưỡng mộ đối với Phật Giáo.

"Ta, Phật Thích Ca Mâu Ni, **bèn phân ra nhiều thân để độ thoát những hạng chúng sanh mỗi mỗi sai khác như thế."** Bởi mỗi người đều có những nhân quả nghiệp báo khác nhau, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni phải tùy theo đó mà phân thân hóa hiện thành nhiều loại thân để có thể độ thoát tất cả chúng sanh. , Phật Thích Ca Mâu Ni, **bèn phân ra nhiều thân để độ thoát những hạng chúng sanh mỗi mỗi sai khác như thế."** Bởi mỗi người đều có những nhân quả nghiệp báo khác nhau, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni phải tùy theo đó mà phân thân hóa hiện thành nhiều loại thân để có thể độ thoát tất cả chúng sanh.

"Hoặc hiện thân người nam, hoặc hiện thân người nữ." Đức Phật có thể hiện thân làm một thanh niên khôi ngô tuấn tú để đi độ các người nữ, hoặc làm một thiếu nữ xinh đẹp mỹ miều để đi độ các người nam, bởi Phật biết rất rõ dục tâm khát vọng của chúng sanh. Vì chúng sanh thích chuyện nam nữ nên Phật cũng tùy theo căn tánh của chúng sanh mà biến hiện, hầu có thể giáo hóa chúng sanh.

"Hoặc hiện thân Trời, Rồng." Đức Phật cũng hiện ra thân Trời hoặc thân Rồng để độ thoát đồng loại của các chúng sanh ấy.

"Hoặc hiện thân Quỷ, Thần." Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn hiện thân làm vị thần đại oai đức, hoặc làm vị đại quỷ vương.

"Hoặc hiện ra núi, rừng, nguồn sông, đồng bằng, sông rạch, ao hồ, khe suối, giếng nước." Quý vị xem, trong Kinh nói rằng núi non, rừng rậm, nguồn sông, đồng bằng... đều là do Pháp Thân của Như Lai biến hiện ra. Như thế, cũng có thể là chúng ta hiện đang ngồi trên Pháp Thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, mà chúng ta lại không ý thức được đó thôi. Như thành phố Cựu Kim Sơn (San Francisco) này chẳng hạn, cũng là do Phật biến hiện ra từ lâu để làm lợi ích cho chúng sanh, khiến mọi người có nơi để sinh sống.

Tuy trong Kinh chỉ nói là Đức Phật biến hiện ra núi rừng, cây cối, nguồn sông (tức là nơi có nước), và đồng bằng (nguyên dã), song quý vị chớ cho rằng chỗ đất bằng (bình địa) lại không phải là Pháp Thân của Phật. Đất bằng cũng là từ Pháp Thân của Phật biến hiện ra vậy. Nếu nói rằng chúng ta đang ngồi trên Pháp Thân của Phật, thì tại sao chúng ta lại không thấy được Pháp Thân ấy? Bởi vì chúng ta cũng giống như con kiến đang bò dưới đất hoặc đang bám trên người chúng ta vậy, nó không thể nào nhìn thấy toàn thân của con người được! Chúng ta chẳng khác nào một côn trùng nhỏ bé sống trên Pháp Thân của Phật, nên mới không rõ Pháp Thân ấy đang ở nơi đâu! Thật ra, chúng ta vốn đang sống trên Pháp Thân của Phật, chẳng qua là chúng ta không nhận ra được mà thôi!

Như vậy, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có thể hóa hiện ra dòng sông, ao hồ, đồng bằng, khe suối, giếng nước ... **"để làm lợi ích cho con người."** Tóm lại, Phật hóa hiện những thứ này nhằm mang lại sự ích lợi cho nhân loại**, khiến tất cả đều được độ thoát."**

Thí dụ Phật biến hiện ra một hòn núi, quý vị đến núi ấy dạo chơi và cảm nhận được đôi chút linh khí của núi nên phát khởi tâm Bồ Đề; hoặc là quý vị vào rừng hít thở không khí trong lành của thiên nhiên, thì thứ không khí trong lành này chính là "không khí" của Pháp Thân Phật vậy! Không khí trong hư không đều là của Phật, cho nên một khi quý vị được hít thở không khí của Phật thì nhất định quý vị sẽ được khai ngộ.

Quý vị chớ nên chấp trước, cho rằng sau khi Phật diệt độ được năm trăm năm thì chẳng có người nào khai ngộ nữa cả! Kỳ thực, cho dù Phật đã diệt độ cả năm ngàn năm rồi đi nữa, thì cũng vẫn có người được khai ngộ như thường. Chỉ e rằng quý vị không thật tâm tu hành mà thôi; nếu quý vị thật sự dụng công tu hành, tôi bảo đảm là quý vị chắc chắn sẽ khai ngộ!

Đức Phật có thể hiện ra một con sông, quý vị đến đó tắm rửa và cảm thấy rất thoải mái, dễ chịu, rồi sau đó được khai ngộ. Sông là do Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hóa hiện, và cả nước ao, nước hồ cũng vậy. Phật cũng hóa hiện ra giếng nước, quý vị uống thứ nước giếng này thì Đạo tâm của mình sẽ mỗi ngày một lớn mạnh. Cho nên, đây đều là những cảnh giới không thể nghĩ bàn. Tóm lại, nhất cử nhất động của Phật đều là vì lợi ích của chúng sanh, giúp cho muôn loài đều được độ thoát.

"Hoặc hiện thân Thiên Đế." Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng có thể hiện thân làm Thiên Đế. Giả sử quý vị đang ngồi Thiền bỗng có vị Thiên Đế đến cúi đầu đảnh lễ và nói rằng: "Tôi là Đế Thích trên cõi trời!" Vì sao Đế Thích lại lạy quý vị? Vì muốn làm cho quý vị sanh khởi một Đạo tâm kiên cố và tinh tấn dõng mãnh.

"Hoặc hiện thân Phạm Vương (tức Đại Phạm Thiên Vương**, hoặc hiện thân Chuyển Luân Vương**) tức Chuyển Luân Thánh Vương." Chuyển Luân Thánh Vương có vô số bảo bối quý giá, trong đó có chiếc "phi xa" (xe bay). Hiện nay chúng ta phóng hỏa tiễn từ trái đất mà lên tới mặt trăng thì cũng phải mất một thời gian khá lâu, song nếu dùng "phi xa" của Chuyển Luân Thánh Vương thì chỉ nội trong một tiếng đồng hồ là có thể dạo khắp cõi Tam Thiên Đại Thiên thế giới. Với chiếc "phi xa" này, không phải chỉ nguyệt cầu, tinh cầu, mà bất cứ nơi nào chúng ta cũng có thể đến được một cách nhanh chóng.

Chuyển Luân Thánh Vương còn có rất nhiều "bảo tàng" (kho báu). Bất luận đến nơi nào, Chuyển Luân Thánh Vương chỉ cần nói: "Ta cần dùng tiền," thì đất nơi ấy lập tức nứt ra để lộ kho báu—Ngài cần dùng bao nhiêu vàng bạc cũng có cả, và muốn lấy

bao nhiêu châu báu thì có bấy nhiêu. Vì sao lại được như thế? Bởi phước báo của Chuyển Luân Thánh Vương rất lớn, hết thảy châu báu đều là dành sẵn cho Ngài, tất cả mọi thứ trên thế gian đều là sở hữu của Ngài.

Chuyển Luân Thánh Vương còn có "bảo mã" (ngựa báu), có thể chạy nhanh hơn cả hỏa tiễn; và Ngài cũng có "bảo nữ" (ngọc nữ) nữa. Chuyển Luân Thánh Vương rất thích "bảo nữ"; lúc nào Ngài muốn thì họ liền tự nhiên hiện ra. Vì phước báo của Chuyển Luân Thánh Vương quá lớn, nên Ngài muốn gì được nấy. Nói chung là tất cả mọi sự đối với Ngài đều "tùy tâm, như ý"; do đó Ngài chẳng hề biết tới nỗi khổ mong cầu mà không được toại nguyện!

Đức Phật hiện ra thân Chuyển Luân Thánh Vương với đầy đủ oai đức, là muốn cho hết thảy chúng sanh trông thấy được thân tướng của Ngài mà phát Bồ Đề tâm.

"Hoặc hiện thân Cư Sĩ." Trong số quý vị cư sĩ ở đây, biết đâu chừng cũng có hiện thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni! Quý vị chớ cho rằng điều đó không thể xảy ra, bởi cư sĩ cũng có phần vậy!

"Hoặc hiện thân Quốc Vương làm vua cai trị một nước**, hoặc hiện thân Tể Phụ, hoặc hiện ra thân các hàng quan thuộc."** Tể Phụ tức là Tể Tướng, là chức quan cao nhất trong triều đình.

"Hoặc hiện ra thân Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di (bốn chúng đệ tử) **cho đến các thân Thanh Văn, La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát để hóa độ chúng sanh."** Phật hiện ra vô số thân khác nhau như thế chỉ nhằm để hóa độ chúng sanh mà thôi.

"Chớ chẳng phải chỉ có thân Phật hiện ra trước chúng thôi đâu!" Ngoài thân Phật, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn thị hiện vô số thân khác để độ thoát chúng sanh.

KINH VĂN:

"Ông xem Ta trải qua biết bao số kiếp cần cù khó nhọc độ thoát những chúng sanh cang cường đầy tội khổ, khó khai hóa như thế.

Còn những kẻ chưa được điều phục, thì phải theo nghiệp mà chịu báo ứng. Nếu họ bị đọa vào đường dữ và chịu nhiều sự thống khổ, thì Ông nên nhớ nghĩ đến Ta ở cung trời Đao Lợi đã ân cần phó chúc, mà làm cho chúng sanh ở thế giới Ta Bà đến lúc Đức Phật Di Lặc xuất thế đều được độ thoát, xa lìa vĩnh viễn mọi điều khổ, được gặp Phật và được thọ ký."

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói tiếp: **"Ông xem Ta trải qua biết bao số kiếp**, suốt một thời gian dài đến nỗi chẳng thể biết được là bao nhiêu lâu, **cần cù khó nhọc..."** Quý vị xem, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lúc nào cũng siêng năng cần mẫn, không bao giờ lười biếng, và chẳng có lúc nào được sung sướng cả! Đức Phật cần cù, không biếng nhác, cũng chẳng mong được hưởng thụ sung sướng, thì tất cả là vì cái gì? Vì Ngài muốn **"độ thoát những chúng sanh cang cường đầy tội khổ, khó khai hóa như thế."**

Quý vị chớ nghĩ rằng có lẽ không có mình trong số những chúng sanh tội khổ, cứng đầu, khó dạy này. Sự thực thì quý vị và tôi đều nằm trong số các chúng sanh đó! Quý vị có biết Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã phí biết bao tâm huyết để giáo hóa chúng ta, độ thoát chúng ta chăng? Thế mà chúng ta đã không biết hổ thẹn lại còn tỏ ra rất đắc ý, cho rằng sự hy sinh đó chẳng có gì đáng kể: "Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có vất vả đôi chút cũng chẳng sao. Tôi không thích học Phật Pháp, cũng chưa muốn tu hành vội! Tôi thích được ngủ nghỉ nhiều hơn!" Rồi cứ thế mà tự mình giảng đạo lý cho mình, tự mình làm luật sư biện hộ cho mình.

"Còn những kẻ chưa được điều phục, chưa được độ thoát**, thì phải theo nghiệp mà chịu báo ứng**, thọ lãnh quả báo**. Nếu họ bị đọa vào đường dữ** (Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh) **và chịu nhiều sự thống khổ, thì Ông nên nhớ nghĩ đến Ta ở cung trời Đao Lợi đã ân cần phó chúc, mà làm cho chúng sanh ở**

thế giới Ta Bà đến lúc Đức Phật Di Lặc xuất thế đều được độ thoát, xa lìa vĩnh viễn mọi điều khổ, được gặp Phật và được thọ ký. Ông hãy nhớ đến những lời dặn dò, gởi gắm tha thiết của Ta ở tại cung trời Đao Lợi này, mà cố gắng độ thoát tất cả chúng sanh trong thế giới Ta Bà kể từ bây giờ cho đến khi Đức Phật Di Lặc ra đời, khiến họ được vĩnh viễn xa lìa mọi khổ não, được gặp chư Phật và được các Ngài thọ ký cho họ làm Phật."

Bây giờ chúng ta nói thêm về Lão Pháp Sư Ấn Quang. Ngài vốn người tỉnh Sơn Tây; sau khi thọ Cụ Túc Giới, Ngài đến núi Phổ Đà "bế quan." Trong suốt thời gian "bế quan" này, từ sáng đến tối Ngài ngồi ngay ngắn, chuyên chú xem tạng Kinh một cách hết sức cung kính. Mỗi khi ra nhà vệ sinh Ngài đều thay y phục và mang dép khác. Sau khi đi vệ sinh và tẩy tịnh xong, Ngài lại thay bộ đồ ấy ra, rồi mặc lại y phục mà Ngài thường mặc lúc xem kinh. Cho dù nhà vệ sinh rất sạch sẽ, Ngài vẫn thay đổi y phục như thế—y phục mặc lúc xem kinh thì không mặc khi vào nhà vệ sinh, còn y phục mặc khi vào nhà vệ sinh thì không mặc lúc vào phòng xem kinh. Từ sáng đến tối, Ngài đều xem kinh sách với một thái độ hết sức cung kính, cẩn trọng. Ngài tu ở đạo tràng Quán Âm Bồ Tát trên núi Phổ Đà suốt mười tám năm ròng, và ngày ngày đều chuyên tâm xem kinh sách, không hề xao lãng.

Sau mười tám năm miệt mài tu học, Lão Pháp Sư Ấn Quang đến Nam Kinh giảng *Kinh A Di Đà*; quý vị có biết thế nào không? Một bậc cao tăng thạc đức như thế, mà giảng kinh lại không có ai đến nghe cả; ngoại trừ một người duy nhất, ngày ngày chăm chỉ đến và ngồi ở băng ghế. Thấy vậy, Lão Pháp Sư nghĩ rằng người này hẳn rất thích nghe giảng, nên một hôm Ngài vui vẻ hỏi han ông ta: "Ông nghe tôi giảng có hiểu hết không?" Sở dĩ Ngài hỏi như thế là vì Ngài vốn người Sơn Tây, khẩu âm hơi khó nghe.

Người ấy trả lời: "Ồ! Thưa Pháp Sư, tôi không hiểu gì cả!"

-"Ông không hiểu ư!? Thế ông ngồi đây làm gì?"

Người ấy đáp: "Tôi đợi Pháp Sư giảng kinh xong để tôi cất dẹp các băng ghế. Tôi là kẻ có phận sự thu dọn băng ghế ở đây chứ không phải đến nghe giảng!"

Chao ôi! Lão Pháp Sư nghe qua thì trong lòng vô cùng đau xót, tự nhủ rằng từ nay sẽ không đến thuyết giảng ở đất Nam Kinh này nữa! Quý vị xem, Ngài giảng kinh chẳng ai đến nghe, có được một người đều đặn đến thì lại không phải để nghe giảng, mà là chờ Ngài giảng xong để cất dẹp các băng ghế!

Về sau, Hội Cư Sĩ Lâm ở Thượng Hải cung thỉnh Lão Pháp Sư Ấn Quang đến giảng *Kinh A Di Đà*; Ngài nhận lời và lần này, khi Ngài thuyết giảng ở Thượng Hải, thì có rất nhiều người đến nghe. Bởi Phật Giáo ở Nam Kinh bấy giờ không được hưng thịnh lắm, cho nên mặc dù Ngài là bậc thạc đức cao tăng, nhưng vì không có người thông báo, phổ biến tin tức, nên chẳng ai biết để đến nghe Ngài thuyết pháp cả. Còn Thượng Hải là nơi có đông đảo đệ tử quy y của Ngài cư ngụ; những người này biết Sư Phụ mình sắp đến giảng Pháp liền loan báo khắp nơi, nên mọi người nô nức rủ nhau đến nghe Pháp rất đông. Trong số thính chúng đó có một cô học sinh trạc mười tám mười chín tuổi, và chưa phải là tín đồ Phật Giáo. Có một đêm nọ cô nữ sinh này nằm mộng, thấy có người mách với cô rằng: "Ngươi nên đến Cư Sĩ Lâm để nghe giảng kinh. Đại Thế Chí Bồ Tát đang hoằng dương Phật Pháp ở đó, và Ngài hiện đang giảng *Kinh A Di Đà*!"

Sáng hôm sau, cô đọc báo, quả nhiên thấy có đăng tin giảng *Kinh A Di Đà* ở Cư Sĩ Lâm và người giảng là Lão Pháp Sư Ấn Quang. Cô kinh ngạc tự hỏi: "Thật kỳ lạ! Sao đêm qua mình nằm mơ lại nghe nói là Đại Thế Chí Bồ Tát giảng *Kinh A Di Đà* kia mà?" Thế là cô ta liền rủ thêm một số bạn học và cùng nhau háo hức đi nghe giảng; và cô còn kể cho họ biết rằng cô chiêm bao thấy vị Pháp Sư này chính là Đại Thế Chí Bồ Tát!

Tuy vậy, cô nữ sinh này cũng không biết Đại Thế Chí Bồ Tát là ai, nên bèn đi hỏi những người am hiểu Phật Pháp hơn. Những người này lại hỏi cô ta đầu đuôi sự việc, vì sao lại hỏi như thế; thì cô đáp: "Tôi mộng thấy có người mách bảo rằng Đại Thế

Chí Bồ Tát đang giảng *Kinh A Di Đà* tại Cư Sĩ Lâm ở Thượng Hải, và bảo tôi hãy đến đó nghe giảng."

Những cư sĩ nghe cô nói như thế bèn nghĩ: "Vị Pháp Sư này có lẽ là Bồ Tát Đại Thế Chí hiện thân đến thật đấy!" Thế là họ tới gặp Lão Pháp Sư Ấn Quang và thưa với Ngài rằng có một nữ sinh nằm mộng thấy có người bảo Ngài chính là Đại Thế Chí Bồ Tát và đang giảng *Kinh Di Đà* ở đây. Lão Pháp Sư liền quở: "Các người chớ nói bậy!" Ngài quở trách những người này một hồi, vì vậy không còn ai dám nhắc đến chuyện đó nữa.

Về sau, cô nữ sinh này cũng quy y với Lão Pháp Sư Ấn Quang. Trong giấc chiêm bao ấy, cô còn được cho biết là vị Đại Thế Chí Bồ Tát này chỉ còn ở lại thêm ba năm nữa mà thôi, và sau đó thì Ngài phải trở về, không ai còn gặp được Ngài nữa. Quả nhiên ba năm sau, nhằm năm Dân Quốc thứ 33, Lão Pháp Sư Ấn Quang viên tịch. Sau khi Ngài viên tịch mọi người mới biết Ngài là Bồ Tát Đại Thế Chí. Sinh thời, Lão Pháp Sư Ấn Quang rất thích chép chương "Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông" trong *Kinh Lăng Nghiêm*; và rất nhiều cư sĩ vẫn còn giữ được những bản chép tay đặc biệt này với chính bút tích của Ngài.

Như vậy, Lão Pháp Sư Ấn Quang là điển hình của một bậc cao tăng thạc đức được khai ngộ trong thời cận đại; cho nên không thể nói là sau khi Phật diệt độ năm trăm năm thì không có bậc A La Hán xuất thế! Kỳ thực, chẳng những A La Hán mà cao hơn cả A La Hán cũng có nữa! Sau khi Lão Pháp Sư Ấn Quang viên tịch và nhục thân được thiêu hóa, thì còn lại rất nhiều Xá Lợi. Người chưa chứng quả hoặc chưa khai ngộ thì không bao giờ có Xá Lợi; có Xá Lợi thì không phải là người thường.

KINH VĂN:

Bấy giờ, các phân thân của Bồ Tát Địa Tạng ở các thế giới hợp lại thành một hình, rơi lệ ai luyến mà bạch Phật rằng: "Từ số kiếp lâu xa đến nay, con nhờ Đức Thế Tôn tiếp độ dắt dìu,

khiến con có được thần lực chẳng thể nghĩ bàn, đầy đủ trí huệ rộng lớn.

Các phân thân của con thị hiện ở khắp trăm ngàn muôn ức thế giới nhiều như cát sông Hằng; trong mỗi thế giới hóa hiện trăm ngàn muôn ức thân, mỗi một thân đó hóa độ trăm ngàn muôn ức người, khiến cho họ quy kính Tam Bảo, vĩnh viễn xa lìa sanh tử, đến được Niết Bàn an lạc.

Những chúng sanh nào ở trong Phật Pháp, dù chỉ làm việc lành bằng chừng một sợi lông, một giọt nước, một hạt cát, một hạt bụi, hoặc mảy lông tơ, con đều độ thoát lần lần, làm cho họ được lợi ích lớn.

Con cúi mong Đức Thế Tôn chớ vì những chúng sanh ác nghiệp đời sau mà sanh lòng lo lắng!" Ngài bạch cùng Đức Phật ba lần như thế.

Lúc ấy, Đức Phật khen ngợi Bồ Tát Địa Tạng rằng: "Lành thay! Lành thay! Ta hộ trợ cho điều Ông muốn để Ông thành tựu được các hoằng thệ nguyện đã lập từ số kiếp lâu xa đến nay. Việc quảng độ xong rồi, Ông liền chứng quả Bồ Đề."

LƯỢC GIẢNG:

Bấy giờ, các phân thân của Bồ Tát Địa Tạng ở các thế giới hợp lại thành một hình. Bồ Tát Địa Tạng từ một thân mà phân thành nhiều thân, rồi từ nhiều thân lại hợp thành một thân. Bởi từ một thân mà có thể biến thành nhiều thân, cho nên "một" thân cũng chính là "nhiều" thân; nhiều thân có thể hợp lại làm một thân, do đó "nhiều" thân cũng là "một" thân. Nói một cách sâu xa hơn, thì không có nhiều thân mà cũng chẳng có một thân!

Bồ Tát Địa Tạng vốn một thân cũng chẳng có. Vì sao lại nói như thế? Vì Ngài đã chứng được "vô ngã"! Nếu Ngài có một cái thân, tức là Ngài có ngã tướng. Chính vì Ngài đã chứng "vô ngã" cho nên tuy là nhiều thân, song nhiều mà chẳng phải nhiều; dù chỉ là một thân, nhưng một mà cũng không phải là một. Do đó, "một" cũng là "nhiều," mà "nhiều" cũng là "một" vậy. Phân thân của Bồ Tát Địa Tạng nhiều vô lượng, mà vô lượng lại hợp thành một, từ một thân mà thành đến vô lượng thân, từ vô lượng thân

lại có thể nhập chung trở lại làm một thân. Như vậy, quý vị nói xem, Bồ Tát Địa Tạng làm sao có thể có một "cái" thân được? Hơn nữa, nếu nói là có cái thân thì Ngài nhiều thân như thế, quý vị nói cái thân nào là của Ngài, và cái thân nào là không phải của Ngài?

Cho nên, có thể nói rằng mỗi phân thân đều là Bồ Tát Địa Tạng, lại cũng có thể nói đó *không* phải là thân của Bồ Tát Địa Tạng. Tại sao nói có thể là thân của Bồ Tát Địa Tạng? Căn cứ vào thân thị hiện của Bồ Tát Địa Tạng thì có thể nói đó là thân của Ngài; nhưng xét về thân "vô tướng" thì Ngài vốn không có thân tướng, do đó mà nói rằng đó không phải là thân của Bồ Tát Địa Tạng.

Lại có thể nói rằng bất cứ người nào phát nguyện học theo gương Bồ Tát Địa Tạng, thì bản thân người đó chính là phân thân của Bồ Tát Địa Tạng, so với Bồ Tát Địa Tạng chẳng có gì khác biệt. Vì sao quý vị phát nguyện muốn noi gương Bồ Tát Địa Tạng? Bởi vì quý vị ngưỡng mộ hành vi, trí huệ, nguyện lực của Ngài. Tại sao quý vị ngưỡng mộ Ngài? Đạo lý này quý vị vốn đã biết rồi, không cần tôi nói ra. Tuy nhiên, vì quý vị không dám thừa nhận là mình đã biết rồi, cho nên nay tôi phải nói rõ, chứng minh quý vị là phân thân của Bồ Tát Địa Tạng. Nếu quý vị thích Bồ Tát Địa Tạng thì quý vị phải thực hành theo chí nguyện của Ngài, làm một phân thân của Ngài. Tuy là phân thân nhưng quý vị có thể y theo Phật Pháp mà tu hành, trở về với tự tánh viên mãn của chính mình, minh tâm kiến tánh, thì lúc đó quý vị sẽ có thần thông, có thể quay về để hợp thành một thể, nhập thành một hình với Địa Tạng Vương Bồ Tát, bấy giờ cũng chính là lúc quý vị trở về với bản nguyên vậy.

Sau khi các phân thân của Bồ Tát Địa Tạng hợp chung lại thành một hình, Ngài **rơi lệ ai luyến ..."** "Ai" là bi ai, buồn bã; "luyến" là lưu luyến, quyến luyến chẳng rời, không đành lìa bỏ. Vì sao Địa Tạng Vương Bồ Tát lại bi ai, thương cảm? Có bốn điều khiến Ngài bi ai:

1) Thứ nhất, Địa Tạng Vương Bồ Tát đau xót bi ai bởi Lục Đạo chúng sanh mải mê gây nghiệp tạo tội, không biết sửa đổi. Tất cả chúng sanh trong các cõi Trời, Người, A-tu-la, Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh do tạo nghiệp tội nên cứ luân hồi luẩn quẩn mãi trong sáu nẻo ấy, không biết hối cải, chẳng biết ăn năn sám hối.

2) Thứ hai, Địa Tạng Vương Bồ Tát bi ai là vì tất cả chúng sanh đều cứng đầu, khó dạy, giảng Phật Pháp cho họ thì họ không muốn nghe, nhưng nếu nói những điều không phải là Phật Pháp thì họ lại vui vẻ theo dõi câu chuyện ngay!

Ví dụ quý vị nói với mọi người rằng: "Anh A là một người có học vấn cao, phẩm hạnh tốt. Anh ta giỏi về mọi mặt, cái gì cũng biết cả!"; thì người ta sẽ không chú ý nghe cho lắm. Thế nhưng, nếu quý vị kể cho họ biết anh A là người xấu xa hư hỏng ra sao, khéo che đậy những hành vi tội lỗi của mình như thế nào để không ai hay biết...; thì ai nấy liền chăm chú theo dõi câu chuyện, nôn nóng muốn biết cách che giấu chuyện xấu của anh ta ra sao.

Thói thường, quý vị nói điều tốt thì chẳng mấy ai chú ý nghe. Chẳng hạn quý vị khuyên: "Các bạn nên chăm chỉ học Phật Pháp," thì không ai để tâm tới và cũng chẳng có ai chịu tu học. Tuy nhiên, nếu quý vị rủ rê: "Hiện nay có một loại thuốc, hễ uống vào thì các bạn sẽ có được một cảm giác rất kỳ diệu," thì sẽ có rất nhiều người tranh nhau để được dùng thử loại thuốc đem lại ảo giác đó ngay. Uống vào rồi thì đầu óc trở nên mơ mơ màng màng, tưởng chừng như mình đang lâng lâng bay bổng đến Cực Lạc Thế Giới vậy! Đó vốn là một thứ thuốc vô cùng độc hại, thế mà người ta nếm một lần rồi thì liền muốn thêm lần nữa, dần dà không biết đến bao nhiêu lần! Trong lúc "say" thuốc, họ cảm thấy cái gì cũng biến đổi, thậm chí trời đất cũng không lớn bằng họ nữa! Thế nhưng, qua khỏi khoảnh khắc phù du đó rồi thì họ liền cảm thấy cơ thể mệt mỏi dã dượi, khó chịu một cách khổ sở, không đau đầu thì cũng nhức xương, tay chân rã rời, nên không muốn làm gì cả, cứ nằm vật vã một chỗ như cái xác không hồn.

Tuy vậy, mặc dù ra đến nông nỗi này, họ cũng chưa tỉnh ngộ, còn thắc mắc: "Tại sao mình lại như thế này?" Đã thế, họ còn cho rằng dùng thêm một ít thuốc ấy nữa thì sẽ được khai ngộ: "Lần này hẳn là thuốc chưa đủ công lực, chưa đủ mạnh. Nếu tăng liều lượng nhiều hơn chút nữa có lẽ mình sẽ được khai ngộ, sẽ thành công!"

Quý vị nói xem, như thế mà không phải là ngu si đến cực điểm thì là gì? Bảo học Phật Pháp thì không học, cứ lén lút sử dụng độc phẩm. Dù biết là phạm pháp, nhưng họ vẫn muốn làm, thích làm và làm cho bằng được; cho nên đó chính là những chúng sanh cứng đầu, ương ngạnh. "Khó dạy" tức là khó uốn nắn, không dễ giáo hóa, không dễ dạy bảo. Quý vị khuyên họ học Phật Pháp thì họ không thích; nhưng nếu quý vị bày cách lừa đảo, lường gạt kẻ khác thì họ liền vui vẻ bám riết, cắm đầu cắm cổ chạy theo ngay. Quý vị thấy đó, lòng dạ của chúng sanh là như thế!

Vậy, nỗi bi ai thứ hai của Địa Tạng Vương Bồ Tát chính là đau xót vì chúng sanh cứng đầu, khó giáo hóa, khó điều phục.

3) Nỗi bi ai thứ ba của Bồ Tát Địa Tạng là gì? Đó là "mặt trời trí huệ" (huệ nhật) Như Lai sắp lặn. Phật ví như vầng thái dương, cho nên Phật sắp nhập Niết Bàn thì chẳng khác nào mặt trời trí huệ sắp lặn mất; do đó Bồ Tát Địa Tạng lấy làm bi ai.

4) Nỗi bi ai thứ tư của Bồ Tát Địa Tạng là gì? Là việc dặn dò trọng đại ở Đao Lợi Thiên Cung. Tại cung trời Đao Lợi, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ân cần căn dặn Bồ Tát Địa Tạng rằng cho đến trước khi Đức Phật Di Lặc ra đời, Ngài hãy giáo hóa, độ thoát tất cả chúng sanh và khiến họ được gặp chư Phật, được Phật thọ ký. Đây là một nhiệm vụ vô cùng quan trọng. Đức Phật Thích Ca Nâu Ni đã giao phó trọng trách này cho Bồ Tát Địa Tạng, và đây cũng chính là nỗi bi ai thứ tư của Ngài.

Các phân thân của Bồ Tát Địa Tạng hợp chung lại thành một thân, rồi rơi nước mắt **mà bạch Phật rằng: "Từ số kiếp lâu xa đến nay, con nhờ Đức Thế Tôn tiếp độ dắt dìu,** được mười phương chư Phật từ bi tiếp dẫn, **khiến con có được thần lực**

chẳng thể nghĩ bàn (thứ thần lực không thể dùng tâm trí để nghĩ suy, không thể dùng ngôn ngữ để luận bàn) và được **đầy đủ trí huệ rộng lớn."**

"Thần" là thần diệu khôn lường. "Thần lực" là thứ sức mạnh thần diệu, mầu nhiệm khôn lường, quý vị không có cách gì biết được. Muốn cứu độ chúng sanh thì quý vị cần phải có thần lực; song nếu chỉ có thần lực mà không có trí huệ, thì cũng không được; cho nên quý vị cần phải có đầy đủ đại trí đại huệ nữa. Chúng ta dùng đại trí huệ để chi phối thần lực, và dùng thần lực để hỗ trợ trí huệ (trí huệ và thần lực hỗ tương hợp tác, tương trợ lẫn nhau) nhờ vậy mới có thể cứu độ chúng sanh.

"Các phân thân của con thị hiện ở khắp trăm ngàn muôn ức thế giới nhiều như cát sông Hằng, chẳng có nơi nào mà con không hiện thân tới**. Trong mỗi thế giới hóa hiện trăm ngàn muôn ức thân, mỗi một thân đó hóa độ trăm ngàn muôn ức người."** Ở mỗi thế giới, Địa Tạng Vương Bồ Tát đều phân thành vô lượng, vô biên thân; và mỗi phân thân của Ngài có thể độ thoát cả trăm ngàn vạn ức chúng sanh, **"khiến cho họ quy kính Tam Bảo."** Vì sao phải quy kính Tam Bảo? Vì tất cả chúng sanh khi chưa quy y Tam Bảo đều được xem là còn "ở bên ngoài." Ở bên ngoài của cái gì? Đó là ở bên ngoài Phật Pháp. Quy y Tam Bảo rồi tức là đã bỏ tà theo chánh, từ bỏ bóng tối u ám để trở về với ánh sáng quang minh. Do đó, mọi người đều cần phải quy kính Tam Bảo (quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng).

"Vĩnh viễn xa lìa sanh tử, đến được Niết Bàn an lạc: chứng được bốn cái vui Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của cõi Niết Bàn**."**

"Những chúng sanh nào ở trong Phật Pháp, dù chỉ làm việc lành bằng chừng một sợi lông, một giọt nước, một hạt cát, một hạt bụi, hoặc mảy lông tơ ..." Việc thiện mà bằng "một sợi lông" tức là một việc thiện nhẹ nhất, bằng "một giọt nước" là ám chỉ một việc thiện nhỏ nhất, bằng "một hạt cát, một hạt bụi" là chỉ cho một việc thiện vi tế nhất. "Một sợi lông, một giọt nước, một hạt cát, một hạt bụi" là tượng trưng cho sự ít nhất,

nhẹ nhất, vi tế nhất, nhỏ bé nhất. Quý vị có biết một sợi lông nặng bao nhiêu không? Rất là nhẹ, có thể nói là nhẹ nhất. Một giọt nước thì quá ít ỏi, một hạt cát thì rất vi tế, và một hạt bụi thì vô cùng nhỏ bé. Khi giảng *Kinh Lăng Nghiêm*, tôi đã giảng về "lân hư trần" - nếu lấy một hạt bụi (vi trần) mà chúng ta nhìn thấy được đem phân làm bảy phần, thì biến thành "lân hư trần" - đó là thứ nhỏ nhất, vô cùng nhỏ.

"Mảy lông tơ" thì nhỏ hơn "một sợi lông" - sợi lông thì cũng như sợi tóc vậy, cũng là một loại rất nhỏ; song lông tơ trên thân người thì còn nhỏ hơn nữa.

Vậy, Địa Tạng Vương Bồ Tát bạch Phật rằng: "Tất cả chúng sanh dù chỉ làm được rất ít việc lành, hoặc việc lành mà họ làm được thì rất nhỏ nhoi, nên họ chỉ gieo trồng được thứ thiện căn cũng ít ỏi và nhỏ nhoi như thế mà thôi, thì **con đều độ thoát lần lần, làm cho họ được lợi ích lớn.** Con sẽ nghĩ cách để dần dần độ họ, khiến cho họ được xa lìa khổ não, đạt sự an vui**.**" Thế nào gọi là "lợi ích lớn" (đại lợi)? Có phải giàu to, phát tài tức là "được lợi ích lớn" không? Phát tài không phải là "được lợi ích lớn"! Vậy thì làm quan chăng? Cũng không phải!

"Được lợi ích lớn" tức là được thành Phật! Quý vị nghĩ cái "lợi ích" này có lớn lao không? Ai có thể giúp cho quý vị thành Phật? Chính là Địa Tạng Vương Bồ Tát—với đại thần lực và đại trí huệ, Địa Tạng Vương Bồ Tát dùng vô số diệu pháp không thể nghĩ bàn để giáo hóa, khiến cho quý vị dù không muốn tiếp nhận cũng không được. Cho dù quý vị muốn bỏ cuộc và nói rằng: "Tôi không học Phật Pháp nữa," nhưng quý vị cũng không có cách nào từ bỏ được - sự vi diệu chính là ở chỗ này. Ai mà có thể làm cho quý vị trở thành như thế? Chính là Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát, vị đại thiện tri thức của chúng ta. Ngài có rất nhiều phương pháp diệu dụng có thể mang lại những lợi ích to tát cho chúng sanh.

Địa Tạng Vương Bồ Tát bạch Phật tiếp: **"Con cúi mong Đức Thế Tôn chớ vì những chúng sanh ác nghiệp đời sau mà sanh lòng lo lắng!" Ngài bạch cùng Đức Phật ba lần như thế.**

Ước nguyện duy nhất của Địa Tạng Vương Bồ Tát là mong sao Đức Phật khỏi phải lo nghĩ về những chúng sanh tạo nghiệp ác trong đời sau. Vì sao Bồ Tát Địa Tạng lại trấn an Đức Phật, xin Phật chớ lo lắng nữa? Ở đây, ý của Địa Tạng Vương Bồ Tát là: "Đó là trách nhiệm của con. Xin Đức Thế Tôn hãy giao phó trách nhiệm này cho con. Xin Đức Thế Tôn chớ lo nghĩ nữa; vì nếu tất cả chúng sanh không thành Phật thì con cũng không thành Phật. Bởi con đã lập nguyện 'Địa ngục vị không thệ bất thành Phật, chúng sanh độ tận phương chứng Bồ Đề,' thế nên con thỉnh cầu Đức Thế Tôn đừng bận tâm lo lắng nữa; con sẽ gánh vác trách nhiệm này."

Địa Tạng Vương Bồ Tát bạch với Đức Phật như vậy và lập đi lập lại đến ba lần - đó là biểu thị tầm trọng yếu và trân trọng của sự việc. Nếu chỉ nói một lần thì tỏ ra mình không hết lòng tận tụy với trách nhiệm, nói hai lần thì chưa đủ thành khẩn, cho nên để bày tỏ lòng trân trọng đối với sự việc này, Địa Tạng Vương Bồ Tát mới bạch với Phật đến ba lần, rằng: "Con cúi mong Đức Thế Tôn chớ vì những chúng sanh ác nghiệp đời sau mà sanh lòng lo lắng! Xin Đức Thế Tôn đừng ưu tư lo nghĩ về các chúng sanh hậu thế tạo tội gây nghiệp, bởi đã có con là Địa Tạng đứng ra chịu trách nhiệm hoàn toàn. Con nhất định sẽ độ tất cả chúng sanh nhiều nghiệp ác đó được thành Phật."

Nói đến đây, quý vị nghĩ lại xem chúng ta có nên mừng cho chính mình hay không? Chúng ta tạo nghiệp tội nhiều như thế mà vẫn có cơ hội được thành Phật; vì sao vậy? Mấy hôm trước tôi có dự tính mua bảo hiểm cho người này người nọ, bây giờ thì có người mua bảo hiểm cho chúng ta rồi; người đó là ai? Chính là Địa Tạng Vương Bồ Tát! Ngài đã bảo chứng trước rằng những chúng sanh tạo nhiều ác nghiệp như chúng ta đều có thể thành Phật - như thế thì cũng như Ngài mua bảo hiểm cho chúng ta vậy. Vì thế, chúng ta, những người hiện đang nghe giảng *Kinh Địa Tạng*, đều không phải lo âu nữa, mà hãy vui vẻ lên, vì tất cả chúng ta đều có cơ hội được thành Phật. Vì sao? Vì từ trước, Bồ Tát Địa Tạng đã bảo đảm cho chúng ta đều được thành Phật -

Ngài hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc này. Nếu chúng ta không thành Phật, Địa Tạng Vương Bồ Tát cũng không chứng Bồ Đề; cho nên chúng ta đều nên phấn chấn, vui mừng.

Hôm nay giảng đến đoạn kinh văn này, tôi cũng cảm thấy rất hoan hỷ và có làm một bài hát bằng tiếng Anh. Bài hát này có tựa đề là "Tôi Rất May Mắn Gặp Được Thiện Tri Thức." Vị Thiện Tri Thức đó là ai? Chính là Địa Tạng Vương Bồ Tát! Chúng ta được gặp Ngài và được Ngài đứng ra làm người bảo chứng, đoan chắc rằng chúng ta sẽ được thành Phật. Làm sao chúng ta biết được? Căn cứ vào câu nói mà Ngài trân trọng nhắc lại đến ba lần với Đức Phật: "Con cúi mong Đức Thế Tôn chớ vì những chúng sanh ác nghiệp đời sau mà sanh lòng lo lắng"; chúng ta có thể thấy được ân đức của Bồ Tát Địa Tạng đối với chúng ta vốn cao như trời, dày như đất. Ân đức ấy quá thâm sâu, quá cao dày; còn "cao hơn núi Tu Di và kiên cố hơn núi Tu Di" nữa. Cảnh giới của Bồ Tát Địa Tạng thật không thể nghĩ bàn vậy.

Lúc ấy, vừa nghe Bồ Tát Địa Tạng bảo chứng là tất cả chúng sanh sẽ sớm thành Phật, **Đức Phật** Thích Ca Mâu Ni quá đỗi vui mừng nên buột miệng **khen ngợi Bồ Tát Địa Tạng rằng: "Lành thay! Lành thay!** Tốt lắm! Tốt lắm!" Đức Phật nói hai lần như thế. Bồ Tát Địa Tạng bạch Phật ba lần, Phật khen ngợi Bồ Tát hai lần "lành thay, lành thay"; như vậy chứng tỏ Phật đặc biệt xem trọng Bồ Tát Địa Tạng - Địa Tạng Vương Bồ Tát xứng đáng là một vị Đại Bồ Tát!

"Ta hộ trợ cho điều Ông muốn để Ông thành tựu được các hoằng thệ nguyện đã lập từ số kiếp lâu xa đến nay."

Đức Phật nói: "Ta sẽ giúp Ông việc gì nào? Ta hoan hỷ giúp Ông những việc mà Ông thích, để cho các thệ nguyện rộng lớn mà Ông đã lập từ vô số kiếp lâu xa trở lại đây đều chóng được thành tựu."

"Hoằng thệ nguyện" là những lời thệ nguyện rộng lớn; tiêu biểu là Tứ Hoằng Thệ Nguyện:

Chúng sanh vô biên, nguyện độ hết
Phiền não vô tận, nguyện trừ sạch

Pháp môn vô lượng, nguyện học trọn
Phật Đạo vô thượng, nguyện thành tựu
(Chúng sanh vô biên, thệ nguyện độ,
Phiền não vô tận, thệ nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng, thệ nguyện học,
Phật Đạo vô thượng, thệ nguyện thành.)

Chúng sanh vô biên, nguyện độ hết (*Chúng sanh vô biên, thệ nguyện độ)*. Mỗi người chúng ta đều nên tự phản tỉnh: "Chúng sanh vô biên, nguyện độ hết ,thế thì mình hiện đang độ người ta hay là người ta đang độ mình? Mình có độ được chúng sanh chăng? Có phải ban đầu mình tin theo đạo Phật nhưng sau đó lại bị tôn giáo khác độ mất?" Có thể là sau khi quý vị tin theo đạo Phật thì được nghe nói về việc Chúa Giê Su bị đóng đinh trên thập tự giá thật cao cả, vĩ đại, nên quí vị lại muốn theo đạo Thiên Chúa. Nếu thế, thì đó là quý vị bị người độ, chứ không phải là quý vị độ được người!

Vậy, chúng ta phải thường xuyên tự xét xem mình có đang độ vô biên chúng sanh, đoạn vô tận phiền nã, học vô lượng Pháp môm, và sẽ chứng đắc Phật Đạo vô thượng hay chăng.

Phiền não vô tận, nguyện trừ sạch (*Phiền não vô tận, thệ nguyện đoạn*). Chúng ta cần phải tự vấn: "Mình đã dứt sạch phiền não chưa? Nếu người nào hơi nặng lời với mình một chút thì mình có sanh lòng sân hận hay không? Có dấy khởi cái tâm đại vô minh hay không?" Quý vị cần phải quán xét, xem mình có như vậy hay không. Nếu có tức là quý vị chưa đoạn trừ được phiền não; còn nếu không có thì cũng chưa thể khẳng định được là quý vị đã hết phiền não! Phải chờ cơ hội để thử thách thì mới biết chắc được quý vị có thật sự dứt sạch phiền não hay chưa!

Nếu không dứt trừ phiền não thì việc học Phật Pháp chỉ là hình thức; phải đoạn trừ được phiền não thì mới là chân cchánh lãnh hội được nội dung của Phật Pháp, thực sự tiến vào "biển lớn" Phật Pháp.

Pháp môn vô lượng, nguyện học trọn (*Pháp môn vô lượng, thệ nguyện học*). Đường vào Phật Pháp thì vô lượng, vô biêm, là có tám vạn bốn ngàn pháp môn, song đó chỉ là một con số tổng thể, chung chung; chứ thực tế làm sao chỉ có tám vạn bốn ngàn mà thôi được? Kỳ thực, có đến vô lượng vô biên pháp môn, cho nên nói "Pháp môn vô lượng, thệ nguyện học."

Quý vị chớ nghĩ rằng mình học *Chú Lăng Nghiêm* và thuộc được *Chú Lăng Nghiêm* là đủ rồi! Phải biết rằng *ĐạiTạng Kinh* trong Phật Giáo ví như đại dương mênh mông vậy, không thể chỉ mới học được đôi chút bằng chừng một giọt nước, một mảy lông, một hạt cát hay một hạt bụi, mà có thể hiểu rõ được Phật Pháp. Nếu quý vị thực sự thấu suốt Phật Pháp và được uống nước của biển Phật Pháp, nếu chỉ một hớp mà có thể thể uống cạn hết nước trong biển ấy, thì tức là quý vị hiểu được Phật Pháp; nhưng nếu một hớp mà không uống cạn được nước biển đó thì còn phải học tập rất nhiều!

Phật Đạo vô thượng, nguyện thành tựu *(Phật Đạo vô thượng, thệ nguyện thành)*. Không cần chứng minh thì cũng biết là chúng ta chưa thành Phật; bởi nếu thành Phật rồi thì chúng ta không còn thắc mắc gì nữa, mọi vấn đề đều đã được giải quyết xong xuôi. Do đó, chúng ta chớ nên chưa thành Phật mà lại tự mạo xưng mình là Phật! Như có người khoác lác: "Này, không phải chỉ một mình tôi là Phật thôi đâu, ông cũng là Phật nữa đấy! *Everybody is a Buddha!*" Những người như thế là "Phật" gì? Là "Phật" phiền não, "Phật" tham lam, "Phật" sân hận, hay là "Phật" si mê? Họ là vị "Phật" nào? Cho nên, hạng người dám thốt ra những lời ngạo mạn như thế quả thật là không biết hổ thẹn! Quý vị không nên chạy theo hạng người lầm lạc mà cứ tưởng mình là đúng đó (những kẻ chưa thành Phật mà dám nói mình là Phật, chưa đắc Đạo mà dám nói là đã đắc Đạo) đừng bao giờ bắt chước những kẻ "tăng thượng mạn" ấy.

Đức Phật lại bảo Địa Tạng Vương Bồ Tát: **"Việc quảng độ xong rồi,** một khi hoàn tất việc cứu độ chúng sanh rộng lớn ấy, **Ông liền chứng quả Bồ Đề."**

Vậy thì lúc ấy là lúc nào? Bao giờ Địa Tạng Vương Bồ Tát mới chứng được đạo quả Bồ Đề? Không có thời điểm chính xác, có thể là cho đến lúc cùng tận của đời vị lai. Như thế là Địa Tạng Vương Bồ Tát sẽ chẳng bao giờ chứng được Bồ Đề sao? Điều này thì quý vị khỏi phải bận tâm, bởi thật ra, Địa Tạng Vương Bồ Tát đã chứng quả Bồ Đề từ nhiều kiếp lâu xa về trước rồi. Nếu chưa chứng đắc đạo quả Bồ Đề thì Ngài không thể nào có được thần lực và trí huệ quảng đại đến thế, đây quả là một thứ cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Cho nên, quý vị chớ lo rằng Địa Tạng Vương Bồ Tát sẽ không khi nào chứng được Bồ Đề, Ngài đã chứng Bồ Đề từ lâu lắm rồi! Bây giờ là Ngài chỉ còn đợi cho quý vị chứng quả Bồ Đề, đợi tôi chứng quả Bồ Đề và đợi cho tất cả chúng sanh đều chứng quả Bồ Đề nữa mà thôi. Do đó, chúng ta cần phải tinh tấn, dõng mãnh tu học để sớm chứng được đạo quả Bồ Đề.

"Bồ Đề" là gì? Tại sao chúng ta cần phải "chứng Bồ Đề"? Và "chứng Bồ Đề" để làm gì? "Bồ Đề" là phiên âm từ tiếng Phạn, và được dịch là "giác." Thế thì, "giác" nghĩa là gì? "Giác" là tỉnh thức, sáng suốt, không mê muội hồ đồ. Vừa rồi có người nói rằng "giác" tức là không còn vô minh, đúng đấy! Chúng ta phải mau mau đoạn trừ những vô minh của mình thì mới mong sớm chứng được đạo quả Bồ Đề!

KINH ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỔN NGUYỆN THIỂN THÍCH

Quyển Thượng

Phẩm Thứ Ba

QUÁN CHÚNG SANH NGHIỆP DUYÊN

Đây là phẩm thứ ba, nói về các nghiệp duyên của chúng sanh.

"Quán" là quán sát, xem xét.

Thế nào gọi là "chúng sanh"? "Chúng" có nghĩa là nhiều; "sanh" tức là sinh ra. Bởi do năm nhân tố (Sắc (hình sắc), Thọ (cảm thọ), Tưởng (suy nghĩ), Hành (hành vi), Thức (ý thức)) buộc ràng mà tạo thành thân thể, và do tác động của nhân duyên cảnh giới mà sinh ra, nên gọi là "chúng sanh."

Vì sao có "nghiệp"? "Nghiệp" là do thân (hành vi), khẩu (miệng - lời nói) hoặc ý (tư tưởng) gây tạo ra. Nói là "tạo ra," thì tại sao không gọi đó là "nhân" (nguyên nhân), mà lại gọi là "nghiệp"? "Nhân" chỉ có nghĩa là một loại nguyên nhân, lý do của một lần tạo tác mà thôi; còn "nghiệp" là tập hợp do các "nhân" tích lũy lại mà thành. Bởi trong "nghiệp" bao gồm quá nhiều loại "nhân" nên không thể gọi đó là "nhân" nữa, mà gọi là "nghiệp."

"Duyên" là nhân duyên, sự đưa đẩy dẫn đến việc tạo nghiệp. Nhân duyên tạo nghiệp thì nhiều vô số, mỗi chúng sanh đều có một nghiệp duyên khác biệt, cho nên cảnh giới mà mỗi chúng

sanh gặp phải cũng không đồng nhất. Chẳng hạn, có chúng sanh thì lúc nào cũng được vui sướng, may mắn; vì sao? Đó là do trong các đời trước chúng sanh ấy trồng toàn "nhân lành" (thiện nhân), cho nên đời này được hưởng "quả lành" (thiện quả). Lại có những chúng sanh thường phải sống trong cảnh khổ sở khốn cùng, là vì sao? Đó là vì trong đời trước các chúng sanh ấy không hề gieo "nhân lành," mà chỉ trồng toàn "nhân xấu" (ác nhân); các "nhân xấu" ấy tích lũy lâu ngày trở thành "nghiệp xấu" (ác nghiệp), do đó đời này phải chịu quả báo khổ sở.

Ở đời, trồng thiện nhân thì được thiện quả; gieo ác nhân tất gặp ác báo. Thiện hay ác, tốt hay xấu, thì đều do cá nhân mỗi người tự gây tự tạo, chứ không phải do ai khác chỉ thị, sai khiến. Ngay cả việc thành Phật cũng vậy, chính bản thân quý vị phải nỗ lực dụng công tu tập để có được sự thành tựu, chứ không ai có thể làm thay cho quý vị được cả! Cho nên, nếu bây giờ quý vị tinh tấn dụng công tu hành tức là quý vị đang tinh tấn gieo trồng "nhân" Phật, và trong tương lai quý vị sẽ được thành Phật (tức là kết thành "quả" Phật). Nói cách khác, hễ quý vị tạo Phật nghiệp thì tương lai sẽ thành Phật, còn nếu tạo ma nghiệp thì tương lai chắc chắn sẽ làm ma làm quỷ!

KINH VĂN:

Lúc đó, Đức Phật Mẫu Ma Da Phu Nhân cung kính chắp tay hỏi Bồ Tát Địa Tạng rằng: "Thánh Giả! Chúng sanh trong cõi Diêm Phù tạo nghiệp sai khác, cảm thọ sự báo ứng như thế nào?"

Ngài Địa Tạng đáp rằng: "Trong ngàn muôn thế giới cho đến các quốc độ, nơi có địa ngục hoặc không địa ngục, nơi có người nữ hoặc không người nữ, nơi có Phật Pháp hoặc không Phật Pháp, cho đến cả Thanh Văn và Bích Chi Phật cũng đều như thế, chứ chẳng phải riêng tội báo nơi địa ngục thôi đâu!"

LƯỢC GIẢNG:

Lúc đó, Đức Phật Mẫu Ma Da Phu Nhân... Ma Da Phu Nhân là mẹ của Đức Phật Thích Ca. Sau khi hạ sanh Đức Phật

(Thái Tử Tất Đạt Đa) được mấy hôm thì Bà qua đời và được sanh lên cõi trời. (Vì Phật được sanh ra từ cạnh sườn bên trái của mẹ, nên có lẽ là do mất máu quá nhiều mà Phật Mẫu qua đời.) Thành Đạo rồi, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại đi khắp nơi thuyết Pháp trong suốt bốn mươi chín năm, với hơn ba trăm Pháp Hội giảng Kinh. (Tôi nhắc lại lần nữa là hơn ba trăm Pháp Hội chứ không phải là ba trăm bộ Kinh như người nào đó đã nói hôm trước. Kinh Phật thì không phải chỉ vỏn vẹn có ba trăm bộ, mà là có đến cả mấy ngàn bộ!) Đến khi sắp nhập Niết Bàn, Đức Phật nhớ tới mẫu thân chưa được độ, bèn đến cung trời Đao Lợi để thuyết Pháp cho Bà nghe. Và bây giờ, thân mẫu của Đức Phật đang **cung kính chắp tay.** Đức Phật Mẫu tỏ ra cung kính như thế đối với ai? Đối với Địa Tạng Vương Bồ Tát!

Phật Mẫu chắp hai tay lại và kính cẩn **hỏi Bồ Tát Địa Tạng rằng: "Thánh Giả! Chúng sanh trong cõi Diêm Phù tạo nghiệp sai khác, cảm thọ sự báo ứng như thế nào?** Tất cả chúng sanh ở cõi Nam Diêm Phù Đề gây tạo nghiệp nhân đều không giống nhau, vậy chẳng hay quả báo mà họ thọ nhận thì sai khác ra sao?"

Ngài Địa Tạng đáp rằng: "Trong ngàn muôn thế giới cho đến các quốc độ, nơi có địa ngục hoặc không địa ngục..." Thế giới Cực Lạc là một thí dụ điển hình cho nơi không có địa ngục, không có ba đường ác; còn thế giới Ta Bà của chúng ta thì có ba đường ác - Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh.

"Nơi có người nữ hoặc không người nữ." Thế giới của chúng ta này đây thì có người nam và cũng có người nữ, có bậc Thánh nhân và cũng có kẻ phàm phu; còn ở thế giới Cực Lạc thì chỉ có người nam chứ không có người nữ. Thế thì, không có người nữ thì làm sao lại có người nam được? Quý vị chớ vội lo âu, người nam sanh về thế giới Cực Lạc thì vẫn là người nam; mà người nữ sanh về thế giới Cực Lạc thì cũng biến thành người nam cả. Như vậy, người ở thế giới Cực Lạc là từ đâu đến? Do ai sanh ra? Điều này có lẽ quý vị chưa hề biết tới, người ở thế giới

Cực Lạc đều là "liên hoa hóa thân," tức là được sanh ra từ hoa sen chứ không phải từ bụng mẹ!

Vì sao chúng ta niệm Phật? Ở đây quý vị niệm một tiếng Phật thì tại thế giới Cực Lạc, "bà mẹ hoa sen" (liên hoa mẫu thân) của quý vị sẽ được trổ sanh; và hễ quý vị niệm Phật càng nhiều thì hoa càng lớn, niệm Phật càng thành tâm thì hoa càng tươi tốt. Nếu quý vị niệm Phật một cách thiết tha, thành khẩn, thì sau khi chết, "thân trung ấm" của quý vị (tức là "thức thứ tám"; song lúc chưa làm người, làm quỷ hoặc làm thần, thì gọi là "thân trung ấm") sẽ được tiếp dẫn vào trong hoa sen đó và hoa liền nở rộ, hoa vừa nở thì quý vị được sanh ra. Do đó, người ở thế giới Cực Lạc đều được sanh ra từ hoa sen, và tất cả đều là nam, không có nữ.

"Nơi có Phật Pháp hoặc không Phật Pháp." Có những quốc gia hoặc thế giới đương có Phật thuyết Pháp, có Phật Pháp trụ thế; và cũng có những nơi chẳng hề có sự hiện diện của Phật Pháp. Thế nào gọi là "nơi không Phật Pháp"? Đó là những nơi không có người giảng Kinh thuyết Pháp, không có tượng Phật, không có kinh điển, hoặc không có người xuất gia tu hành. Căn cứ theo kinh điển Phật Giáo thì ở châu Bắc Câu Lư không có Phật Pháp, và châu Bắc Câu Lư chính là một nơi trong Bát Nạn. "Bát Nạn" là gì? Đó là tám chỗ chướng nạn, khó khăn; nếu chẳng may sanh vào tám cảnh ngộ này thì không được thấy Phật nghe Pháp, chẳng thể tu học thành Đạo.

"Cho đến cả Thanh Văn và Bích Chi Phật (thậm chí có Thanh Văn hoặc không có Thanh Văn, có Bích Chi Phật hoặc không có Bích Chi Phật, có Bồ Tát hoặc không có Bồ Tát) thì **cũng đều như thế, chứ chẳng phải riêng tội báo nơi địa ngục thôi đâu!"** Với cái nhìn hạn hẹp của phàm phu chúng ta thì hàng Thanh Văn rất vui sướng; nhưng đối với cảnh giới của hàng Bồ Tát thì Thanh Văn cũng có cái khổ của Thanh Văn. Cho nên, ở đây chúng ta có thể giảng là "có khổ của Thanh Văn hoặc không có khổ của Thanh Văn, có khổ của Bích Chi Phật hoặc không có khổ của Bích Chi Phật."

Vậy, không phải chỉ có tội báo ở địa ngục là bình đẳng như nhau, mà bất luận ở nơi đâu và bất luận là ai, hễ người nào tạo nghiệp thì người đó phải chịu quả báo, không tạo nghiệp thì không bị quả báo, tất cả đều rất công bằng bình đẳng, chẳng chút thiên vị riêng tư!

KINH VĂN:

Ma Da Phu Nhân lại bạch cùng Bồ Tát rằng: "Nay tôi muốn nghe về tội báo trong cõi Diêm Phù chiêu cảm lấy ác đạo."

Ngài Địa Tạng đáp rằng: "Thánh Mẫu! Mong Ngài lắng nghe nhận lấy, tôi sẽ lược nói việc đó."

Phật Mẫu bạch rằng: "Xin Thánh Giả nói cho."

Bấy giờ Địa Tạng Bồ Tát nói với Thánh Mẫu rằng: "Danh hiệu của những tội báo trong cõi Nam Diêm Phù Đề là như vầy: Như có chúng sanh chẳng hiếu thảo với cha mẹ, cho đến giết hại cha mẹ, kẻ đó phải đọa vào địa ngục Vô Gián trong ngàn muôn ức kiếp, không lúc nào mong ra khỏi được."

LƯỢC GIẢNG:

Ma Da Phu Nhân, mẫu thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, **lại bạch cùng Bồ Tát rằng: "Nay tôi muốn nghe về tội báo trong cõi Diêm Phù chiêu cảm lấy ác đạo."**

Lúc bấy giờ, Phật Mẫu lại thưa với Địa Tạng Vương Bồ Tát rằng: "Những thế giới khác đối với tôi thì xa xôi cách trở quá, và tôi cũng chưa hề đặt chân đến đó bao giờ; mà dẫu có đến rồi thì tôi cũng đã quên bẵng, cho nên tôi cũng không thắc mắc gì về các nơi ấy. Tôi nay chỉ muốn hỏi Ngài về chuyện ở cõi Nam Diêm Phù Đề. Tôi muốn biết về sự chiêu cảm lấy ác đạo do tội báo ở cõi Nam Diêm Phù Đề, và tạo nghiệp tội gì thì phải chịu quả báo gì. Tôi rất khao khát lắng nghe, xin Thánh Giả vì tôi mà thuyết giảng cho!"

Nghe mẫu thân của Phật thỉnh cầu như vậy, **Ngài Địa Tạng đáp rằng: "Thánh Mẫu! Mong Ngài lắng nghe nhận lấy, tôi sẽ lược nói việc đó.** Tôi mong rằng Thánh Mẫu sẽ tiếp thọ những

đạo lý mà tôi sắp nói đây. Song, tôi chỉ nói sơ lược thôi, chứ không thể giảng kỹ từng chi tiết một, vì nếu giảng kỹ thì suốt cả mấy đại kiếp giảng cũng không hết được. Cho nên, tôi chỉ nói khái quát mà thôi!"

Phật Mẫu bạch rằng: "Xin Thánh Giả nói cho." Thấy Địa Tạng Vương Bồ Tát hoan hỷ nhận lời thỉnh cầu của mình thì Phật Mẫu vui mừng reo lên: "Tôi rất sung sướng và sẵn sàng đón nghe lời giảng của Bồ Tát!"

Bấy giờ Địa Tạng Bồ Tát nói với Thánh Mẫu rằng: "Danh hiệu của những tội báo trong cõi Nam Diêm Phù Đề là như vầy..." Bây giờ Bồ Tát Địa Tạng bắt đầu kể tên của những tội báo mà chúng sanh trót gây tạo ở cõi Nam Diêm Phù Đề và rồi chiêu cảm ra các cảnh địa ngục:

"Như có chúng sanh chẳng hiếu thảo với cha mẹ, cho đến giết hại cha mẹ, kẻ đó phải đọa vào địa ngục Vô Gián trong ngàn muôn ức kiếp, không lúc nào mong ra khỏi được." Giả sử có chúng sanh nào bất hiếu, thậm chí nhẫn tâm sát hại cả cha và mẹ của mình, thì kẻ đó phải vĩnh viễn ở trong địa ngục Vô Gián mà đền tội, chẳng bao giờ được thoát ra.

Chúng sanh chúng ta có bổn phận phải hiếu thảo với cha mẹ. Không hiếu thảo với cha mẹ là đã có tội rồi, huống chi là giết hại cha mẹ!? Đó đều là những tội ác tày trời. Chúng ta làm người thì phải biết ăn ở cho hiếu thảo với cha mẹ, chu toàn bổn phận làm con. Tại sao con người cần phải lo tròn hiếu đạo? Hiếu thảo là gốc của con người; nếu không hiếu thảo với cha mẹ tức là quên mất nguồn cội. Có câu:

"*Cha cho sự sống, mẹ đẻ dưỡng* nuôi
công *ơn bao la, kh*ó *trọn b*áo đáp "
(Phụ hề sanh ngã mẫu hề dục ngã
hạo thiên vong cực, toát phát nan báo)

Nghĩa là cha cho ta sự sống, mẹ sinh đẻ dưỡng nuôi, công ơn ấy bao la không bờ bến, còn cao hơn trời và dày hơn đất nữa; chúng ta khó thể báo đáp cho trọn vẹn. "Hạo thiên" tức là bầu

trời cao rộng hơn hết; song, dù cao đến đâu, rộng đến thế nào, thì cũng không thể sánh bằng công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ. Cho nên, là kẻ làm con, chúng ta nhất định phải hiếu thuận cha mẹ.

Thế nào gọi là hiếu thuận cha mẹ? Phải chăng ngày ngày chúng ta mua cho cha mẹ vài món ngon vật lạ, dăm bộ quần áo mới, tức là có hiếu rồi? Chưa phải! Đó chỉ là "hình thức," là lớp vỏ ngoài của sự hiếu thuận mà thôi. Vậy thì "nội dung" của hiếu thuận là gì? Chúng ta phải "lấy thuận làm hiếu", chiều theo tâm ý và nguyện vọng của cha mẹ mình. Cha mẹ vui thì mình cũng nên vui, những gì cha mẹ yêu thích thì mình cũng nên mến chuộng.

Có người vừa nghe như thế liền nói: "Như thế tức là hiếu thuận ư? Cha tôi thích hút thuốc phiện, mỗi ngày hút hết một lạng; nay tôi hút mỗi ngày hai lạng thuốc tức là tôi có hiếu lắm rồi, vì tôi biết thuận theo sở thích của cha tôi!" Đó có phải là "thuận" không? Không phải! "Thuận" là thuận theo tâm ý chứ không phải thuận về chuyện hút xách, ăn uống. Thí dụ, thấy cha mình thích ăn bánh mì bơ, mình cũng muốn giành ăn: "Con cũng thích món này. Ba để con ăn trước, con ăn no rồi thì ba hẵng ăn!" Đó gọi là "tranh" chứ không phải "thuận." "Thuận" ở đây tức là thuận theo những ước muốn chánh đáng của bậc cha mẹ đối với con cái. Chúng ta phải tìm hiểu tâm nguyện cũng như sở thích của cha mẹ để khỏi làm trái ý hoặc phụ lòng mong mỏi của cha mẹ, đó gọi là "hiếu" vậy.

Vừa rồi chúng ta có nghe nói là công ơn của cha mẹ thì "toát phát nan báo." "Toát phát" có nghĩa là số tóc trên đầu. Vậy, "toát phát nan báo" ngụ ý rằng tóc trên đầu còn có thể đếm được (tuy khó!), chứ ơn cha nghĩa mẹ thì khó thể đáp đền; cho nên ai ai cũng phải hiếu thảo với cha mẹ.

Trong khóa hè năm ngoái, tôi đã giảng về câu "dê con quỳ bú, quạ mớm nuôi mẹ" (cao dương quỳ nhũ, ô nha phản bộ).Câu này có nghĩa là dê con mỗi khi bú đều quỳ hai chân trước xuống trước mặt dê mẹ, còn quạ con thì biết mớm mồi nuôi quạ mẹ (do đó ở Trung Hoa người ta gọi quạ là loài chim hiếu, hiếu điểu). Vì

sau khi ấp trứng nở ra quạ con, quạ mẹ già yếu không bay đi kiếm mồi được nữa, quạ con bèn đi tìm thức ăn mang về cho quạ mẹ. Quý vị xem, quạ và dê đều là loài cầm thú mà còn biết hiếu thảo với cha mẹ, huống hồ là loài người chúng ta? Do đó, nếu chúng ta ăn ở bất hiếu với cha mẹ, thì chúng ta còn thua cả loài cầm thú nữa! Loài người chúng ta có đầy đủ hạnh đức Ngũ Thường (nhân, lễ, nghĩa, trí, tín) thì lẽ nào chúng ta lại chẳng bằng cả loài quạ loài dê? Cho nên, làm người thì điều quan trọng nhất là phải hiếu thảo với cha mẹ!

Có người bùi ngùi hối tiếc: "Tôi rất thiết tha muốn báo hiếu cho cha mẹ; tiếc thay nay tôi đã xuất gia đi tu rồi, không thể cận kề hôm sớm để chăm sóc song thân, vậy thì tôi phải làm thế nào để báo hiếu bây giờ?"

Xuất gia tu hành là một hành động thể hiện lòng "đại hiếu," bởi đó chính là hạnh hiếu thảo vĩ đại nhất, cao cả nhất. Có câu:

"Một người con về cửa Phật, tổ tiên chín đời được lên cõi trời."

(Nhất tử nhập Phật môn, cửu tổ thăng thiên.)

Nếu quý vị xuất gia tu Đạo thì tất cả tổ tiên trong chín đời đều nhờ công đức tu hành của quý vị mà được siêu thăng lên cõi trời. Cho nên, xuất gia không phải là chỉ báo hiếu cho cha mẹ hiện đời, mà còn báo hiếu cho cả cha mẹ và tổ tiên trong những đời quá khứ nữa! Tuy nhiên, quý vị xuất gia mà phải chân chánh tu hành thì mới báo hiếu được; còn nếu quý vị cứ giải đãi, không tinh tấn dụng công tu tập, thì "cửu tổ" của quý vị vẫn phải đọa địa ngục, và bấy giờ họ sẽ than khóc ầm ĩ. Vì sao họ khóc? Họ than thở với nhau rằng: "Tôi cứ tưởng là có được đứa cháu xuất gia tu Đạo thì chúng ta sẽ nhờ đó mà được thăng thiên. Ngờ đâu đứa cháu này lại chẳng chuyên cần tu tập, suốt ngày chỉ biết ngủ với nghỉ, vô cùng lười biếng! Giờ đây những nghiệp tội của chúng ta không được xá miễn chút nào cả, và chúng ta vẫn phải tiếp tục trầm luân trong địa ngục."

Vì vậy, tuy nói rằng xuất gia tu hành thì "cửu tổ" của mình được sanh thiên, nhưng nếu quý vị không tinh nghiêm tu Đạo thì "cửu tổ" vẫn bị đọa địa ngục như thường. Chớ nói rằng: "Tôi đã xuất gia đi tu rồi, 'cửu tổ' nhất định sẽ được thăng thiên!"; bởi vấn đề không phải như vậy! Nếu quý vị chỉ cạo đầu xuất gia rồi chẳng chịu tu hành gì cả, thì "cửu tổ" vẫn không được thăng thiên; trái lại, nếu quý vị chân chánh tu hành thì trong tương lai sẽ siêu độ được cha mẹ cùng tổ tiên của quý vị, và đó chính là "đại hiếu" vậy.

Bây giờ tôi sẽ kể cho quý vị nghe câu chuyện về một chú tiểu Sa Di, đệ tử của tôi. Hôm nay tôi đến Phật Đường và đợi rất lâu mà chú ta vẫn chưa ngủ dậy. Thấy thế, một vị Sư Phụ vốn rất hiền hòa cũng phải nổi nóng mà gắt lên: "Kẻ xuất gia sao lại lười biếng đến thế?"

Chú Sa Di này cũng ngoan, không đối đáp lại tiếng nào. Sau đó, tôi tra hỏi cặn kẽ mới hiểu ra đầu đuôi sự việc; quý vị có biết như thế nào không? Bây giờ tôi kể ra cho mọi người cùng biết: Thì ra chú Sa Di này cứ nằm dài như thế là vì đói chứ không phải lười biếng! Chú ta đói đến nỗi lả người, tay chân bủn rủn. Vì sao chú đói đến như vậy ư? Mấy hôm nay chú ấy muốn thử mang bình bát đi hóa duyên một mình, ngày nào chú cũng đi nhưng đều không được ai bố thí cho cả. Thế là chú sanh ra giận dỗi, trở về chùa cũng không chịu ăn uống gì cả. Đến hôm nay nữa là chú đã nhịn đói được sáu, bảy ngày rồi, cho nên mới kiệt sức, không ngồi dậy nổi! Ấy thế mà tôi chưa rõ sự tình ra sao cả đã vội nóng nảy rầy la chú ta một trận nên thân! Cũng may là sau đó tôi nghĩ lại và căn dặn chú: "Vì sao con lười biếng thế? Con nên nói thật cho Sư Phụ biết!"

Bấy giờ chú ta mới chịu thú thật: "Vì không có ai bố thí cho con, con không có gì ăn cả nên mới bị kiệt sức, Sư Phụ ạ!"

Nghe chú nói như vậy, tôi mới vỡ lẽ và tự trách mình: "Ôi! Sư Phụ đã mắng oan con rồi!" Và tôi bảo chú Sa Di: "Nếu con cảm thấy trong người còn yếu thì cứ ở trong phòng mà nghỉ ngơi

tĩnh dưỡng. Sư Phụ mở cho con một ‘cánh cửa’ phương tiện vậy!"

Quý vị thấy đó, làm Sư Phụ thật là không phải dễ! Đối phó với đệ tử, lắm lúc ông Sư Phụ cũng bối rối, không biết nên dùng phương pháp gì để giáo hóa cho thích hợp, đệ tử bị bỏ đói mà ông còn rầy la trách mắng nữa! May thay, chú đệ tử này quả có dụng công tu tập thực sự. Quý vị nghĩ xem, sáu, bảy ngày trời không ăn gì cả thế mà vẫn có thể cùng đại chúng tụng kinh, bái sám, và đến lớp nghe giảng kinh đều đặn như thường lệ, nếu không có công phu tu tập thì làm sao chịu đựng nổi!? Cho nên, bây giờ "lửa" giận đã tắt, tôi cũng thấy mừng là có được người đệ tử biết chăm chỉ dụng công tu hành, như thế cũng không tệ lắm! Tôi mong rằng các đệ tử khác đều học theo hạnh của chú Sa Di này, tập tánh nhẫn nại, nhịn nhục, dầu bị Sư Phụ quở trách cho một trận cũng không việc gì!!!

Ngoài ra, trên bước đường tu học, quý vị nhớ là đừng lo nghĩ về chuyện mình đã một ngày chưa ăn, hoặc hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày chưa ăn, hãy gạt bỏ chuyện đó ra khỏi tâm trí. Ăn rồi với chưa ăn đều như nhau, chưa ăn hay ăn rồi thì cũng thế, đừng nhớ là mình đã ăn hay chưa ăn nữa. Phải quên đi chuyện ăn rồi hay chưa ăn, như thế mới là chân chánh tu Đạo! Song, nếu không chân chánh tu Đạo, thì quý vị sẽ quên không nổi!

Nếu chân chánh tu Đạo, thật sự dụng công, thì quý vị sẽ có được Định lực chân chánh. Một khi quý vị đã có Định lực chân chánh rồi, thì đừng nói là bị tôi la mắng, mà dù có bị tôi đánh đập đi chăng nữa, quý vị cũng không hề hay biết và cũng chẳng thắc mắc: "Ai đánh *tôi* thế? *Tôi* đang ở đâu vậy?" Vì sao ư? Bởi vì bấy giờ quý vị không thấy có cái "tôi" nữa! Khi quý vị không còn cái "ngã," không còn thấy có sự hiện hữu của một cái "tôi" to tướng nữa, thì lúc đó mới thật là có Định lực chân chánh! Nếu quý vị vẫn còn cái "tôi," vẫn còn nhớ rõ: "Hừ! Ông đánh *tôi*! Ông mắng *tôi*! Ông nói xấu *tôi*! *Tôi* đói, *tôi* chưa ăn cơm!..." Quý vị chưa quên được điều này, thì Định lực chưa thể nảy sanh. Nhất

định phải quên nó đi thì Định lực mới có thể nảy sanh; Định lực nảy sanh rồi tức là có được công phu chân chánh vậy!

KINH VĂN:

"Nếu có chúng sanh nào làm thân Phật chảy máu, hủy báng Tam Bảo, chẳng kính tôn kinh, kẻ đó cũng phải đọa vào địa ngục Vô Gián trong ngàn muôn ức kiếp, không lúc nào mong ra khỏi được."

LƯỢC GIẢNG:

"**Nếu có chúng sanh nào làm thân Phật chảy máu..."** Đây chỉ là giả thiết, ví dụ là có hạng chúng sanh phạm một tội ác như thế mà thôi. Thế nào gọi là "làm thân Phật chảy máu" (xuất Phật thân huyết)? Hiện nay Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nhập Niết Bàn rồi, thì làm sao có thể bị chúng sanh "làm thân Phật chảy máu" được? Vả lại, chúng ta không sanh vào thời Đức Phật còn tại thế, cũng không gặp được Phật, thì làm sao có thể "làm thân Phật chảy máu" được?

Vào thời Đức Phật còn tại thế, thì "làm thân Phật chảy máu" có nghĩa là làm cho thân thể của Phật bị tổn thương, gây thương tích cho Phật. Còn sau khi Phật nhập Niết Bàn, thì "làm thân Phật chảy máu" tức là phá hủy tượng Phật, như cố tình làm sứt mất một lỗ tai hoặc làm gãy một ngón tay... của tôn tượng. Ngay cả thiêu đốt các tranh vẽ hình Phật bằng giấy cũng thế, đó cũng chẳng khác nào "làm thân Phật chảy máu" vậy! Tội này vốn không thể sám hối mà tiêu tan được, song có thể tùy theo tình huống mà có sự "khai duyên." Chẳng hạn nếu do say rượu, mắc bệnh điên cuồng hoặc tâm trí rối loạn bất thường, mà phạm phải, thì được xem là ngoại lệ, không bị khép vào thứ tội này. Tuy nhiên, nếu viện cớ mình tinh thần bất ổn hoặc là say rượu, rồi cố ý làm càn, thì nhất định là có tội. Nếu quý vị do vô tình mà trót phạm, thì nghiệp tội có nhẹ bớt phần nào.

Lúc Đức Phật còn tại thế, oai lực thần thông của Phật lớn lao như vậy, thì ai mà có thể "làm thân Phật chảy máu" được? Phật đã chứng quả rồi thì ai mà có thể hãm hại, gây thương tích

cho Phật được? Ở đời, lắm lúc cũng có những sự việc xảy ra ngoài sức dự liệu của con người, Phật cũng có thể bị ám hại, bị hành hung vậy. Quý vị đã có bao giờ nghe đến cái tên "Đề Bà Đạt Đa" chưa? Tôn Giả Đề Bà Đạt Đa vốn là em chú bác của Đức Phật Thích Ca, nhưng ông lại thường xuyên gây khó dễ cho Phật, chuyên môn chống đối Phật. Phật thuyết pháp này thì ông phá hoại, Phật thuyết pháp kia thì ông đả kích. Nói tóm lại, bất cứ điều gì Phật làm ông cũng bài bác và cho là không đúng cả! Thế thì, Đề Bà Đạt Đa hãm hại Đức Phật như thế nào?

Có một lần, Đề Bà Đạt Đa tìm một phụ nữ gia cảnh rất nghèo khó, và nói với cô ta rằng: "Cô hãy giúp ta một việc này; khi xong việc, ta sẽ thưởng cho cô một món tiền rất lớn!"

Con người trong cảnh túng thiếu thường dễ bị đồng tiền lung lạc, có kẻ miễn có tiền là chịu làm tất cả, và người phụ nữ này cũng không thoát khỏi lẽ thường tình đó; vì thế, cô ta sốt sắng hỏi: "Ngài cần tôi làm việc gì?"

Đề Bà Đạt Đa bảo: "Cô hãy độn một cái gối trong bụng, giả vờ là đang mang thai. Sau đó, đợi đến lúc Phật thuyết pháp thì cô hãy ra trước mặt các đệ tử của Phật mà tuyên bố rằng đứa bé trong bụng cô là con của Phật; như thế, thanh danh của Phật sẽ bị hoen ố và các đệ tử của Phật sẽ không còn tin tưởng ở Phật nữa. Việc thành rồi ta sẽ thưởng cho cô rất hậu hỹ."

Người phụ nữ ấy y lời, răm rắp làm đúng theo lời dặn, cô độn bụng cho lớn và ngang nhiên nói với đệ tử của Phật rằng đứa bé trong bụng cô ta là con của Phật, cố ý bôi nhọ thanh danh của Phật. Nhưng Đức Phật có thần thông, Ngài dùng thần thông làm cho cái gối độn bụng của cô ta tuột ra và rớt xuống trước sự chứng kiến của mọi người, nhờ đó ai nấy đều hiểu ra là cô ta muốn vu oan giá họa cho Phật. Đây là một trong những cách Đề Bà Đạt Đa dùng để ám hại Phật trong lúc Phật giảng Kinh thuyết Pháp.

Lại có một lần Đề Bà Đạt Đa dùng thần thông để ám hại Phật. Bởi Đề Bà Đạt Đa cũng có thần thông, cho nên một hôm nọ, nhân lúc Phật đang trên đường tới núi Linh Thứu, ông xô núi

cho lở ra để đá lăn đổ xuống, chủ ý là đè Đức Phật đến tan xương nát thịt. May thay, ngay khi ông ra tay đẩy núi, thì vị Kim Cang Lực Sĩ (cũng chính là vị sơn thần giữ núi Linh Thứu, tên là Bối Lạp) trông thấy; và thế là từ đàng xa, Thần Bối Lạp giơ chùy Kim Cang ra đỡ lấy núi, khiến bao nhiêu đá núi đều văng ngược trở lại. Đá bị vỡ vụn văng tung tóe, và có một hòn đá nhỏ văng trúng đầu ngón chân út của Phật, làm cho rách da chảy máu, đây chính là "làm thân Phật chảy máu." Lần này thân Phật có bị chảy máu song cũng không hề gì; tuy nhiên, liền ngay lúc đó, có một chiếc xe hừng hực lửa của địa ngục chạy đến, Đề Bà Đạt Đa bị bắt sống và áp giải về địa ngục.

Đề Bà Đạt Đa vừa "làm thân Phật chảy máu" thì liền bị đọa địa ngục ngay lúc còn sống, phải mang nhục thân vào địa ngục. Người đời nay, nếu thiêu đốt hình Phật, phá hủy tượng Phật, hoặc đập phá chùa chiền, tháp miếu thờ Phật, thì đều bị xem là phạm cùng một tội với Đề Bà Đạt Đa, tức là "làm thân Phật chảy máu" vậy.

"Hủy báng Tam Bảo." Thế nào gọi là "hủy báng Tam Bảo"? Chúng ta, những người tin Phật, phải nhớ kỹ là chớ phạm tội này, tuyệt đối đừng bao giờ khinh chê Tam Bảo, nói xấu Phật Pháp Tăng.

Trong Giới hạnh Bồ Tát có giới điều "không rao nói lỗi của Tứ Chúng." Tứ Chúng là gồm có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc và Ưu Bà Di. Người đã thọ Bồ Tát Giới thì không được rêu rao, bàn tán về những lỗi lầm, sai sót của Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc và Ưu Bà Di. Chính bản thân mình không nói đã đành, nếu bắt gặp người khác nói lỗi của Tứ Chúng thì quý vị cũng đừng góp chuyện hoặc nói hùa theo, mà phải như là mình không nghe thấy gì cả vậy. Vì sao? Vì nếu quý vị hùa theo họ mà bàn ra tán vào thì quý vị cũng sẽ mắc tội "hủy báng Tam Bảo," và đồng thời phạm luôn cả tội "rao nói lỗi của Tứ Chúng." Do đó, tốt nhất là cứ ngậm miệng làm thinh!

Ngoài ra, kiến giải của phàm phu chúng ta thường hay có chỗ sai lầm, bên cạnh đó, cảnh giới của hàng thánh nhân lại

không phải là những gì mà phàm phu chúng ta có thể biết rõ được, chẳng hạn như bậc Sơ Địa Bồ Tát thì không thể biết được cảnh giới của hàng Nhị Địa Bồ Tát, Thập Địa Bồ Tát thì không thể biết được cảnh giới của Đẳng Giác Bồ Tát, Sơ Quả A La Hán thì không thể biết được cảnh giới của Nhị Quả A La Hán... Cho nên, khi chưa có được trí huệ chân chánh thì chúng ta không nên sanh tâm hủy báng Tam Bảo, và cũng đừng rao nói lỗi của Tứ Chúng. Cho dù họ rõ ràng là có lỗi, quý vị cũng chớ vội phê phán; vì sao? Quý vị biết được cái sai của người ta, thì hãy lấy đó mà răn mình để tránh và làm cho đúng là được rồi; chứ đừng như cái máy chụp hình, toàn lo chụp hình cho người khác, còn chính mình hình thù như thế nào thì lại không hay không biết!

Giảng đến đây, tôi nhớ đến một công án về Chí Công Thiền Sư, đời vua Lương Võ Đế ở Trung Hoa. Đương thời, mỗi ngày Chí Công Thiền Sư đều ăn hai con chim bồ câu. Thấy thế, người đầu bếp nghĩ rằng thịt bồ câu hẳn là ngon lắm, và một hôm anh ta lén ăn bớt một cái cánh của chim bồ câu. Chí Công sau khi ăn hết hai con bồ câu thì hỏi anh ta: "Tại sao ngươi ăn vụng thịt bồ câu của ta?"

Người đầu bếp liền chối: "Bạch Thầy, con đâu dám làm thế!"

Chí Công gặn hỏi: "Không phải sao? Ông xem này!" Nói xong, Ngài há miệng và khạc ra hai con chim bồ câu—một con vỗ cánh bay đi liền, còn con kia thì không bay đi được vì bị thiếu mất một cái cánh! Và Ngài hỏi tiếp trước sự sửng sốt của người đầu bếp: "Nếu ông không ăn thì cánh của con chim này mất đi đâu?"

Quý vị xem, cùng là ăn thịt chim bồ câu đã được nấu chín và chặt nhỏ, mà Chí Công Thiền Sư thì có thể khạc ra lại nguyên vẹn con bồ câu còn sống; còn người đầu bếp thì không có được khả năng ấy—ăn vào bụng rồi là thôi, chẳng thể làm cho nó sống lại được. Cho nên, cảnh giới của Chí Công Thiền Sư là "ăn mà như không ăn" vậy.

Lại có một công án khác về Tế Công Thiền Sư ở chùa Linh Ẩn tại Tây Hồ, Hàng Châu (Trung Hoa). Ngài là một vị Sư như thế nào? Ngài ăn thịt chó, uống rượu, và ngày nào cũng uống đến say mèm, đến nỗi vừa nhìn là ai nấy đều biết ngay đó là một ông Sư say rượu, chẳng chối cãi gì được! Song, thật sự thì những khi say sưa như thế chính là lúc Ngài giáo hóa chúng sanh.

Một lần nọ, trong chùa tạc một pho tượng Phật và muốn thếp vàng. Tế Công Thiền Sư hay tin liền bạch với Hòa Thượng phương trượng: "Xin Hòa Thượng cho phép tôi thếp vàng pho tượng Phật này, khỏi phải kêu mướn ai cả!"

Hòa Thượng phương trượng bằng lòng. Thế nhưng đợi mãi vẫn không thấy Tế Công thếp vàng cho pho tượng, vị Sư quản lý bèn nhắc: "Ông muốn thếp vàng tượng Phật này, nhưng sao chờ mãi mà không thấy ông làm gì cả?"

Tế Công nói: "Vâng, tôi sẽ làm ngay."

Đến tối hôm ấy, Tế Công lại cũng uống rượu say mèm như mọi khi, rồi đợi cho mọi người đều đi ngủ cả, Ngài đến trước pho tượng Phật mới tạc và há miệng khạc vàng ra rồi phun lên pho tượng. Bấy giờ, khi toàn thể bức tượng đã được bao phủ bởi một lớp vàng sáng lóng lánh, chỉ còn sót một chỗ trên đỉnh đầu mà thôi, thì vị Sư quản lý nghe thấy tiếng khạc nhổ om sòm của Tế Công, bèn tức tốc chạy đến xem và trách móc: "Sao ông lại cả gan đến thế? Ông dám nhổ đờm lên tượng Phật à?"

Tế Công chỉ nói: "Thế à? Thôi, tôi không nhổ nữa"; và bỏ đi.

Hôm sau, mọi người ra xem thì thấy tượng Phật đã được thếp vàng xong xuôi, chỉ còn sót một chỗ nhỏ trên đỉnh đầu mà thôi. Vì thế, trong chùa phải gọi người thợ chuyên môn thếp vàng đến làm nốt cho xong; nhưng lớp vàng đắp thêm đó lại không đẹp bằng vàng mà Tế Công khạc nhổ ra!

Quý vị xem, cảnh giới của hàng A La Hán thật là không thể nghĩ bàn! Do đó, chúng ta là những người tin Phật thì không nên ngồi lê đôi mách, rao nói lỗi của Tứ Chúng. Bởi nếu đối tượng mà quý vị xúc phạm là người bình thường thì có thể không hề gì,

nhưng nếu nhầm bậc thánh nhân đã chứng quả thì quý vị sẽ mang tội. Mang tội thì sẽ ra sao? Thì quý vị sẽ bị đọa địa ngục!

Tại sao có những người muốn hủy báng Tam Bảo? Đó là vì họ không có tín tâm! Nguyên nhân nào khiến những kẻ ấy không có tín tâm? Tùy theo trường hợp, có lúc là do họ giao du nhầm bạn xấu mà ra. "Bạn xấu" là bao gồm những kẻ xấu xa, ác độc, không hiểu Phật Pháp. Những kẻ ác không hiểu Phật Pháp thì thường hủy báng Tam Bảo, do đó nếu người nào kết giao với họ thì cũng bị tiêm nhiễm, dần dần cũng có thói khinh chê, hủy hoại Tam Bảo như họ vậy.

Ngoài ra, những người siểm khúc, ngu si cũng thường hủy báng Tam Bảo. Thế nào gọi là "siểm khúc"? "Siểm khúc" là siểm nịnh, nịnh nọt, người thời nay thường nói là "tâng bốc, bợ đỡ." Như có những người không tiếc lời ca tụng, tấm tắc khen ngợi quý vị, để được quý vị tin yêu, rồi sau đó lợi dụng sự tin yêu của quý vị để mưu đồ lợi lộc riêng tư, như thế gọi là "siểm khúc," bởi tâm địa của họ vốn khúc mắc quanh co, gian manh xảo trá, chứ không phải ngay thẳng, thành thật. Vì sao họ lại siểm khúc như thế? Bởi vì họ ngu si! Song le, những kẻ ngu si đó lại tự cho rằng mình vô cùng thông minh tài trí, nên ôm trong lòng một nỗi "thông minh mạn", kiêu hãnh, ngạo mạn về trí thông minh hão của mình!

"Thông minh mạn" cũng chính là "tăng thượng mạn": là thứ kiêu căng ngã mạn giống như của năm ngàn người bỏ ra về, không dự Pháp Hội thuyết *Kinh Pháp Hoa* vậy. Người "tăng thượng mạn" mang trong lòng mối "thông minh mạn": họ có phần nào thông minh, song rất kiêu ngạo, xem thường người khác, coi ai cũng không bằng mình. Do thói ngạo mạn về trí thông minh của mình, nên họ không tin Chánh Pháp, lại còn khinh chê, hủy báng giáo lý của Đức Phật, "móc" bỏ Pháp Nhãn của chúng sanh. Tại sao nói như thế? Bởi chúng sanh vốn có Trạch Pháp Nhãn (con mắt, khả năng biết chọn lựa Pháp), nhưng họ lại muốn làm cho chúng sanh mất phương hướng, lầm đường

lạc lối, như thế thì có khác nào cầm dao khoét mất "con mắt" Trạch Pháp Nhãn của chúng sanh?

Những kẻ làm cho chúng sanh không còn Trạch Pháp Nhãn này, trong tương lai sẽ bị quả báo thân thể có khuyết tật hoặc tàn phế, như không có tay hoặc không có chân. "Không có chân" tức là mắc bệnh liệt hoặc bệnh khoèo, và thường là không đi đứng được hoặc chỉ đi khập khiễng. Họ cũng có thể phải chịu quả báo bị câm, tuy có lưỡi nhưng không nói được. Vì sao có người bị câm? Quý vị cần phải lưu ý điểm này: người câm trên thế gian này đều là do hủy báng Tam Bảo mà ra!

Những kẻ hủy báng Tam Bảo sẽ bị đọa vào địa ngục và ở đó thọ tội trong suốt hai ức năm, rồi mới được đi đầu thai; đầu thai làm thân gì? Họ phải đầu thai làm thân súc sanh như ngựa, trâu, dê, gà, chó... ; và họ phải mang thân súc sanh như thế suốt hai ức năm, rồi sau đó mới được làm người trở lại. Bấy giờ, tuy họ được mang thân người song sáu căn không toàn vẹn: như bị đui mù, không có mắt; hoặc bị điếc, không nghe thấy gì cả; hoặc bị câm, có lưỡi mà không nói được, chẳng khác gì không có lưỡi vậy... Nói tóm lại, những người mà đời này lục căn bị khiếm khuyết hoặc tướng mạo xấu xí, đều là do trong đời quá khứ họ đã từng chê bai, hủy báng Tam Bảo. Lúc sống, họ phải chịu đựng vô lượng đau khổ đắng cay như thế, và sau khi chết họ lại còn bị đọa vào địa ngục Vô Gián nữa. Đó là nói về quả báo do hủy báng Tam Bảo.

"Chẳng kính tôn kinh." Đây là điều chúng ta cần phải chú ý—phàm là kinh điển của Phật, chúng ta nhất định phải tôn kính, quý trọng. *Kinh Kim Cang* có dạy:

"Phàm nơi nào có kinh điển thì nơi đó có đức Phật."

(Phàm thị kinh điển sở tại chi xứ, tức vi hữu Phật.)

Ở đâu có kinh điển thì ở đó có Phật. Kinh điển là nơi an trụ của Pháp Thân chư Phật, do đó chúng ta phải hết lòng cung kính. Nơi cất giữ kinh điển cần phải được thu dọn cho sạch sẽ, ngăn nắp, không nên để bừa bãi. Kinh Phật phải được đặt ở nơi cao ráo và bên trên tất cả các loại kinh điển hoặc sách vở phổ thông khác,

và phải để về phía đầu nằm chứ không được để ở phía chân; bằng không, nếu để ở dưới thấp, tức là không cung kính. Ngoài ra, giường ngủ là nơi không được sạch sẽ nhất, cho nên phải nhớ kỹ là không nên để kinh điển trên giường. Phàm là kinh Phật hoặc sách Phật, chúng ta đều phải cung kính, tôn trọng: phải cung kính kinh điển như cung kính Phật vậy. Không cung kính kinh điển tức là không cung kính Phật, và như thế cũng chính là hủy báng Tam Bảo vậy.

Những nghiệp tội "làm thân Phật chảy máu, hủy báng Tam Bảo, chẳng kính tôn kinh" là như nhau, cho nên kẻ nào có những hành vi này, thì **"kẻ đó phải đọa vào địa ngục Vô Gián trong ngàn muôn ức kiếp, không lúc nào mong ra khỏi được."** Do đó, mọi người phải nhớ kỹ đoạn kinh văn vô cùng quan trọng này. Người học Phật nhất định phải luôn luôn tôn kính Tam Bảo, quý trọng kinh điển, và không làm thân Phật chảy máu!

KINH VĂN:

"Nếu có chúng sanh xâm tổn của Thường Trụ, làm nhơ nhuốc Tăng Ni, hoặc tứ tình hành dâm trong chốn Già Lam, hoặc giết hoặc hại; hạng người như thế phải đọa vào địa ngục Vô Gián trong ngàn muôn ức kiếp, không lúc nào mong ra khỏi được."

LƯỢC GIẢNG:

"Nếu có chúng sanh xâm tổn của Thường Trụ..." Thế nào gọi là "xâm tổn của Thường Trụ"? "Thường Trụ" tức là đạo tràng, và có bốn loại (Tứ Chủng Thường Trụ); đó là:

- Thường Trụ Thường Trụ;
- Thập Phương Thường Trụ;
- Hiện Tiền Hiện Tiền Thường Trụ;
- Thập Phương Hiện Tiền Thường Trụ.

1) Thường Trụ Thường Trụ. "Đạo tràng" thì luôn luôn tồn tại và thường xuyên có người xuất gia trú ngụ, cho nên gọi là chốn "thường trụ của thường trụ."

"Thường Trụ" là chỗ ở của Tăng chúng; vậy thì thế nào gọi là "xâm tổn của Thường Trụ"? Những thứ gì của Thường Trụ có thể bị xâm phạm, hao tổn? Đó là thực phẩm (đồ ăn thức uống), và tài vật thuộc về Thường Trụ. Phàm những người chưa xuất gia mà đến ở trong chùa, thì cần phải biết cúng dường cho chùa. Nếu quý vị ở chùa vài ngày rồi bỏ đi, chẳng hề cúng dường Thường Trụ gì cả, như thế tức là quý vị đã "xâm tổn của Thường Trụ" và trong tương lai chắc chắn sẽ bị đọa địa ngục.

Vậy thì, thế nào mới là không "xâm tổn của Thường Trụ"? Thí dụ quý vị đến ở trong chùa và có thể cúng dường Thường Trụ một số tiền tương đương với phí tổn mà quý vị phải trả nếu ở trọ nơi khác; như thế thì quý vị không "xâm tổn của Thường Trụ." Do đó, tôi chủ trương rằng tất cả các đệ tử quy y của tôi, hễ đến bất cứ đạo tràng nào thì cũng đều phải nỗ lực trợ giúp đạo tràng đó và tuyệt đối không được xâm tổn của Thường Trụ!

"Xâm tổn của Thường Trụ" tức là bóc lột tài sản của chùa, làm cho tài sản của chùa bị hao hụt, sút giảm. Chúng ta đã không giúp đỡ được thì thôi; chứ đừng bao giờ xâm phạm, gây tổn thất cho chùa. Những người không hiểu Phật Pháp cứ cho rằng ở trong chùa thì khỏi tốn kém gì cả, nên tha hồ lợi dụng cơ hội! Điều này, nếu chưa hiểu Phật Pháp thì còn có thể châm chế cho được; nhưng sau khi đã hiểu Phật Pháp rồi thì dứt khoát là không nên xâm tổn của Thường Trụ nữa!

Đừng nói là người tại gia, ngay cả tôi tuy là kẻ xuất gia, song hễ đến trú ở bất cứ Thường Trụ nào, tôi đều có cúng dường đôi chút. Thí dụ, nếu ở nhà trọ mỗi ngày phải trả năm đồng, thì tôi cúng dường cho Thường Trụ đó một nửa số tiền, tức là ba đồng. Ở lại chùa nào tôi cũng đều cúng dường cả, trừ phi chính mình thật sự không có tiền mà thôi. Nếu quý vị quả thật là không có tiền thì không sao, nhưng nếu có tiền thì chớ nên xâm tổn của Thường Trụ; cho dù là người xuất gia cũng không nên xâm tổn của Thường Trụ. Bởi Thường Trụ ví như đại địa, là nơi trú ngụ của đại chúng; nếu quý vị phá hoại, phung phí của Thường Trụ, khiến cho đại chúng bị thiếu thốn, không đủ ăn, thì quý vị có tội

rất lớn. Riêng cá nhân mình thì dẫu có đói đến chết cũng chẳng hề chi, nhưng nếu quý vị làm cho những người xuất gia đang sống trong Thường Trụ này không còn gì để ăn, cũng không được ai cúng dường, tức là quý vị đã "xâm tổn của Thường Trụ" vậy. Bởi "dân dĩ thực vi thiên" (người dân xem cái ăn là trời, xem sự no cơm ấm áo là điều thiết yếu) cho nên, nếu quý vị khiến cho người khác không còn gì ăn, tức là quý vị đã tạo tội rồi vậy.

Cho nên chúng ta, những người nghiên cứu Phật Pháp, hễ ở lại bất cứ chùa nào thì đều nên tùy khả năng mà cúng dường cho chùa đó, không nên xâm tổn của Thường Trụ. Quý vị tạm trú tại chùa, cúng dường dù có ít so với tiền thuê phòng trọ, thì cũng được coi như quý vị đã hết lòng; chớ nên chỉ ở rồi bỏ đi, chẳng cúng dường một chút gì cả!

2) Thập Phương Thường Trụ. Đạo tràng là nơi mà chư Tăng từ khắp mười phương đều có thể trú ngụ, nên gọi là "thường trụ của mười phương Tăng."

3) Hiện Tiền Hiện Tiền Thường Trụ. Chư Tăng hiện đang trú ngụ ở đạo tràng được gọi là "hiện tiền Tăng."

4) Thập Phương Hiện Tiền Thường Trụ. Chư Tăng từ khắp mười phương đến đạo tràng thì đều được dự phần; điều này bao gồm cả đồ vật của "vong Tăng." Thế nào gọi là "vong Tăng"? "Vong Tăng" tức là vị Sư đã viên tịch. Sau khi một vị Sư viên tịch, những đồ đạc của vị ấy để lại: có thể là những món đồ quý giá, hoặc bảo vật đắt tiền cũng không chừng (bởi giữa các Tăng nhân không có gì là nhất định cả!), sẽ được Thập Phương Hiện Tiền Thường Trụ phân chia.

Tăng vật thuộc Hiện Tiền Hiện Tiền Thường Trụ thì chỉ dành cho chư Tăng hiện đang tạm thời trú ngụ tại chùa, những vị đến sau không có phần; còn của Thập Phương Hiện Tiền Thường Trụ thì bất kể là đến trước hay đến sau, chư Tăng đều có thể cùng chia nhau di sản của vị Sư đã viên tịch.

"Làm nhơ nhuốc Tăng Ni." Tăng Ni là những người xuất gia: Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni. Có nhiều người rất dã man, độc ác, nhẫn tâm làm nhơ nhuốc phẩm hạnh thanh tịnh của Tăng Ni,

cưỡng bức các Tỳ Kheo Ni làm điều dâm loạn: những kẻ ấy đều mang tội rất nặng.

"Hoặc tứ tình hành dâm trong chốn Già Lam." "Già Lam" là nơi thanh tịnh yên tĩnh: như đạo tràng, chùa chiền, tự viện. "Tứ" là phóng túng, không tuân giữ quy củ. Không tuân giữ quy củ gì? Đó là không tuân giữ thanh quy, tùy tiện hành dâm ở chốn đạo tràng thanh tịnh. Những nơi có hình tượng Phật thì không được hành dâm, làm điều ô uế; nếu phạm, thì bị khép vào tội "tứ tình hành dâm."

Thuở trước, có một người nọ mắc phải chứng bệnh nam căn thường bị ung nhọt, lở loét, bèn đến thỉnh vấn ngài Mục Kiền Liên về nguyên nhân bệnh trạng của mình. Tôn Giả Mục Kiền Liên trả lời người ấy rằng: "Bởi trong đời quá khứ ông đã phạm tội 'tứ tình hành dâm trong chốn Già Lam,' do đó đời này phải chịu quả báo nam căn thường bị làm độc, ghẻ lở, mắc nhiều chứng bệnh." Đây là nói về người nam, song nam hay nữ thì cũng vậy: bất luận là ai, hễ không giữ phép tắc thanh quy, tùy tiện làm điều dâm loạn ở chốn đạo tràng, thì đều bị đọa địa ngục cả; đến khi ra khỏi địa ngục, nếu được đầu thai làm người thì nam căn hoặc nữ căn thường bị ung nhọt, hoặc mắc phải các chứng bệnh nan y, không chữa trị được. Cho nên, "nhân nào quả nấy": quý vị nhất định phải tin ở luật nhân quả; bằng không, sau này sẽ phải nhận lãnh quả báo khổ sở.

"Hoặc giết hoặc hại." Có khi những kẻ độc ác đó, vì việc cưỡng hiếp không thành, bèn nhẫn tâm ám hại hoặc giết chết nạn nhân.

"Hạng người như thế (những kẻ xâm tổn Thường Trụ, ô phạm Tăng Ni, tứ tình hành dâm trong chốn chùa chiền, hoặc giết hại người xuất gia) **phải đọa vào địa ngục Vô Gián trong ngàn muôn ức kiếp, không lúc nào mong ra khỏi được."** Họ cầu mong được thoát khỏi địa ngục song kỳ hạn thì lâu dài đến vô lượng vô biên, không thể tính kể.

Có người cảm thấy rằng Phật Pháp càng học càng khó khăn, càng học càng bị gò bó, mất tự do. Kỳ thực, không học Phật Pháp thì sau này sẽ hoàn toàn bị mất tự do; còn học Phật Pháp thì chỉ hiện tại tạm thời bị mất tự do mà thôi. Bây giờ quý vị học Phật Pháp thì đây chính là lúc thiện căn tăng trưởng; trái lại, nếu không học Phật Pháp thì nghiệp chướng sẽ gia tăng. Nghiệp chướng tăng trưởng thì sự "mất tự do" ấy sẽ là "mất tự do" vĩnh viễn. Song, thiện căn tăng trưởng thì sự "mất tự do" trong hiện tại chỉ là tạm thời, chỉ một thời gian ngắn mà thôi. Nếu quý vị muốn mãi mãi "mất tự do" thì khỏi học Phật Pháp; còn nếu muốn trong tương lai được tự do thì tạm thời chịu khó "mất tự do" đôi chút. Đối với người học Phật Pháp, sự "mất tự do" này rất ngắn ngủi và không đáng kể; nhưng với kẻ không học Phật Pháp, thì thời gian bị "mất tự do" ấy dài đăng đẳng! Vậy, quý vị hãy tự cân nhắc thiệt hơn, xem mình phải làm như thế nào!

KINH VĂN:

"Nếu có chúng sanh giả làm Sa Môn mà tâm chẳng phải Sa Môn, phá hoại, lạm dụng của Thường Trụ, gạt gẫm hàng bạch y, trái phạm Giới Luật, tạo vô số tội ác; hạng người như thế phải đọa vào địa ngục Vô Gián trong ngàn muôn ức kiếp, không lúc nào mong ra khỏi được."

LƯỢC GIẢNG:

"Nếu có chúng sanh giả làm Sa Môn..." Có bốn hạng Sa Môn (Tứ Chủng Sa Môn): Thắng Đạo Sa Môn, Thuyết Đạo Sa Môn, Hoạt Đạo Sa Môn và Ô Đạo Sa Môn.

1) Thắng Đạo Sa Môn. Thế nào gọi là "Thắng Đạo Sa Môn"? Chư Phật và chư Bồ Tát đều được gọi là những bậc Thắng Đạo Sa Môn, tức là hạng Sa Môn trổi thắng hơn hết về Đạo lý.

2) Thuyết Đạo Sa Môn. Hạng Sa Môn này lấy việc giảng Kinh thuyết Pháp là lẽ sống; và đó chính là những bậc đại đức cao tăng đã chứng quả A La Hán.

3) Hoạt Đạo Sa Môn. Đây là hạng Sa Môn sống đời vì Đạo, lấy việc tu Đạo là lẽ sống.

4) Ô Đạo Sa Môn. "Ô" là ô uế, không thanh khiết. Hạng Sa Môn này làm ô uế Đạo; và đây chính là hạng Sa Môn được nói đến trong đoạn kinh văn này.

"Sa Môn" là tiếng Phạn và có ba nghĩa; ba nghĩa này thật ra không phải là ba mà là hai nghĩa; hai nghĩa này đúng ra chẳng phải là hai mà là một nghĩa: Phật Pháp kỳ diệu như thế đấy! Vậy, chữ "Sa Môn" có một nghĩa, thì một nghĩa đó là gì? Đó là "cần tức"; "Sa Môn" có nghĩa là "cần tức": siêng năng dứt bỏ.

"Cần" là cần mẫn siêng năng; còn "tức" là "hưu tức" và có nghĩa là dứt bỏ, ngưng nghỉ. "Cần" cũng có nghĩa là không lười biếng; và "tức" hàm ý lười biếng, không siêng năng. Thế nên, có thể nói rằng đó là hai ý muốn của một con người: một đằng thì lười biếng, và một đằng thì siêng năng. "Lười biếng" chèo kéo, rủ rê "siêng năng": "Đừng đi làm nữa; phải hưởng thụ đôi chút chứ!" "Siêng năng" khuyên can: "Ồ! Anh đừng lười biếng, hãy theo tôi tinh tấn tu tập." Vị Sa Môn phải tự đấu tranh, giằng co với hai ý tưởng như thế; hễ bên nào có "thế lực" hơn thì bên đó thắng,"siêng năng" mạnh hơn thì "lười biếng" thua cuộc; "lười biếng" mạnh hơn thì "siêng năng" bại trận. Vậy, đây là một người có hai ý muốn là "cần" và "tức": siêng năng và biếng nhác và đó cũng chính là hai nghĩa của từ ngữ "Sa Môn."

Còn nói "Sa Môn" có ba nghĩa, là gồm có những gì? "Cần" (siêng năng) được chia làm ba loại, và "tức" (dứt bỏ) cũng được phân thành ba loại. Ba loại "cần" là gồm những gì? Đó là "cần tu Giới, Định, Huệ" - siêng tu Giới, siêng tu Định và siêng tu Huệ. Còn ba loại "tức" chính là "tức diệt tham, sân, si": dứt bỏ tâm tham lam, dứt bỏ tâm sân hận và dứt bỏ tâm si mê.

"Giới" là gì? "Giới" chính là:

"Chẳng làm điều ác,
Vâng làm việc lành."
(Chư ác mạc tác,

Chúng thiện phụng hành.)

Ngoài ra, "Giới" cũng chính là "chỉ ác phòng phi": chấm dứt các việc ác, không làm điều ác nữa; và ngăn ngừa những sai lầm mà mình có thể gây ra. Có bao nhiêu loại Giới? Căn bản thì có Ngũ Giới: không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Ngoài ra, còn có Bát Quan Trai Giới, Sa Di Thập Giới, Tỳ Kheo Giới (250 giới điều), Bồ Tát Giới (mười trọng giới và bốn mươi tám khinh giới), Tỳ Kheo Ni Giới (348 giới điều). Có người nói là Tỳ Kheo Ni Giới có đến 500 điều, song cũng không đáng kể vì hiện nay đa số Tỳ Kheo Ni đều thọ 348 giới điều.

"Định" là do tham Thiền, tĩnh tọa tu tập mà có được. Muốn có Định thì phải tu tập, không tu tập thì không thể có Định. Vì sao người tu hành phải thường xuyên tọa Thiền? Thường xuyên tọa Thiền tức là cách tu Định từng chút một. Lúc mới bắt đầu tĩnh tọa thì quý vị chưa có Định, cho nên cái tâm của quý vị cứ chạy lăng xăng: hết lên trời thì lại xuống địa ngục, không đến chỗ Phật thì cũng vào chỗ Bồ Tát, hoặc có khi lại vào cả chuồng ngựa, trâu, dê, gà, chó, heo... Cái tâm này, quý vị thấy đó, không cần mua vé mà bất cứ nơi đâu (thiên đường hay địa ngục) nó cũng đều có thể đến được cả. Vì sao cái tâm này cứ chạy lung tung khắp nơi như thế? Bởi vì quý vị chưa có Định! Bây giờ quý vị tu Định, tức là thâu nhiếp cái tâm ấy, tập cho nó hết chạy tới chạy lui, không còn lăng xăng lên Nam xuống Bắc hoặc vào Đông ra Tây nữa.

Có người thắc mắc: "Vì sao cần phải tu Định? Không có Định thì cũng đâu có sao? Quý vị xem kìa, khiêu vũ, múa hát chẳng phải là thú vị hơn sao? ‘Định’ là nghĩa lý gì? Cứ ngồi yên một chỗ như khúc gỗ thế kia thì có gì lý thú đâu? Các tượng gỗ tượng đất ngồi trơ trơ ở?đó thì có ích lợi gì? Tôi thấy như thế quá khô khan, thiếu tình cảm; tu Định thì có lợi ích gì kia chứ?"

Thật ra, tu Định vốn không có lợi điểm nào cả, chẳng qua là nếu muốn có trí huệ thì trước hết quý vị cần phải có Định, không có Định thì không có được trí huệ. Nếu tâm mà quá tán loạn thì

không thể có Định; không có Định tất sẽ không có trí huệ. Bởi trí huệ có được là nhờ Định; do đó, quý vị muốn không còn si mê thì cần phải tu Định.

Có một người nói rằng trong lúc tọa Thiền, anh ta luôn có cảm giác như mình sắp bị rớt xuống khe núi, cho nên rất sợ hãi. Đúng thế, đó là khởi đầu của sự đắc Định; và lúc bấy giờ, quý vị chớ sanh lòng sợ hãi! Hôm nay, nhân Pháp Hội này, tôi sẽ giảng thêm đôi chút.

Trước đây, tôi có nói là trong khi ngồi tĩnh tọa, lắm lúc quý vị cảm thấy như có dĩa mực đen hoặc tấm sắt lớn lơ lửng trên không và cứ chực rớt xuống đầu mình, hoặc là đạn nguyên tử sắp nổ tung ngay trên đầu mình. Thế thì, lúc đó quý vị phải làm gì? Lúc đó, quý vị không nên chấp tướng, không nên bám trụ vào cảnh giới, bởi nếu chấp tướng thì quý vị sẽ dễ bị rơi vào ma cảnh. Hễ quý vị chấp tướng thì sẽ có đạn nguyên tử nổ tung trên đầu quý vị thật; còn nếu không chấp tướng thì sao? Thì tất cả sẽ rất tĩnh lặng, yên ổn, không việc gì, và nhất định quý vị sẽ thắng được chúng ma! Quý vị có Định, thì ma quỷ nào cũng chạy trốn hết!

Cảm giác thấy mình như sắp bị rớt xuống vực sâu muôn trượng chỉ là thứ vọng cảnh hư dối, không có thật. Tại sao lại là vực sâu thăm thẳm? Đó là biểu thị nghiệp chướng của quý vị, nghiệp chướng mà quý vị đã tạo tác từ những đời trước cho đến nay còn thâm sâu hơn cả vực thẳm đó nữa. Vậy, nay biết được là mình nghiệp chướng nặng nề, sâu dày như thế nào rồi, thì quý vị hãy mau mau tu tập, chớ nên sanh tâm sợ hãi nữa.

Lại nữa, đôi khi đang ngồi tĩnh tọa quý vị bỗng cảm thấy rất tự tại (tự tại, tự tại, chân tự tại) một thứ tự tại rất khó hình dung, rất khó diễn tả; và nếu đạt được cảnh giới tự tại này thì quý vị sẽ quên tất cả! Bởi "Sắc Giới trước vị Thiền", chúng sanh ở cõi Sắc Giới chấp trước vào Thiền vị vì hương vị của Thiền Na đem lại niềm vui sướng không gì sánh bằng, hơn hẳn mọi loại ma-túy! Cảnh giới đó thật khó mà diễn tả bằng lời được, chỉ có thể nói đó là thứ:

"Tự tại, tự tại, chân tự tại;
Khó thể hình dung, nói không lại";

và:

"Như người uống nước, ấm lạnh tự biết."

Ví dụ quý vị uống nước trà, nước nóng hay nguội thì chỉ có một mình quý vị là biết rõ thôi; trường hợp này cũng vậy, cảnh giới tự tại này chỉ có những người từng trải mới hiểu được mà thôi. Thế nào gọi là "người từng trải"? Đó là những người đã từng đi qua con đường này, đã có kinh nghiệm về cảnh giới này; nhờ vậy, quý vị vừa nói ra là họ liền biết quý vị đang ở giai đoạn nào hoặc đã đạt tới trình độ nào ngay!

Hiện nay, trong số quý vị, có người đã dụng công tu tập và sắp đạt tới cảnh giới Ly Sanh Hỷ Lạc Địa của Tứ Thiền. Tuy nhiên, cảnh giới ấy cũng không đáng kể lắm, quý vị chớ cho rằng như thế là tài giỏi, bởi đó là chuyện rất bình thường. Tu Thiền, chỉ cần có thành tâm và chuyên cần thì ai ai cũng có thể đạt được cảnh giới như nhau. Vì cảnh giới tự tại, vui sướng đó vốn không gì sánh bằng, cho nên được gọi là "Ly Sanh Hỷ Lạc Địa", sắp xa lìa mọi phiền não, đạt được sự vui sướng; và đó cũng là một trong các thứ Định vậy.

"Huệ" tức là trí huệ. Có trí huệ thì có ích lợi gì? Có trí huệ thì sẽ không bị lầm đường lạc lối. Tại sao hiện nay có nhiều người sống một cách điên điên đảo đảo, cứ "lấy khổ làm vui"? Đó là do họ "bội giác hợp trần" họ thờ ơ quay lưng lại với đạo lý giác ngộ để hợp cùng đạo lý Lục Trần. Tại sao họ hành động như vậy? Bởi họ không có trí huệ; chính vì si mê nên họ mới lầm lẫn "lấy khổ làm vui" mà lại không biết rằng như thế là si mê nhất!

Quý vị nghe giảng Kinh, không cần phải nghe cho nhiều, chỉ cần nghe hiểu một chữ then chốt rồi đem áp dụng, thì sẽ thấy được sự lợi ích bất tận của chữ đó. Như trong câu "cần tu Giới Định Huệ," thì chỉ cần nắm được một chữ "cần" thôi là đủ rồi, cần mẫn tu Giới, cần mẫn tu Định, cần mẫn tu Huệ. Phải cần mẫn tu tập thì mới có sự thu hoạch, có sự chứng đắc; không cần mẫn tu tập thì không chứng đắc được gì cả. Do đó, quý vị nhất định

phải cần mẫn tu tập, phải vâng lời và tuân theo sự giáo hóa của Sư Phụ mình.

Bây giờ nói đến chữ "tức" trong câu "tức diệt tham sân si" (dứt bỏ tham sân si). Vừa rồi tôi có nói chữ "tức" này còn có nghĩa là lười biếng; vì sao ư? Chữ "tức" này vốn có nghĩa là đình chỉ, hoặc nghỉ ngơi; mà "nghỉ ngơi" không phải là lười biếng thì là gì? "Nghỉ ngơi" tức là lười biếng; "lười biếng" tức là đình chỉ, là ngừng lại, không tiến thêm nữa. "Đình chỉ" cái gì? "Đình chỉ" cái tâm tham, tâm sân, tâm si; cho tham, sân, si được "nghỉ ngơi," được "về hưu", chúng ta không cần dùng đến chúng nữa. Hãy khiến cho tâm tham, tâm sân, tâm si đều đình chỉ! Quý vị không nên tham muốn gì nữa, ngay cả mọi vật chất hưởng thụ của thế gian. Cũng đừng giận dữ, đừng nổi nóng, đừng để cho "lửa" giận bùng lên; hãy đem tánh nóng nảy, đem "lửa" giận ấy ra bố thí đi; bố thí cho ai? Hãy bố thí cho tôi, bố thí cho Sư Phụ. Sư Phụ cần có những ngọn "lửa" giận thật lớn, cần phải rất nóng tánh, để khiến cho đệ tử nể sợ, chứ nếu Sư Phụ cứ hiền hòa, dịu dàng như cái gối bông thì các đệ tử sẽ không kiêng sợ. Không sợ Thầy thì họ sẽ không chịu tu hành; mà không tu hành tức là lười biếng vậy!

Trên đây là nghĩa "cần tức": cần tu Giới Định Huệ, tức diệt tham sân si - của từ ngữ "Sa Môn."

"Mà tâm chẳng phải Sa Môn." Có nhiều người gian trá, giả làm Sa Môn thôi chứ không phải thật; thâm tâm họ chẳng hề thực hành đạo hạnh của bậc Sa Môn. Họ không "siêng tu Giới Định Huệ," cũng chẳng "dứt bỏ tham sân si"; trái lại, còn dám nói rằng tham, sân, si càng nhiều thì càng tốt, và khuyến khích mọi người tốt nhất là hãy quên hết Giới Định Huệ, chẳng cần nhớ gì cả! Đó chính là hạng Sa Môn "giả hiệu," hư ngụy; và tâm của những kẻ đội lốt Sa Môn này không hành hạnh từ bi, không tu hạnh nhẫn nhục, không hành Lục Độ Vạn Hạnh, họ có dụng tâm không làm phận sự của một vị Sa Môn! Thế thì họ làm gì? Họ mượn danh nghĩa Sa Môn để dễ bề **"phá hoại, lạm dụng của Thường Trụ."**

Đồ vật của Thường Trụ, dù là những thứ lặt vặt nhất, tầm thường nhất như một tờ giấy chẳng hạn, chúng ta cũng không được tùy tiện phung phí, vất bỏ bừa bãi; tại sao? Bởi tuy chỉ là một mẩu giấy, nhưng "tích tiểu thành đa," từ một tờ mà lâu ngày dồn lại thì cũng thành nhiều. Do đó, tùy tiện phí phạm một tờ giấy, cũng là lạm dụng, làm hao tổn của Thường Trụ.

Có câu rằng:

"Dù là một lá cây, một cọng cỏ,
cũng chẳng được không cho mà lấy."

Người ta không cho mình mà mình tự tiện lấy, như thế là trộm cắp. Cho dù đó chỉ là một lá cây hay một cọng cỏ, song hễ chưa được chủ nhân cho phép mà mình đã lấy, tức là trộm cắp vậy. Bất cứ đồ vật gì của người khác, chúng ta đều không được tùy tiện sử dụng. Quý vị dùng đồ của người khác mà người đó lại không biết, như thế cũng là ăn trộm, là phạm giới trộm cắp.

Lại có câu:

"Dù là một cây kim, một sợi chỉ,
đều là của bố thí."

Những gì người ta đem cho chùa, dù là một cây kim hay một sợi chỉ, đều gọi là "của bố thí." Do đó, chúng ta không được tùy tiện phá hoại, lạm dụng của Thường Trụ. Phàm là đồ vật thuộc về Thường Trụ, thì dù là người xuất gia sống trong chùa cũng không được tùy tiện lấy đem cho kẻ khác. Trường hợp đó là vật sở hữu của riêng mình thì không sao, thí dụ quý vị có cái áo không mặc nữa nên đem cho người khác, như thế thì được. Còn nếu là đồ vật thuộc của chung của cả chùa, thì ngay cả một sợi chỉ cũng không được tùy tiện đem cho người khác để lấy cảm tình; bởi đó gọi là "mua lòng cá nhân," muốn làm cho người ta có thiện cảm với mình, muốn kết thân với dụng ý riêng. Nếu quý vị muốn làm cho kẻ khác có ấn tượng tốt về mình, để họ thích hộ Pháp và cúng dường riêng cho cá nhân mình, thì đó là điều hết sức sai lầm! Tất cả mọi người cần phải đặc biệt chú ý điểm này!

Vậy, không cần nhiều, dù chỉ một tờ giấy, một sợi chỉ, thậm chí một hạt gạo của chùa mà thôi, nếu quý vị vì tình cảm riêng tư mà tự tiện đem cho người khác, tức là quý vị "phá hoại, lạm dụng của Thường Trụ." Phàm là người xuất gia, đồ đạc của riêng cá nhân mình thì mình có quyền tặng cho người khác, song đối với những thứ thuộc của chung, thì cho dù là một cây nhang mình cũng không được tự tiện đem cho người khác.

"Gạt gẫm hàng bạch y." "Bạch y" (áo trắng) là chỉ cho hàng cư sĩ, những người tại gia. Những kẻ giả danh Sa Môn ấy chẳng những thiếu thành thật, chỉ toàn nói lời dối trá để lừa gạt người tại gia, mà lại còn **"trái phạm Giới Luật, tạo vô số tội ác"** nữa. Họ không tuân thủ Giới Luật, không trì giữ Ngũ Giới, Bát Quan Trai Giới, Sa Di Thập Giới, Bồ Tát Giới, Tỳ Kheo Giới, Tỳ Kheo Ni Giới; lại còn gây ra không biết bao nhiêu thứ tội ác. "Vô số" tức là không phải chỉ có một loại, mà là rất nhiều loại, ngoài sức tưởng tượng của chúng ta.

"Hạng người như thế, những kẻ giả danh Sa Môn đó, **phải đọa vào địa ngục Vô Gián trong ngàn muôn ức kiếp, không lúc nào mong ra khỏi được."**

KINH VĂN:

"Nếu có chúng sanh trộm cắp tài vật, lúa gạo, đồ ăn thức uống, y phục của Thường Trụ, cho đến không cho mà lấy một vật; kẻ đó phải đọa vào địa ngục Vô Gián trong ngàn muôn ức kiếp, không lúc nào mong ra khỏi được."

LƯỢC GIẢNG:

"Nếu có chúng sanh trộm cắp tài vật, lúa gạo, đồ ăn thức uống, y phục của Thường Trụ, cho đến không cho mà lấy một vật..."

Thuở trước, có một vị Đại Bồ Tát phát nguyện rằng: "Giả sử có người phạm các tội Ngũ Nghịch, Tứ Trọng, Thập Ác, thì tôi vẫn có thể cứu độ được. Duy trường hợp trộm cắp tài vật của Thường Trụ, dù chỉ là một lá cây hay một cọng cỏ, thì tôi không thể nào cứu nổi, vì tôi không có cách nào cứu được người đó. Giả

sử có người giết chết tám vạn bốn ngàn cha mẹ của mình, tạo tội nghiệt thâm trọng đến dường ấy, thì bằng nguyện lực của mình, tôi vẫn có thể cứu được người đó thoát khỏi địa ngục. Song le, nếu người đó trộm cắp tài vật, đồ ăn thức uống của Thường Trụ (dù chỉ một hạt gạo) thì tôi không tài nào cứu nổi!"

Qua lời nguyện trên, quý vị có thể thấy được rằng trộm cắp tài vật của chùa là tội lớn nhất, nghiêm trọng nhất. Chúng ta, những người tin Phật, cần phải hiểu cho thấu đáo điều này. Phàm là tài sản của Thường Trụ, như lúa gạo, đồ ăn thức uống, hoặc ngay cả một món đồ hết sức nhỏ bé, tầm thường, nhưng nếu chưa được chủ nhân ở chùa cho phép thì quý vị cũng không được lấy; bằng không, sẽ mắc tội "không cho mà lấy." Và như thế, **"kẻ đó phải đọa vào Địa Ngục Vô Gián trong ngàn muôn ức kiếp, không lúc nào mong ra khỏi được."**

KINH VĂN:

Ngài Địa Tạng thưa rằng: "Thánh Mẫu! Nếu có chúng sanh nào phạm những tội như thế, thì kẻ đó phải đọa vào Ngũ Vô Gián địa ngục, cầu tạm ngừng sự đau khổ trong chừng một niệm cũng không được."

LƯỢC GIẢNG:

Ngài Địa Tạng thưa với Ma Da Phu Nhân **rằng: "Thánh Mẫu! Nếu có chúng sanh nào phạm những tội như thế**, gây ra vô số nghiệp tội như tôi vừa kể, **thì kẻ đó phải đọa vào Ngũ Vô Gián địa ngục**, địa ngục có năm loại không gián đoạn. Bấy giờ, chúng sanh đó **cầu tạm ngừng sự đau khổ trong chừng một niệm**, một khoảnh khắc vô cùng ngắn ngủi, **cũng không được."**

KINH VĂN:

Ma Da Phu Nhân lại bạch cùng Bồ Tát Địa Tạng: "Thế nào gọi là địa ngục Vô Gián?"

Ngài Địa Tạng thưa rằng: "Thánh Mẫu! Tất cả địa ngục đều ở trong núi Đại Thiết Vi. Địa ngục lớn có mười tám chỗ; thứ

kế có năm trăm chỗ, danh hiệu đều khác nhau; thứ kế nữa lại có đến ngàn trăm, danh hiệu cũng đều khác nhau.

"Ngục Vô Gián có ngục thành giáp vòng hơn tám vạn dặm; thành đó thuần bằng sắt, cao một vạn dặm; trên thành có lửa tụ, không chỗ nào hở trống. Trong ngục thành đó, các nhà ngục nối tiếp nhau, danh hiệu đều sai khác."

LƯỢC GIẢNG:

Ma Da Phu Nhân, mẫu thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, **lại bạch cùng Bồ Tát Địa Tạng: "Thế nào gọi là địa ngục Vô Gián?** Vì sao địa ngục đó lại có tên là 'vô gián'?"

Ngài Địa Tạng thưa rằng: "Thánh Mẫu! Tất cả địa ngục đều ở trong núi Đại Thiết Vi. Trong số đó, **địa ngục lớn có mười tám chỗ**, có mười tám sở ngục thuộc loại lớn nhất**; thứ kế có năm trăm chỗ, danh hiệu đều khác nhau; thứ kế nữa lại có đến ngàn trăm, danh hiệu cũng đều khác nhau."**

"Ngục Vô Gián có ngục thành giáp vòng hơn tám vạn dặm; thành đó thuần bằng sắt, cao một vạn dặm." Bức thành này làm bằng sắt, cao mười ngàn dặm (lý), và bao quanh một chu vi rộng hơn tám mươi ngàn dặm.

"Trên thành có lửa tụ, không chỗ nào hở trống." Trên mặt thành lửa cháy ngùn ngụt: lửa ở phía đông bắn sang tường thành phía tây, lửa ở phía tây lại bắn qua tường thành phía đông; lửa ở phía nam phụt sang tường thành phía bắc, lửa ở phía bắc cũng phụt tới tường thành phía nam. Trong địa ngục này đâu đâu cũng rực lửa và đông đảo vô số ác thú, chẳng sót chỗ nào. **Trong ngục thành đó, các nhà ngục nối tiếp nhau, danh hiệu đều sai khác."** Bên trong bức thành bằng sắt là các địa ngục nằm san sát nhau và mỗi ngục đều có một tên gọi riêng biệt.

KINH VĂN:

"Chỉ có một ngục tên là Vô Gián. Ngục này chu vi một vạn tám ngàn dặm; tường ngục cao một ngàn dặm, toàn bằng sắt và

có lửa cháy suốt trên suốt dưới. Trên tường ngục có rắn sắt, chó sắt phun lửa đuổi nhau chạy bên này sang bên kia."

LƯỢC GIẢNG:

"Chỉ có một ngục tên là Vô Gián." Chỉ có độc nhất một địa ngục có tên là Vô Gián mà thôi. "Vô gián" tức là liên tục, không gián đoạn: sự thống khổ trong địa ngục Vô Gián thì không có lúc ngừng dứt, tội nhân ở đó phải chịu khổ sở, đau đớn luôn luôn. Vì sao họ phải luôn luôn chịu đựng vô vàn thống khổ như vậy? Các linh hồn thọ tội trong địa ngục này là ai? Đó là những người đã từng gây ra tội lỗi. Mỗi người đều có một linh hồn, và nếu người nào có tội thì linh hồn của người đó phải vào địa ngục để chịu tội.

Người ở thế gian nếu bị lửa thiêu hoặc bị chém thì đều có thể chết, và chết rồi thì chẳng còn biết đau đớn khổ sở gì nữa; thế thì ở địa ngục, phải chăng chết rồi thì cũng không còn hay biết gì cả? Đúng thế, cũng không hay biết gì cả! Tuy nhiên, ở địa ngục thì tội nhân cứ chết đó rồi sống đó: sống lại rồi chết đi, chết đi rồi sống lại, và cứ liên miên như thế mãi. Sống lại như thế nào?

Ở địa ngục có hai loại gió, gọi chung là "xảo phong" (gió tinh khôn). Vì sao gọi là "xảo phong"? Bởi vì hai luồng gió này rất kỳ lạ: một luồng gọi là "xú phong" (gió thối), và một luồng là "hương phong" (gió thơm). "Hương phong" thì làm cho tội nhân sống lại với tướng mạo rất viên mãn và sau đó được thăng lên cõi trời; còn "xú phong" thì cũng làm cho tội nhân sống lại song với hình dạng vô cùng xấu xí, như loài A-tu-la vậy. (Mấy hôm trước tôi đã có giảng rồi, mặt mày của họ rất xấu xí, mắt mũi miệng đều "dọn nhà," dồn hết về một chỗ với nhau, như muốn làm một "công ty hợp doanh" vậy; quý vị thấy như thế có xấu xí, kỳ quái không?) Những người thọ tội ở địa ngục thì đa số là gặp ngọn gió "xú phong." Bởi hễ "xú phong" thổi qua thì tội nhân sống lại và họ cứ phải chết đi rồi sống lại, sống lại rồi chết đi, thống khổ triền miên, không hề gián đoạn, nên gọi là "vô gián."

"Ngục này chu vi một vạn tám ngàn dặm; tường ngục cao một ngàn dặm." Chính vì tường ngục quá cao, làm cản trở

ánh mặt trời, cho nên ở địa ngục luôn luôn tối tăm, u ám. Tuy nhiên, cũng may là còn có lửa, nhờ có ánh lửa lập lòe mà tội nhân có thể trông thấy được một vài thứ ở chung quanh. Song, lửa này là một thứ "lửa nghiệp" (nghiệp hỏa), có thể thiêu đốt tội nhân đến cháy da chín thịt, vô cùng lợi hại, thống khổ không tài nào chịu nổi! Bây giờ quý vị thử nghĩ xem, nếu phải vào địa ngục này, thì chúng ta sẽ như thế nào? Ở đó, chúng ta hoàn toàn không có sự tự do tự tại, dù chỉ trong một khoảnh khắc vô cùng ngắn ngủi!

Địa ngục Vô Gián có tường cao đến một ngàn dặm và **"toàn bằng sắt."** Thứ sắt này vừa kiên cố lại vừa mát lạnh. Đó là biểu thị nghiệp báo của chúng sanh quá kiên cố, đến chốn này rồi thì trong lòng trở nên nguội lạnh: không còn tâm tranh danh, chẳng còn tâm đoạt lợi, chỉ một mực chịu khổ mà thôi: "Chao ôi! Khổ quá, khổ quá, thật là quá khổ!" Do đó, nếu quý vị vào địa ngục này rồi thì cái tâm gì cũng không còn nữa: bị tát một bạt tai cũng còn đỡ hơn nhiều so với cái khổ bị "lửa nghiệp" thiêu đốt, bị đá một cú vẫn không đau đớn bằng bị chó sắt rượt cắn và bấy giờ quý vị sẽ cảm thấy thế nào là "tri túc" (biết đủ)!

"Và có lửa cháy suốt trên suốt dưới." Cả bức tường đều hừng hực lửa, ở trên lửa cháy phụt xuống, ở dưới lửa cháy bốc lên.

"Trên tường ngục có rắn sắt, chó sắt phun lửa đuổi nhau chạy bên này sang bên kia." Tại bốn góc tường thành thì mỗi góc đều có một con chó sắt thật lớn chực sẵn. Tường ngục cao một ngàn dặm, thì những con chó sắt này cũng cao khoảng tám trăm dặm. Mỗi con có tám cái đầu, mỗi đầu có tám cái sừng, tương tự như sừng trâu vậy. Như thế, loài chó tám đầu này mỗi con có sáu mươi bốn cái sừng; và mỗi khi chúng lúc lắc đầu hoặc quay tới quay lui, thì biến thành vòng lửa (hỏa luân), vòng đao (đao luân). Hễ gặp người tội nào thì chúng lao tới, dùng sừng mà đâm người tội đó.

Trong quý vị có ai đã từng trông thấy quái vật như loài chó có sừng này chưa? Nếu chưa thì có thể đến địa ngục xem thử cho biết; có điều, xem xong thì không thể trở về lại được nữa, lọt vào đó rồi thì bặt tăm bặt tích luôn, vĩnh viễn chẳng thoát ra được! Đến chốn ấy không phải như đi xem chiếu bóng, xem xong thì có thể thong thả ra về! Một khi đã vào địa ngục rồi thì quý vị chẳng còn nhà để về, cũng không được tự do tự tại nữa!

Ở địa ngục Vô Gián, các loài rắn sắt và chó sắt đó không chỉ cắn tội nhân, mà chúng còn có thể phun lửa, và mình mẩy chúng cũng rực lửa. Lửa ấy thiêu đốt thân thể chúng, gây ra một mùi hôi tanh khét lẹt, khiến ai ngửi phải cũng lợm giọng, buồn nôn, thậm chí cả lục phủ ngũ tạng cũng muốn tuôn ra ngoài. Thật khó mà chịu đựng cái mùi thối tha nồng nặc như thế! Cho nên, chẳng cần phải đi xem, bây giờ quý vị chỉ tưởng tượng thôi cũng thấy bồn chồn khó chịu, không tự tại chút nào rồi!

Như vậy, trên tường thành của ngục Vô Gián có rắn sắt và chó sắt lăng xăng bò qua bò lại, chạy tới chạy lui.

KINH VĂN:

"Trong ngục có giường rộng khắp muôn dặm; một người thọ tội thì tự thấy thân mình nằm chật cả giường, ngàn muôn người thọ tội thì mỗi người cũng đều tự thấy thân mình đầy chật cả giường. Đó là do các nghiệp chiêu cảm mà gặt lấy quả báo như thế."

LƯỢC GIẢNG:

"Trong ngục có giường rộng khắp muôn dặm." Song giường đó không phải để cho người ta ngủ; thế thì để làm gì? Để cho các tội nhân lên nằm mà chịu tội!

Giường đó như thế nào? Giường đó rộng đến cả vạn dặm; và nếu **"một người thọ tội thì tự thấy thân mình nằm chật cả giường, ngàn muôn người thọ tội thì mỗi người cũng đều tự thấy thân mình đầy chật cả giường."** Một người nằm trên giường ấy thọ tội thì người ấy tự thấy thân mình choán hết cả giường; mà dẫu có đến ngàn vạn người cùng thọ tội, thì ai nấy

đều tự thấy thân thể của chính mình trải đầy, chiếm trọn cả cái giường rộng lớn.

"Đó là do các nghiệp chiêu cảm mà gặt lấy quả báo như thế." Do sự cảm vời của bao tội chướng và ác nghiệp đã tạo khi trước, cho nên tội nhân phải nhận lãnh quả báo như thế.

KINH VĂN:

"Lại nữa, các tội nhân còn phải chịu đủ sự khổ sở; như có cả ngàn trăm Dạ-xoa cùng các ác quỷ, răng nanh như đao kiếm, mắt như ánh điện chớp, tay có móng đồng, lôi kéo người tội.

Lại có quỷ Dạ-xoa cầm cây kích sắt lớn đâm vào mình người tội, hoặc đâm trúng miệng mũi, hoặc đâm trúng bụng lưng, rồi hất tung lên trên không và hứng lấy, hoặc để lại trên giường.

Lại có chim ưng bằng sắt mổ ăn mắt người tội.

Lại có rắn sắt quấn cổ người tội.

Tội nhân còn bị đóng đinh dài vào các khớp xương và lóng đốt trong thân, kéo lưỡi cày bừa, móc ruột bằm chặt, rót nước đồng vào miệng, quấn sắt nóng quanh thân; muôn lần chết đi sống lại.

Nghiệp cảm như thế, trải qua ức kiếp không lúc nào mong ra khỏi được."

LƯỢC GIẢNG:

Chúng ta bất luận trong lúc tụng Kinh, niệm Phật, hay trì Chú, đều cần phải biết vận dụng khí lực. Vận dụng như thế nào? Nguồn khí này phải phát xuất từ đan điền và khi vận hành trở về thì cũng tụ lại ở đan điền. Đan điền tức là huyệt đạo nằm phía dưới rốn.

Dù là lúc tụng Kinh, niệm Phật, hay trì Chú, luồng khí này phát xuất đều phải từ đan điền; trả về cũng phải về lại nơi đó. Luồng khí phát ra từ đan điền thì vừa đủ, quý vị không nên dùng sức quá nhiều, song cũng không được quá ít; cần phải bình thường, vừa phải thôi; như thế mới không tổn khí. Vì phát xuất từ

đan điền, đây là căn bản của khí, cho nên nguồn khí này là liên miên, không đứt đoạn. Nếu không biết cách vận hành thì có thể gây thương tổn cho khí lực, làm nguyên khí bị đứt đoạn; cho nên mọi người cần phải lưu ý điểm này.

Chúng ta bất luận là viết chữ hay làm việc gì, đều cần phải liên tục từ đầu đến cuối. Nếu quý vị vận dụng được năng lực của nguồn khí này, tức là có công phu vậy.

"Lại nữa, các tội nhân còn phải chịu đủ sự khổ sở, chịu đựng vô số thống khổ của chốn địa ngục. **Có cả ngàn trăm Dạ-xoa cùng các ác quỷ, răng nanh như đao kiếm, mắt như ánh điện chớp, tay có móng đồng, lôi kéo người tội ..."** Dạ-xoa vốn là loài ác quỷ, ác quỷ chính là quỷ Dạ-xoa. Quỷ Dạ-xoa, hay Dược-xoa, còn gọi là quỷ "tiệp tật" (chạy nhanh) bởi chúng có thể chạy rất nhanh. Có rất nhiều loại quỷ Dạ-xoa, như Phi Đằng Dạ-xoa (quỷ Dạ-xoa bay nhảy nhanh), Địa Hành Dạ-xoa (quỷ Dạ-xoa đi trên đất) ...; và loại ác quỷ đề cập ở đây chính là Địa Hành Dạ-xoa.

Vậy, trong địa ngục có vô số quỷ Dạ-xoa và ác quỷ; miệng của chúng trông như chậu máu, răng thì bén nhọn chẳng kém gì bảo kiếm, mắt lại lóe sáng như tia chớp, còn tay và móng vuốt thì cứng chắc như đồng. Chúng thò tay ra là túm chặt được người tội. Bị chúng bắt được rồi thì hễ chúng bảo đi đâu là tội nhân phải đi đó; chỉ một cái phất tay của chúng là tội nhân có thể bị hất văng ra xa tới cả mấy mươi trượng hoặc mấy trăm trượng, bởi chúng mạnh mẽ vô cùng.

"Lại có quỷ Dạ-xoa cầm cây kích sắt lớn đâm vào mình người tội, hoặc trúng miệng mũi, hoặc trúng bụng lưng, rồi hất tung lên trên không và hứng lấy." Có một số quỷ Dạ-xoa thì cứ cầm cây kích bằng sắt thật lớn mà đâm bừa vào thân tội nhân, khi thì đâm trúng miệng trúng mũi, lúc lại thọc nhằm bụng nhằm lưng. Đâm trúng rồi thì chúng hất tội nhân lên không trung, và khi tội nhân rơi xuống lại thì chúng giơ cây kích sắt ra để đón lấy.

"Hoặc để lại trên giường." Cũng có khi quỷ Dạ-xoa đặt tội nhân trên giường, song không phải để cho tội nhân nằm ngủ, mà là để chúng lấy cây kích sắt ra đâm chém tiếp.

"Lại có chim ưng bằng sắt mổ ăn mắt người tội." Trong địa ngục còn có một giống chim ưng bằng sắt, chuyên môn mổ mắt tội nhân mà ăn, hoặc mổ đầu tội nhân cho bể ra rồi moi lấy não mà ăn.

"Lại có rắn sắt quấn cổ người tội." Lại còn có một loại rắn bằng sắt chuyên môn quấn lấy cổ tội nhân.

"Tội nhân còn bị đóng đinh dài vào các khớp xương và lóng đốt trong thân." Khắp cơ thể tội nhân, mọi khớp xương, lóng, đốt tay chân ... đều bị đóng bằng một loại đinh dài.

"Kéo lưỡi cày bừa." Chúng ta không nên nói dối và cũng đừng nói chuyện thị phi, bàn tán lỗi phải của người khác. Bất luận người khác đối xử với chúng ta như thế nào, chúng ta đều không nên phê phán, kể lể hoặc nói xấu họ. Bằng không, trong tương lai, quý vị sẽ bị đọa vào địa ngục Bạt Thiệt (kéo lưỡi). Tội nhân ở địa ngục này đều bị kéo lưỡi ra, rồi bị cày lên trên giống như cày ruộng vậy.

"Móc ruột bằm chặt." Tội nhân còn phải chịu hình phạt là bị moi hết ruột ra, và thân thể bị bằm chém.

"Rót nước đồng vào miệng, quấn sắt nóng quanh thân." Ở địa ngục này, tội nhân còn bị đổ nước đồng nấu chảy vào miệng, hoặc bị quấn quanh người bằng dây sắt nung nóng.

Chỉ một ngày một đêm tại địa ngục này thôi mà tội nhân phải chịu đến **"muôn lần chết đi sống lại!"**

"Nghiệp cảm như thế, trải qua ức kiếp không lúc nào mong ra khỏi được." Đó là do sự chiêu cảm của nghiệp lực. Hễ bị đọa vào địa ngục này rồi thì tối thiểu cũng phải ở đó tới mấy ức kiếp. Muốn được ra khỏi địa ngục này thật không phải dễ, đã vào rồi thì đừng mong có kỳ hạn được thoát ra!

KINH VĂN:

"Lúc thế giới này hư hoại thì sanh nhờ qua thế giới khác; thế giới khác đó hư hoại thì chuyển sang phương khác; lúc phương khác đó hư hoại thì lại lần lượt chuyển đi; rồi sau khi thế giới này thành thì trở về lại. Những sự tội báo trong ngục Vô Gián là như thế.

Lại do có năm sự nghiệp cảm, nên gọi là Vô Gián. Những gì là năm?

Một là ngày đêm thọ tội, cho đến bao kiếp, không lúc nào dứt, nên gọi là Vô Gián.

Hai là một người cũng đầy chật, nhiều người cũng đầy chật, nên gọi là Vô Gián.

Ba là có những khí cụ hành hình người tội như cái chỉa, gậy, chim ưng, rắn, chó sói, chó, cối, cưa, đục, giũa, búa rìu, vạc dầu sôi, lưới sắt, dây sắt, lừa sắt, ngựa sắt, da sống niềng đầu, nước sắt nóng rưới thân; và khi đói thì nuốt viên sắt, khát uống nước sắt ...; quanh năm suốt kiếp, cho đến na-do-tha kiếp, khổ sở triền miên, không hề gián đoạn, nên gọi là Vô Gián.

Bốn là bất luận kẻ nam người nữ, Khương Hồ di địch, người già trẻ nhỏ, kẻ sang người hèn, hoặc rồng hoặc thần, hoặc trời hoặc quỷ, hễ gây tội ác thì chiêu cảm lấy nghiệp, tất cả đồng chịu như nhau, nên gọi là Vô Gián.

Năm là nếu bị đọa vào địa ngục này, thì từ khi mới vào cho tới trăm ngàn kiếp, mỗi ngày mỗi đêm đều muôn lần chết đi muôn lần sống lại, muốn cầu tạm ngừng trong chừng một niệm cũng không được, trừ phi nghiệp tội tiêu hết mới được thọ sanh; do cứ liên miên như thế nên gọi là Vô Gián."

Địa Tạng Bồ Tát thưa với Thánh Mẫu rằng: "Nói sơ lược về địa ngục Vô Gián là như thế. Nếu nói rộng ra về tên của những khí cụ hành tội cùng những sự thống khổ trong địa ngục đó, thì trong suốt một kiếp cũng không thể nào nói hết được!"

Ma Da Phu Nhân nghe xong, ưu sầu chắp tay đảnh lễ mà lui ra.

LƯỢC GIẢNG:

Thọ mạng thông thường của nhân loại chúng ta hiện nay là trên sáu mươi tuổi, đây là nói chung chung thôi, không kể đến các trường hợp đặc biệt. Tuy có người thì sống tới hơn một trăm tuổi, và cũng có người thì lại chết lúc mới lên một, lên hai; song chúng ta không thể căn cứ vào thiểu số cá biệt đó mà kết luận rằng tuổi thọ của nhân loại là một hai tuổi hoặc hơn một trăm tuổi được.

Thọ mạng trung bình của con người vào thời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất thế là 70 đến 80 tuổi, còn thời nay là từ 60 đến 70 tuổi. Ban sơ, thọ mạng của loài người là tám vạn bốn ngàn tuổi (84.000); sau đó, cứ một trăm năm thì tuổi thọ của con người lại giảm đi một tuổi, chiều cao cũng giảm bớt một tấc (thốn), và cứ giảm như thế cho đến khi thọ mạng của con người chỉ còn mười tuổi: đây là "kiếp giảm."

Từ thọ mạng mười tuổi, cứ một trăm năm thì tuổi thọ con người lại tăng thêm một tuổi và thân cao thêm một tấc (thốn), và cứ tăng như thế cho đến tám vạn bốn nghìn tuổi: đây là "kiếp tăng."

Một lần tăng và một lần giảm, gọi là một kiếp. Một ngàn kiếp như thế gọi là một tiểu kiếp. Hai mươi tiểu kiếp gọi là một trung kiếp; và bốn trung kiếp gọi là một đại kiếp. Trong một đại kiếp (tức là bốn trung kiếp hoặc 80 tiểu kiếp) thì có hai mươi tiểu kiếp "thành," hai mươi tiểu kiếp "trụ," hai mươi tiểu kiếp "hoại," và hai mươi tiểu kiếp "không."

Thế giới nào cũng trải qua các giai đoạn "thành, trụ, hoại, không": nhất định phải có lúc hư hoại! Như mấy ngàn năm trước, có nơi là quốc gia mà nay cả lục địa đều chìm dưới nước; hoặc có nơi do động đất nên cả quốc gia, trọn làng, hoặc nguyên cả một khu vực đều bị chôn vùi hết, đó chính là "hoại" vậy.

Vậy, bấy giờ, Địa Tạng Vương Bồ Tát nói tiếp: **"Lúc thế giới này hư hoại thì sanh nhờ qua thế giới khác."** Không phải là thế giới này hoại rồi thì chẳng còn địa ngục, chẳng còn nghiệp

tội! Không phải như thế! Thế giới này hư hoại rồi thì tội nhân phải dời qua thế giới khác, sống nhờ ở thế giới khác.

"Thế giới khác đó hư hoại thì chuyển sang phương khác." Lúc thế giới khác cũng tuần tự hư hoại, thì lại dời sang nơi khác nữa.

"Lúc phương khác đó hư hoại thì lại lần lượt chuyển đi." Nói tóm lại, hễ nơi nào bị hư hoại thì cứ thứ tự dời sang nơi còn tốt.

"Rồi sau khi thế giới này thành thì trở về lại." Đợi đến khi thế giới ban đầu (cũ) được thành lập trở lại rồi, thì lại trở về thế giới này.

"Những sự tội báo trong ngục Vô Gián là như thế." Đó là những tội báo ở địa ngục Vô Gián. Vì sao gọi là "vô gián"? Vì tội báo ở địa ngục này là liên miên bất tận, không hề có sự gián đoạn!

"Lại do có năm sự nghiệp cảm (năm việc do nghiệp lực cảm vời mà ra) **nên gọi là Vô Gián."** Địa ngục Vô Gián, tiếng Phạn gọi là địa ngục "A Tỳ (Avici)."

"Những gì là năm? Năm sự nghiệp cảm ấy là gồm những gì? **Một là ngày đêm thọ tội, cho đến biết bao số kiếp, không bao giờ dứt, nên gọi là Vô Gián."** Nghiệp cảm thứ nhất là tội nhân ở địa ngục này phải chịu tội suốt ngày suốt đêm, trong vô lượng vô số kiếp. Bởi những khổ báo mà họ phải chịu do trót đã trồng cái nhân gây nghiệp thọ khổ thì không lúc nào ngừng dứt, cho nên gọi là địa ngục Vô Gián.

"Hai là một người cũng đầy chật, nhiều người cũng đầy chật; nên gọi là Vô Gián." Tại địa ngục này, một người ở thôi thì cũng thấy chật cả ngục, mà nhiều người ở thì cũng thấy đầy chật cả ngục, nên gọi là địa ngục Vô Gián.

"Ba là có những khí cụ hành tội như cái chỉa, gậy, chim ưng, rắn, chó sói, chó, cối, ..." Bởi thân người là một khí cụ tạo nghiệp, cho nên lúc thọ báo, thân thể con người cũng chính là khí

cụ chịu tội, như một loại máy móc vậy. "Cối" tức là cái cối dùng để giã gạo, nhưng ở đây là để bỏ người tội vào mà giã nát ra.

Lại còn có các hình cụ khác như **"cưa**: để cưa xẻ thân thể tội nhân**, đục**: để đục khoét thành lỗ trên thân**, giũa**: để mài giũa xương cốt**, búa rìu**: dùng búa đập xương cho nát nhừ**, vạc dầu sôi..."** Trong ngục lại có cả vạc dầu sôi sùng sục để chiên người tội; quý vị nghe có đáng sợ không?

Ngoài ra, trong ngục còn có cả **"lưới sắt, dây sắt, lừa sắt, ngựa sắt, da sống niềng đầu, nước sắt nóng rưới thân"** nữa. Tội nhân còn bị niềng đầu bằng da sống, hoặc bị đổ nước sắt nóng lên khắp mình mẩy.

"Và khi đói thì nuốt viên sắt, khát uống nước sắt." Những người tội này khi đói thì ăn gì? Khi đói bụng thì tội nhân chỉ có những hòn sắt để ăn; và lúc cổ khô khát nước, họ không có nước lọc hay nước trà, mà chỉ có nước sắt nóng để giải khát! **"Quanh năm suốt kiếp, cho đến na-do-tha kiếp, khổ sở triền miên, không hề gián đoạn.** Bởi ròng rã từ năm này sang năm khác, cho đến vô lượng kiếp, những khổ báo ở địa ngục này vẫn cứ liên tục tiếp diễn, vĩnh viễn chẳng có lúc ngừng dứt, **nên gọi là Vô Gián."**

"Bốn là bất luận kẻ nam người nữ, Khương Hồ di địch..."

Ở Trung Hoa, dân chúng sinh sống tại khu vực Sơn Đông, Sơn Tây, Hà Nam, Hà Bắc đều nói tiếng Quốc Ngữ; và người Trung Hoa thời xưa thường gọi cư dân miền Hồ Nam là "rợ phương Nam" (Nam man tử). Vì sao gọi họ là "man rợ"? Vì người ta không hiểu họ nói gì cả! Thuở ấy, đừng nói là tiếng Anh tiếng Mỹ, ngay cả tiếng Trung Hoa mà giữa người Trung Hoa cũng không hiểu được nhau nữa, cho nên mới gọi họ là "man tử." Lúc bấy giờ, nước Trung Hoa chưa có sự giao dịch với các nước phương Tây, và người Trung Hoa cũng chưa thạo Anh ngữ.

Thời cổ xưa, người Trung Hoa ở miền trung ương thường gọi các dân tộc thiểu số sinh sống tại bốn phương là "Nam man, Bắc khuyển, Đông di, Tây địch." Trong chữ "man" có chữ

"trùng" (sâu bọ) nằm ở dưới; ý nói người ở phương Nam như loài rắn vậy. Còn đối với người ở phương Bắc thì sao? Thì gọi là "khuyển nhung" ("khuyển" có nghĩa là chó). Trong chữ "địch" (mọi rợ) có chữ "khuyển" (chó) đứng một bên, ám chỉ dân chúng ở địa phương đó đều là từ loài chó biến thành.

"Khương" tức là bộ tộc người Khương. Quý vị hãy nhìn xem, trong chữ "khương" thì có chữ "dương" (dê) nằm bên trên, ngụ ý rằng những người này là từ súc sanh biến thành. Còn "Hồ" là bộ tộc người Hồ.

"Người già, trẻ nhỏ." Bao nhiêu tuổi thì gọi là "già"? Tám mươi tuổi thì được gọi là "già"! Bao nhiêu tuổi thì gọi là "trẻ nhỏ"? Đó là các trẻ em dưới mười tuổi.

"Kẻ sang, người hèn." "Quý vi thiên tử": vua là cao sang; "tiện vi thứ dân": dân là thấp hèn.

Vậy, bất luận là nam nữ, mán mường mọi rợ, già trẻ, sang hèn, **"hoặc rồng hoặc thần, hoặc trời hoặc quỷ, hễ gây tội ác thì chiêu cảm lấy nghiệp, tất cả đồng chịu như nhau**. Nếu họ phạm tội ác thì nghiệp báo cảm vời mà họ phải nhận lãnh đều giống nhau, **nên gọi là Vô Gián."**

"Năm là nếu bị đọa vào địa ngục này, thì từ khi mới vào cho đến trăm ngàn kiếp, mỗi ngày mỗi đêm đều muôn lần chết đi muôn lần sống lại." Tội nhân ở đây hễ chết thì liền bị ngọn gió "xảo phong" thổi tới làm cho sống lại; sống lại thì tiếp tục thọ tội, bị hành hình tới chết; chết rồi thì lại gặp gió "xảo phong" thổi cho sống trở lại nữa; nên nói là "vạn tử vạn sanh": muôn lần chết đi muôn lần sống lại.

"Cầu xin tạm ngừng trong chừng một niệm cũng không được." Các tội nhân trong ngục này chỉ cầu mong có một khoảnh khắc vô cùng ngắn ngủi được tạm ngưng thọ khổ, nhưng chẳng bao giờ có được! Phải thế nào thì sự khổ ở đó mới đình chỉ?

"Trừ phi nghiệp tội tiêu hết mới được thọ sanh: chỉ khi nào nghiệp chướng tiêu tan thì tội nhân mới có thể thọ sanh nơi khác: **vì cứ liên miên như thế nên gọi là Vô Gián."**

Địa Tạng Bồ Tát thưa với Thánh Mẫu, tức Ma Da Phu Nhân, **rằng: "Nói sơ lược về Địa Ngục Vô Gián là như thế. Nếu nói rộng thêm về tên của những khí cụ hành tội cùng những sự khổ sở trong địa ngục đó, thì suốt một kiếp cũng không nói hết được!"** Nếu kể ra thật tỉ mỉ như gây tội gì thì phải chịu quả báo gì, liệt kê đầy đủ tên của từng hình cụ cùng khí trượng, và tất cả những sự thọ khổ ở Địa Ngục Vô Gián, thì dù có nói ròng rã trọn một kiếp cũng không thể nào nói cho hết được!

Ma Da Phu Nhân nghe xong, buồn rầu chắp tay đảnh lễ mà lui ra. Sau khi nghe Địa Tạng Vương Bồ Tát nói xong, thân mẫu của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vô cùng áo não; Bà hướng về phía Bồ Tát mà cúi đầu đảnh lễ, rồi lui vào trong.

KINH ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỔN NGUYỆN THIỂN THÍCH

Quyển Thượng

Phẩm Thứ Tư

Nghiệp cảm của chúng sanh ở cõi diêm phù

"Cõi Diêm Phù" tức là cõi Nam Diêm Phù Đề này của chúng ta. "Chúng sanh" tức là hết thảy mọi loài có sinh ra. "Nghiệp" là nghiệp nhân do mình tạo tác; "cảm" là chiêu cảm, cảm vời ra. Vậy, gây nghiệp gì thì thọ báo đó: trồng thiện nhân thì được thiện quả, gieo ác nhân tất gặp ác báo; đó gọi là "nghiệp cảm."

KINH VĂN:

Lúc đó, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Con nhờ nương sức oai thần của Đức Phật Như Lai, nên chia được thân hình này đến khắp trăm ngàn vạn ức thế giới để cứu vớt tất cả chúng sanh bị nghiệp báo.

Nếu không nhờ sức đại từ của Đức Như Lai, thì chẳng thể biến hóa được như thế. Con nay lại được Đức Phật phó chúc: Từ nay cho đến khi Ngài A Dật Đa thành Phật, phải làm cho chúng sanh trong Lục Đạo đều được độ thoát. Con xin vâng! Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài chớ lo âu!"

LƯỢC GIẢNG:

Lúc đó, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Con nhờ nương sức oai thần của Đức Phật Như Lai. Đại Bồ Tát Địa Tạng không hề đề cao chính mình: "Tôi có đại thần thông, có đại trí huệ, có tài biện luận vô ngại...", mà Ngài chỉ nói là nhờ vào oai đức và sức thần thông của Phật, **nên chia được thân hình này đến khắp trăm ngàn vạn ức thế giới để cứu vớt tất cả chúng sanh bị nghiệp báo**, giáo hóa những kẻ còn khởi hoặc, đang tạo nghiệp, thọ báo.

Nếu không nhờ sức đại từ của Đức Như Lai, thì chẳng thể biến hóa được như thế. Chính nhờ có sự trợ lực đại từ đại bi của Phật, Địa Tạng Vương Bồ Tát mới có được cả trăm ngàn vạn ức hóa thân để chia nhau đi giáo hóa chúng sanh: đó quả là một sức biến hóa vô cùng lớn lao. Thế nào gọi là "biến"? "Biến" là hỗ tương thay đổi. Còn "hóa" là gì? Đương không bỗng thành có: trước kia vốn chẳng có, nay bỗng nhiên lại có: gọi là "hóa."

Con nay lại được Đức Phật phó chúc: Từ nay cho đến khi Ngài A Dật Đa thành Phật.

"A Dật Đa" nghĩa là gì? Quý vị có biết đó là tên của ai không? Quý vị không biết "A Dật Đa" là ai, thế quý vị có từng nghe đến tên "Di Lặc" chưa? Chính thế, A Dật Đa chính là Di Lặc Bồ Tát! "Di Lặc" là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là "Vô Năng Thắng": ý nói rằng Ngài có thể thắng tất cả, vượt hơn tất cả; không ai có thể hơn Ngài được! "Vô Năng Thắng": "vô" nghĩa là không, "năng" là khả năng, "thắng" là thắng lợi. Quý vị xem,

mấy chữ "Vô Năng Thắng" này ý vị biết bao: không ai có thể thắng được Ngài! Bởi suốt ngày Ngài lúc nào cũng vui vẻ tươi cười, không hề cau có tức giận, nhờ đó Ngài có được trí huệ; có trí huệ là hơn hết, là thắng tất cả, nên gọi là "Vô Năng Thắng."

Ngoài ra, "A Dật Đa" còn được dịch là "Từ Thị" ("từ" là từ bi, "thị" nghĩa là họ).

Đức Phật đã dặn dò Địa Tạng Vương Bồ Tát là kể từ lúc bấy giờ cho đến khi Di Lặc Bồ Tát thành Phật, Ngài Địa Tạng **phải làm cho chúng sanh trong Lục Đạo** (Trời, Người, Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh, A Tu La) **đều được độ thoát.**

Và, Địa Tạng Bồ Tát hứa với Phật rằng: **"Con xin vâng! Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài chớ lo âu!** Nay con vâng nhận lời phó chúc của Phật, nguyện hết lòng gánh vác công việc này. Xin Đức Thế Tôn đừng bận tâm lo nghĩ nữa!"

KINH VĂN:

Bấy giờ Đức Phật bảo Bồ Tát Địa Tạng rằng: "Những chúng sanh chưa được giải thoát thì tánh thức không định, quen làm điều ác thì kết thành nghiệp, quen làm điều thiện thì kết thành quả; làm thiện làm ác đều theo cảnh mà sanh, luân chuyển trong Ngũ Đạo, chẳng tạm ngừng ngớt; trải qua trần kiếp, mê hoặc chướng nạn, như cá bơi trong lưới theo dòng nước chảy, tạm thoát ra được rồi lại mắc vào lưới. Vì những kẻ đó mà Ta phải lo nghĩ.

Đời trước Ông đã phát nguyện, nhiều kiếp lập trọng thệ quảng độ những kẻ có tội, thì Ta còn lo gì nữa!"

LƯỢC GIẢNG:

Bấy giờ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni **bảo Bồ Tát Địa Tạng rằng: "Những chúng sanh chưa được giải thoát**, vẫn còn luẩn quẩn trong vòng luân hồi, **thì tánh thức không định.** Tánh và tri thức của các chúng sanh đó đều không nhất định. Chẳng hạn có người ban đầu muốn học Phật Pháp, nhưng học chưa được bao

lâu thì lại đổi ý, thay đổi tông chỉ: đó là do "tánh thức không định" vậy.

Quen làm điều ác thì kết thành nghiệp, quen làm điều thiện thì kết thành quả. Do vì tánh thức không nhất định, các chúng sanh ấy hễ quen thói xấu ác thì sẽ tạo ra nhiều nghiệp tội; còn nếu biết làm việc thiện thì trong tương lai sẽ có được những kết quả tốt lành.

Làm thiện làm ác đều theo cảnh mà sanh. Thế nào gọi là "theo cảnh mà sanh"? Thí dụ quý vị gặp được bạn tốt (thiện hữu), thường giảng Phật Pháp cho quý vị nghe và hướng dẫn quý vị làm các việc từ thiện; quý vị chăm chú lắng nghe và làm theo và thế là quý vị làm được thiện sự. Thế nhưng, nếu quý vị gặp nhằm bạn xấu (ác hữu), rủ rê quý vị vào con đường rượu chè cờ bạc, chơi bời lêu lổng, sa đọa trụy lạc; và vì nghe mãi cũng bùi tai nên quý vị xiêu lòng đi theo, thì rồi quý vị cũng trở thành hư đốn như họ vậy!

Tương tự như thế, nếu quý vị ở gần người có tánh cần kiệm, thì lâu dần, quý vị cũng sẽ tiêm nhiễm thói quen cần kiệm. Còn nếu sống gần kẻ lười biếng, thì lâu dần, cho dù quý vị vốn là người rất siêng năng chăm chỉ, song đến khi gặp phải "vua lười" thì quý vị cũng bị cảnh giới làm cho lay chuyển mà trở thành người lười biếng. Đó gọi là:

Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.

Nếu quý vị ở gần lọ mực đen (như đang chăm chú viết lách chẳng hạn) thì thế nào tay cũng bị dính mực tự lúc nào mà mình chẳng hay chẳng biết!

Thí dụ có mẩu vải trắng, quý vị đem nhuộm màu cà-phê thì thành màu cà-phê, nhúng vào thuốc nhuộm màu vàng thì thành vải màu vàng; và nói theo bản kinh này thì đó chính là "làm thiện làm ác đều theo cảnh mà sanh" vậy.

Lại nữa, cho dù quý vị vốn không biết uống rượu, không hề dùng ma-túy, nhưng hằng ngày lại giao du với người thích uống rượu hoặc gần gũi người nghiện xì-ke ma túy, thì dần dần quý vị

cũng trở thành giống như họnghiện rượu nghiện thuốc lúc nào không hay! Đó là bởi quý vị kết giao nhằm bạn xấu mà ra! Cho nên, quý vị cần phải đặc biệt lưu ý và phải hết sức thận trọng trong việc kết bạn.

Ngoài ra, bởi chúng ta thường hay lắng nghe lời khuyến cáo của bạn bè, cho nên, trước hết mọi người cần phải biết "chọn bạn mà chơi," phải phân biệt được bạn tốt và bạn xấu. Đối với những người bạn tốt, thân thiện, thì quý vị nên tin tưởng; còn đối với bạn xấu thì bất luận họ nói điều gì quý vị cũng chớ nên tin!

Luân chuyển trong Ngũ Đạo, chẳng tạm ngừng ngớt. Những chúng sanh tánh thức không định ấy cứ phải lẩn quẩn mãi trong năm nẻo đường (Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh, A Tu La, Người) chẳng bao giờ được ngơi nghỉ dù chỉ là tạm thời.

Trải qua trần kiếp, mê hoặc chướng nạn. Suốt trong số kiếp nhiều như bụi trần, các chúng sanh đó phải sống trong cảnh u mê tăm tối, sai lầm rối loạn, nghiệp chướng bủa vây, **như cá bơi trong lưới theo dòng nước chảy, tạm thoát ra được rồi lại mắc vào lưới.**

Đến đây, Đức Phật nêu lên một tỷ dụ vô cùng xác đáng, Phật ví các chúng sanh chưa được giải thoát thì giống như con cá đang quẫy mình vùng vẫy trong lưới vậy. Có thể cá chỉ tạm thời bị mắc lưới rồi chốc lát lại thoát ra được, song thoát ra chưa được bao lâu thì lại bị vướng vào lưới của người đánh cá lần nữa.

"Vì những kẻ đó mà Ta phải lo nghĩ. Ta rất buồn rầu khi nghĩ đến những chúng sanh đáng thương đó."

Quý vị xem, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lo lắng, e rằng chúng ta không thoát ra khỏi "tấm lưới đánh cá" được. Ở đây, "tấm lưới đánh cá" dụ cho sự việc cực kỳ nguy hiểm khiến ngay cả Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng phải lấy làm lo nghĩ. Tuy nhiên, quý vị chớ vội lo âu, chỉ cần chúng ta nhất tâm tinh tấn, chăm chỉ tu học Phật Pháp, thì rồi sẽ có biện pháp giải quyết.

Đời trước Ông đã phát nguyện, nhiều kiếp lập trọng thệ quảng độ những kẻ có tội, thì Ta còn lo gì nữa!" Ở đây, chữ

"ông" là chỉ Địa Tạng Vương Bồ Tát. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo Địa Tạng Vương Bồ Tát rằng: "Từ bao kiếp lâu xa về trước cho đến nay, Ông đều lập thệ nguyện trọng đại, phát tâm rộng lớn độ thoát tất cả những chúng sanh tội khổ; thế nên Ta không còn gì để bận tâm nữa cả! Ta rất yên tâm! Tốt lắm! Ông hãy cứ như thế mà làm!"

KINH VĂN:

Nói đến đây, trong Pháp Hội có một vị Bồ Tát Ma Ha Tát hiệu là Định Tự Tại Vương, bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Từ nhiều kiếp đến nay, Bồ Tát Địa Tạng đã phát thệ nguyện gì mà nay được Đức Thế Tôn ân cần ngợi khen như thế? Cúi mong Đức Thế Tôn lược nói cho."

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Định Tự Tại Vương Bồ Tát: "Lóng nghe! Lóng nghe! Phải khéo suy xét đó, Ta sẽ vì Ông mà giải bày rõ ràng."

LƯỢC GIẢNG:

Nói đến đây, trong Pháp Hội có một vị Bồ Tát Ma Ha Tát hiệu là Định Tự Tại Vương. Bồ Tát Định Tự Tại Vương là một vị đại Bồ Tát; Ngài nhờ tu Định mà chứng đắc được sự an nhiên tự tại. Ngài chẳng những đạt được sự tự tại mà còn là vua về "tự tại" nữa.

Như vậy, sau khi nghe Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói những lời như thế xong, Đại Bồ Tát Định Tự Tại Vương **bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Từ nhiều kiếp đến nay, Bồ Tát Địa Tạng đã phát thệ nguyện gì**: trong mỗi kiếp Ngài đã lập những lời nguyện như thế nào, **mà nay được Đức Thế Tôn ân cần ngợi khen như thế? Cúi mong Đức Thế Tôn lược nói cho.** Nguyện vọng duy nhất của con là được nghe Đức Thế Tôn vì con mà nói sơ qua về việc đó."

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Định Tự Tại Vương Bồ Tát: "Này Định Tự Tại Vương! **Lóng nghe! Lóng nghe! Phải khéo suy xét đó, Ta sẽ vì Ông mà phân giải rõ ràng.** Bây giờ Ta sẽ

vì Ông mà giảng nói, vậy Ông hãy chú ý lắng nghe và suy gẫm cặn kẽ những lời Ta nói."

KINH VĂN:

Vào thuở quá khứ, vô lượng a-tăng-kỳ na-do-tha không thể nói hết số kiếp về trước, lúc đó có Đức Phật hiệu là Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Đức Phật này thọ sáu vạn kiếp.

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni kể lại rằng: **"Vào thuở quá khứ, vô lượng a-tăng-kỳ na-do-tha bất khả thuyết kiếp về trước.** "A-tăng-kỳ" và "na-do-tha" là những số mục rất lớn, nhiều đến vô lượng vô biên.

Vậy, vô lượng vô số kiếp chẳng thể kể xiết về trước,**lúc đó có Đức Phật hiệu là Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.**

Có ba loại trí huệ gọi là Tam Trí; đó là:

1) Nhất Thiết Trí;

2) Đạo Chủng Trí;

3) Nhất Thiết Chủng Trí.

Ở đây, thứ "Nhất Thiết Trí" (cái trí hiểu biết tất cả) mà Đức Phật này thành tựu được thì bao hàm cả hai thứ trí huệ kia.

"Như Lai" là một trong mười danh hiệu của Phật. Có lần có một cư sĩ hỏi tôi: "Như Lai Phật và A-Di-Đà Phật có khác nhau chăng?" Thật ra, tất cả chư Phật đều được tôn xưng là "Như Lai" (A-Di-Đà Như Lai, Thích-Ca Như Lai, Dược Sư Như Lai) chứ không phải chỉ riêng một tôn Phật nào mà thôi đâu!

Phật có mười danh hiệu, gọi là "Thập Hiệu." Thế nào gọi là "hiệu"? Chúng ta mỗi người đều có "tên tục," rồi còn có "tên

hiệu" nữa. Thông thường thì các bậc tôn trưởng và thân thuộc gọi chúng ta bằng tên tục; còn hầu hết những người ngang hàng, không quen biết lắm thì gọi chúng ta bằng tên hiệu. Thế thì "hiệu" là gì? Tiếng gầm thét giận dữ của cọp hoặc tiếng rống của sư tử, cũng gọi là "hiệu." "Hiệu" là "thanh văn ư ngoại" (tiếng nghe ở ngoài)—bởi do có tiếng tăm lớn, khiến mọi người đều nghe danh biết tiếng, nên gọi là "hiệu"; và cũng gọi là "biệt hiệu." (Chữ "hiệu" còn có nghĩa là gào thét, la lớn.)

1) Như Lai. "Như Lai" là một trong mười danh hiệu của Phật, và được gọi là "Phỏng Đồng Tiên Đức Hiệu" (mô phỏng, học theo gương của những người có đức hạnh thuở trước).

"Như" là "như vô phương sở": không có định hướng, không có một nơi chốn cố định đặc biệt; "lai" là "lai cảm nhi hiện": do sự cảm ứng đạo giao đến mà hiện ra. Đó gọi là "như lai."

Hai chữ "như lai" này còn hàm ý "lai vô sở tùng, như vô sở khứ": không có chỗ đến, cũng chẳng có chỗ đi. Bởi "vô sở lai, vô sở khứ" nên gọi là "như lai."

Lại nữa, "như" là đạo lý Bổn Giác; "lai" là trí huệ Thủy Giác. Bởi lý Bổn Giác khế hợp với trí Thủy Giác, cho nên gọi là "như lai."

Trên đây là ý nghĩa đại cương của từ ngữ "như lai."

2) Ứng Cúng. "Ứng Cúng" có nghĩa là xứng đáng thọ nhận sự cúng dường của trời và người: loài người ở nhân gian và chư thiên ở cõi trời đều nên cúng dường Phật.

"Ứng Cúng" có danh hiệu là "Kham Vi Phước Điền Hiệu," bởi Phật có khả năng làm ruộng phước cho trời và người. Có hai loại phước điền; đó là tự lợi (lợi mình) và lợi tha (lợi người). "Tự lợi" tức là tự mình "nghiên chân, đoạn hoặc": tự nghiên cứu chân lý và dứt bỏ mọi nghi hoặc, làm lợi ích cho chính bản thân mình. Một khi quý vị đã hiểu thông suốt rồi, lại có thể đi giáo hóa tha nhân, khiến mọi người đều lãnh hội được chân lý và đoạn trừ được nghi hoặc, thì đó chính là "lợi tha" vậy.

3) Chánh Biến Tri. "Chánh biến tri" có nghĩa là "vô sở bất tri, vô sở bất hiểu: hông chỗ nào mà chẳng biết, không chỗ nào mà chẳng thông hiểu.

Ở đây, "chánh" là để phân biệt với "bất chánh" của ngoại đạo, và "biến" (khắp cả) là để phân biệt với "bất biến" (không cùng khắp) của Nhị Thừa. Hàng Nhị Thừa chứng tới đạo lý thiên lệch về tánh "không," chưa đạt được "biến"; cho nên đây là điểm bất đồng đối với Nhị Thừa. "Tri" (biết) là điểm bất đồng so với hạng phàm phu: phàm phu thì "bất tri" (không biết), còn bậc Chánh Biến Tri thì "vô sở bất tri" (chẳng có gì mà không biết).

"Chánh Biến Tri" có danh hiệu là "Biến Tri Pháp Giới Hiệu." Thế nào gọi là "Biến Tri Pháp Giới Hiệu"? Trong *Kinh Lăng Nghiêm* có chép:

Tùng thẳng gai leo, ngỗng trắng quạ đen, đều hiểu nguyên do."

(Tùng trực cức khúc, hộc bạch ô huyền, giai liễu nguyên do.)

Cây tùng thì thân cây đứng thẳng; cây kinh gai (loại cây có gai) thì leo quanh, mọc thành từng bụi, ngỗng trời thì có lông màu trắng; và quạ thì có lông màu đen: các tính cách này đều có nguyên do, mà sự tích vốn như thế nào thì Phật đều biết rõ cả. Thậm chí ở ngoài cõi Tam Thiên Đại Thiên thế giới, mưa rơi bao nhiêu hạt Phật cũng biết rõ. Bởi Phật là " chẳng có chỗ không biết " (vô sở bất tri), nên mới đạt được danh hiệu này: "Biến Tri Pháp Giới Hiệu."

4) Minh Hạnh Túc. "Minh" là minh bạch, rõ ràng; "hạnh" là tu hành. "Minh" cũng chính là trí huệ; "tu hành" tức là phước. "Phước huệ song túc": phước được tròn đầy, huệ được viên mãn, đó cũng chính là "minh hạnh túc" vậy.

Chữ "minh" này lại có thể giải thích là "Tam Minh." "Tam Minh" là gồm những gì? Đó là Thiên Nhãn Minh (có được Thiên Nhãn Thông), Túc Mạng Minh (biết rõ tất cả chuyện đời trước), và Lậu Tận Minh (đạt được sự vô lậu, không còn phiền não lậu hoặc).

"Minh Hạnh Túc" cũng có một danh hiệu đặc biệt, gọi là "Quả Hiển Nhân Đức Hiệu": tại quả vị, Đức Phật hiển lộ, thị hiện đức hạnh mà Ngài đã từng tu tập khi còn ở nhân địa.

5) Thiện Thệ, Thế Gian Giải. "Thiện" có nghĩa là tốt lành. Chữ "thệ" ở đây đồng nghĩa với chữ "vãng," và có nghĩa là ra đi.

"Thiện Thệ, Thế Gian Giải" có danh hiệu là "Diệu Vãng Bồ Đề Hiệu." Vì sao gọi là "diệu vãng"? Đức Phật đến mười phương quốc độ của chư Phật một cách tốt lành và khéo dùng quyền xảo phương tiện để giáo hóa chúng sanh, nên được gọi là "Diệu Vãng Bồ Đề Hiệu."

6) Vô Thượng Sĩ. Đây cũng là một trong mười tôn hiệu của Phật. Vì sao gọi là "Vô Thượng Sĩ" (bậc không ai hơn được)? Đức Phật đã đoạn trừ mọi lậu hoặc, không còn kiến hoặc, tư hoặc, trần sa hoặc nữa; bởi mọi thứ "hoặc" đều đã dứt sạch nên gọi là "Vô Thượng Sĩ." (Nếu còn "hoặc" cần phải đoạn thì gọi là "Hữu Thượng Sĩ"!!!)

"Vô Thượng Sĩ" cũng có một danh hiệu riêng, đó là "Thông Ngụy Đạt Chân Hiệu." Đức Phật biết rõ nội thân cùng ngoại cảnh thảy đều hư ngụy, giả tạm; duy chỉ có Phật Thừa là chân thật; nên gọi là "Thông Ngụy Đạt Chân Hiệu."

7) Điều Ngự Trượng Phu. "Điều" là điều hòa; "ngự" là ngự xa, tức là đánh xe. Thời xưa, người ta dùng ngựa để kéo xe thì cần phải có người làm "ngự xa," tức là cầm roi điều khiển ngựa; còn ở thời đại này thì lái xe hơi cũng có thể gọi là "ngự xa" vậy!

"Điều Ngự Trượng Phu" ở đây là "điều ngự" cái gì? Đó là "điều ngự" chúng sanh trong sáu đường, khiến cho họ đạt đến Phật Quả Bồ Đề, chứng được quả vị Phật. Vì thế, đây là một bậc đại trượng phu vĩ đại nhất, có khả năng điều khiển và dẫn dắt chúng sanh, đưa chúng sanh ra khỏi vòng sanh tử, vượt thoát sáu nẻo luân hồi!

"Điều Ngự Trượng Phu" cũng có một danh hiệu gọi là "Nhiếp Hóa Tùng Đạo Hiệu"; nghĩa là hóa độ chúng sanh, khiến cho tất cả chúng sanh đều y theo con đường tu Đạo chân chánh mà tu hành.

8) Thiên Nhân Sư. Đức Phật là sư biểu, là bậc Thầy của Trời và Người, là tấm gương của Tam Giới. "Thiên Nhân Sư" cũng có một danh hiệu gọi là "Ứng Cơ Thuyết Pháp Hiệu"; nghĩa là ứng theo căn cơ trình độ và nhân duyên của chúng sanh mà thuyết pháp.

9) Phật. "Phật" là tên gọi tắt từ chữ "Phật Đà Da" của tiếng Phạn; bởi người Trung Hoa thích đơn giản nên chỉ gọi là "Phật."

"Phật" cũng có một tên hiệu gọi là "Tam Giác Viên Minh Hiệu." "Tam giác" là ba loại giác ngộ: Tự Giác, Giác Tha và Giác Hạnh Viên Mãn. Bởi "tam giác viên, vạn đức bị": ba giác trọn vẹn, muôn đức đủ đầy: cho nên được thành Phật.

10) Thế Tôn. Bất luận là tại thế gian hay xuất thế gian, Phật đều được tôn thờ, kính trọng, nên gọi là "Thế Tôn."

"Thế Tôn" cũng có một danh hiệu đặc biệt gọi là "Tam Giới Độc Tôn Hiệu." "Tam Giới" tức là ba cõi Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới. "Độc Tôn" có nghĩa là chỉ có Phật mới là bậc tôn quý nhất. Do đó, lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vừa giáng sanh ở cõi thế thì liền một tay chỉ trời, một tay chỉ đất, mà nói rằng:

"Trên trời dưới trời, chỉ có Ta (Phật) là tôn quý!"

(Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn!)

Ngoài ra, từ ngữ "Thế Tôn" còn bao hàm sáu nghĩa:

1) Tự tại. (Phật là bậc tự tại nhất.)

2) Lớn mạnh (Xí thạnh - rừng rực như lửa).

3) Đoan nghiêm (vừa đoan chánh vừa trang nghiêm).

4) Khắp nơi đều nghe danh (Danh xưng phổ văn). Ai ai cũng được nghe được biết đến danh xưng của Phật.

5) Kiết tường (tốt lành, may mắn).

6) Tôn quý.

Trên đây là phần giải thích đại cương mười tôn hiệu của Phật.

Vậy, trong vô lượng vô biên kiếp về trước, có một vị Phật xuất thế danh hiệu là Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai; và **"Đức Phật này thọ sáu vạn kiếp."**

KINH VĂN:

Khi chưa xuất gia, Ngài là vua một nước nhỏ và kết bạn với vua của một nước lân cận; rồi cùng nhau thực hành Thập Thiện, nhiêu ích chúng sanh. Nhân dân trong nước lân cận đó đa số tạo nhiều việc ác, hai vua bèn bàn tính, quảng thiết phương tiện.

Một vua phát nguyện: "Tôi nguyện sớm thành Phật Đạo để độ hết những kẻ ấy, không sót một ai."

Một vua thì nguyện: "Như tôi chẳng trước độ những kẻ tội khổ, làm cho họ được an vui, cho đến đắc quả Bồ Đề, thì tôi nguyện chưa thành Phật."

Đức Phật bảo Bồ Tát Định Tự Đại Vương rằng: "Vị vua phát nguyện sớm thành Phật đó chính là Đức Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai; còn vị vua phát nguyện vĩnh viễn cứu độ chúng sanh tội khổ, chưa chịu thành Phật đó, chính là Bồ Tát Địa Tạng vậy."

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói tiếp: **Khi chưa xuất gia, Ngài** (Đức Phật Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai) **là vua một nước nhỏ và kết bạn với vua của một nước lân cận; rồi cùng nhau thực hành Thập Thiện, nhiêu ích chúng sanh.** Mọi người cùng nhau tu tập mười thứ thiện nghiệp (không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không tham lam, không sân hận, không si mê, không nói lời ác, không nói gian dối, không nói thêu dệt và không nói đâm thọc) để mưu cầu lợi ích cho chúng sanh.

Nhân dân trong nước lân cận đó đa số tạo nhiều việc ác, hai vua bèn bàn tính, quảng thiết phương tiện. Trong nước lân cận đó, hầu hết dân chúng đều quen làm điều ác; vì thế hai vị vua nọ phải cùng nhau bàn bạc, tìm cách cứu giúp những người dân ấy.

Một vua phát nguyện: "Tôi nguyện sớm thành Phật Đạo. Vị vua này muốn chóng được thành Phật để làm gì? **Để độ**

hết những kẻ ấy, không sót một ai. Tôi nguyện sẽ khiến cho tất cả các chúng sanh làm điều ác đều được độ thoát, quyết chẳng bỏ sót một người nào!"

Một vua thì nguyện: "Như tôi chẳng trước độ những kẻ tội khổ, làm cho họ được an vui, cho đến đắc quả Bồ Đề, chứng thành Phật Đạo, **thì tôi nguyện chưa thành Phật.** Tôi nhất định phải độ xong tất cả các chúng sanh này thì mới thành Phật. Nếu còn một chúng sanh duy nhất chưa thành Phật, thì tôi vẫn chưa thể thành Phật được!"

Đức Phật bảo Định Tự Đại Vương Bồ Tát rằng: "Vị vua phát nguyện sớm thành Phật ấy, chính là Đức Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai; còn vị vua phát nguyện vĩnh viễn cứu độ chúng sanh tội khổ, chưa chịu thành Phật đó (nếu còn một chúng sanh chưa thành Phật thì ông ta chưa chịu thành Phật) **chính là Bồ Tát Địa Tạng vậy!"** Và đó cũng chính là thệ nguyện mà Địa Tạng Vương Bồ Tát đã từng lập trong đời quá khứ.

KINH VĂN:

Lại trong đời quá khứ, vô lượng a-tăng-kỳ kiếp về trước, có Đức Phật ra đời hiệu là Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai. Đức Phật đó thọ bốn mươi kiếp.

Trong thời Tượng Pháp, có một vị La Hán phước đức cứu độ chúng sanh. Nhân đi tuần tự giáo hóa, vị La Hán gặp một người nữ tên là Quang Mục thiết bày vật thực cúng dường.

Vị La Hán bèn hỏi: "Ngươi muốn cầu điều chi?"

Quang Mục thưa rằng: "Ngày thân mẫu con mất, con có làm việc phước thiện hầu cứu vớt bà; song chưa rõ thân mẫu con thác sanh về đâu!"

Vị La Hán cảm thương, bèn nhập Định quan sát, thì thấy bà mẹ của Quang Mục bị đọa vào đường ác, vô cùng khổ sở. Vị La Hán hỏi Quang Mục rằng: "Thân mẫu ngươi lúc sanh tiền đã

làm những hạnh nghiệp gì, mà nay phải ở trong đường ác, chịu cực khổ như thế?"

Quang Mục thưa rằng: "Tánh thân mẫu con chỉ thích ăn cá, ba ba, cùng trứng và con của các loài ấy; hoặc chiên hoặc nấu, tha hồ mà ăn; nếu tính đếm số sanh mạng đó thì đến hơn nghìn muôn. Thưa Tôn Giả từ mẫn, con phải làm thế nào để giải cứu mẫu thân?"

Vị La Hán xót thương bèn lập phương tiện khuyên Quang Mục rằng: "Ngươi phải chí thành niệm Đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai và vẽ đắp hình tượng, thì kẻ còn cùng người mất đều được phước báo!"

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni kể tiếp: **Lại trong đời quá khứ, vô lượng a-tăng-kỳ kiếp về trước, có Đức Phật ra đời hiệu là Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai. Đức Phật đó thọ bốn mươi kiếp.**

Đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai này có thọ mạng lâu dài đến bốn mươi kiếp, và sau khi Ngài nhập Niết Bàn, **trong thời Tượng Pháp, có một vị La Hán phước đức cứu độ chúng sanh**, giúp chúng sanh vun trồng cội phước**. Nhân đi tuần tự giáo hóa, vị La Hán gặp một người nữ tên là Quang Mục thiết bày vật thực cúng dường.**

Sau khi thọ nhận các thức ăn chay do Quang Mục cúng dường, **vị La Hán bèn hỏi: "Ngươi muốn cầu điều chi?** Ngươi đã cúng dường cho Ta, thế ngươi có việc gì muốn cầu xin ở Ta chăng? Ngươi muốn được những lợi lạc gì nào?"

Quang Mục thưa rằng: "Ngày thân mẫu con mất, con có làm việc phước thiện hầu cứu vớt bà; song chưa rõ thân mẫu con thác sanh về đâu. Vào ngày mẹ con qua đời, con có làm những việc phước thiện và hồi hướng công đức cho mẹ con, mong rằng mẹ con nhờ đó mà được cứu độ. Nay con chỉ muốn biết một điều, chẳng hay mẹ con hiện đang đầu thai vào chốn nào, đường nào, cõi giới nào?"

Vị La Hán cảm thương, bèn nhập Định quan sát, thì thấy bà mẹ của Quang Mục bị đọa vào đường ác, vô cùng khổ sở. Sau khi ngồi Thiền, nhập Định quán xét và trông thấy bà mẹ của Quang Mục bị đọa lạc vào đường ác, chịu vô vàn khổ sở, **vị La Hán hỏi Quang Mục rằng: "Thân mẫu ngươi lúc sanh tiền đã làm những hạnh nghiệp gì mà nay phải ở trong đường ác, chịu cực khổ như thế?** Mẹ của ngươi khi còn sống đã làm những việc gì để đến nỗi bây giờ phải đọa địa ngục, chịu tội báo cực kỳ thống khổ như thế?"

Quang Mục thưa rằng: "Tánh thân mẫu con chỉ thích ăn cá, ba ba, cùng trứng và con của các loài ấy; hoặc chiên hoặc nấu, tha hồ mà ăn. Khi còn sống, bà mẹ của Quang Mục rất thích ăn cá và ba ba (rùa nhỏ). Không những thế, bà còn ăn rất nhiều trứng và con của chúng nữa. Lớp thì đem chiên, lớp thì luộc nấu, bà ta chỉ biết ăn cho thỏa thích, không kiêng dè gì cả. Có món ấy là bà cắm cúi ăn ngay, quên hết mọi thứ trên đời, kể cả sanh mạng!

Nếu tính đếm số sanh mạng đó thì đến hơn nghìn muôn. Thưa Tôn Giả từ mẫn, con phải làm thế nào để giải cứu mẫu thân?" Quang Mục nói tiếp: "Tính ra thì thân mẫu con đã ăn cả trăm ngàn vạn ức sanh mạng của loài cá và ba ba. Thế nên, Tôn Giả ơi! Xin Ngài hãy rũ lòng từ bi, thương xót mẫu thân con, mà bảo cho con biết phải làm những gì để cứu giúp người."

Vị La Hán xót thương bèn lập phương tiện khuyên Quang Mục rằng: "Ngươi phải chí thành niệm Đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai." Bấy giờ, sau khi nghe Quang Mục nói xong, vị La Hán động lòng từ bi, bèn tùy nghi bày cho Quang Mục phương chước để cứu mẹ; Ngài dạy rằng: "Nếu ngươi có thể đem lòng thành khẩn, thiết tha xưng niệm "Nam Mô Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai," **và vẽ đắp hình tượng** của Đức Phật này, **thì kẻ còn cùng người mất đều được phước báo!** Như thế, chẳng những thân mẫu ngươi mà ngay cả chính bản thân ngươi cũng được sự lợi ích. Bất luận là người còn sống hay kẻ đã qua đời, tất cả đều được lợi lạc."

KINH VĂN:

Quang Mục nghe xong, liền từ bỏ những thứ yêu thích, rồi tô vẽ tượng Phật để thờ cúng, và lại đem lòng cung kính, khóc thương chiêm lễ. Bỗng đến giữa khuya thì mộng thấy thân Phật, sắc vàng sáng chói, như núi Tu Di, phóng ánh sáng lớn mà bảo với Quang Mục rằng: "Chẳng bao lâu nữa thân mẫu ngươi sẽ sanh vào nhà của ngươi, khi vừa biết đói lạnh thì liền biết nói."

Sau đó, người nữ tỳ trong nhà sanh một bé trai, chưa đầy ba ngày đã biết nói. Đứa bé đó buồn khóc mà nói với Quang Mục rằng:

"Nghiệp duyên sanh tử, quả báo tự thọ. Tôi là mẹ của người, lâu nay ở chốn tối tăm. Từ khi vĩnh biệt người, tôi phải đọa vào đại địa ngục. Nhờ phước lực của người nên mới được thọ sanh làm kẻ hạ tiện, lại thêm thọ mạng ngắn ngủi, đến năm mười ba tuổi lại phải đọa vào ác đạo. Người có phương kế gì khiến tôi được thoát miễn chăng?"

LƯỢC GIẢNG:

Quang Mục nghe xong, liền từ bỏ những thứ yêu thích. Sau khi nghe vị La Hán dạy là phải cung kính cúng dường Đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, Quang Mục bèn xả bỏ và đem bán tất cả những đồ vật mà mình hằng yêu chuộng.

Tương tự như Thánh Nữ Bà La Môn trong phẩm trước, Quang Mục cũng đem bố thí hoặc bán đi những đồ vật quý giá nhất, những thứ mà mình không đành từ bỏ nhất; **rồi tô vẽ tượng Phật để thờ cúng.** Sau đó, Quang Mục dùng giấy hoặc các loại hàng gấm, nhiễu, tơ lụa để vẽ tượng Đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai; rồi lại sắm sửa hoa quả, nhang đèn, cùng đồ ăn thức uống, y phục, mền chiếu... và mang đến cúng dường tượng vẽ của Đức Phật đó.

Và lại đem lòng cung kính, khóc thương chiêm lễ. Vì biết thân mẫu mình đã bị đọa vào đường ác, phải chịu các nỗi thống

khổ của chốn ác đạo, Quang Mục xót xa sầu thảm, cứ thành khẩn ngắm nhìn tượng Phật rồi chốc chốc lại cung kính cúi đầu đảnh lễ.

Bỗng đến giữa khuya thì mộng thấy thân Phật, sắc vàng sáng chói, như núi Tu Di. Ngay hôm đó, vào lúc đã quá nửa đêm, Quang Mục bỗng nhiên mộng thấy Đức Phật hiện thân, hào quang tỏa rạng. Thật ra, cảnh giới này chỉ giống như nằm mộng thôi, chứ không phải là mộng thực sự. Sở dĩ như thế là vì Quang Mục thành khẩn đến cực điểm nên mới có được cảnh giới "cảm ứng đạo giao," tức là từ trong nhà mà trông thấy được thân Phật sáng chói; song le, vì nếu nói rằng Quang Mục trông thấy thân Phật thì e có vẻ kỳ bí quá, cho nên trong Kinh chép là "mộng thấy" (mộng kiến) vậy!

Bấy giờ, Quang Mục trông thấy Đức Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục, thân hình cao lớn tựa núi Tu Di, sắc vàng rực rỡ, **phóng ánh sáng lớn mà bảo với Quang Mục rằng: "Chẳng bao lâu nữa thân mẫu ngươi sẽ sanh vào nhà của ngươi, khi vừa biết đói lạnh thì liền biết nói."** Đức Phật đó báo cho Quang Mục biết rằng bà mẹ của cô ta sắp được đầu thai vào nhà của cô, và đứa bé ấy có đặc điểm là sau khi chào đời, vừa mới cảm giác được sự đói khát ấm lạnh là nó có thể nói chuyện được rồi; vì vậy cô ta hãy chờ xem.

Sau đó, người nữ tỳ trong nhà sanh một bé trai." Những kẻ đi làm công cho người ta, thì đàn ông gọi là "nô," còn đàn bà gọi là "tỳ." "Nô tỳ" là hạng đầy tớ thấp hèn, phải chịu sự sai khiến của chủ: chủ bảo đâu nghe đó, sai chi làm nấy.

Bấy giờ, chẳng bao lâu sau thì quả nhiên trong nhà của Quang Mục có người nữ tỳ sanh được một bé trai, **chưa đầy ba ngày đã biết nói.** Thường thì trẻ con cũng phải ba hoặc bốn tuổi mới biết chuyện trò rành mạch, nhưng đứa bé này ra đời chưa đến ba hôm là nói được rồi. Đứa bé đó nói những gì?

Đứa bé cúi đầu buồn khóc. Đứa bé đó hướng về phía có thờ tượng Phật mà cúi đầu làm lễ, rồi bật khóc **mà nói với Quang Mục rằng: "Nghiệp duyên sanh tử, quả báo tự**

thọ. Quả báo của nghiệp duyên trong vòng sanh tử thì phải tự mình nhận lãnh. Bởi nhân duyên đã gây tạo ác nghiệp trong vòng sanh tử, sau này đến khi thọ quả báo, thì phải chính bản thân mình thọ chịu. Nếu quả báo tốt lành thì chính mình thọ hưởng, mà quả báo xấu ác thì cũng tự mình gánh chịu; hễ mình làm thì mình chịu, chứ chẳng phải ai khác.

Đứa bé ấy nói tiếp: **Tôi là mẹ của người, lâu nay ở chốn tối tăm**, chẳng thấy được ánh sáng của mặt trời, mặt trăng hoặc các vì tinh tú. Đã lâu lắm rồi, tôi không nhìn thấy gì cả ngoài một màu đen tối âm u. **Từ khi vĩnh biệt người** (từ khi tôi chết cho đến nay) **tôi phải đọa vào đại địa ngục. Nhờ phước lực của người nên mới được thọ sanh.** May thay, người đã vì tôi mà tạo phước đức. Chính nhờ nương vào phước lực do người đã gây tạo, nên nay tôi được thoát khỏi những nỗi khổ sở của chốn địa ngục, nhưng còn phải đầu thai **làm kẻ hạ tiện, lại thêm thọ mạng ngắn ngủi.** Bà mẹ của Quang Mục tuy được thọ sanh làm người, song phải làm con của kẻ nô tỳ hèn hạ. Làm kẻ hạ tiện thì cũng đành đi, nhưng lại còn bị "yểu thọ" nữa ("yểu thọ" tức là chết yểu, chết sớm, mạng sống ngắn ngủi).

Đến năm mười ba tuổi lại phải đọa vào ác đạo. Người có phương kế gì khiến tôi được thoát miễn chăng?" Đứa bé ấy nói với Quang Mục rằng: "Phen này tôi chỉ sống được tới mười ba tuổi mà thôi; sau đó tôi lại bị đọa lạc trong đường ác nữa. Vậy chẳng hay người có cách gì giúp cho tôi được giải thoát chăng? Xin người hãy mau mau tìm giải pháp, giúp tôi thoát khỏi bao thống khổ của chốn ác đạo!"

KINH VĂN:

Quang Mục nghe nói, biết là mẹ mình chẳng sai, nên nghẹn ngào thương khóc mà nói với con kẻ nữ tỳ rằng: "Đã là mẹ tôi, tất biết bổn tội; do làm hạnh nghiệp gì mà phải đọa vào ác đạo như thế?"

Con kẻ nữ tỳ đáp rằng: "Do hai nghiệp là sát hại và hủy mạ mà phải thọ báo. Nếu không nhờ phước đức của người cứu nạn

cho, thời cứ theo những nghiệp đó thì tôi vẫn chưa được giải thoát."

Quang Mục hỏi rằng: "Những việc tội báo trong địa ngục ra sao?"

Con kẻ nữ tỳ đáp rằng: "Những việc tội khổ nói ra càng bất nhẫn, suốt cả trăm ngàn năm cũng khó mà kể cho hết được!"

LƯỢC GIẢNG:

Quang Mục nghe nói, biết là mẹ mình chẳng sai. Sau khi nghe đứa bé, con của người nữ tỳ nói như thế, thì Quang Mục biết chắc rằng đó là thân mẫu của mình đầu thai, chẳng còn nghi ngờ gì nữa, **nên nghẹn ngào thương khóc.** "Nghẹn ngào" là trạng thái như có cái gì chặn ở cổ họng, khiến mình thốt không ra lời, khóc chẳng thành tiếng, khí quản bị tắc nghẽn, tưởng chừng như sắp đứt hơi vậy. Bấy giờ, muốn khóc thì không khóc được, mà có muốn cười thì cũng chẳng cười nổi; cũng không biết là khóc hay cười nữa! Đó gọi là "nghẹn ngào," bởi trong lòng cảm thấy đau đớn, xót xa đến cực điểm nên mới như thế.

Lúc ấy, Quang Mục nghẹn ngào **mà nói với con kẻ nữ tỳ rằng: "Đã là mẹ tôi, tất biết bổn tội.** Người là mẹ tôi, ắt phải tự biết mình trước kia trót gây tạo những nghiệp tội gì; thế thì chẳng hay người **do làm hạnh nghiệp gì mà phải đọa vào ác đạo như thế?"**

Con kẻ nữ tỳ đáp rằng: "Do hai nghiệp là sát hại và hủy mạ mà phải thọ báo." Nghiệp thứ nhất mà bà mẹ của Quang Mục gây ra là "sát hại." Bà đã từng giết cá, giết ba ba để ăn thịt, lại còn ăn rất nhiều trứng và con của chúng nữa; hoặc chiên hoặc nấu, bà chỉ biết ăn cho thỏa thích mà thôi. Nghiệp giết hại sanh vật thì rất nặng nề, nghiêm trọng. Ngoài ra, bà còn tạo nghiệp "hủy mạ," tức là chê bai mắng nhiếc nữa. Bà mẹ của Quang Mục trước kia thường hủy báng Tam Bảo, mắng chửi chúng sanh. Cả hai nghiệp tội này đều rất nghiêm trọng, do đó bà phải gánh chịu quả báo khổ sở đến dường ấy.

Nếu không nhờ phước đức của người cứu nạn cho, thời cứ theo những nghiệp đó thì tôi vẫn chưa được giải

thoát." Giả sử không được Quang Mục làm việc công đức để cứu độ cho, thì căn cứ theo những tội lỗi mà bà đã tạo, lẽ ra đến nay bà vẫn chưa được thoát khỏi khổ nạn.

Nghe đứa bé nói như vậy, **Quang Mục hỏi rằng: "Những việc tội báo trong địa ngục ra sao?** Chẳng hay việc tạo tội và thọ báo ở địa ngục thì như thế nào? Người có thể kể cho tôi biết được chăng?"

Con kẻ nữ tỳ đáp rằng: "Những việc tội khổ nói ra càng bất nhẫn; suốt cả trăm ngàn năm cũng khó mà kể cho hết được." Đứa bé ấy trả lời Quang Mục rằng: "Việc gây tạo tội lỗi và gánh chịu quả báo thì tôi chẳng thể nào kể lại được, tôi không nhẫn tâm nói ra. Dù trải qua một thời gian dài đến cả trăm ngàn vạn năm, cũng không thể nào thuật cho hết những nỗi thống khổ này!"

Trong các quý vị ở đây, có nhiều người chỉ ngồi nghe giảng kinh thôi mà đã thở vắn than dài là nhọc nhằn mệt mỏi, song le, đến khi bị đọa địa ngục thì quý vị có biết sẽ như thế nào không? Lúc đang thọ báo ở địa ngục, dầu cho quý vị có hết lời nài nỉ van xin: "Xin hãy thả tôi ra, tôi không muốn ở đây chịu tội nữa!", thì cũng chẳng thể nào xoay chuyển được tình thế, quý vị không tài nào trốn thoát được cả! Nếu tội báo của quý vị chưa hết, mà quý vị lại không muốn ở địa ngục chịu tội, thì tất nhiên là không thể được!

Do đó, chúng ta sống ở đời, nếu có những lúc phải chịu đựng đôi chút khổ sở, thì hãy tự nhủ rằng: "Không sao, so với cái khổ ở địa ngục thì vẫn đỡ hơn rất nhiều! Cái khổ ở địa ngục còn ghê gớm, đáng sợ hơn nữa!" Nếu nghĩ được như vậy thì ở đâu quý vị cũng thấy vui vẻ thanh thản, chẳng có nơi nào là khổ sở cả; thậm chí cho dù hai chân nhức nhối vì ngồi Thiền, quý vị cũng không lấy đó làm khổ!

Quý vị thử nghĩ xem, nếu quý vị đọa địa ngục và bị loài quỷ dùng chĩa nhọn đâm bừa vào mình mẩy rồi thẳng tay ném vào vạc dầu đang sôi sùng sục, thì như thế là khổ hay không khổ? Nếu lúc bấy giờ quý vị khẩn khoản van xin: "Chao ôi! Tôi chịu

không nổi nữa rồi, xin các ngài làm ơn làm phước đừng bỏ tôi vào vạc dầu nữa mà!", thì loài quỷ cũng ngoảnh mặt làm ngơ, chẳng thèm nghe gì cả, bởi ở địa ngục thì không hề có chuyện "thông cảm" lôi thôi! Quý vị đau khổ, than thân khóc phận, oán trời trách đất ư? Ái chà, thế thì bọn quỷ ở địa ngục sẽ ném quý vị vào chảo dầu để "chiên" sống thêm lần nữa, khiến cho quý vị lại càng đau đớn khổ sở nhiều thêm!

KINH VĂN:

Quang Mục nghe xong, rơi lệ gào khóc, bạch cùng giữa hư không rằng: "Nguyện cho thân mẫu con được vĩnh viễn thoát khỏi chốn địa ngục, và khi mãn mười ba tuổi thì không còn trọng tội, cũng chẳng phải trải qua các ác đạo nữa.

Cúi xin thập phương chư Phật từ bi thương xót, lắng nghe con nay vì mẹ mà phát lời thệ nguyện rộng lớn rằng:

Như thân mẫu con được vĩnh viễn lìa khỏi chốn Tam Đồ và hàng hạ tiện, cho tới cùng kiếp không phải thọ thân người nữ nữa, con xin đối trước tượng của Đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai mà phát lời nguyện rằng: Kể từ nay cho đến trăm ngàn muôn ức kiếp về sau, hễ nơi nào có thế giới còn có các chúng sanh chịu tội khổ nơi địa ngục cùng Tam Ác Đạo, con nguyện sẽ cứu vớt và làm cho tất cả đều xa lìa các nẻo ác Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh... Những kẻ mắc tội báo như thế thành Phật cả rồi, thì sau đó con mới thành Chánh Giác."

LƯỢC GIẢNG:

Quang Mục nghe xong, rơi lệ gào khóc, bạch cùng giữa hư không rằng: "Nguyện cho thân mẫu con được vĩnh viễn thoát khỏi chốn địa ngục. Con chỉ cầu xin cho mẹ con được đời đời kiếp kiếp xa lìa mọi thống khổ của chốn địa ngục!"

Bà mẹ của Quang Mục rất may mắn có được một người con hiếu thảo như thế; bằng không, e rằng đến nay bà vẫn còn trầm luân ở chốn địa ngục, chứ chưa dễ gì thoát ra được. Bởi vì bà giết hại quá nhiều sinh vật, mắng chửi người ta cũng không phải ít, nên mới bị đọa địa ngục; nhưng người con gái hiếu thảo của bà

đã lập nguyện, cầu xin cho bà được khỏi phải chịu những nỗi thống khổ của chốn địa ngục, **và khi mãn mười ba tuổi**, thọ mạng trong đời này của bà hết rồi, **thì không còn trọng tội và cũng chẳng phải trải qua các ác đạo nữa.** Quang Mục lại cầu mong rằng sau khi thọ mạng mười ba tuổi trong đời này đã mãn, thì bao nhiêu tội lỗi nghiêm trọng của bà cũng đều được tiêu tan và bà không còn phải đọa vào đường ác nữa.

Cúi xin thập phương chư Phật từ bi thương xót, lắng nghe con nay vì mẹ mà phát lời thệ nguyện rộng lớn rằng ... Con xin cung thỉnh chư Phật cùng chư Bồ Tát ở khắp mười phương đồng đến để chứng giám cho con là Quang Mục, nay xin vì thân mẫu mà lập nguyện rằng:

"Như thân mẫu con được vĩnh viễn lìa khỏi chốn Tam Đồ (thoát ly hẳn bao nỗi thống khổ của đao đồ, huyết đồ và hỏa đồ) **và hàng hạ tiện, cho tới cùng kiếp không phải thọ thân người nữ nữa**: chẳng những thân mẫu con không còn phải làm con của kẻ tôi đòi hèn hạ mà đời đời kiếp kiếp cũng không phải mang thân nữ nữa; thì **con xin đối trước tượng của Đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai mà phát lời nguyện rằng: Kể từ nay cho đến trăm ngàn muôn ức kiếp về sau, hễ nơi nào có thế giới còn có các chúng sanh chịu tội khổ nơi địa ngục cùng Tam Ác Đạo** (Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh) **thì con nguyện sẽ cứu vớt và làm cho tất cả đều xa lìa các nẻo ác Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh...**, thảy đều không còn phải chịu đựng bao thống khổ trong ba đường ác cùng những nỗi khổ khác nữa. **Những kẻ mắc tội báo như thế thành Phật cả rồi, sau đó con mới thành Chánh Giác."**

Quý vị phải biết rằng: Nếu không nhờ có Địa Tạng Vương Bồ Tát lập lời thệ nguyện rộng lớn như thế, thì chắc chắn hiện giờ chúng ta vẫn còn đang chịu khổ báo trong các cõi giới của Địa Ngục, Ngạ Quỷ và Súc Sanh. Chúng ta sở dĩ ngày nay được làm người đều là nhờ nguyện lực của lời đại nguyện mà Địa Tạng Vương Bồ Tát đã lập từ vô lượng kiếp này. Chính nguyện

lực của Ngài đã cứu chúng ta thoát khỏi chốn địa ngục, thoát khỏi đường ngạ quỷ, và thoát khỏi thân súc sanh. Tuy nhiên, chúng ta hiện nay vì chưa chứng đắc Túc Mạng Thông, cũng chưa có được Thiên Nhãn Thông, nên không thể biết được trước kia mình đã từng thọ hưởng ân huệ, đức từ bi, cùng bao nhiêu điều tốt lành và lợi lạc do Địa Tạng Vương Bồ Tát ban bố. Nếu không nhờ Địa Tạng Vương Bồ Tát sớm lập đại nguyện này, thì chúng ta đã phải gặp rất nhiều nguy hiểm. Do đó, trong từng giây từng khắc, lúc nào chúng ta cũng phải nhớ đến việc báo đáp ân đức sâu dày của Địa Tạng Vương Bồ Tát!

KINH VĂN:

Phát thệ nguyện xong, liền nghe rõ tiếng của Đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai dạy rằng: "Này Quang Mục! Ngươi quả có lòng đại từ mẫn, khéo vì mẹ mà phát lời đại nguyện như thế!

Ta quan sát thấy mẹ ngươi lúc mãn mười ba tuổi, khi bỏ báo thân này rồi, sẽ thọ sanh làm người Phạm Chí sống lâu trăm tuổi; sau khi hết báo thân ấy, sẽ được sanh về cõi nước Vô Ưu, thọ mạng lâu dài đến không thể tính kể; và sau rốt sẽ thành tựu Phật Quả, quảng độ nhân thiên số nhiều như cát sông Hằng."

Đức Phật bảo Định Tự Tại Vương Bồ Tát rằng: "Vị La Hán phước lành độ Quang Mục thuở đó, chính là Vô Tận Ý Bồ Tát; thân mẫu của Quang Mục là Giải Thoát Bồ Tát; còn Quang Mục là Địa Tạng Bồ Tát đây vậy!

LƯỢC GIẢNG:

Sau khi Quang Mục **phát thệ nguyện xong, liền nghe rõ tiếng của Đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai dạy rằng...** "Nghe rõ" (cụ văn) tức là nghe rõ mồn một, rõ ràng từng tiếng; chứ không phải là chỉ nghe loáng thoáng, tiếng được tiếng mất, hoặc mơ mơ hồ hồ như mộng mị.

Như vậy, lúc vừa nói dứt lời nguyện thì Quang Mục nghe rõ ràng tiếng của Đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai vọng xuống rằng: **"Này Quang Mục! Ngươi quả có lòng đại từ**

mẫn. Ngươi thật là vô cùng từ bi, **khéo vì mẹ mà phát lời đại nguyện như thế!** Hạnh nguyện của ngươi quả thật đã khiến cho Ta rất hoan hỷ. Ai đã chỉ dạy, chỉ bảo ngươi làm như thế? Ngươi đã có thể vì trọn hiếu đạo với mẹ mà lập thệ nguyện lớn lao dường ấy; Ta thật chưa từng nghe qua! Từ trước đến nay chưa có chúng sanh nào dám lập đại nguyện rộng lớn đến thế! Nay ngươi vì thiết tha muốn cứu mẫu thân mà phát lời đại nguyện cứu độ hết thảy chúng sanh, đây là điều rất hiếm có, là chuyện rất khó gặp! Thật là đáng quý lắm thay! Ngươi quả là một người con chí hiếu!"

Khen ngợi Quang Mục như thế xong, Đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai lại nói tiếp rằng: **Ta** (dùng Phật Nhãn) **quan sát thấy mẹ ngươi lúc mãn mười ba tuổi, khi bỏ báo thân này rồi, sẽ thọ sanh làm người Phạm Chí.** Nay nhờ ngươi đã lập đại nguyện như thế, cho nên khi thọ mạng mười ba năm của mẹ ngươi trong đời này đã hết, thì đời sau bà sẽ được đầu thai làm người Phạm Chí; và chẳng những thế mà còn được **sống lâu trăm tuổi.** "Phạm Chí" chính là Bà La Môn giáo, cũng gọi là "Tịnh Duệ" (tức là hậu duệ, dòng dõi của người tu hạnh thanh tịnh).

Sau khi hết báo thân ấy, sẽ được sanh về cõi nước Vô Ưu, thọ mạng lâu dài đến không thể tính kể. Ngoài ra, Đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai còn cho biết rằng sau khi bỏ thân Phạm Chí, thân mẫu của Quang Mục sẽ được vãng sanh về Cực Lạc Thế Giới, sống lâu đến không thể tính đếm được là bao nhiêu kiếp; và **sau rốt sẽ thành tựu Phật Quả, quảng độ nhân thiên số nhiều như cát sông Hằng.** Số người ở cõi nhân gian và số thiên nhân ở cõi trời được vị Phật đó độ thoát thì nhiều như cát sông Hằng vậy."

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni **bảo Định Tự Tại Vương Bồ Tát rằng: "Vị La Hán phước lành độ Quang Mục thuở đó** (vị La Hán ở thời Tượng Pháp của Đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, đã vì lòng hiếu thảo của Quang Mục mà quán sát tìm xem mẹ cô ta đọa lạc ở đâu) **chính là Vô Tận Ý Bồ Tát; còn**

thân mẫu của Quang Mục là Giải Thoát Bồ Tát; và Quang Mục là Địa Tạng Bồ Tát đây vậy.

KINH VĂN:

Trong nhiều kiếp lâu xa ở quá khứ, Bồ Tát đã có lòng từ mẫn, lập thệ nguyện nhiều như cát sông Hằng quảng độ chúng sanh như thế.

Trong đời vị lai, như có kẻ nam người nữ nào không làm lành mà làm ác, cho đến kẻ chẳng tin nhân quả, kẻ tà dâm vọng ngữ, kẻ lưỡng thiệt ác khẩu, kẻ hủy báng Đại Thừa; những chúng sanh có các nghiệp như thế tất phải đọa vào đường ác.

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy tiếp: **Trong nhiều kiếp lâu xa ở quá khứ, Bồ Tát** Địa Tạng Vương **đã có lòng từ mẫn, lập thệ nguyện nhiều như cát sông Hằng quảng độ chúng sanh như thế.** Như đã nói ở trên, vị Địa Tạng Vương Bồ Tát này có lòng từ bi rất bao la, vì thương xót khắp cả chúng sanh mà Ngài phát nguyện giáo hóa và độ thoát muôn loài. Thệ nguyện mà Ngài đã từng lập thì vô lượng vô biên, nhiều như cát sông Hằng, chứ chẳng phải chỉ có những lời được ghi chép trong Kinh mà thôi đâu!

Trong đời vị lai, như có kẻ nam người nữ nào không làm lành mà làm ác, cho đến kẻ chẳng tin nhân quả. Mọi người đều nên "việc ác không làm, chỉ làm việc thiện"; thế nhưng có những chúng sanh lại "việc thiện không làm, chỉ làm việc ác"! Thậm chí có giảng về luật nhân quả cho họ nghe, họ cũng chẳng chịu tin.

Vừa rồi, tôi đến trường đại học University of California thuyết Pháp; sau buổi giảng thì có một sinh viên người Trung Hoa chờ tôi ngoài giảng đường và hỏi: "Thưa Thầy, chẳng hay Phật Giáo có tin Nhân Quả chăng?"

Tôi đáp: "Có chứ! Về Nhân Quả, vấn đề không phải là tin hay không tin, bởi đó đúng là điều có thật! Anh tin, thì cũng có

luật Nhân Quả; mà anh không tin, thì luật Nhân Quả cũng vẫn tồn tại như thường! Nếu anh không tin Nhân Quả, thì bây giờ tôi sẽ đưa ra một thí dụ hết sức đơn giản để anh tự nghiệm lấy. Thí dụ, anh tát người nào đó một bạt tai, thì người ấy nhất định sẽ tát lại anh một cái để trả đũa, có đúng không? Anh đánh người ta, đó là "nhân"; còn người ta đánh anh lại tức là "hậu quả" của việc anh làm. Anh đánh người ta thì người ta cũng đánh anh vậy! Thế nào, anh có tin lý lẽ này không?"

Anh sinh viên ấy nói rằng như thế thì anh ta không còn gì để nói nữa! Ban đầu anh ta có rất nhiều lý lẽ, muốn đến để tranh cãi biện luận, cho rằng không có Nhân Quả. Sau khi nghe tôi nói như thế, có lẽ anh ta sợ bị người khác đánh, hoặc là anh chẳng muốn đánh người khác hay sao thì tôi không rõ; tuy nhiên, anh ta đã bắt đầu tin là có Nhân Quả.

Chúng ta vốn không nên đánh đập ai cả, do đó nếu quý vị gây gỗ đánh đập người khác, tức là quý vị đã gieo cái "nhân" không tốt rồi. Bởi quý vị đánh người nên mới bị người đánh, cho nên việc quý vị bị người ta quay lại đánh trả chính là cái "quả" của quý vị vậy. Nếu quý vị không tử tế với mọi người, thì mọi người cũng không tử tế với quý vị; nếu quý vị cư xử tốt với mọi người, thì mọi người cũng cư xử tốt với quý vị: đó là luật Nhân Quả. Cho nên,

"Trồng thiện nhân thì kết thiện quả,

Gieo ác nhân tất gặp ác báo."

Ngoài ra, nếu quý vị kết giao toàn bạn xấu, không đàng hoàng, thì sớm muộn gì quý vị cũng bị ảnh hưởng mà trở thành người xấu. Trái lại, nếu quý vị toàn giao du với bạn tốt, thì cho dù bản thân quý vị là người xấu, dần dần quý vị cũng trở thành người tốt. Cho nên, mọi chuyện đều là Nhân Quả, quý vị chớ truy tìm đâu xa cho uổng công! Đừng vội lên án người ta là không tốt với mình, mà trước hết hãy tự vấn lương tâm, xét xem mình có tốt với người ta hay không! Đối với việc gì chúng ta cũng nên "hồi quang phản chiếu, phản cầu chư kỷ," soi xét lại chính mình; chứ đừng như cái máy chụp hình, cứ mải miết chụp hình người

khác, còn bản thân mình hình thù ra sao thì lại hoàn toàn mù tịt, không hay không biết!

Kẻ tà dâm vọng ngữ, kẻ lưỡng thiệt ác khẩu. Chúng ta phải luôn luôn nhớ là đừng bao giờ phạm tội "lưỡng thiệt, ác khẩu" (nói lưỡi đôi chiều, nói lời hung ác). Thế nào là "lưỡng thiệt"? Thí dụ, với người này thì quý vị dùng "bộ mặt" này, với người khác thì quý vị lại giở "bộ mặt" khác (gặp Giáp thì nói xấu Ất; gặp Ất thì chê bai Giáp) như thế là quý vị phạm tội "lưỡng thiệt, ác khẩu." Hoặc là quý vị dèm pha, dùng lời nói để gây hiềm khích, chia rẽ nội bộ, phá hoại sự đoàn kết của một tập thể đến nỗi tổ chức phải tan rã: đó cũng là phạm tội "lưỡng thiệt, ác khẩu" vậy.

Về tội "lưỡng thiệt, ác khẩu," thì nghiêm trọng nhất là khoản "phá hòa hợp Tăng." Thế nào gọi là "phá hòa hợp Tăng"? Người cư sĩ tại gia thì không được rao nói lỗi của người xuất gia: những vị Tỳ Kheo và Sa Di đã thọ giới Sa Di hoặc giới Bồ Tát. Bởi quý vị học Phật Pháp là học từ những người xuất gia, từ các vị Tỳ Kheo và Sa Di này; cho nên, quý vị không được học Phật Pháp rồi sau đó lại đi phá hoại Phật Pháp, gây sự xích mích trong đoàn thể Tăng Già. Nếu quý vị dùng lời nói làm cho Tăng Già trở nên bất hòa, tức là quý vị đã "phá hòa hợp Tăng," và mắc tội "lưỡng thiệt, ác khẩu" vậy.

Trong Phật Giáo, "phá hòa hợp Tăng" là một trong năm tội nghịch nghiêm trọng nhất (Ngũ Nghịch Tội); và đó là:

1) Giết cha mình (thí phụ);

2) Giết mẹ mình (thí mẫu);

3) Giết bậc đã chứng quả A La Hán (thí A La Hán);

4) Làm mất sự hòa hợp giữa chư Tăng với nhau (phá hòa hợp Tăng). Ví dụ, với vị Sư này thì quý vị kể lể những khuyết điểm, sai sót của vị Sư kia, rằng vị ấy có lỗi với vị này như thế nào...; còn với vị Sư kia thì quý vị lại mách những nhược điểm, thiếu sót của vị Sư này, rằng vị này có lỗi với vị kia như thế nào, đố kỵ chướng ngại ra sao... khiến cho giữa những người xuất gia không còn sự hòa thuận, chư Tăng không thể cùng ở chung (cộng

trụ) với nhau được nữa, và rốt cuộc là Tăng đoàn bị chia rẽ, phân tán: như thế là quý vị đã "phá hòa hợp Tăng" vậy.

5) Làm thân Phật chảy máu (xuất Phật thân huyết). Đây là tội nghịch thứ năm. Hiện tại Đức Phật không còn tại thế, song nếu quý vị thiêu đốt tranh ảnh có hình Phật, hoặc phá hủy tượng Phật, thì cũng chẳng khác nào "làm thân Phật chảy máu" vậy!

Trên đây là nói tổng quát về những tội bao hàm trong tội "lưỡng thiệt, ác khẩu." Mỗi người trong chúng ta đều phải đặc biệt chú ý, chớ bao giờ phạm những tội ấy; bằng không, quý vị sẽ bị đọa vào địa ngục, vĩnh viễn không đời nào thoát ra được!

Kẻ hủy báng Đại Thừa. Có nhiều người cho rằng không có Đại Thừa, mà chỉ có văn tự Ba-Ly (Pali). Hôm qua có một kẻ ngông cuồng đã cật vấn: "Kinh điển của các người là dịch ra từ tiếng Pali chứ gì?" Anh ta, ngay cả chữ Pali là như thế nào còn không biết, mà lại hỏi có phải dịch ra từ tiếng Pali hay không! Đó chẳng qua là anh ta muốn tỏ ra ta đây cũng là người hiểu biết thông thạo, hạng người như thế thật rất đáng thương!

Những chúng sanh có các nghiệp như thế tất phải đọa vào đường ác. Những chúng sanh tạo ác nghiệp như thế, nhất định sẽ bị đọa vào ba đường dữ, thật là nguy hiểm biết bao!

KINH VĂN:

Nếu gặp được hàng Thiện Tri Thức khuyên bảo khiến trong chừng khảy móng tay liền quy y Địa Tạng Bồ Tát, những chúng sanh đó lập tức được thoát khỏi báo khổ của Tam Ác Đạo.

Nếu có thể tâm chí quy kính và chiêm lễ tán thán, cùng dùng hương, hoa, y phục, các thứ trân bảo, hoặc đồ ăn thức uống, mà cúng phụng, thì trong trăm ngàn muôn ức kiếp về sau, thường được ở cõi Trời, hưởng thọ sự vui thù thắng vi diệu. Nếu phước trời hết, phải sanh xuống nhân gian, thì vẫn còn trăm ngàn kiếp thường làm bậc Đế Vương, lại nhớ được túc mạng cùng cội ngành nhân quả.

Này Định Tự Đại Vương! Bồ Tát Địa Tạng có bất khả tư nghị đại oai thần lực, lợi ích rộng lớn cho chúng sanh như thế. Các Ông, những bậc Bồ Tát, phải ghi nhớ Kinh này hầu tuyên truyền, lưu bố rộng ra."

LƯỢC GIẢNG:

Nếu gặp được hàng Thiện Tri Thức. Chữ "nếu" này thuộc loại bất định từ; do đó, "nếu gặp" có nghĩa là có thể gặp được, mà cũng có thể là không gặp được. Bây giờ Đức Phật đặt giả thiết là các chúng sanh tạo ác nghiệp đó "gặp được" bậc Thiện Tri Thức.

Thế nào gọi là "thiện tri thức"? "Tri" là nghe danh (văn danh); "thức" là thấy mặt (kiến diện). "Nghe danh" tức là nghe thấy, biết đến tên tuổi, tiếng tăm; "thấy mặt" tức là biết rõ mặt mày, hình tướng. Vậy, "tri thức" có nghĩa là nhận thức, hiểu biết một cách rõ ràng, tường tận.

Về chữ "thiện," thông thường thì được xem là đồng nghĩa với chữ "hảo" (tốt), song ở đây thì được dùng theo nghĩa của chữ "năng" (khả năng). Bậc "Thiện Tri Thức" là người có khả năng nhận thức; nhận thức điều gì? Họ có thể nhận thức được những khổ não trong Tam Giới, biết rõ rằng "Tam Giới không yên, như ngôi nhà lửa."

Có ba hạng Thiện Tri Thức; đó là Ngoại Hộ Thiện Tri Thức, Đồng Hành Thiện Tri Thức và Giáo Thọ Thiện Tri Thức.

1) Ngoại Hộ Thiện Tri Thức. Đây là những vị Thiện Tri Thức từ ngoài đến để hộ Pháp, tự nguyện giúp đỡ người xuất gia xử lý công việc trong chùa. Họ tận tụy hộ trì Tam Bảo, hộ trì Thường Trụ, và hoan hỷ cúng dường mọi vật phẩm mà Thường Trụ cần đến. Nói tóm lại, Ngoại Hộ Thiện Tri Thức là những người ở ngoài nhưng tự nguyện đến chùa để hộ trì người tu Đạo.

2) Đồng Hành Thiện Tri Thức. Thế nào gọi là "đồng hành"? Đó là cùng nhau tu hành. Hàng Thiện Tri Thức này thường cùng nhau tu tập, và động viên khuyến khích lẫn nhau. Khuyến khích lẫn nhau bằng cách nào?

Bằng cách "đả đồng tham" (đánh bạn cùng tu): nghĩa là chúng ta cùng tu tập với nhau thì quý vị giúp tôi, chỉ cho tôi rõ

những lỗi lầm của tôi; và tôi giúp quý vị, chỉ cho quý vị rõ những sai sót của chính quý vị. Bởi con người thường có khuynh hướng không tự thấy được cái sai của chính mình, nếu nhờ người khác tìm giùm thì dễ dàng hơn! Thói thường,

"Người trong cuộc thì mê, kẻ ngoại cuộc thì sáng."

(Đương cục giả mê, ngoại cục giả thanh.)

Ở cương vị của người trong cuộc, lắm lúc chúng ta bối rối, không thấy được mình đúng hay sai; trong khi đó, người ngoại cuộc thì do đứng ngoài, không dính líu đến sự việc, nên cái nhìn có sáng suốt hơn. Vì vậy, mọi người thường có thể hỗ tương thấy rõ khuyết điểm của nhau hơn, quý vị thấy rõ được cái sai của tôi, tôi thấy rõ được cái sai của quý vị.

Tuy nhiên, "đả đồng tham" có nghĩa là quý vị nêu ra những sai sót của tôi để tôi biết mà sửa đổi, tôi kể lại những sai phạm của quý vị để quý vị rõ mà sửa mình; chứ không phải là quý vị phát hiện cái sai của tôi thì tôi liền đùng đùng nổi giận, tôi khám phá ra tội lỗi của quý vị thì quý vị lại gây gỗ lôi thôi! Chúng ta chẳng những không được nóng nảy giận dữ, mà còn phải bình tâm tĩnh trí nghiên cứu lỗi lầm của nhau để bổ khuyết cho nhau nữa. Đó gọi là hỗ tương khích lệ, sách tấn lẫn nhau, giúp nhau tinh tấn tu tập, cùng nhau trau giồi rèn luyện.

Trong Ngũ Kinh, sách Đại Học có câu:

"*Như gọt như giũa, như trau như chuốt.*"

(Như thiết như tha, như trác như ma.)

Như người thợ ngọc tỉ mỉ dùng dao đẽo gọt từng chút một, sau đó phải dùng giũa để mài đi chuốt lại thật công phu, miếng ngọc thô sơ mới trở thành một món trang sức bằng ngọc xinh đẹp, quý giá; hai người bạn cùng nhau "đả đồng tham," nghĩa lý cũng tương tự như thế. Chúng ta phải hỗ tương "trau giồi mài giũa"—bạn tìm khuyết điểm của tôi, tôi tìm khuyết điểm của bạn, để rồi cùng giúp nhau sửa đổi. Người chân chánh tu hành nhất định phải nuôi dưỡng một tinh thần như thế. Đó là nói về bậc Đồng Hành Thiện Tri Thức.

3) Giáo Thọ Thiện Tri Thức. Những người giảng Kinh thuyết Pháp, truyền bá và hoằng dương Phật Giáo, giáo hóa chúng sanh... được gọi là bậc Giáo Thọ Thiện Tri Thức.

Khuyên bảo khiến trong chừng khảy móng tay liền quy y Địa Tạng Bồ Tát. "Một khảy móng tay" là một khoảng thời gian hết sức ngắn ngủi. Còn một "chớp mắt" thì sao? Mắt nhấp nháy một cái thì gọi là một "nháy mắt" hoặc một "chớp mắt." Cứ hai mươi niệm là một "nháy mắt"; hai mươi "nháy mắt" là một sát-na.

Trong *Kinh Nhân Vương Hộ Quốc Bát Nhã* có nói rằng cứ trong một sát-na thì có chín trăm lần sanh diệt; có nghĩa là trong khoảng thời gian là một sát-na thì cái niệm suy nghĩ của chúng ta trải qua chín trăm lần sanh diệt. Một "khảy móng tay" thì lâu bằng sáu mươi bốn sát-na; tuy nhiên, "trong chừng khảy móng tay" ở đây chỉ ngụ ý là khoảng thời gian rất ngắn ngủi, chỉ trong một thoáng chốc mà thôi.

Câu "khuyên bảo khiến trong chừng khảy móng tay" có hai cách giải thích:

- Cách thứ nhất, là chúng sanh đó tin tưởng và quy y với Địa Tạng Vương Bồ Tát được một khoảnh khắc ngắn ngủi chừng khảy móng tay, thì liền thăng thiên, hưởng sự an lạc vĩnh viễn.

- Cách thứ hai, là nhờ được sự khuyên bảo của bậc Thiện Tri Thức nên chỉ trong khoảnh khắc ngắn ngủi chừng khảy móng tay, chúng sanh đó liền mau mắn sanh tín tâm, quy y Địa Tạng Vương Bồ Tát.

"Quy y Địa Tạng Bồ Tát" tức là cung kính, đem cả thân tâm tánh mạng của mình giao phó cho Địa Tạng Vương Bồ Tát; xem Địa Tạng Vương Bồ Tát như một người cha từ bi của mình, còn mình thì như con cái của Ngài.

Như vậy, giả sử những chúng sanh quen làm điều ác, chẳng tin nhân quả, lại còn tà dâm vọng ngữ, lưỡng thiệt ác khẩu, hủy báng Đại Thừa, chịu vâng theo lời khuyên của bậc Thiện Tri Thức mà quy y với Điạ Tạng Vương Bồ-tát; thì **những chúng sanh đó lập tức được thoát khỏi khổ báo của Tam Ác**

Đạo. Chỉ trong chốc lát ngắn ngủi chừng khảy móng tay, bao nhiêu khổ báo ở ba đường ác trong thời gian dài đến vô lượng vô biên của những chúng sanh đó đều tiêu tan.

Lại nữa, những chúng sanh đó **nếu có thể tâm chí quy kính**: chuyên nhất kỳ tâm, chí thành quy kính**, và chiêm lễ tán thán**, ngắm nhìn đảnh lễ, tấm tắc ngợi khen**, cùng dùng hương, hoa, y phục, các thứ trân bảo**, báu vật quý giá, **hoặc đồ ăn thức uống, mà cúng phụng** Địa Tạng Vương Bồ Tát**, thì trong trăm ngàn muôn ức kiếp về sau,** những chúng sanh đó **thường được ở cõi Trời, hưởng thọ sự vui thù thắng vi diệu.** Người xuất gia có lệ là trước khi thọ thực đều phải "thượng cúng," tức là dâng cúng thức ăn cho chư Phật trước.

Nếu phước trời hết, phải sanh xuống nhân gian, thì vẫn còn trăm ngàn kiếp thường làm bậc Đế Vương. Sau khi hưởng hết phước trời của mình, những chúng sanh đó sẽ sanh xuống cõi người trở lại, và thường được làm Hoàng Đế trong cả trăm ngàn vạn kiếp.

Lại nhớ được túc mạng cùng cội ngành nhân quả. Hơn thế nữa, họ vẫn nhớ được những sự việc trong các đời trước của mình, và biết rành rẽ cội ngành nhân quả trả vay.

Này Định Tự Đại Vương! Bồ Tát Địa Tạng có bất khả tư nghị đại oai thần lực (đại oai đức không thể nghĩ bàn, đại thần thông không thể nghĩ bàn) **lợi ích rộng lớn cho chúng sanh như thế. Các Ông, những bậc Bồ Tát, phải ghi nhớ Kinh này hầu tuyên truyền, lưu bố rộng ra.** Tất cả các Ông đều nên phát tâm truyền bá rộng rãi bộ *Kinh Địa Tạng* này."

Hiện nay chúng ta được nghe đến tên "Kinh Địa Tạng," được nghe giảng *Kinh Địa Tạng*, đều là nhờ chư Bồ Tát dùng oai lực mà truyền bá rộng khắp; nếu không nhờ chư Bồ Tát âm thầm tuyên truyền lưu bố, chúng ta chưa chắc đã gặp được Pháp Bảo thậm thâm, vi diệu như thế này!

KINH VĂN:

Ngài Định Tự Tại Vương bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Xin Ngài chớ lo nghĩ! Ngàn muôn ức Bồ Tát Ma Ha Tát chúng con đều có thể nương oai thần của Phật mà tuyên diễn rộng rãi Kinh này nơi cõi Diêm Phù Đề để lợi ích cho chúng sanh."

Định Tự Đại Vương Bồ Tát bạch với Đức Thế Tôn xong, bèn cung kính chắp tay làm lễ mà lui ra.

LƯỢC GIẢNG:

Ngài Định Tự Tại Vương bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Xin Ngài chớ lo nghĩ! Xin Đức Thế Tôn đừng lo nghĩ về vấn đề này. **Ngàn muôn ức Bồ Tát Ma Ha Tát chúng con đều có thể nương oai thần của Phật mà tuyên diễn rộng rãi Kinh này nơi cõi Diêm Phù Đề.** Chúng con sẽ đi khắp cõi Nam Diêm Phù Đề mà tuyên thuyết, truyền bá rộng rãi bộ Kinh này, **để lợi ích cho chúng sanh."**

Định Tự Đại Vương Bồ Tát bạch với Đức Thế Tôn xong, bèn cung kính chắp tay làm lễ mà lui ra: Ngài cung cung kính kính cúi đầu đảnh lễ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni rồi lui ra ngồi sang một bên.

KINH VĂN:

Bấy giờ, bốn vị Thiên Vương cai quản bốn phương đồng từ chỗ ngồi đứng dậy, cung kính chắp tay mà bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Bồ Tát Địa Tạng từ kiếp lâu xa đến nay đã phát đại nguyện như thế, vì sao đến nay vẫn độ chưa hết, lại còn phát quảng đại thệ nguyện nữa? Cúi xin Đức Thế Tôn dạy cho chúng con rõ."

LƯỢC GIẢNG:

Bấy giờ, lúc Bồ Tát Định Tự Tại Vương cung kính lễ Phật và lui ra ngồi sang một bên rồi, thì **bốn vị Thiên Vương coi bốn phương đồng từ chỗ ngồi đứng dậy,**

Bốn vị Thiên Vương của bốn phương đều cư ngụ ở lưng chừng núi Tu Di; cung điện có thành trì bằng thất bảo (vàng, bạc,

lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não) bao quanh. Thành cao bốn vạn hai ngàn do-tuần, chung quanh có bảy lớp hàng cây, bảy lớp lưới giăng (la võng), bảy lớp câu-lơn bao bọc, vô cùng trang nghiêm.

"Tứ Phương Thiên Vương" tức là bốn vị Thiên Vương trấn giữ ở bốn phương (Đông Phương Thiên Vương, Nam Phương Thiên Vương, Bắc Phương Thiên Vương và Tây Phương Thiên Vương.

1) Đông Phương Thiên Vương. Theo tiếng Phạn, tên của vị Thiên Vương này là Đề Đa La Tra; Trung Hoa dịch là Trì Quốc. "Trì" tức là "trì hộ": vị Thiên Vương này gìn giữ và bảo hộ quốc gia cùng tất cả chúng sanh. Đông Phương Thiên Vương có chín mươi chín người con trai và đều được gọi là Nhân Đà La.

Trong các quỷ thần do Đông Phương Thiên Vương thống lãnh, thì có một số là Hương Thần (thần thích hương thơm), và một số là Xú Thần (thần hôi thúi). Hương Thần là ai? Đó chính là Càn Thát Bà trong Bát Bộ Quỷ Thần, trên đầu có một cái sừng. Càn Thát Bà rất thích ngửi hương thơm, hễ đánh hơi thấy nơi nào có hương thơm là liền chạy về hướng đó. Ngọc Đế, tức là Nhân Đà La Vương, có một loại hương gọi là hương chiên-đàn; khi nào đốt hương này lên, Càn Thát Bà ngửi được thì liền đến và khảy đàn tấu nhạc cho Ngọc Đế nghe. Bởi Ngọc Đế vẫn còn ở trong Lục Dục Thiên, chưa ra khỏi cảnh giới Ngũ Trần, cho nên còn thích nghe Càn Thát Bà tấu nhạc. Vậy, Càn Thát Bà là Nhạc Thần của Ngọc Đế, mà cũng chính là Hương Thần.

Trì Quốc Thiên Vương còn thống lãnh cả Xú Thần (thần hôi thúi). Xú Thần này có tên là Phú Đơn Na, đi đến đâu là hôi hám thối tha đến đó. Đây cũng chính là vị Phú Đơn Na được nhắc tới trong *Chú Lăng Nghiêm*. Bản lãnh cùng thần thông của Xú Thần chính là phóng ra mùi hôi, và hễ đến nơi nào thì nơi ấy liền có mùi hôi thối nồng nặc!

2) Nam Phương Thiên Vương. Theo tiếng Phạn, tên của vị Thiên Vương này là Tỳ Lưu Ly; Trung Hoa dịch là Tăng Trưởng: vị Thiên Vương này có thể làm cho thiện căn của chúng

sanh được tăng trưởng. Nam Phương Thiên Vương cũng có chín mươi chín người con trai, và cũng đều gọi là Nhân Đà La. Bốn vị Thiên Vương này, mỗi vị đều có chín mươi chín (99) người con trai, và đều được gọi là Nhân Đà La; vì vậy, cả ba trăm chín mươi sáu (396) vị đều có cùng một tên gọi giống nhau.

Nam Phương Tăng Trưởng Thiên Vương cũng cai quản, thống lãnh các quỷ thần; trong đó có loài Viễn Quỷ (quỷ xa) và Cận Quỷ (quỷ gần). Vì sao gọi là Viễn Quỷ? Vì loài quỷ này thường tránh xa loài người. Vì sao gọi là Cận Quỷ? Vì loài quỷ này thích làm tổ tiên của người ta, hễ đến nhà người nào thì làm tổ tiên của người đó, cho nên gọi là Cận Quỷ.

Viễn Quỷ có tên gọi là gì? Trong *Chú Lăng Nghiêm*, Viễn Quỷ được gọi là Cưu Bàn Trà. Đúng ra, những chữ này phải đọc là "Cưu Bàn Đồ," nhưng hiện nay những người tụng Chú đều đọc là "Cưu Bàn Trà": có lẽ Cưu Bàn Đồ cũng biết mình bị đổi tên rồi, do vậy quý vị có đọc là "Cưu Bàn Trà" thì cũng được linh ứng như nhau; cho nên, tên gọi thì không có gì là nhất định cả.

Tại sao "Cưu Bàn Đồ" lại bị đọc nhầm thành "Cưu Bàn Trà"? Vì người ta không nhìn cho rõ chữ "đồ"! Chữ "đồ" và chữ "trà" chỉ khác nhau ở một nét ngang, và hai chữ này cũng chỉ hơn kém nhau một nét ngang ấy mà thôi, phần dưới của chữ "trà" là chữ "mộc," còn phần dưới của chữ "đồ" là chữ "mạt." Bởi chỉ sai khác nhau một nét ngang nhỏ, nên người ta lơ đễnh mà lầm lẫn chữ "đồ" ra chữ "trà." Thế nhưng, khi nghe ai gọi "Cưu Bàn Trà" thì Cưu Bàn Đồ cũng biết đó là người ta gọi mình.

Hình dạng của Cưu Bàn Trà như thế nào? Cưu Bàn Trà hình thù trông như cái vại hay cái chum lớn tròn tròn, không có đầu, cũng chẳng có chân. Vì loài quỷ này thường tránh xa, không thích ở gần con người, nên gọi là Viễn Quỷ.

Loài Cận Quỷ được gọi là Bệ Lệ Đa, và cũng có được nhắc đến trong *Chú Lăng Nghiêm*. Ở Trung Quốc, mỗi gia đình đều có thờ cúng bài vị tổ tiên, và loài quỷ này thường lân la tìm đến làm tổ tiên cho từng nhà. Bởi loài quỷ này thích tiếp xúc, thân cận loài người nên được gọi là "Cận Quỷ."

3) Tây Phương Thiên Vương. Theo tiếng Phạn, tên của vị Thiên Vương này là Tỳ Lưu Bạc Xoa; Trung Hoa dịch là Tạp Ngữ, ngụ ý rằng vị Thiên Vương này biết nói đủ các thứ tiếng, thông thạo tất cả ngôn ngữ của mọi quốc gia.

Tây Phương Thiên Vương còn được gọi là Quảng Mục Thiên Vương và cũng thống lãnh một số quỷ; đó là loài quỷ nào? Chính là loài quỷ mà trong *Chú Lăng Nghiêm* gọi là Tỳ Xá Đồ và Trung Hoa dịch là Đạm Tinh Khí Quỷ, tức là loài quỷ chuyên ăn tinh khí. "Tỳ Xá Đồ" còn được dịch là Điên Cuồng Quỷ, bởi loài quỷ này có thể làm cho người ta sanh bệnh điên cuồng, bị phát điên phát cuồng. Loài quỷ này lại chuyên ăn tinh khí của con người, chúng đến những nơi xảy ra hành vi tánh dục nam nữ để ăn thứ tinh khí bất tịnh ấy. Một khi quỷ Tỳ Xá Đồ khiến cho người nào mắc bệnh, thì người đó không còn hay biết gì cả, phải vào bệnh viện tâm thần để điều trị. Tuy nhiên, những người bị loài quỷ này hãm hại, dù có ở bệnh viện tâm thần thì cũng không dễ gì bình phục được.

Tây Phương Thiên Vương còn thống lãnh cả rồng độc (độc long). Loài rồng có nọc độc này, hễ mắt chúng vừa nhác thấy người nào thì người đó liền bị trúng độc của chúng ngay tức khắc. Chẳng những thế, nếu quý vị nghe tiếng của chúng, ngửi thấy mùi của chúng hoặc tiếp xúc, đụng chạm vào chúng, thì cũng đều bị trúng độc cả.

Như vậy, Tây Phương Thiên Vương thống lãnh, cai quản hai loại quỷ thần là quỷ Tỳ Xá Đồ và loài rồng độc.

4) Bắc Phương Thiên Vương. Trong bốn vị Thiên Vương thì Bắc Phương Thiên Vương là thủ lãnh; cả ba vị Thiên Vương kia đều phải chịu sự chỉ huy của vị thủ lãnh này.

Bắc Phương Thiên Vương cũng cai quản quỷ thần; đó là loài quỷ thần nào? Đó là hai loài quỷ: quỷ Dạ Xoa và quỷ La Sát. Dạ Xoa có rất nhiều loại: có Dạ Xoa đi dưới đất, có Dạ Xoa du hành trên không trung, có Dạ Xoa ở trên trời... Dạ Xoa còn được gọi là quỷ Tiệp Tật, tức là loài quỷ chạy nhanh, bởi chúng có thể chạy với một tốc độ xấp xỉ tốc độ của ánh sáng. Quỷ La Sát còn

được gọi là quỷ Khả Bố (đáng sợ), vì chúng rất tàn ác và có hình thù trông rất đáng sợ.

Bốn vị Thiên Vương cai quản các quỷ thần như thế ở thế gian, và đến lúc cần họp hội nghị thì họ đều quy tụ ở chỗ của Bắc Phương Thiên Vương. Bắc Phương Thiên Vương có tên là Tỳ Sa Môn, Trung Hoa dịch là Đa Văn, vì vị Thiên Vương này có kiến thức rất uyên thâm, hiểu nhiều biết rộng. Cũng chính vì thế mà ba vị Thiên Vương kia đều răm rắp tuân theo hiệu lệnh cùng mọi sự sai bảo của Bắc Phương Thiên Vương.

Lúc bấy giờ, bốn vị Thiên Vương, vốn đang cùng đại chúng nghe *Kinh Địa Tạng*, đều từ chỗ ngồi đứng dậy, **cung kính chắp tay mà bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Bồ Tát Địa Tạng từ kiếp lâu xa đến nay đã phát đại nguyện như thế, vì sao đến nay vẫn độ chưa hết, lại còn phát quảng đại thệ nguyện nữa?** Vì sao đến nay Bồ Tát Địa Tạng vẫn còn đi độ chúng sanh, vẫn chưa hoàn thành viên mãn hạnh nguyện của mình, lại còn phát lời thệ nguyện rộng lớn nữa? **Cúi xin Đức Thế Tôn dạy cho chúng con rõ.** Chúng con kính xin Đức Phật hãy vì tất cả đại chúng trong Pháp Hội hiện nay mà giảng rõ điều này."

KINH VĂN:

Đức Phật bảo bốn vị Thiên Vương rằng: "Lành thay! Lành thay! Ta nay sẽ vì sự lợi ích rộng lớn của các Ông cùng các chúng trời, người ở hiện tại và vị lai, mà nói việc Bồ Tát Địa Tạng ở Ta Bà Thế Giới, trong đường sanh tử nơi cõi Diêm Phù Đề, từ mẫn cứu vớt, phương tiện độ thoát tất cả chúng sanh tội khổ."

Bốn vị Thiên Vương bạch rằng: "Vâng! Bạch Đức Thế Tôn, chúng con xin muốn được nghe."

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni **bảo bốn vị Thiên Vương rằng: "Lành thay! Lành thay!** Các Ông thật là khéo hỏi. Các Ông thỉnh vấn điều này là rất phải! Tốt lắm thay! **Ta nay sẽ vì sự**

lợi ích rộng lớn của các Ông cùng các chúng trời, người ở hiện tại và vị lai, mà nói việc Bồ Tát Địa Tạng ở Ta Bà Thế Giới, trong đường sanh tử nơi cõi Diêm Phù Đề, từ mẫn cứu vớt, phương tiện độ thoát tất cả chúng sanh tội khổ. Bây giờ, vì muốn đem lại lợi ích rộng lớn cho các Ông cũng như cho tất cả chúng sanh ở cõi trời, cõi người, luôn cả các chúng sanh ở địa ngục, ở cõi ngạ quỷ hoặc cõi súc sanh trong đời hiện tại cùng vị lai, Ta sẽ nói về những sự phương tiện của Bồ Tát Địa Tạng. Ở thế giới Ta Bà, trong cõi Nam Diêm Phù Đề, các chúng sanh cứ luẩn quẩn trong sáu nẻo luân hồi sanh tử, sanh ra rồi chết đi, chết đi rồi lại sanh ra. Nay Ta sẽ nói về việc Địa Tạng Bồ Tát từ bi thương xót tất cả chúng sanh, khéo dùng vô số phương tiện để cứu độ hết thảy những chúng sanh có tội và đương thọ khổ."

Bốn vị Thiên Vương nghe Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói như thế liền đồng thanh **bạch rằng: "Vâng! Bạch Đức Thế Tôn, chúng con xin muốn được nghe.** Chúng con rất vui mừng, rất hoan hỷ được lắng nghe Đức Thế Tôn khai thị."

KINH VĂN:

Đức Phật bảo bốn vị Thiên Vương rằng: "Bồ Tát Địa Tạng từ bao kiếp lâu xa cho đến nay, độ thoát chúng sanh vẫn còn chưa mãn nguyện. Bồ Tát từ bi thương xót những chúng sanh tội khổ ở đời này, lại quán thấy vô lượng kiếp về sau, nghiệp nhân cứ lây dây chẳng dứt; vì lẽ đó nên lại phát trọng nguyện. Bồ Tát ở Ta Bà Thế Giới, trong cõi Diêm Phù Đề, dùng trăm ngàn vạn ức phương tiện để giáo hóa.

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật bảo bốn vị Thiên Vương rằng: "Bồ Tát Địa Tạng từ bao kiếp lâu xa cho đến nay, độ thoát chúng sanh vẫn còn chưa mãn nguyện. Bồ Tát Địa Tạng đã từng độ thoát rất nhiều chúng sanh trong Lục Đạo; song, cho đến nay hạnh nguyện của Bồ Tát vẫn chưa được hoàn tất trọn vẹn. **Bồ Tát từ bi thương xót những chúng sanh tội khổ ở đời này** trong Ta

Bà Thế Giới**, lại quán thấy vô lượng kiếp về sau, nghiệp nhân cứ lây dây chẳng dứt.**

"Nghiệp nhân cứ lây dây chẳng dứt" nghĩa là liên miên bất tận: dây dưa như loài cỏ dại, cứ sống dai dẳng năm này qua năm khác mà mỗi năm mọc mỗi cao hơn, um tùm hơn. Đây là tiêu biểu cho nghiệp lực của chúng ta: mỗi đời tích lũy mỗi nhiều thêm, nặng nề hơn, chẳng khác nào cỏ dại, "cứ lây dây chẳng dứt"!

Vì lẽ đó nên lại phát trọng nguyện. Đức Phật dạy tiếp: "Chính vì thế mà Bồ Tát Địa Tạng lại lập thệ nguyện trọng đại. **Bồ Tát ở Ta Bà Thế Giới, trong cõi Diêm Phù Đề, dùng trăm ngàn vạn ức phương tiện để giáo hóa**, độ thoát tất cả chúng sanh**.**

Bây giờ chúng ta nói thêm về vấn đề "nghiệp nhân cứ lây dây chẳng dứt" vừa đề cập ở trên. Nếu đời này chúng ta tạo một ít nghiệp, rồi đời sau lại tạo một ít nghiệp nữa, và cứ như thế thì nghiệp tội của chúng ta càng ngày càng gia tăng, càng ngày càng chồng chất thêm lên: nghiệp tội như thế gọi là "lây dây chẳng dứt." Nghiệp tội của chúng ta cứ mỗi ngày một thâm trọng, thì đức hạnh của chúng ta sẽ càng ngày càng kém cỏi. Người thiếu đức hạnh hoặc không có đức hạnh, thì không thể thành Phật được, và nếu nghiệp chướng nặng nề thì sẽ phải làm quỷ.

Thế thì, phải như thế nào mới được làm Phật? Muốn làm Phật thì chúng ta cần phải "vạn đức viên dung," tất cả đức hạnh đều viên mãn, tròn đầy.

Vì sao phải làm quỷ? Vì ác nghiệp đầy dẫy, vì bị muôn vạn ác nghiệp giăng mắc bủa vây, cho nên phải làm quỷ. Có một số người do vô tri vô thức, không hiểu biết, nên mới nói rằng không có quỷ; chứ thật ra, người nào mà nói như thế thì chẳng bằng ngay cả một đứa con nít! Bởi với con nít, nếu quý vị giảng giải cho chúng nghe về đạo lý này, thì chúng đều tin tưởng lãnh hội.

Những người không tin có quỷ thần thường nói: "Hoàn toàn không có quỷ!" Thế nhưng, nếu không có quỷ, thì cũng không có Phật! Làm quỷ hay làm Phật, tất cả chỉ do ở một chữ "chuyển":

chuyển được thì thành Phật, chuyển không được thì thành quỷ, mà con người thì ở giữa mức chuyển được và chuyển không được đó. Do vậy, nếu nghiệp chướng bình thường, vừa phải, thì làm người; nếu ác nghiệp sâu dày thì làm quỷ: đây là điều không có gì phải nghi ngờ nữa cả!

KINH VĂN:

Này bốn ông Thiên Vương! Bồ Tát Địa Tạng nếu gặp kẻ sát sanh, thì dạy rõ quả báo vì ương lụy đời trước mà phải chết yểu.

Nếu gặp kẻ trộm cắp, thì dạy rõ quả báo bần cùng khổ sở.

Nếu gặp kẻ tà dâm, thì dạy rõ quả báo làm chim se sẻ, bồ câu, uyên ương.

Nếu gặp kẻ nói lời thô ác, thì dạy rõ quả báo quyến thuộc kình chống nhau.

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật dạy tiếp: **"Này bốn ông Thiên Vương! Bồ Tát Địa Tạng nếu gặp kẻ sát sanh thì dạy rõ quả báo.** Khi gặp những kẻ có tánh hiếu sát, thường hay giết hại sinh vật, Bồ Tát Địa Tạng liền nói cho họ biết về quả báo của sự sát sanh. Quả báo ấy như thế nào? Đó là họ sẽ **vì ương lụy đời trước mà phải chết yểu.**

Nếu đời này quý vị thích sát sanh, thì đời sau quý vị sẽ phải chịu rất nhiều bệnh tật đau đớn; chẳng những ốm đau khổ sở mà còn bị chết sớm, thọ mạng ngắn ngủi nữa. Vì sao thọ mạng ngắn ngủi? Đó là vì đời trước đã trót phạm tội sát sanh! Quý vị tước đoạt mạng sống của người khác, khiến họ không được sống lâu hơn, cho nên tánh mạng của chính quý vị rồi cũng không được lâu dài, quý vị phải nhận lãnh quả báo đoản mệnh, chết yểu.

Nếu gặp kẻ trộm cắp, thì dạy rõ quả báo bần cùng khổ sở. Thế nào gọi là "trộm"? Lấy đồ đạc của kẻ khác một cách lén lút, chẳng để cho ai trông thấy; tức là "trộm." Thế nào gọi là "cắp"? Như người ta vốn không có ý muốn cho quý vị món đồ

đó, nhưng quý vị thừa lúc họ không chú ý bèn đoạt lấy, đó là "cắp."

Nếu gặp những kẻ thường hay ăn cắp ăn trộm đồ đạc của người khác, thì Địa Tạng Vương Bồ Tát sẽ nói gì? Ngài sẽ giảng cho họ nghe về quả báo bần cùng khổ sở: "Bây giờ anh ăn trộm tiền bạc của người ta, khiến cho người ta bị lâm vào cảnh túng thiếu, thì đời sau, chính bản thân anh cũng sẽ bị nghèo nàn cơ cực."

Quý vị thử nhìn xem, trên thế gian này có biết bao người nghèo khổ, thiếu trước hụt sau, ăn không đủ no, mặc không đủ ấm; đó chẳng qua là quả báo do đời trước họ đã phạm tội trộm cướp mà ra. Bởi trước kia đã trộm cắp đồ đạc hoặc cướp đoạt tiền bạc của người khác, cho nên đời này họ phải sống trong sự bần cùng nghèo khổ! Càng trộm càng nghèo; càng sợ không có thì lại càng không có! Như vậy, đối với hạng người đầu trộm đuôi cướp này, Địa Tạng Vương Bồ Tát giảng về quả báo "bần cùng khổ sở": bần cùng, túng thiếu là khổ sở nhất!

Nếu gặp kẻ tà dâm... Sinh hoạt tính dục giữa vợ chồng chính thức thì không phải là tà dâm. "Tà dâm" là chỉ những kẻ ngoại hôn, không phải là vợ chồng chính thức, song chỉ vì tham đắm khoái lạc nhất thời mà phạm tà hạnh; và như thế là sai lầm, là tội lỗi. Cho dù là vợ chồng chính thức, nếu có thể giảm bớt sự hành dâm thì vẫn tốt hơn! Chớ cho rằng là vợ chồng thì không xem là phạm tội mà sanh ra tùy tiện; cần phải biết rằng thứ hành vi này làm cho con người bị ngu si, mê muội. Càng mê đắm sắc dục thì con người càng trở nên ngu si một cách tệ hại hơn, và cũng không còn hào quang nữa. Vì sao có hào quang? Do không có thứ hành vi tính dục này cho nên có được trí huệ chân chánh, sáng suốt và có hào quang.

Nếu phạm tà hạnh, có hành vi tính dục nam nữ không chánh đáng: thì đó là phạm Giới. Đối với hạng người này thì Địa Tạng Vương Bồ Tát giảng những gì? **Thì dạy rõ quả báo làm chim se sẻ, bồ câu, uyên ương.** Ngài nói cho họ biết về quả báo phải đầu thai làm cầm thú.

Chim se sẻ là một giống chim rất dâm dật, song chưa bằng chim bồ câu. Bồ câu là loài chim dâm dật nhất, mỗi tháng nó ấp ra một tổ bồ câu con đông lúc nhúc. Thông thường, các loài chim khi giao hợp thì con trống ở trên, duy có bồ câu thì con mái lại ở trên; bởi tính dục của chim mái mạnh, cho nên mỗi tháng nó ấp nở rất nhiều bồ câu con. Còn chim uyên ương thì sao? Uyên ương thì quá nặng về mặt tình cảm, quá giàu tình cảm, chim trống và chim mái dù đáp xuống đất hay bay trên trời cũng đều đi cặp với nhau, từng đôi từng đôi không lúc nào rời nhau. Loài chim tuy nói là tự do song vẫn chỉ là một hạng súc sanh, chẳng có gì tốt đẹp cả.

Vậy, những kẻ hành tà dâm thì đời sau sẽ phải đầu thai làm chim se sẻ, bồ câu, uyên ương.

Nếu gặp kẻ nói lời thô ác, thì dạy rõ quả báo quyến thuộc kình chống nhau. "Nói lời thô ác" (ác khẩu) tức là mắng chửi người khác; trong đó bao gồm cả nói đôi chiều (lưỡng thiệt), nói thêu dệt (ỷ ngữ), nói dối (vọng ngôn). Nếu Địa Tạng Vương Bồ Tát gặp những kẻ độc ác, hay mắng chửi người khác, thì Ngài giảng về quả báo đời sau bà con thân thuộc của họ luôn xích mích, bất hòa.

KINH VĂN:

Nếu gặp kẻ hay hủy báng, thì dạy rõ quả báo không lưỡi, miệng lở.

Nếu gặp kẻ nóng giận, thì dạy rõ quả báo xấu xí, bệnh hoạn, tàn tật.

Nếu gặp kẻ bỏn xẻn, thì dạy rõ quả báo sở cầu không toại nguyện.

Nếu gặp kẻ ăn uống vô độ, thì dạy rõ quả báo đói, khát, cổ họng đau đớn.

Nếu gặp kẻ săn bắn buông lung, thì dạy rõ quả báo kinh cuồng, mất mạng.

Nếu gặp kẻ ngỗ nghịch với cha mẹ, thì dạy rõ quả báo trời đất đánh chết.

Nếu gặp kẻ đốt núi rừng cây cối, thì dạy rõ quả báo cuồng mê đến chết.

LƯỢC GIẢNG:

Nếu gặp kẻ hay hủy báng, thì dạy rõ quả báo không lưỡi, miệng lở. Nếu Địa Tạng Vương Bồ Tát gặp những kẻ không tiếc lời chê bai Phật, Pháp, Tăng, thì Ngài nói với họ rằng: "Nếu đời này anh cứ nói năng hồ đồ, khinh chê kẻ khác, hủy báng Tam Bảo như thế, thì đời sau anh sẽ phải chịu quả báo không có lưỡi, không nói được, hoặc miệng thường bị ung nhọt, chữa trị mãi vẫn không lành."

Quý vị thử nghĩ xem, vì sao có những người bị câm, không nói ra tiếng được? Đó là quả báo do họ đã từng hủy báng, khinh chê Tam Bảo. Tại sao có nhiều người miệng thường bị mụt nhọt lở loét, thuốc thang chạy chữa cách mấy vẫn không trị dứt được, ngay cả "thần y" cũng đành phải bó tay? Chính là vì đời trước họ đã hủy báng Tam Bảo, cho nên nay phải gánh chịu quả báo "không lưỡi, miệng lở."

Nếu gặp kẻ nóng giận, tánh tình hết sức nóng nảy, rất dễ nổi giận, dễ "phát hỏa," những kẻ có đầy đủ tánh nết của loài A Tu La, chẳng kém một chút nào, **thì** Địa Tạng Vương Bồ Tát **dạy rõ quả báo xấu xí, bệnh hoạn, tàn tật.** Quý vị thử nhìn một người đang cơn tức giận xem (mặt mày đỏ bừng, phùng mang trợn mắt, huơ tay huơ chân...) hình dáng bộ điệu rất hung hãn, rất khó coi. Theo tiếng Trung Hoa, chữ "long" có nghĩa là bệnh hoạn, ốm đau quặt quẹo luôn luôn; và cũng có nghĩa là bệnh bí tiểu tiện. Do đó, "long tàn" (bệnh hoạn, tàn tật) cũng có thể giải thích là bệnh về đường tiểu, hoặc là chân bị bệnh tật, không đi đứng được.

Vậy, nếu quý vị thường hay nổi nóng, thì đời sau dung mạo của quý vị sẽ rất xấu xí, lại còn bị tật nguyền và cả trăm thứ bệnh hành hạ xác thân nữa!

Nếu gặp kẻ bỏn xẻn... "Bỏn xẻn" tức là keo kiệt, không đành lòng xả bỏ. Những người có tánh bỏn xẻn chỉ thích cầm tiền trong tay mà xoay tới xoay lui, mân mê ngắm nghía, thậm chí tiền có chảy thành nước, họ vẫn không bỏ tay ra! Hạng người keo kiệt này không xả bỏ được nên không muốn làm hạnh bố thí, hễ có tiền là bo bo giữ chặt, chẳng chịu buông ra.

Thì dạy rõ quả báo sở cầu không toại nguyện. Khi Địa Tạng Vương Bồ Tát gặp những chúng sanh bỏn xẻn như thế, thì Ngài nói cho họ biết về quả báo mọi điều cầu xin đều không được thỏa mãn, mọi sự mong mỏi đều không được như ý.

Nếu gặp kẻ ăn uống vô độ... Có nhiều người có thói háu ăn, hễ nhìn thấy đồ ăn là ăn ngấu ăn nghiến, ăn rồi lại ăn thêm, ăn xong lại ăn nữa, món này sang món khác, không điều độ, không tiết chế gì cả. Hạng người này rất thích ăn uống; suốt ngày họ không làm gì cả, đầu óc lúc nào cũng bận rộn suy nghĩ về chuyện ăn, cứ ăn rồi ngủ, ngủ dậy lại ăn: đó gọi là "ăn uống vô độ," ăn uống không giờ giấc, không điều độ.

Đối với hạng người ăn uống vô độ như thế, **thì** Địa Tạng Vương Bồ Tát **dạy rõ quả báo đói, khát, cổ họng đau đớn.** Ngài giảng cho họ nghe rằng: "Bây giờ quý vị cứ ăn uống vô độ, ăn rồi lại ăn như thế, thì đến đời sau quý vị sẽ không bao giờ được no bụng, muốn uống miếng nước cũng uống không được, vì sao ư? Vì khi đó quý vị bị bệnh ở cổ họng, không nuốt được thức ăn. Bấy giờ, quý vị muốn ăn lắm, nhưng thức ăn vào tới cổ thì mắc nghẹn, nuốt không xuống được; thậm chí ngay cả nước cũng uống không trôi được. Đó là quả báo do sự ăn uống vô độ vậy.

Nếu gặp kẻ săn bắn buông lung... Vì sao người ta đi săn? Ở đời, có nhiều người lấy việc săn bắn làm thú vui giải trí, thấy con nai đang nhởn nhơ chạy nhảy liền bắn "đoành" một phát, con nai kia tức thì ngã lăn ra, nằm yên bất động; kẻ đi săn thì vui vẻ reo lên: "Xem kìa, tôi bắn rất chính xác! Chỉ một phát là chết ngay!"

"Buông lung" tức là không giữ quy củ một chút nào cả, chẳng câu chẳng thúc, muốn gì làm nấy. Đối với những người săn bắn buông lung, chỉ biết săn bắn cho thỏa thích, thì Địa Tạng Vương Bồ Tát nói cho họ nghe điều gì? **Thì dạy rõ quả báo kinh cuồng, mất mạng.** Mắc bệnh kinh cuồng thì có thể bị "hoạnh tử," tức là chết một cách bất ngờ. (Những cái chết bất ngờ như bị tai nạn xe cộ, rớt máy bay, hoặc bị xe lửa hay xe buýt đụng phải mà chết, ... đều gọi là "hoạnh tử.")

Địa Tạng Vương Bồ Tát giảng cho những kẻ thích săn bắn nghe rằng: "Bây giờ anh giết hại chúng sanh, tước đoạt sanh mạng của chúng sanh, thì đời sau anh sẽ mắc phải chứng bệnh kinh hãi điên cuồng. Nếu bây giờ anh bắn giết người ta, thì sau này anh sẽ bị xe đụng mà thiệt mạng." Nghe Ngài giảng về nhân quả như thế, họ ngẫm nghĩ: "Ồ! Như thế thì nguy hiểm thật!" Và nhờ đó, họ không đi săn nữa.

Bồ Tát Địa Tạng gặp người nào thì giảng dạy thứ pháp tương ưng với căn cơ của người đó. Nếu quý vị nhớ được những sự báo ứng nhân quả tuần hoàn này, rồi khi gặp người khác quý vị lại có thể tùy duyên giảng nói cho người đó nghe, thì quý vị chính là hóa thân của Bồ Tát Địa Tạng vậy. Bấy giờ, Địa Tạng Vương Bồ Tát cùng quý vị hợp tác, mở một công ty cổ phần, song Ngài không bao giờ đòi chia cổ phần với quý vị!

Sau khi nghe giảng *Kinh Địa Tạng*, biết được sự nhân quả báo ứng rồi, thì quý vị không nên làm những việc sai lầm nữa.

Nếu gặp kẻ ngỗ nghịch với cha mẹ, thì dạy rõ quả báo trời đất đánh chết. Đối với những kẻ bất hiếu, đánh đập chửi mắng cha mẹ, thì Địa Tạng Vương Bồ Tát khuyên răn: "Anh không được bất hiếu với cha mẹ. Kẻ làm con mà không hiếu thảo với cha mẹ tất sẽ bị trời tru đất diệt, bị sét đánh chết, bị cuồng phong thổi cho cây cối ngã đổ đè chết, hoặc nhà sập xuống đè chết." Đó gọi là quả báo "trời đất đánh chết," tức là trời đất ra tay giết chết để trừng phạt. Phàm những người bị chết vì sét đánh, hoặc bị mưa to gió lớn làm sập nhà đè chết, đều là quả báo do không hiếu thảo với cha mẹ.

Nếu gặp kẻ đốt núi rừng cây cối, thì dạy rõ quả báo cuồng mê đến chết. Địa Tạng Vương Bồ Tát nói với những người ưa nổi lửa đốt rừng núi, cây cối, rằng: "Anh không nên nổi lửa thiêu hủy núi rừng; bằng không, đời sau sẽ bị cuồng mê, tự tìm cái chết."

Như thế, Địa Tạng Vương Bồ Tát đi khắp nơi giáo hóa chúng sanh, giảng cho chúng sanh hiểu những đạo lý về nhân quả báo ứng.

KINH VĂN:

Nếu gặp kẻ làm cha mẹ trước hoặc cha mẹ sau mà độc ác, thì dạy rõ quả báo sanh trở lại hiện đời bị roi vọt.

Nếu gặp kẻ đặt lưới, giăng bẫy để bắt các sinh vật còn non yếu, thì dạy rõ quả báo cốt nhục chia lìa.

Nếu gặp kẻ hủy báng Tam Bảo, thì dạy rõ quả báo đui, điếc, câm, ngọng.

Nếu gặp kẻ khinh chê giáo pháp, thì dạy rõ quả báo ở mãi trong ác đạo.

Nếu gặp kẻ phá hoại của Thường Trụ, thì dạy rõ quả báo ức kiếp luân hồi nơi địa ngục.

Nếu gặp kẻ ô nhục phạm hạnh và vu báng Tăng Già, thì dạy rõ quả báo ở mãi trong loài súc sanh.

Nếu gặp kẻ làm bỏng, đốt, chém, chặt, hoặc đả thương sinh vật, thì dạy rõ quả báo phải luân hồi đền trả lẫn nhau.

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy tiếp: **Nếu gặp kẻ làm cha mẹ trước hoặc cha mẹ sau mà độc ác, thì dạy rõ quả báo sanh trở lại hiện đời bị roi vọt.**

Ở đời, tùy theo cảnh ngộ mà con cái có thể phải sống với "cha trước, mẹ trước," với "cha trước, mẹ sau," với "cha sau, mẹ trước," hoặc với "cha sau, mẹ sau" của mình. Thế nào gọi là "cha trước" và "mẹ trước"? "Cha trước" tức là cha ruột (cha đẻ), và "mẹ trước" tức là mẹ ruột (mẹ đẻ) của mình. Tuy là cha mẹ ruột

song cũng có trường hợp cha mẹ có lòng thiên vị đối với con cái, yêu ghét không đồng đều.

Lại còn có "cha sau" và "mẹ sau" nữa. Nếu cha mất sớm, mẹ tái giá với người đàn ông khác, thì người đàn ông đó là "cha sau" (cha kế, cha ghẻ) của mình; còn "mẹ sau" là thế nào? Đây là trường hợp mẹ không may qua đời sớm, nên cha tục huyền với người đàn bà khác, thì người đàn bà đó là "mẹ sau" (mẹ kế, mẹ ghẻ) của mình. Ví dụ như cảnh ngộ của Đại Thuấn ở Trung Hoa, là sống với cha ruột và mẹ ghẻ vậy. Thói thường, cha ghẻ và mẹ ghẻ yêu thương con cái không đồng đều: có đứa yêu, có đứa ghét.

Ở Trung Hoa có một người tên là Mẫn Tử Khiên, vốn là học trò của Đức Khổng Tử. Mẫn Tử Khiên có cha làm quan Đại Phu, mẹ chẳng may mất sớm nên cha tục huyền với một người đàn bà khác; và người mẹ kế này thường xuyên ngược đãi Mẫn Tử Khiên. Tiết trời mùa đông giá rét căm căm mà bà chỉ cho Mẫn Tử Khiên mặc áo kép bằng vải thô độn hoa cỏ lau; trong khi đó, con ruột của bà thì sao? Con của bà sinh ra thì được mặc áo kép lót bông mềm mại, ấm áp. Loại áo độn hoa cỏ lau thì không thể nào đủ ấm được, chỉ có áo bông mới có thể chịu đựng nổi với cái giá rét mùa đông.

Một hôm, Mẫn Đại Phu, cha của Mẫn Tử Khiên, có việc cần đi bèn bảo Mẫn Tử Khiên đánh xe. Thấy Mẫn Tử Khiên run cầm cập, người cha giận dữ quát: "Này! Mày làm sao thế? Hôm nay trời không lạnh lắm, sao lại lóng cóng thế kia?" Nói rồi ông giật phăng cái roi đánh xe và quất mạnh lên mình Mẫn Tử Khiên, làm cho chiếc áo Mẫn Tử Khiên đương mặc bị rách và để lộ lớp hoa cỏ lau độn bên trong. Đây gọi là "tiên đả lô hoa" (quất ra hoa lau).

Trước cảnh tượng ấy, người cha chợt hiểu tất cả; ông ta ôm mặt khóc và tự trách: "Ta thật có lỗi với đứa con này. Thì ra mẹ ghẻ của nó đối xử tệ bạc, nên nó mới bị lạnh cóng như thế." Và ông tự hứa với mình là sau khi xong việc, về đến nhà nhất định sẽ bỏ vợ, đuổi đi.

Về nhà, Mẫn Đại Phu đòi đuổi vợ đi thật. Mẫn Tử Khiên thấy vậy bèn quỳ xuống trước mặt cha, người cha ngạc nhiên hỏi: "Tại sao con làm như vậy?"

Mẫn Tử Khiên thưa: "Xin cha đừng đuổi kế mẫu!"

Người cha hỏi: "Tại sao?"

Mẫn Tử Khiên đáp: "Mẹ ở lại mình con chịu lạnh, mẹ đi rồi hai trẻ bơ vơ." Ý nói là kế mẫu ở lại thì chỉ có một mình Mẫn Tử Khiên chịu lạnh chịu rét; nếu kế mẫu ra đi tất cha lại cưới vợ khác, đến lúc ấy thì cả hai người con đều phải chịu giá lạnh đơn côi. Cha của Mẫn Tử Khiên nghĩ ngợi, rồi không đuổi vợ nữa. Còn người kế mẫu nghe Mẫn Tử Khiên nói như thế thì rất cảm động, tự nhủ: "Ồ! Đứa bé này hiền huệ biết bao!" Và từ đó bà cũng yêu thương Mẫn Tử Khiên như con ruột, chẳng còn phân biệt nữa.

Ngoài ra, vì sao còn có trường hợp là con có cả "cha sau, mẹ sau" hoặc "cha ghẻ, mẹ ghẻ"? Giả sử cha mất sớm, mẹ đi tái giá, thì con có "cha ghẻ." Nếu sau đó mẹ lại qua đời và người cha ghẻ cưới vợ khác, thì con lại có "mẹ ghẻ": bấy giờ người con thành ra có "cha ghẻ, mẹ ghẻ."

Trong những tình cảnh như thế, con cái thường phải chịu nhiều đau khổ, thiệt thòi. Làm con mà gặp phải hoàn cảnh như thế thì rất là bi đát, khổ sở! Ở nước Mỹ thì không biết có tình trạng đó hay không, chứ ở Trung Hoa thì xảy ra rất nhiều. Nói tóm lại, thói thường, nếu không phải là con do mình đẻ ra thì người ta chẳng những không thương, mà còn hất hủi, ngược đãi nữa.

Đối với những người, bất luận là cha ruột mẹ ruột hay cha ghẻ mẹ ghẻ, mà ăn ở độc ác, khắc nghiệt với con cái, hoặc ngược đãi con riêng của chồng, hành hạ con riêng của vợ, thì Bồ Tát Địa Tạng giảng nhân quả báo ứng như thế nào? Ngài cho họ biết là đời sau họ sẽ phải chịu quả báo bị đòn roi.

Nếu gặp kẻ đặt lưới, giăng bẫy để bắt các sinh vật còn non yếu, thì dạy rõ quả báo cốt nhục chia lìa. Nếu quý vị làm những việc như giăng lưới đánh cá, giăng bẫy để bắt chim chóc,

thú vật (đặc biệt là những động vật mới sanh mới nở như cá con, chim non...), thì đời sau quý vị sẽ gặp cảnh cốt nhục bị phân ly, ruột thịt phải chia lìa. Ví dụ, do gặp phải chuyện gì đó nên những người cùng trong một gia đình đều không thể chung sống gần gũi, có khi phải lưu lạc xứ người, không thể gặp mặt nhau: đó là quả báo "cốt nhục chia lìa."

Nếu gặp kẻ hủy báng Tam Bảo, cố tình bôi nhọ Phật Pháp Tăng**, thì dạy rõ quả báo đui, điếc, câm, ngọng.** Gặp những người bị đui, điếc, câm, ngọng, thì không hỏi, quý vị cũng có thể biết được rằng trong đời trước hoặc vô lượng kiếp về trước họ đã từng hủy báng Tam Bảo! Những kẻ hủy báng Tam Bảo đều phải đọa địa ngục trong trăm nghìn muôn ức kiếp mới được thoát ra. Ra khỏi địa ngục rồi thì họ phải làm thân súc sanh; và phải trải qua không biết bao nhiêu lần đầu thai làm ngựa, trâu, dê, gà, chó, heo... nữa, rồi mới được thác sanh làm người trở lại. Bấy giờ, tuy được mang thân người, song phải làm người thuộc hạng bần cùng, hạ tiện, hoặc phải chịu mù, điếc, câm, ngọng. Đó là tội báo do hủy báng Tam Bảo.

Nếu gặp kẻ khinh chê giáo pháp, xem thường Phật Pháp hoặc có lòng kiêu mạn đối với Phật Giáo**, thì** Địa Tạng Vương Bồ Tát **dạy rõ quả báo ở mãi trong ác đạo**: vĩnh viễn ở trong địa ngục mà chịu tội.

Nếu gặp kẻ phá hoại của Thường Trụ... "Phá hoại của Thường Trụ" tức là làm hư đồ đạc hoặc những vật dụng chung của Thường Trụ (tức là của chùa chiền): như vô cớ giẫm lên một tờ giấy, hay vô cớ làm hư tổn một mảnh gỗ. Đối với những người phá hoại của Thường Trụ như thế, **thì** Địa Tạng Vương Bồ Tát **dạy rõ quả báo ức kiếp luân hồi nơi địa ngục.**

Nếu gặp kẻ ô nhục phạm hạnh và vu báng Tăng Già... "Ô nhục phạm hạnh" tức là phá hoại phạm hạnh của người khác, làm ô uế hạnh thanh tịnh của người tu Đạo. "Vu báng" là cố ý đặt điều, nói xấu để bôi nhọ thanh danh người khác. Thí dụ vị Sư nọ vốn không hề lấy trộm vật gì cả, mà có người lại nói: "Chính mắt tôi thấy ông ấy ăn cắp đấy!" Hoặc là vị Sư kia không

hề sát sanh, nhưng có kẻ lại hô hoán lên: "Chính tôi nhìn thấy ông ta sát sanh!" Hoặc có kẻ còn dám bịa đặt những điều tệ hại khác: "Tôi thấy Thầy này ăn thịt. Tôi thấy Thầy đó đến nơi nọ nơi kia uống rượu. Tôi bắt gặp Thầy kia cợt nhả với người nữ..."

Nếu Địa Tạng Vương Bồ Tát gặp những kẻ không duyên không cớ, tự dưng đặt điều nói xấu, cố tình vu khống chư Tăng như thế, **thì dạy rõ quả báo ở mãi trong loài súc sanh.** Người nào phá hoại hạnh thanh tịnh của kẻ khác và vu oan giá họa cho Tăng Già, thì trong tương lai chắc chắn sẽ bị đọa địa ngục, và sau khi ra khỏi địa ngục thì đầu thai vĩnh viễn làm thân súc sanh.

Nếu gặp kẻ làm bỏng, đốt, chém, chặt, hoặc đả thương sinh vật... Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại bảo bốn vị Đại Thiên Vương rằng: "Nếu Địa Tạng Vương Bồ Tát gặp những kẻ dùng nước sôi để giết hại sinh vật, dùng lửa để thiêu đốt sanh mạng, dùng dao để chém đứt mạng sống của chúng sanh, dùng chùy để đập nát sanh mạng của chúng sanh, hoặc gây thương tích cho chúng sanh, **thì dạy rõ quả báo phải luân hồi đền trả lẫn nhau.**

Địa Tạng Vương Bồ Tát nói với những người đó rằng: "Quý vị dùng nước sôi làm bỏng người ta, thì sau này quý vị cũng bị người ta dùng nước sôi làm bỏng lại. Quý vị dùng lửa đốt người khác thì đời sau quý vị cũng bị người khác đốt lại. Quý vị dùng dao chém người khác thì đời sau quý vị cũng bị người khác chém lại. Đó gọi là "đền trả lẫn nhau" vậy.

"Đền trả lẫn nhau" cũng có nghĩa là luân hồi tới lui, hỗ tương trao qua trả lại. Quý vị giết người ta, người ta giết lại quý vị; người ta giết quý vị, quý vị lại giết người ta: đó gọi là quả báo hỗ tương đền trả qua lại.

KINH VĂN:

Nếu gặp kẻ phá giới phạm trai, thì dạy rõ quả báo làm thân cầm thú đói khát.

Nếu gặp kẻ phá hủy vật dụng một cách phi lý, thì dạy rõ quả báo mọi sở cầu đều thiếu hụt.

Nếu gặp kẻ kiêu mạn cống cao, thì dạy rõ quả báo làm nô dịch hèn hạ.

Nếu gặp kẻ nói hai lưỡi gây xích mích, thì dạy rõ quả báo không lưỡi hoặc trăm lưỡi.

Nếu gặp kẻ tà kiến, thì dạy rõ quả báo thọ sanh ở vùng biên địa.

LƯỢC GIẢNG:

Nếu gặp kẻ phá giới phạm trai, thì dạy rõ quả báo làm thân cầm thú đói khát. Phàm đã thọ giới rồi thì phải giữ giới, tuyệt đối không được phá giới. Thế nào gọi là "phá giới"? Đó là trường hợp "minh tri cố phạm": biết rõ là sai mà vẫn cố ý vi phạm. Trước kia quý vị vì không biết nên mới phạm sai lầm, thì còn tha thứ được; nhưng một khi quý vị đã biết rõ như thế là sai mà vẫn cố ý làm, thì tội lỗi lại càng nặng thêm.

Thí dụ, quý vị đã thọ giới Không Sát Sanh rồi mà vẫn còn đi sát sanh, như thế là quý vị đã phạm giới; đã thọ giới Không Trộm Cướp rồi mà lại đi ăn trộm ăn cướp, thì đó là phạm giới; đã thọ giới Không Tà Dâm mà sau đó lại làm điều dâm loạn, thì đó là phạm giới; đã thọ giới Không Vọng Ngữ rồi mà còn nói dối nói vọng, thì đó là phạm giới; đã thọ giới Không Uống Rượu mà còn rượu chè say sưa, thì đó là phạm giới. Những sự vi phạm như vậy thì đều rõ rệt, chỉ nhìn qua sự việc cũng biết được là phạm giới rồi.

Ngoài ra, có những trường hợp phạm giới mà khó thể thấy rõ được: bởi tuy là phạm giới mà vẫn có vẻ như không phạm; thế nhưng, cho dù người ta không thể nào biết được đi nữa thì mình cũng là kẻ phạm giới rồi! Về sự phạm giới thì có loại "hữu hình" (có hình tướng) và cũng có loại "vô hình" (không có hình tướng). Sự phạm giới thuộc loại "hữu hình" thì mọi người đều thấy rõ; riêng loại "vô hình" thì trong Phật Pháp cho là phạm giới, còn đa số người đời thì không hề biết tới.

Có bốn trường hợp phạm giới mà dường như không phạm:

1) Trường hợp thứ nhất, là vị Tỳ Kheo có thể thọ trì cấm giới, có thể giữ gìn Giới Pháp, đồng thời cũng có thể thực hành

đầy đủ; nhưng trong sự trì giới của vị ấy còn có sự hiện hữu của "ngã tướng": vị ấy vẫn còn thấy có một cái "tôi" biết thọ giới, cái "tôi" biết trì giới, cái "tôi" biết giữ giới! Nói tóm lại là vị ấy luôn luôn thấy có một cái "tôi" hiện diện bên trong, và đó chính là lòng chấp trước.

Như vậy, tuy chưa chính thức phạm giới, song vị Tỳ Kheo này cũng đã không giữ giới một cách chân chánh rồi. Trong việc giữ giới, quý vị cần phải không biết mình là người đang giữ giới, và phải không cảm thấy là mình cao siêu hơn người khác mới được!

2) Trường hợp "phạm mà dường như không phạm" thứ hai, là vị Tỳ Kheo có thể tụng trì Kinh, Luật, và có thể thủ hộ Giới Pháp, nhưng đối với "thân kiến" thì lại "chẳng rời, chẳng động: úc nào cũng thấy có sự tồn tại của một cái "thân kiến," và cứ luôn nói về cái thân thể này của mình. Vị này thì không nói về cái "ngã" hay cái "tôi," mà lại bám chấp vào cái "thân" của mình!

Chấp trước cái thân này như thế nào? Đó là không chịu "cải biến thân thể," không chịu sửa đổi các tập khí cũ của mình, như thích giải đãi thì cứ giải đãi, thích lười biếng thì cứ lười biếng. Nói tóm lại là không muốn bắt cái thân này phải chịu cực chịu khổ một chút nào cả, suốt ngày cứ chăm chút, lo toan cho cái thân này mà thôi và đó gọi là "thân kiến."

Vậy, tuy vị ấy có thể thủ hộ Giới Luật và dường như không vi phạm gì cả, song trên thực tế thì vị ấy đã không tuân thủ, không giữ vững Giới Luật.

3) Trường hợp "phạm mà dường như không phạm" thứ ba, thì có liên quan đến những vị Tỳ Kheo thực hành Mười Hai Hạnh Đầu Đà. "Đầu-đà" là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là "đẩu tẩu tinh thần," có nghĩa là tinh thần phấn chấn, hăng hái chiến đấu với sự lười biếng.

Chẳng hạn, vị Tỳ Kheo tu khổ hạnh có thể nghĩ rằng: "Tôi không thấy buồn ngủ cũng không thấy đói chút nào cả. Thay vì nằm ngủ thì tôi ngồi tham Thiền. Người ta thì cần ăn uống, chứ tôi thì ngay cả nước lã tôi cũng chẳng đụng đến nữa!"

Trong trường hợp này, vị Tỳ Kheo tu hành Mười Hai Hạnh Đầu Đà, nhưng lại chưa nhận thức được "nhân không, Pháp không," vẫn còn thấy tất cả các pháp là hiện hữu. Bởi vị đó chưa đạt được cảnh giới "chư pháp không tướng," lại còn cho rằng hết thảy các pháp đều hiện hữu, cho nên, nhìn thì có vẻ như vẫn đang thủ giới, song thực tế thì công phu giữ giới của vị ấy không được viên mãn.

4) Trường hợp "phạm mà dường như không phạm" thứ tư, là vị Tỳ Kheo có tâm từ bi đối với hết thảy chúng sanh, nhưng nếu nghe được rằng "pháp bổn vô sanh tướng," tất cả các pháp đều là không, chẳng có sanh mà cũng chẳng có diệt, thì vị ấy liền sanh lòng hoang mang, sợ hãi. Do đó, giới hạnh của vị đó cũng không được viên mãn.

Trên đây là bốn trường hợp tuy rằng không phạm giới một cách cụ thể, song cũng không phải là thủ giới một cách chân chánh!

Bây giờ chúng ta nói đến vấn đề "phạm trai." "Trai" có nghĩa là chay tịnh, không ăn thịt; vậy, "phạm trai" tức là ăn thịt. Tuy nhiên, không phải chỉ ăn thịt mới gọi là "phạm trai," mà ngay cả "ăn phi thời" (ăn trái giờ) cũng xem là "phạm trai."

Thế nào gọi là "ăn phi thời"? Nếu quý vị đã phát nguyện là quá giờ ngọ hay quá trưa rồi thì không ăn gì nữa (quá ngọ bất thực), nhưng sau giờ ngọ rồi mà quý vị vẫn cứ ăn, thì đó là "ăn phi thời." "Ăn phi thời" còn bị kết vào tội trộm cắp; bởi quý vị đã nguyện là "quá ngọ bất thực," thế mà nói xong lại không giữ lời, quá ngọ rồi mà vẫn cứ lấy thức ăn để ăn, do đó phạm giới trộm cắp. Như thế, quý vị chẳng những phạm giới "không ăn quá ngọ," lại còn phạm luôn cả giới "không trộm cắp" nữa. Rồi đến khi có người hỏi là quý vị đã ăn gì chưa, nếu quý vị tìm cách che đậy: "Ồ, tôi chưa ăn gì cả!": như thế là quý vị phạm luôn giới "không vọng ngữ." Như vậy, tổng cộng quý vị đã phạm đến ba giới.

Ngoài ra, kẻ nào cung cấp thức ăn cho người phạm giới, thì chính bản thân kẻ ấy cũng phạm cùng những giới như vậy, và cũng bị kết vào những tội giống như phạm nhân vậy.

Đức Phật có dạy rằng: "Những kẻ phạm giới đều không phải là đệ tử của Phật!"

Những kẻ phạm giới thì như thế nào? Họ ví như loài chim ó vậy. Loài chim này có tiếng kêu rất kỳ quái, những người nghe thấy tiếng kêu của chúng đều lấy làm lạ. Những kẻ phạm giới lại ví như loài quỷ đói chuyên ăn phẩn vậy; bởi đói khát mà không có gì ăn, chúng đành phải ăn những đồ dơ dáy như thế.

Những kẻ "phá giới phạm trai" là hạng người hạ cấp, bần tiện nhất trong xã hội loài người, và đời sau họ chắc chắn phải chịu quả báo làm thân cầm thú, súc sanh. Do đó, nếu gặp những người phá giới phạm trai thì Địa Tạng Vương Bồ Tát dạy cho họ biết rằng đời sau họ sẽ phải làm loài cầm thú và luôn bị đói khát, thiếu thốn thức ăn.

Nếu gặp kẻ phá hủy vật dụng một cách phi lý, thì dạy rõ quả báo mọi sở cầu đều thiếu hụt.

"Phi lý" tức là không hợp lý. Tất cả mọi thứ đồ đạc như cái ly, cái chén..., toàn là những đồ còn dùng được, mà quý vị lại cầm lên rồi vô duyên vô cớ ném một cái "xoảng" cho vỡ đi, thì đó gọi là "phá hủy một cách phi lý": không có lý do chánh đáng để đập bể đồ đạc. Không riêng gì một cái ly, cái chén, mà hết thảy mọi vật dụng thuộc về Thường Trụ, tài sản của nhà chùa, chúng ta đều không được phung phí phá hoại; và ngay cả những đồ đạc của tư nhân, chúng ta cũng không nên phá hủy. Bằng không, nếu quý vị hủy hoại một cách bừa bãi, thì đời sau phải chịu quả báo mong cầu cái gì cũng không được toại ý, và thường phải chịu đựng nỗi khổ "cầu mà không được" (cầu bất đắc khổ).

Nếu gặp kẻ kiêu mạn cống cao, thì dạy rõ quả báo làm nô dịch hèn hạ. "Cống cao" tức là thấy mình là tài giỏi hơn người, tự đánh giá mình quá cao.

Những kẻ mà đời này có "ngã kiến" nặng nề, cái gì cũng "tôi" cả, coi cái "tôi" này còn to lớn hơn cả núi Tu Di, ngông

nghênh ngạo mạn, thì đời sau phải làm kẻ tôi đòi hèn hạ, nô lệ cho người khác.

Nếu gặp kẻ nói hai lưỡi gây xích mích, thì dạy rõ quả báo không lưỡi hoặc trăm lưỡi. "Nói hai lưỡi" (lưỡng thiệt) tức là xúi xiểm, gây xích mích để ly gián. Những kẻ ưa nói lời đâm thọc, khích bác, khiến cho xảy ra chuyện thi phi gây gỗ, thì đời sau sẽ bị quả báo không có lưỡi, không thốt ra tiếng được, hoặc phải làm thân chim se sẻ.

Nếu gặp kẻ tà kiến, thì dạy rõ quả báo thọ sanh ở vùng biên địa. "Tà kiến" tức là không tuân giữ quy củ phép tắc. Những người không tuân theo quy củ, chẳng giữ gìn phép tắc đều là hạng người có tà kiến, có kiến giải sai lầm. Đối với hạng người này, Bồ Tát Địa Tạng bảo cho họ biết rằng đời sau họ sẽ chịu quả báo thác sanh vào vùng biên địa hạ tiện, nơi bần cùng nghèo khổ nhất.

KINH VĂN:

Trăm ngàn sự báo ứng kết quả bởi tập khí xấu ác từ thân khẩu ý nghiệp của chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề như thế, nay chỉ nói sơ lược đó thôi.

Nghiệp cảm của chúng sanh trong chốn Diêm Phù Đề sai biệt như thế, nên Bồ Tát Địa Tạng phải dùng trăm ngàn phương tiện để giáo hóa. Các chúng sanh ấy, trước tiên phải thọ lãnh các quả báo như thế, sau đó lại đọa vào địa ngục, trải qua nhiều kiếp không có kỳ hạn thoát ra. Vì thế cho nên, các Ông phải hộ nhân hộ quốc, chớ để những nghiệp chướng đó làm mê hoặc chúng sanh."

Bốn vị Thiên Vương nghe xong, rơi lệ than thở, chắp tay lễ Phật mà lui ra.

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật lại bảo bốn vị Thiên Vương rằng: **Trăm ngàn sự báo ứng kết quả bởi tập khí xấu ác từ thân khẩu ý nghiệp của**

chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề như thế, nay chỉ nói sơ lược đó thôi.

Vừa rồi, Đức Phật nói về vấn đề nhân duyên quả báo, song đó chỉ là nói sơ lược mà thôi. Tất cả chúng sanh ở cõi Nam Diêm Phù Đề gây tạo ác nghiệp qua thân, khẩu và ý; đó là những ác nghiệp gì? Thân, khẩu và ý có thể gây ra mười ác nghiệp; trong đó, thân có ba ác nghiệp là sát sanh, trộm cắp, tà dâm; khẩu (miệng) có bốn ác nghiệp là nói lời hung ác, nói đôi chiều, nói thêu dệt, nói dối; và ý có ba ác nghiệp là tham lam, sân hận, si mê.

Chúng sanh do tập nhiễm tánh ác, lâu dần trở thành thói quen ác độc, kết quả là đời sau phải hứng chịu vô số quả báo khổ sở, sự báo ứng có đến cả trăm ngàn loại khác nhau. Song, bây giờ Đức Phật chỉ nói sơ lược đó thôi, chứ không đi sâu vào chi tiết một cách tường tận.

Nghiệp cảm của chúng sanh trong chốn Diêm Phù Đề sai biệt như thế, nên Bồ Tát Địa Tạng phải dùng trăm ngàn phương tiện để giáo hóa. Nghiệp ác do tất cả chúng sanh ở cõi Nam Diêm Phù Đề gây tạo vốn không giống nhau, cho nên quả báo do các nghiệp dữ đó cảm vời ra cũng có nhiều khác biệt; vì thế Địa Tạng Bồ Tát đã phải dùng trăm phương ngàn chước để dạy dỗ, cảm hóa những chúng sanh này.

Các chúng sanh ấy, trước tiên phải thọ lãnh các quả báo như thế, sau đó lại đọa vào địa ngục, trải qua nhiều kiếp không có kỳ hạn thoát ra. Những chúng sanh ở cõi Nam Diêm Phù Đề này, trước hết là phải chịu các quả báo nói trên. Sau khi đã thọ lãnh xong những quả báo đó, họ lại bị đọa vào địa ngục, trải qua vô lượng kiếp số, mãi mãi không bao giờ ra khỏi được.

Vì thế cho nên, các Ông (bốn vị Thiên Vương) **phải hộ nhân hộ quốc, chớ để những nghiệp chướng đó làm mê hoặc chúng sanh."**

Đức Phật dặn dò bốn vị Thiên Vương phải phù hộ những chúng sanh này và bảo vệ các cõi nước này, đừng để cho các quả

báo ác nghiệp bủa vây, khiến cho chúng sanh bị trầm luân mê muội.

Bốn vị Thiên Vương nghe xong, rơi lệ than thở, chắp tay mà lui ra. Sau khi nghe Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng giải về những nhân duyên quả báo xong, bốn vị Thiên Vương đều bùi ngùi xúc động, rơi lệ thở dài; vì sao? Vì họ một mặt thì thương xót những chúng sanh phải chịu thống khổ, mặt khác họ tự thấy hổ thẹn bởi chính mình chưa làm tròn trách nhiệm, chưa bảo hộ chúng sanh tới nơi tới chốn. Chính vì có những cảm tưởng như vậy, cho nên họ mới rơi lệ và thở dài xót xa. Rồi cả bốn vị Thiên Vương đồng cung kính chắp tay đảnh lễ Đức Phật và lui sang một bên.

(Hết quyển Thượng)

KINH ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỔN NGUYỆN THIỂN THÍCH

Quyển Trung

Phẩm Thứ Năm

DANH HIỆU CỦA ĐỊA NGỤC

Phẩm Danh Hiệu Của Địa Ngục là phẩm thứ năm trong bộ *Kinh Địa Tạng*, nói rõ về tên của các địa ngục.

Thế nào gọi là "địa ngục" (nhà tù dưới đất)? Địa ngục do ai tạo ra? Ở cõi người (nhân gian) có nhà tù, thì tại địa phủ, tức là "cõi âm," cũng có nhà tù. Nhà tù ở nhân gian thì do chính phủ cho xây sẵn, chuẩn bị để giam giữ những kẻ vi phạm luật pháp

quốc gia; thế thì nhà tù ở địa phủ có giống như vậy không? Không phải như vậy! Địa ngục (nhà tù ở địa phủ) không được tạo dựng sẵn từ trước để chờ đón tội nhân như nhà tù ở nhân gian.

Địa ngục vốn thuộc loại "có tên nhưng vô hình” (hữu danh vô hình), tên của địa ngục thì có, mà hình tướng của địa ngục thì không; phải đợi đến lúc tội nhân tới thời điểm thọ tội báo thì địa ngục mới hiện hình. Bấy giờ, hễ tội nhân đã từng gây ra nghiệp tội gì thì sẽ có địa ngục tương ứng với nghiệp tội đó hiện ra. Những địa ngục này không phải do người nào hoặc đấng quỷ thần nào dựng nên, mà là do nghiệp lực của chính bản thân người tội tạo thành. Hễ chúng ta gây nghiệp tội gì thì ở cõi âm sẽ xuất hiện một địa ngục tương ứng với nghiệp tội mà chúng ta đã tạo tác, sự việc này xảo diệu và bất khả tư nghị một cách phi thường. Vì sao gọi là "cõi âm" (cõi tối tăm)? Bởi vì nơi đó luôn luôn tối tăm u ám, không có ánh sáng của mặt trời và mặt trăng dọi tới, nên gọi là "cõi âm," và cũng là "âm ty" hoặc "âm phủ."

Cho nên, địa ngục là do những nghiệp tội của chúng ta gây ra tích tụ lại với nhau mà hình thành. Lại nữa, địa ngục chỉ có danh hiệu chứ không có thực thể; phải đợi đến lúc chúng ta đi thọ tội thì địa ngục mới hiện ra: đây quả là một điều vô cùng vi diệu và bất khả tư nghị.

KINH VĂN:

Lúc đó, Phổ Hiền Bồ Tát Ma Ha Tát thưa cùng Địa Tạng Bồ Tát rằng: "Thưa Nhân Giả! Xin Ngài hãy vì trời, rồng, tứ chúng và tất cả chúng sanh ở hiện tại cùng vị lai, mà nói rõ danh hiệu của các địa ngục, nơi thọ báo của các chúng sanh tội khổ ở thế giới Ta Bà và cõi Diêm Phù Đề, cùng những sự ác báo, để cho chúng sanh trong thời Mạt Pháp ở đời sau biết rõ những quả báo đó."

LƯỢC GIẢNG:

Lúc đó, Phổ Hiền Bồ Tát Ma Ha Tát thưa cùng Địa Tạng Bồ Tát rằng ... Có lẽ quý vị ai nấy đều đã biết đến vị Phổ Hiền Bồ Tát thường cỡi con voi trắng sáu ngà này. Ngài là vị Bồ

Tát có hạnh lực lớn lao nhất, nên được tôn xưng là "Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát." "Ma-ha-tát" có nghĩa là lớn (đại).

Vậy, lúc bấy giờ, Đại Bồ Tát Phổ Hiền nói với Bồ Tát Địa Tạng rằng: **"Thưa Nhân Giả! Xin Ngài hãy vì trời, rồng, tứ chúng và tất cả chúng sanh ở hiện tại cùng vị lai, mà nói rõ danh hiệu của các địa ngục ..."**

"Nhân Giả" (bậc nhân đức) là một danh xưng khác của các bậc Bồ Tát.

Phổ Hiền Bồ Tát mong rằng Địa Tạng Bồ Tát sẽ vì trời, rồng và bốn chúng (Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di) cũng như hết thảy chúng sanh trong đời này và đời sau, mà kể rõ tên của các địa ngục, **"nơi thọ báo của các chúng sanh tội khổ ở thế giới Ta Bà và cõi Diêm Phù Đề."** "Chúng sanh tội khổ" tức là những kẻ do đã từng gây ra tội lỗi nên phải chịu quả báo khổ sở. Thế thì, chúng sanh ở thế giới "Kham Nhẫn" và cõi Nam Diêm Phù Đề, hễ tạo tội thì phải đến nơi nào để thọ lãnh quả báo?

"Cùng những sự ác báo." Ngoài ra, Phổ Hiền Bồ Tát cũng thỉnh cầu Địa Tạng Bồ Tát hoan hỷ nói rõ về việc thọ lãnh các quả báo xấu ác, "**để cho chúng sanh trong thời Mạt Pháp ở đời sau biết rõ những quả báo đó**; đồng thời hiểu được sự nghiêm trọng của các quả báo ở địa ngục."

KINH VĂN:

Ngài Địa Tạng đáp rằng: "Thưa Nhân Giả! Nay tôi nương oai thần của Đức Phật cùng oai lực của Đại Sĩ, mà lược nói danh hiệu của các địa ngục, cùng những sự về tội báo và ác báo.

"Thưa Nhân Giả! Phương Đông của cõi Diêm Phù Đề có dãy núi tên là Thiết Vi. Dãy núi đó tối thẫm, không có ánh sáng của mặt trời, mặt trăng; trong đó có địa ngục lớn tên là Cực Vô Gián, lại có địa ngục tên là Đại A Tỳ, lại có địa ngục tên là Bốn Sừng , lại có địa ngục tên là Dao Bay .."

LƯỢC GIẢNG:

Ngài Địa Tạng đáp rằng: "Thưa Nhân Giả! Nay tôi nương oai thần của Đức Phật cùng oai lực của Đại Sĩ ..." "Nhân giả" tức là người có lòng nhân ái, đại từ đại bi.

Địa Tạng Bồ Tát nghe Phổ Hiền Bồ Tát thỉnh vấn như thế, bèn trả lời rằng: "Bây giờ tôi xin nương nhờ oai đức thần thông của Đức Phật, cũng như oai lực của chính Đại Sĩ (Phổ Hiền Bồ Tát) **mà lược nói danh hiệu của các địa ngục, cùng những sự về tội báo và ác báo."** Chúng sanh hễ tạo nghiệp nào thì phải chịu quả báo nấy, trước kia nếu có làm điều ác thì nay phải thọ ác báo, có làm việc thiện thì nay được hưởng thiện báo; mà địa ngục là nơi chúng sanh thọ lãnh các ác báo.

Địa Tạng Vương Bồ Tát nói tiếp: **"Thưa Nhân Giả! Phương Đông của cõi Diêm Phù Đề có dãy núi tên là Thiết Vi."** Ở về phía Đông của cõi Nam Diêm Phù Đề này có một dãy núi to lớn, hùng vĩ, tên là núi Thiết Vi. "Thiết" (sắt) thì màu đen; ở đây là biểu thị cho sự tối tăm u ám, không có ánh sáng.

"Dãy núi đó tối thẫm, không có ánh sáng của mặt trời, mặt trăng." Núi ấy tăm tối thâm u, như nằm trong hang động vậy. Nơi đó, mặt trời mặt trăng không thể dọi tới được, nên hoàn toàn không có ánh sáng.

"Trong đó có địa ngục lớn tên là Cực Vô Gián." Địa ngục Cực Vô Gián là một địa ngục lớn nhất và cao nhất. ("Vô Gián" này chính là địa ngục Vô Gián và cũng có năm loại như đã nói trong phẩm trước.)

"Lại có địa ngục tên là Đại A Tỳ." "A-tỳ" là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là "vô gián" (không gián đoạn). Địa ngục vừa rồi thì lớn nhất và có tên là Cực Vô Gián (vô gián cùng tột), còn địa ngục này tên là Đại Vô Gián (vô gián lớn).

"Lại có địa ngục tên là Bốn Sừng (Tứ Giác)." "Tứ Giác" có thể là chỉ cho bốn phương: Đông, Tây , Nam , Bắc; và cũng có thể là ám chỉ bốn cái sừng. Trong ngục này có bốn hình cụ tương tự như bốn cái sừng trâu, tội nhân ở đây bị đâm phải những cái sừng ấy mà chết; song cứ chết đi rồi sống lại, sống lại thọ tội rồi chết đi.

"Lại có địa ngục tên là Dao Bay (Phi Đao)." Tại địa ngục này, có một con dao chẳng rõ từ đâu bay đến chém đứt đầu hoặc chặt tay chặt chân của tội nhân, hoặc cắt xẻ thân thể của tội nhân khiến máu me lênh láng, hoặc đâm chém tới tấp khắp mình mẩy của tội nhân. Tội nhân bị đâm chém đến nỗi toàn thân đau đớn khủng khiếp. Cơn đau vừa dứt, tội nhân vừa hết quằn quại, thì lập tức lại có phi đao vèo vèo bay tới đâm tiếp; cho nên tội nhân lại lăn lộn rên siết nữa, đau rồi hết đau, hết đau rồi lại đau, cứ thống khổ triền miên như thế mãi. Địa ngục Phi Đao là một loại địa ngục đau đớn khổ sở nhiều nhất.

KINH VĂN:

"Lại có địa ngục tên là Tên Lửa , lại có địa ngục tên là Núi Ép, lại có địa ngục tên là Giáo Đâm, lại có địa ngục tên là Xe Sắt, lại có địa ngục tên là Giường Sắt, lại có địa ngục tên là Trâu Sắt, lại có địa ngục tên là Áo Sắt..."

LƯỢC GIẢNG:

"Lại có địa ngục tên là Tên Lửa (Hỏa Tiễn)." Trong địa ngục Hỏa Tiễn có rất nhiều mũi tên và ở đầu mỗi mũi tên đều có lửa, rất đáng sợ. Những hỏa tiễn mà ngày nay người ta bắn lên nguyệt cầu cũng tương tự như loại ở địa ngục này vậy.

"Lại có địa ngục tên là Núi Ép (Giáp Sơn)." Tội nhân ở địa ngục Giáp Sơn phải chịu đựng một nỗi thống khổ rất ghê gớm.

Trước tiên là cửa ngục ở hướng Đông mở ra, cửa vừa mở toang thì tội nhân trong ngục liền cắm đầu cắm cổ chạy ùa ra, chẳng khác nào những tên cướp trên đường đào tẩu vậy. Những tội nhân này cứ đinh ninh là thoát ra ngoài tất sẽ được tự do, mà không ngờ rằng vừa ra khỏi địa ngục này thì lại gặp phải hai hòn núi chắn ngang. Tưởng rằng trốn trong núi thì có thể tránh khỏi tội báo, ai nấy đều đổ xô về đó; thế nhưng, chạy vào tới trong núi rồi thì thế nào? Núi này là loại núi "hoạt động," có thể tự di chuyển: núi từ bốn phía đều có thể di động và tiến gần lại với nhau; do đó, chung quanh tội nhân, trước mặt sau lưng và bên

phải bên trái, đều là núi non chập chùng đồng thời khép chặt lại, khiến toàn thân tội nhân bị ép dẹp, máu thịt bầy nhầy, trông rất rùng rợn.

Ở nơi đó, không những tại cửa ngục phía Đông mà tại các cửa ở phía Nam, phía Tây và phía Bắc của địa ngục Giáp Sơn cũng đều xảy ra y như vậy. Các cửa ngục này vừa mở, tội nhân liền tẩu thoát ra ngoài, và trông thấy núi thì liền chạy vào đó để trốn, không biết rằng trong núi ấy vẫn là địa ngục. Tại sao lại như vậy? Đó là vì nghiệp tội của các chúng sanh này quá nặng nề thâm trọng, khiến họ phải chịu quả báo ở khắp mọi nơi, đến đâu họ cũng phải chịu đựng thứ cực hình không cách gì chịu đựng nổi này.

Vì sao lại có loại quả báo địa ngục Giáp Sơn? Bởi khi còn sống, những tội nhân trong địa ngục này đã lạm dụng quyền hành thế lực để áp bức, chèn ép người khác một cách thậm tệ, cho nên sau khi chết họ phải chịu quả báo "núi ép" như thế.

"Lại có địa ngục tên là Giáo Đâm (Thông Thương)**."** " Giáo" (Thương) thì lớn và thô hơn " mũi tên" (tiễn); đầu ngọn giáo thì rất to và nhọn, có thể đâm chết người.

Ở địa ngục **G**iáo Đâm , tội nhân thường xuyên bị đâm bằng giáo: đâm đằng trước, đâm đằng sau, đâm bên phải, đâm bên trái. Cứ mỗi nhát đâm thì thân thể tội nhân bị khoét ra một lỗ lớn như "trổ cửa sổ" vậy; cho nên chẳng mấy chốc là khắp mình mẩy tội nhân lỗ chỗ những "cửa sổ" máu thịt đỏ loét trông rất ghê rợn. Hình phạt ở địa ngục **G**iáo Đâm (Thông Thương) này vô cùng đau đớn, thống khổ.

"Lại có địa ngục tên là Xe Sắt (Thiết Xa)**."** Ở địa ngục này có chiếc xe bằng sắt chạy qua chạy lại trên người của tội nhân, cán dập nát thân thể của họ.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi còn đang tu hành tại nhân địa, có một kiếp nọ Ngài đắc được Thiên Nhãn Thông và nhìn thấy được địa ngục Thiết Xa. Bấy giờ, chứng kiến cảnh các tội nhân bị xe sắt chạy qua chạy lại trên thân thể quá sức đau đớn khổ sở, Ngài liền phát tâm từ bi mà nguyện rằng: "Ta nhất định

phải phát tâm tu Đạo; và sau này, khi thành Phật rồi, Ta sẽ độ thoát tất cả chúng sanh trong địa ngục này!"; và đó là lần phát tâm từ bi tối sơ của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

"Lại có địa ngục tên là Giường Sắt (Thiết Sàng)**."** Trong địa ngục này, tội nhân phải nằm hoặc ngồi trên giường sắt, bên dưới có rất nhiều con dao nung nóng đỏ rực.

"Lại có địa ngục tên là Trâu Sắt (Thiết Ngưu)**."** Những con trâu ở trong địa ngục này đều bằng sắt và đều có sừng; chúng dùng sừng để húc vào mình tội nhân.

"Lại có địa ngục tên là Áo Sắt (Thiết Y).” Những người khi còn sống đã thọ Giới rồi mà lại phạm Giới, thì sau khi chết phải đọa vào địa ngục Áo Sắt.

Địa ngục Áo Sắt thì như thế nào? Ở địa ngục này có rất nhiều lưỡi lê có gắn móc câu, hễ đâm trúng thân tội nhân thì móc rách tơi tả hết áo quần trên người, làm cho tội nhân phải chịu trần truồng. Bấy giờ, có một loại áo quần bằng sắt từ không trung bay đến; tội nhân vừa thấy áo quần đó liền vui mừng giơ tay vẫy gọi: "Áo quần tới đây! Áo quần tới đây!" Ý nói rằng: "Áo quần ơi, hãy mau mau bay đến chỗ của ta!" Vẫy vẫy tay như thế mà áo quần kia liền bay đến thật. Bay đến nơi thì áo quần đó liền tự động bao bọc lấy thân tội nhân như một lớp da sắt, và lại là lớp da sắt nóng đỏ. Vì vậy, mặc vào người rồi là toàn thân tội nhân đều bị nung cháy khét lẹt và chẳng bao lâu đã trở thành một đống tro. Biến thành tro rồi thì sao? Chỉ trong chốc lát thì có ngọn "xảo phong" thổi tới, bấy giờ xác thân vốn đã không còn của tội nhân lại hồi phục và hiện trở lại hình tướng như trước, và tội nhân lại tiếp tục chịu tội. Đó là hình phạt trong địa ngục Áo Sắt.

KINH VĂN:

"Lại có địa ngục tên là Ngàn Mũi Nhọn, lại có địa ngục tên là Lửa Sắt, lại có địa ngục tên là Nước Đồng Sôi, lại có địa ngục tên là Ôm Trụ Đồng, lại có địa ngục tên là Lửa Chảy, lại có địa ngục tên là Cày Lưỡi, lại có địa ngục tên là Chém Đầu, lại có địa

ngục tên là Đốt Chân, lại có địa ngục tên là Móc Mắt, lại có địa ngục tên là Viên Sắt..."

LƯỢC GIẢNG:

"Lại có địa ngục tên là Ngàn Mũi Nhọn (Thiên Nhẫn)**."** Địa ngục Thiên Nhẫn là do con người tạo tội quá nhiều mà ra. Tại địa ngục này có rất nhiều lưỡi dao từ trên hư không rơi xuống như mưa. Những lưỡi dao này tựa như những giọt mưa sắc bén, rơi xuống đâm nát đầu và thân của tội nhân; tất cả xương cốt và da thịt đều bị cắt xẻ. Sau khi tội nhân chết đi thì lại có ngọn gió "xảo phong" thổi đến, tội nhân liền sống trở lại và tiếp tục thọ tội báo như cũ.

"Lại có địa ngục tên là Lừa Sắt (Thiết Lư)." Tại địa ngục này có con lừa sắt giẫm đạp lên thân thể của tội nhân mà đi, và cứ liên tục đi qua đi lại như thế mãi.

"Lại có địa ngục tên là Nước Đồng Sôi (Dương Đồng)**."** Ở địa ngục này, tội nhân bị bỏ vào trong dung dịch đồng nấu chảy. Ngay cả đồng mà còn bị nung chảy lỏng, thế thì con người nếu bị bỏ vào đó tất cũng bị thiêu hóa mất mà thôi!

"Lại có địa ngục tên là Ôm Trụ Đồng (Bão Trụ)**."** Địa ngục Ôm Trụ Đồng (Bão Trụ) còn có tên là địa ngục Cột Đồng Nung (Bào Lạc). Năm ngoái, lúc giảng *Kinh Lăng Nghiêm* tôi đã có giảng qua, song e rằng mọi người đều quên cả rồi.

Trong địa ngục Ôm Trụ Đồng (Bão Trụ) có một cột trụ bằng đồng được nung nóng đỏ rực, hễ ôm lấy trụ đồng này rồi thì không thể nào rời ra được nữa. Hạng người nào phải đọa vào địa ngục này? Đó là hạng người thích điều dâm loạn, ưa việc gian dâm, cho nên khi còn sống đã phạm quá nhiều nghiệp dâm; và trong số ấy, số người nam phạm tội rất đông, mà số người nữ phạm tội cũng chẳng ít!

Nói chung, bất luận là nam hay nữ, hễ người nào phạm nghiệp dâm dật thì sau khi chết cũng đều bị đọa vào địa ngục Ôm Trụ Đồng cả. Bấy giờ, khi đã vào địa ngục này rồi, nếu tội nhân là người nam thì nhìn trụ đồng mà lại thấy đó là cô gái mình từng yêu thương nhất lúc còn sống, thế là mừng rỡ nhào đến ôm chầm

lấy; khốn nỗi, vừa ôm được thì toàn thân đều bị bỏng cháy bởi trụ đồng nung. Tội nhân bị thiêu chết rồi thì có ngọn gió "xảo phong" thổi đến làm cho hồi sinh; hồi sinh rồi thì mọi việc vẫn tái diễn giống hệt như trước: cũng ôm trụ đồng, ôm rồi lại ôm nữa, thiêu rồi lại thiêu nữa, chết rồi lại chết nữa...; cứ thế mà lập đi lập lại không biết bao nhiêu lần.

Người nam nhìn trụ đồng nung thì thấy đó là người nữ, thế đối với người nữ thì sao? Người nữ nhìn trụ đồng nung thì thấy đó là chàng trai mà lúc còn sống mình yêu thương nhất! Và thế là cô ta không dằn lòng được, hớn hở chạy đến ôm choàng lấy người yêu. Sau khi ôm, cô ta cũng bị lửa của trụ đồng đốt cháy thành tro bụi; rồi đến khi ngọn gió "xảo phong" thổi lướt qua, cô ta liền sống trở lại. Sống rồi thì lại tiếp tục đi ôm trụ đồng, ôm rồi lại chết, chết rồi lại sống, sống lại thì tiếp tục thọ báo như trước.

Vì sao có địa ngục Ôm Trụ Đồng? Phải chăng có người nào đó đã chuẩn bị sẵn như thế? Không phải! Chính nghiệp dâm: ngọn lửa nghiệp từ lòng dâm dục của tội nhân cảm vời mà thành ra địa ngục Ôm Trụ Đồng! Cho nên chúng ta, bất kể là nam hay nữ, đừng vội cho rằng chuyện trai gái yêu đương là điều hoàn toàn tốt đẹp; bởi nếu quý vị đi lệch sang con đường tà dâm bất chánh, thì sau này sẽ bị đọa vào địa ngục Ôm Trụ Đồng; và đó là một sự việc vô cùng đau khổ và đáng sợ.

"Lại có địa ngục tên là Lửa Chảy (Lưu Hỏa).” Trong địa ngục này chỉ toàn là lửa và lửa, song thứ lửa này lại lưu chuyển và chảy giống như nước vậy. Địa ngục Lửa Chảy cũng là do lửa dâm dục của chúng sanh tạo ra.

"Lại có địa ngục tên là Cày Lưỡi (Canh Thiệt)." Vì sao lại gọi là địa ngục Cày Lưỡi? Trong địa ngục này có loài ác quỷ chuyên dùng một cái móc câu móc vào đầu lưỡi của tội nhân rồi kéo lên, khiến lưỡi của tội nhân bị căng dài đến mấy trượng và sưng phồng lên rất to. Sau đó, chúng dùng cái cày (dụng cụ để xới đất) mà cày bừa trên lưỡi ấy, cày tới cày lui khiến cho lưỡi của tội nhân bị xẻ thành nhiều đường rãnh.

Tại sao phải chịu quả báo này? Đó là vì lúc còn sống ở dương gian, tội nhân đã từng hủy báng Tam Bảo, vu khống Tam Bảo, phá hoại Tam Bảo. Ví dụ như nói rằng: "Quý vị không nên tin Phật. Phật vốn không có thật, không hề tồn tại. Phật Pháp chẳng qua chỉ là trò lừa gạt. Thầy tu là những kẻ mượn áo nhà Phật và dùng Phật Pháp để lừa gạt mọi người; quý vị chớ có tin theo!": như thế là hủy báng Tam Bảo vậy.

Có bốn nghiệp xấu do miệng (lời ăn tiếng nói) gây ra; đó là nói lời thô ác (ác khẩu), nói đôi chiều (lưỡng thiệt), nói thêu dệt (ỷ ngữ) và nói dối (vọng ngôn).

1) Nói lời thô ác (Ác khẩu), tức là nói lời thô ác hoặc mắng chửi người khác.

2) Nói đôi chiều (Lưỡng thiệt), có nghĩa là nói hai lưỡi, nói đôi chiều, nói để gây chia rẽ. Ví dụ, gặp Trương Tam thì nói là Lý Tứ không tốt, gặp Lý Tứ thì lại nói là Trương Tam không phải, khiến đôi bên nảy sanh hiềm khích và mất hòa khí, suốt ngày cứ gây gỗ, cãi vã, nghi kỵ lẫn nhau; như thế là nói đôi chiều vậy.

3) Nói thêu dệt (Ỷ ngữ), tức là nói thêu dệt. Đàn ông thì thường hay nói chuyện về đàn bà, chẳng hạn như: "Anh thấy cô ấy thế nào? Xinh quá, phải không? Còn cô này thì sao? Lại còn cô kia nữa ..." Còn đàn bà thì sao? Thì lại nói chuyện về đàn ông: "Anh chàng kia cũng không tệ lắm. Anh chàng này thì thế này, thế nọ ..." Nói tóm lại, những lời nói phù phiếm, không đúng đắn, gợi chuyện tà dâm ..., đều là "ỷ ngữ."

4) Nói dối (Vọng ngôn), tức là nói dối, nói điều trái với sự thật.

Chúng sanh do phạm bốn điều ác của miệng là đó là nói lời thô ác, nói đôi chiều, nói thêu dệt và nói dối nên bị đọa vào địa ngục Cày Lưỡi.

"Lại có địa ngục tên là Chém Đầu (Tỏa Thủ).” Những tội nhân bị đọa vào địa ngục Tỏa Thủ thì đều bị chém đầu; tại sao? Đó là vì lúc sinh thời họ đã giết hại quá nhiều chúng sanh; bởi họ

đập vỡ đầu của chúng sanh để giết, cho nên sau khi chết, họ phải đọa địa ngục Tỏa Thủ và chịu hình phạt bị chặt đầu.

Khi muốn giết sâu bọ, chim se sẻ, hoặc các loài cầm thú khác, nhiều người thường dùng chùy, gậy gộc hoặc một vật gì đó để đập vỡ đầu của chúng trước; hoặc trông thấy con du diên hay con rết, cho đó là loại trùng độc nên nhiều người cũng lấy đồ đập đầu chúng cho chết; chính vì làm tổn hại quá nhiều sinh mạng cho nên sau khi chết, những người ấy phải đọa vào địa ngục Chém Đầu. Nói chung, khi sống chúng ta tạo nghiệp tội gì thì sau khi chết chúng ta phải thọ quả báo tương ứng với nghiệp tội đó.

"Lại có địa ngục tên là Đốt Chân (Thiêu Cước)**."** Địa ngục này thì chuyên môn đốt chân của tội nhân, nhưng không phải dùng lửa để đốt, mà là người tội đặt chân đến chỗ nào thì chỗ đó liền có lửa bùng lên đốt chân người ấy. Chân của tội nhân ví như ngọn nến, hễ đi đến đâu là mang mồi lửa theo đến đó, tới bất cứ nơi nào thì nơi đó cũng bắt lửa; vì thế địa ngục này được gọi là địa ngục Đốt Chân.

"Lại có địa ngục tên là Móc Mắt (Đạm Nhãn)**."** Trong địa ngục này có loài diều hâu (điêu thứu, một loài chim hung tợn), chuyên ăn những đồ dơ bẩn.

Địa ngục Móc Mắt là nơi có nhiều diều hâu nhất; loài chim này thấy tội nhân thì liền bay đến, giương hai móng sắt ra và chụp xuống bấu chặt lấy hai vai của người tội, khiến người ấy không cách gì vùng vẫy để thoát ra được. Sau đó, diều hâu quay đầu lại, dùng mỏ mổ rách mắt của tội nhân, rồi ăn thứ nước chảy ra từ con mắt đó. Nó lại còn mổ cho bể đầu của tội nhân để uống thứ nước tủy trong não nữa. Tội nhân chết rồi thì diều hâu cũng bay đi mất; đợi đến khi tội nhân sống lại thì diều hâu cũng liền bay về lại.

"Lại có địa ngục tên là Viên Sắt (Thiết Hoàn). Ở địa ngục Thiết Hoàn thì có những viên sắt hình thù tương tự như cái trứng, từ bốn phía văng tới đập xối xả vào đầu vào mặt tội nhân; khắp thân thể tội nhân, chỗ nào cũng bị các viên sắt đập trúng cả. Khi tội nhân bị đập đến chết rồi, thì những viên sắt đó cũng không

văng tới nữa. Thế nhưng, đợi đến lúc tội nhân sống trở lại thì chúng lại xuất hiện. Đó là hình phạt ở địa ngục Viên Sắt .

KINH VĂN:

"Lại có địa ngục tên là Cãi Cọ, lại có địa ngục tên là Rìu Sắt, lại có địa ngục tên là Nhiều Nóng Giận."

Ngài Địa Tạng nói rằng: "Thưa Nhân Giả! Trong dãy núi Thiết Vi có những địa ngục như thế, số nhiều vô hạn. Lại có địa ngục Kêu Gào, địa ngục Rút Lưỡi, địa ngục Phân và Nước Tiểu, địa ngục Khóa Đồng, địa ngục Voi Lửa, địa ngục Chó Lửa, địa ngục Ngựa Lửa, địa ngục Trâu Bò Lửa, địa ngục Núi Lửa, địa ngục Đá Lửa, địa ngục Giường Lửa, địa ngục Rường Lửa, địa ngục Chim Ưng Lửa, địa ngục Cưa Răng, địa ngục Lột Da, địa ngục Uống Máu, địa ngục Đốt Tay, địa ngục Đốt Chân, địa ngục Đâm Ngược, địa ngục Nhà Lửa, địa ngục Nhà Sắt, địa ngục Chó Sói Lửa.

"Các thứ địa ngục như thế, trong mỗi thứ lại có những địa ngục nhỏ, hoặc một, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, cho đến trăm, ngàn; trong số đó danh hiệu đều chẳng đồng nhau."

LƯỢC GIẢNG:

"Lại có địa ngục tên là Cãi Cọ (Tranh Luận)**.** Trong địa ngục này có rất nhiều ác quỷ cứ quát tháo, chửi mắng tội nhân rất thậm tệ, nói rằng tội nhân cái gì cũng không đúng cả. Tại sao lại bị đọa vào địa ngục này? Chính vì lúc còn sống, những tội nhân trong địa ngục này ưa tranh luận cãi vã với người khác, nên sau khi chết phải chịu quả báo như thế.

"Lại có địa ngục tên là Rìu Sắt (Thiết Phu)**."** Ở địa ngục này, tội nhân bị chặt đầu bằng cái rìu sắt.

"Lại có địa ngục tên là Nhiều Nóng Giận (Đa Sân)**.** Những tội nhân bị đọa vào địa ngục này đều là do tánh tình hung hăng nóng nảy, nhiều sân hận mà ra. Những người quá nóng tánh, động một chút là tức tối, hằn học: "Mày dám đánh

tao, tao phải đánh mày," thì cũng như những tội nhân ở địa ngục này: cứ không ngừng gây gỗ, ẩu đả lẫn nhau.

Ngài Địa Tạng nói với Phổ Hiền Bồ Tát **rằng: "Thưa Nhân Giả! Trong dãy núi Thiết Vi có những địa ngục như thế, số nhiều vô hạn.** Tôi tuy đã kể ra rất nhiều tên địa ngục như thế, song thật sự thì tên của địa ngục vốn nhiều đến không có hạn lượng**."**

Địa Tạng Bồ Tát kể tiếp: **"Lại có địa ngục Kêu Gào** (Khiếu Hoán)**.** Trong mười tám địa ngục thì có tám địa ngục lạnh và tám địa ngục nóng. Địa ngục thứ tư trong tám địa ngục lạnh là địa ngục Khiếu Hoán, cũng gọi là địa ngục Đại Khiếu Hoán. Trong địa ngục này suốt ngày luôn luôn có tiếng kêu la ầm ĩ, gào thét om sòm, ồn ào đến đinh tai nhức óc.

"Địa ngục Rút Lưỡi (Bạt Thiệt)"**.** Lại có loại địa ngục chuyên môn kéo lưỡi của tội nhân.

"Địa ngục Phân và Nước Tiểu (Phẩn Niệu)." Lại có loại địa ngục mà trong đó chỉ toàn là phân và nước tiểu; tội nhân trong địa ngục này hễ đói thì ăn phân, khát thì uống nước tiểu.

"Địa ngục Khóa Đồng (Đồng Tỏa)**."** Tội nhân đã vào địa ngục này rồi thì như bị một cái khóa bằng đồng khóa chặt ở trong đó, làm thế nào cũng không thoát ra được.

"Địa ngục Voi Lửa (Hỏa Tượng)**."** Lại có loại địa ngục mà trong đó toàn là voi lửa.

"Địa ngục Chó Lửa (Hỏa Cẩu)**."** Trong địa ngục này có loài chó mà toàn thân đều bốc lửa tỏa khói.

"Địa ngục Ngựa Lửa (Hỏa Mã)**."** Những con ngựa trong địa ngục này thì toàn thân đều rực lửa.

"Địa ngục Trâu Bò Lửa (Hỏa Ngưu)**."** Trên mình của trâu bò ở địa ngục này đều có lửa cháy rừng rực.

"Địa ngục Núi Lửa (Hỏa Sơn)**."** Lại có loại địa ngục mà trong đó có ngọn núi luôn ngùn ngụt lửa.

"Địa ngục Đá Lửa (Hỏa Thạch)**."** Trong địa ngục này toàn là đá lửa dùng để nện hoặc đè lên mình tội nhân.

"Địa ngục Giường Lửa (Hỏa Sàng)**."** Trong địa ngục này có loại giường bằng lửa.

"Địa ngục Rường Lửa (Hỏa Lương)**."** Lại có địa ngục mà rường cột, xà nhà đều bốc lửa.

"Địa ngục Chim Ưng Lửa (Hỏa Ưng)**."** Trong địa ngục này có loài chim ó có lửa, chuyên môn ăn mắt của tội nhân; ăn xong rồi thì chúng lại bay đi.

"Địa ngục Cưa Răng (Cứ Nha)**."** Lại có địa ngục chuyên môn cưa răng tội nhân.

"Địa ngục Lột Da (Bác Bì)**."** Lại có địa ngục chuyên lột da của tội nhân.

"Địa ngục Uống Máu (Ẩm Huyết)**."** Lại có địa ngục chuyên uống máu tội nhân.

"Địa ngục Đốt Tay (Thiêu Thủ)**."** Lại có địa ngục chuyên đốt tay của tội nhân.

"Địa ngục Đốt Chân (Thiêu Cước)**."** Lại có địa ngục chuyên đốt chân của tội nhân.

"Địa ngục Đâm Ngược (Đảo Thích)**."** Trong địa ngục này, tội nhân bị treo lủng lẳng trên những móc câu treo ngược.

"Địa ngục Nhà Lửa (Hỏa Ốc)**."** Trong địa ngục này, tội nhân bị giam cầm trong một căn phòng lửa cháy hừng hực.

"Địa ngục Nhà Sắt (Thiết Ốc)**, địa ngục Chó Sói Lửa** (Hỏa Lang)**."** Lại còn có địa ngục mà phòng ốc toàn bằng sắt, và có địa ngục thì có nhiều chó sói rực lửa.

"Các thứ địa ngục như thế, trong mỗi thứ lại có những địa ngục nhỏ, hoặc một, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, cho đến trăm, ngàn; trong số đó danh hiệu đều chẳng đồng nhau."

Trong những địa ngục mà Địa Tạng Vương Bồ Tát vừa kể ra lại còn có rất nhiều địa ngục nhỏ khác nữa. Địa ngục thì có thứ lớn, có thứ nhỏ. Trong mỗi địa ngục lớn thì có thể có một, hai, ba, hoặc bốn sở ngục nhỏ, thậm chí có thể có đến cả trăm cả ngàn sở ngục nhỏ; và tên của mỗi ngục nhỏ này mỗi khác nhau.

KINH VĂN:

Địa Tạng Bồ Tát nói với Phổ Hiền Bồ Tát rằng: "Thưa Nhân Giả! Đây đều là do chúng sanh trong cõi Nam Diêm Phù Đề làm điều ác mà tùy nghiệp chiêu cảm ra như thế. Nghiệp lực rất lớn, có thể sánh với núi Tu Di, có thể sâu dường biển cả, có thể chướng ngăn Thánh Đạo. Vì thế, chúng sanh chớ khinh điều ác nhỏ mà cho là không tội, sau khi chết đều có quả báo, dầu mảy mún đều phải thọ chịu. Chí thân như cha với con, mỗi người đều mỗi ngả đường khác nhau, dầu có gặp gỡ cũng chẳng bằng lòng chịu khổ thay cho nhau. Nay tôi nương oai lực của Đức Phật mà lược nói những sự tội báo nơi địa ngục; mong Nhân Giả tạm nghe lời đó."

Ngài Phổ Hiền đáp rằng: "Tôi từ lâu đã rõ tội báo nơi Tam Ác Đạo. Tôi mong Nhân Giả nói ra để khiến cho tất cả chúng sanh ác hạnh trong đời Mạt Pháp sau này, nghe được lời dạy của Nhân Giả mà quay về với Phật."

LƯỢC GIẢNG:

Địa Tạng Bồ Tát nói với Phổ Hiền Bồ Tát rằng: "Thưa Nhân Giả! Đây, tất cả những địa ngục vừa kể, **đều là do chúng sanh trong cõi Nam Diêm Phù Đề** (Nam Thiệm Bộ Châu) **làm điều ác mà tùy nghiệp chiêu cảm ra như thế."** Bởi các chúng sanh này ăn ở bất nhân, làm ác tạo nghiệp, nên cảm vời ra quả báo, và đó chính là những cảnh địa ngục kể trên.

"Nghiệp lực rất lớn, có thể sánh với núi Tu Di." Nghiệp lực của chúng sanh thì vô cùng to lớn; lớn đến cỡ nào? Lớn như núi Tu Di!

"Có thể sâu dường biển cả." Nghiệp chướng của chúng sanh thâm sâu như thế nào? Sâu thẳm như biển cả vậy!

"Có thể chướng ngăn Thánh Đạo." Tại sao chúng ta tu hành mà không thành tựu được Đạo nghiệp? Đó là vì bị nghiệp lực cản trở, ngăn chặn con đường Thánh Đạo của chúng ta, khiến cho chúng ta chẳng thể tu thành Thánh Đạo.

"Vì thế, chúng sanh chớ khinh điều ác nhỏ mà cho là không tội." Quý vị đừng bao giờ xem thường điều quấy nhỏ, tác

hại ít; vì sao? Vì nhiều việc ác nhỏ dồn lại thì sẽ thành ra tội ác to lớn tày trời: "tích thiểu thành đa," tiểu ác mà tích lũy lại thì dần dần cũng trở thành đại ác. Quý vị đừng tưởng rằng tội ác mà nhỏ thì không có tội; bởi **"sau khi chết đều có quả báo, dầu mảy mún đều phải thọ chịu."** Nếu quý vị không dè dặt thận trọng, thì sau khi chết sẽ phải thọ lãnh vô số quả báo, nhiều như số tóc trên đầu vậy; dù chỉ phạm một việc ác nhỏ bằng hạt bụi cũng phải gánh chịu quả báo như thường.

"Chí thân như cha với con, mỗi người đều mỗi ngả đường khác nhau." Trên thế gian này, quan hệ giữa cha với con là thân thiết gần gũi nhất; thế nhưng, một khi đã ở trong địa ngục rồi thì cha cũng không thể vì phụ tử tình thâm mà chịu tội thay cho con, và con tuy hiếu thảo song cũng chẳng thể nào lãnh tội giùm cha mẹ được: do đó mà nói là "mỗi người đều mỗi ngả đường khác nhau."

"Dầu có gặp gỡ cũng chẳng bằng lòng chịu khổ thay cho nhau." Cho dù cha và con gặp mặt nhau ở chốn địa ngục, thì cũng không có ai bằng lòng chịu khổ thay cho ai; vì sao? Bởi vì tuy đã từng làm cha con với nhau ở chốn nhân gian, nhưng vào địa ngục thì ai nấy đều hiểu ra rằng đó chẳng qua chỉ là nghiệp chướng của đời trước, mà có khi lại là oan gia đối đầu cũng không chừng! Cho nên, bị đọa vào địa ngục thì "tội ai nấy chịu," không có ai bằng lòng chịu tội thay cho người khác cả!

Địa Tạng Vương BồTát lại nói cùng Phổ Hiền Bồ Tát rằng: **"Nay tôi nương oai lực của Đức Phật mà lược nói những sự tội báo nơi địa ngục; mong Nhân Giả tạm nghe lời đó.** Tôi ước mong rằng Nhân Giả sẽ tạm thời hoan hỷ lắng nghe những điều tôi sắp nói ra đây."

Ngài Phổ Hiền đáp rằng: "Tôi từ lâu đã rõ tội báo nơi Tam Ác Đạo. Tôi vốn đã được biết về quả báo trong ba đường ác từ lâu lắm rồi, cho nên, dù Ngài có nói hay không thì tôi cũng đã rõ cả; song, tôi chỉ e rằng các chúng sanh trong thời Mạt Pháp ở đời sau sẽ chẳng có ai được biết về những tội báo đó. Vì thế cho nên, **tôi mong Nhân Giả nói ra để khiến cho tất cả chúng**

sanh ác hạnh trong đời Mạt Pháp sau này, nghe được lời dạy của Nhân Giả mà quay về với Phật. Những chúng sanh có tâm hạnh ác độc trong thời Mạt Pháp ở đời vị lai, sau khi được nghe Ngài kể về các tội báo trong chốn địa ngục, ắt hẳn sẽ sanh lòng kính sợ, không dám làm việc ác nữa, và đều sẽ hồi tâm mà quy y Tam Bảo, quy hướng Phật Giáo. Do đó, tôi thiết tha mong mỏi Nhân Giả sẽ nói rõ về các tội báo ấy!"

KINH VĂN:

Ngài Địa Tạng nói rằng: "Thưa Nhân Giả! Về tội báo ở chốn địa ngục, việc ấy như vầy:

Hoặc có địa ngục kéo lưỡi người tội ra cho trâu cày lên; hoặc có địa ngục moi tim người tội cho quỷ Dạ Xoa ăn; hoặc có địa ngục vạc nước sôi sùng sục nấu thân người tội; hoặc có địa ngục đốt trụ đồng nóng đỏ rồi bắt người tội ôm lấy; hoặc có địa ngục các bựng lửa đuổi theo người tội; hoặc có địa ngục toàn là băng giá; hoặc có địa ngục đầy vô hạn đồ phẩn tiểu; hoặc có địa ngục toàn là loại chùy gai bay; hoặc có địa ngục có nhiều giáo lửa; hoặc có địa ngục chỉ đập ngực lưng; hoặc có địa ngục chỉ đốt tay chân; hoặc có địa ngục rắn sắt quấn cắn; hoặc có địa ngục xua đuổi chó sắt; hoặc có địa ngục toàn kéo la sắt ..."

LƯỢC GIẢNG:

Ngài Địa Tạng nói rằng: "Thưa Nhân Giả! Về tội báo ở chốn địa ngục, việc ấy như vầy ..."

Địa Tạng Vương Bồ Tát nói với Phổ Hiền Bồ Tát rằng: "Ngoài những địa ngục kể trên, còn có rất nhiều địa ngục với tình trạng tội báo khác như sau: **Hoặc có địa ngục kéo lưỡi người tội ra cho trâu cày lên."** Những người ưa huênh hoang khoác lác, mắng nhiếc chửi bới, hoặc nói lời gian dối điêu ngoa, thì sau khi chết sẽ bị đọa vào địa ngục mà ở đó, tội nhân sẽ bị móc lưỡi ra bằng móc câu, rồi có con trâu kéo cày đi tới đi lui, cày bừa ngay trên lưỡi của tội nhân.

"Hoặc có địa ngục moi tim người tội cho quỷ Dạ Xoa ăn." Lại có địa ngục, trong đó tội nhân bị mổ ngực để moi tim ra,

rồi có loài quỷ Dạ Xoa (tức quỷ dũng kiện hoặc quỷ tiệp tật) lấy ăn những quả tim ấy.

"Hoặc có địa ngục vạc nước sôi sùng sục nấu thân người tội." Lại có loại địa ngục, trong đó tội nhân bị thả vào nồi nước lớn đang sôi sùng sục.

"Hoặc có địa ngục đốt trụ đồng nóng đỏ rồi bắt người tội ôm lấy." Lại có loại địa ngục, trong đó tội nhân phải ôm trụ đồng đang nung cháy đỏ rực.

"Hoặc có địa ngục các bựng lửa đuổi theo người tội." Lại có địa ngục, trong đó tội nhân bị rất nhiều thứ lửa đuổi theo thiêu đốt.

"Hoặc có địa ngục toàn là băng giá." Lại có địa ngục, trong đó còn rét lạnh hơn cả băng giá khiến cho tội nhân bị lạnh cóng và đông thành đá.

"Hoặc có địa ngục đầy vô hạn đồ phẩn tiểu." Lại có địa ngục, trong đó chứa rất nhiều phân và nước tiểu dơ bẩn.

"Hoặc có địa ngục toàn là loại chùy gai bay." "chùy gai" hay tật-lê là một thứ chùy bằng sắt có hình thù như trái cam và chung quanh tua tủa những gai nhọn như mũi kim.

Có loại địa ngục mà trong đó chỉ thuần một thứ chùy gai từ dưới đất vọt lên hoặc từ không trung bay đến (tuy bằng sắt nhưng chúng có thể bay được) và cứ nhắm vào thân tội nhân mà đánh, khiến cho đầu, mắt, tai, mũi, miệng ... của tội nhân đều bị các gai nhọn đâm trúng; hễ tội nhân đau chỗ nào thì liền bị chùy gai đập vào chỗ đó.

"Hoặc có địa ngục có nhiều giáo lửa." "Giáo lửa" (hỏa thương) này cũng chính là "giáo đâm" (thông thương). Lại cũng có địa ngục có những ngọn giáo được nung nóng đỏ, dùng để đâm vào thân thể của tội nhân và khoét thành từng lỗ có lửa bốc cháy, đồng thời xẻ ra những đường rãnh trên mình của tội nhân để "thông gió."

"Hoặc có địa ngục chỉ đập ngực, lưng." Lại có địa ngục, trong đó tội nhân chỉ bị đánh đằng trước ngực hoặc sau lưng.

"Hoặc có địa ngục chỉ đốt tay, chân." Lại có địa ngục, trong đó chỉ đốt tay hoặc đốt chân của tội nhân.

"Hoặc có địa ngục rắn sắt quấn cắn." Lại có địa ngục, trong đó có loài rắn bằng sắt quấn quanh người của tội nhân. Loài rắn sắt này là một loại trùng có rất nhiều miệng, toàn thân nó đều lởm chởm những cái miệng. Mỗi cái miệng trên mình rắn lại có thể nhả ra một con rắn nhỏ, và mỗi con đều có mười hai cái miệng sắt. Những con rắn nhỏ này chui qua mắt của người tội để luồn lách vào trong cơ thể của người ấy, rồi lại từ nam căn hoặc nữ căn của người tội mà chui ra. Tội nhân bị chúng cắn xé, đau đớn thống khổ đến không thể nào chịu nổi.

Tại sao lại phải chịu loại quả báo này? Bởi lúc sanh tiền, tội nhân sống hoang dâm vô độ, chơi bời trụy lạc, không tiết chế chừng mực, cho nên đến khi đọa địa ngục thì phải gánh chịu quả báo như thế; thật là đáng sợ lắm thay!

"Hoặc có địa ngục xua đuổi chó sắt." Lại có địa ngục, trong đó có loài ác quỷ xua chó sắt tới cắn tội nhân.

"Hoặc có địa ngục toàn kéo la sắt." Lại có địa ngục, trong đó tội nhân phải kéo con la bằng sắt. ("La" thì cũng to lớn như ngựa, có lớn hơn lừa một chút.)

KINH VĂN:

"Nhân Giả! Những quả báo như thế, trong mỗi ngục có trăm ngàn thứ khí cụ nghiệp đạo đều là bằng đồng, bằng sắt, bằng đá, bằng lửa; bốn thứ này là do các hành nghiệp cảm vời ra. Nếu nói rộng ra về những sự tội báo ở địa ngục, thì trong mỗi ngục còn có cả trăm ngàn thứ khổ sở, huống chi là nhiều ngục!

Nay tôi nương sức oai thần của Đức Phật và vì Nhân Giả hỏi đến mà nói sơ lược như thế; nếu nói rộng ra thì cùng kiếp nói cũng không hết được!"

LƯỢC GIẢNG:

Địa Tạng Vương Bồ Tát lại nói với Phổ Hiền Bồ Tát: **"Thưa Nhân Giả**, bậc Đại Sĩ nhân đức**! Những quả báo**

như thế, trong mỗi ngục có trăm ngàn thứ khí cụ nghiệp đạo. Trong mỗi địa ngục đều có cả trăm ngàn vạn loại tội khí tạo nghiệp thọ báo khác nhau. Những khí cụ dùng để hành hình các tội nhân chịu quả báo ở các địa ngục **đều là bằng đồng, bằng sắt, bằng đá, bằng lửa."**

Thế nhưng, có phải thật là có đồng, sắt, đá, lửa không? Không phải! Vậy là thế nào?

"Bốn thứ này là do các hành nghiệp cảm vời ra." Chúng sanh hễ trồng nhân gì thì gặt quả đó, gây nghiệp tội gì thì có quả báo tương ứng với nghiệp tội đó xuất hiện. Nếu quý vị tạo loại nghiệp đáng phải bị trừng phạt bởi khí cụ bằng đồng, thì có ngục đồng hiện ra; còn nếu tạo loại nghiệp đáng phải dùng khí cụ bằng sắt để trừng trị, thì quý vị phải chịu những thống khổ của ngục sắt; thậm chí cả ngục đá và ngục lửa cũng vậy.

"Nếu nói rộng ra về những sự tội báo ở địa ngục, thì trong mỗi ngục còn có cả trăm ngàn thứ khổ sở, huống chi là nhiều ngục!" Giả sử muốn nói rộng ra và cặn kẽ từng chi tiết về các tội báo ở địa ngục, như gây tội gì thì phải lãnh quả báo gì, thì trong mỗi ngục không phải chỉ có vỏn vẹn một thứ khổ sở thôi đâu, mà là có đến hằng trăm, hằng ngàn, hằng vạn thứ khổ sở khác nữa. Trong một địa ngục mà đã muôn vàn thứ khổ sở không thể kể xiết như thế, thì huống chi là trong nhiều địa ngục?

Địa Tạng Vương Bồ Tát lại nói với Phổ Hiền Bồ Tát rằng: **"Nay tôi nương sức oai thần của Đức Phật và vì Nhân Giả hỏi đến mà nói sơ lược như thế; nếu nói rộng ra thì cùng kiếp nói cũng không hết được!** Nếu muốn giảng giải cho cặn kẽ thì dẫu có nói trong suốt mấy đại kiếp cũng không thể nào nói cho hết được."

KINH ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỔN NGUYỆN THIỂN THÍCH

Quyển Trung

Phẩm Thứ Sáu

NHƯ LAI TÁN THÁN

Đây là phẩm "Như Lai Tán Thán," phẩm thứ sáu. "Như Lai" tức là Đức Phật, lúc trước tôi đã giảng nhiều lần rồi. "Tán thán" tức là xưng dương tán thán—tấm tắc khen ngợi. *Kinh Địa Tạng* có tổng cộng mười ba phẩm, bây giờ giảng đến phẩm thứ sáu, như vậy là còn bảy phẩm nữa.

KINH VĂN:

Lúc đó, toàn thân của Đức Thế Tôn phóng ra ánh sáng lớn soi khắp trăm ngàn muôn ức thế giới nhiều như cát sông Hằng của chư Phật, lại phát ra âm thanh lớn bảo khắp các thế giới của chư Phật rằng:

"Tất cả hàng Bồ Tát Ma Ha Tát cùng Trời, Rồng, Quỷ, Thần, nhân, phi nhân, v. v... hãy lắng nghe hôm nay Ta xưng dương tán thán Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát về việc ở trong mười phương thế giới, hiện sức từ bi oai thần to lớn không thể nghĩ bàn, để cứu giúp tất cả những kẻ tội khổ.

Sau khi Ta diệt độ, thì hàng Bồ Tát Đại Sĩ các Ông, cùng với Trời, Rồng, Quỷ, Thần v. v... nên dùng nhiều phương tiện để gìn giữ Kinh này, khiến tất cả chúng sanh đều chứng được cảnh vui Niết Bàn."

Nói lời ấy xong, trong Pháp Hội có một vị Bồ Tát tên là Phổ Quảng cung kính chắp tay bạch cùng Đức Phật rằng: "Nay con nghe Đức Thế Tôn tán thán Địa Tạng Bồ Tát có đức oai thần rộng lớn bất khả tư nghì như thế, con trông mong Đức Thế Tôn lại vì những chúng sanh trong thời Mạt Pháp ở đời sau, mà tuyên thuyết các sự nhân quả của Địa Tạng Bồ Tát làm lợi ích cho hàng Trời, Người; hầu làm cho Thiên Long Bát Bộ và chúng sanh trong đời sau thảy đều kính vâng lời của Đức Phật."

LƯỢC GIẢNG:

Lúc đó, toàn thân của Đức Thế Tôn phóng ra ánh sáng lớn. Sự kiện toàn thân Phật đều phóng hào quang rực rỡ như thế, đủ cho chúng ta thấy bộ *Kinh Địa Tạng* này quan trọng đến dường nào!

Bấy giờ, hào quang sáng chói tỏa ra từ thân của Đức Phật **soi khắp trăm ngàn muôn ức thế giới nhiều như cát sông Hằng của chư Phật, lại phát ra âm thanh lớn ..."** Rồi Đức Phật lại phát ra âm thanh nghe lớn như tiếng hống của sư tử, và rền vang như tiếng sấm. Âm thanh của Phật vẳng đến tai người nào thì người đó liền sanh tâm hoan hỷ, khởi lòng cung kính.

Thường thì người thuyết giảng kinh sách, nếu có giọng nói khàn đục, không rõ ràng, thì chỉ khiến cho người nghe cảm thấy tẻ nhạt, buồn ngủ, không hăng hái theo dõi buổi giảng; còn giọng nói nếu sang sảng, rõ và trong như tiếng chuông đồng, thì thính chúng dù buồn ngủ cách mấy cũng phải giật mình tỉnh táo, thích thú lắng nghe! Âm thanh của Phật thì khiến mọi người vừa thích

nghe, lại vừa hết buồn ngủ, càng nghe càng tỉnh táo, nghe hết câu này liền muốn nghe tiếp câu kế, giống như được thưởng thức một món ăn ngon, không đành lòng bỏ sót vậy.

Đức Phật phát ra âm thanh tuy lớn, nhưng không phải là la hét chói tai như loài người chúng ta, cũng không ồ ề khó nghe như tiếng thanh la bể! Âm thanh của Phật vốn sang sảng, vang rền, khiến cho người nào được nghe lọt vào tai thì liền nhập "nghe Pháp Tam Muội." Tiếc thay, chúng ta không được sanh vào thời Đức Phật còn tại thế để được lắng nghe âm thanh của Ngài! Thật là đáng tiếc biết bao!

Vậy, lúc bấy giờ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni phát ra âm thanh **bảo khắp các thế giới của chư Phật rằng: "Tất cả hàng Bồ Tát Ma Ha Tát cùng Trời, Rồng, Quỷ, Thần, nhân, phi nhân, v. v... hãy lắng nghe hôm nay Ta xưng dương tán thán Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát về việc ở trong mười phương thế giới, hiện sức từ bi oai thần to lớn không thể nghĩ bàn, để cứu giúp tất cả những kẻ tội khổ."**

Tại sao Đức Phật khen ngợi Địa Tạng Bồ Tát? Bởi lòng từ bi của Địa Tạng Bồ Tát thì không thể nghĩ bàn, trí huệ của Ngài không thể nghĩ bàn, và oai thần của Ngài cũng không thể nghĩ bàn; cho nên thần thông diệu dụng của Ngài toàn là thứ cảnh giới không thể nghĩ bàn. Ngài Địa Tạng phát đại nguyện chuyên cứu độ những chúng sanh phạm tội, bởi Ngài nhận thấy rằng những kẻ chưa phạm tội thì chưa đến nỗi khổ sở lắm, còn những kẻ đã phạm tội thì quá sức khổ sở, khổ khổ chồng chất!

Đức Phật lại căn dặn: **"Sau khi Ta diệt độ**, đợi đến sau khi Ta đã nhập Niết Bàn rồi**, thì hàng Bồ Tát Đại Sĩ các Ông, cùng với Trời, Rồng, Quỷ, Thần v. v... nên dùng nhiều phương tiện để gìn giữ Kinh này.** Tất cả các vị hãy tận lực rộng làm nhiều phương tiện để bảo vệ *Kinh Địa Tạng*, **khiến tất cả chúng sanh đều chứng được cảnh vui Niết Bàn**, đạt được cảnh giới Thường Lạc Ngã Tịnh**."**

Quý vị xem, bây giờ chúng ta giảng *Kinh Địa Tạng* thì cũng có Thiên Long Bát Bộ và chư Đại Bồ Tát đến đây để bảo hộ vậy!

Sau khi Đức Phật **nói lời ấy xong, trong Pháp Hội có một vị Bồ Tát tên là Phổ Quảng**, vị Bồ Tát đem lại sự lợi ích rộng khắp cho hết thảy chúng sanh, **cung kính chắp tay bạch cùng Đức Phật rằng: "Nay con nghe Đức Thế Tôn tán thán Địa Tạng Bồ Tát có đức oai thần rộng lớn bất khả tư nghì như thế**, đức hạnh lớn lao như thế**, con trông mong Đức Thế Tôn lại vì những chúng sanh trong thời Mạt Pháp ở đời sau, mà tuyên thuyết các sự nhân quả của Địa Tạng Bồ Tát làm lợi ích cho hàng Trời, Người; hầu làm cho Thiên Long Bát Bộ và chúng sanh đời sau thảy đều kính vâng lời của Đức Phật**, thảy đều y giáo phụng hành**."**

KINH VĂN:

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ Tát Phổ Quảng cùng tứ chúng rằng: "Lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì các Ông mà lược nói về những sự phước đức của Địa Tạng Bồ Tát làm lợi ích cho hàng Trời, Người."

LƯỢC GIẢNG:

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ Tát Phổ Quảng cùng tứ chúng: Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, bao gồm cả Thiên Long Bát Bộ, **rằng: "Lắng nghe! Lắng nghe!** Tất cả các Ông hãy chăm chú lắng nghe cho kỹ. **Ta sẽ vì các Ông mà lược nói về những sự phước đức của Địa Tạng Bồ Tát làm lợi ích cho hàng Trời, Người."**

"Phước đức" là gì? Trong *Kinh Thư*, ở thiên "Hoằng Phạm" có giảng về chữ "phúc" và phân ra năm loại (Ngũ Phúc) là phúc thọ, phú quý, khang ninh, tu hiếu đức, và khảo chung mạng.

1) Phúc thọ (phước sống lâu). Loại phước thứ nhất là "phúc thọ," nghĩa là "có phước, có thọ": một người vừa được phước lại vừa được thọ nữa. Thế nào gọi là "phước"? "Phước" tức là hết thảy đều rất tự nhiên, tự tại. "Thọ" là thọ mạng, tuổi thọ.

Người Trung Hoa thường dùng chữ "thọ" này theo nghĩa "trường thọ" (sống lâu). "Thọ" thì vốn có "trường thọ" và "đoản thọ" (sống ngắn ngủi); song nếu chỉ nói "thọ" mà thôi thì được

hiểu là "trường thọ," chứ không phải là "đoản thọ"; vì thế ở đây dùng chữ "phúc thọ."

Có câu: " Phước Lộc Thọ ba sao chiếu quanh" (Phúc, Lộc, Thọ tam tinh củng chiếu). "Tam tinh" có nghĩa là ba ngôi sao: Phúc tinh (sao Phước), Lộc tinh (sao Lộc) và Thọ tinh (sao Thọ). "Phúc" là sự tốt lành may mắn rất tự nhiên tự tại của riêng mình. "Lộc" là bổng lộc, lợi tức. Nếu quý vị làm việc cho chính phủ, thì tiền lương quý vị lãnh được hằng tháng gọi là "bổng lộc" vậy. "Thọ" là thọ mạng, sự sống lâu.

Theo người Trung Hoa, Thọ Tinh Công là một ông tiên quắc thước, trán cao, không có tóc, chỉ có chòm râu dài bạc trắng như cước, và còn được gọi là Nam Cực Tử. Tương truyền, Nam Cực Tử chính là Nam Cực Tiên Ông của Đạo Giáo, trong đầu có ba quyển "thiên thư" (sách của trời) là quyển thượng, quyển trung và quyển hạ. Bởi có được "thiên thư" nên việc gì Tiên Ông cũng biết rõ cả.

2) Giàu Sang (Phú quý). Loại phước thứ hai là "phú quý," tức là vừa giàu có lại vừa sang trọng, tôn quý.

3) Khỏe mạnh bình yên (Khang ninh). Loại phước thứ ba là "khang ninh," tức là thân thể vừa khỏe mạnh lại vừa yên ổn.

4) Thích làm điều lành (Tu hiếu đức). Loại phước thứ tư là "tu hiếu đức," tức là thích làm việc tốt, thích hướng theo phương diện đạo đức mà xử sự.

5) Chết an lành (Khảo chung mạng). Loại phước thứ năm là sống đến già (chết già, không do tai nạn).

"Đức" cũng có năm loại (Ngũ Đức) là ôn, lương, cung, kiệm, nhượng. Có người nào hội đủ được năm đức hạnh này chăng? Đó chính là Đức Khổng Tử!

1) Ôn hòa(Ôn). "Ôn" tức là ôn hòa, không nóng không lạnh, ấm áp vừa chừng. Nếu quý vị suốt ngày cứ như Quan Đế Công, chẳng nói chẳng cười, thì là người quá lạnh lùng, lãnh đạm; còn nếu suốt ngày cứ cười đùa hi hi ha ha, thì lại thành ra quá nhiệt tình, quá niềm nở. Đức Khổng Phu Tử thì ôn hòa, mẫu

mực: đáng cười mới cười, đáng nói mới nói; không đáng cười thì không cười, không đáng nói thì không nói.

2) Lương thiện (Lương). Loại đức hạnh thứ hai là "lương thiện," nghĩa là có lương tâm, lòng dạ hiền lành, tốt bụng.

3) Cung kính (Cung). "Cung" tức là đối với bất cứ ai chúng ta cũng cung kính lễ độ, không có thói khinh người.

4) Tiết kiệm (Kiệm). "Kiệm" tức là "kiệm phác"; có nghĩa là tiết kiệm, không làm hư hại, không lãng phí của cải vật chất. Thí dụ về vấn đề ăn uống, đáng lẽ phải ăn năm chén cơm mới thật no, nhưng bây giờ mình chỉ ăn ba chén mà thôi, bớt đi hai chén để dành cho những người đói kém hơn; như thế là tự kiềm chế để tiết kiệm cho chính mình. Có câu:

Cho mình thì nên cần kiệm
Đãi khách thì cần rộng rãi.
(Tự phụng tất tu giản ước,
Yến khách thiết kỵ lưu liên.)

Đối với riêng bản thân mình thì phải cần kiệm, đơn giản, bớt ăn bớt tiêu; những sự chi dụng về đồ ăn thức uống, áo quần giày dép, nơi ăn chốn ở..., thảy đều không nên cầu kỳ, xa xỉ, bày vẽ thái quá. Cho nên, chữ "kiệm" (cần kiệm) này vô cùng quan trọng.

5) Nhường nhịn (Nhượng). Đây là loại đức hạnh thứ năm. "Nhượng" tức là khiêm nhường, nhường nhịn: đối với bất cứ việc gì chúng ta cũng không tranh giành để được ưu tiên, chẳng e sợ về sau mình bị thiệt thòi. "Nhượng" cũng là nhường cho người khác được "đệ nhất": cái gì tốt thì để cho người ta được trước, còn cái gì không tốt thì chính mình lãnh lấy, đó gọi là "nhượng." Chúng ta cần phải học tánh khiêm nhượng, nhường nhịn một cách lễ phép, lịch sự.

Vừa rồi là nói sơ lược về Ngũ Đức. Bây giờ tôi kể cho quý vị nghe một câu chuyện có liên quan đến đức tánh "nhượng" này; đó là "Dung tứ tuế, năng nhượng lê" (Dung lên bốn, biết nhường lê). Ở Trung Hoa, trước thời Tam Quốc, có một người tên là

Khổng Dung giữ một chức quan rất lớn trong triều đình. Thuở ấu thời, lúc Khổng Dung mới được bốn tuổi, có người khách đến nhà biếu một giỏ lê. Người lớn trong nhà bèn bảo Khổng Dung tự chọn lấy cho mình một quả, quý vị thử đoán xem cậu bé bốn tuổi này chọn quả như thế nào? Cậu bé chọn một quả nhỏ nhất trong giỏ!

Bấy giờ, người khách lấy làm lạ, bèn hỏi: "Sao cậu không lấy quả lớn mà lại lấy quả nhỏ thôi vậy?"

Khổng Dung đáp: "Thưa, vì cháu là nhỏ nhất nên ăn quả nhỏ; còn các anh cháu đều lớn hơn cháu, thì nên ăn quả lớn!" Về sau, Khổng Dung được làm quan chức tước rất lớn. Do vì Khổng Dung biết nhường nhịn, để dành quả lê lớn cho các anh, còn mình thì chịu ăn quả nhỏ, nên nói rằng "Dung lên bốn, biết nhường lê."

Lại có một câu chuyện khác, gọi là "Hương lên chín, biết ủ chiếu" (Hương cửu linh, năng ôn tịch). Ở Trung Hoa, đời nhà Hán, có một người tên là Hoàng Hương, mới chín tuổi mà mỗi tối gần đến giờ đi ngủ là lên nằm trên giường của cha mẹ trước, để giường chiếu đều ủ hơi ấm hầu cha mẹ vào ngủ được ấm áp. Sau khi cha mẹ an giấc rồi, Hoàng Hương mới về giường mình nằm ngủ. Đó gọi là "ôn tịch," ủ cho giường chiếu ấm lên, và là một hành động phát xuất từ lòng hiếu thảo: trọn hiếu đạo cũng là một đức hạnh vô cùng cao quý.

KINH VĂN:

Ngài Phổ Quảng bạch rằng: "Vâng! Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con vui mừng muốn được nghe."

Đức Phật bảo Bồ Tát Phổ Quảng: "Trong đời vị lai, như có thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào nghe được danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hoặc là chắp tay, hoặc là tán thán, hoặc là đảnh lễ, hoặc là luyến mộ, người đó sẽ qua khỏi tội khổ trong ba mươi kiếp.

Này Phổ Quảng! Như có thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào, hoặc tô vẽ hình tượng, hoặc dùng đất, đá, keo, sơn, vàng,

bạc, đồng, sắt, tạc tượng Bồ Tát này, rồi cứ một lần chiêm ngưỡng một lần đảnh lễ, thì người đó sẽ được sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba một trăm lần, vĩnh viễn không phải đọa vào ác đạo.

Giả sử phước trời đã hết, phải sanh xuống nhân gian, cũng vẫn làm vị Quốc Vương, không hề mất sự lợi lớn."

LƯỢC GIẢNG:

Ngài Phổ Quảng bạch với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni **rằng: "Vâng! Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con vui mừng muốn được nghe.** Hiện tại chúng con đều sẵn sàng và hoan hỷ lắng nghe."

Đức Phật bảo Bồ Tát Phổ Quảng: "Trong đời vị lai, như có thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào, kẻ nam hay người nữ nào có thọ Ngũ Giới và biết hành Thập Thiện, **nghe được danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hoặc là chắp tay, hoặc là tán thán..."** Người đó có thể trầm trồ nói rằng: "Ồ! Bồ Tát Địa Tạng quả là một vị Đại Bồ Tát. Ngài thật là từ bi, lại còn có thần thông diệu dụng nữa; thật là bất khả tư nghì!"

"Hoặc là đảnh lễ, hoặc là luyến mộ..." Có người trông thấy tượng của Bồ Tát Địa Tạng thì sanh lòng "luyến mộ": không đành lòng bỏ đi, cứ đứng mãi ở đó mà lưu luyến ngắm nhìn tôn tượng, đến nỗi quên ăn quên uống, quên hết mọi chuyện. Đây cũng giống như người đã say mê, ham thích một việc gì rồi, thì quên hết tất cả những việc khác vậy.

Như thế, nếu có người thiện nam hay tín nữ nào khi nghe được danh hiệu hoặc trông thấy hình tượng của Đại Bồ Tát Địa Tạng, liền cung kính chắp tay, thành tâm khen ngợi, hướng về tôn tượng mà cúi lạy, quyến luyến không rời, thì **"người đó sẽ qua khỏi tội khổ trong ba mươi kiếp.** Tất cả nghiệp tội trong ba mươi kiếp của người đó đều được tiêu tan."

"Này Phổ Quảng! Như có thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào, hoặc tô vẽ hình tượng, hoặc dùng đất, đá, keo, sơn, vàng, bạc, đồng, sắt, tạc tượng Bồ Tát này..." Đức Phật lại gọi Bồ Tát Phổ Quảng mà bảo rằng: "Giả sử có kẻ nam hay người nữ nào có thọ Ngũ Giới và hành Thập Thiện, có thể dùng bảy màu

sắc để tô vẽ tượng Bồ Tát Địa Tạng, dùng đất sét để nặn tượng Bồ Tát Địa Tạng, khắc chạm tượng Bồ Tát Địa Tạng trên đá, dùng nhựa để đắp tượng Bồ Tát Địa Tạng, dùng sơn để tô vẽ tượng Bồ Tát Địa Tạng, dùng vàng bạc để tạo tượng Bồ Tát Địa Tạng, hoặc dùng đồng hay sắt để tạo tượng Bồ Tát Địa Tạng...; **rồi cứ một lần chiêm ngưỡng, một lần đảnh lễ, thì người đó sẽ được sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba** (trời Đao Lợi) **một trăm lần, vĩnh viễn không phải đọa vào ác đạo.** Nhờ công đức lễ bái Bồ Tát Địa Tạng mà người đó mãi mãi không bị đọa lạc vào đường ác."

"Giả sử phước trời đã hết, phải sanh xuống nhân gian, cũng vẫn làm vị Quốc Vương, không hề mất sự lợi lớn." Khi các thiện nam tín nữ ấy đã hưởng hết phước báo ở cõi trời của họ rồi và phải sanh trở lại về cõi người, thì họ sẽ được sanh làm vua làm chúa. Cho nên, những vị Quốc Vương trên thế gian hiện nay đều là những người trước kia đã từng cung kính lễ lạy Địa Tạng Vương Bồ Tát. Ngay cả những vị Tổng Thống cũng vậy, họ đều nhờ đã lễ bái Bồ Tát Địa Tạng mà có được đôi chút công đức, và họ cũng sẽ không bao giờ đánh mất sự lợi ích lớn lao nhất này.

KINH VĂN:

"Giả sử có người nữ nào nhàm chán nữ thân, hết lòng cúng dường tượng vẽ của Bồ Tát Địa Tạng, cùng những tượng bằng đất, đá, keo, sơn, đồng, sắt, v.v..., ngày ngày như thế, không hề thối chuyển; lại thường đem hoa, hương, đồ ăn, thức uống, y phục, gấm lụa, tràng phan, tiền bạc, vật báu v.v... cúng dường; thì người thiện nữ đó sau khi mãn một báo thân nữ hiện tại, thời đến trăm ngàn muôn kiếp còn không sanh vào thế giới có người nữ, huống hồ là thọ lại nữ thân!

Trừ phi vì nguyện lực từ bi, muốn thọ nữ thân để độ thoát chúng sanh, còn thì nương nơi sức cúng dường Ngài Địa Tạng cùng sức công đức, trong trăm ngàn muôn kiếp chẳng còn phải thọ nữ thân nữa."

LƯỢC GIẢNG:

"Giả sử có người nữ nào nhàm chán nữ thân..." Quý vị nữ giới đừng tưởng rằng làm thân nữ là một điều tốt đẹp mà vội sanh lòng tự mãn, bởi cái thân nữ này có rất nhiều sự phiền toái rắc rối.

Vì sao nói thân nữ có nhiều phiền toái? Quý vị chớ cho rằng tôi cố ý nói như thế để quý vị chán ghét thân nữ, rồi đòi xuất gia làm Tỳ Kheo hay Tỳ Kheo Ni! Thân thể của người nữ quả thật có rất nhiều phiền toái, cho nên cũng có nhiều người nữ không bằng lòng với cái thân mà họ đương có này.

Vì sao phải làm thân người nữ? Quý vị hãy nghiền ngẫm đạo lý này: Nếu hiện đời, quý vị mang nặng những tập khí như ganh ghét đố kỵ, chướng ngại, tham lam, ích kỷ, ưa lợi dụng, thích trau chuốt, thích làm duyên làm dáng, vân vân ..., thì đời sau quý vị phải sanh làm người nữ. Thế nhưng, nếu quý vị cung kính chiêm lễ Địa Tạng Vương Bồ Tát, thì vấn đề sẽ được giải quyết, quý vị sẽ không phải làm thân nữ nữa; còn nếu không giải quyết được vấn đề này, tức là quý vị sẽ phải mang thân nữ, và như thế thì chẳng vui vẻ gì cả bởi thân nữ thì có năm điều chướng ngại (Ngũ Chướng) và mười việc xấu (Thập Ác).

Năm sự chướng ngại của thân nữ là gồm có những gì? Đó là:

1) Người nữ không thể làm Đại Phạm Thiên Vương.

Tại sao người nữ lại không thể làm Đại Phạm Thiên Vương? Bởi vì Đại Phạm Thiên Vương vốn do tu hạnh thanh tịnh mà thành ("phạm" có nghĩa là thanh tịnh, trong sạch); trong khi đó, thân thể người nữ có nhiều nhiễm ô bất tịnh, không được sạch sẽ, cho nên không thể nào làm Đại Phạm Thiên Vương được.

2) Người nữ không thể làm Đế Thích (Thiên Chủ).

Thế thì quý vị sẽ thắc mắc rằng vị Thiên Chủ của cõi trời Tam Thập Tam không phải là người nữ sao? Đúng vậy! Có điều, vị ấy đã chuyển thành thân nam; cho nên Thiên Chủ vẫn là nam, chứ không phải nữ. Đế Thích thì rất ít dục niệm; còn người nữ thì lòng dâm dục nặng nề, cho nên không thể làm Thiên Chủ được.

3) Người nữ không thể làm Ma Vương.

Điều này là tốt nhất! Ma Vương vốn rất cang cường, lại vô cùng cứng rắn; còn người nữ thì quá yếu đuối, hễ có việc gì xảy ra là liền hoảng hốt, bối rối, mất tự chủ, phải cầu cứu người khác, cho nên không thể làm Ma Vương được.

4) Người nữ không thể làm Chuyển Luân Thánh Vương (Luân Vương).

"Luân Vương" tức là Kim Luân Thánh Vương, Ngân Luân Thánh Vương, Thiết Luân Thánh Vương và Đồng Luân Thánh Vương.

Vì sao người nữ không thể làm Chuyển Luân Thánh Vương? Chuyển Luân Thánh Vương thì rất từ bi, rất nhân hậu, thường dạy người đời trì Ngũ Giới, hành Thập Thiện; còn người nữ thì tâm địa nhỏ nhen, lòng đố kỵ rất lớn, cái gì cũng so đo ganh tỵ cả, hễ thấy người khác được điều gì tốt đẹp là trong bụng mình liền bứt rứt xốn xang, sanh tâm ghen ghét. Bởi đố kỵ là bản tánh của người nữ, cho nên họ không thể làm Chuyển Luân Thánh Vương được.

5) Người nữ không thể làm Phật, không thể thành Phật.

Thân Phật thì có vạn đức trang nghiêm; còn thân người nữ thì lại quá nhiều nhơ uế, nhiều xấu ác, lại thường đố kỵ chướng ngại, tâm lượng hẹp hòi, tâm tướng nhỏ nhoi như hạt mè vậy, cho nên người nữ không thể thành Phật được.

Tuy rằng người nữ có năm sự chướng ngại như thế, nhưng nếu họ không còn lòng đố kỵ, không còn lòng dâm dục, không còn yếu đuối nhẹ dạ, không còn những nhơ uế xấu ác, không còn tâm nhiễm ô bất tịnh, thì họ có thể được chuyển nữ thành nam; cho nên, họ vẫn có hy vọng. Điển hình là trường hợp của Long Nữ, con gái của Long Vương. Khi nghe Tôn Giả Xá Lợi Phất nói cô ta không thể thành Phật, Long Nữ bèn lấy viên bảo châu mà cô yêu thích nhất, không đành lòng cho đi nhất, đem cúng dường cho Đức Phật. Phật hoan hỷ thọ nhận sự cúng dường của cô ta.

Bấy giờ, Long Nữ hỏi Tôn Giả Xá Lợi Phất rằng: "Tôi có thể thành Phật ngay bây giờ. Ngài xem, tôi đem bảo châu cúng

dường cho Đức Phật và Phật đã đón nhận; chẳng hay việc đó có nhanh chóng chăng?"

Ngài Xá Lợi Phất đáp: "Thật rất nhanh chóng!"

Long Nữ bèn nói: "Bây giờ tôi thành Phật cũng nhanh chóng như thế, nhanh như tôi đem bảo châu dâng cúng cho Đức Phật vậy!" Nói vừa dứt lời thì Long Nữ quả nhiên liền chứng đắc Phật thân, tức thời thành Phật.

Cho nên, quý vị nữ giới đừng than thân trách phận hoặc chán ghét cuộc đời, cũng đừng nghĩ là vì có Ngũ Chướng mà mình không còn hy vọng! Chỉ e rằng quý vị phát tâm không được dũng mãnh mà thôi, chứ nếu phát tâm một cách dũng mãnh thì ai nấy đều được thành Phật như nhau cả. Trường hợp "Long Nữ hiến châu, tức khắc thành Phật," đó là nhờ cô ta dũng mãnh xả bỏ, đem hạt bảo châu là vật mà mình yêu quý nhất dâng cúng cho Đức Phật, cho nên lập tức được thành Phật.

Về mười điều xấu (Thập Ác) của người nữ, bây giờ tôi chỉ nói sơ lược thôi, chứ không giảng giải cho cặn kẽ được, vì e rằng chúng ta không có đủ thì giờ.

-Điều xấu thứ nhất là ngay từ khi vừa lọt lòng, đứa con gái liền làm cho cha mẹ không vui rồi, bởi đó là con gái, nếu là con trai thì cha mẹ rất vui mừng. Tuy rằng không phải là cha mẹ nào cũng đều như thế cả, song có thể nói rằng hầu hết mọi quốc gia đều có một phong khí tương đồng, đó là thích sinh con trai, không thích sinh con gái. Vì thế, vừa mở mắt chào đời, đứa con gái đã gây cho cha mẹ một ấn tượng không vui rồi.

- Điều thứ hai là cha mẹ cảm thấy việc nuôi dưỡng con gái là không có ý nghĩa, không thấy vui.

- Thứ ba, con gái thường có tính rụt rè, nhút nhát, hay sợ sệt. Con trai thì không sợ xấu, trong khi đa số con gái đều sợ xấu, sợ người.

- Thứ tư, cha mẹ thường vì chuyện hôn nhân của con gái mà nhọc lòng lo lắng. Khác với người Mỹ là cha mẹ không bận tâm lắm về chuyện hôn nhân của con cái, tại nhiều quốc gia, như Trung Hoa chẳng hạn, lại có phong khí là cha mẹ đặc biệt quan

tâm về việc cưới gả của con cái, nhất là việc tìm cho con gái mình một người chồng tốt.

- Thứ năm, con gái rồi sẽ sống xa cha mẹ. Trong tương lai, nhất định con gái sẽ rời bỏ cha mẹ.

- Thứ sáu, con gái sau khi kết hôn thì nể sợ chồng, thận trọng từng li từng tí đối với sự vui buồn của chồng—chồng vui vẻ thì vợ vui theo, chồng nổi nóng thì vợ khép nép sợ hãi.

- Thứ bảy, từ khi thai nghén cho đến lúc sinh nở còn rất nhiều khó khăn trắc trở, người con gái cảm thấy rất lo âu, sợ hãi.

- Thứ tám, khi người con gái phạm lỗi lầm thì mọi người đều trách móc cha mẹ cô ta, rằng họ đã sinh ra một đứa con gái hư hỏng. Cho nên, con gái nết na đức hạnh thì không nói làm gì; rủi mà ăn ở vụng về thì cha mẹ sẽ bị mang tiếng xấu.

- Thứ chín, người con gái thường bị chồng quản chế, không cho phép làm việc này việc nọ. Có rất nhiều phép tắc hạn chế mà người vợ phải tuân theo; bằng không, nếu không phục tòng thì sẽ bị chồng bỏ, buộc phải ly hôn.

Quý vị xem, thật là quá nhiều rắc rối phiền phức, có phải không? Trên đây là chín điều không tốt có thể xảy ra lúc người nữ còn trẻ.

- Thứ mười, người nữ đến khi già cả thì lại bị con cái, cháu chắt xem thường. Con trai, con gái, hoặc cháu nội cháu ngoại, nghĩ rằng: "Bà đã già yếu đến thế rồi mà vẫn chưa chịu chết!" Có câu: "Già mà chưa chết thì thành kẻ cắp": ngay cả con cái cũng mắng mẹ nữa, quý vị xem có đáng thương không?

Cho nên, người nữ có rất nhiều sự phiền toái phức tạp. Trên đây là mười điều xấu (Thập Ác) của thân nữ; ngoài ra còn có hai mươi điều nữa, nếu kể ra nữa thì nhiều quá, nói không hết được.

Bây giờ chúng ta trở lại với phần kinh văn. Lúc đó, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo Bồ Tát Phổ Quảng rằng: "Nếu có người nữ nào vì thấy thân nữ không thanh tịnh nên sanh lòng chán ghét, không thích cái thân đó nữa, thì phải làm thế nào? Thì người nữ đó phải **hết lòng cúng dường tượng vẽ của Bồ Tát**

Địa Tạng, cùng những tượng bằng đất, đá, keo, sơn, đồng, sắt, hoặc là tượng bằng gỗ, **v.v..., ngày ngày như thế, không hề thối chuyển.** Nếu người nữ đó có thể mỗi ngày đều đặn cúng dường tôn tượng của Bồ Tát Địa Tạng như thế, **lại thường đem hoa, hương, đồ ăn thức uống, y phục, gấm lụa, tràng phan, tiền bạc, vật báu v.v... cúng dường** Địa Tạng Vương Bồ Tát, **thì người thiện nữ đó sau khi mãn một báo thân nữ này, thời đến trăm ngàn muôn kiếp còn không sanh vào thế giới có người nữ, huống hồ là thọ lại nữ thân!"** Sau khi báo thân nữ ở đời này hết rồi, thì cả trăm ngàn vạn kiếp về sau, người thiện nữ đó vĩnh viễn không còn sanh vào thế giới có người nữ nữa. Như vậy thì thế giới nào là thế giới không có người nữ? Chính là thế giới Tây Phương Cực Lạc!

Hiện tôi đã thỉnh tượng vẽ của Địa Tạng Vương Bồ Tát về đây, cũng là để giúp đỡ những người nữ, nếu có ai không muốn mang thân nữ nữa thì hãy thành tâm chiêm lễ, cúng dường tượng vẽ của Ngài.

"Trừ phi vì nguyện lực từ bi, muốn thọ thân nữ để độ thoát chúng sanh." Tuy nhiên, có nhiều người mang thân nữ là do tự nguyện: "Tôi nguyện làm người nữ. Tôi muốn dùng thân nữ để giáo hóa, độ thoát chúng sanh!"

Trong số quý vị có thể có người đã từng phát nguyện, muốn dùng thân nữ để độ chúng sanh, cho nên hiện đời mặc dù không thích mang thân nữ, cũng vẫn sanh làm người nữ rồi. Điển hình là trường hợp của Phật Mẫu Ma-Da Phu Nhân. Phật Mẫu dùng Đại Huyễn Tam Muội mà dạo chơi trong chốn nhân gian, Bà phát nguyện làm mẹ của tất cả đức Phật hạ sanh ở thế gian. Cho nên, một ngàn đức Phật xuất thế (Phật Thích Ca Mâu Ni là đức Phật thứ tư), thì Ma-Da Phu Nhân đều là mẫu thân của cả ngàn vị: đó là hạnh nguyện của Bà.

Lại như trường hợp của Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài vốn là "phi nam phi nữ": chẳng phải thân nam cũng chẳng phải thân nữ. Tuy nhiên, vì biết rằng tất cả chúng sanh trên thế gian đều thích người nữ có dung mạo mỹ miều, Ngài bèn thị hiện làm một

người nữ vô cùng xinh đẹp, đến thế giới Ta Bà để cứu độ chúng sanh.

Quý vị cũng nên học theo hạnh của Bồ Tát Quán Thế Âm, phải độ thoát chúng sanh, song phải cẩn thận, đừng để cho chúng sanh "độ" lại mình. Nói như vậy là thế nào? Nghĩa là quý vị có hảo ý muốn độ chúng sanh, muốn làm cho chúng sanh lìa khổ được vui, nhưng nếu không khéo thì quý vị chẳng những không độ nổi chúng sanh mà bản thân mình cũng bị rơi vào bể khổ, bị cuốn theo dòng nước, không còn định lực nữa. Lại cũng có nghĩa là nếu quý vị cứ cắm đầu cắm cổ chạy theo ái tình, thì sẽ bị ái tình vây khốn mà trở thành mê muội. Bồ Tát Quán Thế Âm tuy hiện thân nữ, nhưng Ngài không bị mê đắm trong tình ái. Ngài chân chánh yêu thương, che chở chúng sanh, muốn cứu độ chúng sanh; Ngài có thể cứu độ được chúng sanh mà vẫn giữ cho chính mình không bị trầm luân trong biển khổ.

Cho nên, trừ khi là do nguyện lực của chính mình muốn mang thân nữ để cứu độ chúng sanh, **"còn thì nương nơi sức cúng dường Ngài Địa Tạng cùng sức công đức, trong trăm ngàn muôn kiếp chẳng còn phải thọ nữ thân nữa."** Nhờ nhân duyên sức cúng dường Địa Tạng Vương Bồ Tát cùng sức công đức có được từ sự cúng dường này, người thiện nữ đó trong trăm ngàn vạn kiếp về sau đều không phải làm thân người nữ nữa!

KINH VĂN:

"Lại nữa, này Phổ Quảng! Nếu có người nữ nào chán thân xấu xí và nhiều bệnh tật, đến trước tượng của Địa Tạng Bồ Tát, chí tâm chiêm lễ trong chừng một bữa ăn, người nữ đó trong ngàn muôn kiếp sẽ được thọ sanh thân hình tướng mạo viên mãn. Người nữ xấu xí đó, nếu không nhàm chán thân gái, thì trong trăm ngàn muôn ức đời thường làm Vương Nữ, cho đến Vương Phi, hoặc con gái dòng dõi Tể Phụ, Đại Quan, Đại Trưởng Giả, đoan chánh thọ sanh, các tướng viên mãn.

Do chí tâm chiêm lễ hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát mà được phước như thế."

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật dạy tiếp: **"Lại nữa, này Phổ Quảng! Nếu có người nữ nào chán thân xấu xí và nhiều bệnh tật..."**

Trên thế gian này, cùng là con người song tại sao có người thì tướng mạo đẹp đẽ xinh xắn, có người lại xấu xí cục mịch? Hoặc có người thì thân thể tráng kiện, có người lại ốm đau quặt quẹo? Vì lẽ gì mà có những sự khác biệt như thế?

Có mười nghiệp dữ (Thập Ác Nghiệp) khiến cho tướng mạo con người bị xấu xí; những gì là mười?

- Ác nghiệp thứ nhất là thường hay phẫn nộ, thích sanh lòng căm phẫn. Chữ "phẫn" này là một trong hai mươi thứ phiền não; còn "nộ" là phát cáu, nổi giận.

Người nữ đa số dễ nổi nóng, dễ giận hờn. Tuy rằng không phải người nữ nào cũng như vậy, nhưng phần đông thì đều là dễ nổi giận; họ có thể vì một cây kim hay một sợi chỉ mà sanh ra giận dữ, tức tối. Nổi giận, nổi nóng là đặc tính của người nữ.

- Ác nghiệp thứ hai là trong lòng thường chất chứa một mối hiềm nghi và ghét hận. Người nữ thường có tánh đa nghi, cái gì cũng hoài nghi cả; lại còn có thêm lòng phẫn hận nữa. Họ "hận người," cho rằng ai cũng có lỗi, cũng đắc tội với mình, cũng đáng cho mình thù ghét cả.

- Ác nghiệp thứ ba là gì? Là ưa nói dối, thích mê hoặc người khác: làm cho người khác bị điên điên đảo đảo, không biết thế nào cho phải nữa.

- Ác nghiệp thứ tư là gì? Là thích não loạn chúng sanh: đa số người nữ rất thích điều này.

- Ác nghiệp thứ năm là không có lòng ái kính chân thành đối với cha mẹ; cũng có người có vậy, nhưng đa số thì không.

- Ác nghiệp thứ sáu là không sanh tâm cung kính đối với nơi chốn tôn nghiêm của Thánh Hiền và Thiện Thần. (Những vị tu học Phật Pháp mà chứng quả A La Hán đều được gọi là bậc "Thánh Hiền.") Thậm chí ở trước mặt đức Phật, ở chùa chiền, đa

số người nữ cũng không sanh lòng cung kính, không có được lòng cung kính chân chánh.

- Ác nghiệp thứ bảy là xâm đoạt tài sản ruộng vườn nhu yếu của Thánh Hiền. Ác nghiệp này chỉ nói về một số người nữ mà thôi, chứ không phải ai cũng như vậy. "Xâm đoạt" tức là cướp lấy, chiếm đoạt một cách ngang ngược.

- Ác nghiệp thứ tám là thường dập tắt những ngọn đèn thắp trước tượng Phật ở trong chùa hoặc trong tháp thờ Phật, không để đèn tiếp tục cháy sáng nữa. Đây là hành vi thứ tám dẫn đến quả báo xấu xí. Thật ra, cũng rất ít người nữ nào lại thổi tắt đèn thắp trước tượng Phật như thế.

- Ác nghiệp thứ chín là thấy người nào xấu xí thì liền sanh lòng chê bai, khinh miệt, nói rằng: "Ôi! Người gì mà xấu xí quá sức, thật là chẳng ai dám nhìn!" Người nữ thường có thói khinh người như thế—song le, thấy người ta xấu xí mà khinh thường người ta, kết quả là chính bản thân mình cũng bị xấu xí luôn! Quý vị phải biết rằng, trong tự tánh của mình vốn có "tấm gương thu hình"; khi quý vị nhìn thấy một kẻ xấu xí rồi sanh lòng khinh mạn, thì tất cả đều được ghi nhận và thu vào "tấm gương" của quý vị; và đến đời sau, quý vị phải đầu thai làm kẻ còn xấu xí tệ hơn người đó nữa.

- Ác nghiệp thứ mười là thích học theo hoặc bắt chước theo những thói hư tật xấu (ác hạnh), những hành vi không chánh đáng.

Trên đây là mười thứ ác nghiệp hay mười nguyên nhân dẫn đến việc thọ quả báo tướng mạo xấu xí. Lại có mười nguyên nhân khiến cho thân thể mang nhiều bệnh tật; những gì là mười?

- Thứ nhất, là thích đánh đập mọi loài chúng sanh. Bất luận là chúng sanh nào, hễ trông thấy là đều muốn đánh đập: đây là nguyên nhân đầu tiên của quả báo thân thể phải mắc nhiều bệnh khổ.

- Nguyên nhân thứ hai dẫn đến quả báo bệnh tật khổ sở là xúi giục hoặc sai bảo người khác đánh đập chúng sanh: chó, mèo, chuột..., thậm chí cả trẻ em.

- Thứ ba, là khen ngợi việc đánh nhau. Khen ngợi cái gì? Trầm trồ, khen ngợi cách đánh đập, hành hạ chúng sanh. Do vì tán thưởng cách đánh đập của người khác, nên chính bản thân mình phải chịu quả báo nhiều bệnh tật.

- Thứ tư, là thấy sự đánh đập mà vui mừng. Có những kẻ thấy người khác đánh đập chúng sanh thì trong lòng lại vui mừng hớn hở, cho là chuyện thú vị: "Hay thật! Đáng đời! Đánh thật là đẹp mắt!"; xem ra còn thú vị hơn cả coi xi-nê nữa!

- Thứ năm, là thấy chúng sanh bệnh tật đau đớn rên siết, thì trong lòng lại hân hoan vui sướng. Có nhiều người hễ thấy kẻ khác bị ốm đau bệnh hoạn, thì trong lòng lại mừng rỡ, thích thú: "Có chúng sanh bị đau ốm rồi. Ồ! Hay quá! Có thế chứ, hắn bệnh rồi đấy!" Họ không cảm thông thương xót đã đành, lại còn vui cười mừng rỡ nữa.

- Thứ sáu, là thấy người bệnh được bình phục thì trong lòng cảm thấy không vui. Có những kẻ thấy người khác mắc bệnh song sau đó được thuyên giảm hoặc khỏi hẳn thì họ không vui, chính vì thế cho nên kiếp sau chính bản thân họ phải chịu quả báo nhiều bệnh tật, hay đau ốm.

- Thứ bảy, là cho chúng sanh uống thứ thuốc không đúng bệnh. Có những người đem thuốc cho chúng sanh bị bệnh, họ cho thứ thuốc gì? Họ cho thứ thuốc không phải trị đúng chứng bệnh mà chúng sanh đó đương mắc phải. Ví dụ, như người bệnh đau đầu thì họ lại cho thuốc đau bụng, chẳng những thế, họ còn huênh hoang: "Quý vị xem, tôi cho bệnh nhân uống thuốc rồi đó."

- Thứ tám, là thấy người bệnh được thầy thuốc tận tâm chữa trị cho, thì sanh lòng đố kỵ, ghen ghét, nói rằng: "Ôi! Ông bác sĩ đó tốt nhất là chết sớm đi, khỏi cần phải trị bệnh cho hắn nữa! Thấy mà gai mắt!"

- Thứ chín, là thấy người khác ốm đau bệnh hoạn thì lại vui thích, còn mong sao người đó cứ luôn luôn ốm đau, mãi mãi bị bệnh tật hành hạ.

- Thứ mười, là thích ăn vặt, ăn luôn miệng. Mới vừa ăn xong chưa kịp tiêu hóa hết thì lại ăn nữa, miệng lúc nào cũng thấy thèm ăn, muốn ăn luôn miệng, không ngừng nghỉ.

Do mười thứ ác nghiệp này mà phải thọ quả báo nhiều ốm đau bệnh tật.

Chúng sanh sở dĩ tướng mạo xấu xí hoặc thân thể nhiều bệnh tật là đều do phạm vào hai mươi ác nghiệp kể trên mà ra. Nếu không phạm vào hai mươi ác nghiệp đó thì sao? Thì tướng mạo không bị xấu xí, thân thể cũng không bị nhiều bệnh tật.

Như vậy, nếu bị xấu xí và nhiều bệnh tật thì phải làm thế nào? Thì hãy **"đến trước tượng của Địa Tạng Bồ Tát, chí tâm chiêm lễ**, dùng cái tâm thành khẩn thiết tha mà chiêm ngưỡng lễ bái Bồ Tát Địa Tạng **trong chừng một bữa ăn**, trong một khoảng thời gian ngắn ngủi lâu bằng ăn xong một bữa cơm**, người nữ đó trong ngàn muôn kiếp sẽ được thọ sanh thân hình tướng mạo viên mãn."**

Thế nào gọi là "tướng mạo viên mãn"? Đó là mắt thì giống hình dạng của mắt, tai thì có dáng vẻ của tai. Thế thì, quý vị nói mắt như thế nào là không giống mắt? Thông thường, chúng ta thấy hầu hết mọi người đều có đôi mắt dài dài tựa như hạt hạnh nhân vậy, nhưng có kẻ lại có con mắt hình tam giác hoặc vuông vức bốn cạnh; hoặc đa số có tai dài, hình đĩnh vàng, song có kẻ lại có vành tai nhòn nhọn như mũi dao vậy; có người thì mũi lại hỉnh lên, lỗ mũi lộ ra ngoài. Nói theo sách tướng, người có tướng mũi như thế là người chẳng có chút phước báo nào cả: đó là tướng bần cùng. Gặp những người có tướng như thế thì quý vị chớ nên kết giao làm bạn, bởi vì làm bạn với họ sẽ chẳng có gì tốt đẹp cả.

Tôi có biết một vị Pháp Sư nọ có tướng mắt hình tam giác và mũi thì lộ ra. Khi còn ở Hương Cảng thì tôi giúp đỡ ông cũng nhiều, nhưng sau đó ông ta lại tráo trở, dùng đủ cách để bôi nhọ, phá hoại tôi. Tuy vậy, tôi cũng chẳng hề trách móc gì ông ta cả. Về sau, ông ta mắc phải chứng ung thư mà chết. Lúc sắp chết vẫn còn ham thể diện, chưa bỏ được cái "mặt" này, ông căn dặn rằng:

Hãy làm như Pháp Sư Từ Hàng vậy, hãy đặt nhục thân của ông ta ngồi trong cái vại lớn rồi niêm lại, sau ba năm thì hãy mở ra xem, nếu nhục thân vẫn còn tươi tốt thì đem ra thếp vàng. Rút cuộc, để chưa tới hai hôm thì đầu của ông đã gục xuống rồi!

Có người nói với tôi rằng nếu là người có công phu tu hành thật sự, thì bất luận chết đã bao nhiêu ngày, nhục thân của họ vẫn trong tư thế đoan nhiên chánh tọa, chứ đầu không gục xuống như thế! Vị Pháp Sư này sang ngày thứ hai đầu đã gục xuống, thế nhưng ông ta còn ham thể diện, dặn đợi đến ba năm rồi mới mở vại. Tuy nhiên, mấy người học trò của ông ta không dám mở vại, vì họ biết rằng không "chắc ăn"! Cho nên, người có tướng mũi lộ ra như thế thì không được tốt cho lắm!

Lại nữa, đàn ông miệng rộng thì tốt, song đàn bà mà miệng rộng thì không tốt, đây là tướng phân nam nữ. Vận hạn của mỗi người, lúc nào thì tốt, lúc nào thì xấu, đều có thể biết được qua tướng mạo. Chỉ cần xem tướng mạo, người ta có thể biết được thời thanh niên quý vị đã thành công như thế nào, thời trung niên sẽ ra sao, và lúc về già hậu vận sẽ như thế nào. Cho nên, sự hiểu biết của người Trung Hoa về lãnh vực tướng số rất uyên thâm, chỉ xem tướng người mà biết được kẻ ấy mai sau tiền đồ có xán lạn hay không.

"Tướng mạo viên mãn" tức là tốt đẹp toàn diện, như Hồng y Yu Bin (Vu Bân) chẳng hạn, tướng mạo của ông ấy vô cùng tốt đẹp, tuổi già được vận may. Quý vị có thể chú ý tướng mạo của ông ấy, mắt, mũi, miệng đều rất cân xứng, hài hòa, tướng người rất phúc hậu, đức độ. Thế nhưng, rốt cuộc ông lại đi lầm đường; nếu theo Phật Giáo, ông ta có thể trở thành một vị Pháp Sư bất khả tư nghị.

"Tướng mạo viên mãn" là quả báo nhờ đã từng niệm Phật, lạy Phật, hoặc lạy những vị Bồ Tát.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy tiếp: **"Người nữ xấu xí đó, nếu không nhàm chán thân nữ,** tuy rằng xấu xí nhưng nếu cô ta vẫn thích thân nữ, vẫn muốn làm người nữ, **thì trong trăm ngàn muôn ức đời thường làm Vương Nữ."** Nhờ lễ bái hình tượng

của Địa Tạng Vương Bồ Tát, cô ta chẳng những được thác sanh làm con gái của vua chúa mà còn được tướng mạo xinh đẹp, viên mãn nữa.

"Cho đến Vương Phi." Thậm chí cô ta có thể được thọ sanh làm vợ vua, **"hoặc con gái dòng dõi Tể Phụ, Đại Quan, Đại Trưởng Giả."** Cô ta có thể được làm con gái của quan Tể Tướng, con gái của bậc Đại Quan, hoặc con gái của vị Đại Trưởng Giả giàu có.

"Đoan chánh thọ sanh, các tướng viên mãn." Tướng mạo của cô ta nhất định là rất đoan trang và vô cùng xinh đẹp, mỹ miều.

Như tôi vừa nói ban nãy, nếu cặp mắt thì xinh đẹp nhưng mũi lại không cân đối, như thế là không viên mãn; mũi rất đẹp mà mắt không cân xứng thì cũng không viên mãn; mắt, mũi đều đẹp cả mà tai lại không đẹp, không tương xứng, thì cũng không gọi là viên mãn, hoàn chỉnh. Chẳng hạn, một tai lớn, một tai nhỏ; một mắt to, một mắt nhỏ; mũi nằm lệch sang một bên mặt; miệng dính liền với mũi, hoặc mũi với miệng không tách rời nhau, không biết đó là mũi hay miệng nữa, các tướng mạo như thế đều là không viên mãn. Cũng đều là có mắt, có tai, có mũi như nhau, nhưng lại không hài hòa, không cân xứng, hoặc là lộn xộn dồn về một chỗ với nhau, mắt, mũi, tai tụ về thành một khối; quý vị nói xem, như thế có dễ coi không? Tướng mạo như thế đều là không viên mãn!

"Do chí tâm chiêm lễ Địa Tạng Bồ Tát mà được phước như thế." Thế thì, tướng mạo viên mãn, các căn hoàn chỉnh, mắt cũng đẹp, tai cũng xinh, mũi cũng tốt, miệng cũng vừa phải, mặt mày đều dễ nhìn, nói chung là tất cả đều đẹp đẽ, tương xứng, là do đâu? Do có lòng tin chí thành, tha thiết chiêm ngưỡng và đảnh lễ Bồ Tát Địa Tạng mà được thọ hưởng phước báo tướng mạo đoan trang xinh đẹp như thế!

KINH VĂN:

"Lại nữa, này Phổ Quảng! Như có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào có thể đối trước tượng Bồ Tát mà trổi các thứ kỹ nhạc, cùng ca vịnh, tán thán, cúng dường hương hoa, cho đến khuyến hóa được một người hay nhiều người; hạng người đó ở trong đời hiện tại cùng vị lai thường được trăm ngàn Quỷ Thần ngày đêm theo hộ vệ, không để cho những việc hung dữ đến tai, huống là để cho chịu các tai vạ bất ngờ!"

LƯỢC GIẢNG:

"Lại nữa, này Phổ Quảng! Như có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào có thể đối trước tượng Bồ Tát mà trổi các thứ kỹ nhạc ..." "Kỹ nhạc" tức là âm nhạc; và ở đây là nói đến thứ âm nhạc khen ngợi Địa Tạng Vương Bồ Tát.

"Cùng ca vịnh, tán thán, cúng dường hương hoa, cho đến khuyến hóa được một người hay nhiều người..." Đức Phật dạy tiếp: "Này Bồ Tát Phổ Quảng! Ta lại nói thêm cho Ông biết rằng giả sử có người nam kẻ nữ nào tu hạnh Thập Thiện, có thể đối trước tượng của Bồ Tát Địa Tạng, trổi các thứ kỹ nhạc, hoặc sáng tác một bài hát ca tụng Địa Tạng Vương Bồ Tát, hoặc là khen ngợi Địa Tạng Vương Bồ Tát, hoặc là mang hương mang hoa đến cúng dường Địa Tạng Vương Bồ Tát, hoặc là khuyên được một người phát tâm cung kính cúng dường Địa Tạng Vương Bồ Tát, hoặc là khuyên được rất nhiều người sanh lòng cung kính cúng dường Địa Tạng Vương Bồ Tát**; hạng người đó** (những người tự mình biết cúng dường, lại còn khuyên được kẻ khác cúng dường) **trong đời hiện tại cùng vị lai thường được trăm ngàn Quỷ Thần ngày đêm theo hộ vệ, không để cho những việc hung dữ đến tai, huống là để cho chịu các tai vạ bất ngờ!"**

Những người có thể "tự hóa, hóa tha," tự độ chính mình được rồi bèn muốn cứu độ tha nhân đó, thì ngay trong đời này và luôn cả đời sau, thường được rất nhiều Thiện Thần Hộ Pháp theo phù hộ; và còn khiến cho những tiếng ác, những lời hung dữ, những âm thanh không kiết tường không vẳng đến tai của họ,

huống hồ là để chính bản thân họ chịu đựng những việc không như ý.

"Các tai vạ bất ngờ" (chư hoạnh) tức là những rủi ro xảy ra đột ngột, bất trắc, như bị xe đụng chết, bị nước dìm chết, bị lửa thiêu chết, rớt máy bay chết, xe lửa lật chết, xe đò rớt xuống khe núi, ... những cái chết như thế đều gọi là "hoạnh tử." Thế nhưng, bây giờ những thiện nam tín nữ nói trên không còn phải lo âu về những vấn đề ấy nữa, vì sao? Là vì có rất nhiều Hộ Pháp Thiện Thần thường xuyên theo bảo vệ họ!

Hôm qua có người phàn nàn là không dám đi máy bay, sợ máy bay bị rớt. Điều này không có gì đáng phải lo sợ cả, quý vị chỉ cần niệm được *Chú Đại Bi* và *Chú Lăng Nghiêm*, thì sẽ có rất nhiều Thiên Long Bát Bộ, Hộ Pháp Thiện Thần theo phù hộ quý vị. Dù đến bất cứ nơi nào, chỉ cần quý vị đừng khởi vọng tưởng, luôn luôn tin tưởng Bồ Tát, thì Bồ Tát nhất định sẽ che chở cho quý vị. Người tin Phật thì đừng sợ hãi, cũng đừng sợ quỷ, bởi loài quỷ trông thấy quý vị thì đều phải cúi đầu, vì quý vị có công đức. Nếu quý vị không có công đức thì sao? Nếu quý vị không biết làm việc tốt, thì sẽ có những việc không may xảy ra; còn nếu ngày ngày quý vị đều tu tâm dưỡng tánh, giữ lòng hảo tâm, chăm làm thiện sự, thì sẽ không thể có điều gì không may xảy ra cho quý vị cả.

KINH VĂN:

"Lại nữa, này Phổ Quảng! Trong đời sau như có ác nhân cùng ác thần, ác quỷ nào thấy kẻ thiện nam, thiện nữ quy kính cúng dường, tán thán, chiêm lễ hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng, mà vọng sanh khinh chê là không có công đức cùng sự lợi ích, hoặc nhăn răng ra cười, hoặc chê sau lưng, hoặc khuyên bảo người khác cùng chê, hoặc một người chê, hoặc nhiều người chê, cho đến sanh lòng chê bai trong chừng một niệm; những kẻ như thế, sau khi một ngàn đức Phật trong Hiền Kiếp diệt độ cả, vì tội báo khinh chê nên vẫn còn ở trong địa ngục A Tỳ chịu tội cực nặng.

Qua khỏi kiếp này xong mới thọ thân ngạ quỷ, rồi mãi đến một ngàn kiếp sau mới thọ thân súc sanh; lại phải trải qua một ngàn kiếp nữa mới được thân người. Dầu thọ thân người, nhưng là hạng bần cùng hạ tiện, các căn không đầy đủ, thường hay bị nghiệp ác kết buộc vào tâm, chẳng bao lâu lại phải đọa vào ác đạo."

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật lại bảo Bồ Tát Phổ Quảng rằng: **"Lại nữa, này Phổ Quảng! Trong đời sau như có ác nhân cùng ác thần, ác quỷ nào..."** "Ác nhân" là người phạm tội Ngũ Nghịch, Thập Ác. "Ác thần" là hạng tà thần không giữ quy củ phép tắc gì cả. Có những tà thần thường tới các miếu thờ mạo xưng là thần miếu để thọ đồ cúng tế. Như tại miếu thờ phụng Quan Đế Công chẳng hạn, vì Quan Đế thỉnh thoảng cũng đi đây đi đó, không ở trong miếu thường xuyên, nên tà thần bèn nhân lúc Ngài vắng mặt mới lẻn vào miếu và giả dạng Ngài để thọ dụng huyết tanh của heo, dê, bò... mà người ta mang đến cúng tế.

"Ác quỷ" thì có đại ác quỷ và tiểu ác quỷ. Đại ác quỷ chính là quỷ Cưu Bàn Trà, hình thù tựa như trái bí đao. Loài quỷ này còn được gọi là quỷ "yểm my," bởi chúng thường thừa lúc người nào đó đang say ngủ bèn đè lên thân người ấy, khiến cho người ấy cứ nằm cứng đơ, không nhúc nhích được mà miệng thì ú ớ, thốt không ra tiếng. Đó là một trong những loại đại ác quỷ.

Lại còn có loại tiểu ác quỷ nữa. Các tiểu ác quỷ thường nương náu trên cây cối và thị hiện thần thông, khiến cho người ta tin tưởng chúng. Điển hình là chuyện thọ Giới của cây long não (chương thọ) ở Chùa Nam Hoa (Trung Hoa). Lúc chưa thọ Giới, vị thần cây thường hiển thị thần thông, hễ ai có việc gì mà đến thắp nhang khẩn cầu thần cây thì đều được cảm ứng; cảm ứng như thế nào? Ví dụ như người bị đau ốm đến cầu xin, thì chỉ cần thắp nén nhang là liền được khỏi bệnh ngay; hoặc có người bị mất đồ, bèn thắp hương cầu khẩn, thì liền tìm lại được những đồ đã mất, những chuyện "linh ứng" như vậy xảy ra rất nhiều. Những người đến cầu xin tưởng rằng đó thật là sự linh cảm, là

Bồ Tát hiển linh, nên họ liền giết gà, mổ heo, mang thịt của đủ loại súc sanh đến cúng tế để tạ ơn, và thế là thần cây được hưởng "lộc ăn." Song, thật ra, đó là một loại tiểu ác quỷ tác quái.

Trên thế gian này có rất nhiều chuyện kỳ lạ, cho nên nếu quý vị không hiểu rõ Phật Pháp thì rất dễ nhận lầm các loại ác thần ác quỷ này là Bồ Tát, tưởng rằng có sự linh cảm thật sự. Do vậy, người học Phật Pháp chớ nên nghĩ rằng hễ nơi nào có sự linh ứng mầu nhiệm xảy ra thì đều là Phật Pháp, hoàn toàn không phải như vậy. Quý vị cần phải thông hiểu các đạo lý Phật Pháp một cách chân chánh, thấu đáo, thì mới không dễ bị lầm lẫn.

"Thấy kẻ thiện nam, thiện nữ quy kính cúng dường, tán thán, chiêm lễ hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng, mà vọng sanh khinh chê là không có công đức cùng sự lợi ích ..." Có những ác nhân, ác thần hoặc ác quỷ trông thấy người ta chiêm ngưỡng đảnh lễ hình tượng Bồ Tát thì lại buông lời miệt thị: "Ôi! Các ông các bà còn mê tín quá nhỉ! Cứ dập đầu quỳ lạy mấy cái tượng đất, tượng gỗ đó thì được cái gì chớ? Chẳng được chút công đức nào đâu, các người đừng tin nhảm nữa!"; hoặc lại chế nhạo: "Các ông các bà cứ khom lên khom xuống lạy lục mấy ông phỗng đó để làm gì?" Giống như hiện tại ở nơi này chẳng hạn, cũng có một số ngoại đạo khăng khăng cho rằng việc Phật Giáo lễ bái tượng gỗ là không có công đức, đó cũng là dèm pha, hủy báng vậy.

"Hoặc nhăn răng ra cười." Những kẻ ác đó thấy quý vị lạy Phật thì lại nhe răng cười chế giễu, tỏ vẻ khinh thường, cho rằng quý vị quá mê tín. "Nhăn răng ra cười" tức là lúc trông thấy quý vị đang lạy Phật thì kẻ ấy liền cười chế nhạo ngay trước mặt quý vị.

"Hoặc chê sau lưng." Có khi, những kẻ ác ấy không chê cười trước mặt quý vị, mà đợi quý vị đi khuất rồi, họ mới nhỏ to phê bình: "Mấy người ở *Phật Giáo Giảng Đường* thật là quá mê tín! Tôi thấy họ cứ mặc áo tràng vào, khoác thêm cái y, rồi chúi mũi lạy Phật và lầm rầm tụng Kinh tụng Chú suốt ngày suốt đêm;

chẳng hiểu họ đang làm cái gì và làm như thế thì có lý thú gì chứ?" Chê trách, nói lời xúc phạm kẻ vắng mặt như thế gọi là "chê sau lưng."

Hoặc những kẻ ác đó lại dèm pha, nói rằng mọi việc của quý vị đều là không đúng, và họ xầm xì với nhau: "Tu Đạo một mình thì cần gì phải lạy Phật? Lạy Phật có tác dụng gì? Nếu dùng thời gian đó để ngủ thêm thì tốt biết mấy!" Đó là phê bình, "chê sau lưng" vậy.

"Hoặc khuyên bảo người khác cùng chê." Hoặc kẻ ác ấy chẳng những chính mình chê bai mà còn rủ rê, xúi xiểm nhiều người khác đừng đi tụng Kinh: "Tụng Kinh có gì tốt đâu? Quý vị đừng đi lễ Phật, cũng đừng đi nghe Kinh nữa! Thay vì đi nghe giảng Kinh thì quý vị dùng thì giờ đó để uống một liều LSD, quý vị sẽ có cảm giác lâng lâng bay bổng, mơ màng tưởng chừng như mình đang ở thế giới Cực Lạc vậy; cần gì phải tin vào những việc kia?" Đây chính là "khuyên bảo người khác cùng chê," xúi giục người khác làm sai giống mình, về cùng phe với mình.

Ví dụ, trong đoàn thể Phật Giáo có một người nọ không tuân giữ quy củ; biết là mình yếu thế, cho nên ông ta muốn kiếm một người cũng không giữ quy củ như mình làm "đồng minh," để dễ biện hộ cho hành vi sai trái của mình. Bởi nếu bị chỉ trích, thì ông ta sẽ bào chữa rằng: "Thì người khác cũng như vậy cơ mà!" Có "đồng đảng" thì dù sao cũng có ưu thế hơn!

"Hoặc một người chê, hoặc nhiều người chê." Hoặc chỉ đơn độc một người đi khắp nơi rêu rao phá hoại, hoặc nhiều người tụ tập lại một chỗ rồi cùng nhau chỉ trích, chê bai.

"Cho đến sanh lòng chê bai trong chừng một niệm." Không cần phải lúc nào cũng chê bai mà chỉ trong một niệm, trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, tâm tư chợt dấy lên ý tưởng giễu cợt, phỉ báng.

"Những kẻ như thế, những kẻ nhăn răng ra cười, hoặc chê sau lưng, hoặc một mình chê, hoặc cùng người khác chê, hoặc cùng nhiều người chê, và mặc dù chỉ sanh lòng chê bai trong một niệm ngắn ngủi mà thôi, thì **sau khi một ngàn đức Phật trong**

Hiền Kiếp diệt độ cả, vì tội báo khinh chê nên vẫn còn ở trong địa ngục A Tỳ chịu tội cực nặng."

Kỳ kiếp hiện tại của chúng ta gọi là Hiền Kiếp; vì sao gọi là Hiền Kiếp? Bởi vì trong thời kỳ này có rất nhiều bậc Thánh Hiền (thánh nhân, hiền nhân) xuất hiện ở thế gian. Kỳ Hiền Kiếp có một ngàn (1.000) đức Phật xuất thế, trong đó, Phật Thích Ca Mâu Ni là đức Phật thứ tư; như vậy là còn chín trăm chín mươi sáu (996) đức Phật nữa sẽ xuất thế. Sau khi có một đức Phật xuất thế, phải qua một thời kỳ rất lâu rất dài mới lại có một đức Phật nữa xuất thế; do đó nếu phải đợi cho đến khi chín trăm chín mươi sáu đức Phật đều xuất thế và diệt độ cả, thì thời gian chờ đợi dài biết chừng nào! Vậy mà trải qua suốt kỳ kiếp dài đăng đẳng đó, những kẻ mắc tội báo khinh chê phá hoại Phật Pháp vẫn còn phải thọ tội ở địa ngục A Tỳ.

Quý vị nên biết rằng một ngày một đêm của thế giới chúng ta đang sống thì lâu bằng sáu mươi (60) tiểu kiếp ở địa ngục A Tỳ. Lại nữa, năm mươi (50) năm ở nhân gian thì đối với cõi trời Tứ Thiên Vương chỉ là một ngày một đêm; và một trăm (100) năm ở nhân gian chỉ bằng một ngày một đêm ở cung trời Đao Lợi.

Thế thì, vì sao một ngày một đêm của chốn nhân gian lại tương đương với sáu mươi tiểu kiếp của địa ngục A Tỳ? Con người, nếu hôm nào trong lòng vui vẻ thì cảm thấy một ngày rất ngắn ngủi, thời gian trôi qua rất nhanh; trái lại, nếu ngày nào ưu tư lo lắng, gặp việc không ưng ý, phải chờ đợi một ai đó hoặc đang trông mong điều gì đó, thì lại cảm thấy ngày dài lê thê, thời gian sao đi quá chậm! Từ đó suy ra thì chúng ta cũng có thể biết được do đâu mà một ngày một đêm ở nhân gian lại bằng sáu mươi tiểu kiếp ở địa ngục, bởi ở địa ngục quá đau khổ; khi sống trong sự thống khổ thì người ta thường cảm thấy thời gian đi chậm quá, ngày dài quá, còn lúc hưởng thụ sung sướng thì lại thấy thời gian trôi qua vùn vụt!

"Qua khỏi kiếp này xong, mới thọ thân ngạ quỷ." Sau khi đã chịu tội ở địa ngục A Tỳ trong suốt kỳ Hiền Kiếp một

ngàn đức Phật xuất thế rồi, những kẻ ác mắc tội báo phá hoại Phật Pháp đó lại phải đi làm thân ngạ quỷ.

"Rồi mãi đến một ngàn kiếp sau mới thọ thân súc sanh. Lại phải trải qua một ngàn kiếp nữa mới được thân người." Sau một ngàn kiếp làm ngạ quỷ thì họ được làm thân súc sanh. Làm súc sanh thì cứ sinh ra rồi chết, chết rồi lại sinh ra, luẩn quẩn trong suốt một ngàn kiếp như thế rồi mới được đầu thai làm người. Tuy nhiên, **"dầu thọ thân người, nhưng là hạng bần cùng hạ tiện."** Bấy giờ, mặc dù được mang thân người, nhưng lại thế nào? Lại thuộc hạng nghèo hèn, thấp kém trong xã hội.

Hiện nay, nước Mỹ đang khởi xướng những hoạt động tế bần; thế mà khi vừa đặt chân đến nước này thì tôi liền phê bình công tác "cứu nghèo" này ngay. Sở dĩ tôi nói rằng công cuộc tế bần là không có công dụng gì mấy, bởi vì cái nghèo của con người trong đời này vốn do vô lượng nghiệp tội tạo tác từ vô lượng kiếp cho đến nay. Sự cứu giúp của quý vị chẳng qua là giải quyết vấn đề trong lúc nhất thời mà thôi, chứ không thể nào khiến cho họ vĩnh viễn thoát khỏi cảnh nghèo khó được cả. Nếu thật sự muốn tế bần thì cần phải đề xướng đủ loại công việc từ thiện, đề xướng kêu gọi mọi người làm việc tốt, bỏ ác làm lành, đừng tạo nghiệp tội nữa: như thế mới là chân chánh tế bần. Ngoài ra, cần phải đừng xúi người khác hủy báng Tam Bảo, mà nên đi khắp nơi đề xướng Phật Pháp. Như thế, có Tam Bảo, có Phật Pháp Tăng trụ thế, thì nhân loại có thể trồng phước được. Bởi người biết cúng dường Tam Bảo tất sẽ được phước báo; có phước báo thì về sau sẽ không phải nghèo nàn túng thiếu, đó mới là chân chánh tế bần vậy.

Trong phần kinh văn này nói rõ là người hủy báng Tam Bảo sau khi đã trải qua thời kỳ Hiền Kiếp của một ngàn đức Phật rồi, còn phải đọa địa ngục suốt một ngàn kiếp, trầm luân trong cõi ngạ quỷ một ngàn kiếp, và luẩn quẩn trong cõi súc sanh thêm một ngàn kiếp nữa, rồi sau đó mới được đầu thai làm người. Làm

người thì thế nào? Thì phải sống trong cảnh nghèo nàn túng quẫn, hèn kém vô cùng.

"Các căn không đầy đủ." Những kẻ ác nói trên tuy được mang thân người song các căn không được đầy đủ. Họ có thể sanh làm người song phải mang khuyết tật như không có mắt, không có tai, không có mũi, không có lưỡi, không có tay, không có chân ... nói chung là sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý không đầy đủ trọn vẹn. Vừa rồi tôi có nói là "không có lưỡi"; làm sao lại không có lưỡi được? "Không có lưỡi" ở đây ngụ ý là không nói được. Họ có thể là không có mắt hoặc là chỉ có một con mắt mà thôi. Mọi người đều có hai con mắt, nay có kẻ chỉ có một con mắt, quý vị thử tưởng tượng xem như thế trông có khó coi lắm không? Hoặc người chỉ có một lỗ tai thì thế nào? Trên đây là ví dụ cho những trường hợp sáu căn không toàn vẹn, "các căn không đầy đủ."

"Thường hay bị nghiệp ác kết buộc vào tâm." Nói chung, tuy những kẻ ác ấy được làm người song mọi việc đều không được thuận lợi, suông sẻ như ý muốn: không thiếu ăn thiếu mặc thì cũng thiếu chỗ ở hoặc gặp phải những sự việc xảy ra ngoài ý muốn. "Nghiệp ác" này cũng chính là "các tai vạ bất ngờ" như đã đề cập ở trên.

Những kẻ ấy cứ gặp các "hoạnh sự," bị những việc bất như ý, những việc không tốt lành ràng buộc, làm não loạn tâm trí; rồi **"chẳng bao lâu lại phải đọa vào ác đạo."** Những người ấy làm người chưa được bao lâu thì lại bị đọa vào ba đường ác lần nữa.

Trong phẩm trước có kể rõ rằng bà mẹ của cô Quang Mục đầu thai vào nhà của con gái và đến mười ba tuổi thì phải chết, đọa lạc ác đạo, cũng là một thí dụ điển hình của trường hợp này vậy.

KINH VĂN:

"Cho nên, Phổ Quảng, khinh chê sự cúng dường của người khác mà còn mắc phải tội báo như thế, huống là tự sanh ác kiến hủy diệt!"

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói tiếp: **"Cho nên, Phổ Quảng, khinh chê sự cúng dường của người khác mà còn mắc phải tội báo như thế..."** Khinh chê và hủy báng những người cúng dường Địa Tạng Vương Bồ Tát thì phải nhận lãnh những ác báo nào? Đó là quả báo phải trải qua một ngàn kiếp đày đọa ở chốn địa ngục, một ngàn kiếp trôi nổi trong đường ngạ quỷ, một ngàn kiếp luẩn quẩn trong chốn súc sanh, rồi sau đó mới được đầu thai làm người mà lại là người bần cùng hạ tiện và các căn không toàn vẹn.

Có người thắc mắc: "Có nhất định là phải trải qua đủ số mấy ngàn kiếp như thế rồi mới được làm người không?" Chính thế! Nhất định là như thế! Đây là luật pháp của địa ngục do chính Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tuyên nói. Tuy nhiên, trong đó vẫn có sự ngoại lệ đối với những nhân duyên đặc biệt, cho nên có khi lại không nhất định là phải như thế. Nhân duyên đặc biệt như thế nào?

Ví dụ có kẻ đáng lẽ phải làm ngạ quỷ suốt một ngàn kiếp, song trong lúc đang mang thân ngạ quỷ thì kẻ ấy phát tâm từ bi, tự nguyện trợ giúp những người đang tu Đạo, hoặc thấy người khác lạy Phật, lạy Bồ Tát thì kẻ ấy cũng tùy hỷ phát tâm lễ bái theo và hoan hỷ bảo vệ người tu Đạo; như vậy là trong thời gian thọ tội, kẻ ấy đã lập được công đức thiện lành, nhờ đó kẻ ấy có thể không cần phải đợi hết một ngàn kiếp mới được đi đầu thai làm súc sanh hoặc làm người. Hoặc là có người trong lúc đang mang thân súc sanh thì được may mắn sống gần gũi với những người tin Phật, như được nuôi trong chùa hoặc trong nhà của các cư sĩ Phật tử, ngày ngày được huân tập huân tu cho nên vô hình trung, cũng sanh tín tâm đối với Phật Pháp. Tin Phật rồi thì tội chướng cũng giảm dần, cho nên người ấy không nhất thiết phải

mang thân súc sanh đủ một ngàn kiếp như đã định nữa, mà có thể được thác sanh làm người sớm hơn!

Lúc Hư Vân Lão Hòa Thượng ở Vân Nam (Trung Hoa), có một con gà được mang đến thả nuôi trong chùa, và hằng ngày nó thường lẽo đẽo đi theo những người tu hành ở đó. Khi chư Tăng lên chánh điện niệm Phật thì nó cũng đi theo, và cùng mọi người nhiễu Phật, niệm Phật. Như thế được ba năm thì có một hôm con gà đó đến đứng trước tượng Phật mà vãng sanh. Đây là một trong những trường hợp nhân duyên đặc biệt vậy.

Như vậy, nếu có nhân duyên đặc biệt, thì kẻ đang mang thân súc sanh nói trên không cần phải trải qua một ngàn kiếp nữa mới được làm người. Lại nữa, nếu trong lúc thọ thân làm người bần cùng hạ tiện, kẻ ấy biết được rằng sở dĩ đời này mình phải chịu quả báo nghèo hèn thấp kém, các căn không đầy đủ như thế, là do vô lượng kiếp về trước mình đã từng hủy báng Tam Bảo, không nghe Phật Pháp, không cung kính Địa Tạng Vương Bồ Tát; nên bèn dũng mãnh tinh tấn tu tâm dưỡng tánh, ăn chay niệm Phật hoặc chăm chỉ tu Đạo, thậm chí xuất gia làm Tỳ Kheo, thì kẻ ấy sẽ không phải đọa vào ác đạo lại nữa.

Nói tóm lại, tất cả đều tùy thuộc vào nhân duyên cá biệt của từng chúng sanh. Nếu gặp trường hợp có nhân duyên đặc biệt thì thời gian thọ báo không nhất thiết là phải lâu dài như đã định. Cho nên Phật Pháp rất linh động, uyển chuyển và rất hữu lý. Không phải là đã biết sám hối và sửa đổi rồi, mà sau đó vẫn phải chịu khổ báo lâu dài như thế. Không phải như vậy!

Trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện (*Kinh Hoa Nghiêm*) có nói rằng tội lỗi nghiệp chướng của chúng sanh thì không có hình tướng, chứ nếu có hình tướng cụ thể thì nghiệp tội của mỗi một kẻ trong chúng ta đã choán đầy hết cõi hư không từ lâu rồi. May mà nghiệp chướng không có hình tướng, không nhìn thấy được, không cần chuẩn bị nơi để chứa nó, do đó có nhiều đến bao nhiêu đi nữa thì cũng chẳng hề gì! Nếu quý vị biết ăn năn hối cải thì bao nhiêu tội chướng cũng đều có thể tiêu diệt, vì vậy mới có câu:

"Trước Phật lễ bái, tội diệt vô số."

(Phật tiền đảnh lễ, tội diệt hà sa.)

Quý vị đối trước Phật mà lễ bái, chân thành sám hối, thì bao nhiêu tội chướng (dù nhiều như cát sông Hằng) cũng đều được tiêu tan, không còn nữa. Có câu:

"Buông xả một đồng, phước tăng vô lượng"

(Xả tiền nhất văn, tăng phúc vô lượng.)

Trước Tam Bảo xả bỏ tiền của, dốc lòng bố thí, có bao nhiêu thì hoan hỷ bố thí bấy nhiêu, thì phước báo của quý vị sẽ vô lượng vô biên; song cần phải dốc hết chân tâm, đem lòng chí thành mà cúng dường mới được. Mọi việc đều không có gì là nhất định cả; bởi Pháp không nhất định nên nghiệp chướng của con người cũng không nhất định.

"Huống là tự sanh ác kiến hủy diệt!" Khinh chê người khác cúng dường mà còn phải bị quả báo đọa lạc trong ba đường ác suốt mấy ngàn kiếp, thế thì nếu chính mình nảy sanh ác kiến hủy diệt Tam Bảo, phá hoại Tam Bảo, tội ấy hẳn càng lớn, càng nặng biết bao nhiêu!

KINH VĂN:

"Lại nữa, này Phổ Quảng! Nếu trong đời sau có người nam hay người nữ nào nằm liệt mãi trên giường gối, cầu sống hay cầu chết đều không được, hoặc đêm mộng thấy ác quỷ cho đến kẻ thân thích trong nhà, hoặc đi trên đường hiểm, hoặc nhiều lần bị bóng đè, hoặc cùng quỷ thần dạo chơi..."

LƯỢC GIẢNG:

"Lại nữa, này Phổ Quảng!" Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại gọi Bồ Tát Phổ Quảng mà bảo rằng: "Bồ Tát Phổ Quảng ơi, bây giờ Ta sẽ nói cặn kẽ hơn nữa cho Ông rõ. **Nếu trong đời sau có người nam hay người nữ nào nằm liệt mãi trên giường gối ..."** Giả sử trong đời vị lai, có thiện nam tín nữ nào đó đã thọ Ngũ Giới và biết hành Thập Thiện mà cứ phải nằm một chỗ suốt một thời gian dài.

Tại sao người ấy cứ nằm mãi trên giường? Điều này không cần nói thì quý vị cũng biết được ngay rằng đó là vì người ấy bị bệnh. Chính vì ốm đau lâu ngày không ngồi dậy được, nên bị chứng tê bại. Vì sao người ta bị bệnh tê liệt? Nguyên do của căn bệnh này là bởi lòng dâm dục quá nặng nề. Triệu chứng của bệnh liệt là không đi đứng được. Bởi chân thuộc về thận, nếu dâm dục quá nhiều thì chân bị yếu, đi đứng khó khăn; cũng như quý vị thường thấy ở ngoài đường phố, có rất nhiều người chân bị sưng vù lên, bước đi không được vững vàng, cần phải chống gậy rồi lê từng bước. Tất nhiên, ở đây không phải nói tới những người không đi đứng được bởi chân bị thương tích hoặc què quặt do tai nạn hay bom đạn chiến tranh. Những người được đề cập đến trong phần kinh văn này là những kẻ bẩm sinh lành lặn, không hề bị thương tật cũng không bị tai nạn xe cộ, song không thể đi đứng được. Đây là hạng người có lòng dâm dục quá nặng nề, dâm dục quá nhiều!

Quý vị cũng thấy đó, ở nước Mỹ có rất nhiều người mắc phải bệnh liệt; vì sao ư? Vì họ không biết gì về những tác hại của vấn đề sắc dục, cho nên nay họ phải chịu khổ sở bởi chứng bệnh này; e rằng cho đến lúc nhắm mắt xuôi tay, họ cũng chẳng biết do đâu mà chân của họ lại bị như thế!

"Cầu sống hay cầu chết đều không được." Giả sử có người ốm đau phải nằm một chỗ đến liệt giường liệt chiếu, không nhúc nhích được, muốn sống nhưng chẳng được sống yên vui, mà muốn chết thì lại không được chết liền ngay! Quý vị thấy như thế có đau khổ không chứ? Bệnh nhân đớn đau khổ sở, sống không ra sống, chết không ra chết, thật là dở sống dở chết!

"Hoặc đêm mộng thấy ác quỷ." Bệnh nhân đêm ngủ thường chiêm bao thấy ác quỷ và thấy mình đi theo các ác quỷ đó làm những việc không tốt, và làm càng nhiều thì bệnh càng nặng. Người bệnh ấy nằm mộng thấy ác quỷ và biết rõ ràng đó là ác quỷ, song vẫn cứ đi theo chúng mà ăn những đồ bất tịnh và làm những việc xấu xa, thậm chí hành dâm cả trong mộng nữa.

"Cho đến kẻ thân thích trong nhà." Hoặc là bệnh nhân chiêm bao thấy những người thân đã quá vãng, chẳng hạn như nếu cha đã qua đời thì mộng thấy cha, hoặc mẹ đã qua đời thì mộng thấy mẹ, ... nói chung là thường nằm mộng thấy những bà con thân thuộc đã chết: và đó là hiện tượng không tốt. Bởi vì người bà con đã chết này có quen biết người bệnh, nên có thể dẫn dắt loài quỷ ở ngoài vào nhà của người ấy, rồi kẻ đã chết đó lại bỏ đi. Bấy giờ, loài quỷ được dẫn vào nhà rồi bèn dùng các phép thuật độc hại để làm cho bệnh tình của bệnh nhân càng ngày càng trầm trọng hơn.

"Hoặc đi trên đường hiểm." Hoặc là bệnh nhân nằm mơ thấy mình đi lạc vào con đường hiểm trở (như chạy lên đỉnh núi cheo leo, hễ sẩy chân té xuống là tan xương nát thịt) khiến trong lòng sanh ra hoảng sợ. Trong giấc mơ, người bệnh thường thấy nhiều sự việc không tốt lành, khiến cho mình luôn có cảm giác phập phồng lo sợ, hễ nhớ tới tình cảnh đó là trong lòng vô cùng hoảng hốt, sợ hãi. Cũng có khi người bệnh nằm mơ thấy mình đang đi thì gặp phải hổ, sói hay yêu quái ... hiện ra chận đường. Nói tóm lại là người bệnh cứ chiêm bao thấy xảy ra những việc rất đáng sợ.

"Hoặc nhiều lần bị bóng đè." Hoặc trong giấc mơ, bệnh nhân thấy loài yểm mỵ quỷ Cưu Bàn Trà thường xuyên lui tới, một đêm có khi đến ba lần hoặc năm lần, không nhất định. Nếu đến một lần rồi song cảm thấy nhân duyên của chúng với người bệnh chưa hết, thì chúng lại đến lần nữa, rồi lại thêm lần nữa, và đè người ấy đến nỗi thốt không ra tiếng và cũng không thở, không động đậy gì được cả. Người bệnh bấy giờ hai mắt trợn trừng như nhập "ma định" vậy, và đó là thứ "tà định" chứ không phải là Chánh Định. "Định" cũng có chánh có tà; chúng ta không nên nhập loại "tà định" này.

"Hoặc cùng quỷ thần dạo chơi..." Hoặc là người bệnh chiêm bao thấy mình kết bạn với quỷ thần; mặc dù biết rõ ràng đó là quỷ nhưng vẫn cứ theo chúng đi du ngoạn. Trong giấc mơ thì không thấy sợ quỷ, thức dậy rồi mới cảm thấy sợ hãi.

KINH VĂN:

"Trải qua nhiều ngày nhiều tháng nhiều năm, trở nên gầy mòn, lao sái; trong giấc ngủ kêu gào khổ sở, thảm thiết không vui. Đây đều là do nơi nghiệp đạo còn đang luận đối, chưa quyết định là nhẹ hay nặng, nên hoặc là khó chết, hoặc là khó lành.

Mắt phàm tục của kẻ nam, người nữ không thể biện rõ việc đó, chỉ nên đối trước tượng của chư Phật, chư Bồ Tát, lớn tiếng đọc tụng Kinh này một biến; hoặc lấy những vật ưa thích của người bệnh như y phục, đồ quý báu, nhà cửa, ruộng vườn..., đối trước người bệnh mà lớn tiếng xướng rằng:

'Chúng con, tên đó họ đó, xin vì người bệnh này mà đối trước kinh, tượng, thí xả những vật này để hoặc cúng dường kinh tượng, hoặc tạo hình tượng của Phật, Bồ Tát, hoặc xây dựng chùa tháp, hoặc sắm đèn dầu thắp cúng, hoặc cúng vào Thường Trụ.'

Xướng lên như vậy ba lần để cho người bệnh được nghe biết.

Giả sử các thức của người bệnh đã phân tán, đến hơi thở đã dứt, thì hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, cho đến bảy ngày, cứ lớn tiếng xướng bạch như trên và lớn tiếng tụng Kinh này. Sau khi người bệnh đó mạng chung, thời dẫu cho từ trước có tội nặng, thậm chí năm tội Vô Gián, cũng được thoát khỏi hẳn, thọ sanh nơi nào cũng thường nhớ biết việc đời trước.

Huống nữa là người thiện nam, người thiện nữ nào tự mình biên chép Kinh này, hoặc bảo người biên chép, hoặc tự mình đắp vẽ hình tượng của Bồ Tát, cho đến bảo người khác đắp vẽ, thì quả báo mà người đó thọ nhận tất được lợi ích lớn.

Vì thế, Phổ Quảng, nếu thấy có người nào đọc tụng Kinh này, cho đến chỉ trong một niệm tán thán Kinh này hoặc tỏ lòng cung kính, thì ông phải dùng trăm ngàn phương tiện khuyến hóa người đó phát lòng siêng năng, chớ đừng thối thất, thì sẽ được trăm ngàn vạn ức công đức không thể nghĩ bàn ở hiện tại và vị lai."

LƯỢC GIẢNG:

"Trải qua nhiều ngày nhiều tháng nhiều năm, trở nên gầy mòn, lao sái." "Sái" tức là "suy nhược, lắm bệnh gọi là "sái (ngũ lao thất thương vị chi sái)". Bệnh lao thì rất khó trị; bệnh lao có tới năm loại, và cả năm thứ bệnh lao này đều không có thuốc gì trị lành được.

Bệnh nhân không phải chỉ ốm đau trong một hai hôm là khỏi, mà là suốt một thời gian rất lâu dài, đến nỗi thân thể gầy mòn, chẳng còn bao nhiêu sức lực. Chẳng những thế, mà **"trong giấc ngủ kêu gào khổ sở, thảm thiết không vui."** Có nhiều lúc đang ngủ say, bệnh nhân bỗng vùng vẫy la hét, giật mình thức dậy. Đó là vì người bệnh đang bị loài quỷ truy đuổi, đánh đập, hoặc bị chúng tóm bắt được, cho nên trong giấc ngủ người ấy mới gào thét kêu van và mặt mày lúc nào cũng đượm vẻ buồn rầu ủ dột, không được thanh thản. "Thảm thiết" tức là có vẻ đau thương, như muốn khóc vậy.

Tại sao lại như vậy? **"Đây đều là do nơi nghiệp đạo còn đang luận đối, chưa quyết định là nhẹ hay nặng, nên hoặc là khó chết hoặc là khó lành."** Bởi lúc bấy giờ ở địa ngục đang thảo luận, xét xử nghiệp tội của bệnh nhân, và còn đang cân nhắc xem những nghiệp tội ấy là nặng hay nhẹ, chứ chưa có phán quyết dứt khoát; do đó người bệnh tuy rằng chưa chết, song sống mà thoi thóp lây lất, chẳng thấy vui vẻ gì cả. Người bệnh cũng tự biết rằng mình đã trót gây ra tội lỗi, tất sẽ có ngày bị đọa địa ngục, nên trong lòng cứ buồn bã, không vui.

"Khó chết" nghĩa là muốn chết mà chết không được, cái chết không đến nhanh như ý mình mong đợi. "Khó lành" tức là cứ ốm đau bệnh hoạn dây dưa, không được thuyên giảm một cách nhanh chóng.

"Mắt phàm tục của kẻ nam người nữ không thể biện rõ việc đó." Người thế gian, cả nam lẫn nữ, bởi chưa đắc Thiên Nhãn Thông, cũng chưa chứng Túc Mạng Thông, nên không hiểu được vì sao bệnh nhân lại ra nông nỗi như thế. Người đời không thể hiểu được, thế thì có biện pháp gì có thể cứu giúp bệnh nhân

không? Có chứ! Bấy giờ, những người thân thuộc của bệnh nhân **"chỉ nên đối trước tượng của chư Phật, chư Bồ Tát, lớn tiếng đọc tụng Kinh này một biến..."** Nếu không có tượng của Địa Tạng Vương Bồ Tát thì cứ đối trước tượng của Bồ Tát khác mà cất cao giọng tụng *Kinh Địa Tạng* đủ một biến cũng được.

"Hoặc lấy những vật ưa thích của người bệnh như y phục, đồ quý báu, nhà cửa, ruộng vườn..., đối trước người bệnh lớn tiếng xướng rằng: 'Chúng con, tên đó họ đó, xin vì người bệnh này (nêu rõ họ tên của bệnh nhân) **mà đối trước kinh, tượng, thí xả những vật này ..."** "Những vật này" tức là những của cải của riêng người bệnh, những thứ mà người bệnh yêu chuộng nhất, luyến tiếc nhất: nhà cửa, ruộng vườn, áo quần, vàng bạc..., nói chung là của cải vật chất của người bệnh.

Thân nhân của người bệnh nên lớn tiếng khấn nguyện rằng: "Chúng con (họ, tên) nay thay mặt người bệnh (họ, tên) mà đối trước *Kinh Địa Tạng* và tượng của Bồ Tát Địa Tạng (hoặc tượng của Đức Phật hay Bồ Tát khác), xin được cúng dường những của cải này **để hoặc cúng dường kinh tượng, hoặc tạo hình tượng của Phật, Bồ Tát, hoặc xây dựng chùa tháp, hoặc sắm đèn dầu thắp cúng, hoặc cúng vào Thường Trụ."**

Những người thân thuộc có thể bán đi gia sản của bệnh nhân để lấy tiền mà đúc tượng Phật, tượng Bồ Tát, bởi công đức này là to lớn nhất. Lại nữa, họ cũng có thể dùng tiền ấy để xây chùa dựng tháp, mua dầu đốt đèn thắp cúng trước tượng Phật, hoặc cúng dường cho chùa chiền, tự viện.

"Xướng lên như vậy ba lần cho người bệnh được nghe biết." Cứ thế mà lập đi lập lại ba lần trước mặt bệnh nhân, và mỗi lần phải chắc chắn là bệnh nhân đều lắng nghe và đều hiểu rõ.

"Giả sử các thức đã phân tán, đến hơi thở đã dứt..." "Các thức" tức là thức mắt (nhãn thức), thức tai (nhĩ thức), thức mũi (tỷ thức), thức lưỡi (thiệt thức), thức thân (thân thức), cùng thức thứ sáu, thức thứ bảy, và thức thứ tám.

Đặt trường hợp các thức của bệnh nhân lúc bấy giờ đều đã phân tán, bệnh nhân đang hấp hối, sắp trút hơi thở cuối cùng, **"thì hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, cho đến bảy ngày, cứ lớn tiếng xướng bạch và lớn tiếng tụng Kinh."** Trong bảy ngày, ngày nào cũng đều lớn tiếng đọc tụng kinh điển cho người bệnh nghe.

Được như thế thì **"sau khi người đó mạng chung, thì các tội nặng từ đời trước cho đến năm tội Vô Gián, cũng được thoát khỏi hẳn."** Sau khi người bệnh này chết, thì hết thảy tai ương, hết thảy tai nạn bởi trọng tội trong đời trước của người ấy, thậm chí cả năm tội ác tày trời đáng phải đọa địa ngục Vô Gián cũng đều được tiêu tan, người ấy vĩnh viễn được giải thoát. Chẳng những thế, người ấy **"thọ sanh nơi nào cũng thường nhớ biết việc đời trước."**

"Huống nữa là người thiện nam, thiện nữ tự mình biên chép Kinh này, hoặc bảo người biên chép, hoặc tự mình đắp vẽ hình tượng của Bồ Tát, cho đến bảo người khác đắp vẽ, hoặc là trả tiền để mướn người giúp mình đắp vẽ tượng của Bồ Tát, **thì quả báo thọ nhận tất được lợi ích lớn**, quả báo công đức mà người ấy thu hoạch được thì vô cùng to lớn**."**

"Vì thế, Phổ Quảng, nếu thấy có người nào đọc tụng Kinh này (*Kinh Địa Tạng*) **cho đến chỉ trong một niệm tán thán Kinh này hoặc tỏ lòng cung kính** đối với Kinh**, thì Ông phải dùng trăm ngàn phương tiện khuyến hóa người đó phát lòng siêng năng,** tinh tấn dõng mãnh, **chứ đừng thối thất, thì sẽ được trăm ngàn vạn ức công đức không thể nghĩ bàn ở hiện tại và vị lai."**

KINH VĂN:

"Lại nữa, này Phổ Quảng! Như những chúng sanh ở đời vị lai, hoặc trong mộng trong mị, trông thấy các quỷ thần cùng các hình bóng khác, hoặc buồn bã, hoặc khóc lóc, hoặc rầu rĩ, hoặc than thở, hoặc hãi hùng, hoặc sợ sệt; đây đều là cha mẹ, anh chị em, vợ chồng, quyến thuộc từ một đời, mười đời, trăm đời, hay

ngàn đời trong quá khứ, còn đang bị đọa lạc trong ác đạo, chưa được ra khỏi, lại không trông mong vào phước lực nơi nào để cứu vớt, nên mới mách bảo với kẻ có tình cốt nhục trong đời trước, khiến làm phương tiện hầu mong được thoát khỏi ác đạo.

Này Phổ Quảng! Ông nên dùng thần lực khiến hàng quyến thuộc đó đối trước tượng của chư Phật, Bồ Tát, chí tâm tự đọc Kinh này, hoặc thỉnh người khác đọc, đủ số ba biến hoặc bảy biến. Như vậy, kẻ quyến thuộc đang ở trong ác đạo kia, khi tiếng tụng kinh đủ số mấy biến đó xong, sẽ được giải thoát, cho đến trong mộng trong mị không thấy hiện về nữa."

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại gọi Bồ Tát Phổ Quảng mà bảo rằng: **"Lại nữa, này Phổ Quảng! Như những chúng sanh ở đời vị lai, hoặc trong mộng trong mị..."**

"Mộng" là giấc mộng xảy đến khi chúng ta ngủ say rồi; còn "mị" là lúc chúng ta mới chập chờn, chưa thật sự đi vào giấc ngủ. Không phải là tỉnh hẳn mà cũng không phải là ngủ hẳn, thì gọi là "mị"; nếu hoàn toàn tỉnh táo thì gọi là "ngộ" (thức, tỉnh ngủ) chứ không phải là "mị." "Giả mị" tức là lúc mắt nhắm lại, lim dim sắp ngủ.

"Mộng" thì có rất nhiều loại:

1) Giấc mộng do tập khí vô minh (Vô minh tập khí mộng). Bởi vô minh nên có thói quen hồ đồ, rồi vì thế mà những việc thấy trong mộng cũng lộn xộn, không mạch lạc rõ ràng, đến khi ngủ dậy thì chẳng còn nhớ gì cả.

2) Giấc mộng báo trước việc lành hay dữ (Thiện ác tiên trưng mộng), cũng gọi là " giấc mộng dự đoán việc may hoặc rủi (kiết hung dự cáo mộng)" . Đây là loại mộng báo điềm, mách cho người nằm mộng biết trước là sẽ có chuyện tốt hay xấu, lành hay dữ, may hay rủi, sắp xảy ra.

Có lần, Hư Vân Lão Hòa Thượng mộng thấy Đức Lục Tổ dạy rằng: "Ông hãy trở về đi! Hãy về bên đó làm một vài công việc!" Lão Hòa Thượng nghe nói như thế thì cứ đinh ninh là mình sắp chết tới nơi rồi, cho nên Lục Tổ mới bảo "trở về"; về

sau mới vỡ lẽ là Lục Tổ dặn Ngài đến Nam Hoa Tự để tu bổ chùa chiền! Đây là thuộc loại mộng báo điềm lành; sự việc chưa xảy ra song Ngài Hư Vân được Đức Lục Tổ báo mộng, mách bảo cho biết trước.

Có người mộng thấy được mách bảo rằng: "Anh cần phải cẩn thận một chút, coi chừng ngày mai bị đụng xe mà chết đấy!" Anh ta chẳng tin, thế nhưng ngày hôm sau quả nhiên anh ta bị đụng xe mà chết thật! Đây gọi là "kiết hung tiên trưng mộng," hoặc "thiện ác tiên trưng mộng," tức là giấc mộng báo trước việc may rủi, lành dữ sắp xảy ra.

3) Giấc mộng do Tứ Đại chênh lệch (Tứ Đại thiên tăng mộng). "Tứ Đại" là địa (đất), thủy (nước), hỏa (lửa), phong (gió). Theo các sách y học của Trung Hoa thì có bốn trăm bốn mươi (440) chứng bệnh, và tám trăm tám mươi (880) phương thuốc để chữa trị. Kỳ thật, con người có tới tám vạn bốn ngàn (84.000) chứng bệnh, cho nên Đức Phật mới nói ra tám vạn bốn ngàn (84.000) pháp môn để đối trị tám vạn bốn ngàn chứng bệnh đó.

Khi Tứ Đại (địa, thủy, hỏa, phong) chênh lệch, tăng giảm không đồng nhau, thì cơ thể sẽ sanh bệnh. Chẳng hạn, nếu "địa" nhiều ("địa" thuộc về "thổ") thì xung khắc với "thủy," thế là sanh bệnh; "hỏa" nhiều thì khắc "thủy," thế là cũng sanh bệnh; "phong" nhiều thì khắc "địa," thế là cũng sanh bệnh. Những loại bệnh này được gọi là "Tứ Đại thiên tăng bệnh" (bệnh do Tứ Đại chênh lệch) hoặc "Tứ Đại bất điều bệnh" (bệnh do Tứ Đại không điều hòa). Người bị bệnh do Tứ Đại mất quân bình cũng có thể nằm mộng, và đó gọi là " Giấc mộng do Tứ Đại chênh lệch ".

4) Giấc mộng tìm gặp bạn cũ (Tầm hữu cựu thời mộng). Thế nào gọi là " Giấc mộng tìm gặp bạn cũ "? Thí dụ trước kia quý vị có quen một người nào đó song đã lâu rồi không gặp mặt, đến lúc chiêm bao thấy người đó tới chơi thì tay bắt mặt mừng, rất là vui vẻ; nhưng sau khi tỉnh giấc mới vỡ lẽ ra tất cả đều là giả, đó gọi là " Giấc mộng tìm gặp bạn cũ" vậy.

Trên đây là nói về một vài loại "mộng."

Như vậy, nếu có người nào trong mộng, trong mị, hoặc trong lúc mơ màng sắp ngủ, **"trông thấy các quỷ thần cùng các hình bóng khác, hoặc buồn bã, hoặc khóc lóc, hoặc rầu rĩ, hoặc than thở, hoặc hãi hùng, hoặc sợ sệt..."** Các quỷ thần này hiện ra với đủ thứ hình tướng kỳ dị: mặt xanh, tóc đỏ, miệng to, răng nanh dài như ngà voi chìa ra khỏi miệng... Ngoài ra, trong cơn mộng mị, người này còn trông thấy vô số hình bóng ma quái đáng sợ khác hiện ra, và khi vừa trông thấy người này thì các bóng ma ấy liền òa khóc tức tưởi, nước mắt nước mũi đầm đìa. Các bóng ma đó dáng điệu rất thiểu não, vừa nhìn là thấy ngay vẻ u ám ủ dột, rầu rĩ không vui, hoặc khiến cho người khác vô cùng kinh hãi. Có bóng ma lại cứ thở dài não nuột: "Ôi chao! Than ôi! Ôi!"

"Đây đều là cha mẹ, anh chị em, vợ chồng, quyến thuộc từ một đời, mười đời, trăm đời, hay ngàn đời trong quá khứ." Những quỷ thần hoặc hình bóng lạ mà quý vị thường gặp trong mộng hoặc trong mị có thể là cha mẹ của quý vị trong các đời trước. Cho nên, quý vị phải xem tất cả chúng sanh như là cha mẹ của mình trong đời quá khứ và là chư Phật trong đời vị lai. Và chính vì thế, quý vị cần phải chu toàn hiếu đạo, chớ nên quấy nhiễu, não loạn chúng sanh.

Như vậy, trong mộng hoặc trong mị quý vị có thể thấy vong linh của cha mẹ, anh em, chị em, vợ chồng, hoặc thân bằng quyến thuộc từ nhiều đời trước **"còn đang bị đọa lạc trong ác đạo, chưa được ra khỏi."** Vì đã trót gây ra tội lỗi nên họ bị đọa vào các ác đạo (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh) và cho đến nay vẫn chưa được thoát ra. Thêm vào đó, họ **"lại không trông mong vào phước lực nơi nào để cứu vớt."** Các vong linh này lại chẳng có nơi nào để bám víu với hy vọng là sẽ có người lo tụng Kinh và làm việc công đức để giúp cho họ được siêu độ, **"nên mới mách bảo với kẻ có tình cốt nhục trong đời trước, khiến làm phương tiện hầu mong được thoát khỏi ác đạo."**

Theo Phật Giáo, tại sao lại có lệ tụng Kinh cho người đã quá vãng và ngay cả người còn sống? Bởi vì trong *Kinh Địa Tạng* đã

dạy như thế! "Phước lực" ở đây tức là công đức tụng Kinh. Thế thì, vì những vong linh đó không có nơi nào để kỳ vọng là mình sẽ được cứu vớt, nên họ bèn báo mộng, nói cho những kẻ có tình cốt nhục với họ từ đời trước được biết; cầu mong rằng những người ấy sẽ vì họ mà dùng nhiều phương tiện để làm việc công đức, giúp họ thoát khỏi các ác đạo.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại gọi: **"Này Phổ Quảng! Ông nên dùng thần lực** (sức thần thông) **khiến hàng quyến thuộc đó đối trước tượng của chư Phật, Bồ Tát, chí tâm tự đọc Kinh này.** Ông hãy làm cho thân nhân đời trước của các vong linh đó đem lòng chí thành khẩn thiết mà tự đọc tụng *Kinh Địa Tạng*, **hoặc thỉnh người khác đọc."**

Nếu hàng quyến thuộc vì lý do nào đó nên không thể tự đọc tụng được, thì họ có thể bỏ tiền ra nhờ người khác tụng *Kinh Địa Tạng* giúp cho vong linh. Bất luận là ai, người đó đều phải tụng **"đủ số ba biến hoặc bảy biến."** "Ba" và "bảy" đều là số dương. Những số 1, 3, 5, 7, 9 đều thuộc dương và là số lẻ; còn những số 2, 4, 6, 8 thì thuộc âm và là số chẵn. Số dương là biểu hiện của sự phá trừ nghiệp tội địa ngục.

"Như vậy, kẻ quyến thuộc đang ở trong ác đạo kia, khi tiếng tụng Kinh đủ số mấy biến đó xong, sẽ được giải thoát, cho đến trong mộng trong mị không thấy hiện về nữa." Khi tụng xong *Kinh Địa Tạng*, đủ số ba biến hoặc bảy biến, tiếng tụng Kinh vừa dứt thì những vong linh quyến thuộc đang trầm luân trong ác đạo kia cũng đều được giải thoát, và trong mộng lẫn trong mị, quý vị đều vĩnh viễn không còn thấy họ hiện về như thế nữa.

KINH VĂN:

"Lại nữa, này Phổ Quảng! Như đời sau có những hạng người hạ tiện, hoặc tớ trai, hoặc tớ gái, cho đến những kẻ không được quyền tự do, rõ biết là do túc nghiệp, cần phải sám hối, bèn chí tâm chiêm lễ hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng, rồi trong một ngày cho tới bảy ngày niệm danh hiệu của Bồ Tát đủ một vạn

biến; những người như thế sau khi mãn báo thân này, trong ngàn vạn đời về sau thường sanh vào nhà tôn quý, không phải trải qua nỗi khổ nơi ba đường ác nữa."

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại gọi Bồ Tát Phổ Quảng**: "Lại nữa, này Phổ Quảng! Như đời sau có những hạng người hạ tiện..."**

Đều là con người với nhau tại sao lại có người tôn quý, có người hạ tiện? Do nguyên nhân gì mà người này thì tôn quý, người kia lại hạ tiện? Có năm con đường dẫn tới quả báo hạ tiện; đó là:

1) Kiêu mạn. "Kiêu mạn," thì kiêu mạn đối với người ngoài là chuyện thường tình, hầu như ai cũng mắc phải; song, ở đây là nói về sự kiêu mạn đối với cha mẹ của mình, không biết kính trọng cha mẹ.

2) Cang cường. "Cang cường," tức là cứng đầu, bướng bỉnh. Chúng sanh có thói cang cường là những kẻ thiếu lòng thành kính, không kính trọng các bậc sư trưởng, không kính trọng sư phụ; mặc dù các bậc sư trưởng nhọc lòng dạy dỗ, song vẫn không chịu vâng lời.

3) Phóng dật. "Phóng dật" tức là buông tuồng, không tuân giữ quy củ phép tắc. Có nhiều người chẳng những sống phóng dật, không giữ quy củ phép tắc, lại còn không cung kính cả Tam Bảo nữa. Đây là nhân duyên thứ ba khiến người ta phải sanh vào hàng hạ tiện. "Hạ tiện" (thấp hèn) thường đi đôi với sự nghèo nàn túng thiếu; nếu giàu có thì không hạ tiện, vì nghèo nên mới hạ tiện; cho nên người ta thường nói là "bần cùng hạ tiện."

4) Trộm cắp (Thâu đạo). Nguyên nhân thứ tư là đời trước thường hay trộm cắp. Có hạng người chuyên lấy việc trộm cắp làm kế sinh nhai, hết tiền thì đi ăn trộm ăn cướp: cướp tiền bạc, hoặc cướp đồ đạc, của cải châu báu,... của người khác đem đi bán; bán được bao nhiêu tiền thì cũng chỉ tiêu xài trong một thời gian ngắn là hết. Họ không làm một công việc gì cả, hằng ngày chỉ rượu chè say sưa, chơi bời lêu lổng, cờ gian bạc lận, nhậu

nhẹt hút sách... ; tiêu xài sạch túi rồi thì lại đi cướp nữa, không cần phải làm gì cả; và họ cứ lấy việc trộm cắp để duy trì cuộc sống như thế.

5) Mắc nợ (Phụ trái). Còn nhân tố thứ năm dẫn tới quả báo hạ tiện là gì? Là mắc nợ: mượn tiền của người ta rồi trốn tránh, không chịu trả. Không cần nhiều, cho dù chỉ nợ nần một đồng bạc, chúng ta cũng không được thiếu. Tiền bạc là giả tạm, song có thể được dùng để làm những việc chân thật, thiết thực và hữu ích; do đó chúng ta không nên hoang phí hoặc chi tiêu bừa bãi. Ví dụ, quý vị mượn tiền của người khác rồi không muốn trả, bèn lánh sang nơi khác để trốn nợ, và cho rằng hành động như thế là khôn ngoan, có lợi cho mình. Thật ra, không có lợi chút nào cả, bởi quý vị quỵt tiền của thiên hạ thì sau này, chính mình phải chịu quả báo bần cùng hạ tiện.

Trên đây là năm nhân duyên dẫn tới quả báo làm người hạ tiện.

"Hoặc tớ trai, hoặc tớ gái, cho đến những kẻ không được quyền tự do..." "Không được quyền tự do" có nghĩa là cái thân thể này của mình bị lệ thuộc, mình là kẻ nô lệ và phải nghe theo sự sai khiến của chủ nhân, không được tùy tiện muốn đi đâu thì đi hoặc muốn làm gì thì làm nữa.

"Rõ biết là do túc nghiệp, cần phải sám hối..." Những người mà hiện đời phải thuộc hàng hạ tiện, bị mất tự do, hoặc phải đem thân làm nô tỳ tôi tớ cho kẻ khác, đều là do đời trước họ đã gây ra nghiệp tội rất lớn rất nặng, vì vậy bây giờ họ cần phải thành tâm ăn năn hối cải. Họ có thể lạy *Sám Đại Bi*, *Sám Tịnh Độ*, hoặc các loại sám khác, để sám hối các tội lỗi của mình. Tại sao hằng ngày chúng ta đều lạy *Sám Đại Bi*? Bởi chúng ta cũng không biết rõ được đời trước mình đã gây ra bao nhiêu nghiệp tội, cho nên lúc nào cũng phải sám hối hết thảy mọi tội lỗi.

"Bèn chí tâm chiêm lễ hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng, rồi trong một ngày cho tới bảy ngày niệm danh hiệu của Bồ Tát đủ một vạn biến..." Các chúng sanh khốn khổ đó nhờ biết

lỗi nên đem lòng thành khẩn thiết tha mà chiêm ngưỡng lễ lạy hình tượng của Địa Tạng Vương Bồ Tát; và trong suốt quãng thời gian từ một ngày cho đến bảy ngày, chuyên tâm trì niệm danh hiệu của Địa Tạng Vương Bồ Tát được đủ một vạn biến; thì **"những người như thế sau khi mãn báo thân này, trong ngàn vạn đời về sau thường sanh vào nhà tôn quý**, chẳng phải chịu đựng bao nỗi thống khổ trong ba ác đạo nữa."

Bần cùng hạ tiện có năm nguyên nhân, thì giàu sang tôn quý cũng có năm nguyên nhân:

- Nguyên nhân thứ nhất là bố thí cúng dường rộng khắp, ban phát ân huệ cho muôn loài; đồng thời đối với người nào cũng bố thí với tâm từ bi bao la rộng lớn.

- Thứ hai, là cung kính cha mẹ, sư trưởng. Chúng ta không được nói những lời phụ bạc như: "Cha tôi sanh ra tôi làm gì? Tôi căm ghét ông ấy!"; cũng không được mắng chửi, trách móc cha mẹ: "Tại sao tôi lại sinh ra trong gia đình này? Thật là khốn nạn mà!"

Ngoài ra, chúng ta cũng không nên có lòng hờn oán hoặc bất mãn đối với những bậc thầy của mình, như nói: "Ông Thầy này thật quá đáng! Ổng cấm đoán tôi đủ thứ, chẳng còn cái gì gọi là tự do cả! Chuyện lớn chuyện nhỏ gì cũng phải nghe theo ổng, thật là bất công!"

Trước mặt thầy thì răm rắp cúi đầu đảnh lễ, nhưng thầy vừa quay lưng là liền nói xấu, chê trách đủ điều; như thế gọi là bất kính với thầy cô, sư trưởng, và đó cũng là một trong những nguyên nhân khiến quý vị sẽ không được sanh trưởng trong một gia đình dòng dõi tôn quý. Quý vị nói thử xem, có nghiêm trọng hay không chứ? Vì vậy, quý vị chớ nên xét nét xem ông sư phụ này là tốt hay không tốt, rồi lại xầm xì nhỏ to bàn tán; bởi hễ nói ra tức là quý vị có lỗi rồi, sau này tất sẽ không được sanh vào nơi cao sang quyền quý.

Vậy, nhân duyên thứ hai dẫn tới quả báo được sanh vào gia đình tôn quý là biết cung kính cha mẹ và cung kính sư trưởng.

- Thứ ba, là cung kính lễ bái Tam Bảo. Ở trên có nói là do không cung kính Tam Bảo, không lễ bái Tam Bảo nên phải sanh vào hàng hạ tiện; bây giờ nếu biết cung kính Tam Bảo, lễ bái Tam Bảo và cung kính hết thảy các bậc Trưởng Lão, thì sẽ được sanh vào hàng tôn quý.

- Thứ tư, là nhẫn nhục, hòa nhã, khiêm tốn, không sân hận. Nếu bị ai mắng chửi thì quý vị nên tươi tỉnh, bình thản và cần phải nhẫn nại, chớ phiền não gì cả; còn nếu bị người ta đánh đập thì quý vị lại càng phải nhẫn nhục hơn nữa. Quý vị cần phải tu hạnh nhẫn nhục, không nên nuôi lòng sân hận, và cũng đừng nổi nóng. Do đó, muốn đạt được quả báo tốt không phải là chuyện dễ.

- Nguyên nhân thứ năm là gì? Đó là nghe Kinh Luật nhiều: chăm chỉ nghe Kinh, nghe Pháp, siêng năng học tập Giới Luật.

Do năm nguyên nhân trên mà được sanh làm người thuộc hàng tôn quý, vừa có tiền lại vừa có thế lực. Nếu quý vị hội đủ cả năm nhân tố này thì càng tốt; còn nếu chỉ có được một nhân tố thôi thì cũng được khỏi phải sanh vào gia đình bần cùng hạ tiện. Nói tóm lại, người ta sở dĩ được giàu sang phú quý là nhờ phước báo do sự tu tập từ nhiều đời nhiều kiếp về trước, chứ không phải là đơn thuần nội trong một đời này mà thôi đâu!

"Không phải trải qua nỗi khổ nơi ba đường ác nữa." Như vậy, người nào hội đủ năm nhân duyên kể trên thì sẽ được trực tiếp sanh vào những gia đình tôn quý và cũng thoát khỏi bao nỗi thống khổ trong ba ác đạo: địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

KINH VĂN:

"Lại nữa, này Phổ Quảng! Như trong đời vị lai, nơi cõi Diêm Phù Đề, trong hàng Sát Lợi, Bà La Môn, trưởng giả, cư sĩ, tất cả các hạng người và những chủng tộc dòng họ khác, có người nào mới sinh được con trai hoặc con gái, nội trong bảy ngày, sớm vì đứa trẻ đó mà tụng Kinh điển không thể nghĩ bàn này, lại vì đứa trẻ mà niệm danh hiệu của Bồ Tát đủ một vạn

biến; thì đứa trẻ mới sinh đó, hoặc trai hoặc gái, nếu đời trước có ương báo thì đều được giải trừ, lại thêm an ổn, vui vẻ, dễ nuôi, thọ mạng tăng trưởng, còn nếu là đứa nương nơi phước lực mà thọ sanh, thì đời nó càng được an vui hơn cùng sống lâu hơn."

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại bảo Bồ Tát Phổ Quảng rằng: **"Lại nữa, này Phổ Quảng! Như trong đời vị lai, nơi cõi Diêm Phù Đề..."** Cõi Diêm Phù Đề còn có tên là Nam Thiệm Bộ Châu, và là một trong bốn châu thuộc Tứ Đại Bộ Châu. Con người ở Bắc Câu Lô Châu được sinh ra dưới gốc cây, và người mẹ sinh nở rất dễ dàng, giống như con gà đẻ trứng vậy, không đau đớn gì cả; khác hẳn với cõi Nam Diêm Phù Đề là người mẹ phải chịu nhiều đau đớn. Còn ở Đông Thắng Thần Châu và Tây Ngưu Hóa Châu thì người ta hoàn toàn không chú trọng đến việc sinh đẻ, mức sanh sản ở đây rất thấp. Đó là vì lòng dâm dục của con người ở hai châu này rất nhẹ; bởi dục niệm ít cho nên mức độ sanh sản cũng rất thấp. Duy chỉ có chúng sanh ở cõi Nam Diêm Phù Đề là muốn con cái đông đúc, cho rằng con đàn cháu đống là tốt, mặc dù việc sinh nở vô cùng đau đớn cho người mẹ.

"Trong hàng Sát Lợi, Bà La Môn, trưởng giả, cư sĩ, tất cả các hạng người và những chủng tộc dòng họ khác..."

"Sát Lợi" hay "Sát Đế Lợi" là một dòng dõi quý tộc ở Ấn Độ. "Bà La Môn" cũng là dòng dõi quý tộc, và được gọi là "Tịnh Duệ," có nghĩa là dòng dõi thanh tịnh, trong sạch. "Trưởng giả" là người giàu có lớn. Ở đây, trưởng giả và cư sĩ là những người có tiền của mà không có lộc vị, vì họ không ra làm quan nên họ có "phú" (giàu) mà không có "quý" (sang). Còn dòng Bà La Môn và Sát Đế Lợi thì vừa có "quý" lại vừa có "phú."

Như vậy, ở đời sau, trong toàn thể nhân loại, bao gồm tất cả những người thuộc mọi quốc gia và mọi chủng tộc, giả sử **"có người nào mới sinh được con trai hoặc con gái..."** Ở cõi Diêm Phù Đề của chúng ta thì người mẹ phải chịu nhiều đau đớn khi sinh nở, lắm lúc còn nguy hiểm tới tánh mạng, đặc biệt là trong

các trường hợp sanh khó như đẻ ngang, đẻ ngược. "Đẻ ngang" tức là đứa bé ra đời trong tư thế nằm ngang (mông đít ra trước); còn "đẻ ngược" tức là đứa bé được sanh ra trong tư thế lộn ngược (hai chân ra trước). Lại có một trường hợp sanh nở khác cũng rất khó khăn, đó là một chân của đứa bé thò ra trước. Ngoài ra, có trường hợp sanh khó gọi là "bàn tràng" (nhao quấn), tức là khi đứa bé lọt lòng mẹ thì kéo cả dạ con của người mẹ ra theo.

Các trường hợp sanh khó thì rất nhiều, tuy nhiên, cho dù khó khăn trắc trở thế nào chăng nữa, nếu trước khi sanh, **"nội trong bảy ngày, sớm vì đứa trẻ đó mà tụng Kinh điển không thể nghĩ bàn này** (*Kinh Địa Tạng)*, **lại vì đứa trẻ mà niệm danh hiệu của Bồ Tát** (Nam mô Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát) **đủ một vạn biến, thì đứa trẻ mới sinh đó, hoặc trai hoặc gái, nếu đời trước có ương báo** (nghiệp tội, quả báo xấu ác) **thì đều được giải trừ, lại thêm an ổn, vui vẻ, dễ nuôi, thọ mạng tăng trưởng."**

"Còn nếu là đứa nương nơi phước lực mà thọ sanh, thì đời nó càng được an vui hơn cùng sống lâu hơn." Giả sử đứa bé sơ sinh đó không có tội báo, được sinh ra là nhờ ở phước báo, thì đời của đứa bé đó càng được an lạc và thọ mạng càng lâu dài hơn.

Cho nên, cái khổ cái sướng của đời người thì không nhất định, tuổi thọ của con người cũng chẳng có gì nhất định cả. Như có người được thầy tướng số đoán là chỉ sống đến ba mươi tuổi, thế mà đến bốn mươi tuổi anh ta vẫn còn sống nhăn; vì sao? Bởi vì thọ mạng của con người thì linh động, chứ không cứng nhắc cố định: nếu quý vị làm việc tốt thì thọ mạng của quý vị được lâu dài hơn, còn làm việc xấu thì tuổi thọ bị thu ngắn lại. Do đó, hết thảy mọi việc đều không có gì là nhất định cả.

Như trong Kinh đã nói, một người vốn đã gây nhiều tội lỗi, sanh ra trong đời này đáng phải gánh chịu nhiều đau khổ, thế nhưng, nhờ được người khác đọc tụng *Kinh Địa Tạng* và niệm danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng để trợ giúp cho, nên bao nhiêu thống khổ người ấy đáng phải nhận lãnh đều được tiêu tan.

Chẳng những thế, người ấy sẽ là một đứa bé vui vẻ, dễ nuôi, tuổi thọ cũng gia tăng. Từ những điều này, quý vị có thể suy biết rằng đời người chẳng có gì là nhất định, tất cả đều tùy theo cách hành xử của chính mình mà thôi!

KINH VĂN:

"Lại nữa, này Phổ Quảng! Trong mỗi tháng, ngày mùng một, mùng tám, mười bốn, mười lăm, mười tám, hăm ba, hăm bốn, hăm tám, hăm chín và ba mươi là những ngày kết tập các nghiệp tội, thẩm định nặng nhẹ. Tất cả mọi cử chỉ, động niệm của chúng sanh trong cõi Nam Diêm Phù Đề không chi là không nghiệp, không chi là không tội, huống hồ là buông lung giết hại, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, trăm ngàn tội trạng.

Nếu sau này trong đời vị lai, có chúng sanh nào trong mười ngày trai này có thể đối trước hình tượng của Phật, Bồ Tát, cùng chư Hiền Thánh mà đọc tụng Kinh này một biến, thì chung quanh chỗ người đó ở, bốn hướng Đông Tây Nam Bắc, trong khoảng một trăm do-tuần, sẽ không có các tai nạn. Còn ở chính nhà của người đó, hoặc già hoặc trẻ, về hiện tại và vị lai, trong trăm ngàn năm được vĩnh viễn xa lìa ác đạo.

Nếu trong mười ngày trai này có thể mỗi ngày đều tụng một biến thì ngay đời hiện tại, những người trong nhà không bị tai ương hoặc bệnh tật, đồ ăn đồ mặc lại được dư dật."

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại bảo Bồ Tát Phổ Quảng rằng: **"Lại nữa, này Phổ Quảng! Trong mỗi tháng, ngày mùng một, mùng tám, mười bốn, mười lăm, mười tám, hăm ba, hăm bốn, hăm tám, hăm chín và ba mươi là những ngày kết tập các nghiệp tội, thẩm định nặng nhẹ."**

Mỗi tháng, cứ vào mười ngày: mùng một, mùng tám, mười bốn, mười lăm (rằm), mười tám, hăm ba, hăm bốn, hăm tám, hăm chín và ba mươi là tất cả quỷ thần đều tụ họp lại để điều tra tội lỗi của chúng sanh, cho nên mười ngày này chính là những ngày xét xử nghiệp tội. "Kết tập các nghiệp tội" tức là đắn đo cân nhắc

tội lỗi của mỗi người, xét xem người này phạm bao nhiêu tội, người kia gây bao nhiêu lỗi. "Thẩm định nặng nhẹ" tức là đưa ra phán quyết, định tội người này nặng như thế nào hoặc tội người kia nhẹ ra sao.

"Tất cả mọi cử chỉ, động niệm của chúng sanh trong cõi Nam Diêm Phù Đề không chi là không nghiệp, không chi là không tội, huống hồ là buông lung giết hại, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, trăm ngàn tội trạng."

"Cử chỉ động niệm" - "cử" tức là "động," và "chỉ" tức là "tĩnh" - trong cả "động" lẫn "tĩnh" đều sanh khởi cái niệm nghĩ suy, mà những niệm này không có cái nào không là tội lỗi cả. Tất cả mọi cử chỉ động niệm của chúng sanh trong cõi Nam Diêm Phù Đề (tức Nam Thiệm Bộ Châu) đều là tội lỗi, dấy động cái niệm này là nghiệp tội, dấy động cái niệm kia cũng là nghiệp tội, không gì là không nghiệp, không gì là không tội cả. Dù cho quý vị không có hành động sát sanh hại mạng, nhưng chỉ khởi tâm động niệm, dấy lên cái ý muốn sát hại thôi thì cũng đủ để tạo nghiệp tội rồi, huống chi là lại tự ý làm càn, cố tình giết hại chúng sanh?

Trộm cắp đồ vật và tà dâm đều là những hành vi bất chánh. Đối với đa số người Tây phương thì tà dâm không phải là một vấn đề nghiêm trọng lắm, nhưng trong kinh sách nhà Phật thì đã nói ngay từ đầu: Phạm tà dâm thì mang tội rất lớn, bởi "vạn ác dâm vi thủ" (trong vạn điều xấu thì dâm dục đứng hàng đầu).

"Vọng ngữ" là nói những lời huênh hoang, dối trá, không thật.

Trên đây chỉ kể ra một vài tội trạng đại khái như thế thôi, nếu kê khai cho tường tận thì có đến cả trăm ngàn vạn thứ.

"Nếu sau này trong đời vị lai, có chúng sanh nào trong mười ngày trai này có thể đối trước hình tượng của Phật, Bồ Tát, cùng chư Hiền Thánh mà đọc tụng Kinh này (*Kinh Địa Tạng*) một biến, thì chung quanh chỗ người đó ở, bốn hướng Đông Tây Nam Bắc, trong khoảng một trăm do-tuần, sẽ không có các tai nạn."

"Trai" có nghĩa là "tịnh," tức là chay tịnh. "Mười ngày trai" tức là vào những ngày này thì chỉ ăn những thứ thanh tịnh, sạch sẽ; tuyệt đối không ăn những thức ăn có mùi tanh như thịt, cá ... và những thứ có mùi hôi nồng như hành, hẹ, tỏi, nén ...

"Do-tuần" là đơn vị đo chiều dài của Ấn Độ; và được phân làm đại, trung và tiểu do-tuần. Một đại do-tuần tương đương với tám mươi dặm (lý), một trung do-tuần là sáu mươi dặm (lý), và một tiểu do tuần là bốn mươi dặm (lý).

"Còn ở chính nhà của người đó, hoặc già hoặc trẻ, về hiện tại và vị lai, trong trăm ngàn năm được vĩnh viễn xa lìa ác đạo." Ngoài ra, tất cả những người đang sống trong nhà người tụng *Kinh Địa Tạng* đó, bất luận là người lớn hay trẻ con, người già hay người trẻ, ngay trong đời này hoặc trăm ngàn năm về sau, sẽ thoát khỏi hẳn mọi quả báo của các chốn địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và A Tu La.

"Nếu trong mười ngày trai này có thể mỗi ngày đều tụng một biến thì ngay đời hiện tại, những người trong nhà không bị tai ương hoặc bệnh tật, đồ ăn đồ mặc lại được dư dật." Trong suốt mười ngày trai của mỗi tháng kể trên nếu quý vị đều đặn tụng mỗi ngày một biến *Kinh Địa Tạng*, thì ngay đời này có thể khiến cho gia đình của quý vị được đồ ăn đồ mặc sung túc, không ai bị gặp chuyện rủi ro, cũng không ai bị ốm đau bệnh hoạn.

Kinh văn:

"Vì thế Phổ Quảng, nên biết rằng Địa Tạng Bồ Tát có trăm ngàn vạn ức không thể nói hết sự đại oai thần lực lợi ích như thế.

Chúng sanh trong cõi Diêm Phù có đại nhân duyên với vị Đại Sĩ này. Nếu những chúng sanh đó được nghe danh của Bồ Tát, thấy tượng của Bồ Tát, cho đến được nghe chừng ba chữ hoặc năm chữ trong Kinh này, hoặc một bài kệ hay một câu, thì hiện tại được sự an vui thù thắng vi diệu, và trăm ngàn vạn đời về vị lai thường được đoan chánh, sanh vào nhà tôn quý."

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại bảo Bồ Tát Phổ Quảng rằng: **"Vì thế Phổ Quảng, nên biết rằng Địa Tạng Bồ Tát có trăm ngàn vạn ức không thể nói hết sự đại oai thần lực lợi ích như thế."** Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát có sức oai thần vĩ đại, có thể đem lại trăm ngàn vạn ức sự lợi ích cho chúng sanh, số nhiều đến không thể kể xiết.

Đức Phật nói tiếp: **"Chúng sanh trong cõi Diêm Phù có đại nhân duyên với vị Đại Sĩ này."** Tất cả chúng ta đều có nhân duyên rất lớn với Đại Sĩ Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Quý vị thử nghĩ xem, Phật Giáo Trung Hoa được truyền bá đến nước Mỹ, thì Bồ Tát Địa Tạng cũng đến theo và hiện giờ Ngài là bạn đồng tu của quý vị, trợ giúp quý vị trong việc tu tập; đây quả là một nhân duyên vô cùng lớn lao. Thứ "đại nhân duyên" này không phải là đại nhân duyên mới kết trong đời hiện tại, mà là đại nhân duyên đã có sẵn từ nhiều đời nhiều kiếp về trước.

"Nếu những chúng sanh đó được nghe danh của Bồ Tát, thấy tượng của Bồ Tát, cho đến được nghe chừng ba chữ hoặc năm chữ trong Kinh này..." Tất cả chúng sanh chúng ta đều có nhân duyên với Bồ Tát Địa Tạng, cho nên nếu chúng ta được nghe đến danh hiệu của Ngài, hoặc được thấy hình tượng của Ngài, thậm chí chỉ được nghe tới ba tiếng "Kinh Địa Tạng" mà thôi, thì cũng phá trừ được Tam Hoặc rồi!

Tam Hoặc là gì? Đó là ba loại mê hoặc—thô hoặc, tế hoặc, trần sa hoặc; và cũng chính là kiến hoặc, tư hoặc, vô minh hoặc. "Kiến hoặc" tức là "thô hoặc"; "tư hoặc" tức là "tế hoặc"; và "vô minh hoặc" chính là "trần sa hoặc." Chỉ cần nghe được ba tiếng "Kinh Địa Tạng" thì quý vị có thể phá được ba mối "hoặc" này, và cũng có thể tiêu trừ được ba mối chướng ngại, nghiệp chướng, báo chướng và phiền não chướng.

Nghe giảng đến đây thì thế nào cũng có người thắc mắc: "Tôi đã nghe kinh nghe kệ lâu rồi, nhiều lắm rồi, nhưng vẫn chưa dẹp trừ được mối chướng ngại nào cả. Tôi vẫn còn nhiều phiền

não, tánh tình vẫn còn nóng nảy, vẫn chứng nào tật nấy như hồi chưa hề nghe kinh vậy. Tôi cảm thấy các chướng ngại của mình vẫn còn nguyên vẹn!"

Nếu quý vị cảm thấy các chướng ngại của mình chưa được tiêu trừ, đó là dấu hiệu cho thấy rằng quý vị có ý muốn trừ khử chúng; bởi nếu quý vị cảm thấy chưa muốn tiêu trừ chúng tức là quý vị hoàn toàn không biết rằng mình có nghiệp chướng, báo chướng và phiền não chướng hay không! Trước kia, lúc còn phiền não chướng, quý vị coi phiền não như là báu vật vậy, không hề có ý muốn vứt bỏ; thế mà bây giờ quý vị cảm thấy không bị mất mát, như vậy tức là quý vị đã bắt đầu không còn phiền não nữa rồi!

Ngoài ra, nghe được "ba chữ" trong *Kinh Địa Tạng*, quý vị có thể thành tựu được Tam Trí (Đạo Chủng Trí, Nhất Thiết Trí và Nhất Thiết Chủng Trí; và cũng có thể chứng được Tam Đức) Pháp Thân Đức, Bát Nhã Đức và Giải Thoát Đức.

Lại nữa, nếu quý vị được nghe chừng "năm chữ" của *Kinh Địa Tạng* thì có thể phá được Năm Chỗ Trụ Phiền Não (Ngũ Trụ Phiền Não) của mình. Năm Chỗ Trụ Phiền Não là gì? Đó là:

1) Chỗ trụ phiền não do cái thấy sanh yêu thích (Kiến ái trụ phiền não). Do "kiến" (cái thấy) mà nảy sanh lòng yêu thích (ái tâm): thấy cái gì thì sanh tâm yêu thích và chấp trước vào cái đó.

2) Chỗ trụ phiền não do dục vọng sanh yêu thích (Dục ái trụ phiền não). Hễ có dục vọng là có phiền não, do vậy có yêu thích là có phiền não; nếu không có yêu thì cũng không có ghét, và như thế thì sẽ không có phiền não. Đó là "vô ái, vô tăng, vô phiền não."

3) Chỗ trụ phiền não do sắc trần sanh yêu thích (Sắc ái trụ phiền não). "Sắc ái trụ" là đối với sắc trần còn sanh tâm chấp trước.

4) Chỗ trụ phiền não do vô sắc trần sanh yêu thích (Vô sắc ái trụ phiền não). Sanh đến cõi trời Vô Sắc Giới Thiên thì vẫn còn một thứ phiền não: vô sắc ái trụ phiền não.

5) Chỗ trụ phiền não do vô minh (Vô minh trụ phiền não).

Nếu được nghe *Kinh Địa Tạng* thì có thể phá Năm Chỗ Trụ Phiền Não (Ngũ Trụ Phiền Não), ra khỏi năm ngả luân hồi. Luân hồi vốn có sáu ngả, nhưng vì loài A Tu La ở tản mác trong các ngả đường kia cho nên nói là năm ngả luân hồi (Ngũ Đạo).

Lại có thể vun trồng Ngũ Căn, rồi từ Ngũ Căn mà sinh trưởng Ngũ Lực. Ngũ Căn tức là Tín Căn, Tấn Căn, Niệm Căn, Định Căn và Huệ Căn - Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ. Ngũ Lực là gồm có Tín Lực, Tấn Lực, Niệm Lực, Định Lực và Huệ Lực.

Quý vị nghe *Kinh Địa Tạng* lại cũng có thể thành tựu được Ngũ Phần Pháp Thân. Ngũ Phần Pháp Thân là gì? Đó là Giới, Định, Huệ, Giải Thoát và Giải Thoát Tri Kiến. Một khi ngay cả "tri kiến" cũng giải thoát được rồi thì có thể đắc Ngũ Phần Pháp Thân này.

"Hoặc một bài kệ hay một câu." Nếu nghe và thâm nhập được các đạo lý của một bài kệ thì có thể "nhất môn siêu xuất," bước vào con đường trang nghiêm, kỳ diệu. Nếu lãnh hội được đạo lý của một câu kinh, thì quý vị có thể "nhất tánh viên minh," tánh hải tròn sáng viên dung. Những đạo lý này ý nghĩa rất dông dài, có rất nhiều điều cần phải giải thích, cho nên tôi chỉ nêu ra những danh từ để quý vị nghe cho biết thôi, khi nào có cơ hội thì tôi sẽ giảng cặn kẽ hơn.

"Thì hiện tại được sự an vui thù thắng vi diệu, và trăm ngàn vạn đời về vị lai thường được đoan chánh, sanh vào nhà tôn quý." Ngay trong đời hiện tại, quý vị sẽ được hưởng sự yên vui, sung sướng lạ thường. Chẳng những như thế mà ngay cả về sau, trong suốt cả trăm ngàn vạn đời, quý vị sẽ luôn luôn có được tướng mạo đoan chánh, trang nghiêm.

Có rất nhiều người tướng mạo không được đoan chánh. "Không đoan chánh" tức là những trường hợp có đầu như đầu khỉ, mặt như mặt ngựa, mắt như mắt chuột. Người Trung Hoa có câu nói:

Đầu thỏ, mắt rắn, tai chuột, má ưng.”

(Thố đầu, xà nhãn, thử nhĩ, ưng tai.)

Có nghĩa là người mà đầu có hình thù giống như đầu thỏ, mắt như mắt rắn, tai giống tai chuột, má giống má của chim ưng, những người như thế là có tướng mạo không đoan chánh. Con người mà có nhiều tướng súc sanh tập trung lại, biến thành một cái tướng mạo, thì đó là không tốt, không đoan chánh.

Như thế, nhờ được nghe tới *Kinh Địa Tạng* mà đời sau tướng mạo của quý vị sẽ được đoan chánh, và được sanh trưởng trong những gia đình nếu không là quan quyền chức tước thì cũng là phú hộ giàu có. Ở đây nói tới "quan quyền, phú hộ" thì đó chẳng phải là một thứ chủ nghĩa phong kiến sao? Không hẳn như thế! Những người giàu sang phú quý đề cập ở đây là những người có đức hạnh, nhờ có đức hạnh mới được giàu sang. Những người không có đức hạnh thì bị bần cùng hạ tiện, và đó là do họ đã từng chê bai, hủy báng Tam Bảo; còn những người có đức hạnh thì được sanh vào nhà tôn quý.

KINH VĂN:

Lúc đó, Bồ Tát Phổ Quảng nghe Đức Phật Như Lai xưng dương tán thán Bồ Tát Địa Tạng xong, liền quỳ xuống chắp tay mà bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Từ lâu con đã biết vị Đại Sĩ này có thần lực không thể nghĩ bàn cùng đại thệ nguyện lực như thế rồi, song vì muốn cho chúng sanh đời sau rõ biết sự lợi ích, nên con mới thỉnh vấn Đức Như Lai. Vâng, con xin cung kính lãnh thọ. Bạch Đức Thế Tôn! Kinh này đặt tên là gì và định cho con lưu hành rộng ra như thế nào?"

Đức Phật bảo Ngài Phổ Quảng: "Kinh này có ba danh hiệu: Một là Địa Tạng Bổn Nguyện, cũng gọi là Địa Tạng Bổn Hạnh, cũng gọi là Địa Tạng Bổn Thệ Lực Kinh. Do vì Bồ Tát này từ thuở kiếp lâu xa đến nay từng phát đại trọng nguyện làm lợi ích cho chúng sanh, cho nên các Ông phải y theo tâm nguyện mà lưu hành rộng ra."

Ngài Phổ Quảng nghe xong liền cung kính chắp tay làm lễ mà lui ra.

LƯỢC GIẢNG:

Lúc đó, Bồ Tát Phổ Quảng nghe Đức Phật Như Lai xưng dương tán thán Bồ Tát Địa Tạng xong, liền quỳ xuống ...

"Hồ quỵ" (có kinh viết là "hỗ quỵ") tức là tư thế "hữu tất trước địa": đầu gối chân phải khuỵu xuống sát đất, gối trái không quỳ. Chúng ta bây giờ quỳ cả hai đầu gối xuống đất mà tụng Kinh, tư thế này gọi là "trường quỵ" (quỳ dài). "Trường quỵ" thì không đến nỗi khó khăn lắm. "Hồ quỵ" thì tương đối khó khăn hơn; do đó Đức Phật cho phép người nữ được "trường quỵ" còn người nam thì phải "hồ quỵ."

Hiện nay, Phật Giáo Tiểu Thừa ở Thái Lan, Miến Điện, khi tân Tỳ Kheo gặp Lão Tỳ Kheo thì đều phải "hồ quỵ," đầu gối chân phải quỳ xuống chạm đất. Còn Sa Di trông thấy Tỳ Kheo thì không được ngước nhìn mà phải cúi đầu xuống. Theo lệ, trong khi "hồ quỵ" thì đầu phải cúi thấp, không được tùy tiện nhìn ngó bậc Trưởng Lão. Bất luận là nam hay nữ, tất cả đều phải như vậy, không được nhìn ngó đăm đăm.

Bấy giờ, Bồ Tát Phổ Quảng quỳ xuống rồi cung kính **chắp tay mà bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Từ lâu con đã biết vị Đại Sĩ này có thần lực không thể nghĩ bàn cùng đại thệ nguyện lực như thế rồi, song vì muốn cho chúng sanh đời sau rõ biết sự lợi ích, nên con mới thỉnh vấn Đức Như Lai.** Con nay bạch hỏi Phật chính là vì muốn giáo hóa chúng sanh trong đời vị lai, làm cho tất cả đều biết đến lợi ích do Địa Tạng Vương Bồ Tát ban bố.

"Vâng, con xin cung kính lãnh thọ. Nay con khao khát mong được nghe lời giáo huấn của Phật. **Bạch Đức Thế Tôn! Kinh này đặt tên là gì và định cho con lưu hành rộng ra như thế nào?** Đức Thế Tôn định cho con cùng các Bồ Tát khác lưu thông phân bố bộ *Kinh Địa Tạng* này như thế nào?" Thế nào gọi là "lưu hành rộng ra"? Nếu bây giờ chúng ta đem bộ Kinh này in ra thành nhiều bản rồi đem phổ biến khắp nơi để cho mọi người đều biết đến, thì đó gọi là "lưu hành rộng ra" vậy.

Đức Phật bảo Ngài Phổ Quảng: "Kinh này có ba danh hiệu: Một là *Địa Tạng Bổn Nguyện*, cũng gọi *là Địa Tạng Bổn Hạnh*, cũng gọi là *Địa Tạng Bổn Thệ Lực Kinh*."

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo Bồ Tát Phổ Quảng rằng bộ Kinh này có ba danh hiệu:

1) *Địa Tạng Bổn Nguyện Kinh*, nghĩa là bộ Kinh nói về nguyện lực vốn sẵn có từ trước của Địa Tạng Bồ Tát;

2) *Địa Tạng Bổn Hạnh Kinh*, đây là tên thứ hai của bộ Kinh và có nghĩa là Kinh nói về hạnh lực tu hành từ trước của Địa Tạng Vương Bồ Tát;

3) *Địa Tạng Bổn Thệ Lực Kinh*, đây là tên thứ ba của bộ Kinh và có nghĩa là Kinh nói về thệ nguyện lực mà Địa Tạng Vương Bồ Tát đã phát trước đây.

"Do vì Bồ Tát này từ thuở kiếp lâu xa đến nay từng phát đại trọng nguyện làm lợi ích cho chúng sanh." Tại sao bộ Kinh này có những danh hiệu như trên? Bởi vì từ rất lâu xa về trước, Địa Tạng Vương Bồ Tát đã lập trọng nguyện rộng lớn, muốn làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh. Vì thế, tôi nói cho quý vị biết, thực hành Bồ Tát Đạo tức là việc gì có lợi cho chúng sanh thì mình cần phải làm, còn việc gì có hại cho chúng sanh thì mình dứt khoát không nên làm. Nếu gặp việc hữu ích thì cho dẫu có kẻ cần đến cái đầu của mình, mình cũng sẵn sàng tặng cho họ; trái lại, nếu là việc có hại cho kẻ khác thì xin chỉ một sợi lông mình cũng tuyệt đối không cho! Cho nên, chúng ta cần phải theo đúng nguyện lực mà làm.

Đức Phật dạy tiếp: **"Cho nên các Ông phải y theo tâm nguyện mà lưu hành rộng ra.** Các Ông phải y theo nguyện lực của Địa Tạng Vương Bồ Tát để lưu hành, truyền bá rộng rãi bộ *Kinh Địa Tạng*, đồng thời cũng y theo nguyện lực của riêng mỗi vị Bồ Tát trong các Ông mà lưu thông phân bố bộ Kinh này đến khắp nơi."

Ngài Phổ Quảng nghe xong liền cung kính chắp tay làm lễ mà lui ra. Sau khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dứt lời, Bồ Tát

Phổ Quảng bèn chắp tay, mắt hướng nhìn về phía Đức Phật mà cung kính đảnh lễ, rồi đứng sang một bên.

KINH ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỔN NGUYỆN THIỂN THÍCH

Quyển Trung

Phẩm Thứ Bảy

LỢI ÍCH CHO CẢ KẺ CÒN NGƯỜI MẤT

"Lợi ích" ở đây là lợi ích gì? Đó là sự lợi ích mà cả "kẻ còn" cùng "người mất" đều được thọ hưởng. "Kẻ còn" tức là người còn sống, và "người mất" tức là người đã chết. Phẩm này mang lại sự lợi ích cho cả người sống lẫn người chết. Đối với người còn sống thì có được những lợi ích như thế nào ư? Tất cả đều được giảng giải rõ ràng trong phẩm thứ bảy này.

KINH VĂN:

Lúc đó, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Con xem xét chúng sanh trong cõi Diêm Phù, cử tâm động niệm không chi là chẳng phải tội. Họ từ bỏ những thiện lợi có được và phần nhiều thối thất tâm tốt ban đầu, nếu gặp ác duyên thì niệm niệm tăng trưởng. Những hạng người này như kẻ đi trong bùn lầy mà còn mang đá nặng, nên càng khốn đốn, nặng thêm dần, chân càng lún xuống sâu.

Nếu được gặp hàng Tri Thức thì sẽ được gánh vác giùm bớt, hoặc gánh hết cho. Vì hàng Tri Thức đó có sức rất mạnh, lại dìu đỡ, khuyến khích làm cho mạnh chân lên. Nếu đến chỗ đất bằng phẳng rồi, thì phải xét nghĩ đến con đường hiểm xấu ấy, không đi vào đó nữa."

LƯỢC GIẢNG:

Lúc đó, khi nói phẩm thứ bảy "Lợi Ích Cho Cả Kẻ Còn Người Mất" này, **Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Con xem xét chúng sanh trong cõi Diêm Phù, cử tâm động niệm không chi là chẳng phải tội."**

"Cử tâm động niệm" tức là trong lòng dấy khởi vọng tưởng, tâm trí dao động xôn xao. "Cử" có nghĩa là dấy lên, làm nổi dậy. Chúng sanh ở cõi Nam Diêm Phù Đề thường khởi những tâm niệm gì? Họ thường khởi tà niệm, dục niệm, tham niệm! "Động niệm" tức là sanh lòng ích kỷ, đố kỵ, ganh ghét, chướng ngại.

Có nhiều người hễ thấy ai hơn mình thì sanh lòng ganh ghét, còn gặp kẻ thua mình thì lại có tâm coi thường. Bởi họ cho rằng người ta rất ngu xuẩn, không giỏi giang tài trí bằng họ, nên đem

lòng khinh rẻ người ta; rồi đến khi gặp người nào thông minh tài giỏi hơn họ thì họ lại sanh lòng tỵ hiềm, ghen ghét. Quý vị xem, như thế thì phải làm sao?

Đối với kẻ ngu si kém cỏi thì quý vị chớ nên cất nhắc đề bạt; và đối với người thông minh trí tuệ thì quý vị cũng đừng ganh ghét tỵ hiềm. Đáng lý ra, đối với những kẻ u mê ngu tối thì chúng ta cần phải phát tâm giáo hóa, giúp họ mở mang trí tuệ, khiến họ trở nên thông minh sáng suốt mới đúng; tuy nhiên, phần nhiều chúng ta lại không chịu làm như thế!

Cho nên, chúng ta "cử tâm động niệm, không chi là chẳng phải tội," đó cũng là vì chúng ta chưa phát khởi tâm Bồ Tát vậy. Tâm lượng Bồ Tát là nếu có người nào hơn mình thì mình càng vui mừng và càng kính trọng người ấy thêm, chứ chẳng mảy may hờn ghen ganh tỵ; còn nếu có người nào kém thua mình thì mình càng cần phải tìm cách để làm cho người ấy được bằng mình, như thế mới là phát tâm của bậc Bồ Tát. Song le, chúng sanh chúng ta chưa phát tâm Bồ Tát, do đó "cử tâm động niệm," tất cả đều là tội lỗi.

"Họ, các chúng sanh ấy, **từ bỏ những thiện lợi có được và phần nhiều thối thất tâm tốt ban đầu."** "Từ bỏ những thiện lợi có được" tức là vất bỏ những lợi ích tốt lành mà mình đang sở hữu. Thí dụ, quý vị muốn gieo trồng thiện căn nên sốt sắng làm việc thiện, nhưng lại làm không được lâu dài; hoặc là chăm chỉ học Phật Pháp nhưng học được một năm hoặc hai năm rồi thôi, không hăng hái học nữa; hoặc là gặp một hoàn cảnh nào đó làm quý vị thối thất Đạo tâm: như thế là quý vị đã "từ bỏ những thiện lợi có được" vậy.

Giả sử có người, tâm nguyện lúc ban sơ là muốn học Phật Pháp, muốn xuất gia đi tu; thế nhưng, xuất gia được một năm, hai năm, rồi ba năm, lại nghĩ rằng: "Ôi! Xuất gia cũng chẳng là gì cả, tu tới tu lui ròng rã đã ba năm trời mà vẫn chưa thấy khai ngộ, chưa chứng quả vị, có lẽ là hết hy vọng rồi!"; và thế là thối tâm nản chí, bèn hoàn tục, không làm người xuất gia nữa.

Đó là nói về người xuất gia; còn người tại gia học Phật Pháp thì sao? Có người trong một năm đầu thì cảm thấy Phật ở ngay trước mặt mình, rất gần gũi với mình; học được hai năm thì cảm thấy Phật ở cách xa mình tới mười vạn tám ngàn dặm; và học được ba năm thì thế nào? Thì cảm thấy "Phật đáo Tây Thiên," thấy Phật ở xa tít tận chốn trời tây! Đó gọi là "thối thất sơ tâm." Có câu:

"Học Đạo đừng mất tâm nguyện ban đầu, sẽ sớm thành Phật."

(Học Đạo bất phụ sơ tâm, thành Phật hữu dư.)

Trong việc tu hành, nếu quý vị có thể không đánh mất tâm nguyện ban đầu của mình, như muốn học Phật Pháp hoặc muốn xuất gia, thì sẽ sớm được thành Phật!

Người xuất gia chúng ta phải thường xuyên tự hỏi chính mình: "Vì sao mình muốn xuất gia?"; bởi người xuất gia thì phải khác với người tại gia, khác như thế nào? Ví dụ, người tại gia suốt ngày thích tỉ tê chuyện trò, nói chuyện phiếm; người xuất gia thì trái lại, cần phải nói ít lại, bớt nói chuyện: nếu là những lời có ích, hữu dụng thì nói được; bằng không thì chớ nên nói nhiều. Có câu:

"Mở miệng, tổn thần khí

Nói nhiều, sanh thị phi."

(Khẩu khai, thần khí tán,

Thiệt động, thị phi sanh.)

Chúng ta hễ mở miệng là thần khí liền phân tán, thần hao khí tổn; nói nhiều thì lại sanh thị phi, lôi thôi lắm chuyện, không "thị" thì cũng "phi," chẳng "phải" thì cũng "quấy." Một khi đã có "thị phi" thì sẽ không tương ưng với Đạo; mà thần khí bị phân tán thì đối với Đạo cũng chẳng thể tương ưng. Cho nên, chúng ta tu Đạo thì phải luôn luôn tự kiểm điểm chính mình. Đừng soi mói chuyện của người khác, chỉ cần tự mình tu tâm dưỡng tánh cho hoàn hảo, như thế gọi là không "thối thất sơ tâm." Nói tóm lại, nếu ban đầu thì phát lời thệ nguyện rất kiên cố, rất thành

khẩn, nhưng được một thời gian thì trở nên lơ là xao lãng, rồi dần dần quên bẵng đi, thì đó chính là "thối thất sơ tâm" vậy.

"Nếu gặp ác duyên thì niệm niệm tăng trưởng." Nếu các chúng sanh đang thối thất sơ tâm mà gặp phải nhân duyên xấu ác, quý vị nói xem, thì sẽ thế nào? Thì họ chẳng những không lùi bước trước ác duyên mà còn mỗi niệm mỗi gia tăng, ác duyên càng lúc càng lấn lướt, lớn mạnh. Tôi gặp rất nhiều người ban đầu tu hành hết sức thành tâm tinh tấn, về sau gặp phải ma cảnh rồi bị "chuyển" theo ma quỷ; đây là trường hợp gặp phải ác duyên vậy. Nói chung, những việc không tương ưng với Đạo, khiến cho quý vị không thể tu tập, đều gọi là "ác duyên," hay duyên sự chẳng lành.

"Tăng trưởng" chính là "tăng ích": có nghĩa là càng ngày càng nhiều hơn, mỗi lúc mỗi lớn mạnh hơn. Chúng ta tu hành thì cần phải "tu tập" tâm Bồ Đề lại, khiến cho tâm Bồ Đề của mình mỗi ngày mỗi gia tăng; đó gọi là "tăng ích." Nếu tâm Bồ Đề của quý vị cứ mỗi ngày mỗi sút giảm, ít dần đi, thì gọi là "táng thất" (đánh mất). Thế nhưng tâm Bồ Đề của chúng ta thông thường không phải mỗi lúc một gia tăng, trong khi đó, những ác duyên mà chúng ta gặp phải thì càng ngày lại càng nhiều thêm.

"Những hạng người này như kẻ đi trong bùn lầy mà còn mang đá nặng." Ở đây, Địa Tạng Vương Bồ Tát đưa ra một tỷ dụ. Thí dụ có một người đang đi trên đường thì gặp phải vũng bùn lầy lội chắn mất lối đi. Lội qua vũng bùn thì cũng chưa đến nỗi nào, nhưng người này còn phải vác một tảng đá nặng trên lưng nữa.

"Đá nặng," chữ Hán là "trọng thạch"; chữ "thạch" này còn có thể hiểu là *thạch*, một đơn vị đo lường dung tích của người Trung Hoa (một *thạch* tương đương với một trăm lít, hoặc mười đấu). Do đó, "trọng thạch" có thể hiểu là "đá nặng," đồng thời cũng có thể hiểu là "vật rất nặng."

Vậy, giả sử có người đã mang trên lưng những vật rất nặng (chừng một trăm cân hoặc hai trăm *pounds* chẳng hạn), mà còn phải lội qua bùn lầy nữa. Người ấy, hễ cứ nhấc được chân này

lên thì chân kia lại lún xuống, rút được chân kia lên thì chân này bị lún xuống trở lại, cho nên tới lui đều trở ngại, vô cùng khó khăn vất vả: đó gọi là "sa lầy." Trong hoàn cảnh này, người ấy nếu không mang đồ vật nặng nề thì còn có thể gắng gượng lội qua được bãi lầy, nhưng nay còn phải vác thêm vật nặng trên người nữa, **"nên càng khốn đốn, nặng thêm dần, chân càng lún xuống sâu."**

"Vật nặng" này là dụ cho cái gì? Chính là ác nghiệp của chúng ta. Còn "bùn lầy" thì sao? "Bùn lầy" tiêu biểu cho ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

Trong chốn bùn sình lầy lội, mỗi bước là mỗi khó khăn gian khổ, và gánh nặng trên lưng như càng lúc càng đè nặng thêm, khiến chân càng lúc càng lún sâu hơn; quý vị nghĩ xem, làm thế nào bây giờ?

"Nếu được gặp hàng Tri Thức ..." Giả sử kẻ đang vác nặng lội đi trong bùn ấy may mắn gặp được bậc Thiện Tri Thức như chư Phật, chư Bồ Tát, hoặc người có đại trí huệ chẳng hạn; thì sẽ như thế nào? **"Thì sẽ được gánh vác giùm bớt, hoặc gánh hết cho."** Vì phải mang vác nặng nề nên người ấy càng lúc càng bị sa lầy sâu hơn, không thể tự mình lội ra được; chỉ có hàng Thiện Tri Thức mới có năng lực gánh bớt giùm người ấy một phần hay một nửa, hoặc nguyên cả gánh nặng đó.

"Vì hàng Tri Thức đó có sức rất mạnh, lại dìu đỡ, khuyến khích làm cho mạnh chân lên." Bậc Thiện Tri Thức có sức lực mạnh mẽ, có thể nâng đỡ dìu dắt và chỉ bày cho kẻ gánh nặng đang đi trong bùn đó cách thoát ra khỏi vũng bùn. Chẳng những thế, các bậc Thiện Tri Thức còn khuyên bảo, nhắc nhở: "Hãy cẩn thận, nhớ đi đứng phải cho vững vàng một chút!"; khiến cho kẻ ấy mạnh chân vững lòng mà đi tiếp.

"Nếu đến chỗ đất bằng phẳng rồi, thì phải xét nghĩ đến con đường hiểm xấu ấy, không đi vào đó nữa." Một khi đã ra khỏi nơi bùn lầy và đến được chỗ đất bằng phẳng rồi, thì quý vị phải giác ngộ, phải biết rằng con đường mình vừa vượt qua ban nãy là một con đường hiểm trở, đầy bất trắc. Biết được như thế

rồi thì từ nay chớ lội đi trong bùn sình, chớ dại dột mà dấn thân vào hiểm lộ thêm lần nữa!

KINH VĂN:

"Bạch Đức Thế Tôn! Những chúng sanh tập khí xấu ác, bắt đầu từ mảy mún rồi lần đến nhiều vô lượng.

Đến khi những chúng sanh có tập khí như thế sắp sửa mạng chung, thì cha mẹ cùng quyến thuộc nên vì họ mà tạo phước đức, để giúp cho lộ trình phía trước của họ. Hoặc treo phan lọng và thắp đèn dầu, hoặc chuyển đọc tôn kinh, hoặc cúng dường tượng Phật cùng tượng của chư Thánh, cho đến niệm danh hiệu của Phật, Bồ Tát cùng Bích Chi Phật, làm cho mỗi danh mỗi hiệu đều thấu vào nhĩ căn của người sắp mạng chung, hoặc nơi bổn thức nghe biết.

Các chúng sanh đó, cứ theo nghiệp ác đã gây tạo mà suy lường quả báo chiêu cảm, tất phải đọa vào ác đạo; song nhờ quyến thuộc vì kẻ lâm chung mà tu nhân Thánh này, các tội đó thảy đều tiêu sạch.

Như sau khi người ấy đã chết, nếu lại có thể trong bốn mươi *chín ngày vì người ấy mà tu tạo nhiều phước lành, thì có thể làm cho người chết đó vĩnh viễn xa lìa chốn ác đạo, được sanh vào cõi trời hoặc cõi người, hưởng sự vui thù thắng vi diệu; quyến thuộc hiện tại cũng được vô lượng lợi ích."*

LƯỢC GIẢNG:

Địa Tạng Vương Bồ Tát lại bạch cùng Đức Phật rằng: **"Bạch Đức Thế Tôn! Những chúng sanh tập khí xấu ác, bắt đầu từ mảy mún rồi lần đến nhiều vô lượng."** Những chúng sanh tập tành theo thói ác đều bắt đầu từ cái ác nhỏ nhất, ít xấu ác nhất, rồi tích tụ lại dần mà thành ra nhiều đến vô lượng vô biên.

"Đến khi những chúng sanh có tập khí như thế sắp sửa mạng chung, thì cha mẹ cùng quyến thuộc nên vì họ mà tạo phước đức, để giúp cho lộ trình phía trước của họ." Giả sử

những chúng sanh có thói quen xấu ác này hấp hối sắp chết, thì cha mẹ hay những người thân thuộc của họ nên làm các việc phước đức để trợ giúp cho họ trên "tiền lộ," tức là con đường trước mắt mà họ sắp phải đi theo. Cho dù phải đi theo con đường dẫn đến địa ngục hoặc thác sanh trở lại làm người, thì họ cũng đều được hưởng sự lợi ích từ các việc phước đức ấy. Đó chính là "giúp cho lộ trình phía trước" của kẻ lâm chung vậy.

"Hoặc treo phan lọng và thắp đèn dầu, hoặc chuyển đọc tôn kinh, hoặc cúng dường tượng Phật cùng tượng của chư Thánh, cho đến niệm danh hiệu của Phật, Bồ Tát cùng Bích Chi Phật." Thân nhân của người đang hấp hối có thể tạo phước đức giúp người ấy bằng cách làm những việc như treo tràng phan bảo cái, thắp đèn ở nơi thờ Phật; hoặc đọc tụng *Kinh Địa Tạng*, *Kinh Kim Cang* hay những kinh điển Đại Thừa khác; hoặc sắm sửa phẩm vật cúng dường trước tượng Phật, tượng Bồ Tát hoặc tượng của các vị A La Hán ... đều được cả. Thêm vào đó, họ cũng có thể trì niệm danh hiệu của chư Phật, danh hiệu của chư Bồ Tát, hoặc danh hiệu của chư Bích Chi Phật (Bích Chi Phật tức là bậc Duyên Giác).

Khi niệm, cần phải **"làm cho mỗi danh mỗi hiệu đều thấu vào nhĩ căn của người sắp mạng chung, hoặc nơi bổn thức nghe biết."** Lúc gia quyến hoặc bạn bè tụng niệm thì phải niệm sao cho kẻ đang hấp hối nghe được rành rẽ từng danh hiệu của Phật, Bồ Tát hay Bích Chi Phật; hoặc là trước khi người ấy chết, lúc thần thức chưa phân tán hết, phải khiến cho người ấy nghe hiểu được rõ ràng.

"Bổn thức" hay "thần thức," là chỉ cho Thức Thứ Tám (đệ bát thức). Thức Thứ Tám này thì "khứ hậu lai tiên," đến trước nhưng lại đi sau; do đó có bài kệ nói rằng:

Tam Tàng mênh mông không cùng tận,
Vực sâu bảy sóng đùa trước gió,
Giữ gìn chủng tử căn thân khí,
"Đến trước đi sau," làm "ông chủ"!
(Hạo hạo Tam Tàng bất khả cùng,

Uyên thâm thất lãng cảnh tiền phong,

Thọ huân trì chủng căn thân khí,

Khứ hậu lai tiên tác chủ ông.)

“Tam Tàng mênh mông không cùng tận”,(Hạo hạo Tam Tàng bất khả cùng.) "Hạo hạo" có nghĩa là rộng lớn, mênh mông. "Tam Tàng" là chỉ cho Thức Thứ Tám—tức là A-lại-da thức, hay còn gọi là "tàng thức" (thức chứa). Vì sao gọi là "Tam Tàng"? "Tam Tàng" ngụ ý rằng các chủng tử của ba đời (quá khứ, hiện tại và vị lai) đều được tàng trữ, giữ lại trong Thức Thứ Tám này. Các chủng tử ấy (niệm tâm của chúng ta) ví như những đợt sóng trên biển cả vậy, vô cùng vô tận, nên nói là "bất khả cùng."

“Vực sâu bảy sóng đùa trước gió " (Uyên thâm thất lãng cảnh tiền phong) " bảy sóng” (thất lãng) là chỉ cho Thức Thứ Bảy. Thức Thứ Bảy còn được gọi là "truyền tống thức," vì thức này có chức năng chuyển đạt ý tứ của sáu thức trước tới cho Thức Thứ Tám. "cảnh trước gió” (cảnh tiền phong) tức là giống như ngọn gió từ phía trước thổi tới.

“Giữ gìn chủng tử căn thân khí " (Thọ huân trì chủng căn thân khí") Do vì Thức Thứ Tám nhận sự "truyền tống," chuyển giao ý tứ từ Thức Thứ Bảy, nên gọi là "giữ “ (thọ huân.) "gìn chủng tử” (trì chủng) có nghĩa là gìn giữ các chủng tử ở bên trong. "Căn thân khí" tức là "căn thân khí giới" đều ở trong các chủng tử đó. Thức Thứ Tám có công năng duy trì chủng tử của tất cả các pháp, thân căn, thế giới.

"Đến trước đi sau," làm "ông chủ"! (Khứ hậu lai tiên tác chủ ông). Con người, khi sanh ra thì Thức Thứ Tám đến trước nhất, và lúc chết thì Thức Thứ Tám là thức đi sau cùng. Quý vị khởi vọng tưởng muốn làm điều gì thì đều do Thức Thứ Tám làm chủ tể ủng hộ, trợ giúp; cho nên nói thức này là *"Đến trước đi sau," làm "ông chủ"!*

Trong phần kinh văn này, "bổn thức" là chỉ cho Thức Thứ Tám. Khi vừa mới chết, tuy các thức đã phân tán, đã rời khỏi xác thân rồi (nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức

đều không còn) song Thức Thứ Tám thì *vẫn* còn nán lại, chưa đi hẳn. Ngay lúc này, nếu quý vị vì người chết mà tụng Kinh niệm Phật hoặc làm việc công đức, thì phải lớn tiếng tụng niệm và kể ra để cho Thức Thứ Tám của người ấy nghe biết: đó gọi là "nơi bổn thức nghe biết" (văn tại bổn thức) vậy.

Địa Tạng Vương Bồ Tát nói tiếp: **"Các chúng sanh đó, cứ theo nghiệp ác đã gây tạo mà suy lường quả báo chiêu cảm, tất phải đọa vào ác đạo.** Nếu căn cứ theo nghiệp ác đã tạo tác lúc còn sống mà suy xét, thì những chúng sanh đó đáng lẽ phải chịu quả báo đọa lạc trong ba đường ác; **song nhờ quyến thuộc vì kẻ lâm chung mà tu nhân Thánh này,** gieo trồng nhân duyên Thánh Đạo, chăm làm các thiện sự, cho nên **các tội đó thảy đều tiêu sạch**, chẳng còn thừa sót**."**

"Như sau khi người ấy đã chết, nếu lại có thể trong bốn mươi chín ngày vì người ấy mà tu tạo nhiều phước lành ..." Giả sử nội trong bốn mươi chín ngày sau khi chết, nếu thân quyến lại có thể vì người mới qua đời mà làm nhiều thiện sự, **"thì có thể làm cho người chết đó vĩnh viễn xa lìa chốn ác đạo,** thoát khỏi cái khổ trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, và **được sanh vào cõi trời hoặc cõi người, hưởng sự vui thù thắng vi diệu."**

Trong vòng bốn mươi chín ngày (bảy thất) sau khi chết, thì tại địa ngục vẫn còn đang thẩm xét, chưa quyết định tội trạng của người mới qua đời; cho nên trong suốt kỳ hạn đó, nếu thân nhân có thể làm nhiều việc thiện để hồi hướng cho, thì người ấy sẽ được rất nhiều lợi ích.

"Quyến thuộc hiện tại cũng được vô lượng lợi ích." Nếu thân nhân quyến thuộc có thể vì kẻ lâm chung mà niệm danh hiệu Phật, danh hiệu Bồ Tát (Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát) danh hiệu của bậc A La Hán hoặc Bích Chi Phật, hoặc tụng đọc các kinh điển, thì không những người ấy được hưởng sự an vui đặc biệt vô cùng vi diệu, mà đồng thời, các quyến thuộc còn sống cũng được vô lượng vô biên sự lợi ích!

KINH VĂN:

"Vì lẽ đó nên nay con đối trước Đức Phật Thế Tôn, cùng Thiên Long Bát Bộ, nhân và phi nhân v.v... mà khuyên bảo các chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề: Vào ngày lâm chung, cần phải cẩn thận, chớ giết hại và chớ gây tạo ác duyên, cũng đừng bái tế quỷ thần, cầu xin vọng lượng.

Vì sao thế? Vì việc sát hại cho đến tế bái đó không có mảy may năng lực lợi ích cho người mất, mà chỉ kết thêm tội duyên, làm cho thâm trọng hơn thôi.

Giả sử người chết đó, trong đời vị lai hoặc hiện tại sanh, đắc được phần Thánh Quả, sẽ sanh vào cõi trời, cõi người; nhưng vì lúc lâm chung bị hàng quyến thuộc gây tạo ác nhân, làm cho người chết cũng mắc lấy ương lụy, phải đối biện, chậm sanh vào chốn tốt lành.

Huống chi là người sắp chết lúc sống chưa từng có chút thiện căn, phải y theo bổn nghiệp mà tự đọa ác đạo! Hàng quyến thuộc nỡ nào làm tăng nghiệp tội của người ấy?!

Ví như có người từ xứ xa đến, tuyệt lương thực đã ba ngày, lại vác theo đồ vật nặng hơn trăm cân, bỗng gặp kẻ lân cận gởi ít món đồ nữa, vì thế mà càng khốn đốn, nặng nề thêm."

LƯỢC GIẢNG:

Địa Tạng Vương Bồ Tát lại bạch tiếp: **"Vì lẽ đó nên nay con đối trước Đức Phật Thế Tôn, cùng Thiên Long Bát Bộ** (Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lầu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già) **nhân và phi nhân v.v... mà khuyên bảo các chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề, vào ngày lâm chung, cần phải cẩn thận, chớ giết hại và chớ gây tạo ác duyên,** đừng gây ra những nghiệp duyên chẳng lành**, cũng đừng bái tế quỷ thần, cầu xin *vọng lượng*,** cũng không nên tế lễ cầu xin nơi những quỷ thần, ngoại đạo, cùng tất cả sơn yêu thủy quái**."** (***Vọng lượng*** là thuộc loài sơn tinh thủy quái.)

Giảng đến đây, tôi nhớ có một bài kệ nói rằng:

Có người mê muội chẳng an khang,

Hứa giết heo dê tế quỷ thần,
Oan nghiệp sát sanh bao đời trước,
Khác nào trên tuyết phủ thêm sương?
Chớ tưởng heo dê thú vật mãi,
Hình dung biến đổi đã muôn lần,
Luân hồi xoay chuyển vay rồi trả,
Đất trời lồng lộng trốn được đâu!
(Hữu đẳng mê nhân bất an khang,
Đối thần kỳ hứa tái trư dương,
Sát sanh oan nghiệp tiền sanh sự,
Như hà tuyết thượng hựu gia sương?
Hưu vật nhận định thị trư dương,
Cải đầu hoán diện kỷ thiên trường,
Như xa luân chuyển tương hoàn báo,
Vân hải đằng không vô xứ tàng!)

"Có người mê muội chẳng an khang," (Hữu đẳng mê nhân bất an khang). Ở đây, "chẳng an khang" tức là bất ổn, không ổn thỏa, làm không được tốt.

"Hứa giết heo dê tế quỷ thần," (Đối thần kỳ hứa tái trư dương). Ở Trung Hoa có một phong tục sai lầm mà chúng ta không hề thấy xảy ra ở các nước phương Tây. Người Trung Hoa thường gọi việc tang ma cho người chết là "bạch sự" (việc trắng), còn việc kết hôn là "hồng sự" (việc đỏ). "Bạch sự" tức là "tang sự," là chuyện buồn; "hồng sự" thì là "hỷ sự," là chuyện vui. Bất luận là trong nhà gặp phải tang sự hay hỷ sự, người ta đều giết heo giết dê để cúng tế quỷ thần; hoặc muốn cầu xin thần linh việc gì đó, họ cũng đem gà đem vịt đến tế lễ. Quý vị chưa thấy cảnh người ta đem gà đến các nơi như miếu Thành Hoàng để cúng tế sao? Hạng người này chính là " *mê muội chẳng an khang* ": do mê tín, chẳng hiểu quy củ phép tắc nên không thấy "an khang," và vì thế mà làm việc gì cũng không thỏa đáng, không hợp lý cả!

Vậy, những kẻ ngu muội mê tín đó đến trước tượng của thần linh mà vái van cầu khẩn: "Xin Ngài phù hộ cho cha (hoặc mẹ, hoặc anh, hoặc em...) của con sau khi chết không bị đọa địa ngục; được vậy thì vài hôm nữa con sẽ giết heo, giết dê và đem đến cúng tế cho Ngài, để Ngài thọ dụng." Họ đem heo đem dê tới để "đánh bạc" với quỷ thần!

"Oan nghiệp sát sanh bao đời trước" (Sát sanh oan nghiệp tiền sanh sự") . "Sát sanh" là một thứ nghiệp oán thù. Đời trước, quý vị đã có sát sanh, đã từng gây tạo oan nghiệp; nay trong đời hiện tại nếu quý vị lại tiếp tục sát sanh nữa, thì thế nào? Thì chẳng khác nào trên tuyết lại phủ thêm một lớp sương nữa vậy!

"Khác nào trên tuyết phủ thêm sương?" (Như hà tuyết thượng hựu gia sương?") Có tuyết xuống thì trời đã rét lạnh rồi, thế mà bây giờ lại thêm một lớp sương nữa, thì thời tiết lại càng băng giá, rét lạnh thêm nhiều; tương tự như thế, đời trước quý vị đã từng gây oan nghiệp rồi, nay lại tiếp tục tạo tội thì oan nghiệp lại càng chồng chất thêm vậy.

"Chớ tưởng heo dê thú vật mãi," (Hưu vật nhận định thị trư dương) . Quý vị chớ nên cố chấp, khăng khăng cho rằng loài vật muôn kiếp vẫn là loài vật, đừng tưởng rằng heo mãi mãi là heo và dê mãi mãi vẫn là dê!

"Hình dung biến đổi đã muôn lần," (Cải đầu hoán diện kỷ thiên trường) . Con người có thể đầu thai làm heo, và heo cũng có thể thác sanh làm người.

Quý vị có nhận thấy không? Dân tộc nào thích ăn thịt heo thì dân tộc đó đều có vẻ hao hao giống heo; quốc gia nào thích ăn thịt bò thì dân chúng trong quốc gia đó đều có cặp mắt từa tựa như mắt bò. Có nơi thì dân chúng đều không thích thịt heo hay thịt dê, mà chỉ thích ăn ếch nhái nên toàn quốc ai nấy đều có cặp mắt tương tự như mắt ếch vậy. Nói tóm lại, người dân của một nước mà thích ăn thịt của loài động vật nào, thì dân chúng trong nước đều có những nét đặc trưng giống loài động vật đó; cho nên, mỗi quốc gia đều có một chủng loại riêng biệt!

"Luân hồi xoay chuyển vay rồi trả," (Như xa luân chuyển tương hoàn báo). Chúng ta vẫn như cái bánh xe, cứ tiếp tục lăn chuyển, tuần hoàn vay trả.

Trong *Kinh Lăng Nghiêm* có chép rằng: "Dương phục vi nhân," có nghĩa là "dê lại làm người." Dê có thể làm người, thế thì heo không thể làm người sao? Chẳng những heo, dê có thể làm người, mà bất cứ sinh vật nào cũng đều có thể làm người được cả; đó chẳng qua chỉ là một sự "đổi xác" mà thôi. Một khi đã thay đổi thể xác rồi, thì quý vị sẽ không thể nhận ra được nữa. Linh tánh từ thân người có thể "dọn" sang thân heo, và linh tánh từ thân heo cũng có thể "dọn" sang thân người: người và vật đều có thể hỗ tương "dọn nhà" như thế. Hiện tại chúng ta được làm người, thì có thể ví như chúng ta đang ở nơi nhà cao cửa rộng; và đến khi chúng ta chạy vào con đường làm heo làm dê, thì chẳng khác nào đang từ nhà cao cửa rộng mà dọn sang nhà tranh vách đất, hoặc một nơi tồi tàn lụp xụp nhất để ở vậy; cho nên nói "như xa luân chuyển tương hoàn báo."

"Đất trời lồng lộng trốn được đâu!" (Vân hải đằng không vô xứ tàng) . Kẻ không hiểu rõ thì cho rằng chúng sanh là mỗi loài mỗi khác; còn người đã đắc Túc Mạng Thông thì biết rằng giữa con người và các loài chúng sanh có một mối quan hệ liên đới. Trong âm thầm lặng lẽ, và cho dù ở những nơi mà con người không nhìn thấy được, như ngoài biển cả hoặc trong hư không, chẳng ai trốn thoát được nhân quả, mà cũng chẳng có chỗ nào để ẩn thân hầu trốn tránh nhân quả được cả! Luật Nhân Quả vĩnh viễn tồn tại trong khắp cõi hư không, thái không. Bởi "gieo nhân nào thì gặt quả nấy," cho nên nếu sát sanh thì phải chịu sự báo ứng của sát sanh. Quý vị gây tạo bất cứ nghiệp gì thì nghiệp đó đều tồn tại và chiêu cảm sự báo ứng; vì vậy không nên cầu xin nơi loài *vọng lượng* hoặc yêu tinh quỷ thần.

Bấy giờ, Địa Tạng Vương Bồ Tát nói tiếp: **"Vì sao thế? Vì việc sát hại cho đến tế bái đó không có mảy may năng lực lợi ích cho người mất."** Việc hàng quyến thuộc của người chết giết heo giết dê để cúng tế các ác quỷ tà thần, chẳng mang lại chút

năng lực nào có thể trợ giúp hoặc làm lợi ích cho người ấy cả; **"mà chỉ kết thêm tội duyên, làm cho thâm trọng hơn thôi!"** Việc sát sanh và tế lễ đó chỉ khiến cho tội chướng của người chết càng sâu nặng thêm mà thôi!

"Giả sử người chết đó, trong đời vị lai hoặc hiện tại sanh, đắc được phần Thánh Quả, sẽ sanh vào cõi trời, cõi người." Người ấy đã từng làm những việc công đức nên được phước báo, đáng được sanh vào cõi người hoặc cõi trời.

"Nhưng vì lúc lâm chung bị hàng quyến thuộc gây tạo ác nhân, gieo trồng ác nghiệp**, làm cho người chết cũng mắc lấy ương lụy, phải đối biện."**

"Ương lụy" tức là liên lụy, ảnh hưởng, làm cho kết quả trở thành không tốt đẹp.

Ở đây, "đối biện" tức là đối chất biện luận với Diêm La Vương. Ví dụ, Diêm La Vương có thể phán bảo: "Hiện nay người nhà của ông đã vì ông mà giết rất nhiều heo để cúng tế quỷ thần rồi đấy!"

Bấy giờ, người chết kia hẳn sẽ tự bào chữa: "Việc đó không liên quan gì tới tôi cả. Tôi nào có bảo họ giết heo giết bò gì đâu! Đó là họ tự ý làm, tôi làm sao ngăn cản họ được!" Đáng tiếc là ở địa ngục không có luật sư biện hộ, thành ra tự mình phải bào chữa cho mình vậy!

"Chậm sanh vào chốn tốt lành." Lẽ ra, người ấy đáng được sanh lên cõi trời sớm hơn, nhưng vì còn phải mất thì giờ để biện luận, nên việc vãng sanh bị chậm trễ rất nhiều.

"Huống chi là người sắp chết lúc sống chưa từng có chút thiện căn, phải y theo bổn nghiệp mà tự đọa ác đạo! Hàng quyến thuộc nỡ nào làm tăng nghiệp tội của người ấy?!" Trong trường hợp kẻ lâm chung trước kia chưa từng tạo được chút phước lành nào cả, thì căn cứ theo ác nghiệp đã gây ra, kẻ ấy phải đọa vào đường ác; thế thì, những bà con thân thích sao còn nhẫn tâm làm cho nghiệp tội của người đó nặng nề thêm? Cho nên, quý vị đừng vì người chết mà sát sanh, hoặc làm những

việc tàn ác; mà hãy ăn chay, niệm Phật, tụng Kinh hồi hướng cho họ.

Ở đây có một tỷ dụ; tỷ dụ như thế nào? **"Ví như có người từ xứ xa đến, tuyệt lương thực đã ba ngày.** Đã ba hôm rồi người ấy chưa được ăn uống gì cả, thế mà **lại vác theo đồ vật nặng hơn trăm cân.** Đã vậy, người đó **bỗng gặp kẻ lân cận gởi ít món đồ nữa, vì thế mà càng khốn đốn, nặng nề thêm."**

Tỷ dụ này ngụ ý rằng người đó vốn đã có tội rồi, lẽ ra hàng quyến thuộc nên vì người đó mà làm việc phước thiện hầu giảm bớt nghiệp tội; thế nhưng họ chẳng những không làm việc phước lành, mà còn nhân danh người đó để giết hại chúng sanh nữa!

Trong tỷ dụ trên, người từ xứ xa đến nọ vốn đã ba ngày trời không ăn không uống, trên lưng lại phải vác đồ rất nặng, cho nên đã kiệt sức, đi không muốn nổi rồi; thế mà hàng xóm lân cận lại còn gởi thêm vài món đồ nữa, vì vậy càng nặng và vất vả hơn trước nhiều. Điều này biểu thị cho việc người đó vốn đáng tội phải đọa địa ngục rồi, quý vị lại còn vì người đó mà sát sanh hại vật, gây thêm tội lỗi nữa, cho nên thời gian người đó phải ở trong địa ngục càng lâu dài hơn; vì thế mà nói là "càng khốn đốn, nặng nề thêm."

Trong tỷ dụ trên, "đồ vật nặng" là dụ cho Ngũ Uẩn; "nặng hơn trăm cân" là dụ cho Thập Ác; "kẻ lân cận" là chỉ cho gia quyến của người chết; "gởi ít món đồ nữa" là chỉ cho việc quyến thuộc vì người chết mà giết hại heo dê, làm cho nghiệp tội của người đó càng thâm trọng thêm.

KINH VĂN:

"Bạch Đức Thế Tôn! Con xem xét chúng sanh cõi Diêm Phù Đề, ở trong giáo pháp của chư Phật, nếu có thể làm thiện sự chừng bằng một sợi lông, một giọt nước, một hạt cát, một mảy bụi, thì tất cả đều tự mình được sự lợi ích."

Nói lời như thế xong, trong Pháp Hội có một vị Trưởng Giả tên là Đại Biện, ông Trưởng Giả này từ lâu đã chứng Vô Sanh, hiện thân Trưởng Giả để hóa độ thập phương, ...

LƯỢC GIẢNG:

Địa Tạng Vương Bồ Tát bạch với Đức Phật rằng: **"Bạch Đức Thế Tôn! Con xem xét chúng sanh cõi Diêm Phù Đề, ở trong giáo pháp của chư Phật, nếu có thể làm thiện sự chừng bằng một sợi lông, một giọt nước, một hạt cát, một mảy bụi, thì tất cả đều tự mình được sự lợi ích."** Chỉ cần họ có thể ở trong Phật Giáo thì việc thiện họ làm được dù lớn dù nhỏ cũng đều tạo được công đức, và hết thảy công đức đó đều là của họ, hoàn toàn thuộc về họ.

Khi Địa Tạng Vương Bồ Tát **nói lời như thế xong, trong Pháp Hội có một vị Trưởng Giả tên là Đại Biện ...** Vị Trưởng Giả giàu có này có đầy đủ bốn loại vô ngại biện tài (Tứ Vô Ngại Biện): Nghĩa Vô Ngại Biện, Pháp Vô Ngại Biện, Từ Vô Ngại Biện, Nhạo Thuyết Vô Ngại Biện.

Ông Trưởng Giả này từ lâu đã chứng Vô Sanh. Từ thuở lâu xa về trước, Trưởng Giả Đại Biện đã chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn và đạt đến quả vị Niết Bàn; nay ông **hiện thân Trưởng Giả để hóa độ thập phương.** Vì muốn giáo hóa, độ thoát tất cả chúng sanh trong khắp mười phương, nên ông hiện thân làm một vị đại phú Trưởng Giả.

KINH VĂN:

... chắp tay cung kính hỏi Địa Tạng Bồ Tát rằng: "Thưa Đại Sĩ! Trong cõi Nam Diêm Phù Đề có chúng sanh nào sau khi mạng chung mà hàng quyến thuộc kẻ lớn người nhỏ, đều vì người chết đó mà tu công đức, cho đến thiết trai, tạo những thiện nhân, thì người chết đó có được lợi ích lớn và được giải thoát chăng?"

Địa Tạng Bồ Tát đáp rằng: "Này ông Trưởng Giả! Nay tôi vì tất cả chúng sanh trong hiện tại cùng vị lai, nương oai lực của Đức Phật mà lược nói về việc đó.

Này ông Trưởng Giả! Những chúng sanh ở hiện tại hay vị lai, lúc sắp mạng chung mà nghe được danh hiệu của một đức Phật, danh hiệu của một vị Bồ Tát, danh hiệu của một vị Bích

Chi Phật, thì bất luận là có tội hay không tội, thảy đều được giải thoát cả."

LƯỢC GIẢNG:

Ông Trưởng Giả Đại Biện bấy giờ **chắp tay cung kính hỏi Địa Tạng Bồ Tát rằng: "Thưa Đại Sĩ! Trong cõi Nam Diêm Phù Đề có chúng sanh nào sau khi mạng chung mà hàng quyến thuộc kẻ lớn người nhỏ, đều vì người chết đó mà tu công đức, cho đến thiết trai**, làm cơm chay để cúng dường Tam Bảo**, tạo những thiện nhân,** gieo trồng những chủng tử thiện lành**, thì người chết đó có được lợi ích lớn và được giải thoát chăng?** Chẳng hay người chết đó có thể đạt được sự lợi ích to lớn, hoặc có thể thoát khỏi mọi nghiệp tội hay không?"

Địa Tạng Bồ Tát đáp rằng: "Này ông Trưởng Giả! Nay tôi vì tất cả chúng sanh trong hiện tại cùng vị lai, nương oai lực của Đức Phật mà lược nói về việc đó. Tôi sẽ mượn đại oai thần lực của Phật mà nói sơ lược đôi điều về việc đó!"

Quý vị xem! Bồ Tát Địa Tạng không nói là dùng sức oai thần của chính mình, mà lại nói là nương vào đại oai thần lực của Phật; đó là vì sao? Đó là biểu thị lòng tôn kính của Ngài đối với Đức Phật, và cũng chính vì thế mà lúc nào Ngài cũng nhắc đến Phật trước tiên.

Bồ Tát Địa Tạng nói tiếp: **"Này ông Trưởng Giả! Những chúng sanh ở hiện tại hay vị lai, lúc sắp mạng chung mà nghe được danh hiệu của một đức Phật, danh hiệu của một vị Bồ Tát, danh hiệu của một vị Bích Chi Phật** hoặc Duyên Giác**, thì bất luận là có tội hay không tội, thảy đều được giải thoát cả."**

Tại sao lúc sắp mạng chung mà nghe được một danh hiệu của Phật, Bồ Tát, hoặc Bích Chi Phật, thì bao nhiêu tội chướng đều có thể tiêu trừ?

Lúc sắp mạng chung tức là lúc mà mạng căn của con người sắp sửa đoạn dứt. Mạng căn vốn do ba yếu tố là "noãn" (hơi ấm), "tức" (hơi thở), và "thức" (sự hiểu biết) hợp lại mà thành; con người chết, tức là mạng căn đứt đoạn. Mạng căn khi đoạn thì đầu tiên là cơ thể mất dần hơi ấm (noãn khí), kế đến là không còn hô

hấp (tức), và sau đó là đến lượt thần thức ra đi. Ba thứ "noãn, tức, thức" đều đoạn hết, tức là mạng chung: mạng căn đã đứt, không còn nữa. Có câu:

"Chim sắp chết thì tiếng kêu bi thảm,
Người sắp chết thì lời nói thiện lành."
(Điểu chi tương tử, kỳ điểu dã ai,
Nhân chi tương vong, kỳ ngôn dã thiện.)

Con người, khi sắp chết thì thiên lương trỗi dậy, lương tâm có thể nhận ra được những gì mình đã làm trong suốt một đời này, là đúng hoặc là không đúng. Đó là một sự "phản tỉnh." Lúc bấy giờ, kẻ lâm chung chân chánh nhìn nhận những việc làm không đúng của mình; do đó mà sanh lòng ăn năn sám hối. Một khi đã khởi tâm sám hối rồi, thì cho dù chỉ nghe thấy danh hiệu của một đức Phật, một tôn Bồ Tát, hoặc một tôn Bích Chi Phật, cũng đều có thể diệt được vô lượng tội chướng, gieo trồng vô lượng thiện căn! Vì thế, lúc sắp mạng chung là một thời điểm tối quan trọng; đồng thời, đó cũng là thời điểm khó phát khởi thiện tâm cầu sám hối nhất!

Vì sao thường ngày chúng ta cần phải niệm Phật? Thường ngày niệm "Nam Mô A Di Đà Phật," là chuẩn bị cho lúc lâm chung không bị quên mất. Nếu ngày ngày đều niệm Phật, thì đến lúc sắp mạng chung chúng ta sẽ không thể nào quên câu niệm Phật được. Nếu quý vị suy nghĩ một cách đơn giản, cho rằng đợi đến lúc sắp mạng chung rồi hãy niệm Phật, hãy sanh thiện tâm, thì e rằng tới lúc đó mới biết là không dễ dàng chút nào, và cũng đã quá muộn màng! Tuy nhiên, nếu lúc lâm chung mà sanh được thiện tâm thì vô cùng vi diệu: chỉ cần một niệm sám hối là có thể tiêu trừ hết thảy nghiệp tội!

KINH VĂN:

"Như có người nam hoặc người nữ nào, lúc sống đã không tu thiện nhân mà lại tạo nhiều nghiệp tội, sau khi mạng chung lại được hàng quyến thuộc vì người chết mà tu tạo phước lợi lớn

nhỏ; thì tất cả Thánh sự, trong bảy phần công đức, người chết được một phần, còn sáu phần thuộc về người sống hiện lo tu tạo đó.

Vì thế cho nên, các thiện nam thiện nữ ở hiện tại và vị lai, nghe lời nói vừa rồi đó nên cố gắng tự tu hành, thì được hưởng trọn phần công đức.

Đại quỷ Vô Thường không hẹn mà đến, thần hồn vơ vẩn mịt mờ, chưa rõ là tội hay phước, trong bốn mươi chín ngày như ngây như điếc, hoặc ở tại các ty sở để biện luận về nghiệp quả, sau khi thẩm định xong thì cứ y theo nghiệp mà thọ sanh.

Trong lúc chưa biết ra sao đó thì đã ngàn muôn sầu khổ, huống là phải bị đọa vào các ác đạo!

Người chết đó khi chưa được thọ sanh, ở trong bốn mươi chín ngày luôn luôn trông ngóng hàng cốt nhục quyến thuộc tu tạo phước lực để cứu vớt cho. Quá ngày ấy rồi thì cứ theo nghiệp mà thọ báo.

Nếu là tội nhân thì phải trải qua trong trăm ngàn năm, không có ngày được giải thoát; còn nếu là tội Ngũ Vô Gián thì phải đọa vào đại địa ngục, chịu mãi những sự đau khổ trong ngàn kiếp muôn kiếp."

LƯỢC GIẢNG:

Địa Tạng Vương Bồ Tát lại bảo ông Trưởng Giả Đại Biện rằng: **"Như có người nam hoặc người nữ nào, lúc sống đã không tu thiện nhân mà lại tạo nhiều nghiệp tội ..."** Giả sử có người nam hoặc người nữ nào đó khi còn sống đã có tu Ngũ Giới và Thập Thiện; song, mặc dù đã thọ Ngũ Giới và phát tâm tu Thập Thiện, người ấy lại không làm thiện sự, chẳng trồng thiện nhân, lại còn tạo thêm biết bao nghiệp tội nữa.

"Sau khi mạng chung lại được hàng quyến thuộc vì người chết mà tu tạo phước lợi lớn nhỏ." Nếu sau khi người nam hoặc người nữ ấy qua đời, thân nhân có thể vì người chết mà tu tạo một vài việc phước lợi nho nhỏ hoặc một vài việc phước

lợi lớn lao, **"thì tất cả Thánh sự, trong bảy phần công đức, người chết được một phần, còn sáu phần thuộc về người sống hiện lo tu tạo đó."** "Thánh sự" cũng chính là thiện sự.

Như vậy, trong bảy phần công đức thì người chết chỉ được hưởng một phần mà thôi; sáu phần công đức còn lại là thuộc về người sống, tức là hàng quyến thuộc đã lo tu tạo phước lợi đó.

"Vì thế cho nên, các thiện nam thiện nữ ở hiện tại và vị lai, nghe lời nói vừa rồi đó nên cố gắng tự tu hành, thì được hưởng trọn phần công đức." Bởi nhân duyên đó, tất cả thiện nam thiện nữ trong đời này và đời sau hãy nhân lúc mình đang được "mắt tinh tai thính," còn đang khỏe mạnh, mà cố gắng tự mình tu tập thiện sự. Trong lúc còn sống, nếu chính quý vị tự làm việc công đức, thì mỗi một phần công đức tạo được đều là của riêng quý vị, hoàn toàn thuộc về quý vị.

"Đại quỷ Vô Thường không hẹn mà đến." Vì sao gọi là "quỷ Vô Thường"? Bởi vì khi nó tìm đến thì quý vị không còn "thường" nữa, song quý vị lại không thể biết được khi nào thì nó xuất hiện!

"Thần hồn vơ vẩn mịt mờ." Câu này nguyên văn chữ Hán là "minh minh du thần." "Minh minh" tức là rất hắc ám, tối tăm. "Du thần" cũng là "du hồn," cũng chính là "hồn phách," và cũng là "thân trung ấm," lại còn gọi là "thân trung hữu" của con người.

Cái "hữu" trong "thân trung hữu" chính là cái "hữu" của "Hữu duyên Sanh" trong Thập Nhị Nhân Duyên: Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh Sắc, Danh Sắc duyên Lục Nhập, Lục Nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, Sanh duyên Lão Tử.

Lúc năm ấm trước đã diệt, năm ấm sau chưa sanh, thì khi năm ấm trước sau chưa sanh đó, gọi là "thân trung ấm." "Thân trung ấm" nhìn đại địa thì chỉ thấy tối đen như mực, thấy thế giới này như không có ánh sáng của mặt trời mặt trăng; cho nên nói là "minh minh du thần" vậy.

"Chưa rõ là tội hay phước." Người mới chết đó bấy giờ cũng chưa biết rõ là mình đã gây tội hay tạo phước nữa!

"Trong bốn mươi chín ngày như ngây như điếc." Tại nước Trung Hoa, do ảnh hưởng của đạo Phật, nên nội trong bảy thất (bốn mươi chín ngày) sau khi người thân chết, thì quyến thuộc thường thỉnh Tăng sĩ, hoặc Đạo sĩ tụng Kinh để siêu độ vong linh. "Như ngây" tức là giống như một kẻ không biết gì cả; "như điếc" tức là cũng không nghe thấy bất kỳ âm thanh nào cả.

"Hoặc ở tại các ty sở để biện luận về nghiệp quả." Ở địa ngục không phải chỉ có một vị Diêm La Vương thôi, mà có tới mười vị, gọi là Thập Điện Diêm Quân. Dưới quyền của mỗi vị Diêm Quân lại phân ra rất nhiều bộ môn; do đó mỗi vị Diêm La Vương có năm ty sở, đó là:

1. Tiên Quan (cấm sát sanh),
2. Thủy Quan (cấm trộm cắp),
3. Thiết Quan (cấm tà dâm),
4. Thổ Quan (cấm nói lưỡi đôi chiều),
5. Thiên Quan (cấm rượu).

Dưới quyền mỗi vị Diêm La Vương đều có năm vị quan giữ các chức sự này, gọi là Ngũ Ty. Ngũ Ty là trông coi về nghiệp tội gây tạo trong một đời của mọi người. Mỗi ty kiểm soát một loại nghiệp tội, cho nên người chết lúc sống phạm loại nghiệp tội nào thì tới ty sở tương ứng với nghiệp tội đó để thẩm vấn, biện luận.

"Sau khi thẩm định xong, thì cứ y theo nghiệp mà thọ sanh." Sau khi biện luận nghiệp quả, người chết phải chờ sự thẩm định, xem đã gây tạo tội lỗi gì thì sẽ phải chịu quả báo gì. Một khi đã thẩm định xong, thì người ấy phải y theo những nghiệp mình đã tạo mà thọ lấy quả báo.

"Trong lúc chưa biết ra sao đó thì đã ngàn muôn sầu khổ, huống là phải bị đọa vào các ác đạo!" Trong thời gian chờ đợi kết quả thẩm định, người ấy rất lo âu buồn bã, không biết tương lai mình sẽ đi đầu thai làm trâu làm ngựa, làm heo làm dê,

hoặc trở lại làm người. Bởi chính mình cũng không biết được mình sẽ ra sao cho nên trong lòng cứ phập phồng lo sợ, cảm thấy vô vàn thống khổ; thì huống chi là lúc đã đọa lạc vào các đường ác (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh) bấy giờ còn thống khổ đến chừng nào?

"Người chết đó khi chưa được thọ sanh, ở trong bốn mươi chín ngày luôn luôn trông ngóng hàng cốt nhục quyến thuộc tu tạo phước lực để cứu vớt cho." Trong khi chờ đợi để được đi thọ sanh, tức là trong vòng bốn mươi chín ngày sau khi chết, người đó từng giây từng khắc, tâm tâm niệm niệm, lúc nào cũng mong mỏi, trông chờ hàng thân thích ruột thịt sẽ tụng *Kinh Địa Tạng*, lễ bái *Địa Tạng Sám*, hoặc lễ lạy Địa Tạng Vương Bồ Tát, cúng dường Tam Bảo, tạo vô số phước lợi để cứu vớt cho mình.

"Quá ngày ấy rồi thì cứ theo nghiệp mà thọ báo." Quá bốn mươi chín ngày rồi thì người chết đó phải thọ lấy quả báo tùy theo nghiệp tội mà mình đã gây tạo.

Người chết đó, **"nếu là tội nhân,** là kẻ có tội, **thì phải trải qua trong trăm ngàn năm, không có ngày được giải thoát; còn nếu là tội Ngũ Vô Gián thì phải đọa vào đại địa ngục, chịu mãi những sự đau khổ trong ngàn kiếp muôn kiếp."** Nếu tội lỗi mà người chết đã phạm thuộc về năm tội ác tày trời (giết cha, giết mẹ, giết bậc A La Hán, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp Tăng) thì người ấy sẽ bị đọa địa ngục Vô Gián.

Ngũ Vô Gián tức là năm thứ nghiệp cảm hành hạ liên tục, không gián đoạn:

1) Thời gian không gián đọan (Thời vô gián - thời gian thọ khổ là liên tục, không gián đoạn). Kể từ lúc vào địa ngục cho đến khi được thoát ra, trong suốt thời gian này, tội nhân liên miên thọ khổ, không có một giây một khắc nào được ngưng nghỉ; cho nên gọi là "thời vô gián."

2) Thân hình không gián đọa n (Hình vô gián) . Một người ở địa ngục thì thấy thân thể mình choán chật cả ngục; mà rất nhiều

người cùng ở trong ngục thì cũng thấy thân hình của họ chật đầy cả ngục như thế; đó là "hình vô gián" (hình không gián đoạn).

3) Khổ không gián đọan (Khổ vô gián). Từ khi bước chân vào địa ngục, tội nhân phải liên tục chịu đựng những khổ hình bởi các tội khí như cái chĩa, gậy gộc, không hề gián đoạn.

4) Sanh mạng không gián đoạn (Mạng vô gián). Tội nhân ở địa ngục này, một ngày một đêm là cả vạn lần chết đi, muôn lần sống lại: sanh mạng cũng không gián đoạn.

5)) Quả báo không gián đoạn (Quả báo vô gián). Quả báo mà tội nhân thọ chịu cũng liên miên bất tận, không gián đoạn.

Vậy, nếu phạm tội Ngũ Vô Gián thì phải đọa vào các địa ngục lớn như tám địa ngục lạnh, tám địa ngục nóng ..., và trải qua thời gian dài có đến hằng ngàn hằng vạn kiếp vẫn phải ở mãi trong địa ngục mà thọ lãnh những sự đau khổ.

KINH VĂN:

"Lại nữa, này ông Trưởng Giả! Sau khi những chúng sanh gây nghiệp tội như thế mạng chung, hàng cốt nhục quyến thuộc vì họ mà làm chay cúng dường để trợ giúp nghiệp đạo, thì khi thức ăn chưa làm xong cùng trong lúc đang làm, chớ có đem nước gạo, lá rau đổ vung vãi nơi đất, cho đến các thứ đồ ăn chưa dâng cúng cho Phật và chư Tăng thì chẳng được ăn trước.

Nếu ăn trái phép và không được tinh sạch kỹ lưỡng, thì người chết đó trọn không được trợ lực nào cả.

Nếu có thể kỹ lưỡng giữ gìn tinh sạch đem dâng cúng cho Phật cùng Tăng, thì trong bảy phần công đức, người chết hưởng được một phần.

Này ông Trưởng Giả! Vì thế nên những chúng sanh trong cõi Diêm Phù, sau khi cha mẹ hay người quyến thuộc chết, nếu có thể thiết trai cúng dường, chí tâm cầu khẩn, thì những người như thế, kẻ còn lẫn người mất đều được lợi ích cả."

Nói lời này xong, tại cung trời Đao Lợi có ngàn muôn ức na-do-tha quỷ thần của cõi Diêm Phù Đề đều phát tâm Bồ Đề vô lượng.

Ông Trưởng Giả Đại Biện làm lễ mà lui ra.

LƯỢC GIẢNG:

Địa Tạng Vương Bồ Tát lại bảo Trưởng Giả Đại Biện rằng: **"Lại nữa, này ông Trưởng Giả!** Nay Ta sẽ vì Ông mà nói cặn kẽ hơn. **Sau khi những chúng sanh gây nghiệp tội như thế mạng chung, hàng cốt nhục quyến thuộc vì họ mà làm chay cúng dường để trợ giúp nghiệp đạo ..."** Sau khi những chúng sanh đã từng gây tạo nghiệp tội nói trên qua đời, thân nhân bạn bè của họ có thể đứng ra thay họ mà làm một bữa ăn chay tươm tất thành kính cúng dường Tam Bảo, để giúp cho nghiệp đạo của họ. "Nghiệp đạo" này tất nhiên là ám chỉ "ác nghiệp"; do đó, "trợ giúp nghiệp đạo" tức là giúp cho người chết được nhẹ bớt ác nghiệp.

"Thì khi thức ăn chưa làm xong cùng trong lúc đang làm, chớ có đem nước gạo, lá rau đổ vung vãi nơi đất, cho đến các thứ đồ ăn chưa dâng cúng cho Phật và chư Tăng thì chẳng được ăn trước." Trước lúc thọ trai hoặc sau khi làm xong các thức ăn, quý vị không nên tùy tiện đổ bỏ nước gạo và vất bỏ rau cải một cách bừa bãi. Lại nữa, khi các thức ăn chay đã nấu nướng xong, nếu chưa đem cúng Phật và chư Tăng chưa dùng tới, thì quý vị không được tự mình ăn trước. Do đó tại chùa chiền hoặc Phật Đường, bất luận quý vị làm món ăn gì dể cúng dường, thì đều phải dâng lên cúng Phật trước. Thông thường, vào ngày đản sanh của Đức Phật, thì mọi người nấu vài món ăn chay tinh khiết, thanh đạm để cúng dường Phật; sau khi cúng Phật xong thì mọi người mới cùng nhau ăn.

Ở Trung Hoa, cúng Phật thì thường là sắp ba chén cơm đầy và thức ăn trước tượng Phật, và cần phải sắp đặt cho đàng hoàng ngay ngắn, chứ không được tùy tiện để sang một bên, hoặc muốn đặt đâu thì đặt! Ví dụ, cúng ba chén cơm thì phải trang trọng đặt ngay ngắn ở chính giữa bàn thờ và ngay trước tượng Phật; ba

chén nằm thẳng hàng, khoảng cách đều nhau, tươm tất trịnh trọng. Cúng trái cây cũng phải trịnh trọng như vậy. Phía trước tượng Phật, nơi để sắp đồ cúng, thì không được để đồ bừa bãi. Đó là biểu thị lòng cung kính.

Nếu quý vị tùy tiện để đồ vật trên bàn thờ Phật tức là không cung kính Phật; vì sao? Lấy thí dụ, nếu quý vị để một đống đồ ngổn ngang, bừa bãi ngay trước mặt một người nào đó, thì hẳn nhiên là người ấy sẽ cảm thấy bực bội, không vui rồi! Nếu gặp những kẻ quen thói bê bối cẩu thả như heo như chó, thì không nói làm gì; song nếu nhằm người thích ngăn nắp sạch sẽ mà quý vị để đồ đạc lung tung trước mặt họ, thì họ sẽ bực bội ngay. Hơn nữa, Phật là một người thanh tịnh nhất, do đó việc quý vị đặt để các vật phẩm bừa bãi, thiếu tôn kính trước mặt Phật là điều không nên! Trước mặt Phật chỉ nên thiết đặt các cúng phẩm như hoa quả, thức ăn mà thôi, ngoài ra không nên có đồ gì khác.

Ngoài thông lệ dâng ba chén cơm và thức ăn cúng Phật, có khi người ta dâng cúng năm chén, bảy chén, chín chén, hoặc nhiều hơn nữa tùy theo tính cách của dịp lễ. Như vào dịp Lễ Cúng Thiên chẳng hạn: mấy cái bàn đặt trước mặt tượng Phật đều toàn là thức ăn chay được sắp đặt từng chén từng chén một rất đàng hoàng tươm tất, đâu ra đó cả; chứ không phải là dùng một cái bát thật lớn rồi bỏ chung mọi thứ vào đó để cúng, hoặc mua một hộp bánh rồi thờ ơ để lên bàn thờ cho xong chuyện, chẳng buồn mở ra, bởi như thế không phải là cúng Phật mà là ô nhục Phật! Các phẩm vật dâng cúng cho Phật thì phải được mở ra cho đàng hoàng, không nên để nguyên cả bao bì giấy gói như thế mà đặt trên bàn thờ; bằng không, đó không phải là cúng Phật! Đây là những vấn đề mà tất cả mọi người đều nên biết. Nếu quý vị dâng đồ cúng trước tượng Phật mà không mở ra, chỉ thuận tay đặt bừa một gói trên bàn thờ rồi quay lưng bỏ đi, thì đó là một hành vi bất kính, vô lễ! Bởi cho dù đem thức ăn cho bất cứ một người nào, quý vị cũng không đến nỗi dằn mạnh cái chén trước mặt người đó rồi nói cộc lốc: "Nè, ăn đi!"; vì làm như thế người ta sẽ không ăn nổi!

Ở Trung Hoa có câu: " Người quân tử không ăn cơm thí" (Quân tử bất thực ta lai thực). Ngay cả đối với người ăn xin, khi quý vị cho họ chén cơm mà không nói được một câu tử tế: "Mời ông dùng tạm bát cơm này," thì họ cũng chẳng ăn đâu! Đó gọi là " không ăn cơm thí" Thế thì, huống gì là việc cúng Phật? Có nhiều người để nguyên cả gói quà lên bàn thờ, không mở ra. Tôi bắt gặp rất nhiều lần như thế rồi, có điều tôi không có nhiều thì giờ để giảng về vấn đề này

Bây giờ Phật Giáo truyền bá đến phương Tây, quý vị cần phải biết về các nghi thức hành lễ. Các chén cơm Thượng Cúng (cúng ngọ) nhất định phải sắp cho ngay ngắn tươm tất, đúng nơi đúng chỗ, không được bạ đâu để đó, muốn đặt đâu thì đặt. Cúng hoa quả trái cây cũng vậy, bình hoa chưng trên bàn thờ cũng phải cân xứng, trang trọng; nếu đặt để không đúng vị trí, đáng lẽ ở góc này thì quý vị lại dời nó sang góc kia, thì sẽ không đẹp, thiếu cân đối. Mọi việc đều cần phải có quy củ phép tắc. Nếu nói rằng có quá nhiều quy củ như thế làm sao mà nhớ cho hết được ư? Không nhớ được thì quý vị khỏi phải tu hành! Bởi tu hành tức là ở mọi nơi mọi lúc đều phải đúng với giáo pháp, luôn luôn tuân theo khuôn phép, nền nếp.

Lại nữa, xuất gia thì có quy củ của xuất gia, tại gia thì có quy củ của tại gia. Vị đại đệ tử xuất gia trước nhất thì phải vâng lời Sư Phụ; kỳ dư, vị đệ tử thứ nhì phải nghe lời của đại đệ tử, vị đệ tử thứ ba thì phải nghe lời của đại đệ tử và nhị đệ tử, không được "mục vô sư trưởng," xem thường sư phụ cùng các sư huynh. Làm đại đệ tử mà không nghe theo sự giáo hóa của Sư Phụ, thì gọi là "mục vô sư trưởng," không xem ai ra gì cả! Còn vị nhị đệ tử thì nhất định phải nghe theo sự giáo hóa của sư huynh, không được khinh mạn sư huynh.

Nếu quý vị ở vào cương vị của vị tam đệ tử thì nhất định phải nghe lời của vị đệ tử thứ nhất và thứ nhì. Vị thứ nhất và vị thứ nhì sai bảo việc gì thì quý vị nhất định phải vâng lời; không vâng lời tức là không tuân quy củ. Không bảo quý vị làm gì cả

thì quý vị phải nhất định đừng làm; bằng không, đó cũng là bất tuân quy củ vậy!

Trong đoàn thể Phật Giáo nhất định là có nhiều bậc sư trưởng, trưởng bối, quý vị không được "mục vô sư trưởng." Hễ quý vị xuất gia sau người ta dù chỉ một ngày thì quý vị cũng phải làm "sư đệ"; còn nếu quý vị xuất gia trước người ta một ngày thì quý vị sẽ thành "sư huynh." Người nào xuất gia trước thì người đó là lớn hơn, người nào xuất gia sau thì người đó vai vế nhỏ hơn. Bất luận là tuổi tác chênh lệch bao nhiêu, cho dầu quý vị có một trăm tuổi đi chăng nữa, mà xuất gia sau thì cũng phải là "sư đệ" như thường. Lại nữa, mặc dù quý vị mới một tuổi, song nếu xuất gia trước, thì quý vị sẽ thành "sư huynh."

Người xuất gia lấy ngày mình xuất gia làm ngày sinh nhật cho cuộc đời xuất gia của mình; rồi đến lúc lâm chung thì tính lại xem "tăng lạp" (tuổi xuất gia) của mình được bao nhiêu năm. Thí dụ, có người "thế thọ" là sáu mươi và "tăng thọ" là bốn mươi, có nghĩa là người ấy tuổi đời sống được đến sáu mươi tuổi và xuất gia được bốn mươi năm.

Đặc biệt là lúc thọ Giới của người xuất gia, hễ ai thọ Giới trước thì người đó làm "sư huynh." Mặc dù là cùng đi thọ Giới với nhau, quý vị vẫn phải gọi người vừa bước lên đàn thọ Giới trước quý vị là "Giới huynh," và người thọ Giới trễ hơn quý vị là "Giới đệ." Tuy nhiên, trong Giới Đàn thì mọi người đều xưng hô với nhau là "Giới huynh" cả. Quý vị gọi tôi là "Giới huynh," tôi cũng kêu quý vị là "Giới huynh"; không dùng danh xưng "Giới đệ" nữa. Đó là vì mọi người đều lễ phép lịch sự, cho dù "Giới đệ" cũng được gọi là "Giới huynh."

Ngoài ra, những vị xuất gia làm "tiểu" Sa Di trong chùa, thì nhất định là phải nghe lời chỉ huy của các "đại" Sa Di; nếu không nghe theo tức là "phạm thượng," ngỗ nghịch bất hiếu, là "phạm thượng tác loạn" vậy. Quy củ của người xuất gia trong Phật Giáo thì rất chú trọng đến trật tự trên dưới, chứ không tùy tiện, suồng sã như người tại gia được.

Tôi bình thường cũng không có thì giờ để giảng về các quy củ cúng Phật, cho nên cũng xuề xòa, thấy tạm được thì cũng thông qua, để xem coi quý vị rốt ráo là ngu si hay có trí huệ! Nếu quý vị là người có trí huệ thì không cần phải đợi có người dạy bảo mới biết được. Từ trước tới nay không có ai dạy cho tôi cả, song tôi chỉ cần nhìn qua một thoáng là hiểu được ngay. Đối với những kẻ ngu si, cho dù quý vị tận tâm dạy dỗ, thì họ cũng không thể nào nhớ được. Vì thế, qua cách xử sự mọi việc, trong mọi lúc, ở mọi nơi của một người đều thể hiện được là người đó có trí huệ hay không.

Như vậy, thức ăn chưa được dâng cúng cho Đức Phật cùng chư Tăng, thì mọi người không được ăn trước. Do đó khi ăn uống ở chùa, cần phải đợi cúng Phật xong và người xuất gia cũng đã thọ dụng rồi, thì người tại gia mới nên cùng nhau ngồi ăn. Người tại gia tuyệt đối không được ăn trước người xuất gia. Không riêng gì việc cúng Phật, mà luôn cả việc cúng dường Tam Bảo, mọi người đều phải theo đúng phép tắc như thế.

"Nếu ăn trái phép và không được tinh sạch kỹ lưỡng, thì người chết đó trọn không được trợ lực nào cả." Giả sử quý vị không tuân giữ quy củ này mà ăn trước, hoặc là lúc nấu nướng lại cẩu thả lơ đễnh, không chú ý, không làm đàng hoàng, đó gọi là "bất tinh cần"—không được tinh sạch kỹ lưỡng. Cúng dường Tam Bảo thì không được lơ đễnh; bởi nếu quý vị cúng dường Tam Bảo một cách qua loa cẩu thả, thì người chết sẽ chẳng hưởng được một mảy phước nào cả.

"Nếu có thể kỹ lưỡng giữ gìn tinh sạch đem dâng cúng cho Phật cùng Tăng ..." Nếu quý vị có thể đặc biệt chú ý, hết sức cẩn thận giữ gìn những thức ăn này được tinh sạch, rồi cung cung kính kính đem dâng cúng cho Đức Phật và chư Tăng, **thì trong bảy phần công đức, người chết hưởng được một phần."**

Năm ngoái chúng ta có tổ chức Lễ Truyền Cúng, hôm đó tất cả đại chúng đều quỳ xuống và cùng nhau dâng thức ăn cúng Phật. Những món ăn chay được múc ra từng dĩa hoặc chén, rồi mọi người tuần tự chuyền tay nhau dâng cúng và đặt lên bàn thờ

Phật. Chùa đã thận trọng nấu nướng nhiều món chay để cúng Phật; có tới cả trăm món khác nhau được đặt trong các khay vuông để mọi người chuyền tay nhau dâng cúng. Cũng có khi người ta dâng cúng Phật các xâu chuỗi tràng hạt hoặc y phục.

Bất cứ thứ gì cũng có thể cúng dường cho Phật được cả; có điều, đó phải là đồ mới, tốt đẹp, chứ không được đem những thứ mà mình không thích hoặc cũ kỹ hư hoại dâng cúng cho Phật! Như có một người nọ, ông ta mua bó rau mùi đến cúng dường Tam Bảo, thế mà ông ta lặt lấy phần tươi tốt để ở nhà dùng, rồi đem phần già và dai đến cúng dường tôi, để tỏ ra rằng ông ta cũng biết cúng dường, như thế thì hoàn toàn chẳng được chút công đức nào cả.

Vậy, nếu quý vị có thể vì người chết mà chuẩn bị các món ăn chay một cách thận trọng, tinh khiết để cúng dường cho Phật cùng chư Tăng, thì trong bảy phần công đức, người chết sẽ hưởng được một phần, kỳ dư, sáu phần còn lại thì thuộc về người sống.

"Này ông Trưởng Giả! Vì thế nên những chúng sanh trong cõi Diêm Phù, sau khi cha mẹ hay người quyến thuộc chết, nếu có thể thiết trai cúng dường, chí tâm cầu khẩn, thì những người như thế, kẻ còn lẫn người mất đều được lợi ích cả." "Thiết trai" tức là thiết lập, bày biện các thức ăn chay để cúng dường Tam Bảo. "Chí tâm" tức là thành khẩn, thiết tha đến cực điểm, không có gì hơn được nữa.

Chính vì những lý do nói trên, cho nên tất cả chúng sanh ở cõi Nam Diêm Phù Đề nếu có thể vì cha mẹ hoặc bà con thân thích của mình đã qua đời mà làm chay để cúng dường Tam Bảo và thiết tha dốc lòng cầu khẩn, thì chẳng những người còn sống được sự lợi ích, mà luôn cả người đã chết cũng được lợi lạc.

Nói lời này xong, tại cung trời Đao Lợi có ngàn muôn ức na-do-tha quỷ thần của cõi Diêm Phù Đề đều phát tâm Bồ Đề vô lượng. Lúc Địa Tạng Vương Bồ Tát dứt lời, đông đảo quỷ thần của thế giới Diêm Phù hiện diện tại Đao Lợi thiên cung đều phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Ông Trưởng Giả Đại Biện làm lễ mà lui ra. Ông Trưởng Giả Đại Biện hướng về Bồ Tát Địa Tạng mà cúi lạy, hướng về Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng cúi đầu đảnh lễ, rồi lui vào đứng sang một bên.

Người xuất gia, không chỉ có đệ tử lạy Sư Phụ, mà ngay cả sư đệ cũng nên lạy sư huynh. Đừng như người Mỹ, cha mẹ anh em đều không tương can, chẳng ai để ý tới ai cả. Chúng ta không nên như thế. Làm thân sư đệ thì phải như vậy, ai biểu quý vị chịu làm sư đệ làm chi? Ai biểu quý vị xuất gia trễ, sau người khác làm chi? Quý vị xuất gia sau thì phải làm sư đệ, mà sư đệ thì phải kính trọng sư huynh; không kính trọng sư huynh tức là phạm sai lầm, phạm quy củ của Phật đã dạy, về sau sẽ bị lửa thiêu chết!

KINH ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỔN NGUYỆN THIỂN THÍCH

Quyển Trung

Phẩm Thứ Tám

CÁC VUA DIÊM LA VÀ QUYẾN THUỘC KHEN NGỢI

Thoạt nghe tới mấy tiếng "vua Diêm La" hẳn là mọi người ai nấy đều có cảm giác sờ sợ! "Diêm La" là phiên âm từ chữ "yama" của tiếng Ấn Độ; "vua Diêm La" là vị vua cai quản loài quỷ.

Chúng ta thường nghe nói tới "thập điện Diêm La," tức là mười vị vua cai quản mười điện ở địa ngục. Tuy nhiên, theo văn nghĩa của bản kinh này thì ở đây không phải chỉ đề cập đến "thập điện Diêm La" của Nam Thiệm Bộ Châu, mà là bao gồm hết thảy vua Diêm La trên toàn vũ trụ. Mỗi thế giới đều có vua Diêm La, do đó có đến vô lượng vô biên vị vua Diêm La: vô cùng đông đảo. Có những vị vua Diêm La đến từ các thế giới khác như mặt trăng, các vì tinh tú ...; và cũng có những vị đến từ các núi Thiết Vi của những nơi khác.

Nói tóm lại, ở đâu có con người thì ở đó có vua Diêm La, nơi nào không có con người thì nơi ấy không có vua Diêm La; vì sao? Bởi vì nếu không có loài người thì sẽ không có loài quỷ, mà không có quỷ thì cũng không có Phật, và đó chính là "vô Phật thế giới": thế giới không có Phật. Mà, vì là thế giới không có Phật cho nên cũng không có vua Diêm La!

Do đó, chủ yếu là ở con người, nếu không có con người thì cái gì cũng không hiện hữu cả. Trên thế giới này con người chi phối mọi thứ, tạo dựng ra mọi thứ, có nhu cầu về mọi thứ và sử dụng mọi thứ, tất cả đều do con người mà ra. Nếu không có con người thì thế giới này sẽ không có Phật, không có Bồ Tát, và cũng chẳng có ngạ quỷ, chẳng có địa ngục, chẳng có súc sanh, hoàn toàn không có gì cả! Cho nên, tất cả đều do con người mà ra, vì con người mà có!

Thế thì, con người là do cái gì tạo thành? Con người là do "tâm" tạo thành! Tâm không chỉ tạo ra con người mà còn có thể tạo ra mọi thứ: thiên đường, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh ...; vì thế mà nói rằng mười Pháp Giới đều do tâm tạo thành. Song, tâm tạo ra mười Pháp Giới thì tâm cũng có thể hủy diệt mười Pháp Giới[1]! Trong *Kinh Hoa Nghiêm* có chép:

"Nếu ai muốn rõ biết,
Tất cả Phật ba đời,
Nên quán tánh Pháp Giới,
Hết thảy do tâm tạo."

(Nhược nhân dục liễu tri,

Tam thế nhất thiết Phật,
Ưng quán Pháp Giới tánh,
Nhất thiết duy tâm tạo.)

Tất cả đều do cái "tâm" này tạo thành! Trong tâm của chúng ta có rất nhiều tạp niệm: những tạp niệm này thì nhiều như sóng nước và được biểu hiện nơi sơn hà đại địa trên thế giới. Mọi thứ đều do tâm vọng tưởng của con người tạo ra: cái tâm vọng tưởng ấy vốn nhiều như bụi bặm, và chính vì trong thâm tâm chúng ta có vọng tưởng cho nên bên ngoài mới có nhiều bụi bặm. Nếu vọng tưởng bên trong không còn thì bụi bặm bên ngoài cũng chẳng hiện hữu, và ngay cả "lân hư trần" cũng chẳng tồn tại. Phàm hễ nơi nào có con người thì nơi đó cũng sẽ có quỷ, có Phật, và do đó, có sự hiện diện của các vua Diêm La.

Theo bản Hán văn, phẩm này có tựa đề là "Diêm La Vương Chúng Tán Thán"; trong đó chữ "chúng" là ám chỉ quyến thuộc của các vua Diêm La. Lúc bấy giờ, trong Pháp Hội không phải chỉ có các vua Diêm La mà luôn cả bà con thân thuộc của họ cũng đều hiện diện, và hết thảy đều đồng lòng khen ngợi. Các vua Diêm La cùng quyến thuộc của họ khen ngợi việc gì? Họ khen ngợi đại oai thần lực, trí huệ bất khả tư nghì, cảnh giới bất khả tư nghì của Địa Tạng Vương Bồ Tát. Và, đây là phẩm thứ tám của bản kinh này.

KINH VĂN:

Lúc đó, trong dãy núi Thiết Vi có vô lượng Quỷ Vương cùng với Thiên Tử Diêm La đồng lên cung trời Đao Lợi, đến chỗ của Đức Phật. Đó là:

Quỷ Vương Ác Độc,
Quỷ Vương Đa Ác,
Quỷ Vương Đại Tranh,
Quỷ Vương Bạch Hổ,
Quỷ Vương Huyết Hổ,
Quỷ Vương Xích Hổ,

Quỷ Vương Tán Ương,
Quỷ Vương Phi Thân,
Quỷ Vương Điển Quang,
Quỷ Vương Lang Nha,
Quỷ Vương Thiên Nhãn,
Quỷ Vương Đạm Thú,
Quỷ Vương Phụ Thạch,
Quỷ Vương Chủ Hao,
Quỷ Vương Chủ Họa,
Quỷ Vương Chủ Thực,
Quỷ Vương Chủ Tài,
Quỷ Vương Chủ Súc,
Quỷ Vương Chủ Cầm,
Quỷ Vương Chủ Thú,
Quỷ Vương Chủ Mỵ,
Quỷ Vương Chủ Sản,
Quỷ Vương Chủ Mạng,
Quỷ Vương Chủ Tật,
Quỷ Vương Chủ Hiểm,
Quỷ Vương Tam Mục,
Quỷ Vương Tứ Mục,
Quỷ Vương Ngũ Mục,
Kỳ Lợi Thất Vương,
Đại Kỳ Lợi Thất Vương,
Kỳ Lợi Xoa Vương,
Đại Kỳ Lợi Xoa Vương,
A Na Tra Vương,
Đại A Na Tra Vương.

Những vị Đại Quỷ Vương như thế, mỗi vị cùng với trăm ngàn tiểu quỷ vương, toàn cư ngụ ở cõi Diêm Phù Đề, ai nấy đều có chức trách, đều có phần chủ trị riêng.

LƯỢC GIẢNG:

Lúc đó, trong dãy núi Thiết Vi có vô lượng Quỷ Vương cùng với Thiên Tử Diêm La... Trong Biển Hoa Tạng Thế Giới , nơi nhân loại chúng ta đang sống là tầng thứ mười ba của Thế Giới Liên Hoa Tràng. Bên ngoài Thế Giới Liên Hoa Tràng có bảy lớp núi vàng bao bọc, bên ngoài bảy lớp núi vàng lại có bảy lớp biển Hương Thủy, và bên ngoài bảy biển Hương Thủy là núi Thiết Vi. Núi Thiết Vi này là một hòn núi do chất sắt tích tụ thành, trong núi có vô lượng Quỷ Vương và Diêm La Vương.

Các vị vua Diêm La cũng tự xưng mình là "thiên tử" (con của Trời), giống như Chúa Giê-su vậy! Và, luôn cả các vị hoàng đế ở nhân gian cũng xưng mình là "thiên tử"! Đều là con cái của Trời cả, thế thì vị nào là lớn, vị nào là nhỏ? Chẳng có vị nào lớn, cũng chẳng có vị nào nhỏ cả. Ai gọi họ là "thiên tử"? Vua Diêm La được Đức Phật thừa nhận là "thiên tử" Diêm La; và hoàng đế cũng được Phật thừa nhận, có thể được gọi là "thiên tử." Duy chỉ có Chúa Giê-su là tự đặt "quốc hiệu," tự phong cho mình làm "con của Trời" mà thôi!

Tôi cũng có thể tự xưng mình là "thiên tử" mà chẳng sợ bị ai phản đối, nhưng tôi lại chẳng thích làm thiên tử chút nào cả, bởi đó là chuyện không đáng! Thế thì tại sao vua Diêm La lại thích cái danh xưng "không đáng" này? Bởi vì vua Diêm La là kẻ có trách nhiệm quản lý công việc đó! Theo quan điểm của Phật Giáo, người xuất gia sau khi thọ giới Tỳ Kheo là trở thành một vị sư phụ của nhân thiên, là bậc thầy của cõi trời và cõi người. Như thế, bậc Tỳ Kheo chẳng những có thể làm thiên tử, mà còn có thể làm "ông sư phụ" của thiên tử nữa; cho nên tôi mới nói cái danh xưng "thiên tử" đối với tôi là không đáng!

Đồng lên cung trời Đao Lợi, đến chỗ của Đức Phật. Nhân dịp Đức Phật đến Đao Lợi thiên cung thuyết Pháp cho Phật Mẫu, các Diêm La Vương cùng các Quỷ Vương cũng tới đó để nghe Phật giảng kinh thuyết Pháp.

1) **Đó là Quỷ Vương Ác Độc** (chúa loài quỷ ác độc). Trong số các Quỷ Vương cùng đến cung trời Đao Lợi có một vị tên là

Quỷ Vương Ác Độc; và đây là vị Quỷ Vương xấu xa nhất. Làm sao biết được vị Quỷ Vương này là xấu xa nhất? Vì ông ta rất "ác độc"! "Ác độc" tức là xấu xa đến cực điểm: vừa ác lại vừa độc.

Quỷ Vương Ác Độc hễ trông thấy bất cứ chúng sanh nào là chỉ muốn há miệng ra nuốt chửng chúng sanh đó vào bụng ngay. Quý vị thấy vị Quỷ Vương này có lợi hại hay không? Lòng dạ thì ác, miệng lại độc nữa, vậy sự ác độc ấy biểu thị cái gì? Sự ác độc của Quỷ Vương Ác Độc không phải để đối phó với người hiền lành lương thiện, mà là để đối phó với kẻ xấu xa độc ác. Người ác thì lòng dạ hung dữ, miệng lưỡi hiểm độc; do đó, để đối phó với họ thì chúng ta chỉ có cách "lấy độc trị độc," tức là dùng cái ác để chế ngự cái ác mà thôi! Quý vị tàn ác, thì vị Quỷ Vương này sẽ tàn ác hơn quý vị; quý vị hiểm độc, thì ông ta càng hiểm độc hơn cả quý vị nữa!

Tuy nhiên, quý vị chớ vội lầm tưởng rằng Quỷ Vương Ác Độc là một kẻ ác độc mà sanh lòng khiếp sợ. Quý vị đừng sợ vị chúa quỷ này, chỉ cần quý vị thành tâm niệm Phật thì ông ấy sẽ cung kính lễ bái quý vị; còn nếu quý vị không niệm Phật thì tâm sân hận của ông ta sẽ bộc phát! Quý vị niệm Phật thì ông ta sẽ không hung ác, quý vị tụng kinh thì ông ta lập tức hướng thiện: do đóchúng ta không nên sợ vị Quỷ Vương này! Quý vị chỉ cần tinh tấn niệm Phật, chí thành tụng kinh, phát tâm Bồ Đề, thì Quỷ Vương dù ác đến đâu cũng không còn ác nữa, dù độc cách mấy cũng chẳng thể độc nữa, mà sẽ trở thành một vị Hộ Pháp đắc lực; vì sao? Bởi Quỷ Vương Ác Độc vốn là:

"Ngoài hiện tướng Quỷ Vương ác độc,
Trong giữ lòng Bồ Tát từ bi
(Ngoại hiện ác độc Quỷ Vương tướng,
Nội tồn Bồ Tát từ bi tâm.)

Trong thâm tâm, Quỷ Vương Ác Độc muốn dùng phương pháp "ác độc" để độ chúng sanh (nếu không thì làm sao Quỷ Vương lại có thể đi chung với Thiên Tử Diêm La được!). Thiên Tử Diêm La cũng làm cùng một công việc như Quỷ Vương Ác

Độc vậy: tuy mang danh là Quỷ Vương Ác Độc, song thực chất thì vị Quỷ Vương này không ác độc chút nào cả.

Quỷ Vương Ác Độc rất kính trọng những người tin theo Phật, vì vậy quý vị đừng khiếp sợ ông ấy. Đặc biệt là nếu khi gặp ông ấy, quý Phật tử kể tên tôi ra và nói rằng tôi là sư phụ của quý vị, thì Quỷ Vương Ác Độc nhất định sẽ "nể" mặt quý vị! Tại sao ư? Vì tôi và ông ấy đã ký điều ước thỏa thuận với nhau, tôi căn dặn ông ấy rằng: "Bất cứ đệ tử nào của tôi đến chỗ ông, chỉ cần họ nhắc đến tên tôi, thì xin ông hãy trút tất cả tội lỗi của họ sang cho tôi!" Do đó, chỉ cần quý vị nhắc tới tên tôi, tôi bảo đảm rằng ông ta sẽ không tỏ ra ác độc với quý vị.

2) **Quỷ Vương Đa Ác** (chúa loài quỷ nhiều hung ác). Quỷ Vương Ác Độc tuy là ác độc nhưng cái ác của ông ta còn chưa nhiều, cái độc của ông ta cũng chưa sâu lắm; bởi Quỷ Vương Đa Ác mới đúng là "tác ác đa đoan," luôn luôn bận rộn làm nhiều việc tàn ác. Đây là vị Quỷ Vương chuyên môn đối phó với những chúng sanh quen thói ác, làm nhiều điều ác. Tôi tin rằng mọi người hiện diện ở đây đều bỏ ác làm lành hết rồi, không đến nỗi hung dữ, độc ác lắm nữa. Quỷ Vương Đa Ác chuyên trừng trị hạng người nào? Đó là những kẻ phạm các tội ác tày trời như giết cha, giết mẹ, giết bậc A La Hán, phá sự hòa hợp của Tăng đoàn, hoặc làm thân Phật chảy máu.

3) **Quỷ Vương Đại Tranh** (chúa loài quỷ ưa tranh cãi). Đây là vị Quỷ Vương luôn luôn thích biện luận, chuyện không có lý, ông ta vẫn có thể biện giải, lập luận nghe rất hữu lý! Quỷ Vương Đại Tranh chuyên đối phó với những kẻ ưa biện luận, thích tranh cãi, những kẻ tuy làm chuyện không hợp đạo lý mà cứ nằng nặc nói là có đạo lý, rõ ràng là phá giới song lại khăng khăng nói là mình không phạm giới, tự nói dối để lừa gạt chính mình. Cho nên, quý vị cần phải cẩn thận, hãy nhớ là đừng đi tìm gặp Quỷ Vương Đại Tranh, bởi hễ gặp vị Quỷ Vương này thì có lý cũng thành vô lý, vì về mặt tranh luận thì ông ấy là hơn ai hết!

4) **Quỷ Vương Bạch Hổ** (chúa loài quỷ cọp trắng). Vị Quỷ Vương này tuy thân mình là quỷ nhưng lại có đầu là đầu cọp trắng.

5) **Quỷ Vương Huyết Hổ** (chúa loài quỷ cọp huyết). Vị Quỷ Vương này có đầu cọp, máu me đầm đìa.

6) **Quỷ Vương Xích Hổ** (chúa loài quỷ cọp đỏ). Toàn thân của vị Quỷ Vương này đều màu đỏ, và đầu là đầu cọp.

Thế thì, những Quỷ Vương này (Quỷ Vương Bạch Hổ, Quỷ Vương Huyết Hổ, Quỷ Vương Xích Hổ) vì sao lại mang đầu cọp? Vì họ muốn dùng vẻ hung ác dữ dằn để khiến cho những người phạm tội Ngũ Nghịch, Thập Ác, nhác trông thấy đều phải khiếp vía, run sợ.

7) **Quỷ Vương Tán Ương** (chúa loài quỷ gieo rắc tai ương). "Ương" là tai họa rủi ro, những việc không may mắn. Vị Quỷ Vương này mang những sự không tốt lành, không kiết tường, giáng xuống thân người tội. Những tai bay vạ gió, cướp bóc, hỏa hoạn, ... xảy ra đều là có nhân quả cả (bất luận sự việc gì cũng đều có nhân quả của nó) gieo nhân nào thì gặt quả nấy.

8) **Quỷ Vương Phi Thân** (chúa loài quỷ biết bay). Đây là vị Quỷ Vương có khả năng "phi thân," có thể bay đến bất cứ nơi nào mình muốn mà không phải mua vé máy bay, cũng chẳng cần dùng tới hỏa tiễn. Vị Quỷ Vương này phi thân còn nhanh hơn cả hỏa tiễn, cho nên ai muốn học phép "phi thân" thì hãy tìm tới Quỷ Vương Phi Thân để thọ giáo, bởi ông ta rất có bản lãnh về mặt này!

9) **Quỷ Vương Điện Quang** (chúa loài quỷ điện chớp). Vị Quỷ Vương này có mắt sáng loang loáng như ánh điện chớp.

10) **Quỷ Vương Lang Nha** (chúa loài quỷ răng nanh). Vị Quỷ Vương này có răng mọc chìa ra ngoài miệng, rất đáng sợ và lợi hại như răng chó sói vậy.

11) **Quỷ Vương Thiên Nhãn** (chúa loài quỷ ngàn mắt)**.** Đây là vị Quỷ Vương có một ngàn con mắt; tuy nhiên, một ngàn con mắt của Quỷ Vương này thì không nằm trong một ngàn bàn tay như của Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát. Cũng có

một loài quỷ toàn thân mọc ra tua tủa rất nhiều sừng giống như sừng trâu vậy, và trên mỗi cái sừng bén nhọn ấy đều có một con mắt.

Thế thì, những con mắt của Quỷ Vương Thiên Nhãn nằm ở vị trí nào? Mỗi con mắt của Quỷ Vương nằm trong một hốc xương, ngay chỗ xương lõm vào và hoàn toàn không có thịt; cho nên toàn thân Quỷ Vương là những con mắt lọt thỏm vào trong, khiến quý vị thoáng nhìn thì thấy chớp sáng nhấp nháy như ánh đèn pin vậy.

12) **Quỷ Vương Đạm Thú** (chúa loài quỷ ăn thịt thú vật). Vị Quỷ Vương này chuyên môn ăn gì? Chuyên môn ăn thịt thú vật! Ăn thịt của loại thú vật nào? Loài thú nào hung dữ, lợi hại (như loài cọp chẳng hạn) thì Quỷ Vương Đạm Thú ăn thịt của loài thú đó!

13) **Quỷ Vương Phụ Thạch** (chúa loài quỷ vác đá). Vị Quỷ Vương này phô trương sức lực của mình bằng cách vác trên lưng một tảng đá lớn, nặng tới mấy vạn cân anh , và khi thấy tội nhân đến thì liền đem tảng đá này đè lên mình tội nhân, khiến toàn thân người tội bị dẹp lép như cái bánh chiên!

14) **Quỷ Vương Chủ Hao** (chúa quỷ chủ về tin xấu). "Hao" nghĩa là hao tán, hao tổn; "ách hao" là tin buồn, tin xấu. Quỷ Vương Chủ Hao chỉ đưa toàn những tin không tốt tới cho quý vị. Ví dụ trong lúc quý vị ngủ, Quỷ Vương có thể báo mộng, hỏi rằng quý vị có biết rằng ngày mai mình sẽ chết hay không, và cho biết quý vị chỉ còn sống ngày hôm nay nữa mà thôi. Quỷ Vương Chủ Hao chuyên mang đến cho quý vị những tin xấu, khiến quý vị gặp ác mộng, chiêm bao thấy những điều không tốt.

15) **Quỷ Vương Chủ Họa** (chúa quỷ chủ về tai họa). Vị Quỷ Vương này chẳng những chuyên đưa tin xấu mà còn mang lại cho quý vị những tai họa rủi ro, như bị xe đụng, đắm thuyền, hoặc rớt máy bay...

16) **Quỷ Vương Chủ Thực** (chúa quỷ chủ về ăn uống). Mỗi ngày quý vị ăn những thức ăn gì đều có sự quy định trước cả. Những điều mà trước kia tôi đã giảng liên quan đến vị "chủ thực"

đều là có thật! Hôm nay quý vị sẽ được ăn món gì, dùng những thức gì để nấu, rồi ngày mai đáng phải ăn món gì thức gì ... tất cả đều được quy định: trong sự âm thầm lặng lẽ, đều có sự phân phối, sắp đặt cho quý vị.

17) **Quỷ Vương Chủ Tài** (chúa quỷ chủ về tài lộc)**.** Như hôm nay có người đến cúng dường cho tôi, đó là do Quỷ Vương Chủ Tài đã âm thầm mách bảo người ấy, những điều này đều có liên quan với nhau. Thật đấy! Điều này không mảy may sai chạy. Những việc ở thế gian chẳng có việc gì là có "quả" mà không có "nhân"; do đó, hiện nay quý vị làm đệ tử của tôi cũng là do trước kia đã trồng cái nhân này, chứ không ai có thể ép buộc chuyện nhân quả được cả. Bác bỏ nhân quả, không thừa nhận nhân quả, đó là điều vô cùng nguy hiểm. Vì vậy, quý vị chớ nên không tin nhân quả!

18) **Quỷ Vương Chủ Súc** (chúa quỷ cai quản súc vật)**.** Vị Quỷ Vương này cai quản hết thảy các loài vật nuôi trong nhà.

19) **Quỷ Vương Chủ Cầm** (chúa quỷ cai quản loài chim)**.** Vị Quỷ Vương này cai quản tất cả chim muông.

20) **Quỷ Vương Chủ Thú** (chúa quỷ cai quản loài thú). Ở trên có đề cập tới Chủ Súc Quỷ Vương, vị chúa quỷ chuyên cai quản súc vật. "Súc" là súc vật và gồm có súc vật nuôi trong nhà (gia súc), và súc vật sống ở đồng hoang (dã súc). Còn bây giờ là nói về Quỷ Vương Chủ Thú, tức là vị chúa quỷ chuyên cai quản thú vật. "Thú" thì đa số là thú vật sống ở nơi hoang dã (dã thú), chứ không có thú vật nuôi trong nhà (gia thú).

Ở phương Đông có núi Lưu Ly, trên núi này có vị Quỷ Vương Chủ Thú, thế ông ta cai quản những loài thú nào? Đó là loài cọp, thỏ và rồng. Ở phương Nam thì có núi Pha Lê, và vị Quỷ Vương Chủ Thú ở đây cai quản loài rắn, ngựa và dê. Ở phương Tây thì có núi Bạch Ngân, vị Quỷ Vương của núi này cai quản loài khỉ, gà và chó. Ở phương Bắc thì có núi Huỳnh Kim, trên núi toàn là vàng huỳnh kim, thế nhưng quý vị chớ nên đến đó khai thác mỏ vàng. Núi đó không phải là nơi người ta có thể đào lấy vàng như núi vàng Cựu Kim Sơn hoặc Tân Kim Sơn

được, bởi núi vàng ấy là "bất động," không ai có thể đến được; và trên núi có vị Quỷ Vương Chủ Thú chuyên cai quản các loài heo, chuột và trâu bò.

Như vậy, Quỷ Vương Chủ Thú và Quỷ Vương Chủ Cầm cai quản các phương khác nhau, mỗi vị đều có khu vực giới hạn riêng và đều làm chủ tể các loài khác nhau.

21) **Quỷ Vương Chủ Mỵ** (chúa quỷ cai quản loài yêu mỵ). "Mỵ" tức là lỵ mỵ, vọng lượng. Chủ Mỵ Quỷ Vương là vị chúa quỷ chuyên cai quản loài lỵ mỵ, vọng lượng thường tác oai tác quái ở chốn núi rừng.

Trong phần đệ tam hội của Chú Lăng Nghiêm có những câu: "Ra Xà Bà Dạ, Chủ Ra Bạt Dạ, A Kỳ Ni Bà Dạ, Ô Đà Ca Bà Dạ, Tỳ Sa Bà Dạ, Xá Tát Đa Ra Bà Dạ, Bà Ra Chước Yết Ra Bà Dạ, Đột Sắt Xoa Bà Dạ": đó đều là tên của các vị Quỷ Vương coi sóc loài lỵ mỵ, vọng lượng.

22) **Quỷ Vương Chủ Sản** (chúa quỷ chủ về sự sinh sản)**.** Đây là vị Quỷ Vương chủ tể, trông coi việc sanh nở của con người. Nếu sản phụ là người hiền lành lương thiện thì khi lâm bồn, Quỷ Vương Chủ Sản sẽ khiến cho việc sanh nở của người ấy được bình yên thuận lợi; còn nếu là người hung ác thì sẽ bị Quỷ Vương gây khó dễ, làm cho đau đớn, hoặc sanh không được. Trong sự vô hình, Quỷ Vương âm thầm răn dạy và khiến cho người sản phụ sanh tâm giác ngộ, biết hướng thiện và sửa đổi tánh nết.

23) **Quỷ Vương Chủ Mạng** (chúa quỷ chủ về sanh mạng). Tất cả những sanh mạng có khí huyết đều do vị Quỷ Vương này trông coi.

24) **Quỷ Vương Chủ Tật** (chúa quỷ chủ về tật bệnh). Bất cứ bệnh tật gì mà con người mắc phải đều do vị Quỷ Vương này cai quản.

25) **Quỷ Vương Chủ Hiểm** (chúa quỷ chủ về sự nguy hiểm). Vị Quỷ Vương này làm chủ tể, trông coi những việc nguy hiểm đáng sợ.

26) **Quỷ Vương Tam Mục** (chúa loài quỷ ba mắt). Vị Quỷ Vương này có ba con mắt; ba con mắt này nằm ở vị trí như thế nào? Con mắt này thì khác với "con mắt trời" (thiên nhãn) của Ngũ Nhãn Lục Thông. Quỷ Vương này có một con mắt nằm ngang ở giữa, còn hai con mắt kia thì nằm hai bên; ba con mắt này hợp lại thành một hình tam giác: quý vị đã từng trông thấy lần nào chưa?

27) **Quỷ Vương Tứ Mục** (chúa loài quỷ bốn mắt). Vị Quỷ Vương này có bốn con mắt nằm ở bốn phía, làm thành một hình vuông. Nói chung, những con mắt này sắp xếp rất kỳ quái, khiến người ta nhác trông thấy là khiếp sợ ngay, chứ không giống như Ngũ Nhãn của bậc Bồ Tát.

28) **Quỷ Vương Ngũ Mục** (chúa loài quỷ năm mắt). Lại có loài Quỷ Vương có đến năm con mắt.

29) **Kỳ Lợi Thất Vương.** Kỳ Lợi Thất Vương thì ở phương Nam , và trông coi về lửa.

30) **Đại Kỳ Lợi Thất Vương.** Đây là vị Quỷ Vương cai quản những ngọn lửa lớn (đại hỏa). Kỳ Lợi Thất Vương thì ở phía Nam ; xa hơn nữa về phía Nam có một ngọn núi và Đại Kỳ Lợi Thất Vương làm Quỷ Vương ở núi đó.

31) **Kỳ Lợi Xoa Vương.**

32) **Đại Kỳ Lợi Xoa Vương.**

33) **A Na Tra Vương**. A Na Tra vốn là con trai của Tứ Đại Thiên Vương. A Na Tra Vương cũng là một vị Hộ Pháp, tuy ở trong loài quỷ song không thuộc về quỷ, cho nên gọi là A Na Tra Vương.

Ngoài ra còn có 34) **Đại A Na Tra Vương**. **Những vị Đại Quỷ Vương như thế, mỗi vị cùng với trăm ngàn tiểu quỷ vương...** Lúc trước, khi giảng về "tiểu quỷ" tôi đã nói rằng có "quỷ lớn" thì cũng có "quỷ nhỏ," và chúa quỷ cũng có bà con quyến thuộc như quỷ mẹ, quỷ con, quỷ cháu, quỷ chắt...

Những vị Đại Quỷ Vương kể trên, mỗi vị đều có dẫn theo đông đảo tiểu quỷ vương; họ **toàn cư ngụ ở cõi Diêm Phù Đề, ai**

nấy đều có chức trách, đều có phần chủ trị riêng. Tất cả có đến cả trăm ngàn vị, họ đều trú ngụ ở cõi Nam Diêm Phù Đề, và vị quỷ nào cũng đều có phận sự và quyền làm chủ tể của vị quỷ đó. Mỗi người đều có quyền lực riêng của con người thì quỷ cũng có quyền lực riêng của loài quỷ!

KINH VĂN:

Các vị Quỷ Vương đó cùng với Thiên Tử Diêm La, nương oai thần của Đức Phật và oai lực của Đại Bồ Tát Địa Tạng , đồng lên đến cung trời Đao Lợi và đứng qua một phía.

Bấy giờ, Thiên Tử Diêm La quỳ gối chắp tay bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Nay chúng con cùng các vị Quỷ Vương nhờ nương oai thần của Đức Phật và oai lực của Đại Bồ Tát Địa Tạng mới được đến đại hội nơi cung trời Đao Lợi này, mà cũng là chúng con được thiện lợi vậy. Nay con có chút việc nghi ngờ, dám bạch hỏi Đức Thế Tôn, cúi xin Đức Thế Tôn từ bi tuyên thuyết."

LƯỢC GIẢNG:

Các vị Quỷ Vương đó cùng với Thiên Tử Diêm La, nương oai thần của Đức Phật và oai lực của Đại Bồ Tát Địa Tạng... Nhờ vào oai đức và sức thần thông của Phật, cùng oai lực của Bồ Tát Địa Tạng (oai lực của vị Đại Bồ Tát này cũng chính là sức thần thông diệu dụng), mà tất cả những Quỷ Vương kể trên cùng với vua Diêm La có thể **đồng đến cung trời Đao Lợi**, tức cõi trời Ba Mươi Ba, **và đứng qua một phía.**

Bấy giờ, Diêm La Thiên Tử quỳ gối chắp tay bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Nay chúng con (vua Diêm La và quyến thuộc) **cùng các vị Quỷ Vương nhờ nương oai thần của Đức Phật và oai lực của Đại Bồ Tát Địa Tạng mới được đến đại hội nơi cung trời Đao Lợi này, mà cũng là chúng con được thiện lợi vậy."** Đây cũng là dịp để vua Diêm La và hết thảy Quỷ Vương đạt được phước lành và lợi ích lớn lao.

"Nay con có chút việc nghi ngờ, dám bạch hỏi Đức Thế Tôn, cúi xin Đức Thế Tôn từ bi tuyên thuyết." Diêm La Thiên

Tử bạch tiếp: "Hiện nay con có một nghi vấn rất nhỏ, chẳng hay con có được phép hỏi Đức Thế Tôn chăng? Chẳng hay con có tư cách, quyền lợi để thỉnh vấn Đức Thế Tôn chăng? Con chỉ trông mong Đức Thế Tôn mở lòng từ bi mà giảng nói, xua tan mọi thắc mắc trong lòng con."

KINH VĂN:

Đức Phật bảo Thiên Tử Diêm La: "Cho phép ông hỏi, Ta sẽ vì ông mà nói rõ."

Bấy giờ, Thiên Tử Diêm La chiêm lễ Đức Thế Tôn và ngoái nhìn Bồ Tát Địa Tạng, rồi bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Con xem xét Bồ Tát Địa Tạng ở trong sáu đường dùng trăm ngàn phương chước để cứu độ những chúng sanh mắc phải tội khổ, chẳng từ mệt nhọc. Vị Đại Bồ Tát này có những sự thần thông bất khả tư nghì như thế, nhưng chư chúng sanh vừa được thoát khỏi tội báo, chẳng bao lâu lại phải đọa vào ác đạo nữa.

"Bạch Đức Thế Tôn! Bồ Tát Địa Tạng đã có thần lực bất khả tư nghì như thế, cớ sao hàng chúng sanh chẳng chịu nương về thiện đạo để được giải thoát mãi mãi? Cúi xin Đức Thế Tôn dạy rõ việc đó cho chúng con."

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật bảo Thiên Tử Diêm La: "Cho phép ông hỏi, Ta sẽ vì ông mà nói rõ. Ông muốn hỏi gì thì cứ hỏi đi, Ta nhất định sẽ giải đáp thỏa đáng!"

Bấy giờ, Thiên Tử Diêm La chiêm lễ Đức Thế Tôn và ngoái nhìn Bồ Tát Địa Tạng. Vì Phật thì đang ngồi trước mặt, cho nên Thiên Tử Diêm La chiêm ngưỡng Đức Phật xong rồi bèn ngoái đầu ngắm nhìn Bồ Tát Địa Tạng Vương. Đây là biểu thị lòng cung kính đối với Địa Tạng Vương Bồ Tát: vua Diêm La không chỉ cung kính Phật mà còn cung kính cả Bồ Tát Địa Tạng nữa.

Vua Diêm La nhìn Bồ Tát Địa Tạng mà lòng cứ thắc mắc: "Lòng từ bi cùng thần thông diệu dụng của vị Đại Bồ Tát này

thật là bất khả tư nghì, nhưng sao Ngài không có cách nào bảo chúng sanh đừng gây tội ác nữa?"

Vua Diêm La nghĩ ngợi như thế, **rồi bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Con xem xét Bồ Tát Địa Tạng ở trong sáu đường** (trời, người, A-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh) **dùng trăm ngàn phương chước để cứu độ những chúng sanh mắc phải tội khổ, chẳng từ mệt nhọc**, chẳng ngại khó khăn**. Vị Đại Bồ Tát này có những sự thần thông bất khả tư nghì như thế, nhưng chư chúng sanh vừa được thoát khỏi tội báo, chẳng bao lâu lại phải đọa vào ác đạo nữa."** Những chúng sanh có tội được Bồ Tát cứu vớt, được miễn tội báo, nhưng không bao lâu sau họ lại tạo tội và bị đọa địa ngục trở lại.

"Bạch Đức Thế Tôn! Bồ Tát Địa Tạng đã có thần lực bất khả tư nghì như thế, lớn lao như thế**, cớ sao hàng chúng sanh chẳng chịu nương về thiện đạo để được giải thoát mãi mãi?** Vì sao chúng sanh không chịu nghe lời Bồ Tát Địa Tạng dạy bảo? Vì sao họ không giữ giới, không theo đường ngay nẻo phải mà tu hành? Vì sao họ cứ muốn tạo nghiệp tội? Vì sao họ không được giải thoát, không được tự do mãi mãi, mà cứ bị nghiệp chướng bủa vây, trói buộc? **Cúi xin Đức Thế Tôn dạy rõ việc đó cho chúng con.** Con trông mong Đức Thế Tôn vì chúng con mà giảng rõ việc này**."**

KINH VĂN:

Đức Phật bảo Thiên Tử Diêm La: "Chúng sanh trong cõi Nam Diêm Phù Đề tánh tình cang cường, khó điều khó phục. Đại Bồ Tát đây trong trăm ngàn kiếp đã từng cứu vớt những chúng sanh đó, làm cho họ sớm được giải thoát.

"Những người bị tội báo cho đến bị đọa vào đường đại ác, Bồ Tát dùng sức phương tiện nhổ sạch cội gốc nghiệp duyên, làm cho họ hiểu được các việc đời trước. Nhưng vì chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề kết ác tập nặng, vừa ra khỏi lại trở vào, làm nhọc cho Bồ Tát phải trải qua nhiều số kiếp để độ thoát.

"Ví như có người quên mất nhà mình, đi lạc vào đường hiểm; trong con đường hiểm đó có rất nhiều quỷ Dạ-xoa, cùng cọp, sói, sư tử, rắn độc, bò cạp. Người mê muội đó ở trong đường hiểm chỉ chừng giây lát là sẽ gặp các thứ độc."

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni **bảo Thiên Tử Diêm La: "Chúng sanh trong cõi Nam Diêm Phù Đề tánh tình cang cường, khó điều khó phục."** Chúng sanh ở Nam Thiệm Bộ Châu tánh tình đều rất ương ngạnh bướng bỉnh, chứ không được nhu hòa hiền dịu, cho nên rất khó điều phục, khó uốn nắn. Do đó, muốn dạy dỗ, khiến cho họ chịu tuân theo quy củ phép tắc hoặc giữ gìn giới luật, là một việc không dễ dàng chút nào!

Hiện nay có nhiều người nói rằng việc tuân thủ quy củ là không hay, không tốt; vì sao họ nói như thế? Bởi vì bản thân họ không muốn tuân giữ quy củ, nên họ mới "xướng" lên như vậy. Kỳ thật, không có khuôn tròn và thước vuông thì không thể nào vẽ được hình tròn, ô vuông; cũng vậy, con người nếu không có quy luật phép tắc thì chẳng thể nào thành mẫu mực được!

Ở phần trước, Quỷ Vương và Thiên Tử Diêm La thắc mắc rằng Bồ Tát Địa Tạng đã có sức thần thông lớn lao đến thế, cớ sao chúng sanh không nghe theo lời khuyên răn, dạy bảo của Ngài; thậm chí có kẻ đã được ra khỏi ác đạo rồi nhưng sau đó lại bị đọa vào ác đạo lần nữa. Cho nên, bây giờ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giải thích rằng: **"Đại Bồ Tát đây trong trăm ngàn kiếp đã từng cứu vớt những chúng sanh đó, làm cho họ sớm được giải thoát."** Trải qua thời gian lâu dài có đến trăm ngàn vạn kiếp, Đại Bồ Tát Địa Tạng cứ hết lần này sang lần khác, lần nọ đến lần kia mải miết cứu độ chúng sanh, cứu xong một lần này rồi lại cứu lần nữa. Hạng chúng sanh như thế đã sớm được Bồ Tát Địa Tạng giúp cho giải thoát từ lâu lắm rồi!

"Những người bị tội báo cho đến bị đọa vào đường đại ác, Bồ Tát dùng sức phương tiện nhổ sạch cội gốc nghiệp duyên, làm cho họ hiểu được các việc đời trước." Những chúng sanh có ác nghiệp tội báo, thậm chí do khởi hoặc, tạo

nghiệp mà thọ báo, thì sẽ bị đọa vào đường đại ác. "Đường đại ác" tức là ba ác đạo, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Bồ Tát Địa Tạng dùng vô số pháp môn phương tiện, cùng sức phương tiện, để trừ sạch nguyên nhân căn bản của sự gây tạo nghiệp tội của các chúng sanh ấy, tức là nhổ bật gốc rễ của nhân duyên "khởi hoặc, tạo nghiệp," khiến cho họ trở nên giác ngộ, hiểu rõ việc đời trước của mình.

"Nhưng vì chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề kết ác tập nặng." "Kết" tức là dồn lại, kết dính lại với nhau. Nghiệp từ đời trước liên kết với nghiệp của đời này, nghiệp của đời này lại dây dưa liên lụy tới đời sau—đời đời kiếp kiếp, các nghiệp báo này nối kết nhau liên miên không dứt, giống như sợi dây kết liền thành một mối vậy; nên gọi là "kết ác tập nặng." Những "ác tập" (thói quen xấu ác) này là những gì? Có mười tập khí xấu ác gọi là Thập Ác Tập:

1) Dâm dục. Thói xấu thứ nhất là dâm dục. Tất cả chúng sanh đều như nhau: ai nấy đều có lòng dâm dục. Đây là mối phiền toái thứ nhất, cũng là điều rất khó đoạn trừ. Việc đoạn dứt dâm dục còn khó hơn lên trời nữa! Do đó, nếu chúng ta điều phục được lòng dâm dục: tức là người nữ thấy người nam thì không khởi tâm ham muốn, và người nam thấy người nữ thì chẳng sanh lòng tà vạy: thì gọi là "hàng hổ" hoặc "phục hổ," tức là đã đánh thắng loài cọp dữ, khiến chúng phải đầu hàng quy phục. Lại thêm, nếu chúng ta cũng không còn phiền não, thì có thể nói rằng chúng ta đã hàng phục được cả loài rồng rồi vậy. Phiền não vô minh thì giống như con rồng vậy: rồng có khả năng biến hóa vô cùng, không thể đoán trước được lúc nào nó sẽ thình lình xuất hiện.

Vậy, việc phải làm trước nhất là đoạn trừ lòng dâm dục. Qua sự việc này có thể thấy được quý vị có công phu tu hành, có đạo đức, có thật sự dụng công hay không. Quý vị có thể tự thử nghiệm chính mình, tự tìm hiểu chính mình. Nếu quý vị đã đoạn trừ được dâm tâm rồi tức là quý vị có công phu tu tập; lòng dâm chưa dứt thì quý vị vẫn còn lậu thoát. Cho nên, tu "vô lậu" tức là

dứt bỏ lòng dâm dục: còn dâm tâm là còn "hữu lậu," hết dâm tâm mới là "vô lậu."

2) Tham. Ác tập thứ hai là tham lam. Vì sao có lòng dâm dục? Chính là vì có lòng tham: ham muốn cảm giác, khao khát thỏa mãn dục niệm của chính mình.

3) Mạn. "Mạn" tức là kiêu mạn, và đây là thói xấu thứ ba. Thế nào gọi là "kiêu mạn"? Bản thân mình vốn chưa hẳn là thông minh hơn người, nhưng lúc nào cũng cho rằng mình thông minh xuất chúng, khinh thường tất cả những người khác, đến đâu cũng muốn mình là "số một"; đó chính là lòng kiêu mạn đang tác quái!

4) Sân. Đây là thói xấu thứ tư. Kẻ mang lòng sân hận thì đối với bất cứ ai cũng sanh tâm oán ghét, lúc nào cũng hằn học: "Mày không tốt với tao, tao phải tìm cách giết mày để báo thù!"

5) Trá. Ác tập thứ năm là "trá," tức là xảo trá, lường gạt, làm những việc giả dối hư ngụy.

6) Cuống. "Cuống" tức là nói dối, vọng ngữ. "Trá" tức là bản thân vốn là người xấu, song bề ngoài lại làm ra vẻ người tốt, khéo che đậy khiến kẻ khác không nhận ra được. Còn "cuống" tức là nói dối, bịp bợm, nói sai sự thật, bất cứ chuyện gì cũng nói dối một cách trơn tru, trót lọt được cả.

7) Oán. "Oán" tức là việc gì cũng oán trách người khác; rõ ràng là mình sai, là lỗi của mình, nhưng lại đổ lỗi cho người khác: "Nếu hắn không bảo tôi làm như thế thì tôi đâu có làm. Chuyện này không thể trách tôi được. Đó là lỗi của hắn. Hắn mới là người có lỗi." Cho nên, kẻ ôm lòng hờn oán thì bất cứ tội lỗi gì cũng trút lên đầu lên cổ người khác cả!

8) Tà kiến. Đây là thói xấu thứ tám. "Tà kiến" tức là tà tri tà kiến, cái nhìn sai lầm hoặc sự hiểu biết lệch lạc, dẫn dắt con người đi vào con đường bất chánh, tà vạy.

9) Uổng. "Uổng" có nghĩa là cong vạy, không ngay thẳng.

10) Tụng. Ác tập thứ mười là tố tụng, tức là thích kiện cáo, tranh cãi hơn thua. Có những kẻ vốn sai quấy, có lỗi, thế mà lại muốn kiện cáo, thưa với quan tòa là lỗi của người khác, rồi buộc

đối phương phải bồi thường tiền bạc cho mình. Nói tóm lại, bản thân mình vốn là vô lý mà lại vu khống, tìm cách làm cho người khác bị hàm oan, đó gọi là "tụng."

Mười thói quen xấu hay Mười Ác Tập này trong *Kinh Lăng Nghiêm* (quyển tám) gọi là Mười Tập Nhân, tức là mười nguyên nhân tập khí xấu dẫn đến các quả báo khổ sở trong sáu đường (Lục Giao Báo). Chính vì chúng sanh tiêm nhiễm mười tập khí này nên nói là "kết ác tập nặng."

"Vừa ra khỏi lại trở vào." Chính vì ác nghiệp của Mười Tập Nhân mà chúng sanh gây ra vô số tội lỗi, nên mới vừa thoát khỏi ba ác đạo chưa được bao lâu thì liền bị đọa về lại. Đời này được ra khỏi ba ác đạo thì đời sau lại trở vào lần nữa; đợi đến đời sau nữa được ra khỏi ba nẻo ác rồi thì đời kế sau đó nữa cũng quay về lại, đó gọi là "vừa ra khỏi lại trở vào" vậy. Chúng sanh cứ lẩn quẩn như vậy, được thoát ra rồi lại trở vào, **"làm nhọc cho Bồ Tát phải trải qua nhiều số kiếp để độ thoát."** Các chúng sanh như thế làm cho Bồ Tát Địa Tạng vô cùng vất vả, phải nhọc nhằn lo việc cứu độ trong rất nhiều kiếp.

"Ví như có người quên mất nhà mình, đi lạc vào đường hiểm; trong con đường hiểm đó có rất nhiều quỷ Dạ-xoa." Đến đây, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đưa ra một tỷ dụ. Đức Phật ví dụ rằng có một người bị lạc đường, tìm không ra nhà của mình; người đó vì không thông thạo đường sá nên lạc bước vào một con đường đầy dẫy những sự nguy hiểm, trong con đường ấy có rất nhiều quỷ Dạ-xoa đang rình rập. "Dạ-xoa" ở đây là dụ cho mối "nghi" trong Ngũ Độn Sử. "Nghi" tức là không có lòng tin, việc gì cũng hoài nghi, ngờ vực cả.

"Cùng cọp, sói, sư tử, rắn độc, bò cạp." Trong con đường ấy, ngoài quỷ Dạ-xoa ra còn có cả cọp, sói, sư tử, rắn độc, bò cạp cũng đang rình chờ nữa. "Cọp" là dụ cho lòng tham, tham lam như cọp. Do đó, điều phục được lòng dâm dục tức là thuần phục được cọp; điều phục không nổi lòng dâm dục tức là chưa hàng phục được cọp vậy.

"Sói" là dụ cho cái gì? Đó là dụ cho lòng sân hận. Loài sói rất lợi hại; lòng sân hận và loài lang sói thì đều đáng sợ như nhau.

"Sư tử" là dụ cho sự ngu si.

"Rắn độc, bò cạp" là dụ cho tánh kiêu mạn.

"Tham, sân, si, mạn, nghi," gọi chung là Ngũ Độn Sử.

"Người mê muội đó ở trong đường hiểm chỉ chừng giây lát là sẽ gặp các thứ độc." Hạng người mê muội thì chẳng mấy chốc sẽ bị Ngũ Độn Sử (tham, sân si, mạn, nghi) tác hại, khiến họ tạo ra nhiều nghiệp tội, phải đọa vào ba đường ác.

KINH VĂN:

"Có một vị Tri Thức hiểu nhiều phép thuật, khéo ngăn trừ thứ độc đó, cho đến quỷ Dạ-xoa cùng các loài ác độc v.v..., chợt gặp người mê muội kia đang muốn đi vào đường hiểm, bèn vội bảo rằng: 'Ô hay, ông kia! Vì cớ gì mà vào con đường này? Ông có phép thuật lạ gì có thể ngăn trừ các thứ độc chăng?'

"Người lạc đường chợt nghe lời ấy mới biết là đường nguy hiểm, liền lùi lại, muốn ra khỏi con đường đó. Vị Thiện Tri Thức kia nắm tay dìu dắt, dẫn ra khỏi đường hiểm, tránh khỏi các sự ác độc, và đến con đường tốt lành, làm cho được an lạc; rồi bảo rằng: 'Này người lạc đường! Từ nay về sau chớ đi vào con đường đó nữa. Ai mà vào con đường đó ắt khó ra được, lại còn bị tổn tánh mạng!'

Người lạc đường đó cũng sanh lòng cảm trọng. Lúc từ biệt nhau, vị Tri Thức lại căn dặn thêm: 'Nếu gặp người thân quen, cùng những người đi đường hoặc trai hoặc gái, thì hãy bảo với họ rằng con đường đó có nhiều sự ác độc, vào đó có thể mất cả tánh mạng. Ông chớ để cho những người ấy tự vào chỗ chết."

LƯỢC GIẢNG:

"Có một vị Tri Thức hiểu nhiều phép thuật, khéo ngăn trừ thứ độc đó, cho đến quỷ Dạ-xoa cùng các loài ác độc v.v..."

Vị Thiện Tri Thức đó là ai? Chính là Bồ Tát Địa Tạng: Ngài có sức thần thông, trí huệ vi diệu không thể nghĩ bàn, và Ngài cũng biết rất nhiều phép thuật. Ngài còn có thể ngăn trừ các thứ độc hại; đó là những thứ độc hại nào? Đó là các độc hại của sư tử, cọp, sói, Dạ-xoa và tất cả các độc hại khác trong con đường hiểm trở.

"Dạ-xoa" chính là "tiệp tật quỷ," tức là loài quỷ có khả năng chạy nhanh và vô cùng độc ác.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói tiếp: "Vị Thiện Tri Thức này **chợt gặp người mê muội kia**, và thấy rằng người ấy bị lạc đường, **đang muốn đi vào đường hiểm, bèn vội bảo rằng: 'Ô hay, ông kia! Vì cớ gì mà vào con đường này? Ông có phép thuật lạ gì có thể ngăn trừ các thứ độc chăng?** Đó là một con đường nhiều bất trắc, đầy các sự độc hại; chẳng hay ông có việc gì cần mà phải đi con đường ấy? Phải chăng ông có phép lạ hoặc có thuật thần thông gì có thể khống chế, thuần phục được các loài cọp, beo, chó sói, sư tử đang rình rập trong con đường đó?'"

Bấy giờ, **"người lạc đường chợt nghe lời ấy mới biết là đường nguy hiểm."** Kẻ bị đi lạc đó bỗng nhiên nghe vị Thiện Tri Thức hỏi như thế thì lấy làm kinh ngạc, bấy giờ mới biết rằng con đường mình định theo là một con đường đầy hiểm nạn, và mới nhận ra rằng mình đã lầm lẫn, đã đi sai đường, cho nên **"liền lùi lại, muốn ra khỏi con đường đó."**

"Vị Thiện Tri Thức kia (Bồ Tát Địa Tạng Vương) **nắm tay dìu dắt, dẫn ra khỏi đường hiểm, tránh khỏi các sự ác độc."** Bồ Tát Địa Tạng ân cần cầm tay người lạc đường, thận trọng dẫn người ấy ra khỏi con đường nhiều hiểm nạn, tránh khỏi các thú vật nguy hiểm ở nơi đó như sư tử, cọp beo, lang sói, quỷ Dạ-xoa, rắn độc, bò cạp...

"Và đến con đường tốt lành, làm cho được an lạc; rồi bảo rằng: ..." Sau khi ra tới được con đường bình an (ra khỏi ba ác đạo rồi) và người lạc đường kia đã được yên lành vui vẻ, vị Thiện Tri Thức mới thiết tha căn dặn rằng: "**Này người lạc đường! Từ nay về sau chớ đi vào con đường đó nữa**: đừng để

cho mình bị đọa vào ba ác đạo nữa**. Ai mà vào con đường đó ắt khó ra được, lại còn bị tổn tánh mạng!** Những người bị đọa lạc trong ba ác đạo đều không dễ gì mà thoát ra được. Trót sa chân vào con đường nguy hiểm như thế thì rất dễ bị mất mạng!"

"Người lạc đường đó cũng sanh lòng cảm trọng." Nghe vị Thiện Tri Thức (Bồ Tát Địa Tạng Vương) trân trọng dặn dò như thế, người lạc đường vô cùng cảm kích, trong lòng nghĩ rằng người này thật tốt với mình quá!

"Lúc từ biệt nhau, vị Tri Thức lại căn dặn thêm: 'Nếu gặp người thân quen, cùng những người đi đường hoặc trai hoặc gái, thì hãy bảo với họ rằng con đường đó (ba ác đạo) có nhiều sự ác độc, nhiều độc trùng mãnh thú vô cùng nguy hiểm, vào đó có thể mất cả tánh mạng. Ông chớ để cho những người ấy tự vào chỗ chết. Ông đừng để cho chúng sanh tự đi vào ba ác đạo, tự dấn thân vào chỗ chết, bởi đi vào đó nếu không mất mạng thì cũng phải chịu nhiều khổ sở.'"

KINH VĂN:

"Vì thế nên Bồ Tát Địa Tạng đầy đủ đức đại từ bi, cứu vớt những chúng sanh mắc tội khổ, khiến cho họ được sanh trong cõi trời, cõi người, hưởng sự vui sướng vi diệu.

"Những kẻ có tội đó rõ biết sự khổ trong nghiệp đạo rồi, khi đã được ra khỏi, vĩnh viễn chẳng còn trở vào nữa; như người lạc đường đi lầm vào con đường hiểm, gặp vị Thiện Tri Thức dẫn cho ra, không bao giờ còn lạc vào nữa, gặp gỡ người khác lại khuyên chớ vào đường ấy, còn tự nói rằng: 'Tôi bị mê lầm, nay được thoát ra rồi, không còn trở vào đó nữa. Nếu đi vào nữa và còn mê lầm, không biết đó là con đường hiểm nạn mà mình đã từng lạc vào, thì có thể đến phải mất mạng.'

"Như có những chúng sanh bị đọa vào ác đạo, Bồ Tát Địa Tạng dùng sức phương tiện khiến họ được giải thoát, sanh trong cõi trời, cõi người, nhưng rồi họ lại trở vào lần nữa; nếu kết nghiệp nặng nề thì họ phải ở mãi chốn địa ngục, không lúc nào được giải thoát."

Lược giảng:

“Vì thế nên Bồ Tát Địa Tạng đầy đủ đức đại từ bi...” Bồ Tát Địa Tạng có đức đại từ đại bi rộng lớn vô biên, lòng từ của Ngài có thể làm cho chúng sanh được an lạc vui vẻ, tâm bi của Ngài có thể giải trừ các nỗi thống khổ của chúng sanh.

Giống như vị Thiện Tri Thức, Địa Tạng Vương Bồ Tát **“cứu vớt những chúng sanh mắc tội khổ, khiến cho họ được sanh trong cõi trời, cõi người, hưởng sự vui sướng vi diệu.”** Ngài cứu vớt hết thảy tội khổ chúng sanh, làm cho tất cả chúng sanh đều được thoát khỏi khổ báo trong ba ác đạo, và được sanh vào cõi người hoặc cõi trời để thọ hưởng sự vui sướng vô cùng vi diệu.

“Những kẻ có tội đó rõ biết sự khổ trong nghiệp đạo rồi, khi đã được ra khỏi, vĩnh viễn chẳng còn trở vào nữa.” Những chúng sanh có tội lỗi này đã rõ biết tường tận những nỗi thống khổ trong ba ác đạo (bởi họ đã từ đó mà được thoát ra) cho nên một khi được giải thoát khỏi ba ác đạo, họ vĩnh viễn không bao giờ muốn bị đọa lạc vào đó lại nữa.

Vì thế, trường hợp của những chúng sanh này cũng tương tự **“như người lạc đường đi lầm vào con đường hiểm, gặp vị Thiện Tri Thức dẫn cho ra, không bao giờ còn lạc vào nữa.”**ø Sau khi được bậc Thiện Tri Thức có oai lực lớn dẫn ra khỏi ba ác đạo đầy thống khổ rồi, các chúng sanh này mãi mãi không bao giờ trở lại đó nữa.

Lại nữa, người đã bị lạc đường nói trên khi **“gặp gỡ người khác** (bạn bè, thân thuộc, và ngay cả những kẻ xa lạ) **lại khuyên chớ vào đường ấy, còn tự nói rằng: ‘Tôi bị mê lầm, nay được thoát ra rồi, không còn trở vào đó nữa.** Tôi trước kia do u mê lầm lẫn nên mới lạc bước vào con đường đầy sự bất trắc nọ. Giờ đây, tôi đã ra khỏi con đường đó, thoát khỏi mọi hiểm nạn rồi; tôi nhất định sẽ không bao giờ đi vào đó nữa! **Nếu đi vào nữa và còn mê lầm, không biết đó là con đường hiểm nạn mà mình đã từng lạc vào, thì có thể đến phải mất mạng.** Giả sử tôi lại cứ đi vào con đường nguy hiểm ấy và vẫn còn bị lẩn quẩn trong

đó, không tài nào tìm được lối ra (cũng không hiểu tại sao mình lại dại dột quay về lại con đường nguy hiểm này nữa) thì chắc chắn tánh mạng tôi sẽ không còn!'"

"Như có những chúng sanh bị đọa vào ác đạo, Bồ Tát Địa Tạng dùng sức phương tiện khiến họ được giải thoát, sanh trong cõi trời, cõi người, nhưng rồi họ lại trở vào lần nữa." Có những chúng sanh bị đọa vào ác đạo lần nữa, thì Địa Tạng Vương Bồ Tát sẽ dùng trí huệ thần lực và phương tiện thiện xảo để khiến cho họ được giải thoát và được sanh trở lại vào cõi người hoặc sanh lên cõi trời; tuy nhiên, sau khi họ được sanh vào cõi người hoặc cõi trời rồi thì thế nào? Thì họ lại bị đọa vào ba ác đạo thêm lần nữa! Những chúng sanh như thế, **"nếu kết nghiệp nặng nề, thì họ phải ở mãi chốn địa ngục, không lúc nào được giải thoát."** Nếu ác nghiệp mà các chúng sanh đó trót gây tạo đã quá sâu dày, quá thâm trọng, thì họ phải mãi mãi chịu đọa lạc trong chốn địa ngục, không bao giờ được giải thoát, không bao giờ được "ly khổ, đắc lạc."

KINH VĂN:

Bấy giờ, Quỷ Vương Ác Độc chắp tay cung kính bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Hàng Quỷ Vương chúng con số đông vô lượng, ở cõi Diêm Phù Đề hoặc làm lợi ích cho người, hoặc làm tổn hại cho người, mỗi mỗi không giống nhau. Nhưng vì nghiệp báo khiến quyến thuộc chúng con đi khắp thế giới làm ác nhiều, làm thiện ít.

"Đi qua sân nhà người ta, hoặc thành phố, xóm làng, trang trại, vườn cây, buồng nhà, trong đó như có người nam kẻ nữ nào tu được thiện sự bằng mảy lông sợi tóc; cho đến treo một tràng phan, một bảo cái và dâng chút hương, chút hoa cúng dường tượng Phật cùng tượng Bồ Tát, hoặc chuyển đọc tôn kinh, đốt hương cúng dường cho một bài kệ, một câu kinh; thì hàng Quỷ Vương chúng con sẽ kính lễ người đó như kính lễ các đức Phật thuở quá khứ, hiện tại cùng vị lai.

"Chúng con ra lệnh cho các tiểu quỷ có oai lực lớn và thần Thổ Địa đều phải bảo vệ, che chở, chẳng để cho các việc dữ, các tai nạn bất kỳ, hoặc bệnh nan y, bệnh hiểm nghèo bất kỳ, cho đến những việc không vừa ý đến gần chỗ của các nhà đó, huống là để cho vào cửa!"

LƯỢC GIẢNG:

Bấy giờ, Quỷ Vương Ác Độc... Vị Quỷ Vương này tuy rất độc ác, chuyên trừng trị những người ác độc, song giờ đây, đến trước mặt Đức Phật thì dù có ác cách mấy cũng không còn ác, có độc đến đâu cũng không còn độc nữa!

Vậy, Quỷ Vương Ác Độc đến trước mặt Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, rồi **chắp tay cung kính bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Hàng Quỷ Vương chúng con số đông vô lượng."** Mỗi thế giới đều có vô lượng vô biên Quỷ Vương, mà thế giới thì nhiều đến vô lượng vô biên, cho nên sĩ số Quỷ Vương cũng đông đảo đến vô lượng vô biên.

Các Quỷ Vương này đều cư ngụ **"ở cõi Diêm Phù Đề, hoặc làm lợi ích cho người, hoặc làm tổn hại cho người, mỗi mỗi không giống nhau."** Ở cõi Nam Diêm Phù Đề thì tuy có những Quỷ Vương thường làm lợi ích cho loài người, song cũng có các Quỷ Vương chỉ gây tổn hại cho nhân loại mà thôi, mỗi vị Quỷ Vương đều coi sóc mỗi công việc khác nhau. Có vị thì chuyên làm những việc hại người, có vị thì chỉ làm các việc lợi người; tại sao lại như thế? Ở đây, Quỷ Vương nói "hại người" ngụ ý là điều phục người có lòng dạ ác độc, và "lợi người" tức là đem sự lợi ích đến cho người hiền lương.

Quỷ Vương Ác Độc bạch tiếp: **"Nhưng vì nghiệp báo khiến quyến thuộc chúng con đi khắp thế giới làm ác nhiều, làm thiện ít."** Tại sao các Quỷ Vương phải làm những công việc này? Chính vì nghiệp báo mà họ đã trót gây tạo trong quá khứ khiến nay họ phải làm Quỷ Vương, và cũng do nghiệp báo mà loài quỷ quyến thuộc của họ đi khắp nơi gieo rắc phần lớn là điều xấu, việc ác.

Tuy rằng loài quỷ thường "làm ác nhiều, làm thiện ít," nhưng khi họ **"đi qua sân nhà người ta, hoặc thành phố, xóm làng, trang trại, vườn cây, buồng nhà, trong đó như có người nam kẻ nữ nào tu được thiện sự bằng mảy lông sợi tóc; cho đến treo một tràng phan, một bảo cái và dâng chút hương, chút hoa cúng dường tượng Phật cùng tượng Bồ Tát, hoặc chuyển đọc tôn kinh** (đọc tụng *Kinh Địa Tạng* hoặc các kinh điển Đại Thừa khác như *Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Pháp Hoa, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Kim Cang)* hoặc đối trước tượng Phật mà **đốt hương cúng dường cho một bài kệ, một câu kinh; thì hàng Quỷ Vương chúng con sẽ kính lễ người đó như kính lễ các đức Phật thuở quá khứ, hiện tại cùng vị lai."**

Cho nên, hàng Quỷ Vương **"chúng con ra lệnh cho các tiểu quỷ có oai lực lớn** (tuy gọi là "tiểu quỷ" nhưng đã là loài quỷ thì đều có sức đại thần thông) **và thần Thổ Địa đều phải bảo vệ, che chở** những người như thế**!** Ngoài ra, còn phải **chẳng để cho các việc dữ, các tai nạn bất kỳ, hoặc bệnh nan y, bệnh hiểm nghèo bất kỳ, cho đến những việc không vừa ý đến gần chỗ của các nhà đó, huống là để cho vào cửa!"**

Thế nào gọi là "việc dữ"? "Việc dữ" tức là những việc không như ý, chẳng hạn như cháy nhà, hoặc bỗng dưng lại xảy ra những việc ngoài ý muốn.

"Tai nạn bất kỳ" (hoạnh sự) là những sự rủi ro mà mình không ngờ tới, như bị xe đụng, máy bay rớt, xe lửa trật đường rầy ...

"Bệnh nan y" là những căn bệnh không trị lành được.

"Bệnh hiểm nghèo bất kỳ" (hoạnh bệnh) là thình lình mắc bệnh nặng, lây lất chưa được một tiếng đồng hồ là chết.

"Những việc không vừa ý" tức là những việc không may mắn, không kiết tường như mình hằng mong đợi. Các Quỷ Vương còn chẳng để cho những việc không may xảy ra ở gần những nhà có người tu hành như thế, huống chi là các việc dữ, các tai nạn rủi ro, hoặc các bệnh tật hiểm nghèo đột ngột! Cho nên, các Quỷ Vương cùng quyến thuộc của họ thường bảo hộ

những người như thế, khiến cho mọi việc của những người ấy đều được kiết tường. Vì sao tất cả mọi việc của những người đó đều được tốt lành? Bởi họ đã cúng dường Tam Bảo, biết tu hành, làm nhiều thiện sự, do đó những việc dữ không thể xảy đến cho họ được!

KINH VĂN:

Đức Phật khen ngợi Quỷ Vương rằng: "Lành thay! Lành thay! Các ông cùng với Vua Diêm La có thể ủng hộ các thiện nam thiện nữ như thế! Ta cũng bảo Phạm Vương, Đế Thích hộ vệ các ông!"

Đức Phật nói lời ấy xong, trong Pháp Hội có một vị Quỷ Vương tên là Chủ Mạng bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Nghiệp duyên căn bản của con là chủ về nhân mạng ở cõi Diêm Phù Đề, khi sanh khi tử đều do con làm chủ. Bổn nguyện của con thì rất muốn làm lợi ích, nhưng vì chúng sanh không hiểu ý con nên đến nỗi khi sanh khi tử đều không được an ổn; tại sao thế?

"Người cõi Diêm Phù Đề lúc mới sanh xong, không kể là con trai hay con gái, hoặc khi sắp sanh, chỉ nên làm thiện sự để thêm sự lợi ích cho nhà cửa, thì tự nhiên Thần Thổ Địa sẽ vô cùng hoan hỷ, ủng hộ cho cả mẹ lẫn con đều được sự an lạc lớn, hàng quyến thuộc cũng được lợi ích.

"Hoặc khi đã sanh rồi thì nên cẩn thận, chớ giết hại để lấy những vị tươi ngon cung cấp cho người sản mẫu, cùng nhóm họp hàng quyến thuộc lại để uống rượu, ăn thịt, ca hát, đánh đàn, thổi sáo; vì có thể khiến cho cả mẹ lẫn con chẳng được an lạc."

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật khen ngợi Quỷ Vương rằng: "Lành thay! Lành thay! Thật là phi thường! Thật là tốt đẹp! **Các ông** (các Quỷ Vương) **cùng với Vua Diêm La có thể ủng hộ các thiện nam thiện nữ như thế** thì thật là tốt đẹp biết bao**! Ta cũng bảo Phạm Vương**: Đại Phạm Thiên Vương**, Đế Thích**: thiên chủ cung trời Ba Mươi Ba: **hộ vệ các ông!"**

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni **nói lời ấy xong, trong Pháp Hội có một vị Quỷ Vương tên là Chủ Mạng** (đây là vị chúa quỷ cai quản mạng sống, tuổi thọ của con người) **bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Nghiệp duyên căn bản của con là chủ về nhân mạng ở cõi Diêm Phù Đề, khi sanh khi tử đều do con làm chủ.** Do quan hệ nghiệp lực của đời trước mà con nay trông coi về sanh mạng của con người trong cõi Nam Diêm Phù Đề. Bất luận là lúc sanh hay lúc tử, sanh mạng của họ đều do con cai quản."

Chủ Mạng Quỷ Vương bạch tiếp: **"Bổn nguyện của con thì rất muốn làm lợi ích, nhưng vì chúng sanh không hiểu ý con nên đến nỗi khi sanh khi tử đều không được an ổn.** Cứ theo bổn nguyện của con thì con vốn rất sẵn lòng làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh, nhưng các chúng sanh lại không hiểu được ý con, khiến cho khi sanh khi tử tất cả đều không được thanh thản, an lạc. **Tại sao thế? Người cõi Diêm Phù Đề lúc mới sanh xong, không kể là con trai hay con gái, hoặc khi sắp sanh, chỉ nên làm thiện sự để thêm sự lợi ích cho nhà cửa."**

Thế nào gọi là "thiện sự"? Đó là những việc phước lành, những việc hữu ích, có lợi cho người khác. Làm việc thiện thì sẽ gia tăng sự lợi ích cho nhà cửa; gia tăng như thế nào? Nếu quý vị làm việc thiện thì sẽ có một luồng hào quang tốt lành (tường quang) chiếu sáng bảo hộ quý vị; bấy giờ **"thì tự nhiên Thần Thổ Địa sẽ vô cùng hoan hỷ, ủng hộ cho cả mẹ lẫn con đều được sự an lạc lớn, hàng quyến thuộc cũng được lợi ích."** Bởi vì quý vị làm việc phước lành tức là làm tăng thêm sự lợi ích cho nhà cửa, nên Thần Thổ Địa vui mừng khôn xiết, bèn đến để che chở phù hộ, khiến cho đứa trẻ sơ sinh cùng người mẹ đều được nhiều sự an vui, mà ngay cả bà con thân thuộc cũng được hưởng nhiều phước lợi.

"Hoặc khi đã sanh rồi, thì nên cẩn thận, chớ giết hại để lấy những vị tươi ngon cung cấp cho người sản mẫu, cùng nhóm họp hàng quyến thuộc lại để uống rượu, ăn thịt, ca hát, đánh đàn, thổi sáo." Nếu người sản phụ đã sanh nở bình yên

rồi, thì thân nhân phải nhớ kỹ đừng bao giờ giết hại chúng sanh, hoặc mua nào gà, nào vịt, nào cá còn sống về làm thịt để lấy những vị tươi ngon, bổ dưỡng cho người đó ăn. Ngoài ra, cũng đừng mời khách khứa, tiệc tùng linh đình để phô trương, hoặc tụ tập bạn bè thân thuộc lại bày rượu thịt ra rồi cùng nhau ăn uống nhậu nhẹt, đàn ca hát xướng ồn ào náo nhiệt; vì sao?

"Vì có thể khiến cho cả mẹ lẫn con chẳng được an lạc." Bởi vì làm như thế sẽ khiến cho cả người mẹ và đứa bé sơ sinh đều không được yên ổn.

KINH VĂN:

"Vì sao thế? Bởi vì lúc sanh nở khó khăn đó, có vô số ác quỷ cùng vọng lượng, tinh mỵ, muốn tới ăn huyết tanh. Chính con sớm đã sai các thần linh của nhà cửa đất đai phải bảo hộ người mẹ và đứa con, làm cho họ được an vui mà hưởng nhiều sự lợi ích.

"Những người này thấy sự an ổn vui vẻ thì nên tạo phước để báo đáp các thần Thổ Địa, thế mà trái lại, họ còn giết hại, tụ tập quyến thuộc; vì lẽ này, hễ phạm tội tất phải tự gánh chịu, người mẹ và đứa con đều bị tổn hại!

"Lại ở cõi Diêm Phù Đề, những người sắp mạng chung, bất luận là thiện hay ác, con đều muốn cho họ không bị đọa lạc vào đường ác; huống chi là kẻ tự tu thiện căn, làm tăng oai lực của con!

"Những người làm thiện ở cõi Diêm Phù Đề, đến lúc lâm chung cũng còn có trăm ngàn quỷ thần trong ác đạo hoặc biến làm cha mẹ, cho đến hàng quyến thuộc, dẫn dắt người chết khiến cho lạc vào ác đạo; huống chi là những kẻ vốn đã tạo ác!"

LƯỢC GIẢNG:

Chủ Mạng Quỷ Vương lại bạch: **"Vì sao thế?** Nguyên nhân nào khiến cho cả người mẹ và đứa bé sơ sinh đều không được yên ổn? **Vì lúc sanh nở khó khăn đó, có vô số ác quỷ cùng vọng lượng, tinh mỵ,** các loài sơn yêu thủy quái, **muốn tới ăn**

huyết tanh. Chúng thường nhân lúc người sản phụ đang sanh nở, máu me lênh láng, bèn tìm đến để ăn huyết tanh**. Chính con** (Chủ Mạng Quỷ Vương) **sớm đã sai các thần linh của nhà cửa đất đai phải bảo hộ người mẹ và đứa con, làm cho họ được an vui mà hưởng nhiều sự lợi ích.”** “Thần linh” ở đây tức là Thần Thổ Địa.

“Những người này thấy sự an ổn vui vẻ thì nên tạo phước để báo đáp các thần Thổ Địa.” Những người chung quanh thấy cả mẹ lẫn con đều được an ổn vui vẻ thì lẽ ra nên tu phước, làm những việc công đức hầu đáp tạ hết thảy các thần Thổ Địa mới phải; “thế mà trái lại, họ còn giết hại, tụ tập quyến thuộc.” Họ chẳng những không đáp tạ công ơn của chư vị thần linh mà còn sát hại sinh vật, tụ họp bạn bè thân quyến lại để ăn uống vui chơi, tiệc tùng đình đám; “vì lẽ này, hễ phạm tội tất phải tự gánh chịu, người mẹ và đứa con đều bị tổn hại!” Một khi đã phạm tội thì nhất định phải tự lãnh lấy quả báo, do đó, luôn cả người mẹ cùng đứa bé sơ sinh đều bị tổn hại.

Chủ Mạng Quỷ Vương bạch tiếp: **“Lại ở cõi Diêm Phù Đề, những người sắp mạng chung, bất luận là thiện hay ác**, là người hiền lành hay kẻ hung dữ, **con đều muốn cho họ không bị đọa lạc vào đường ác,** chẳng phải sa vào ba ác đạo; **huống chi là kẻ tự tu thiện căn, làm tăng oai lực của con!** Nếu kẻ sắp chết là người đã từng tự mình tu thiện căn, thì con không cần phải hao tổn sức lực gì để bảo hộ cho người ấy cả!”

“Những người làm thiện ở cõi Diêm Phù Đề, đến lúc lâm chung cũng còn có trăm ngàn quỷ thần trong ác đạo hoặc biến làm cha mẹ, cho đến hàng quyến thuộc, dẫn dắt người chết khiến cho lạc vào ác đạo.” Con người, cho dù quý vị là người thường hay làm việc thiện, thì lúc hấp hối gần kề cái chết thế nào cũng có loài ác quỷ đến dụ dỗ, muốn làm cho quý vị bị đọa lạc vào đường ác. Bấy giờ, các ác quỷ đó có thể biến ra hình dạng giống hệt cha mẹ hoặc bạn bè thân thuộc của quý vị, và hiện đến để đón quý vị, khiến cho quý vị bị đọa vào đường ác.

Vậy, những người làm thiện sự mà còn bị ác quỷ đến lừa gạt, dụ dỗ vào ác đạo như thế, thì **"huống chi là những kẻ vốn đã tạo ác,** chẳng làm mảy may thiện sự nào?**"** Cho nên, nếu gặp những người đã quen làm ác thì các ác quỷ lại càng muốn lôi kéo họ vào đường ác hơn nữa!

KINH VĂN:

"Bạch Đức Thế Tôn! Những kẻ nam người nữ ở cõi Diêm Phù Đề, lúc lâm chung thì thần thức hôn ám mê muội, không phân biệt được thiện ác, cho đến mắt và tai đều không còn thấy nghe gì nữa.

"Hàng quyến thuộc phải nên thiết đại cúng dường, chuyển đọc tôn kinh, niệm danh hiệu của Phật cùng Bồ Tát; những thiện duyên như thế có thể khiến cho người chết thoát khỏi các đường ác, và các ma quỷ, ác thần đều phải rút lui hoặc giải tán.

"Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả chúng sanh lúc lâm chung nếu được nghe đến danh hiệu của một đức Phật, danh hiệu của một vị Bồ Tát, hoặc một câu hay một bài kệ trong kinh điển Đại Thừa, con xem xét thấy hạng người ấy, trừ năm tội Vô Gián và tội sát hại, còn những nghiệp ác nho nhỏ đáng phải đọa vào đường ác thì chẳng bao lâu đều được thoát khỏi cả."

Đức Phật bảo Chủ Mạng Quỷ Vương rằng: "Ông vì lòng đại từ nên có thể phát đại nguyện, ở trong sanh tử cứu hộ chúng sanh như thế. Như trong đời sau có kẻ nam người nữ nào đến thời điểm sanh tử, thì ông chớ rút lại lời nguyện đó, mà nên làm cho họ thảy đều được giải thoát, mãi mãi được an vui."

LƯỢC GIẢNG:

Quỷ Vương Chủ Mạng lại bạch: **"Vì sao thế?** Nguyên nhân nào khiến cho cả người mẹ và đứa bé sơ sinh đều không được yên ổn? **Vì lúc sanh nở khó khăn đó, có vô số ác quỷ cùng vọng lượng, tinh my**, các loài sơn yêu thủy quái, **muốn tới ăn huyết tanh.** Chúng thường nhân lúc người sản phụ đang sanh nở, máu me lênh láng, bèn tìm đến để ăn huyết tanh**. Chính con** (Chủ Mạng Quỷ Vương) **sớm đã sai các thần linh của nhà cửa**

đất đai phải bảo hộ người mẹ và đứa con, làm cho họ được an vui mà hưởng nhiều sự lợi ích.” “Thần linh” ở đây tức là Thần Thổ Địa.

“Những người này thấy sự an ổn vui vẻ thì nên tạo phước để báo đáp các thần Thổ Địa.” Những người chung quanh thấy cả mẹ lẫn con đều được an ổn vui vẻ thì lẽ ra nên tu phước, làm những việc công đức hầu đáp tạ hết thảy các thần Thổ Địa mới phải; “thế mà trái lại, họ còn giết hại, tụ tập quyến thuộc.” Họ chẳng những không đáp tạ công ơn của chư vị thần linh mà còn sát hại sinh vật, tụ họp bạn bè thân quyến lại để ăn uống vui chơi, tiệc tùng đình đám; “vì lẽ này, hễ phạm tội tất phải tự gánh chịu, người mẹ và đứa con đều bị tổn hại!” Một khi đã phạm tội thì nhất định phải tự lãnh lấy quả báo, do đó, luôn cả người mẹ cùng đứa bé sơ sinh đều bị tổn hại.

Quỷ Vương Chủ Mạng bạch tiếp: **“Lại ở cõi Diêm Phù Đề, những người sắp mạng chung, bất luận là thiện hay ác**, là người hiền lành hay kẻ hung dữ, **con đều muốn cho họ không bị đọa lạc vào đường ác,** chẳng phải sa vào ba ác đạo; **huống chi là kẻ tự tu thiện căn, làm tăng oai lực của con!** Nếu kẻ sắp chết là người đã từng tự mình tu thiện căn, thì con không cần phải hao tổn sức lực gì để bảo hộ cho người ấy cả!”

“Những người làm thiện ở cõi Diêm Phù Đề, đến lúc lâm chung cũng còn có trăm ngàn quỷ thần trong ác đạo hoặc biến làm cha mẹ, cho đến hàng quyến thuộc, dẫn dắt người chết khiến cho lạc vào ác đạo.” Con người, cho dù quý vị là người thường hay làm việc thiện, thì lúc hấp hối gần kề cái chết thế nào cũng có loài ác quỷ đến dụ dỗ, muốn làm cho quý vị bị đọa lạc vào đường ác. Bấy giờ, các ác quỷ đó có thể biến ra hình dạng giống hệt cha mẹ hoặc bạn bè thân thuộc của quý vị, và hiện đến để đón quý vị, khiến cho quý vị bị đọa vào đường ác.

Vậy, những người làm thiện sự mà còn bị ác quỷ đến lừa gạt, dụ dỗ vào ác đạo như thế, thì **“huống chi là những kẻ vốn đã tạo ác,** chẳng làm mảy may thiện sự nào?” Cho nên, nếu gặp

những người đã quen làm ác thì các ác quỷ lại càng muốn lôi kéo họ vào đường ác hơn nữa!

KINH VĂN:

"Bạch Đức Thế Tôn! Những kẻ nam người nữ ở cõi Diêm Phù Đề, lúc lâm chung thì thần thức hôn ám mê muội, không phân biệt được thiện ác, cho đến mắt và tai đều không còn thấy nghe gì nữa.

"Hàng quyến thuộc phải nên thiết đại cúng dường, chuyển đọc tôn kinh, niệm danh hiệu của Phật cùng Bồ Tát; những thiện duyên như thế có thể khiến cho người chết thoát khỏi các đường ác, và các ma quỷ, ác thần đều phải rút lui hoặc giải tán.

"Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả chúng sanh lúc lâm chung nếu được nghe đến danh hiệu của một đức Phật, danh hiệu của một vị Bồ Tát, hoặc một câu hay một bài kệ trong kinh điển Đại Thừa, con xem xét thấy hạng người ấy, trừ năm tội Vô Gián và tội sát hại, còn những nghiệp ác nho nhỏ đáng phải đọa vào đường ác thì chẳng bao lâu đều được thoát khỏi cả."

Đức Phật bảo Quỷ Vương Chủ Mạng rằng: "Ông vì lòng đại từ nên có thể phát đại nguyện, ở trong sanh tử cứu hộ chúng sanh như thế. Như trong đời sau có kẻ nam người nữ nào đến thời điểm sanh tử, thì ông chớ rút lại lời nguyện đó, mà nên làm cho họ thảy đều được giải thoát, mãi mãi được an vui."

LƯỢC GIẢNG:

Quỷ Vương Chủ Mạng lại bạch với Đức Phật rằng: **"Bạch Đức Thế Tôn! Những kẻ nam người nữ ở cõi Diêm Phù Đề, lúc lâm chung thì thần thức hôn ám mê muội."** Lúc con người sắp chết thì khí ấm (noãn), hơi thở (tức) và các thức (sự hiểu biết) đều lìa khỏi cơ thể, xác thân không còn hơi ấm, hô hấp ngừng bặt và Thức Thứ Tám (thức A-lại-da) cũng lìa khỏi thân, đây gọi là "mạng chung" (sanh mạng hết). Khi vừa mới chết thì thần thức (tức là Thân Trung Ấm) rơi vào trạng thái hôn trầm mê muội, không còn sáng suốt tỉnh táo, không còn rõ biết gì nữa cả;

đó là vì thần thức mới vừa tách rời khỏi cơ thể, chính mình vẫn chưa biết là mình đã chết.

"Không phân biệt được thiện ác, cho đến mắt và tai đều không còn thấy nghe gì nữa." "Không phân biệt được thiện ác" tức là không còn khả năng biện biệt, không thể biết được rõ ràng thế nào là thiện, thế nào là ác nữa. Lúc bấy giờ, kẻ lâm chung không còn nhìn thấy và cũng chẳng thể nghe thấy gì cả, tri giác về thấy và nghe đều không còn.

Vì thế, **"hàng quyến thuộc phải nên thiết đại cúng dường, chuyển đọc tôn kinh, niệm danh hiệu của Phật cùng Bồ Tát."** Tất cả bà con thân thích bấy giờ nên vì người sắp chết mà làm những việc công đức tạo phước lành lớn, như thỉnh chư Tăng đến tụng kinh, hoặc tự mình tụng kinh cho người ấy.

Do đó, ở Trung Hoa khi trong gia đình có người vừa qua đời, hàng quyến thuộc thường thỉnh cầu chư Tăng tụng kinh trong suốt bảy thất (bốn mươi chín ngày), là cũng vì lẽ ấy. Như lúc Lão Hòa Thượng Hư Vân viên tịch (1959), Phật Giáo Giảng Đường tại Hương Cảng đã làm công đức tụng *Kinh Đại Bát Nhã* trong suốt một trăm sáu mươi ngày ròng rã. Đây là việc xưa nay chưa từng xảy ra: từ thời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cho đến nay, chưa có vị Tổ Sư nào viên tịch mà được tụng *Kinh Đại Bát Nhã* cả. Tổ chức một pháp hội lớn lao như vậy gọi là "thiết đại cúng dường."

"Chuyển đọc tôn kinh" tức là trì tụng bộ kinh này -*Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện*.

"Những thiện duyên như thế có thể khiến cho người chết thoát khỏi các đường ác, và các ma quỷ, ác thần đều phải rút lui hoặc giải tán." Bởi hàng quyến thuộc vì người chết mà làm các việc công đức, cho nên những nhân duyên thiện lành đó có thể hỗ trợ, giúp cho người chết xa lìa các ác đạo. Lại nữa, "đức đại tắc oan nghiệt tiêu": kẻ có công đức lớn thì tội nghiệt cũng được giảm nhẹ hoặc tiêu tan; do đó tất cả ma quỷ và ác thần thảy đều thối lui, bỏ chạy hết, không còn đeo đuổi người ấy nữa.

Quỷ Vương Chủ Mạng lại bạch tiếp: **“Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả chúng sanh** ở Nam Diêm Phù Đề, **lúc lâm chung nếu được nghe đến danh hiệu của một đức Phật, danh hiệu của một vị Bồ Tát** (không cần nhiều, chỉ cần được nghe vỏn vẹn danh hiệu của một vị Phật hoặc một vị Bồ Tát mà thôi) **hoặc một câu hay một bài kệ trong kinh điển Đại Thừa, con xem xét thấy hạng người ấy, trừ năm tội Vô Gián và tội sát hại, còn những nghiệp ác nho nhỏ đáng phải đọa vào đường ác thì chẳng bao lâu đều được thoát khỏi cả.”**

Theo phần kinh văn trên, nếu có những người lúc lâm chung được nghe danh hiệu của một đức Phật hay của một tôn Bồ Tát, một câu hoặc một bài kệ của kinh điển Đại Thừa mà thôi, thì có thể được tiêu trừ tất cả mọi nghiệp tội, ngoại trừ năm tội Vô Gián và tội sát hại. Năm tội Vô Gián (năm tội nghịch đáng phải đọa địa ngục Vô Gián) và tội sát hại thì vốn chẳng thể tiêu trừ được. Trong trường hợp những chúng sanh đó chỉ gây các nghiệp ác nho nhỏ, nhẹ hơn năm tội Vô Gián và tội sát hại một chút, song vẫn đáng phải đọa ác đạo, thì chẳng bao lâu Chủ Mạng Quỷ Vương cũng sẽ khiến cho họ được giải thoát, khỏi phải chịu tội.

Tuy nhiên, phần kinh văn trên cũng có thể được hiểu là cho dù các người đó có mắc năm tội Vô Gián hoặc tội sát hại thì cũng đều được giải trừ cả. Bởi nếu trong lúc cận kề cái chết, những người ấy có thể khởi lòng thành tâm đến cực điểm, thì mọi nghiệp chướng đều có thể rũ sạch; tuy nhiên, vấn đề là rất khó mà giữ được chánh niệm trong giờ phút tối hậu đó!

Đức Phật bảo Quỷ Vương Chủ Mạng rằng: “Ông vì lòng đại từ nên có thể phát đại nguyện, ở trong sanh tử cứu hộ chúng sanh như thế. Ông quả thật là có lòng đại từ bi nên mới lập thệ nguyện lớn lao này, chịu ở trong sự sanh tử của chúng sanh mà bảo hộ hết thảy chúng sanh! **Như trong đời sau có kẻ nam người nữ nào đến thời điểm sanh tử, thì ông chớ rút lại lời nguyện đó, mà nên làm cho họ thảy đều được giải thoát, mãi mãi được an vui.”**

KINH VĂN:

Quỷ Vương bạch cùng Đức Phật rằng: "Xin Đức Thế Tôn chớ lo! Trọn đời con luôn luôn ủng hộ chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề, làm cho lúc sanh lúc tử đều được an vui. Chỉ mong các chúng sanh trong lúc sanh cùng lúc tử đều tin theo lời con, thì không ai là không được giải thoát và được lợi ích lớn cả!"

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ Tát Địa Tạng rằng: "Vị Đại Quỷ Vương chủ về sanh mạng đây, đã từng trải qua trăm ngàn đời làm vị Đại Quỷ Vương, ủng hộ chúng sanh trong lúc sanh và lúc tử. Bậc Đại Sĩ này vì lòng từ bi phát nguyện hiện thân đại quỷ, chớ thật ra không phải quỷ.

"Quá một trăm bảy mươi kiếp sau, ông ấy sẽ được thành Phật hiệu là Vô Tướng Như Lai, kiếp tên là An Lạc, thế giới tên là Tịnh Trụ, thọ mạng của Đức Phật đó đến số kiếp không thể tính đếm được.

"Này Địa Tạng Bồ Tát! Những việc của vị Đại Quỷ Vương đó thì không thể nghĩ bàn như thế; hàng trời, người được độ thoát cũng đến số không thể hạn lượng."

LƯỢC GIẢNG:

Quỷ Vương bạch cùng Đức Phật rằng ... Quỷ Vương Chủ Mạng rất tự tại, cho nên làm chúa quỷ cũng không đến nỗi tệ lắm, ông ta muốn cho ai sống thì người đó sống, muốn cho ai chết thì người đó phải chết. Chính vì sanh mạng của tất cả mọi người đều nằm trong tay Quỷ Vương Chủ Mạng, cho nên nếu ông ta là kẻ tham lam, chịu ăn hối lộ như bọn quan lại tham ô ở thế gian, thì nhất định ông ta sẽ rất giàu có và thế giới này sẽ đông đúc hơn nhiều!

Thuở trước, lúc Pháp Sư Đạo Sanh giảng kinh thì có một con quỷ thường đến lắng nghe rất chăm chú. Một hôm, Ngài Đạo Sanh bảo quỷ hãy đi đầu thai làm người, thì quỷ trả lời rằng:

(Ngã kim tác quỷ tam thiên thu,
Dã vô phiền não, dã vô sầu,
Sanh Công giáo ngã vi nhân khứ,

Chỉ khủng vi nhân bất đáo đầu.

Nghĩa

"Ba ngàn năm nay tôi làm quỷ,
Đã không phiền não cũng không sầu,
Sanh Công bảo tôi đi làm người,
Chỉ sợ làm người làm chẳng xong!"

Ý quỷ nói rằng: "Tôi làm quỷ tính đến nay đã hơn ba ngàn năm rồi, tôi chẳng có phiền não và cũng chẳng phải lo âu, phiền muộn gì cả. Nay Ngài Đạo Sanh bảo tôi đi làm người, song tôi chỉ ngại rằng mình làm không được chu tất thì sẽ tạo tội, cho nên tôi thà cứ làm quỷ mà hơn!"

Quý vị xem, kẻ làm quỷ thì cho rằng làm quỷ cũng không đến nỗi nào! Người Trung Hoa có câu nói đại ý rằng những kẻ ăn mày mà đã đi xin ăn được ba năm rồi, thì có cho họ lên làm vua họ cũng chẳng muốn làm, bởi vì họ sống tự do quen rồi! Gã hành khất đi ăn xin được ba năm, thì cho dù được mời lên làm hoàng đế, gã cũng không ham; kẻ làm quỷ được hơn ba ngàn năm, quý vị bảo đi làm người, kẻ ấy cũng chẳng muốn, bởi vì quỷ ta cảm thấy làm quỷ thì không có phiền não, cũng chẳng phải lo âu phiền muộn gì cả!

"Sanh Công" tức là chỉ Pháp Sư Đạo Sanh, quỷ gọi Ngài là "Sanh Công" (ngài Sanh). Cho nên, khi quý vị sang đến Đài Loan để thọ Giới (1969), nếu gặp các Lão Giới Sư như Pháp Sư Ấn Thuận chẳng hạn, quý vị có thể gọi Ngài là "Ấn Công" (ngài Ấn), tức là chỉ dùng một chữ trong tên hiệu của Ngài để gọi thôi. Trong hai chữ "Ấn Thuận," quý vị cảm thấy chữ nào thuận miệng thì gọi bằng chữ đó, không hạn định chữ trên hay chữ dưới, chữ trước hay chữ sau.

Lại như Pháp Sư Đạo Nguyên, lẽ ra quý vị phải gọi Ngài là "Đạo Công" hoặc "Nguyên Công"; song hiện nay quý vị đi thọ Giới, Pháp Sư Đạo Nguyên sẽ là "đắc Giới Hòa Thượng" của quý vị, thì quý vị không thể gọi Ngài như thế được nữa; vậy thì phải xưng hô như thế nào? Vì quý vị sẽ thọ Giới với Ngài, cho

nên quý vị phải gọi Ngài là "đắc Giới Hòa Thượng"! Bởi Ngài là "đắc Giới Hòa Thượng," nếu quý vị đến thọ Giới với Ngài mà lại gọi Ngài là "Đạo Công" hay "Nguyên Công," tức là thiếu cung kính. Quý vị phải gọi Ngài là "đắc Giới Hòa Thượng," như thế là tỏ lòng kính trọng, rất mực cung kính đối với Ngài.

Còn đối với các Giới Sư khác thì thế nào? Thì quý vị đều gọi các ngài bằng một chữ trong tên hiệu của họ, đừng dùng cả hai chữ, và phải nhớ kèm thêm chữ "công" ở đằng sau.

Ngoài ra, nếu gặp những người xuất gia khác, trong lúc nói chuyện quý vị đều phải chắp hai tay lại, mắt không được nhìn người ta chằm chằm, mà phải "mắt quán mũi" (mắt nhìn xuống chót mũi), nói chuyện với bất cứ ai cũng phải nhớ thâu nhiếp thân tâm. Vì quý vị sắp sửa đi thọ Giới, do đó nay tôi truyền dạy giới luật Phật Giáo cho người phương Tây quý vị, quý vị cần phải hết sức chú ý mới được!

Sang đến bên đó (Đài Loan), nếu quý vị hành trì đàng hoàng, nghiêm túc, thì sẽ khiến cho người ta có ấn tượng tốt về người Tây phương, và ai nấy sẽ phải trầm trồ: "Ồ! Thì ra người Tây phương giữ Giới Luật cũng rất tinh nghiêm!" Nếu quý vị đến đó mà còn không chịu tuân giữ quy củ, thì người ta sẽ lắc đầu ngao ngán: "Ôi! Ông này không xong rồi, tu hành chẳng ra gì cả!"; và như thế là quý vị đã làm mất thể diện của toàn thể người Tây phương, khiến cho sau này nếu có người Tây phương nào muốn xuất gia, e rằng chẳng có ai dám thâu nhận: "Không được! Mấy người đó không tu hành được đâu! Đừng thâu nhận họ!"

Vì thế, tất cả quý vị, bất luận là Tỳ Kheo hay Tỳ Kheo Ni, đến bất cứ nơi nào thì cũng phải nêu gương tốt, phải thận trọng tuân giữ quy củ phép tắc, không được bê bối, chểnh mảng!

Quý vị hiện nay có năm người đi chung với nhau, khi sang đến Đài Loan thì trước hết quý vị hãy thỉnh cầu một việc; thỉnh cầu việc gì? Quý vị hãy xin phép được ghi âm! Bởi vì trong số quý vị thì có người hiểu tiếng Trung Hoa mà cũng có người không hiểu được, do đó, khi đi quý vị hãy mang theo máy ghi âm

và máy chụp hình, có sự việc gì quan trọng thì có thể chụp hình để mang về.

Lại nữa, trong suốt thời gian thọ Giới, bất cứ vị Pháp Sư nào khai thị, quý vị đều có thể đặt máy ghi âm để thâu. Sau đó, năm người quý vị họp nhau lại, người nào hiểu tiếng Trung Hoa thì phiên dịch (sang Anh ngữ) cho những người không hiểu nghe, sau mỗi buổi giảng đều nên làm như vậy. Trong lúc mọi người nghỉ ngơi thì quý vị chớ nên nghỉ; quý vị cần phải giúp đỡ lẫn nhau, hôm nay có những việc gì thì nên nói rõ cho những người không hiểu tiếng Trung Hoa đều được biết. Nếu quý vị làm được như thế, thì sẽ có được sức mạnh của sự đoàn kết. Đừng nên sang đến đó, học xong rồi mà cái gì cũng vẫn không biết cả!

Có thể nói đây là lần đầu tiên có nhiều người Tây phương đi thọ Giới như thế này, trước đây chưa từng có! Quý vị sang Đài Loan thọ Giới, hãy học tinh tường các quy củ phép tắc để trở về có thể truyền đạt lại cho người Mỹ sau này. Năm nay quý vị đi thọ Giới trở về rồi, thì sang năm hoặc năm tới nữa, chúng ta cũng có thể tổ chức truyền Giới tại đây, khai mở một Giới Đàn ngay tại Hoa Kỳ . Muốn mở một kỳ truyền Giới thì cần phải thỉnh được mười vị Hòa Thượng để có được "tam sư thất chứng" (ba vị làm Giới Sư, bảy vị làm tôn chứng), nếu thỉnh được nhiều vị hơn thì càng tốt. Quý vị chính là nhân tài cơ bản trong công cuộc khai sáng Phật Giáo tại Hoa Kỳ, cho nên, chuyến đi này hết sức quan trọng!

Vậy, lúc bấy giờ Quỷ Vương Chủ Mạng bạch cùng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni rằng**: "Xin Đức Thế Tôn chớ lo!** Cúi xin Đức Phật chớ bận tâm về việc đó nữa! **Trọn đời con luôn luôn ủng hộ chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề, làm cho lúc sanh lúc tử đều được an vui.** Con nay làm quỷ, con nguyện cho đến hết thời kỳ phải làm quỷ của con, trong từng ý niệm, trong mỗi khoảnh khắc, con đều lo cứu hộ chúng sanh ở cõi Nam Diêm Phù Đề. Dù là khi họ sanh ra hoặc lúc chết đi, con đều khiến cho họ sanh được bình yên, chết được an ổn, không xảy ra những việc rủi ro, ngoài ý muốn."

"Chỉ mong các chúng sanh trong lúc sanh cùng lúc tử đều tin theo lời con, thì không ai là không được giải thoát và được lợi ích lớn cả! Tuy nhiên, con có một yêu cầu là hết thảy chúng sanh, trong lúc sanh cũng như lúc tử đều phải triệt để nghe và làm theo lời con căn dặn; được như thế thì con sẽ khiến cho họ đạt được nhiều sự lợi ích lớn lao."

Như quý vị là đệ tử của tôi, thì đều phải vâng lời tôi; nếu đệ tử mà không nghe theo lời dạy bảo của sư phụ thì đó không phải là một đệ tử ngoan. Cho nên, những chúng sanh không tuân theo lời dặn dò của Quỷ Vương thì không phải là những chúng sanh "ngoan," Quỷ Vương cũng sẽ không bảo hộ cho những kẻ ấy!

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ Tát Địa Tạng rằng: "Vị Đại Quỷ Vương chủ về sanh mạng đây, đã từng trải qua trăm ngàn đời làm vị Đại Quỷ Vương, ủng hộ chúng sanh trong lúc sanh và lúc tử. Bậc Đại Sĩ này vì lòng từ bi phát nguyện hiện thân đại quỷ, chớ thật ra không phải quỷ." Quỷ Vương Chủ Mạng quả thật là một vị Đại Bồ Tát - tuy mang thân Quỷ Vương, song đó là vị Đại Bồ Tát phát nguyện muốn làm Quỷ Vương, do nguyện lực từ bi mà Bồ Tát hiện thân làm Đại Quỷ Vương, chứ sự thật thì không phải là quỷ.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại thọ ký cho Quỷ Vương Chủ Mạng rằng: **"Quá một trăm bảy mươi kiếp sau, ông ấy sẽ được thành Phật hiệu là Vô Tướng Như Lai, kiếp tên là An Lạc, thế giới tên là Tịnh Trụ, thọ mạng của Đức Phật đó đến số kiếp không thể tính đếm được."**

Từ hiện tại cho đến đời vị lai về sau, trải qua một trăm bảy mươi đại kiếp, Đại Quỷ Vương Chủ Mạng sẽ được thành Phật, hiệu là Vô Tướng Như Lai. "Vô tướng" nghĩa là không có các tướng. Kiếp của Đức Phật Vô Tướng có tên là Kiếp An Lạc, cõi nước tên là Thế Giới Tịnh Trụ; và Đức Phật này có thọ mạng rất lâu dài. (Thế giới mà chúng ta đang sống hiện nay là Thế Giới Ta Bà, và kiếp tên là Hiền Kiếp.)

Đức Phật lại bảo Ngài Địa Tạng rằng: **"Này Địa Tạng Bồ Tát! Những việc của vị Đại Quỷ Vương đó thì không thể nghĩ**

bàn như thế. Ông nên biết rằng những nhân duyên trong quá khứ, hiện tại, cùng vị lai của Chủ Mạng Quỷ Vương là như vậy - đều là những việc không thể nghĩ bàn. **Hàng trời, người được vị ấy độ thoát cũng đến số không thể hạn lượng.** Số lượng chúng sanh ở cõi trời và cõi người do Chủ Mạng Quỷ Vương cứu độ thì nhiều đến vô lượng vô biên, không thể nào tính đếm cho xuể được.”

KINH ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỔN NGUYỆN THIỂN THÍCH

Quyển Trung

Phẩm Thứ Chín

XƯNG DANH HIỆU CHƯ PHẬT

"Xưng" tức là xưng niệm, có nghĩa là đọc lên và tưởng nhớ đến; "danh hiệu" có nghĩa là tên. Vậy, "Xưng Danh Hiệu Chư Phật" tức là đọc tên của các đức Phật và nhớ tưởng tới các ngài. Trước kia tôi đã từng giảng rồi, lúc tối sơ mỗi một đức Phật đều có một vạn danh hiệu khác nhau. Về sau, vì người ta không thể nào nhớ được nhiều như thế, cho nên mới giảm bớt, chỉ còn một ngàn danh hiệu. Song, một ngàn danh hiệu thì người bình thường cũng không thể nhớ một cách mạch lạc được (như tôi chẳng hạn, một kẻ không có năng lực nhớ dai cho lắm, bắt đầu niệm từ danh hiệu thứ nhất trở đi, khi niệm đến danh hiệu thứ một ngàn thì tôi quên mất danh hiệu thứ nhất!); do đó, về sau giảm xuống còn một trăm danh hiệu. Tuy rằng mỗi một đức Phật chỉ còn một trăm tên gọi nhưng người ta cũng không thể nhớ hết được và cảm thấy như thế vẫn còn quá nhiều, quá phức tạp; cho nên sau này lại giản lược chỉ còn mười tên gọi, mỗi đức Phật chỉ còn vỏn vẹn mười danh hiệu mà thôi.

Mười danh hiệu của mỗi đức Phật là: 1) Như Lai, 2) Ứng Cúng, 3) Chánh Biến Tri, 4) Minh Hạnh Túc, 5) Thiện Thệ Thế Gian Giải, 6) Vô Thượng Sĩ, 7) Điều Ngự Trượng Phu, 8) Thiên Nhân Sư, 9) Phật, 10) Thế Tôn.

Vậy, đây là phẩm thứ chín, "Xưng Danh Hiệu Chư Phật." Trong phẩm này, Địa Tạng Vương Bồ Tát nói về công đức có được do sự xưng niệm danh hiệu của chư Phật.

KINH VĂN:

Lúc đó, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Nay con vì chúng sanh đời sau mà diễn nói về sự lợi ích, làm cho họ trong lúc sanh cùng lúc tử đều được những lợi ích lớn lao. Cúi xin Đức Thế Tôn lắng nghe điều con nói."

Đức Phật bảo Bồ Tát Địa Tạng rằng: "Nay ông muốn khởi lòng từ bi, cứu vớt tất cả chúng sanh tội khổ trong Lục Đạo mà diễn nói sự chẳng thể nghĩ bàn. Bây giờ chính đã phải lúc, ông nên nói ngay đi, Ta sắp sửa vào Niết Bàn rồi! Ông hãy sớm hoàn tất lời nguyện đó, thì Ta cũng không còn phải lo nghĩ gì đến tất cả chúng sanh ở hiện tại và vị lai nữa."

Bồ Tát Địa Tạng bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Vô lượng a-tăng-kỳ kiếp về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Vô Biên Thân Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của Đức Phật này mà tạm thời sanh lòng cung kính, thì liền được vượt thoát tội nặng sanh tử trong bốn mươi kiếp; huống là vẽ đắp hình tượng, cúng dường, tán thán! Người này sẽ được vô lượng vô biên phước báo."

LƯỢC GIẢNG:

Lúc đó, sau khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói dứt lời trong phẩm thứ tám, **Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Nay con vì chúng sanh đời sau mà diễn nói về sự lợi ích, làm cho họ trong lúc sanh cùng lúc tử đều được những lợi ích lớn lao. Cúi xin Đức Thế Tôn lắng nghe điều con nói.** Con thỉnh cầu Đức Thế Tôn, xin Ngài hãy nghe con nói về nguyện lực của chính con."

"Chúng sanh đời sau" tức là trong đó bao gồm cả quý vị và tôi hiện nay. Quý vị chớ cho rằng mình không ở trong số đó, hiện tại quý vị và tôi, chúng ta đều nằm trong số các "chúng sanh đời sau" mà Địa Tạng Vương Bồ Tát đang nhắc tới này!

Đức Phật bảo Bồ Tát Địa Tạng rằng: "Nay ông muốn khởi lòng từ bi, cứu vớt tất cả chúng sanh tội khổ trong Lục Đạo: độ thoát những kẻ trót tạo nghiệp tội và phải chịu khổ sở trong sáu đường là trời, người, A-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ, súc

sanh, **mà diễn nói sự chẳng thể nghĩ bàn**, trình bày những sự về thứ nguyện lực không thể nghĩ bàn. **Bây giờ chính đã phải lúc, ông nên nói ngay đi!** Nay đúng là thời điểm thích hợp để nói về việc đó, vậy ông hãy mau mau nói ra đi; vả lại, **Ta sắp sửa vào Niết Bàn rồi! Ông hãy sớm hoàn tất lời nguyện đó, thì Ta cũng không còn phải lo nghĩ gì đến tất cả chúng sanh ở hiện tại và vị lai nữa.** Ta nay sắp sửa nhập Niết Bàn, cho nên Ta muốn ông sớm hoàn thành viên mãn hạnh nguyện đó. Ta bây giờ cũng chẳng còn phải ưu tư lo lắng cho các chúng sanh trong đời này và đời sau nữa!"

Trong phần kinh văn này, Đức Phật nói rằng Ngài "sắp sửa vào Niết Bàn"; như thế có nghĩa là Phật thuyết *Kinh Địa Tạng* sau khi nói xong *Kinh Pháp Hoa*, và trước khi nói *Kinh Niết Bàn*.

Bồ Tát Địa Tạng bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Vô lượng a-tăng-kỳ kiếp về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Vô Biên Thân Như Lai." Thân tướng của Đức Phật này thì to lớn vô biên, choán đến tận cùng của cõi hư không và trùm khắp cả Pháp Giới. "A-tăng-kỳ" là tiếng Phạn; "a-tăng-kỳ kiếp" có nghĩa là số kiếp nhiều đến vô lượng vô biên.

Ở cõi Nam Diêm Phù Đề, giả sử **"như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của Đức Phật này** (Đức Vô Biên Thân Như Lai) **mà tạm thời sanh lòng cung kính, thì liền được vượt thoát tội nặng sanh tử trong bốn mươi kiếp; huống là vẽ đắp hình tượng, cúng dường, tán thán! Người này** (kẻ vẽ đắp hình tượng của Đức Phật Vô Biên Thân để cúng dường, lễ bái, khen ngợi) **sẽ được vô lượng vô biên phước báo,** nhiều đến nỗi không thể nào tính đếm được!"

Bây giờ tôi kể cho quý vị nghe một công án. Vào thời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn trụ thế, có một cụ già nọ muốn xuất gia tu hành. Hôm ấy, cụ đến Kỳ Hoàn Tinh Xá để xin gặp Phật thì lại nhằm lúc Phật đi vắng. Bấy giờ, các đệ tử của Phật thấy ông cụ già nua tuổi tác thì có vẻ không thích lắm, tuổi đã cao, vừa già lại vừa nghèo, đã vậy còn lôi thôi lếch thếch nữa, như thế

mà còn muốn xuất gia để làm gì chứ? Khi ấy, các vị đệ tử đã chứng quả A La Hán nhập Định quán sát thì thấy cụ già này chẳng có một chút căn lành nào cả, trong suốt tám vạn đại kiếp cụ chưa hề trồng được một mảy may thiện căn; mà như thế thì cụ không thể nào xuất gia, vì muốn xuất gia thì nhất định phải có thiện căn mới được! Có câu:

Chớ bảo xuất gia là chuyện dễ,
Ấy do nhiều kiếp trồng Bồ Đề!

Hán văn
(Mạc đạo xuất gia dung dị đắc,
Giai nhân lũy thế chủng Bồ Đề.)

Quývị thấy đó, xuất gia không phải là chuyện đơn giản! Phải là người mà đời đời kiếp kiếp đều gieo trồng rất nhiều thiện căn, thì mới có thể được xuất gia. Những người không có thiện căn mà muốn xuất gia tu hành, thì cũng khó thành công. Có người, niệm trước mới hăng hái muốn xuất gia tu tập, thì niệm sau lại do dự phân vân: "Đi tu sao thấy khó khăn, vất vả quá! Thôi, thôi, tôi không muốn xuất gia tu hành nữa!" Rồi chính mình lại thuyết phục mình bỏ cuộc: "Thôi, đừng! Đừng đi tu nữa!"

Lại nói về cụ già nọ, bởi các đệ tử A La Hán của Phật đều thấy cụ không có thiện căn, cho nên không nhận cho cụ xuất gia. Cụ già này vốn nghèo đến nỗi không đủ cơm ăn áo mặc và đã ngoài chín mươi hoặc xấp xỉ một trăm tuổi rồi, đi đứng cũng rất khó khăn, chậm chạp. Bấy giờ, cụ bị khước từ, không được xuất gia, nên buồn rầu than thở: "Tôi già nua tuổi tác như vầy rồi, chỉ muốn xuất gia để được an lạc thanh thản đôi chút lúc tuổi già sức yếu, nào ngờ đệ tử của Phật lại khăng khăng chẳng chịu thâu nhận!" Rồi cụ bật khóc, vừa đi vừa khóc lóc sụt sùi rất thảm thiết. Bất chợt, trong lòng cụ nảy ra một ý định; ý định gì? Cụ thở dài tự nhủ: "Thôi thì mình đi tự vẫn cho rồi! Chỉ việc nhảy xuống sông Hằng là xong chuyện!" Và thế là cụ thất thểu lê gót về phía sông Hằng.

Khi cụ còn cách sông Hằng không bao xa, sắp sửa lao mình xuống dòng nước xiết, thì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đi đến và hỏi rằng: "Ôi! Này ông lão, ông đang làm gì thế ? Ông định nhảy xuống sông ư? Tuổi cao như thế mà vẫn còn muốn bơi lội sao? Ôi! Tuổi tác của ông đã quá cao rồi, tay chân đều vụng về chậm chạp, đâu còn nhanh nhẹn để có thể bơi lội được nữa!"

Cụ già đau khổ đáp: "Không phải như thế! Tôi chỉ muốn chết, tôi muốn kết liễu đời mình cho rồi. Tôi không còn muốn sống nữa. Sự sống bây giờ đối với tôi không có ý nghĩa gì cả!"

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ôn tồn gặng hỏi: "Tại sao ông lại bảo rằng cuộc sống của ông không có ý nghĩa? Ông có thể nói cho Ta rõ nguyên nhân được chăng?"

Cụ già bèn kể lể: "Tôi vì cảm thấy cuộc đời này không có ý nghĩa, cho nên muốn xuất gia, theo Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tu hành. Hôm nay tôi đến Tinh Xá để xin được xuất gia đi tu, nhưng các đệ tử của Phật nói rằng tôi không có thiện căn, cho nên họ không thể thâu nhận tôi được. Tâm trí tôi tha thiết muốn xuất gia, song lại xuất gia không được, thế thì tôi còn sống làm gì nữa? Tôi thà chết đi còn hơn! Do đó, tôi muốn nhảy xuống sông Hằng, uống no một bụng nước mà chết, rồi kiếp sau đầu thai làm người trai trẻ để xuất gia tu hành. Chứ bây giờ các đệ tử của Phật đều không thích người già nua, lại thấy mặt mày tôi có lẽ cũng xấu xí cằn cỗi, nên không ai thích tôi cả!"

Nghe qua tự sự, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dịu dàng bảo: "Ồ! Ông lão muốn xuất gia ư? Thế thì ông khỏi cần nhảy xuống sông nữa! Ta sẽ thâu nhận ông làm đệ tử, vậy ông hãy theo Ta trở về Tinh Xá!"

Cụ già lấy làm ngạc nhiên vội hỏi: "Thật ư? Thế ... chẳng hay Ngài là ai vậy?"

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đáp: "Ta là Phật Thích Ca Mâu Ni đây!"

Cụ già mừng rỡ hỏi lại: "Ôi! Ngài là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ư? Ngài bằng lòng thâu nhận con làm đệ tử sao?"

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni gật đầu: "Phải, Ta thấy ông than khóc rất đáng thương, thôi thì Ta nhận ông làm 'lão đệ tử' vậy!"

Sau đó, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dẫn cụ già về Kỳ Hoàn Tinh Xá và thuyết pháp cho nghe; vừa nghe Phật thuyết pháp cụ lập tức chứng được quả vị A La Hán. (Lúc Phật còn trụ thế, có rất nhiều người chứng được A La Hán quả. Bởi Đức Phật xem xét nhân duyên của họ mà thuyết pháp, cho nên Phật vừa giảng là họ liền tỉnh ngộ và chứng đắc quả vị.)

Bấy giờ, có một số đệ tử của Phật thầm nghĩ rằng: "Thật là kỳ lạ! Ông cụ này đã già như vậy, lại không có thiện căn gì cả, thì làm thế nào lại chứng quả vị được?" Do đó, họ sanh lòng hoài nghi đối với Phật Pháp, và tức tốc đến thỉnh vấn Phật: "Bạch Đức Thế Tôn! Ông lão này lẽ ra không thể xuất gia được; nay ông ta được Đức Thế Tôn cho phép xuất gia, rồi lại chứng được quả vị nữa. Thật là vô cùng kỳ lạ! Việc này khiến chúng con sanh lòng hoài nghi đối với Phật Pháp."

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng giải: "Hàng A La Hán các ông chỉ biết được những việc nhân quả, thiện ác, nội trong tám vạn đại kiếp trở lại mà thôi; còn nếu lâu xa hơn nữa, tức là ở ngoài tám vạn đại kiếp, thì các ông không thể thấy được. Cũng như các ông ở trong căn phòng này, thì những việc xảy ra trong phòng các ông đều rõ biết, còn việc ở ngoài phòng thì các ông không thể nào biết được. Các ông phải biết, hơn tám vạn đại kiếp về trước, ông lão này vốn là một tiều phu thường lên núi đốn củi. Một hôm, ông tiều phu gặp phải một con cọp chực vồ lấy ông để ăn thịt. Ngay chính lúc tánh mạng đang bị đe dọa đó, ông tiều phu buột miệng niệm lên một tiếng 'Nam mô Phật.' Một tiếng niệm 'Nam mô Phật' trong khoảnh khắc đó cho đến hôm nay thì vừa chín muồi, do đó ông ấy được xuất gia và có thể chứng được quả vị."

Vì thế, những người hiện tại được xuất gia thì không phải là việc ngẫu nhiên hay tình cờ, mà là nhờ trong quá khứ họ đã từng niệm rất nhiều tiếng "Nam mô Phật"; bằng không, tôi cũng chẳng thể thâu nhận họ làm đệ tử!

KINH VĂN:

"Lại vô số kiếp nhiều như cát sông Hằng về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Bảo Tánh Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của Đức Phật này và trong khoảnh khắc bằng khảy móng tay liền phát tâm quy y, người đó sẽ vĩnh viễn không còn thối chuyển nơi Đạo Vô Thượng.

Lại về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Ba Đầu Ma Thắng Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của Đức Phật này thoáng qua lỗ tai, người đó sẽ được một ngàn lần sanh trong Lục Dục Thiên, huống chi là chí tâm xưng niệm!"

LƯỢC GIẢNG:

Địa Tạng Vương Bồ Tát bạch tiếp: **"Lại vô số kiếp nhiều như cát sông Hằng về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Bảo Tánh Như Lai."** "Bảo" là quý báu; "tánh" nghĩa là tự tánh - "bảo tánh" ngụ ý là tự tánh rất quý báu.

"Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của Đức Phật này (Đức Bảo Tánh Như Lai) **và trong khoảnh khắc bằng khảy móng tay liền phát tâm quy y**, nguyện quay về nương tựa Đức Bảo Tánh Như Lai, **người đó sẽ vĩnh viễn không còn thối chuyển nơi Đạo Vô Thượng,** mà sẽ mãi mãi an trụ nơi Vô Thượng Bồ Đề Giác Đạo**."**

"Lại về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Ba Đầu Ma Thắng Như Lai." Có ai biết "ba-đầu-ma thắng" nghĩa là gì không? "Ba-đầu-ma" là "hồng liên hoa," tức là hoa sen màu đỏ; "thắng" nghĩa là trội hơn, vượt bực. Vậy, hoa sen màu đỏ thì nổi bật, hơn hẳn các hoa sen khác, trội hơn cả hoa sen màu vàng, hoa sen màu trắng, hoa sen màu xanh. Màu đỏ là màu "tối thắng," nổi bật nhất trong các màu sắc, cho nên gọi là "Ba-đầu-ma thắng."

"Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của Đức Phật này (Đức Ba Đầu Ma Thắng Như Lai) **thoáng qua lỗ tai, người đó sẽ được một ngàn lần sanh trong Lục Dục Thiên, huống chi là chí tâm xưng niệm!"**

"Lục Dục Thiên" là gì? Đó là sáu tầng trời ở cõi Dục Giới, trời Tứ Thiên Vương, trời Đao Lợi, trời Dạ Ma, trời Đâu Suất, trời Hóa Lạc, và trời Tha Hóa Tự Tại. Thiên ma thì cư ngụ ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại.

Chỉ nghe danh hiệu của Đức Ba Đầu Ma Thắng Như Lai "thoáng qua lỗ tai" mà đã có được công đức lớn lao dường ấy, thì huống chi là chính mình chí tâm xưng niệm danh hiệu của Ngài! Công đức này hẳn càng to lớn hơn nữa! Hôm nay giảng đến danh hiệu của Đức Ba Đầu Ma Thắng Như Lai, như vậy là mọi người trong giảng đường này ai nấy đều được nghe danh hiệu của Ngài "thoáng qua lỗ tai" cả rồi!

Thuở xưa, có một người nọ đến chùa Ba La Đề Mộc Xoa thấy cây am-ma-la trổ hoa màu vàng kim rất đẹp, bèn hái một đóa mang về. Khi đi ngang qua tượng của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nhận thấy pho tượng Phật vô cùng vi diệu, viên mãn, người ấy liền đem đóa hoa vừa hái đến cúng dường trước tượng. Sau đó, người ấy đi hỏi một cụ già: "Thưa cụ, tôi đem đóa hoa am-ma-la cúng dường cho Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, thế thì tôi có được bao nhiêu công đức?"

Cụ già trả lời: "Ồ! Điều này thì tôi không biết, ông nên đi hỏi các người xuất gia thì hơn!"

Người ấy bèn đi hỏi một thầy Tỳ Kheo rằng: "Bạch Thầy, con đem đóa hoa am-ma-la đến cúng Phật, công đức ấy như thế nào?"

Thầy Tỳ Kheo nọ đáp: "Ồ! Điều này tôi không được rõ, ông phải đi hỏi những vị tu Thiền Định mà đã chứng đắc quả vị A La Hán, những vị ấy mới có thể trả lời cho ông được."

Thế là người ấy lại đi tìm gặp một vị đã chứng quả A La Hán và hỏi rằng: "Bạch Ngài, con đem đóa hoa am-ma-la đến cúng Phật, công đức ấy rộng lớn như thế nào? Ngài có thể nói cho con rõ chăng?"

Vị A La Hán đáp: "Hãy chờ Ta quán sát xem! Ờ, với công đức này, suốt trong tám vạn đại kiếp ông sẽ được hưởng vô tận phước báo, không thể nào tính đếm rõ ràng được. Còn ngoài tám

vạn đại kiếp như thế nào, tôi đây cũng không thể rõ biết, ông phải thỉnh vấn Đức Phật mới được!"

Người ấy bèn đi hỏi Phật, Phật bảo rằng: "Công đức này nhiều đến vô cùng vô tận, có thể choán đầy cả hư không và bao trùm khắp cả Pháp Giới."

Người ấy đem một đóa hoa cúng dường cho Phật thì được hưởng phước báo to lớn như thế; còn chúng ta được nghe danh hiệu của Phật "thoáng qua lỗ tai" mà thôi, thì cũng có thể được một ngàn lần sanh về sáu tầng trời cõi Dục, công đức này thật không thể nghĩ bàn!

KINH VĂN:

"Lại không thể nói hết, không thể nói hết a-tăng-kỳ kiếp về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Sư Tử Hống Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của Đức Phật này mà nhất niệm quy y, người ấy sẽ được gặp vô lượng chư đức Phật xoa đảnh thọ ký cho.

Lại về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Câu Lưu Tôn Phật. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của Đức Phật này mà chí tâm chiêm lễ hoặc lại tán thán, người ấy nơi pháp hội của một ngàn đức Phật trong thời Hiền Kiếp sẽ làm vị Đại Phạm Vương, được thọ thượng ký.

Lại về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Tỳ Bà Thi Phật. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của Đức Phật này, thì vĩnh viễn không đọa vào ác đạo, thường được sanh vào chốn trời, người, hưởng sự vui thù thắng vi diệu.

Lại vô lượng vô số kiếp nhiều như cát sông Hằng về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Bảo Thắng Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của Đức Phật này, thì sẽ không bao giờ bị đọa vào ác đạo, mà thường ở trên cõi trời, hưởng sự vui thù thắng vi diệu.

Lại về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Bảo Tướng Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu

của Đức Phật này bèn sanh lòng cung kính, thì người ấy không bao lâu sẽ đắc quả A La Hán.

Lại vô lượng vô số kiếp về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Ca Sa Tràng Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của Đức Phật này, thì sẽ siêu thoát tội sanh tử trong một trăm đại kiếp."

LƯỢC GIẢNG:

Địa Tạng Vương Bồ Tát bạch tiếp: **"Lại không thể nói hết, không thể nói hết a-tăng-kỳ kiếp về thuở quá khứ ..."** Các đức Phật được kể ra ở đây đều là những đức Phật trong quá khứ. "A-tăng-kỳ kiếp" là số kiếp nhiều đến vô lượng vô biên, không thể nào tính đếm được. "Bất khả thuyết" tức là nói không xuể, kể không xiết được.

Vô số kiếp về trước, thời gian lâu xa đến nỗi không thể nói được là bao lâu, **"có đức Phật ra đời hiệu là Sư Tử Hống Như Lai."** Thuở ấy, có Đức Phật Sư Tử Hống xuất thế, khi Đức Phật này thuyết pháp thì âm thanh giống như tiếng rống của sư tử vậy.

"Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của Đức Phật này (Đức Sư Tử Hống Như Lai) **mà nhất niệm quy y,** có thể trong một niệm mà dốc lòng quay về nương tựa, tín thọ, **người ấy sẽ được gặp vô lượng chư Phật xoa đảnh thọ ký cho."**

"Lại về thuở quá khứ có đức Phật ra đời hiệu là Câu Lưu Tôn Phật." "Câu-lưu-tôn" là Phạn ngữ; Trung Hoa dịch là "sở ưng đoạn" (đáng đoạn dứt), lại cũng dịch là "trang tạng" (hàm chứa sự trang nghiêm.

"Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của Đức Phật này (Đức Phật Câu Lưu Tôn) **mà chí tâm chiêm lễ hoặc lại tán thán, người ấy nơi pháp hội của một ngàn đức Phật trong thời Hiền Kiếp sẽ làm vị Đại Phạm Vương, được thọ thượng ký."** Giả sử có kẻ nam người nữ nào nghe được danh hiệu của Đức Phật Câu Lưu Tôn, liền toàn tâm toàn ý, dốc lòng chiêm ngưỡng lễ bái hoặc dùng kệ tụng để khen ngợi Đức Phật này, thì người đó sẽ được làm Đại Phạm Thiên Vương trong

pháp hội của một ngàn đức Phật ở thời Hiền Kiếp (Thiên Phật Hội), và được thọ ký ở trên hàng Đại Phạm Thiên Vương.

"Lại về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Tỳ Bà Thi Phật." Tôi biết quý vị ở đây cũng không có ai biết "tỳ-bà thi" nghĩa là gì, bây giờ tôi sẽ nói cho quý vị nghe, và sau đó quý vị phải ráng ghi nhớ vì từ ngữ này rất khó tìm tòi tra cứu, ngay cả các từ điển Phật Học cũng rất ít cuốn có ghi chép.

"Tỳ-bà," Trung Hoa dịch là thắng, "thi" dịch là quán; vậy "tỳ-bà-thi" có nghĩa là "thắng quán" (sự quán tưởng thù thắng), và cũng là "chủng chủng quán" (vô số quán tưởng).

"Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của Đức Phật này (Đức Phật Tỳ Bà Thi) **thì vĩnh viễn không đọa vào ác đạo,** mãi mãi không còn phải đọa lạc trong các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, mà **thường được sanh vào chốn trời, người, hưởng sự vui thù thắng vi diệu."**

Hiện nay chúng ta nghe giảng *Kinh Địa Tạng*, được nghe đến danh hiệu của Đức Phật Tỳ Bà Thi rồi, như vậy thì chúng ta sẽ vĩnh viễn không còn bị đọa vào ác đạo. Tuy nhiên, quý vị phải vĩnh viễn không bao giờ làm việc ác nữa mới được; bằng không, nếu sau khi được nghe tới danh hiệu của Đức Phật này rồi mà vẫn cứ làm điều ác như trước, thì quý vị vẫn bị đọa lạc như thường! Vì sao ư? Bởi vì quý vị chẳng thể bỏ ác theo thiện, chẳng chịu sửa đổi sai lầm!

Do đó, quý vị chớ nên nghĩ rằng: "Tôi đã được nghe đến danh hiệu của Đức Phật Tỳ Bà Thi rồi, như thế tôi sẽ không bao giờ bị đọa vào ba đường ác"; rồi bèn ung dung đi đốt nhà cướp của, giết chóc hãm hại người khác, phạm đủ thứ tội ác chẳng chút e dè! Quý vị không nên suy nghĩ như vậy, bởi suy nghĩ như vậy là quá si mê, ngu xuẩn! Phải biết rằng cho dù được nghe danh hiệu Phật, song nếu vẫn còn làm điều ác thì quý vị vẫn phải đọa vào ba ác đạo như thường. Vậy, nếu sau khi nghe được danh hiệu Phật, quý vị phải không làm điều ác nữa, thì mới có thể không bị đọa lạc vào ba đường ác, thường được sanh trong cõi người, cõi trời, an hưởng sự vui thù thắng vi diệu.

"Lại vô lượng vô số kiếp nhiều như cát sông Hằng về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Bảo Thắng Như Lai." Theo tiếng Phạn, "bảo" là "la-đạt-nam"; và "thắng" là "tỳ-bà."

"Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của Đức Phật này (Đức Bảo Thắng Như Lai) **thì sẽ không bao giờ bị đọa vào ác đạo, mà thường ở trên cõi trời, hưởng sự vui thù thắng vi diệu."** Người ấy rốt ráo sẽ không bị đọa lạc trong đường ác, thường được ở tại cõi trời, thọ hưởng sự vui thù thắng vi diệu nhất.

"Lại về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Bảo Tướng Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của Đức Phật này (Đức Bảo Tướng Như Lai) **bèn sanh lòng cung kính, thì người ấy không bao lâu sẽ đắc quả A La Hán."**

"Lại vô lượng a-tăng-kỳ kiếp về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Ca Sa Tràng Như Lai." "Ca sa tràng" tức là dùng áo cà-sa để làm tràng phan, cờ hiệu.

"Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của Đức Phật này thì sẽ siêu thoát tội sanh tử trong một trăm đại kiếp." Nếu có người nào được nghe tới tên của Đức Ca Sa Tràng Như Lai, thì người ấy sẽ được thoát khỏi tội nặng sanh tử suốt trong một trăm đại kiếp.

KINH VĂN:

"Lại về thuở quá khứ có đức Phật ra đời hiệu là Đại Thông Sơn Vương Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của Đức Phật này, thì người ấy sẽ được gặp chư Phật nhiều như cát sông Hằng quảng thuyết giáo pháp cho và tất thành Đạo Bồ Đề.

Lại về thuở quá khứ có Đức Tịnh Nguyệt Phật, Đức Sơn Vương Phật, Đức Trí Thắng Phật, Đức Tịnh Danh Vương Phật,

Đức Trí Thành Tựu Phật, Đức Vô Thượng Phật, Đức Diệu Thanh Phật, Đức Mãn Nguyệt Phật, Đức Nguyệt Diện Phật, và các đức Phật như thế không thể nói hết được. .

Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả chúng sanh trong thời hiện tại cùng vị lai, hoặc trời hoặc người, hoặc nam hoặc nữ, chỉ niệm được danh hiệu của một đức Phật thôi, thì sẽ được vô lượng công đức, huống là niệm được nhiều danh hiệu! Những chúng sanh đó lúc sanh lúc tử đều được lợi ích lớn lao, cuối cùng không phải đọa vào ác đạo.

Như có người nào sắp mạng chung, hàng quyến thuộc trong nhà dù chỉ một người, vì người bệnh đó mà cất cao tiếng niệm một danh hiệu Phật, thì người sắp chết đó, trừ năm tội Vô Gián, còn các nghiệp báo khác đều được tiêu tan.

Năm tội Vô Gián kia dầu rất nặng nề, trải qua ức kiếp không được ra khỏi, nhưng nhờ lúc lâm chung được người khác vì mình mà xưng niệm danh hiệu của Phật, cho nên những tội đó cũng lần lần tiêu sạch; huống hồ chúng sanh tự xưng tự niệm, tất sẽ được vô lượng phước báo, trừ diệt vô lượng nghiệp tội."

LƯỢC GIẢNG:

Địa Tạng Vương Bồ Tát bạch tiếp: **"Lại về thuở quá khứ có đức Phật ra đời hiệu là Đại Thông Sơn Vương Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của Đức Phật này, thì người ấy sẽ được gặp chư Phật nhiều như cát sông Hằng quảng thuyết giáo pháp cho và tất thành Đạo Bồ Đề."**

Giả sử có người nam người nữ nào nghe được danh hiệu của Đức Đại Thông Sơn Vương Như Lai, thì người ấy sẽ được gặp rất nhiều đức Phật (nhiều như số cát sông Hằng) và các ngài sẽ rộng vì người ấy mà giảng nói vô số Pháp tướng, trong tương lai người ấy nhất định sẽ thành tựu được quả vị giác ngộ Bồ Đề vô thượng.

"Lại về thuở quá khứ có Đức Tịnh Nguyệt Phật, Đức Sơn Vương Phật, Đức Trí Thắng Phật, Đức Tịnh Danh Vương Phật, Đức Trí Thành Tựu Phật, Đức Vô Thượng

Phật, Đức Diệu Thanh Phật, Đức Mãn Nguyệt Phật, Đức Nguyệt Diện Phật, và các đức Phật như thế không thể nói hết được." Trên đây chỉ nêu ra danh hiệu của vài đức Phật mà thôi, chứ kỳ thật thì có tới rất nhiều đức Phật đến nỗi không thể kể xiết.

Địa Tạng Vương Bồ Tát lại bạch cùng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni: **"Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả chúng sanh trong thời hiện tại cùng vị lai, hoặc trời hoặc người, hoặc nam hoặc nữ, chỉ niệm được danh hiệu của một đức Phật thôi, thì sẽ được vô lượng công đức, huống là niệm được nhiều danh hiệu!"** Trong đời này hay đời sau, nếu có bất cứ chúng sanh nào ở cõi trời hoặc cõi người, không cần phải niệm toàn bộ danh hiệu của các đức Phật mà chỉ cần niệm danh hiệu của một đức Phật mà thôi, thì công đức tạo được đã là vô lượng vô biên rồi, huống chi là chúng sanh đó còn niệm được danh hiệu của nhiều đức Phật khác nữa!

"Những chúng sanh đó lúc sanh lúc tử đều được lợi ích lớn lao, cuối cùng không phải đọa vào ác đạo, không bị đọa vào địa ngục, không bị đọa làm ngạ quỷ, và cũng không bị đọa làm súc sanh."

Địa Tạng Vương Bồ Tát bạch tiếp: **"Như có người nào sắp mạng chung, hàng quyến thuộc trong nhà dù chỉ một người, vì người bệnh đó mà cất cao tiếng niệm một danh hiệu Phật, thì người sắp chết đó, trừ năm tội Vô Gián, còn các nghiệp báo khác đều được tiêu tan. Năm tội Vô Gián kia dầu rất nặng nề, trải qua ức kiếp không được ra khỏi, nhưng nhờ lúc lâm chung được người khác vì mình mà xưng niệm danh hiệu của Phật, cho nên những tội đó cũng lần lần tiêu sạch; huống hồ chúng sanh tự xưng tự niệm, tất sẽ được vô lượng phước báo, trừ diệt vô lượng nghiệp tội."**

Dù trong gia quyến chỉ có một người thay cho người bệnh đang hấp hối kia mà lớn tiếng niệm một danh hiệu Phật, thì ngay

cả năm tội Vô Gián mà kẻ sắp chết đó trót tạo lúc sinh thời cũng đều được tiêu trừ.

"Năm tội Vô Gián" là những tội nặng nhất, đáng phải đọa vào địa ngục Vô Gián trong vô lượng kiếp, không ngừng chịu thống khổ, không bao giờ được thoát ra. Tuy nhiên, nhờ lúc người đó sắp mạng chung được người khác thay mặt mà xưng niệm danh hiệu Phật và tụng kinh giúp cho, nên tất cả những nghiệp tội của người đó đều dần dần được tiêu diệt. Vì thế, những chúng sanh có thể tự mình xưng niệm danh hiệu Phật, tự mình đọc tụng kinh điển, thì nhất định sẽ được vô lượng vô biên phước báo, và tiêu trừ được vô lượng vô biên nghiệp tội.

Hết phẩm thứ chín

(Hết quyển trung)

KINH ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỔN NGUYỆN THIỂN THÍCH

Quyển Hạ

Phẩm Thứ Mười

NHÂN DUYÊN VÀ SO SÁNH CÔNG ĐỨC BỐ THÍ

"So sánh" là cân nhắc, đo lường, so bì với nhau để biết được sự khác biệt. "Bố thí" nghĩa là đem cho cùng khắp; và gồm có ba loại là tài thí, Pháp thí và vô úy thí.

1) Tài thí (bố thí tài sản). "Tài thí" là gì? "Tài" là tài sản, tiền của; và được phân làm hai loại là nội tài và ngoại tài. "Nội tài" (tài sản bên trong) là thân tâm, tánh mạng; còn "ngoại tài" (tài sản bên ngoài) tức là vàng, bạc, châu báu...

"Ngoại thí" tức là bố thí các tài sản ở ngoài thân. Tài sản lớn lao như là lãnh thổ quốc gia cũng có thể đem ra bố thí, thậm chí chính mình có thể không làm vua nữa mà mời người khác lên làm vua thay mình; đó là "ngoại thí." Như Đức Phật Thích Ca

Mâu Ni đã từng làm chẳng hạn: Ngài đã khước từ ngôi vị Quốc Vương, nhường ngai vàng cho người khác, đó chính là bố thí toàn bộ tài sản của quốc gia. Ngoài ra, chồng vợ con cái cũng thuộc về ngoại tài, và cũng có thể đem bố thí cho người khác.

Trong những thứ mà con người cảm thấy khó thể xa rời được nhất, trước hết phải kể đến tiền bạc. Bố thí tiền bạc cho kẻ khác thì có thể dứt bỏ được lòng tham lam, keo kiệt của chính mình. Kế đến là "sắc" (sắc dục), bố thí "sắc" không phải là chuyện dễ; dù vậy, việc khó làm mà vẫn có thể làm được, thì mới thật sự có chân tâm! Cho nên, những người chân chánh tu Đạo vẫn có thể vì cầu Pháp mà bố thí ngay cả vợ con của chính mình. Tuy nhiên, sự bố thí ấy phải vì cầu Pháp mà bố thí; chứ không phải là đem cô vợ này "bố thí" cho người ta, để sau đó thảnh thơi đi tìm cô vợ khác xinh đẹp hơn; bởi như thế là không đúng, và không thể xem như một sự bố thí được. Đó chẳng qua là "chán cái cũ, muốn đổi lấy cái mới" mà thôi. Vì thế, trường hợp đó không gọi là "bố thí" mà chỉ có thể gọi là "tham lam không chán," là một thứ dục vọng, chẳng bao giờ biết đủ!

Lần trước, khi giảng đến vấn đề "bố thí" vợ thì có một người nọ ngỏ ý muốn "bố thí" chồng mình cho người khác, nhưng vì chẳng ai chịu nhận cho nên không thể nào "bố thí" được!!!

Vậy, "tài thí" thì gồm có sự bố thí những tài sản ở ngoài (ngoại thí) và các tài sản trong thân thể mình (nội thí) như đầu, mắt, tủy, não, da thịt, máu huyết, gân cốt... cho kẻ khác.

2) Pháp thí (bố thí Pháp). "Pháp thí" tức là học được Phật Pháp rồi thì không "hoài kỳ bảo nhi mê kỳ bang." Câu này nghĩa là gì?

Giả sử quý vị có trong tay một thứ bảo bối có công năng cứu người, như ngọc Như Ý chẳng hạn. Có được viên ngọc Như Ý thì quý vị muốn gì được nấy, muốn có đủ loại vàng bạc châu báu, hoặc đồ ăn thức uống... nhất nhất đều được toại nguyện. Với viên ngọc này, nếu đất nước gặp cảnh khốn khổ vì thiên tai thì quý vị có thể dùng ngọc để hóa giải. Thế nhưng, nếu quý vị có

ngọc mà không dùng để cứu người, chỉ trơ mắt thờ ơ ngồi nhìn dân chúng trong nước bị lầm than đói khát, chẳng chút quan tâm, chẳng màng cứu giúp, thì đó gọi là "hoài kỳ bảo nhi mê kỳ bang", tức là chỉ biết khư khư ôm chặt báu vật cho mình mà mê muội, chẳng hề nghĩ tới những người cùng chung đất nước.

Câu ấy cũng hàm ý là quý vị có am hiểu về Phật Pháp song lại không chịu giảng giải, nói cho người khác nghe, còn ích kỷ bỏn xẻn, cứ nghĩ rằng: "Tôi không giảng Pháp cho họ, vì e giảng rồi thì họ cũng hiểu rõ Phật Pháp và thành ra ngang hàng với tôi! Bây giờ tôi hiểu rõ Phật Pháp, còn họ thì không hiểu gì cả, nên tôi cao hơn họ, có kiến thức hơn họ!" Có tư tưởng như thế tức là "hoài bảo mê bang."

Vậy, quý vị nên tùy thời tùy lúc mà thuyết Pháp, để hết thảy chúng sanh được nghe Pháp mà biết tu hành, bỏ bờ mê quay về bến giác, lìa khổ được vui. Quý vị bố thí Pháp là giúp cho người khác nghe được Phật Pháp, rồi hiểu rõ mà không còn làm những việc hồ đồ mê muội nữa, và nhờ đó họ sẽ được xa lìa khổ não. Vả lại,

“Trong các loại cúng dường,
Cúng dường Pháp là cao nhất!”

Hán văn
(Chư cúng dường trung,
Pháp cúng dường tối.)

Cho nên, nếu quý vị có thể cúng dường Pháp thì công đức ấy là to lớn nhất, thù thắng nhất!

3) Vô úy thí (bố thí sự vô úy). "Vô úy thí" là an ủi, đem lại sự không sợ hãi cho người khác. Khi thấy có những người rủi ro gặp hoạn nạn hoặc mắc phải tai bay vạ gió, khiến họ phải hoảng hốt lo sợ, mà quý vị ân cần hỏi han, dùng lời dịu dàng trấn an, làm cho họ không còn sợ hãi nữa, thì đó chính là "vô úy thí" vậy.

Đây là phẩm thứ mười của bộ kinh này, giảng về nhân duyên và sự khác biệt trong công đức bố thí.

KINH VĂN:

Lúc đó, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát nương oai thần của Đức Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối, chắp tay bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Con xem xét chúng sanh trong nghiệp đạo, so sánh về sự bố thí thì có nhẹ có nặng. Có người hưởng phước trong một đời; có người hưởng phước trong mười đời; có người hưởng phước lợi lớn trong trăm đời, ngàn đời. Những việc này là như thế nào? Cúi xin Đức Thế Tôn chỉ dạy cho con rõ."

LƯỢC GIẢNG:

Lúc đó, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát nương oai thần của Đức Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối, chắp tay bạch Phật rằng... Đây là lời mở đầu được thêm vào khi kết tập kinh tạng. Từ câu "Bạch Đức Thế Tôn..." trở đi là lời của Bồ Tát Địa Tạng, còn đoạn văn trước thì tương tự như phần giới thiệu mở đầu của một bài luận văn, tường thuật diễn tiến của sự việc.

Như thế, lúc bấy giờ Đại Bồ Tát Địa Tạng dựa vào sức oai đức thần thông của Đức Phật, từ chỗ ngồi của mình đứng dậy, rồi quỳ gối và chắp tay lại mà thưa với Phật rằng: **"Bạch Đức Thế Tôn! Con xem xét chúng sanh trong nghiệp đạo ..."** Ngài Địa Tạng từng quán xét sự tạo nghiệp của chúng sanh trong sáu đường (Trời, Người, A-tu-la, Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh) để xem vì sao họ gây ra nghiệp tội. Đó là do lúc ban đầu họ đã khởi những niệm vô minh. Vô minh chính là "hoặc" (mê lầm); có "hoặc" thì sẽ tạo nghiệp, mà hễ tạo nghiệp thì phải chịu quả báo. Vì thế, chúng sanh trong Lục Đạo cứ mê muội hồ đồ trong vòng luẩn quẩn "khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo," không có cách gì thoát ra được.

"So sánh về sự bố thí thì có nhẹ có nặng." Ngài Địa Tạng lại thưa tiếp: "Con so sánh công đức bố thí của chúng sanh thì thấy có nhẹ, có nặng. **Có người hưởng phước trong một đời; có người hưởng phước trong mười đời; có người hưởng phước lợi lớn trong trăm đời, ngàn đời."** Có người thọ hưởng nội trong một đời thì phước báo liền hết; có người thì trong mười mấy đời đều được thọ hưởng phước báo. Ngoài ra, cũng có

những người được hưởng phước lợi lớn lao trong suốt cả trăm hoặc cả ngàn đời.

"Những việc này là như thế nào? Cúi xin Đức Thế Tôn chỉ dạy cho con rõ. Nay con thỉnh cầu Đức Thế Tôn mở lòng từ bi, vì con mà giảng rõ vấn đề này."

KINH VĂN:

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ Tát Địa Tạng rằng: "Nay Ta ở trong toàn thể chúng hội nơi cung trời Đao Lợi này, giảng về sự so sánh công đức khinh trọng của việc bố thí ở Diêm Phù Đề. Ông phải lắng nghe, Ta sẽ vì ông mà nói!"

Bồ Tát Địa Tạng bạch Phật rằng: "Con đang hoài nghi việc ấy, nên rất muốn được nghe."

LƯỢC GIẢNG:

Bấy giờ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni **bảo Bồ Tát Địa Tạng rằng: "Nay Ta ở trong toàn thể chúng hội,** giữa tất cả các hàng Bồ Tát, Thanh Văn, La Hán cùng Trời, Rồng, Quỷ, Thần... **nơi cung trời Đao Lợi** (cõi trời Ba Mươi Ba) **này, giảng về sự so sánh công đức khinh trọng của việc bố thí ở Diêm Phù Đề.** Ta sẽ nói rõ về sự bố thí ở cõi Nam Diêm Phù Đề và so sánh sự nặng nhẹ của công đức đó. Vậy, **ông phải lắng nghe, Ta sẽ vì ông mà nói.** Bây giờ Ta sẽ giải thích cho ông rõ, vậy ông hãy chú ý lắng nghe!"

Bồ Tát Địa Tạng bạch Phật rằng: "Con đang hoài nghi việc ấy, nên rất muốn được nghe."

Ở đây, chúng ta phải nhớ rằng không phải Bồ Tát Địa Tạng có lòng hoài nghi về việc ấy. Bồ Tát Địa Tạng vốn đã hiểu rất rõ về sự nặng nhẹ của công đức bố thí; tuy nhiên, Ngài vì chúng sanh mà thưa hỏi, vì chúng sanh mà cầu Pháp. Chính vì nhân duyên muốn cho chúng sanh được hiểu rõ về công đức của sự bố thí, nên Ngài mới nói rằng: "Con đang hoài nghi việc ấy!"

Mới xem qua kinh văn, quý vị chớ vội cho rằng Bồ Tát Địa Tạng vẫn chưa hiểu rõ và vẫn còn hoài nghi, bởi sự thật không

phải như vậy! Thế thì, nếu Bồ Tát Địa Tạng đã hiểu rõ rồi nhưng lại nói là mình còn hoài nghi, còn có chỗ chưa hiểu; như thế há không phải là Ngài cố ý nói dối hay sao? Song le, sự nói dối này chẳng mang lại lợi ích gì cho bản thân Ngài và cũng chẳng gây thiệt hại cho bất kỳ ai, mà chỉ có lợi cho mọi người và không có hại gì cho Ngài cả. Sở dĩ Bồ Tát Địa Tạng nói lời giả thiết, đưa vấn đề ra thỉnh vấn Đức Phật như thế, là vì Ngài biết rằng tất cả chúng sanh đều chưa hiểu được đạo lý về sự nặng nhẹ của công đức bố thí; cho nên, Ngài tự nguyện đứng ra làm người thỉnh Pháp để thưa hỏi Đức Phật về việc ấy.

Cũng như có nhiều lúc, có những người hay thắc mắc, đặt hết câu hỏi này đến câu hỏi khác; song, đó không phải do họ không hiểu mà là vì họ muốn có thêm nhiều người được hiểu rõ vấn đề hơn. Ở đây, Bồ Tát Địa Tạng cũng cùng một ý định đó, vì muốn cho tất cả chúng sanh đều hiểu rõ đạo lý ấy, Ngài bèn nói: "Chính con đang hoài nghi việc ấy. Nay con xin sẵn lòng lắng nghe Đức Phật giảng nói về đạo lý đó."

KINH VĂN:

Đức Phật bảo Bồ Tát Địa Tạng rằng: "Ở cõi Nam Diêm Phù Đề, có các Quốc Vương, hàng Tể Phụ, Đại Thần, Đại Trưởng Giả, Đại Sát Lợi, Đại Bà La Môn v.v... gặp những kẻ bần cùng thấp kém nhất, cả đến những kẻ gù lưng, tàn phế, ngọng, câm, điếc, ngu si, không mắt, những người không được vẹn toàn như thế; khi các Đại Quốc Vương đó muốn bố thí và nếu có thể đủ lòng đại từ bi, mỉm cười hạ mình, tự tay bố thí cùng khắp hoặc sai bảo người khác bố thí, lại dùng lời ôn hòa, dịu dàng an ủi; thì các Quốc Vương đó sẽ được phước lợi bằng phước lợi của công đức cúng dường cho chư Phật nhiều như số cát một trăm sông Hằng .

Vì cớ gì? Bởi các Quốc Vương đó đã phát tâm đại từ bi đối với những kẻ bần cùng thấp kém nhất cùng những người khuyết tật kia, cho nên được quả báo phước lợi như thế, trong trăm

ngàn đời thường được đầy đủ những đồ thất bảo, huống là những thứ thọ dụng như y phục, đồ ăn thức uống!"

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật bảo Bồ Tát Địa Tạng rằng: "Ở cõi Nam Diêm Phù Đề, có các Quốc Vương (hoàng đế, vua chúa của một nước) **hàng Tể Phụ, Đại Thần, Đại Trưởng Giả, Đại Sát Lợi, Đại Bà La Môn v.v..."**

"Tể Phụ" là một chức quan lớn. "Đại Thần" tức là quan lớn trong triều đình, hàng đại quan.

"Đại Trưởng Giả" tức là những người có đức hạnh và giàu có nhất. Bậc Trưởng Giả có mười đức hạnh:

1) Dòng họ sang trọng (tánh quý);

2) Địa vị cao (vị cao);

3) Giàu có lớn (đại phú);

4) Oai phong lẫm liệt (uy mãnh);

5) Trí tuệ sâu sắc (trí thâm);

6) Tuổi tác cao (niên kỳ);

7) Hạnh thanh tịnh (hạnh tịnh);

8) Đầy đủ lễ nghi (lễ bị);

9) Được người trên khen ngợi (thượng thán);

10) Được kẻ dưới phục tòng (hạ quy).

"Đại Sát-lợi" là hàng quý tộc, dòng dõi vua chúa của Ấn Độ.

"Đại Bà-la-môn" là thanh tịnh duệ (tức là hậu duệ, con cháu của dòng dõi thanh tịnh) và cũng thuộc hàng quý tộc.

"Phệ-xá" là hàng thương gia, lái buôn, những người sinh sống bằng nghề buôn bán.

"Chiên-đà-la" là hàng đồ tể, hành nghề mổ heo giết lợn để mưu sinh.

Sát-lợi, Bà-la-môn, Phệ-xá và Chiên-đà-la là bốn giai cấp trong xã hội Ấn Độ vào thời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Bấy giờ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo Địa Tạng Vương Bồ Tát rằng: "Giả sử các bậc vua quan, các vị Trưởng Giả giàu

có, cùng những người thuộc hàng quý tộc như Đại Sát Lợi và Đại Bà La Môn, tình cờ **gặp những kẻ bần cùng thấp kém nhất**, như kẻ ăn mày, hoặc những người làm các công việc không được cao sang**, cả đến những kẻ gù lưng, tàn phế, ngọng, câm, điếc, ngu si, không mắt, những người không được vẹn toàn như thế..."** Ở đời, có rất nhiều người không chỉ nghèo hèn mà còn bị ốm đau bệnh tật, thậm chí bị tàn phế, tật nguyền, sáu căn không được đầy đủ như câm ngọng, điếc ngây, mù lòa...

"Gù" là như thế nào? Người Trung Hoa thường gọi người gù là "lạc đà," vì lưng của lạc đà không duỗi thẳng mà lại có cái bướu nhô lên, thậm chí còn nhô cao hơn cả đầu nữa.

"Tàn phế" là không có tay, không có chân, hoặc không có mắt ... nói chung là cơ thể có khiếm khuyết, có cơ phận bị thiếu sót hoặc không thể hoạt động.

"Ngọng" là tiếng nói ngọng nghịu, phát âm không được rõ.

"Câm" tức là không nói ra tiếng được. Đây là hạng người hạ tiện, thấp hèn nhất.

"Điếc" là không nghe được gì cả.

"Ngu si" là u mê ngây dại, trí óc kém cỏi.

"Không mắt" tức là mù lòa, không trông thấy được gì cả. Người không có mắt cũng là hạng người chịu nhiều đau khổ nhất.

"Khi các Đại Quốc Vương đó (cũng như các Đại Trưởng Giả, Tể Phụ, Đại Thần, Đại Sát Lợi, Đại Bà La Môn) trông thấy những kẻ khốn cùng và tật nguyền nọ bèn phát tâm **muốn bố thí, nếu có thể đủ lòng đại từ bi, mỉm cười hạ mình**, vui vẻ khiêm tốn, nét mặt luôn tươi cười, tuyệt đối không hề chê bai khinh rẻ, **tự tay bố thí cùng khắp,** đích thân phân phát**, hoặc sai bảo người khác bố thí** (vì mình không có thì giờ)**, lại dùng lời ôn hòa, dịu dàng an ủi**, ngọt ngào khuyên bảo khiến ai nấy đều vui vẻ hân hoan**; thì các Quốc Vương đó** (cũng như hàng đại quan và quý tộc nọ) **sẽ được phước lợi bằng phước lợi của công đức cúng dường cho chư Phật nhiều như số cát một trăm sông Hằng.** Phước báo cùng sự lợi ích mà các vị thí chủ đó đạt được

sẽ tương đương với phước báo và lợi ích có được từ công đức cúng dường cho các đức Phật số nhiều như số cát của một trăm con sông Hằng vậy."

"Vì cớ gì?" Do nguyên nhân nào mà các Quốc Vương, hàng đại quan và quý tộc được phước báo lớn lao dường ấy? Vì sao họ chỉ nhún mình đoái thương, tươi cười hoan hỷ bố thí cho kẻ nghèo hèn, mà lại có thể có được công đức to lớn ngang bằng công đức cúng dường cho cả trăm Hằng hà sa chư Phật? Đạo lý này là như thế nào?

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giải thích rằng: **"Bởi các Quốc Vương đó đã phát tâm đại từ bi đối với những kẻ bần cùng thấp kém nhất cùng những người khuyết tật kia,** những người sáu căn không được hoàn chỉnh, **cho nên được quả báo phước lợi như thế."** Phước lợi này rộng lớn ngang bằng công đức cúng dường cho rất nhiều đức Phật, nhiều như số cát trong một trăm con sông Hằng vậy. Bởi tuy đối tượng bố thí của các Quốc Vương, hàng đại quan và quý tộc nọ không phải là Phật, song lúc bố thí, họ vẫn một mực khiêm tốn, hoan hỷ, và cung kính như đang cúng dường cho Đức Phật vậy; do đó công đức có được từ sự bố thí ấy so với công đức cúng dường cho cả trăm Hằng hà sa chư Phật thì chẳng khác gì nhau!

Ngoài ra, các Quốc Vương cùng hàng đại quan và quý tộc ấy, **"trong trăm ngàn đời thường được đầy đủ những đồ thất bảo, huống là những thứ thọ dụng như y phục, đồ ăn thức uống!"** Trải qua thời gian lâu dài đến cả trăm ngàn đời, họ luôn luôn có đầy đủ các bảo vật làm bằng bảy thứ báu, còn những thứ như áo quần, thực phẩm... thì lại càng không bao giờ vơi cạn!

KINH VĂN:

"Lại nữa, này Địa Tạng! Trong đời vị lai, nếu có các Quốc Vương cho đến hàng Bà La Môn v.v... gặp chùa tháp thờ Phật, hoặc hình tượng Phật, cho đến tượng Bồ Tát, Thanh Văn hoặc Bích Chi Phật, bèn đích thân thu xếp sửa sang, cúng dường, bố thí, thì các Quốc Vương đó sẽ được trong ba kiếp làm thân Đế

Thích, thọ hưởng sự vui sướng thù thắng, vi diệu. Nếu có thể đem phước lợi bố thí này hồi hướng cho Pháp Giới, thì các Đại Quốc Vương đó, trong mười kiếp thường được làm vị Đại Phạm Thiên Vương.

Lại nữa, này Địa Tạng! Trong đời vị lai, nếu có các Quốc Vương cho đến hàng Bà La Môn v.v..., gặp tháp miếu của chư Phật thuở trước, hoặc cả kinh điển, hình tượng bị hủy hoại, rách nát, liền có thể phát tâm tu bổ lại. Các Quốc Vương đó, hoặc tự mình lo liệu sửa sang, hoặc khuyến hóa người khác, thậm chí cả trăm ngàn người cùng bố thí để kết Pháp duyên; thì các vị Quốc Vương đó trong trăm ngàn đời thường được làm thân Chuyển Luân Vương, còn những người cùng chung làm việc bố thí đó, trong trăm ngàn đời thường được làm thân Tiểu Quốc Vương.

Nếu lại có thể ở trước chùa tháp mà phát tâm hồi hướng, thì các Quốc Vương cho đến những người đó, thảy đều thành Phật Đạo, bởi quả báo ấy là vô lượng vô biên."

LƯỢC GIẢNG:

"Lại nữa, này Địa Tạng! Nay Ta lại giảng thêm về nhân duyên bố thí cho ông rõ. Ông phải biết rằng, giả sử **trong đời vị lai, nếu có các Quốc Vương cho đến hàng Bà La Môn,** Sát-lợi **v.v..., gặp chùa tháp thờ Phật, hoặc hình tượng Phật, cho đến tượng Bồ Tát, Thanh Văn hoặc Bích Chi Phật..."**

"Bích Chi Phật" là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là Duyên Giác hoặc Độc Giác. Bậc tu hành nhờ quán sát Mười Hai Nhân Duyên mà giác ngộ và nếu ở vào thời có Phật ra đời thì gọi là "Duyên Giác," còn nếu nhằm thời không có Phật trụ thế thì gọi là "Độc Giác."

Bấy giờ, nếu các Quốc Vương hoặc hàng quý tộc nọ **"bèn đích thân thu xếp sửa sang,** tự đứng ra lo liệu việc sửa chữa**, cúng dường, bố thí, thì các Quốc Vương đó** (cùng hàng Bà La Môn, Sát Lợi) **v.v... sẽ được trong ba kiếp làm thân Đế Thích** (thiên chủ cõi trời Ba Mươi Ba) **thọ hưởng sự vui sướng thù thắng, vi diệu."**

Giả sử các vị Quốc Vương đó không muốn riêng mình thọ hưởng phước lợi bố thí ấy, và **"nếu có thể đem phước lợi bố thí này hồi hướng cho Pháp Giới,** mang tất cả công đức có được ấy mà hồi hướng cho tất cả chúng sanh trong toàn Pháp Giới, hồi tự hướng tha**, thì các Đại Quốc Vương đó, trong mười kiếp thường được làm vị Đại Phạm Thiên Vương**, thiên chủ cõi trời Đại Phạm."

"Lại nữa, này Địa Tạng! Nay Ta lại vì ông mà nói rõ hơn nữa. Giả sử **trong đời vị lai, nếu có các Quốc Vương cho đến hàng Bà La Môn v.v... gặp tháp miếu của chư Phật thuở trước hoặc cả kinh điển, hình tượng bị hủy hoại, rách nát** (chùa chiền tiêu điều hoang phế, tượng Phật loang lổ hư mục) **liền có thể phát tâm tu bổ lại.**

"Các Quốc Vương đó (cùng hàng Bà La Môn) **hoặc tự mình lo liệu sửa sang,** đích thân quán xuyến việc tu bổ, **hoặc khuyến hóa người khác, thậm chí cả trăm ngàn người cùng bố thí để kết Pháp duyên.** Nếu một mình người ấy làm không nổi, thì kêu gọi hàng ngàn hàng vạn người, tất cả cùng nhau chung sức góp phần tu sửa tháp miếu, cùng nhau gánh vác công việc trùng tu. Mọi người, mỗi người một ít, tất cả cùng nhau đóng góp, bố thí để kết Pháp duyên.

"Thì các vị Quốc Vương đó, trong trăm ngàn đời thường được làm thân Chuyển Luân Vương." Ở ngôi vị Chuyển Luân Thánh Vương, nếu họ tiến tu thì sẽ được thành Phật, còn nếu không tu hành thêm nữa thì vẫn làm vị Chuyển Luân Thánh Vương.

"Còn những người cùng chung làm việc bố thí đó, trong trăm ngàn đời thường được làm thân Tiểu Quốc Vương, vua của các nước nhỏ.

"Nếu lại có thể ở trước tháp miếu mà phát tâm hồi hướng, nguyện đem tất cả công đức mình tạo được hồi hướng cho Pháp Giới hoặc toàn thể chúng sanh, **thì các Quốc Vương cho đến những người đó** (những người cùng làm việc bố thí, cùng kết Pháp duyên) **thảy đều thành Phật Đạo**, tất cả đều được

thành Phật**, bởi quả báo ấy là vô lượng vô biên."** Nhờ phước báo có được từ việc bố thí đó, trong tương lai họ sẽ được hưởng vô số lợi lạc, nhiều không thể nào kể xiết.

KINH VĂN:

"Lại nữa, này Địa Tạng! Trong đời vị lai, như có các vị Quốc Vương cùng hàng Bà La Môn v.v..., gặp những người già yếu, tật bệnh và kẻ phụ nữ sinh đẻ, nếu trong một niệm mà đầy đủ lòng đại từ, đem thuốc men, đồ ăn thức uống, mền chiếu... bố thí cho, khiến cho họ được an vui, thì phước lợi đó không thể nghĩ bàn, trong một trăm kiếp thường được làm Thiên Chủ trời Tịnh Cư, trong hai trăm kiếp thường được làm Thiên Chủ cõi Lục Dục Thiên và rốt ráo sẽ được thành Phật, vĩnh viễn không còn đọa vào ác đạo, thậm chí trong trăm ngàn đời, tai không hề nghe đến tiếng khổ.

Lại nữa, này Địa Tạng! Trong đời vị lai, như có các vị Quốc Vương cùng hàng Bà La Môn v.v..., có thể làm những việc bố thí như thế, sẽ được vô lượng phước lành. Nếu lại có thể đem hồi hướng, thì không kể là nhiều hay ít, rốt ráo đều sẽ thành Phật; huống gì là những quả báo Thích, Phạm, Chuyển Luân! Vì thế, này Địa Tạng, ông nên khuyến hóa chúng sanh đều phải học theo như thế!"

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại gọi: **"Lại nữa, này Địa Tạng!** Bây giờ Ta lại vì ông mà giảng nói thêm. Này Địa Tạng Bồ Tát, **trong đời vị lai, như có các vị Quốc Vương cùng hàng Bà La Môn**, những kẻ có thế lực nhất, **gặp những người già yếu, tật bệnh, cùng kẻ phụ nữ sinh đẻ; nếu trong một niệm mà đầy đủ lòng đại từ, đem thuốc men, đồ ăn thức uống, mền chiếu... bố thí cho, làm cho họ được an vui..."**

Giả sử các Quốc Vương hoặc hàng Bà La Môn có thế lực nhất ấy động mối từ tâm, chỉ trong một niệm có thể phát khởi một thứ lòng từ bi thật bao la rộng lớn, tràn trề, viên mãn, mà bố thí cho những người già cả cũng như các bệnh nhân và sản phụ

đó một ít tiền bạc, hoặc tặng thuốc men, thực phẩm, chăn đệm mùng mền, khiến họ cảm thấy an vui vì được chăm sóc giữa lúc khổ sở khốn đốn nhất, **"thì phước lợi đó thật không thể nghĩ bàn**, công đức phước lợi tạo được từ sự bố thí ấy thì rộng lớn đến nỗi không thể nào mường tượng ra được."

Phước lợi đó ra sao? Trong tương lai, các vị Quốc Vương và hàng Bà La Môn ấy **"trong một trăm kiếp thường được làm Thiên Chủ trời Tịnh Cư, trong hai trăm kiếp thường được làm Thiên Chủ cõi Lục Dục Thiên và rốt ráo sẽ được thành Phật, vĩnh viễn không còn đọa vào ác đạo, thậm chí trong trăm ngàn đời, tai không hề nghe đến tiếng khổ."**

"Lại nữa, này Địa Tạng! Bây giờ Ta sẽ nói tường tận hơn nữa. Này Bồ Tát Địa Tạng, giả sửû **trong đời vị lai, như có các vị Quốc Vương cùng hàng Bà La Môn v.v..., có thể làm những việc bố thí như thế, thì sẽ được vô lượng phước báo.** Nếu họ có thể làm các việc bố thí như Ta vừa nói ở trên, thì phước báo mà họ được hưởng sẽ vô lượng vô biên. **Nếu lại có thể đem hồi hướng, thì không kể là nhiều hay ít, rốt ráo đều sẽ thành Phật; huống gì là những quả báo Thích, Phạm, Chuyển Luân!"** Ngoài ra, nếu các Quốc Vương cùng hàng Bà La Môn đó có thể đem công đức ấy hồi hướng cho Pháp Giới, cho tất cả chúng sanh, thì bất luận công đức họ tạo được là nhiều hay ít, tương lai nhất định họ đều sẽ thành Phật; thì có sá gì các quả báo làm Đế Thích, Đại Phạm Thiên Vương, hoặc Chuyển Luân Thánh Vương!

"Vì thế, này Địa Tạng, ông nên khuyến hóa chúng sanh đều phải học theo như thế! Ông cần phải khuyến khích, nhắc nhở khắp cả chúng sanh, khuyên họ phải học hỏi và tập làm các việc bố thí như thế; chớ nên có tâm keo kiệt, bỏn xẻn."

KINH VĂN:

"Lại nữa, này Địa Tạng! Trong đời vị lai, nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ nào ở trong Phật Pháp mà gieo trồng chút ít

thiện căn chừng bằng mảy lông, sợi tóc, hạt cát, hạt bụi, thì phước lợi được thọ hưởng sẽ không thể ví dụ thế nào cho được.

Lại nữa, này Địa Tạng! Trong đời vị lai, nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ nào gặp hình tượng Phật, hình tượng Bồ Tát, hình tượng Bích Chi Phật, hình tượng vua Chuyển Luân mà bố thí cúng dường, thì sẽ được vô lượng phước báo, thường ở cõi người, cõi trời, hưởng sự vui thù thắng, vi diệu. Như có thể đem hồi hướng cho Pháp Giới, thì phước lợi của người ấy sẽ không thể ví dụ thế nào cho được.

Lại nữa, này Địa Tạng! Trong đời vị lai, nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ nào gặp kinh điển Đại Thừa, hoặc nghe thấy một bài kệ, một câu kinh, rồi phát tâm ân cần trân trọng, cung kính ngợi khen, bố thí cúng dường, thì người ấy sẽ được đại quả báo vô lượng vô biên; nếu có thể đem hồi hướng cho Pháp Giới, thì phước báo này sẽ không thể ví dụ thế nào cho được."

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói tiếp: **"Lại nữa, này Địa Tạng! Trong đời vị lai, nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ nào ở trong Phật Pháp mà gieo trồng chút ít thiện căn**, không cần phải trồng thật nhiều cội phước lành mà chỉ trồng chút ít mà thôi; chút ít là bao nhiêu ư? **Chừng bằng mảy lông, sợi tóc, hạt cát, hạt bụi, thì phước lợi được thọ hưởng sẽ không thể ví dụ thế nào cho được."** Mặc dù căn lành mà những thiện nam hoặc thiện nữ đó gieo trồng chỉ nhỏ nhoi như thế, song phước báo mà họ sẽ gặt được trong đời sau thì không thể nào kể cho hết được!

"Lại nữa, này Địa Tạng! Trong đời vị lai, nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ nào (những người thọ trì Ngũ Giới và tu hành Thập Thiện) **gặp hình tượng Phật, hình tượng Bồ Tát, hình tượng Bích Chi Phật, hình tượng vua Chuyển Luân, mà bố thí cúng dường, thì sẽ được vô lượng phước báo."** Nếu những thiện nam tín nữ ấy có thể đối trước các hình tượng này mà phát tâm bố thí, cúng dường, thì họ sẽ có được vô lượng vô biên phước báo, **"thường ở cõi người, cõi trời, thọ hưởng sự vui thù thắng, vi diệu."**

Ngoài ra, **"như có thể đem hồi hướng cho Pháp Giới, thì phước lợi của người ấy sẽ không thể ví dụ thế nào cho được."** Nếu họ lại có thể đem công đức của sự bố thí cúng dường ấy hồi hướng cho tất cả chúng sanh trong toàn Pháp Giới, thì phước báo cùng sự lợi ích mà họ được thọ hưởng sẽ không thể kể xiết, cũng không có gì có thể dùng để so sánh được.

"Lại nữa, này Địa Tạng! Nay Ta sẽ nói cặn kẽ hơn cho ông rõ. Này Địa Tạng Bồ Tát! **Trong đời vị lai, nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ nào gặp kinh điển Đại Thừa..."** Kinh điển Đại Thừa là gồm các bộ kinh như *Kinh Địa Tạng, Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Kim Cang, Kinh Pháp Hoa*.

Các kinh sách mà chúng ta hiện đang nghiên cứu đều là kinh điển Đại Thừa. Điều này cho thấy rằng quý vị đều là những người có thiện căn, bởi nếu không có thiện căn thì muốn nghe đến tên của các bộ kinh điển Đại Thừa cũng không thể nào nghe được! Quý vị hãy thử tính xem trên thế giới này có bao nhiêu người không hiểu Phật Pháp, bao nhiêu người chưa từng được biết đến tên của các bộ kinh điển Đại Thừa? Thậm chí có những người đã đến đây để nghe giảng kinh, song vừa bắt đầu giảng thì họ liền quày đầu bỏ chạy; vì sao? Là vì họ không có thiện căn!

Vừa rồi, trong lúc thọ trai, tôi có nói là những người đang tham dự khóa tu học này chớ cho rằng mình là người Mỹ chính cống! Thật ra, đa số trong quý vị là người Trung Hoa, những người này chạy sang nước Mỹ là do đời trước đã từng phát nguyện sẵn sàng giúp tôi hoằng dương Phật Pháp. Đầu tiên là Quả Mỗ, quý vị nhìn xem, trông anh ta rất giống người Trung Hoa. Bởi chưa quên nhân duyên đời trước, cho nên bây giờ anh ta cảm thấy yêu thích Trung Văn một cách đặc biệt, còn muốn cưới vợ người Trung Hoa nữa. Quý vị chưa có Thiên Nhãn Thông cho nên không biết được mối quan hệ này; nếu có Thiên Nhãn Thông thì quý vị sẽ biết được ngay: "À, thì ra là như vậy!"

"Hoặc nghe thấy một bài kệ, một câu kinh." Như Lục Tổ Đại Sư chẳng hạn, Ngài nghe được một câu "ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm" và tức khắc được khai ngộ.

"Rồi phát tâm ân cần trân trọng." Thế nào gọi là "phát tâm ân cần trân trọng"? Đó là thâm tâm thường nghĩ: "Chà! Bộ kinh này thật quá hay, thật đáng quý biết bao. Mình nhất định phải học và làm theo lời dạy trong bộ kinh này, hết lòng tôn trọng Phật Pháp và luôn hăng hái, không giải đãi."

"Cung kính ngợi khen, bố thí cúng dường." Ví dụ như nói Phật Pháp quả thật là "trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được", đó gọi là "cung kính ngợi khen."

Quý vị để ý xem, Quả Mỗ cũng biết là trước khi nghe kinh có tụng câu:

“Pháp vi diệu thâm sâu cao tột,
Trăm ngàn muôn kiếp khó được gặp.”

Hán văn

(Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp,
Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ.)

Quả Mỗ cũng có trí huệ đấy, tôi thấy anh ta "lời nói đi đôi với việc làm," lại xua đuổi được "khách trần" nữa, đây là một việc chẳng dễ dàng chút nào. Quả Mỗ lại cũng rất cung kính các kinh điển Đại Thừa, anh ta rất chăm chỉ lễ bái *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, đây là một cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Như có thiện nam tín nữ nào gặp được kinh điển Đại Thừa, cho dù chỉ nghe được một bài kệ hay vỏn vẹn một câu trong kinh mà thôi, nếu có thể sanh lòng cung kính, trân trọng, tán thán hoặc thành tâm cúng dường kinh điển Đại Thừa, thì trong tương lai **"người ấy sẽ được đại quả báo vô lượng vô biên."** "Đại quả báo" này là gì? Đó là trong tương lai sẽ được thành Phật, và quả báo này thì to lớn đến nỗi không có hạn lượng, không có sự cùng tận.

"Nếu có thể đem hồi hướng cho Pháp Giới, thì phước báo này sẽ không thể ví dụ thế nào cho được." Giả sử kẻ thiện nam hoặc thiện nữ nọ không có lòng vị kỷ, tự nguyện đem hết thảy công đức hồi hướng cho tất cả chúng sanh trong Pháp Giới,

thì phước báo kia càng lớn lao, càng không có gì có thể so sánh được!

KINH VĂN:

"Lại nữa, này Địa Tạng! Trong đời vị lai, như có kẻ thiện nam người thiện nữ nào gặp chùa tháp thờ Phật và kinh điển Đại Thừa, nếu còn mới thì bố thí cúng dường, chiêm ngưỡng, lễ lạy, khen ngợi, chắp tay cung kính; nếu đã cũ kỹ hoặc hư hoại thì sửa sang tu bổ, hoặc riêng mình phát tâm, hoặc khuyên nhiều người khác cùng phát tâm. Như những người này, trong ba mươi đời thường được làm Tiểu Quốc Vương; còn vị Đàn Việt thì thường làm Luân Vương, lại dùng thiện pháp mà giáo hóa các Tiểu Quốc Vương.

Lại nữa, này Địa Tạng! Trong đời vị lai, nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ nào ở trong Phật Pháp đã gieo trồng thiện căn, hoặc là bố thí cúng dường, hoặc là tu bổ chùa tháp, hoặc sửa sang kinh điển, cho đến chừng bằng một mảy lông, một hạt bụi, một hạt cát, một giọt nước...; những thiện sự như thế mà đều có thể đem hồi hướng cho Pháp Giới, thì công đức của người này sẽ là trong trăm ngàn đời đều được hưởng sự vui sướng vi diệu, tối thượng.

Còn như chỉ hồi hướng cho thân quyến trong gia đình hoặc cho lợi ích của riêng mình, thì quả báo là sẽ được hưởng sự vui sướng trong ba đời, cứ thí xả một thì được báo đáp vạn lần trội hơn.

Cho nên, này Địa Tạng! Những nhân duyên của sự bố thí là như thế!"

LƯỢC GIẢNG:

"Lại nữa, này Địa Tạng! Nay Ta nói cho ông biết thêm rằng **trong đời vị lai, như có kẻ thiện nam người thiện nữ nào gặp chùa tháp thờ Phật và kinh điển Đại Thừa, nếu còn mới thì bố thí cúng dường, chiêm ngưỡng, lễ lạy, khen ngợi, chắp tay cung kính ..."** Phàm hễ gặp chùa chiền hoặc tháp miếu còn mới thì chúng ta nên bố thí cúng dường, thành tâm lễ bái, tán

thán ngôi Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng) và chắp tay lại để tỏ lòng cung kính.

"Nếu đã cũ kỹ hoặc hư hoại, thì sửa sang tu bổ." Nếu gặp chùa hoặc tháp đã cũ kỹ hư mục, hoặc hoang phế đổ nát, thì chúng ta nên phát tâm trùng tu lại cho khang trang.

Vậy, người thiện nam hay thiện nữ đó **"hoặc riêng mình phát tâm** (nếu đủ tiền đủ sức, thì một mình mình phát tâm) **hoặc khuyên nhiều người khác cùng phát tâm. Như những người này** (những kẻ đồng phát tâm ủng hộ việc trùng tu) **trong ba mươi đời thường được làm Tiểu Quốc Vương**, vua của các nước nhỏ**."**

Chẳng hạn có một người nọ muốn được làm Tiểu Hoàng Đế, song đáng tiếc là ông ta chưa hề cúng dường cho các chùa hoặc tháp thờ chư Phật thuở trước! Nếu khi xưa ông ta có cúng dường cho chùa tháp thờ chư Phật thuở trước, thì bây giờ có thể được làm vua rồi!

Lại nữa, **"còn vị Đàn Việt thì thường làm Luân Vương, lại dùng thiện pháp mà giáo hóa các Tiểu Quốc Vương."** "Đàn" có nghĩa là bố thí; "việt" có nghĩa là vượt qua sanh tử. "Vị Đàn Việt" tức là thí chủ, người đứng ra đề xướng việc phát tâm cúng dường. Vị Đàn Việt này thường được làm Chuyển Luân Vương, và có thể dùng các thiện pháp như Ngũ Giới, Thập Thiện... để giáo hóa các vị vua nước nhỏ.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói tiếp: "**Lại nữa, này Địa Tạng!** Ta lại nói thêm cho ông rõ**, trong đời vị lai, nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ nào ở trong Phật Pháp đã gieo trồng thiện căn, hoặc là bố thí cúng dường, hoặc là tu bổ chùa tháp thờ Phật, hoặc sửa sang kinh điển** (có quyển kinh sách nào bị rách hoặc sút bìa thì chỉnh đốn, sắp xếp, đóng tập lại đàng hoàng) **cho đến chừng bằng một mảy lông, một hạt bụi, một hạt cát, một giọt nước.**

"**Những thiện sự như thế**, những việc thiện tuy nhìn thì nhỏ nhoi dường ấy, **mà có thể đem hồi hướng cho Pháp Giới, thì công đức của người này sẽ là trong trăm ngàn đời đều**

được thọ hưởng sự vui sướng vi diệu, tối thượng, không thể nghĩ bàn.

"**Còn như chỉ đem hồi hướng cho thân quyến trong gia đình hoặc cho lợi ích của riêng mình, thì quả báo là sẽ được hưởng sự vui sướng trong ba đời, cứ thí xả một thì được báo đáp vạn lần trội hơn."** Cứ bố thí một thì sẽ được hưởng quả báo đền bù nhiều gấp vạn lần, đó chính là "xả nhất đắc vạn báo" vậy.

"**Cho nên, này Địa Tạng! Những nhân duyên của sự bố thí là như thế!** Ông phải biết rằng nhân quả, công đức phước báo đạt được của sự bố thí là như đã giảng nói ở trên."

KINH ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỔN NGUYỆN THIỂN THÍCH

Quyển Hạ

Phẩm Thứ Mười Một

ĐỊA THẦN HỘ PHÁP

Vị địa thần (thần đất) được đề cập đến trong phẩm này có tên là Kiên Lao Địa Thần. "Kiên lao" có nghĩa là vừa kiên cố, vừa bền vững. Cái gì kiên cố? Đất kiên cố. Cái gì bền vững? Cũng là đất (đất rất vững chắc. Chúng ta hiện nay ở trên mặt đất ví như những con kiến trên chiếc thuyền lớn) cả đàn kiến mấy ngàn vạn con cũng chẳng thể làm cho thuyền bị chòng chành, chao đảo được, bởi vì chúng không đủ sức để làm chuyện đó. Địa cầu nằm chơi vơi giữa không gian, nhưng nhờ có tầng đại khí quyển cùng không khí giữ hút, cho nên không bị rớt bể, mà như chiếc thuyền lớn trôi nổi giữa biển khơi vậy.

Có rất nhiều vị thần đất. Khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết *Kinh A Hàm*, Thần Đất Kiên Lao hiện thân đến nghe Pháp, nhưng vị thần đất này rất kiêu căng ngạo mạn. Kiêu căng ngạo mạn như thế nào? Thần đất nói: "Khắp cả vũ trụ này chỉ có một mình thần đất ta đây mà thôi; ngoài ta ra, chẳng có vị thần nào khác nữa!"

Thế nhưng, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo: "Chẳng phải chỉ có một mình thần đất ông thôi đâu, mà còn có thần nước, thần lửa, thần gió nữa!"

Vị thần đất nghe vậy liền sanh lòng "đại ngã mạn," vô cùng kiêu ngạo nói rằng: "Làm sao có thể có thần nào khác nữa được? Tất cả mọi sự trên thế gian này đều là do thần đất tôi đây gánh vác cả, bọn họ đều không phải là thần linh!"

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni phải giảng giải cặn kẽ (thần nước thì ra sao, thần lửa thì như thế nào, thần gió ra làm sao) rồi lại dùng nhiều phương pháp nữa mới thuyết phục được thần đất. Về sau, vị thần đất này quy y Tam Bảo, từ bỏ thói kiêu căng ngã mạn.

Trong hư không, có các vị thần tứ đại là thần đất, thần nước, thần lửa và thần gió. Con người là do "tứ đại giả hợp" mà thành, tức là do bốn vị thần này phân chia, san sẻ cho mỗi người một chút nước, một chút lửa, một chút gió, một chút đất, rồi gộp lại mà hình thành một thân thể.

Ở đây, "đất" bao hàm hai ý nghĩa. Ý thứ nhất của chữ "đất," thì về mặt sự, đất có thể trưởng dưỡng vạn vật, muôn loài đều nương nhờ nơi đất mà sinh tồn; còn xét theo mặt lý, thì đất cũng có tứ đức, thường, lạc, tịnh, ngã.

1) Thường. Thế nào gọi là "thường"? " đất vĩnh viễn chẳng biến thiên” (Địa dĩ chế độ vi môn), mãi mãi không dời đổi, do đó gọi là "thường." Vậy, thần đất có đức "thường."

2) Lạc. " Đất có thể gánh vác vạn vật” (Địa năng phụ hà vạn vật), muôn loài đều nhờ vào sức mạnh của đất mà được tồn tại; cho nên đây là đức "lạc," đất vô cùng vui sướng.

3) Tịnh. "Đất sanh trưởng vạn vật” (Địa năng sanh trưởng vạn vật), muôn vật đều do đất sanh ra và lúc sanh ra thì tất cả đều thanh tịnh, không ô nhiễm; đây là đức "tịnh."

4) Ngã. "Cái Nghĩa của đất thì vô cùng tự tại” (Địa nghĩa phi thường tự tại), sự tự tại này thuộc về đức "ngã."

Vậy, thường, lạc, tịnh, ngã là bốn đức tánh của thần đất.

Ý nghĩa thứ hai của chữ "đất" là nói về phương diện "pháp." Lúc Đức Phật thuyết *Kinh Địa Tạng* phẩm thứ mười một này, thì thần đất phát nguyện sẽ ủng hộ tất cả những người trì niệm danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát cũng như những người trì tụng *Kinh Địa Tạng* và hết thảy chúng sanh có thiện căn; cho nên đây gọi là "Phẩm Địa Thần Hộ Pháp," phẩm thứ mười một.

Hôm nay là một ngày đặc biệt, cũng là ngày mãn khóa của khóa tu học mùa hè này (1969). Thời giờ trôi nhanh vô cùng. Sáu tuần lễ qua mau như chớp mắt, muốn níu kéo sáu tuần lễ này hoặc lặp lại sáu tuần lễ như vậy một lần nữa, là chuyện hoàn toàn không thể được. Phải đợi đến sang năm, quý vị mới lại có dịp nghỉ hè. Tuy rằng thời điểm có giống nhau, song số năm phân chia (niên phần) thì lại bất đồng. Cứ một năm trôi qua, có thể nói rằng sanh mạng của mỗi người dài thêm được một tuổi, song đồng thời, thời gian còn cách sự chết thì lại ngắn bớt đi một năm.

Hồi tưởng như vậy phải chăng là chẳng có ý nghĩa gì cả? Thế nhưng, năm nay, trong quãng thời gian vừa qua quý vị đã sống vô cùng có ý nghĩa, vô cùng có giá trị. Tại sao vậy? Bởi quý vị đã gieo được "hạt giống" Phật Pháp vào đầu óc và ươm mầm trong "thửa ruộng" Bát Thức của chính mình, hạt giống Bồ Đề này một khi đã gieo trồng rồi thì sẽ đâm chồi nẩy lộc, sinh sôi nảy nở, và trong tương lai sẽ đơm hoa kết trái, kết thành quả Bồ Đề, và quý vị sẽ được thành Phật.

Nay tôi muốn nói với quý vị về một vấn đề rất kỳ lạ, trong nhiều gia đình, mặc dù con cái có khuynh hướng học đòi, bắt chước những điều không tốt, nhưng các bậc làm cha mẹ lại chẳng hề lo âu ngăn cản; họ cho rằng: "Không sao! Để chúng được tự do, tùy ý chúng!"

Thoạt nhìn thì thấy các bậc cha mẹ ấy chẳng có gì gọi là khắt khe cả, đối đãi với con cái dường như rất cảm thông, dễ dãi. Đợi đến khi con cái họ muốn học điều tốt, vừa muốn học Phật Pháp, thì họ lại đùng đùng nổi giận, la mắng con cái rằng thế này là không đúng, thế kia là không phải... Trước kia, lúc con cái họ dùng ma-túy, uống rượu (rượu mê hồn), hút cần sa, con người lúc

nào cũng lừ đừ dã dượi, yếu ớt bạc nhược, thì họ đều có thể "nhìn mà không thấy," cứ nghĩ rằng để từ từ chờ cơ hội, từ từ rồi con cái mình sẽ biết theo điều tốt. Song le, đến khi con cái của họ biết tu tỉnh, biết theo điều hay lẽ phải rồi, thì họ lại nổi nóng, trách mắng: "Các cô các cậu muốn học làm điều tốt chứ gì? Vậy thì phải biết ăn ở hiếu thảo với cha mẹ, biết vâng lời cha mẹ. Bây giờ tao phải mắng chúng mày, đánh chúng mày một trận nên thân mới được!"

Quý vị nói xem, phen này có phải là sẽ có chuyện phiền phức xảy ra không? Đó chẳng qua là để thử thách quý vị (những kẻ làm con) khảo nghiệm quý vị, xem rốt ráo quý vị có phải là chân thật muốn học điều tốt hay không mà thôi! Nếu quý vị chân thật muốn học làm người tốt thì càng bị mắng quý vị càng phải vui mừng, càng bị đòn quý vị càng phải hoan hỷ, và nhớ đừng khóc lóc than van. Các bậc cha mẹ ấy thấy quý vị tươi cười hoan hỷ, thì bao nhiêu hờn giận phiền muộn trong lòng đều tiêu tan cả; còn nếu quý vị không làm được như vậy, thì phiền não của quý vị sẽ càng gia tăng mà thôi.

Quý vị cần phải thấy được rằng hết thảy mọi việc đều là thử thách, đều là để khảo nghiệm bản thân mình, xem mình rốt cuộc có áp dụng được những kiến thức Phật Pháp đã học hay không (có thực hành hạnh nhẫn nhục, có trì giới, có bố thí, có tinh tấn, có thiền định, có trí huệ Bát Nhã hay không. Tất cả đều là thử thách) nếu đạt yêu cầu, vượt qua được thử thách, thì sẽ được lợi ích vô cùng; nếu không vượt qua được, thì lại phải cần cù học thêm nữa.

Cho nên, sáu tuần lễ này chính là sáu tuần lễ vàng ngọc, vô cùng quý giá. Quý vị bắt được vàng ròng thì phải biết cất giữ kỹ lưỡng, chớ nên đánh mất lần nữa! Trong tương lai, khi ra hoằng Pháp, quý vị đều phải không giống với người khác; không giống như thế nào ư? Không phải là tôi muốn quý vị kiêu căng ngạo mạn, tự cho mình là Phật, bảo người khác phải dập đầu quỳ lạy mình đâu! Quý vị chớ nên làm bộ làm tịch như thế; mà hãy luôn luôn từ bi nhẫn nhục, đối với bất cứ người nào cũng một mực giữ

lòng từ bi, nhẫn nhục. Người ta đối xử với quý vị không tốt, quý vị càng phải đối xử với họ tốt hơn nữa. Phải có cái nhìn "phản diện," nhìn mặt trái của vấn đề để tìm ưu điểm. Ai không tử tế với quý vị, thì quý vị càng phải tử tế với người ấy hơn một chút. Chẳng cần biết người ta đối xử với quý vị tốt hay không tốt, quý vị chỉ việc kiểm soát, kiềm thúc chính mình, chính mình nhất định phải làm đúng như thế, người khác có như thế hay không thì mình chẳng cần biết tới. Phải nhớ rằng:

"Ma Ha Tát, chẳng biết người khác,
Di Đà Phật, thân ai nấy lo!"

Hán văn
(Ma Ha Tát bất quản tha,
Di Đà Phật các cố các!)

Vậy, quý vị hãy tự kiểm soát chính mình, OK?

Như vậy, khóa tu học mùa hè này kéo dài trong sáu tuần lễ, và đến hôm nay nữa là hoàn tất. Tuy nhiên, việc giảng kinh vẫn chưa xong, lúc nào sẽ giảng xong thì tôi cũng không biết được! Hễ lúc nào không còn hơi thở, thì lúc đó sẽ không còn giảng nữa. Cho nên nói:

"Những ngày còn hơi thở
là những năm còn hoằng Pháp."

Hán văn
(Hữu khí chi nhật
tức thị hoằng Pháp chi niên.)

Hiện tại, công việc hoằng Pháp vẫn là giảng kinh vào mỗi buổi tối, tức là trở lại với nếp sinh hoạt như trước. Nếp sinh hoạt cũ là như thế nào? Đó là mỗi Thứ Bảy thì mười hai giờ rưỡi trưa đến Hội Cư Sĩ Lâm giảng *Kinh Địa Tạng*. Chủ Nhật thì buổi trưa từ mười hai giờ rưỡi đến hai giờ rưỡi là giảng *Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni*; còn buổi tối thì giảng *Kinh Địa Tạng*. Tối nay cũng giảng *Kinh Địa Tạng*.

Trước kia thì mỗi tối Thứ Hai, Thứ Ba và Thứ Tư là giảng *Kinh Pháp Hoa*, song bây giờ thì đều giảng *Kinh Địa*

Tạng cả. Tính luôn cả phẩm thứ mười một này, thì *Kinh Địa Tạng* vẫn còn ba phẩm chưa giảng xong. Tôi hy vọng sẽ hoàn tất việc giảng *Kinh Địa Tạng* trước khi năm người Sa Di và Sa Di Ni lên đường sang Đài Loan cầu Giới. Nếu vẫn giảng *Kinh Pháp Hoa* thì e rằng không kịp; cho nên bây giờ tôi chuyên chú giảng *Kinh Địa Tạng* cho xong trước, rồi sau đó mới giảng tiếp *Kinh Pháp Hoa*. Còn *Kinh Hoa Nghiêm* thì vẫn chưa đến lúc, cần phải chờ xem.

Lúc trước, mỗi tối Thứ Năm là do các đệ tử luân phiên phụ trách giảng thuyết. Nói tóm lại, các tối Thứ Năm, Thứ Sáu và Thứ Bảy thì quý vị chia nhau đảm nhiệm một số công việc; như thế, một mặt là quý vị có cơ hội thực tập giảng giải kinh điển, mặt khác là để chia xẻ gánh vác bớt công việc giùm tôi. Đừng bắt tôi cán đáng nhiều việc như thế, đừng làm cho tôi mệt nhọc quá sức, để tóc tôi lại bạc trắng cả. Tóc tôi vừa đen lại chưa được bao lâu, tôi không muốn thấy tóc mình bạc trắng trở lại nữa! Vậy, chúng ta vẫn giảng kinh mỗi buổi tối như thường lệ.

KINH VĂN:

Lúc đó Kiên Lao Địa Thần bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Từ trước đến nay, con từng chiêm ngưỡng đảnh lễ vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát, đều là những bậc đại thần thông trí huệ không thể nghĩ bàn, quảng độ chúng sanh. Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát đây so với chư Bồ Tát, thì thệ nguyện thâm trọng.

Bạch Đức Thế Tôn! Bồ Tát Địa Tạng đây có đại nhân duyên *với cõi Diêm Phù Đề. Như các ngài Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Di Lặc cũng hóa hiện trăm ngàn thân hình để độ Lục Đạo, nhưng nguyện của các ngài còn có lúc hoàn mãn; còn Bồ Tát Địa Tạng đây phát thệ nguyện giáo hóa tất cả chúng sanh trong Lục Đạo, trải đến kiếp số như số cát của trăm ngàn ức sông Hằng."*

LƯỢC GIẢNG:

Lúc đó Kiên Lao Địa Thần, tức là vị Hộ Pháp Kiên Lao Địa Thần đã từng phát nguyện hộ trì Chánh Pháp, **bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Từ trước đến nay,** trải qua vô lượng kiếp về trước cho đến hiện nay, **con từng chiêm ngưỡng đảnh lễ vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát."** "Chiêm ngưỡng" có nghĩa là chăm chú ngắm nhìn, không rời mắt. "Đảnh lễ" tức là cúi rạp đầu sát đất mà lạy.

Hộ Pháp Kiên Lao Địa Thần đã từng được gặp rất nhiều Bồ Tát, đã từng cúi đầu lễ lạy rất nhiều Bồ Tát, mà các vị Bồ Tát đó đều là những bậc Đại Bồ Tát, và **"đều là những bậc đại thần thông trí huệ không thể nghĩ bàn."** Những bậc Đại Bồ Tát này đều có trí huệ rộng lớn, vĩ đại. Phải có đại trí huệ thì mới có thể hành trì Pháp Đại Thừa; vậy Pháp Đại Thừa là gì? Đó là thứ cảnh giới không thể nghĩ bàn! Thần thông và trí huệ của chư Đại Bồ Tát này đều là vô lượng vô biên, cao thâm khó lường!

"Quảng độ chúng sanh." Các bậc Đại Bồ Tát thảy đều rộng độ tất cả chúng sanh.

"Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát đây so với chư Bồ Tát thì thệ nguyện thâm trọng." Những vị Đại Bồ Tát này tuy là rộng độ khắp mọi loài chúng sanh, song trong các bậc Đại Bồ Tát thì thệ nguyện của Bồ Tát Địa Tạng vốn thâm sâu, rộng lớn hơn cả. Ngài đã lập nguyện rằng:

"Địa ngục chưa trống không, tôi thề chưa thành Phật,

Chúng sanh độ hết rồi, tôi mới chứng Bồ Đề."

Sức nguyện lớn lao này đặc biệt sâu rộng, không có sự cùng tận.

Hộ Pháp Kiên Lao Địa Thần lại bạch tiếp: **"Bạch Đức Thế Tôn! Bồ Tát Địa Tạng đây có đại nhân duyên với cõi Diêm Phù Đề. Như các ngài Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Di Lặc cũng hóa hiện trăm ngàn thân hình để độ Lục Đạo** (trời, người, a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh) **nhưng nguyện của các ngài còn có lúc hoàn mãn."**

Địa Tạng Vương Bồ Tát có nhân duyên lớn với tất cả chúng sanh ở cõi Nam Diêm Phù Đề. Bồ Tát Văn Thù, Bồ Tát Phổ

Hiền, Bồ Tát Quán Âm, và Bồ Tát Di Lặc cũng hóa hiện ra cả trăm ngàn thân hình, và các ngài cũng phát nguyện độ thoát hết thảy chúng sanh trong sáu đường được thành Phật Đạo. Thế nhưng, nguyện lực của các vị Bồ Tát đó tuy quảng đại song cũng còn có ngày hoàn mãn rốt ráo, các ngài cũng có lúc được mãn nguyện.

"Còn Bồ Tát Địa Tạng đây phát thệ nguyện giáo hóa tất cả chúng sanh trong Lục Đạo, trải đến kiếp số như số cát của trăm ngàn ức sông Hằng." Trong khi đó, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát phát tâm giáo hóa hết thảy chúng sanh trong sáu đường, mà những thệ nguyện Ngài đã lập và kiếp số đã trải qua thì nhiều như số cát trong cả trăm ngàn ức sông Hằng vậy.

KINH VĂN:

"Bạch Đức Thế Tôn! Con xem xét chúng sanh đời hiện tại và vị lai, nơi chỗ sạch sẽ ở phương Nam trong cuộc đất mình trú ngụ, mà dùng đất, đá, tre, gỗ dựng cất cái khám hoặc cái thất; ở trong đó có thể tô vẽ cho đến dùng vàng, bạc, đồng, sắt làm hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, đốt hương cúng dường, chiêm lễ, ngợi khen, thì ngay chỗ những người đó ở sẽ được mười điều lợi ích. Những gì là mười?

Một là đất đai mầu mỡ;

Hai là nhà cửa yên ổn mãi mãi;

Ba là người đã mất được sanh thiên;

Bốn là người hiện còn được tăng tuổi thọ;

Năm là mọi mong cầu đều được toại ý;

Sáu là không có tai họa về nước và lửa;

Bảy là trừ sạch việc hư hao;

Tám là dứt hẳn ác mộng;

Chín là ra vào đều có thần theo hộ vệ;

Mười là thường gặp nhân Thánh."

LƯỢC GIẢNG:

Kiên Lao Địa Thần lại bạch cùng Đức Phật rằng: **"Bạch Đức Thế Tôn! Con xem xét chúng sanh đời hiện tại và vị lai, nơi chỗ sạch sẽ ở phương Nam trong cuộc đất mình trú ngụ, mà dùng đất, đá, tre, gỗ dựng cất cái khám hoặc cái thất**, để thờ Địa Tạng Vương Bồ Tát**, ở trong đó có thể tô vẽ cho đến dùng vàng, bạc, đồng, sắt làm hình tượng Địa Tạng Bồ Tát ..."**

Trong đời này và đời sau, có những chúng sanh cất cái khám thờ Địa Tạng Vương Bồ Tát, bằng đất, bằng đá, bằng gỗ, hay bằng tre... ngay trên một khoảnh đất sạch sẽ, thanh tịnh về phía Nam của nơi mình cư ngụ. Rồi họ ở trong cái khám đó mà tô vẽ hình của Bồ Tát Địa Tạng, hoặc là dùng vàng, dùng đồng, dùng bạc, thậm chí có thể dùng cả thứ vật liệu rất rẻ tiền như sắt, để đúc thành tượng Bồ Tát Địa Tạng; và họ lại ở trước hình tượng của Bồ Tát mà chí thành **"đốt hương cúng dường, chiêm lễ**, nhìn ngắm, luyến mộ**, ngợi khen, thì ngay chỗ những người đó ở sẽ được mười điều lợi ích."**

Tôi lấy một ví dụ, chẳng hạn khi một người nam thích một người nữ thì cậu ta cứ hết nhìn lại ngắm, hết ngắm lại nhìn cô ta; hoặc như lúc một người nữ thích một người nam cũng vậy, cô ta cứ hết ngó lại nhìn, hết nhìn lại ngó cậu ta. Song le, cái "nhìn" đó có tính cách không thanh tịnh, một cái "nhìn" chứa chan dục niệm. Quý vị cần phải chuyển dục niệm thành trí huệ, phải dùng cái niệm thanh tịnh của trí huệ để chiêm ngưỡng và đảnh lễ Bồ Tát Địa Tạng. Chúng ta phải nhìn ngài Địa Tạng với sức thanh tịnh tự nhiên như thế, chứ chẳng phải như cách nhìn đắm đuối của một đôi nam nữ yêu nhau; cho nên ở đây nói là "chiêm lễ khen ngợi."

Quý vị có thể chiêm ngưỡng, đảnh lễ, và ca ngợi như vầy: "Nguyện lực của Địa Tạng Vương Bồ Tát thật vô cùng to lớn! Mọi người chúng ta đều nên tin tưởng vào Bồ Tát Địa Tạng! Chúng ta hãy cùng nhau tụng *Kinh Địa Tạng*, đảnh lễ Bồ Tát Địa Tạng."

Cho nên, nay tôi tặng quý vị hình tượng Bồ Tát Địa Tạng, quý vị mang về nhà có thể suốt ngày nhìn ngắm, chiêm ngưỡng hoài mãi cho đến lúc quý vị thành Phật, giống như Bồ Tát Địa Tạng vậy!

Thế thì, ở ngay nơi những người này cư ngụ sẽ được mười điều lợi ích; **"những gì là mười? Một là đất đai mầu mỡ."** Đất cát nơi những người ấy sinh sống đều rất tốt, rất phì nhiêu; trồng bất cứ loại cây gì cũng đều tươi tốt, lớn mạnh. Như ở tiểu bang Alaska chẳng hạn, đất đai phì nhiêu, ruộng vườn trù phú, người ta trồng được giống bí đỏ trái rất lớn.

"Hai là nhà cửa yên ổn mãi mãi." Ngoài việc đất đai được trù phú ra, nơi cư ngụ còn cần phải được yên vui; bởi nơi ăn chốn ở mà không được an ổn vui vẻ, thì đất đai có mầu mỡ cũng chẳng trồng trọt gì được! Cho nên nhà cửa được xây cất trên những sở đất như thế này thì không phải lo nạn động đất! Nhà cửa luôn an ổn tức là nơi ăn chốn ở mãi mãi được bình yên.

"Ba là người đã mất được sanh thiên." Điều lợi ích thứ ba là cha mẹ đã qua đời hoặc là cha mẹ trong bảy đời của những người ấy đều được sanh lên cõi trời. Vì sao họ được sanh lên cõi trời? Chính là nhờ con cái của họ chiêm ngưỡng Địa Tạng Vương Bồ Tát, đảnh lễ Địa Tạng Vương Bồ Tát, tín ngưỡng Địa Tạng Vương Bồ Tát.

"Bốn là người hiện còn được tăng tuổi thọ." Đây là điều lợi ích thứ tư.

Có người hoài nghi rằng: "Về việc người đã chết được sanh lên cõi trời, tôi vẫn còn có chỗ hoài nghi, không thấy là chắc chắn lắm. Có sanh thiên hay không, điều này vẫn còn rất đáng ngờ. Đây chẳng qua là Thầy giảng như vậy mà thôi, chứ còn chuyện sanh thiên hoặc không sanh thiên thì tôi cũng chưa hề thấy!"

Quý vị muốn thấy ư? Thế thì hãy dụng công tu tập, khi nào đắc Thiên Nhãn Thông thì quý vị sẽ nhìn thấy được ngay! Những việc mà quý vị không thấy được thì hãy khoan nói tới; bây giờ tôi sẽ nói tới điều mà quý vị có thể nhìn thấy được. Lấy thí dụ, cha

mẹ của quý vị rõ ràng là mạng số chỉ tới năm mươi tuổi mà bây giờ sống được tám mươi tuổi, hoặc rõ ràng mạng số là tám mươi tuổi mà nay sống tới một trăm tuổi, như vậy là thọ mạng được gia tăng!

Để tôi kể cho quý vị nghe một sự việc có thật. Đó là chuyện của thân sinh ông cư sĩ họ Đàm. Năm ông cụ được bảy mươi chín tuổi thì bói toán nói rằng nội trong năm đó cụ nhất định sẽ tạ thế. Thế là ông cụ sợ hãi, bèn chạy đến xin quy y với tôi. Lúc quy y, cụ còn ra điều kiện với tôi, vì sao cụ chịu quy y ư? Ông cụ muốn tôi bảo đảm là cụ sẽ được sống thêm mười năm nữa!

Tôi nói: "Được, mười năm! Chuyện nhỏ thôi!" Và, thế là tôi nhận lời. Sau khi tôi hứa nhận, ông ta sống tới bao nhiêu tuổi? Chín mươi mốt tuổi, tức là sống thêm được mười hai năm!

Lúc nhận lời cho ông cụ sống thêm mười hai năm, tôi có nói: "Được thôi! Chỉ cần ông nghe lời tôi, y giáo phụng hành, thì tôi có thể bảo đảm là ông sẽ sống thêm mười hai năm nữa!" Tôi tuyên bố như thế, cũng không biết là thật hay giả, nhưng quả nhiên ông cụ không chết vào năm bảy mươi chín tuổi, mà còn thọ thêm được mười hai năm nữa, ông cụ qua đời ở tuổi chín mươi mốt! Sau đó, vợ ông ta cùng hai người con gái đều tin theo đạo Phật.

"Năm là mọi mong cầu đều được toại ý." Quý vị nói rằng từ nãy đến giờ chỉ thấy nói đến những điều lợi ích cho tha nhân, chứ chưa thấy đề cập đến bản thân mình gì cả ư? Thế thì bây giờ điều này là lợi ích cho bản thân quý vị đây, quý vị muốn gì được nấy, mọi điều mong cầu đều được toại nguyện.

Hãy nói về một vấn đề thường tình nhất đối với người đời như chuyện hôn nhân chẳng hạn (một người con gái mơ gặp được một người chồng tốt, một người con trai mong cưới được một người vợ tốt) nhất định đều được toại nguyện. Đó là nói về người tại gia. Còn đối với người xuất gia thì sao? Nếu người ấy cầu mong được trở thành một vị Sư giỏi hoặc một Ni Sư tốt, thì chắc chắn cũng sẽ được toại tâm mãn nguyện.

"Sáu là không có tai họa về nước và lửa." Điều lợi ích thứ sáu là không bị nước lụt cuốn trôi, cũng không bị hỏa hoạn thiêu đốt.

Vừa rồi tôi có đề cập đến bốn vị thần tứ đại trong hư không, song tôi chưa nói về hình dạng của họ; bây giờ nhân nhắc đến thần lửa, chúng ta hãy tìm hiểu đôi chút về vị thần này. Thần lửa có hình dáng như thế nào? Thần lửa trông giống như loài chim sẻ, toàn thân đều màu đỏ và chỉ có một chân.

Thần lửa tuy có tên, nhưng khi quý vị gọi đến tên ấy thì thần sẽ bỏ chạy mất dạng; không như chúng ta, hễ gọi tên ai thì người đó liền đến! Thần lửa tên là gì? Thần có tên là Phương Miễn, họ Phương, tên Miễn. Hễ nghe quý vị gọi "Phương Miễn" thì thần lửa sẽ bỏ đi nơi khác, không ở đây nữa; còn nếu quý vị không gọi đến tên của thần, thì thần cứ ở lại đây, bảo thế nào cũng không đi. Vị thần lửa này thật lạ đời như thế!

Lại nói về thần đất, thần đất có hình dáng như thế nào? Thần đất trông giống như một cậu bé có cặp mắt màu đỏ, tai dài thậm thượt chấm đất; quý vị đã từng trông thấy đứa bé nào giống như thế chưa? Đó là thần đất đấy!

Thần đất cũng có tên, là gì ư? Thần đất tên là Võng Tượng. Rất khó mà gặp mặt vị thần đất này; nhưng khi gặp được thần, nếu quý vị có thể bắt giữ thần lại mà đem nấu chín rồi ăn thịt của thần, thì quý vị sẽ biến thành vị thần đất kế tiếp. Đây là việc có thật chứ chẳng phải chuyện đùa đâu!

"Bảy là trừ sạch việc hư hao." Điều lợi ích thứ bảy là không có các thứ hư hao. "Hư hao" tức là "hư kinh quái dị," các thứ tai nạn, các sự việc kinh khủng mà quý vị không tưởng tượng ra được, không ngờ tới được. Điều lợi ích thứ bảy là những việc hư hao này đều tiêu trừ, không còn nữa.

"Tám là dứt hẳn ác mộng." Có nhiều người lúc ngủ thường mơ thấy những việc dữ, mộng thấy có người đánh mình, giết mình, hoặc có con cọp muốn ăn thịt mình, hoặc là quỷ "vô thường" muốn bắt mình đến gặp Diêm La Vương... Có người thì mộng thấy quỷ yểm mỵ (Cưu-bàn-trà) đè trên mình, ú ớ nói

không ra tiếng, toàn thân cứng đơ, không nhúc nhích được. Song le, nếu quý vị cúng dường Bồ Tát Địa Tạng, trì niệm danh hiệu của Ngài, thì những việc như thế sẽ không còn xảy ra nữa.

"Dứt hẳn ác mộng" tức là cắt đứt hẳn, dứt tuyệt, hoàn toàn không còn chiêm bao thấy ác mộng nữa.

"Chín là ra vào đều có thần theo hộ vệ." Ví dụ quý vị đi trên đường phố, rõ ràng bị xe đụng hất văng ra xa cả mấy thước; thế mà, quý vị không hề hấn gì cả, đứng dậy đi tiếp như không có chuyện gì xảy ra! Lẽ thường hễ bị xe đụng văng ra xa như thế thì nhất định sẽ bị gãy xương đứt gân, thế mà quý vị lại không việc gì cả, vẫn có thể đứng dậy phủi phủi áo quần rồi đi tiếp như thường, không cần phải đến bệnh viện; đó là vì sao? Chính là nhờ có thần linh che chở, phù hộ. "Ra vào đều có thần theo hộ vệ" có nghĩa là khi quý vị ra đường hoặc lúc ở nhà, khi ra lúc vào đều có thần linh âm thầm đi theo bảo hộ.

"Mười là thường gặp nhân Thánh." "Nhân Thánh" là gì? Là cái mầm mống để trở thành bậc Thánh, cái nhân hạnh dẫn đến Thánh quả.

Như khóa tu học hè của chúng ta ở đây chẳng hạn, đây chính là "nhân Thánh" vậy. Cho nên, trong sáu tuần lễ này chúng ta chuyên chú giảng kinh thuyết pháp, chăm chỉ cần cù dụng công tu hành, có thể nói quý vị tìm khắp cả thế giới cũng không thể nào tìm ra được một khóa tu học hè cam go như thế này. Nếu quý vị nói rằng mình không muốn bản thân phải phấn đấu cực khổ vất vả đến thế, thì quý vị sẽ không thể nào gặp được "nhân Thánh"! Quý vị hiện nay tuy có vất vả, có chịu khổ chịu cực, song đây chính là cơ hội để gieo trồng "nhân Thánh." Và, đây là lợi ích thứ mười vậy.

KINH VĂN:

"Bạch Đức Thế Tôn! Chúng sanh trong đời vị lai cùng hiện tại, nếu có thể ở nơi mình trú ngụ mà làm ra sự cúng dường như thế, thì sẽ được sự lợi ích như vậy."

Lại bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Trong đời vị lai, như có người thiện nam kẻ thiện nữ nào, ở nơi mình cư ngụ mà có kinh điển này cùng hình tượng của Bồ Tát, người đó lại có thể đọc tụng kinh điển này và cúng dường hình tượng của Bồ Tát, thì con thường ngày đêm dùng thần lực của mình hộ vệ người đó, cho đến tất cả ác sự, các nạn nước, lửa, trộm cướp, và các tai họa bất trắc lớn nhỏ thảy đều tiêu sạch."

LƯỢC GIẢNG:

Kiên Lao Địa Thần lại bạch cùng Đức Phật rằng: **"Bạch Đức Thế Tôn! Chúng sanh trong đời vị lai cùng hiện tại, nếu có thể ở nơi mình trú ngụ mà làm ra sự cúng dường như thế**: tức là chọn nơi sạch sẽ thanh tịnh trong nhà mình về hướng Nam mà trần thiết hình tượng Bồ Tát Địa Tạng rồi cúng dường, **thì sẽ được sự lợi ích như vậy.** Các chúng sanh ấy sẽ được mười điều lợi ích kể trên**."**

Kiên Lao Địa Thần **lại bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Trong đời vị lai, như có người thiện nam kẻ thiện nữ nào, ở nơi mình cư ngụ mà có kinh điển này** (*Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện*) **cùng hình tượng của Bồ Tát** (Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát) **người đó lại có thể đọc tụng kinh điển này và cúng dường hình tượng của Bồ Tát ..."**

Nếu người đó không những có được bộ *Kinh Địa Tạng* và tượng của Bồ Tát Địa Tạng, mà còn có thể đọc tụng bộ kinh này đồng thời đảnh lễ và cúng dường Bồ Tát Địa Tạng nữa, **"thì con thường ngày đêm dùng thần lực** (sức thần thông) **của mình hộ vệ người đó, cho đến tất cả ác sự, các nạn nước, lửa, trộm cướp, và các tai họa bất trắc lớn nhỏ thảy đều tiêu sạch."** Như thí dụ bị xe đụng tôi vừa nêu ra, có người bị xe đụng thì mất mạng, đó gọi là tai họa lớn (đại hoạnh); có người thì chỉ bị thương nhẹ, trầy sướt sơ sài, đó gọi là tai họa nhỏ (tiểu hoạnh).

Thời đại hiện nay không được tốt đẹp lắm, đến đâu cũng có những chuyện phiền phức xảy ra, không cướp giật thì cũng trộm cắp ngang nhiên giữa ban ngày ban mặt. Cho nên, quý vị cần

phải cẩn thận, đề phòng bọn ăn cướp này. Người Trung Hoa có câu:

"Chậm giấu của cuốn lôi kẻ trộm
Chuốt dung nhan lôi cuốn dâm ô.

Hán văn
(Mạn tàng hối đạo,
Dã dung hối dâm.)

(Chậm cất giấu tiền của thì cuốn hút người khác vào đường trộm cắp; trau chuốt lẳng lơ thì lôi cuốn người ta vào đường dâm ô.)

"Mạn tàng" có nghĩa là cất giấu không cẩn thận, thiếu kín đáo. Như quý vị có báu vật thì phải mau mau cất giấu cho kỹ lưỡng, kẻo chậm trễ, bọn cướp trông thấy sẽ sanh lòng tham và đến cướp đi mất. Tại sao quý vị bị cướp? Bởi vì quý vị cất giấu quá chậm, cho nên mới dẫn đường cho bọn cướp đến đánh cắp.

Đó là nói về tài sản vật chất bên ngoài. Đối với tài sản bên trong của chúng ta (tức là tự tánh của chính mình) chúng ta cũng cần phải cất giấu. Nếu chúng ta cất giấu chậm thì cũng bị bọn yêu ma quỷ quái đến cướp mất vậy. Chúng cướp mất cái gì của quý vị? Cướp đi "trân bảo vô thượng" của quý vị. Nói như thế thì chúng ta phải cất giấu món "trân bảo" tự tánh của mình như thế nào? Cách cất giấu này thì không giống như cách cất giấu những tài sản có hình có tướng (như đem chôn ở một nơi bí mật, hoặc cất giữ trong két bảo hiểm) không phải như thế!

Thế thì phải cất giấu "tài sản quý báu" tự tánh như thế nào? Phải chính mình không sanh vô minh! Quý vị phải biết rằng mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý đều thuộc loại "đại tặc," là những tên giặc rất lợi hại. Đừng tưởng rằng con mắt giúp đỡ chúng ta, sở dĩ hiện nay quý vị chưa thể thành Phật cũng chính là vì bị con mắt này tác oai tác quái. Không những mắt là giặc, mà tai cũng là giặc, mũi cũng là giặc, lưỡi cũng là giặc, thân thể cũng là giặc, ý cũng là giặc. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý chính là sáu tên giặc; chỉ

có linh tánh của quý vị là "pháp bảo," là bảo bối vô cùng trân quý.

Nếu mắt mà phân tán đi một chút thì quý vị bị thiếu mất một chút, tai mà phân tán đi một chút thì thiếu mất một chút, mũi mà phân tán đi một chút thì thiếu mất một chút, lưỡi mà phân tán đi một chút thì thiếu mất một chút, thân mà chia bớt đi một bộ phận thì lại thiếu mất một chút, ý mà chia bớt đi một phần thì quý vị lại thiếu mất một chút.

Đối với mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, nếu quý vị không thâu nhiếp chúng trở về được, tức là quý vị "thả lỏng" chúng đấy! Mỗi tên chạy rông mỗi nơi lo những chuyện không liên can. Mắt trông thấy vật gì đều muốn thấy cho tận tường thêm nữa, đó gọi là lo chuyện tào lao. Tai nghe thấy việc gì dù chẳng liên quan tới mình cũng tò mò muốn nghe lần nữa cho thỏa thích; như thế cũng gọi là bị cảnh giới lay chuyển, đều do "bọn giặc" gây ra! Thế nên, quý vị đừng để cho sáu tên giặc này thừa cơ cướp đoạt mất "bảo bối" tự tánh của mình! Nếu hằng ngày quý vị cứ tùy theo sáu căn này mà hành sự, thì chúng đích thị là những tên giặc chực cướp đi tự tánh của quý vị.

Bây giờ tôi giảng đạo lý này thì có thể quý vị chưa hoàn toàn am hiểu, hoặc chưa thể lãnh hội thấu đáo được. Song, nếu quý vị chịu khó dụng công, thì sau một thời gian quý vị sẽ vỡ lẽ: "À! Thì ra cái này thật là xấu xa, tệ hại!" Bấy giờ, biết được mắt tác hại như thế nào, tai chẳng vâng lời ra sao, thì quý vị sẽ thấy rằng hóa ra bọn chúng đều là "giặc" cả!

"Dã dung hối dâm" có nghĩa là chải chuốt hình dáng là khiến kẻ khác sanh lòng dâm. Ví dụ như người con gái bôi phấn thoa son, trang điểm thật lộng lẫy, đây chính là khêu gợi, khiến người khác trông thấy liền sanh lòng tà vạy. Thế nên người nữ tốt nhất là để dung mạo tự nhiên, không cần phải tô son điểm phấn. Nếu bôi son trét phấn vào môi vào má hồng hồng đỏ đỏ, cho rằng làm như vậy rất có ý nghĩa, song thật ra thì chẳng có ý nghĩa gì cả, mà chỉ là thể hiện sự điên đảo của chúng sanh, sự điên đảo của chúng sanh chính là ở điểm này vậy!

Sở dĩ nói sáu căn là bọn giặc chẳng qua là vì chúng ta không biết cách vận dụng chúng (nên chúng mới biến thành "giặc") mà thôi. Nếu quý vị biết vận dụng, thì không những chúng không biến thành "giặc" mà còn trở thành "hộ pháp" nữa là đằng khác! Do vậy, trong *Kinh Lăng Nghiêm* có chép rằng: Chúng sanh bị luân hồi khổ sở trong sáu nẻo là vì sáu căn này; nhưng nếu chúng sanh có thể "hồi quang phản chiếu," thanh tịnh tự tâm, thì thành Phật được cũng là nhờ ở sáu căn này chứ chẳng phải đâu xa lạ. Quý vị biết vận dụng chúng thì chúng chính là "hộ pháp"; còn không biết vận dụng chúng thì chúng chính là "giặc" vậy. Thí dụ, quý vị trông thấy đồ vật mà trong lòng sanh khởi chánh niệm thì đây chính là hộ pháp, còn nếu như sanh tà niệm thì đó là ma quỷ vậy. Lục Tổ Đại Sư đã từng dạy:

"Lúc tà mê là ma choán chỗ,
Khi chánh niệm là Phật tại nhà."

Hán văn

(Tà niệm chi thời, ma tại xá,
Chánh niệm chi thời, Phật tại đường.)

Do đó, nếu bất cứ lúc nào quý vị cũng có thể đề khởi chánh niệm, thì sáu căn sẽ biến thành hộ pháp của quý vị, chúng trợ giúp quý vị rất đắc lực. Khi mắt nhìn thấy hình sắc thì liền chạy theo sắc trần; tai vừa nghe lọt âm thanh thì liền chạy theo thanh trần; mũi vừa ngửi thấy mùi liền chạy theo hương trần; lưỡi vừa nếm biết vị liền chạy theo vị trần; thân cảm nhận có sự tiếp xúc, đụng chạm liền chạy theo xúc trần, thì bấy giờ sáu căn là những tên giặc ghê gớm, lợi hại. Vì sao nói là "chạy theo"? Chính là vì quý vị cảm thấy thích thú, ưa muốn; tự trong lòng nảy sanh sự ham thích, thì đó chính là "chạy theo" vậy. Bởi chưa có định lực cho nên ý nghĩ của quý vị sau khi tiếp xúc với pháp thì liền chạy theo pháp trần, đuổi theo ngoại cảnh. Lại cũng vì ý nghĩ còn tà vạy, không được chân chánh, nên mới bị cảnh giới lay chuyển; nếu ý nghĩ chân chánh thì sẽ xoay chuyển được cảnh giới.

KINH VĂN:

Đức Phật bảo Kiên Lao Địa Thần rằng: "Thần lực rộng lớn của ông, các thần khác ít ai bằng. Vì cớ sao? Vì đất đai trong cõi Diêm Phù đều nhờ ông hộ trợ; cho đến cỏ, cây, cát, đá, lúa, mè, tre, lau, gạo thóc, của báu ... từ đất mà có, đều nhờ nơi sức của ông cả.

Ông lại luôn khen ngợi những sự lợi ích của Bồ Tát Địa Tạng, thì công đức và thần thông của ông sẽ trăm ngàn phần trội hơn của các địa thần bình thường.

Trong đời sau, như có kẻ thiện nam người thiện nữ nào cúng dường Bồ Tát cùng đọc tụng kinh điển này, dù chỉ y theo một việc trong Kinh Địa Tạng Bổn Nguyện mà tu hành, thì ông nên dùng thần lực của mình mà ủng hộ, chớ để mọi tai hại cùng sự không vừa ý lọt vào tai người đó, huống nữa là để cho phải chịu đựng.

Chẳng phải chỉ riêng mình ông hộ trì người đó, mà cũng có hàng quyến thuộc của Phạm Vương, Đế Thích, và quyến thuộc của chư thiên ủng hộ người đó nữa!

Tại sao người đó lại được chư hiền thánh ủng hộ như thế? Ấy đều do chiêm lễ hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng cùng đọc tụng Kinh Bổn Nguyện này, nên tự nhiên được rốt ráo xa lìa biển khổ, chứng được Niết Bàn yên vui, vì thế mà được sự ủng hộ lớn lao."

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật bảo Kiên Lao Địa Thần: "Thần lực rộng lớn của ông, các thần khác ít ai bằng, hiếm có vị thần nào có được sức thần thông đặc biệt lớn lao như ông**. Vì cớ sao? Vì đất đai trong cõi Diêm Phù đều nhờ ông hộ trợ; cho đến cỏ, cây, cát, đá, lúa, mè, tre, lau, gạo thóc, của báu ... từ đất mà có, đều nhờ nơi sức của ông cả."**

Toàn bộ đất đai trong cõi Nam Diêm Phù Đề đều được Kiên Lao Địa Thần che chở, bảo hộ. Những ngọn cỏ nhỏ bé nhất, cây con non yếu mảnh mai nhất, hoặc một hạt cát, một viên sỏi, cùng những thứ thu hoạch được từ đất như lúa, mè, tre, lau, gạo thóc, và những bảo vật ... tất cả những thứ quý báu này đều từ nơi đất

mà có, thảy đều nương nhờ vào sức lực của thần đất mà sinh trưởng.

"Ông lại luôn khen ngợi những sự lợi ích của Bồ Tát Địa Tạng, thì công đức và thần thông của ông sẽ trăm ngàn phần trội hơn của các địa thần bình thường." Kiên Lao Địa Thần thường luôn trầm trồ tán thán những sự lợi ích mà Bồ Tát Địa Tạng mang lại cho tất cả chúng sanh; cho nên, công đức và sức thần thông trí huệ của Kiên Lao Địa Thần rộng lớn gấp trăm ngàn vạn lần so với các địa thần bình thường khác.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói tiếp: "Bây giờ Ta muốn căn dặn ông, Kiên Lao Địa Thần, rằng: **Trong đời sau, như có kẻ thiện nam người thiện nữ nào cúng dường Bồ Tát** (Địa Tạng Vương Bồ Tát) **cùng đọc tụng kinh điển này, dù chỉ y theo một việc trong *Kinh Địa Tạng Bổn Nguyện* mà tu hành, thì ông nên dùng thần lực của mình mà ủng hộ, chớ để mọi tai hại cùng sự không vừa ý lọt vào tai người đó, huống nữa là để cho phải chịu đựng."**

"Chớ để mọi tai hại cùng sự không vừa ý lọt vào tai" có nghĩa là đừng để cho những thiện nam cùng thiện nữ đó nghe thấy những việc tai hại cũng như những việc không như ý họ muốn. Chẳng những các thứ âm thanh không như ý đều không được vẳng tới tai họ, mà luôn cả những việc tổn hại cũng không được xảy đến cho thân họ nữa! Họ không phải lãnh chịu bất cứ một tai họa nào cả.

Đối với những thiện nam tín nữ trì Ngũ Giới và hành Thập Thiện mà biết cúng dường Bồ Tát Địa Tạng, đọc tụng *Kinh Địa Tạng*, và lại có thể y chiếu theo một việc trong *Kinh Địa Tạng* đã dạy mà tu hành, thì Kiên Lao Địa Thần sẽ dùng sức mạnh thần thông vốn có của mình để ủng hộ những người đó, không để cho các sự tai hại và những việc không như ý thấu đến tai họ.

"Chẳng phải chỉ riêng mình ông hộ trì người đó, mà cũng có hàng quyến thuộc của Phạm Vương, Đế Thích, và quyến thuộc của chư thiên ủng hộ người đó nữa! Ta lại bảo cho ông biết rằng chẳng phải chỉ mỗi một mình ông là Kiên Lao

Địa Thần đơn độc bảo hộ những người như thế mà thôi đâu. Vì sao vậy? Vì còn có quyến thuộc của Thích Đề Hoàn Nhân và Đại Phạm Thiên Vương, cho đến thiên long bát bộ trên cõi trời và quyến thuộc của chư thiên ..., tất cả cũng đều đến để ủng hộ, bảo vệ những người đó."

Đức Phật lại dạy: **"Tại sao người đó lại được chư hiền thánh ủng hộ như thế?** Vì sao những người đó lại được đông đảo chư vị thánh hiền, thiên long bát bộ, Đại Phạm Thiên Vương, Thích Đề Hoàn Nhân... từ cõi trời đến bảo hộ như vậy?"

"Ấy đều do chiêm lễ hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng cùng đọc tụng *Kinh Bổn Nguyện* này, nên tự nhiên được rốt ráo xa lìa biển khổ, chứng được Niết Bàn yên vui, vì thế mà được sự ủng hộ lớn lao." Chính là nhờ nhân duyên chiêm ngưỡng, đảnh lễ hình tượng của Địa Tạng Vương Bồ Tát, và nhân duyên đọc tụng *Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện*, mà trong tương lai, những người đó chắc chắn sẽ tự nhiên được xa lìa mọi khổ não, chứng được sự an vui của Niết Bàn. Do duyên cớ này nên họ mới nhận được sự ủng hộ lớn lao như thế, được hết thảy các bậc thánh hiền đến ủng hộ, che chở!

KINH ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỔN NGUYỆN THIỂN THÍCH

Quyển Hạ

Phẩm Thứ Mười Hai

THẤY, NGHE ĐỀU ĐƯỢC LỢI ÍCH

"Thấy" là mắt trông thấy, "nghe" là tai nghe thấy. Trông thấy và nghe thấy đều được lợi ích. Trông thấy cái gì mà được lợi ích? Nghe thấy cái gì mà được lợi ích? Trông thấy hình tượng của Địa Tạng Vương Bồ Tát, trông thấy quyển *Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện*, thì đều được lợi ích. Cho dù chúng ta không trông thấy mà chỉ nghe đến danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng và nghe đến *Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện* thì cũng đều được lợi ích. Vậy, đây là phẩm thứ mười hai, "Thấy, Nghe Đều Được Lợi Ích."

KINH VĂN:

Lúc đó, từ trên đảnh môn Đức Thế Tôn phóng ra cả trăm ngàn vạn ức tướng tia sáng lớn.

LƯỢC GIẢNG:

Lúc đó (lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói chuyện với Kiên Lao Địa Thần và căn dặn Địa Thần hãy ủng hộ các chúng sanh trong đời vị lai xong) **từ trên đảnh môn Đức Thế Tôn phóng ra cả trăm ngàn vạn ức tướng tia sáng lớn.**

"Đảnh môn" (cửa đỉnh đầu) nằm ở đâu? Ở ngay trên đỉnh đầu. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có tướng "vô kiến đảnh" (tướng đỉnh đầu không thấy được) chính là ở "đảnh môn" này vậy.

Chúng ta mỗi người đều có "đảnh môn." Nếu quý vị tinh tấn dụng công, chân chánh có công phu tu hành, thì khi chết, Phật tánh của quý vị sẽ từ "đảnh môn" ở trên đỉnh đầu mà đi ra, và sau đó quý vị có thể đến bất cứ nơi nào mình muốn. Tuy nhiên, quý vị cần phải chăm chỉ tu hành, nỗ lực dụng công cho thật tốt mới được; chứ dụng công hời hợt thì không thể nào có được cảnh giới đó.

Vậy, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra hàng trăm ngàn vạn ức tia sáng lớn, trăm ngàn vạn ức tia sáng này đều hỗ tương soi chiếu, chẳng hề ngăn ngại nhau. Ánh sáng này không phải là từ một đạo hào quang mà là từ cả trăm ngàn vạn ức đạo hào quang tỏa ra; và ánh sáng này cũng không phải chỉ có một màu mà có tới hàng trăm ngàn vạn ức màu sắc khác nhau. Đức Phật phóng ra tướng hào quang rộng lớn, và hào quang này soi chiếu đến hết thảy chúng sanh trong chín Pháp Giới (tuy rằng Phật cũng là chúng sanh song không nằm trong chín Pháp Giới). Những đạo hào quang rộng lớn này không chỉ soi sáng một thế giới, mà còn chiếu dọi đến hàng trăm ngàn vạn ức thế giới và khắp các cõi nước của chư Phật trong mười phương. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dùng hào quang của mình soi sáng, chiếu dọi khắp tất cả các quốc độ của chư Phật.

Đức Phật thị hiện tướng hào quang rộng lớn này cũng là để cho chúng sanh chúng ta biết rằng Kinh Địa Tạng là đặc biệt quan trọng, mọi người đều phải dốc lòng dốc sức mà giảng giải, biên chép, ấn hành để phổ biến. Chúng ta cần phải giảng giải Kinh Địa Tạng, in chép *Kinh Địa Tạng*, phổ biến *Kinh Địa Tạng*.

Chúng ta phải làm sao cho đồng loại, thân thích, bạn bè của chúng ta đều hiểu rõ *Kinh Địa Tạng*. Chúng ta không được xao lãng việc phổ biến kinh điển. Nếu quý vị có thể góp phần in kinh điển, truyền bá kinh điển rộng rãi, thì trí huệ của quý vị sẽ được khai mở và tăng trưởng.

Hôm nay tôi có nói chuyện với hai đệ tử của tôi và bảo họ rằng chúng ta sẽ cố gắng hoàn tất việc duyệt sửa và nhuận sắc bản thảo chú giải *Kinh Địa Tạng* và *Lục Tổ Đàn Kinh*, để khi sang Đài Loan thọ Giới họ có thể mang theo rồi đặt in cùng xuất bản ở bên đó. Ở phương Tây này thì kinh sách có chú giải bằng tiếng Anh quá hiếm hoi. Ví như mùa màng bị hạn hán đang khát khao mong đợi trận mưa rào tưới mát, chúng ta hãy mau mau ấn loát kinh sách và phát hành rộng rãi để cho mọi người đều được thông hiểu, thấm nhuần Phật Pháp. Đây là một phần của công cuộc hoằng dương Phật Pháp, và cũng là một công trình hết sức thiết yếu trong việc chuyển Đại Pháp Luân.

Vì sao tôi hy vọng có thể đem bộ *Kinh Địa Tạng* và *Lục Tổ Đàn Kinh* phiên dịch sang tiếng Anh rồi ấn hành tại Đài Loan? Bởi vì chi phí ấn loát ở Đài Loan rất rẻ! Chuyến đi lần này (1969) của quý vị là để thọ Giới, đồng thời cũng là làm việc công đức. Đây là cơ hội để hoằng dương Phật Pháp, cho nên, ai nấy đều tuyệt đối không được lơ đễnh!

KINH VĂN:

Như là: Tia sáng tướng màu trắng, tia sáng tướng màu trắng lớn; tia sáng tướng tốt lành, tia sáng tướng tốt lành lớn; tia sáng tướng ngọc, tia sáng tướng ngọc lớn; tia sáng tướng màu tía, tia sáng tướng màu tía lớn; tia sáng tướng màu xanh, tia sáng tướng màu xanh lớn; tia sáng tướng màu xanh biếc, tia sáng tướng màu xanh biếc lớn; tia sáng tướng màu đỏ, tia sáng tướng màu đỏ lớn; tia sáng tướng màu lục, tia sáng tướng màu lục lớn; tia sáng tướng màu vàng y, tia sáng tướng màu vàng y lớn; tia sáng tướng mây lành, tia sáng tướng mây lành lớn; tia sáng ngàn vòng tròn, tia sáng ngàn vòng tròn lớn; tia sáng vòng

tròn báu, tia sáng vòng tròn báu lớn; tia sáng vầng mặt trời, tia sáng vầng mặt trời lớn; tia sáng vầng mặt trăng, tia sáng vầng mặt trăng lớn; tia sáng cung điện, tia sáng cung điện lớn; tia sáng mây biển, tia sáng mây biển lớn.

Từ trên đảnh môn phóng ra những tướng tia sáng như thế xong, lại nói ra tiếng vi diệu mà bảo đại chúng, Thiên Long Bát Bộ, nhân cùng phi nhân v.v... rằng: "Hãy lắng nghe hôm nay Ta, tại cung trời Đao Lợi, tuyên bày ngợi khen Bồ Tát Địa Tạng về những sự lợi ích trong hàng trời, người, những sự không thể nghĩ bàn, những sự siêu vượt nhân Thánh, những sự chứng quả Thập Địa, những sự rốt ráo không thối chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề."

LƯỢC GIẢNG:

Vậy, lúc bấy giờ từ trên đỉnh đầu của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni phóng ra những tia sáng **như là: 1) tia sáng tướng màu trắng, tia sáng tướng màu trắng lớn.**

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni phóng hào quang màu trắng soi sáng tất cả những nơi tối tăm; ngụ ý rằng Bồ Tát Địa Tạng và Kinh Địa Tạng có thể chiếu dọi, xua tan mọi hắc ám tăm tối của thế gian.

2) Tia sáng tướng tốt lành, tia sáng tướng tốt lành lớn.

3) Tia sáng tướng ngọc, tia sáng tướng ngọc lớn. Có loại hào quang trông giống như ngọc thạch vậy.

4) Tia sáng tướng màu tía, tia sáng tướng màu tía lớn.

5) Tia sáng tướng màu xanh, tia sáng tướng màu xanh lớn. Lại có những đạo hào quang màu xanh, và nhiều hào quang lớn cũng có màu xanh như thế nữa.

6) Tia sáng tướng màu xanh biếc, tia sáng tướng màu xanh biếc lớn.

7) Tia sáng tướng màu đỏ, tia sáng tướng màu đỏ lớn.

8) Tia sáng tướng màu lục, tia sáng tướng màu lục lớn.

9) Tia sáng tướng màu vàng y, tia sáng tướng màu vàng y lớn. Lại có tia sáng có màu vàng như vàng ròng vậy.

10) Tia sáng tướng mây lành, tia sáng tướng mây lành lớn.

11) Tia sáng ngàn vòng tròn, tia sáng ngàn vòng tròn lớn. Bàn chân của Đức Phật có tướng "thiên bức luân" (chỉ dưới bàn chân có ngàn cái xoay tròn); và đạo hào quang này trông giống như cả ngàn cái vòng xoáy tròn ở trong vậy.

12) Tia sáng vòng tròn báu, tia sáng vòng tròn báu lớn. Lại có hào quang hình tròn và sáng lấp lánh như châu báu tạo thành.

13) Tia sáng vầng mặt trời, tia sáng vầng mặt trời lớn. Lại có những đạo hào quang rực rỡ như ánh sáng của cả trăm ngàn vầng mặt trời.

14) Tia sáng vầng mặt trăng, tia sáng vầng mặt trăng lớn. Lại có đạo hào quang tỏa ra ánh sáng như của mặt trăng.

15) Tia sáng cung điện, tia sáng cung điện lớn. Trong đạo hào quang này hiện ra nhiều cung điện làm bằng bảy thứ báu rất trang nghiêm.

16) Tia sáng mây biển, tia sáng mây biển lớn. Lại có những đạo hào quang trông giống như đám mây vọt lên từ mặt biển.

Hôm qua có người hỏi rằng: "Hào tướng là gì?" "Hào tướng" cũng chính là "quang tướng," tức là tướng ánh sáng, là tia sáng tỏa ra từ trong thân của Đức Phật. Vậy, "hào" là hào quang; "hào tướng quang" là tướng của tia sáng - tia sáng biến hóa ở trong tia sáng.

Bấy giờ, sau khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni **từ trên đảnh môn phóng ra những tướng tia sáng như thế xong, lại nói ra tiếng vi diệu**. Đức Phật có Tứ Biện, Bát Âm. "Tứ Biện" là gì? Đó là Tứ Vô Ngại Biện, tức là bốn khả năng biện luận lưu loát, không hề gặp trở ngại; và gồm có: Biện luận Nghĩa không trở ngại Biện luận Pháp không trở ngại, Biện luận Từ không trở ngại, và Biện luận Vui Thuyết không trở ngại (Nghĩa vô ngại biện, Pháp vô ngại biện, Từ vô ngại biện, và Nhạo thuyết vô ngại biện).

1) Biện luận Nghĩa không trở ngại (Nghĩa Vô Ngại Biện – giải bày nghĩa lý một cách trôi chảy, không trở ngại). "Nghĩa" là nghĩa lý, ý tứ. Ví như xưa nay chưa có nghĩa lý, nhưng khi Đức Phật vừa thuyết pháp thì nghĩa lý, ý tứ tuôn trào vô cùng vô tận.

2) Biện luận Pháp không trở ngại (Pháp Vô Ngại Biện – giảng nói pháp lý một cách trôi chảy, không trở ngại). Xưa nay chỉ có một thứ giáo pháp, nhưng Đức Phật từ trong một giáo pháp làm nảy sanh ra vô lượng vô biên pháp, và từ vô lượng vô biên pháp lại quy nạp về thành một pháp. Cho nên nói:

Một gốc chia làm muôn thứ,
Muôn thứ vẫn về cùng một gốc.
Hán văn
(Nhất bổn tán vi vạn thù,
Vạn thù nhưng quy nhất bổn.)

Từ một gốc mà biến thành muôn dạng, từ muôn dạng mà gom về thành một pháp; cho nên cũng nói là:

Một là vô lượng, vô lượng là một.
Hán văn
(Nhất vi vô lượng, vô lượng vi nhất.)

3) Biện luận Từ không trở ngại (Từ Vô Ngại Biện - giảng nói lưu loát, không trở ngại về ngôn từ). "Từ" tức là ngôn từ. Có nhiều người muốn nói về một vấn đề gì đó nhưng chỉ mới nói có mấy câu thì đã cạn lời hết ý, không đủ ngôn từ để diễn đạt. Đức Phật khi giảng đạo lý thì có thể nói thao thao bất tuyệt, miên man bất tận, như nước sông nước biển tuôn chảy không ngừng.

4) Biện luận Vui Thuyết không trở ngại (Nhạo Thuyết Vô Ngại Biện - hoan hỷ thuyết pháp, không trở ngại). "Nhạo thuyết" là vui thích việc giảng kinh thuyết pháp, rất hoan hỷ nói pháp để giáo hóa chúng sanh, mỗi khi nói pháp là trong lòng thấy hân hoan, vui vẻ.

Đó là nói về Tứ Biện; còn Bát Âm (tám thứ tiếng) là gì? Trước đây tôi cũng đã nhiều lần giảng về Tứ Vô Ngại Biện, nhưng chưa hề nói tới Bát Âm. Mặc dù chưa giảng tới nhưng

những người chịu khó dụng công có lẽ đều biết cả rồi. Đức Phật có tám thứ âm thanh dùng để thuyết pháp:

1) Tiếng tối hảo (tiếng tốt nhất). Loại âm thanh thứ nhất của Phật là như thế nào? Đó là loại âm thanh hay nhất, tốt nhất, tốt đến cực điểm, và cũng gọi là "cực hảo âm." Giọng nói của Phật thì càng nghe càng thấy thích thú, càng muốn lắng nghe; chứ chẳng phải như nhiều người nói nghe rền rĩ như tiếng kéo cưa vậy. Giọng nói của Phật thì trong trẻo, thánh thót.

2) Tiếng nhu nhuyễn (tiếng êm dịu). Giọng nói của Phật âm vang êm tai như tiếng nước chảy dịu dàng, uyển chuyển.

3) Tiếng hòa thích (tiếng thích hợp). "Thích" là thích hợp, vừa đúng. Thứ âm thanh này rất ôn nhu, mềm mỏng, hài hòa; người nào đã được nghe rồi thì chẳng còn ao ước nghe tiếng gì khác nữa.

4) Tiếng tôn huệ (tiếng tôn kính, trí huệ). Âm thanh của Phật rất tôn quý. Đừng nói là nghe rõ từng lời từng chữ, chỉ cần nghe được âm vang tiếng nói của Phật thì chúng ta cũng có được vô lượng trí huệ rồi.

5) Tiếng bất âm (tiếng chẳng có âm tính). Có nhiều người giọng nói mang đầy âm tính, tức là giọng nói như phái nữ, thường là the thé hoặc uốn éo, nũng nịu. Giọng của Phật thì không phải là giọng âm.

6) Tiếng bất ngu (tiếng chẳng đùa giỡn). Cho dù là khi nói chuyện vui, giọng nói của Phật khiến người nghe cảm thấy vô cùng chánh đáng, đúng đắn, không đượm vẻ giỡn hớt đùa cợt.

7) Tiếng thâm viễn (tiếng vang sâu và xa). Âm vang tiếng nói của Đức Phật vọng đi rất xa, đến nỗi không thể biết rõ là sâu lắng bao nhiêu và truyền đi bao xa. Có một lần nọ, Tôn Giả Mục Kiền Liên dùng thần thông đi về hướng vô lượng ức cõi Phật ở phương Đông. Ngài cứ dõi theo tiếng nói của Đức Phật mà đi, đi, đi mãi, để xem thử đến bao xa thì không còn nghe thấy nữa. Song, Ngài vượt qua vô lượng cõi Phật mà tiếng nói của Đức Phật vẫn cứ sang sảng bên tai. Thần thông quảng đại như Tôn

Giả Mục Kiền Liên mà cũng không thể tìm thấu nơi dứt bặt âm thanh của Đức Phật!

8) Tiếng bất kiệt. "Bất kiệt" tức là không bao giờ hết, chẳng hề cùng kiệt. Âm thanh tiếng nói của Đức Phật thì liên tiếp miên mật, không bao giờ bị gián đoạn hoặc ngưng bặt.

Vậy, Đức Phật dùng tám loại âm thanh này để thuyết pháp. Tám loại âm thanh này, có lúc thì một người có thể nghe được một loại, hoặc hai, ba, bốn, năm loại; song cũng có lúc một người chỉ nghe được một loại (người này nghe được tiếng thâm viễn, người kia nghe được tiếng nhu hòa ...) đó là bởi căn tánh của mỗi người vốn bất đồng nên cái nghe cũng khác nhau. Tám loại âm thanh này đều được gọi là "vi diệu âm." Quý vị hãy học và ghi nhớ tám loại âm thanh này để về sau có thể thuyết giảng lại cho người khác.

Vậy, lúc bấy giờ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni từ trên đảnh môn phóng ra những luồng hào quang rực rỡ chiếu sáng như thế xong, lại thốt ra thứ tiếng rất vi diệu **mà bảo đại chúng, Thiên Long Bát Bộ, nhân cùng phi nhân v.v...** hiện đang có mặt tại Đao Lợi thiên cung **rằng: "Hãy lắng nghe hôm nay Ta, tại cung trời Đao Lợi, tuyên bày ngợi khen Bồ Tát Địa Tạng về những sự lợi ích trong hàng trời, người, những sự không thể nghĩ bàn, những sự siêu vượt nhân Thánh, những sự chứng quả Thập Địa, những sự rốt ráo không thối chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề."**

"Bát bộ" tức là tám bộ chúng quỷ thần (trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Ca-lâu-la).

"Siêu vượt" tức là vượt quá, vượt lên trên. "Nhân Thánh," thì như lúc trước đã giảng, quý vị đến đây để nghe giảng kinh, ngồi Thiền, học Phật Pháp - như thế đều là trồng nhân Thánh. "Siêu vượt" tức là "sự bán công bội," có nghĩa là bỏ công sức rất ít mà lại thành được việc lớn. Ví dụ, quý vị ngồi Thiền lẽ ra thì phải mất một năm mới được tỏ ngộ, song kết quả lại chỉ nội trong hai ngày là được khai ngộ rồi, hết sức mau chóng - đó gọi là "những việc siêu vượt nhân Thánh."

"Chứng quả Thập Địa" - "chứng" là chứng đắc; "Thập Địa" là quả vị của hàng Bồ Tát. Thập Trụ, Thập Hạnh và Thập Hồi Hướng được gọi chung là "Tam Hiền Vị," tức là quả vị của Tam Hiền. Quả vị của Bồ Tát Thập Địa gồm có:

1) Hoan Hỷ Địa. "Hoan hỷ" là vô cùng vui vẻ, lúc nào cũng vui tươi hớn hở, không bao giờ khóc lóc rầu rĩ. Những bậc Bồ Tát đạt đến cảnh giới này rồi thì không khóc nữa, dù có bị mắng chửi, đánh đập hoặc đối xử thế nào họ cũng đều hoan hỷ. Quý vị nói họ không tốt họ cũng hoan hỷ; mắng chửi họ, họ cũng hoan hỷ; ngược đãi họ như thế nào thì họ cũng đều hoan hỷ cả. Vậy, đây gọi là "sơ địa," tức là địa thứ nhất.

2) Ly Cấu Địa. "Ly" là xa lìa, tách rời; "cấu" là nhiễm ô, dơ bẩn. Vậy, "ly cấu" tức là xa lìa pháp nhiễm ô, đạt được sự thanh tịnh.

3) Phát Quang Địa. Nhờ "hoan hỷ" nên được "ly cấu" (xa lìa mọi nhiễm ô); mà "ly cấu" rồi thì sẽ "phát quang," tỏa ánh sáng. Có nhiễm ô thì không thể phát hào quang, phải xa lìa nhiễm ô thì mới có hào quang. Thế nào gọi là "nhiễm ô"? Đó chính là những tư tưởng, những tâm niệm không trong sạch; lòng còn tham hưởng thụ, muốn sự sung sướng cho bản thân, nói chung là dục vọng tràn trề. Nếu lòng đầy dục vọng, đặc biệt là sắc dục, thì đó gọi là có nhiễm ô và không thể nào đạt tới cảnh giới của "ly cấu địa"; hễ không "ly cấu" thì không thể phát hào quang được. Vậy, bậc Bồ Tát ở địa vị này nhờ đã "ly cấu" rồi cho nên được "phát quang."

4) Diễm Huệ Địa. Đây là cảnh giới sanh xuất trí huệ, thứ trí huệ tương tự như ngọn lửa bùng cháy phừng phực, vô cùng lớn mạnh. Bậc Bồ Tát nhờ đã "phát quang" nên mới có được trí huệ như thế. Vậy, quả vị thứ tư là Diễm Huệ Địa.

5) Nan Thắng Địa. Không ai có thể hơn được những bậc Bồ Tát ở địa vị này về bất cứ điều gì. Nhờ trí huệ của họ hiện tiền, bất luận người nào biện luận với họ, mọi thứ thần thông biến hóa, thảy đều không thắng được họ.

6) Hiện Tiền Địa. Cái gì "hiện tiền"? Tất cả trí huệ quang minh đều hiện tiền.

7) Viễn Hành Địa. "Viễn hành" là đi xa, rất xa.

8) Bất Động Địa. Có câu: "Bất động đạo tràng nhi hóa thập phương chúng sanh" (đạo tràng không chuyển dịch mà hóa độ khắp chúng sanh trong mười phương). Bậc Bồ Tát tuy hóa độ mười phương chúng sanh, song các ngài vẫn "bất động"; tuy rằng "bất động" song bậc Bồ Tát vẫn có thể giáo hóa hết thảy chúng sanh.

9) Thiện Huệ Địa. "Thiện huệ" tức là trí huệ thiện lành.

10) Pháp Vân Địa. Giáo pháp này tương tự như áng mây.

Trên đây là y cứ theo từ ngữ mà giảng sơ lược về ý nghĩa của Thập Địa. Nếu quý vị muốn biết tường tận về "Tam Hiền Thập Thánh" ("Thập Địa" cũng gọi là "Thập Thánh"), thì nên nghiên cứu Kinh Lăng Nghiêm bởi trong đó có giảng về Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng và Thập Địa rất cặn kẽ.

Vậy, ở đây nói "những sự chứng quả Thập Địa" tức là việc Bồ Tát Địa Tạng chứng đắc quả vị Thập Địa.

"Những sự rốt ráo không thối chuyển" có nghĩa là dứt khoát không chịu chùn bước, rút lui. Có bao nhiêu loại "không thối chuyển" (bất thối)? Có ba loại; đó là:

1) Quả vị không thối chuyển (Vị bất thối). Không lùi sụt xuống quả vị của hàng Nhị Thừa.

2 Hạnh tu không thối chuyển (Hạnh bất thối). Không lùi sụt xuống hạnh của hàng phàm phu.

3) Tâm niệm không thối chuyển (Niệm bất thối). Tâm nguyện Bồ Tát không lùi sụt, luôn luôn hành trì giáo pháp Đại Thừa.

Ba điều không thối chuyển - Quả vị không thối chuyển, hạnh tu không thối chuyển, tâm niệm không thối chuyển về —là ba điều không thối chuyển nơi cái gì? Đó chính là những sự "không thối chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề."

"A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề" là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là "Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác." Sự giác ngộ của hàng Nhị Thừa thì khác với hạng phàm phu; tuy nhiên, mặc dù hàng Nhị Thừa được giác ngộ rồi song họ vẫn chưa đạt được sự "chánh đẳng." "Chánh đẳng" là thế nào? "Chánh đẳng" chính là Bồ Tát; Bồ Tát là "chánh đẳng" đối với Phật. Tuy rằng "chánh đẳng" đối với Phật và không đồng với hàng Nhị Thừa, nhưng bậc Bồ Tát vẫn chưa đạt đến địa vị "vô thượng", duy chỉ có Phật mới được tôn xưng là "Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác"!

"Vô thượng" với Bồ Tát cũng không đồng; cho nên gọi "Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác" chính là quả vị của Phật. Địa Tạng Vương Bồ Tát hiện tại tuy chưa thành Phật, song quả vị của Ngài cũng giống như Phật vậy; do đó mà ở đây Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói rằng muốn tuyên thuyết về nhân duyên Bồ Tát Địa Tạng đắc được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

KINH VĂN:

Nói lời ấy xong, trong Pháp Hội có một vị Bồ Tát Ma Ha Tát hiệu là Quán Thế Âm từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối chắp tay mà bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát đây đầy đủ đức đại từ bi, thương xót chúng sanh mắc tội khổ. Bồ Tát ở trong ngàn vạn ức thế giới hóa hiện ra ngàn vạn ức thân, tất cả công đức cùng sức oai thần chẳng thể nghĩ bàn.

Con được nghe Đức Thế Tôn cùng vô lượng chư Phật trong mười phương, khác miệng đồng lời ngợi khen Bồ Tát Địa Tạng rằng dầu cho chư Phật trong thuở quá khứ, hiện tại và vị lai đều tuyên nói về công đức đó, vẫn chẳng thể nói hết được.

Vừa rồi lại được Đức Thế Tôn bảo khắp đại chúng rằng muốn tuyên nói các sự lợi ích của Bồ Tát Địa Tạng. Cúi mong Đức Thế Tôn, vì tất cả chúng sanh ở hiện tại và vị lai, mà tuyên nói những sự chẳng thể nghĩ bàn của Bồ Tát Địa Tạng, khiến cho Thiên Long Bát Bộ chiêm lễ được phước."

LƯỢC GIẢNG:

Lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni **nói lời ấy xong, trong Pháp Hội có một vị Bồ Tát Ma Ha Tát hiệu là Quán Thế Âm...**

Đây không phải là một vị Bồ Tát tầm thường mà là một vị Đại Bồ Tát và tên của Ngài là Quán Thế Âm, Đại Bồ Tát Quán Thế Âm. "Quán" là "trí năng quán," cái trí huệ có khả năng quán xét; "thế âm" là "cảnh sở quán," tức là cảnh giới được quán xét. Quán Thế Âm Bồ Tát dùng trí huệ từ bi của Ngài để dõi tìm những tiếng kêu gào của hết thảy chúng sanh đang chịu thống khổ trong khắp mười phương thế giới, Ngài luôn bận rộn "tầm thanh cứu khổ."

Vậy, lúc bấy giờ, Đại Bồ Tát Quán Thế Âm **từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối, gối phải chạm đất, chắp tay mà bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát đây đầy đủ đức đại từ bi, thương xót chúng sanh mắc tội khổ. Bồ Tát ở trong ngàn vạn ức thế giới hóa hiện ra ngàn vạn ức thân, tất cả công đức cùng sức oai thần chẳng thể nghĩ bàn."**

Quán Thế Âm Bố Tát bạch tiếp: "Bạch Đức Thế Tôn! **Con được nghe Đức Thế Tôn cùng vô lượng chư Phật trong mười phương, khác miệng đồng lời ngợi khen Bồ Tát Địa Tạng rằng ..."**

Tuy rằng khác miệng song lời nói thì tương đồng, ai nấy đều nói cùng một lời như nhau, chư Phật trong mười phương đều cùng một lời khen ngợi Bồ Tát Địa Tạng. Ở đây còn một hàm ý nữa là vào thuở quá khứ, Bồ Tát Quán Thế Âm đã từng được nghe vô lượng chư Phật trong mười phương khen ngợi Bồ Tát Địa Tạng; tuy rằng các ngài không phải nói cùng một lúc song đều nói một lời giống nhau, chư Phật đều nói rằng Bồ Tát Địa Tạng có trí huệ thần thông chẳng thể nghĩ bàn!

"Dầu cho chư Phật trong thuở quá khứ, hiện tại và vị lai đều tuyên nói về công đức đó, vẫn chẳng thể nói hết được." Giả sử tất cả chư Phật (chư Phật đời quá khứ, chư Phật đời hiện tại, chư Phật đời vị lai) hết thảy chư Phật trong mười

phương ba đời đều nói về công đức của Bồ Tát Địa Tạng, thì vẫn không thể nào nói cho hết được.

Quán Thế Âm Bồ Tát bạch tiếp: **"Vừa rồi lại được Đức Thế Tôn bảo khắp đại chúng rằng muốn tuyên nói các sự lợi ích của Bồ Tát Địa Tạng. Cúi mong Đức Thế Tôn vì tất cả chúng sanh ở hiện tại và vị lai, mà tuyên nói những sự chẳng thể nghĩ bàn của Bồ Tát Địa Tạng."**

Quán Thế Âm Bồ Tát thỉnh cầu Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tuyên nói về công đức trí huệ bất khả tư nghì của Bồ Tát Địa Tạng nhằm **"khiến cho Thiên Long Bát Bộ chiêm lễ được phước."** Công đức chiêm ngưỡng cùng đảnh lễ chư Phật và Bồ Tát vốn vô lượng vô biên, nếu giảng cặn kẽ thì khó mà giảng cho hết được. Bây giờ chỉ nói sơ lược về năm loại công đức tiêu biểu từ sự lễ bái chư Phật và Bồ Tát:

1) Tướng mạo đoan chánh, viên mãn; ai gặp cũng sanh lòng ái kính và có thiện cảm.

2) Giọng nói vi diệu, trong trẻo, âm vang như tiếng chuông đồng.

3) Giàu có, sở hữu nhiều của cải, châu báu.

4) Sanh trưởng trong những gia đình cao sang quyền quý, có địa vị, có đức hạnh.

5) Được sanh lên các cõi trời.

Trên đây là năm loại công đức có được nhờ chiêm ngưỡng và lễ bái chư Phật cùng chư Bồ Tát.

KINH VĂN:

Đức Phật bảo Bồ Tát Quán Thế Âm: "Ông có đại nhân duyên với thế giới Ta Bà. Nếu hàng trời hoặc rồng, hoặc kẻ nam người nữ, hoặc thần hoặc quỷ, cho đến các chúng sanh tội khổ trong Lục Đạo nghe danh hiệu của ông, thấy hình tượng của ông, mến tưởng đến ông, khen ngợi ông, thì những chúng sanh ấy đều ở nơi Đạo Vô Thượng quyết chẳng còn thối chuyển, thường được

sanh vào cõi người, cõi trời, hưởng đủ sự vui vi diệu; khi nhân quả sắp thành thục liền được gặp Phật thọ ký cho.

Nay ông sẵn lòng đại từ bi, thương xót các chúng sanh cùng Thiên Long Bát Bộ, mà muốn nghe Ta tuyên nói những sự lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của Bồ Tát Địa Tạng. Ông hãy lắng nghe, nay Ta sẽ nói rõ.”

Ngài Quán Thế Âm bạch rằng: “Vâng, bạch Đức Thế Tôn! Con xin ưa muốn nghe.”

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật bảo Bồ Tát Quán Thế Âm: **“Ông có đại nhân duyên với thế giới Ta Bà.** Đối với cõi khổ kham nhẫn ở Nam Diêm Phù Đề này, ông có nhân duyên đặc biệt sâu dày. **Nếu hàng trời hoặc rồng, hoặc kẻ nam người nữ, hoặc thần hoặc quỷ, cho đến các chúng sanh tội khổ trong Lục Đạo** (trời, người, A-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh) **nghe danh hiệu của ông** (Quán Thế Âm Bồ Tát) **thấy hình tượng của ông** (bao gồm tất cả mọi hình tượng bằng đất, vàng, gỗ, đá, cho đến tranh vẽ ...) **mến tưởng đến ông, khen ngợi ông, thì những chúng sanh ấy đều ở nơi Đạo Vô Thượng quyết chẳng còn thối chuyển, thường được sanh vào cõi người, cõi trời, hưởng đủ sự vui vi diệu; khi nhân quả sắp thành thục, liền được gặp Phật thọ ký cho.** Đến lúc cái nhân mà họ đã gieo được kết thành quả, chín muồi, thì họ đều sẽ được gặp Phật và được Phật thọ ký, tương lai họ đều có thể thành Phật.”

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói tiếp: **“Nay ông sẵn lòng đại từ bi, thương xót các chúng sanh cùng Thiên Long Bát Bộ, mà muốn nghe Ta tuyên nói những sự lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của Bồ Tát Địa Tạng.** Bây giờ ông lại phát lòng từ bi hết sức vĩ đại, từ bi thương xót tất cả chúng sanh cùng trời, rồng và tám bộ quỷ thần. Vậy, nay ông hãy lắng nghe Ta nói về cảnh giới không thể nghĩ bàn của Bồ Tát Địa Tạng, những việc lợi ích cho nhân, thiên, cùng chúng sanh trong Lục Đạo. **Ông hãy lắng nghe!** Ông nên đặc biệt chăm chú lắng nghe, nay **Ta sẽ nói rõ.”**

Bấy giờ, Ngài Quán Thế Âm bạch rằng: **“Vâng, bạch Đức Thế Tôn! Con xin ưa muốn nghe"**. Con thỉnh cầu Đức Thế Tôn vì chúng con mà giảng nói. Toàn thể đại chúng chúng con trong Pháp Hội này đều khao khát được nghe về cảnh giới bất khả tư nghì của Bồ Tát Địa Tạng.”

KINH VĂN:

Đức Phật bảo Bồ Tát Quán Thế Âm: “Trong các thế giới về thuở hiện tại và vị lai, có vị thiên nhân nào phước trời thọ hưởng đã hết, có Ngũ Suy Tướng hiện ra, hoặc có vị phải đọa lạc nơi chốn ác đạo; các vị thiên nhân đó, hoặc nam hoặc nữ, đương lúc tướng suy hiện ra, mà hoặc thấy được hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng hoặc nghe được danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng, rồi một lần chiêm ngưỡng một lần đảnh lễ, thì các vị thiên nhân đó được phước trời thêm lớn, hưởng nhiều sự vui sướng, vĩnh viễn không phải đọa lạc vào ba ác đạo nữa; huống chi là được thấy tượng, được nghe tên của Bồ Tát, rồi đem các thức hương hoa, y phục, đồ ăn thức uống, vật báu, chuỗi anh lạc... mà bố thí cúng dường, thì công đức phước lợi có được sẽ vô lượng vô biên.”

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật bảo Bồ Tát Quán Thế Âm và tất cả đại chúng: **“Trong các thế giới về thuở hiện tại và vị lai, có vị thiên nhân nào phước trời thọ hưởng đã hết, có Ngũ Suy Tướng hiện ra ...”**

Các thiên nhân ở cõi trời được hưởng phước báo vui sướng vô cùng; so với cõi nhân gian thì ở cõi trời quá vui vẻ sung sướng. Thế nhưng, thiên nhân lại có Ngũ Suy Tướng, tức là sự xuất hiện của năm tướng suy hao nơi thân thể khi họ sắp hưởng hết thiên phước của mình.

Năm Tướng Suy Hao là gồm những gì? Đó là:

1) Mũ hoa héo rũ (Hoa quan ủy tạ): Các thiên nhân đều đội mũ kết bằng hoa tươi, không bao giờ khô héo; song đến lúc năm tướng suy hao hiện ra thì những mũ hoa này sẽ héo úa, tàn rụng.

2) Y phục dính bụi (Y trước trần ai). Áo quần của thiên nhân thường thì không phải giặt giũ mà vẫn luôn luôn sạch sẽ, nhưng đến lúc quần áo của họ bắt đầu bị bụi bám thì họ biết là mình sắp chết.

3) Hai nách tiết mồ hôi (Lưỡng dịch hãn xuất). Thân thể của thiên nhân không ra mồ hôi, song đến lúc phước trời của họ đã hết thì dưới hai nách có mồ hôi tiết ra.

4) Thân thể hôi hám (Thân thể xú uế). Thân thể của thiên nhân thường tỏa hương thơm, đến lúc thiên phước của họ đã cạn hết thì "xú khí nhập thể," thân mình tiết ra mùi hôi hám.

5) Không thích chỗ ngồi của mình (Bất lạc bổn tòa). Thiên nhân thường hay ngồi, có tướng Thiền Định; song đến lúc hết thiên phước thì họ không còn tướng Thiền Định nữa (bấy giờ họ đứng ngồi không yên, bồn chồn bứt rứt, hết đứng lại ngồi, hết ngồi lại đứng. Đây chính là lúc thiên nhân phải đọa lạc) có thể chuyển làm thân ngạ quỷ, súc sanh, xuống địa ngục, hoặc sanh làm người... tất cả đều không nhất định.

Trên đây là năm tướng suy hao lớn (đại Ngũ Suy Tướng). Ngoài ra, thiên nhân còn có sự xuất hiện của năm tướng suy hao nhỏ (tiểu Ngũ Suy Tướng) nữa. Năm tướng suy nhỏ là những gì? Đó là:

1) Tiếng không còn trong thanh và vui vẻ nữa (Lạc thanh bất khởi). Giọng nói của thiên nhân vốn vô cùng thanh tao, vi diệu; song đến lúc năm tướng suy hiện ra thì tiếng nói trở nên thô nặng, khàn đục, không còn réo rắt, thánh thót nữa.

2) Ánh sáng trên thân bị mờ tối (Thân quang vi ám). Toàn thân của thiên nhân thường đều có tỏa hào quang, song đến lúc năm tướng suy hao nhỏ hiện ra thì hào quang nơi thân trở nên lu mờ ảm đạm, không còn sáng chói nữa.

3) Nước tắm đọng dính trên thân (Dục thủy trước thân). Thân thể của thiên nhân vốn không bị dính nước, tương tự như mặt pha-lê vậy, nước chảy tuột đi chứ không đọng lại; nhưng khi năm tướng suy nhỏ hiện ra, thì khi tắm, nước sẽ dính lại trên thân họ.

4) Chấp trước vào cảnh giới, không buông xả (Trước cảnh bất xả) . Lúc năm tướng suy nhỏ hiện ra, thiên nhân gặp cảnh giới gì thì bám chấp lấy cảnh giới đó, không thể buông bỏ được.

5) Thân suy yếu, mắt láo liên (Thân hư nhãn thuấn). Lúc năm tướng suy nhỏ hiện ra thì thân thể của thiên nhân trở nên vô cùng suy nhược, không còn cường tráng, không còn sức lực nữa. Thiên nhân vốn rất ít khi mở trừng mắt, con ngươi không thường chuyển động; nhưng khi năm tướng suy nhỏ hiện ra, thì tròng mắt của họ luôn chuyển động qua lại.

Trên đây là năm tướng suy hao nhỏ. Ngoài ra, thiên nhân còn có bảy tướng suy hao, trong đó bao gồm năm tướng suy hao lớn:

1) Ánh sáng bị mất (Quang diệt). Hào quang của thiên nhân không còn nữa.

2) Hoa héo úa (Hoa ủy). Mũ hoa trên đầu bị héo tàn.

3) Sắc tướng biến đổi (Biến sắc). Tướng mạo của thiên nhân vốn rất viên mãn, nhưng khi năm tướng suy hiện ra thì liền bị biến đổi ngay, trước kia vốn rất tốt đẹp, bây giờ thì không còn đẹp nữa.

4) Y phục dính bụi dơ (Y trước trần ai).

5) Hai nách ra mồ hôi (Lưỡng dịch xuất hãn). Hai bên nách của thiên nhân, chỗ dưới hai cánh tay, có mồ hôi tiết ra.

6) Thân thể gầy ốm (Thân sấu). Thiên nhân vốn không cần ăn uống tẩm bổ gì cả mà thân thể cũng không gầy ốm; nhưng lúc tướng suy hiện ra thì thân thể hao gầy hẳn đi.

7) Không thích chỗ ngồi của mình (Bất lạc bổn tòa). Lúc tướng suy hiện ra, thiên nhân tự lánh xa chỗ ngồi của mình.

Vậy, năm tướng suy nhỏ (tiểu Ngũ Suy), năm tướng suy lớn (đại Ngũ Suy), và bảy tướng suy (Thất Suy), đều là các tướng trạng hiện ra nơi thân của thiên nhân lúc phước trời của họ đã hết.

Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo rằng: **“Trong đời này và đời sau, nếu có thiên nhân nào nơi thân đã hiện**

năm dấu hiệu suy hao, hoặc có vị phải đọa lạc nơi chốn ác đạo; các vị thiên nhân đó, hoặc nam hoặc nữ, đương lúc tướng suy hiện ra, mà hoặc thấy được hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng hoặc nghe được danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng, rồi một lần chiêm ngưỡng một lần đảnh lễ, thì các vị thiên nhân đó được phước trời thêm lớn, hưởng nhiều sự vui sướng, vĩnh viễn không phải đọa lạc vào ba ác đạo nữa; huống chi là được thấy tượng, được nghe tên của Bồ Tát, rồi đem các thức hương hoa, y phục, đồ ăn thức uống, vật báu, chuỗi anh lạc... mà bố thí cúng dường, thì công đức phước lợi có được sẽ vô lượng vô biên."

Những chúng sanh nào được thấy hình tượng hoặc được nghe đến danh hiệu của Địa Tạng Vương Bồ Tát, lại còn đem đủ loại hương, đủ loại hoa, các thứ y phục, các thức ăn uống, cùng các món trang sức quý báu như chuỗi anh lạc ra cúng dường Ngài, thì sẽ được vô lượng vô biên công đức và phước lợi, chẳng thể nào kể xiết.

KINH VĂN:

"Lại nữa, này Quán Thế Âm! Trong các thế giới về thuở hiện tại và vị lai, nếu những chúng sanh trong Lục Đạo lúc sắp mạng chung mà được nghe một tiếng danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng thoáng qua lỗ tai, thì các chúng sanh đó vĩnh viễn không còn phải trải qua nỗi khổ nơi Tam Ác Đạo nữa.

Huống chi là lúc sắp mạng chung, cha mẹ cùng hàng quyến thuộc đem nhà cửa, tài vật, của báu, y phục v. v... của người sắp chết đó mà đắp, vẽ hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng, hoặc làm cho người bệnh lúc chưa chết, được mắt thấy tai nghe, biết rằng hàng quyến thuộc đem nhà cửa, vật báu v. v... vì mình mà đắp vẽ hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng; người đó nếu do nghiệp báo phải chịu bệnh nặng, thì nhờ công đức này liền được khỏi bệnh, tuổi thọ thêm lâu dài.

Còn nếu người đó nghiệp báo sanh mạng đã hết, đáng phải chịu tất cả tội chướng, nghiệp chướng, và đọa vào đường ác,

song nhờ công đức này nên sau khi mạng chung liền được sanh vào cõi trời, cõi người, hưởng sự vui thù thắng vi diệu, tất cả tội chướng đều được tiêu trừ.”

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại gọi: **“Lại nữa, này Quán Thế Âm! Trong các thế giới về thuở hiện tại và vị lai, nếu những chúng sanh trong Lục Đạo lúc sắp mạng chung mà được nghe một tiếng danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng thoáng qua lỗ tai** (chỉ vỏn vẹn một tiếng mà thôi) **thì các chúng sanh đó vĩnh viễn không còn phải trải qua nỗi khổ nơi Tam Ác Đạo nữa.**

Huống chi là lúc sắp mạng chung, cha mẹ cùng hàng quyến thuộc đem nhà cửa, tài vật, của báu, y phục v. v... của người sắp chết đó mà đắp, vẽ hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng, hoặc làm cho người bệnh lúc chưa chết (mắt vẫn còn nhìn thấy, tai vẫn còn nghe hiểu) **được mắt thấy tai nghe, biết rằng hàng quyến thuộc đem nhà cửa, vật báu v. v... vì mình mà đắp vẽ hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng, vì mình mà làm việc công đức; người đó nếu do nghiệp báo phải chịu bệnh nặng, thì nhờ công đức này liền được khỏi bệnh, tuổi thọ thêm lâu dài.”** Nếu người đang hấp hối đó do trót tạo nghiệp chướng mà phải chịu quả báo mắc bệnh nặng, đáng bị “con ma bệnh” hành hạ, bị nghiệp chướng trói buộc bủa vây, thì nhờ vào công đức tạc vẽ tô đắp hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng, chẳng bao lâu người đó sẽ lành mạnh và được sống lâu hơn.

Còn nếu người đó nghiệp báo sanh mạng đã hết, đáng phải chịu tất cả tội chướng, nghiệp chướng, và đọa vào đường ác ...” Giả sử người bệnh đang hấp hối đó có nghiệp báo đáng lẽ phải chết, cứ theo những tội chướng, nghiệp chướng mà người đó phải gánh chịu tất phải đọa lạc trong bốn đường ác, **“song nhờ công đức này nên sau khi mạng chung liền được sanh vào cõi trời, cõi người, hưởng sự vui thù thắng vi diệu, tất cả tội chướng đều được tiêu trừ.”**

KINH VĂN:

"Lại nữa, này Bồ Tát Quán Thế Âm! Vào đời vị lai, nếu có kẻ nam người nữ nào, hoặc lúc còn bú mớm, hoặc lúc lên ba tuổi, năm tuổi, mười tuổi trở xuống mà chết mất cha mẹ, cho đến chết mất anh em chị em, người đó khi khôn lớn thường nhớ tưởng đến cha mẹ cùng hàng quyến thuộc, song không rõ họ lạc vào chốn nào, sanh về thế giới nào, hoặc sanh trong cõi trời nào.

Người đó như có thể đắp vẽ hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng, thậm chí nghe danh hiệu, một lần chiêm ngưỡng một lần đảnh lễ, trong từ một ngày cho đến bảy ngày đừng thối thất tâm nguyện ban đầu mà nghe danh hiệu, ngắm hình tượng, chiêm lễ, cúng dường; thì quyến thuộc của người đó nếu do ác nghiệp mà bị đọa vào đường ác lẽ ra phải chịu đến nhiều số kiếp, nay nhờ công đức đắp vẽ hình tượng Bồ Tát Địa Tạng và chiêm lễ của con cái, anh em chị em, nên liền được giải thoát, sanh trong cõi trời cõi người, hưởng sự vui thù thắng vi diệu.

Còn như quyến thuộc của người đó có phước lực, đã được sanh vào cõi trời, cõi người và hưởng thọ sự vui thù thắng vi diệu rồi, thì sẽ nhờ công đức này mà nhân Thánh tăng trưởng, hưởng vô lượng sự vui."

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói tiếp: **"Lại nữa, này Bồ Tát Quán Thế Âm!** Ta lại nói cho các ông nghe về một cảnh giới không thể nghĩ bàn nữa. **Vào đời vị lai, nếu có kẻ nam người nữ nào, hoặc lúc còn bú mớm, hoặc lúc lên ba tuổi, năm tuổi, mười tuổi trở xuống mà chết mất cha mẹ** (cha mẹ đã qua đời hoặc bị mất tích, cho đến chết mất anh em chị em) có anh em trai hay chị em gái bị chết hoặc thất lạc, **người đó khi khôn lớn thường nhớ tưởng đến cha mẹ cùng hàng quyến thuộc, song không rõ họ lạc vào chốn nào, sanh về thế giới nào, hoặc sanh trong cõi trời nào."** Đến tuổi trưởng thành, người đó thường nhớ nghĩ và thắc mắc không biết cha mẹ, anh em, chị em cùng các thân quyến của mình đang trôi nổi lưu lạc ở nơi nào trong sáu

nẻo đường, chẳng rõ họ được sanh thiên, được làm người, hoặc bị chuyển làm thân A-tu-la, ngạ quỷ, súc sanh, hay đọa địa ngục.

"Người đó như có thể đắp vẽ hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng, thậm chí nghe danh hiệu, một lần chiêm ngưỡng một lần đảnh lễ, trong từ một ngày cho đến bảy ngày đừng thối thất tâm nguyện ban đầu mà nghe danh hiệu, ngắm hình tượng, chiêm lễ, cúng dường ... " Giả sử người bị mồ côi hoặc thất lạc thân nhân đó có thể dùng đất sét, gỗ, vàng, bạc, đồng, sắt ... để làm tượng Bồ Tát Địa Tạng, hoặc tô vẽ hình Ngài trên giấy; thậm chí người đó không hề đắp vẽ hình tượng Ngài, mà chỉ nghe được danh hiệu, chỉ thấy hình tượng hoặc đảnh lễ hình tượng của Ngài mới một lần, mà trong từ một ngày cho đến bảy ngày tâm nguyện lúc ban sơ của người đó không hề thối thất, lòng khẩn thiết muốn đảnh lễ hình tượng Bồ Tát Địa Tạng không bị lay chuyển; **"thì quyến thuộc của người đó nếu do ác nghiệp mà bị đọa vào đường ác lẽ ra phải chịu đến nhiều số kiếp, nay nhờ công đức đắp vẽ hình tượng Bồ Tát Địa Tạng và chiêm lễ của con cái, anh em chị em, nên liền được giải thoát, sanh trong cõi trời cõi người, hưởng sự vui thù thắng vi diệu."**

Bất luận là nghe được danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng hay trông thấy hình tượng của Ngài, người đó đều thiết tha chiêm lễ cúng dường, thì quyến thuộc của người đó, giả dụ vì nhân duyên nghiệp chướng và căn cứ theo tội chướng mà họ đã tạo ra thì họ phải bị đọa lạc trong bốn đường ác (A-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh) phải trải qua đến không biết bao nhiêu đại kiếp mới được giải thoát, thì giờ đây, nhờ vào công đức đắp vẽ và chiêm lễ hình tượng Bồ Tát Địa Tạng của người đó, họ sẽ được thoát khỏi mọi nghiệp tội, được sanh trong cõi người hoặc cõi trời, hưởng thọ sự vui sướng thù thắng nhất, vi diệu nhất.

"Còn như quyến thuộc của người đó có phước lực, đã được sanh vào cõi trời, cõi người và hưởng thọ sự vui thù thắng vi diệu rồi ..." Trong trường hợp cha mẹ, anh em, chị em ... của người đó nhờ phước lực đã tạo khi trước mà được sanh

vào cõi người hoặc sanh lên cõi trời hưởng sự an vui rồi, "thì sẽ nhờ công đức này mà nhân Thánh tăng trưởng, hưởng vô lượng sự vui." **Nhờ công đức đắp vẽ hình tượng cùng chiêm lễ Bồ Tát Địa Tạng của người này nên công đức phước lực của hàng quyến thuộc càng gia tăng**, lúc trước đã hưởng thọ sự vui sướng thắng diệu, bây giờ lại càng được an vui hơn nữa.

KINH VĂN:

"Như người đó lại có thể trong hai mươi mốt ngày nhất tâm chiêm lễ hình tượng Bồ Tát Địa Tạng và niệm danh hiệu của Ngài đủ một vạn biến, thì sẽ được Bồ Tát hiện thân vô biên, mách bảo người đó cõi giới mà hàng quyến thuộc đã sanh về; hoặc trong giấc mộng, Bồ Tát hiện đại thần lực, đích thân dắt người đó đến các thế giới để thấy hàng quyến thuộc của mình.

Nếu người đó lại có thể mỗi ngày đều niệm danh hiệu Bồ Tát một ngàn biến, luôn đến một ngàn ngày, thì người đó sẽ được Bồ Tát sai các quỷ thần và thổ địa sở tại hộ vệ trọn đời, hiện đời y phục thức ăn dư dật, không có các thứ bệnh khổ, cho đến các hoạnh sự còn không hề vào đến cửa, huống nữa là đến nơi thân! Người đó rốt ráo sẽ được Bồ Tát xoa đảnh thọ ký cho."

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy tiếp: **"Như người đó** (người đắp vẽ và chiêm ngưỡng lễ bái hình tượng Bồ Tát Địa Tạng nói trên) **lại có thể trong hai mươi mốt ngày nhất tâm chiêm lễ hình tượng Bồ Tát Địa Tạng và niệm danh hiệu của Ngài đủ một vạn biến ..."**

Phần trước thì nói là chiêm lễ trong một tuần (bảy ngày), bây giờ thì trong ba tuần (hai mươi mốt ngày). Vậy, trong suốt ba tuần lễ, nếu người đó có thể chuyên chú, một lòng một dạ chiêm ngưỡng lễ bái hình tượng Bồ Tát Địa Tạng, và trì niệm danh hiệu của Ngài ("Nam mô Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát") cho đến khi đủ số mười ngàn biến, "thì sẽ được Bồ Tát hiện thân vô biên, mách bảo người đó cõi giới mà hàng quyến thuộc đã sanh về."

Thân "vô biên" là cái thân không có "biên tế," vô cùng vô tận, bất cứ nơi nào cũng có thể thị hiện đến được cả. Thân "vô biên" cũng có thể gọi là thân "vô loại bất hiện," bởi Bồ Tát Địa Tạng có thể tùy theo mọi chủng loại của chúng sanh mà thị hiện thân thích ứng để giáo hóa. Tuy nhiên, đoạn kinh văn này ngụ ý rằng Bồ Tát Địa Tạng sẽ hiện thân đến trước mặt người đã thành tâm chiêm ngưỡng lễ bái hình tượng Ngài trong suốt ba tuần lễ, và báo cho người đó biết đầy đủ về nơi mà cha mẹ, anh em, chị em, hoặc các quyến thuộc của người đó đã thác sanh về.

"Hoặc trong giấc mộng, Bồ Tát hiện đại thần lực, đích thân dắt người đó đến các thế giới để thấy hàng quyến thuộc của mình."

Chúng ta là những người tin Phật song vẫn còn quá mê muội, cho nên bậc Bồ Tát không thể tiếp xúc hoặc nói chuyện trực tiếp với chúng ta giữa ban ngày ban mặt, lúc chúng ta đang tỉnh thức được. Cho nên, đợi khi người đó ngủ say, trong giấc mộng, Bồ Tát Địa Tạng sẽ thị hiện sức oai thần rộng lớn, đích thân dẫn người đó đến các cõi giới, thấy được tất cả hàng quyến thuộc.

"Nếu người đó lại có thể mỗi ngày đều niệm danh hiệu Bồ Tát (Nam mô Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát) **một ngàn biến, luôn đến một ngàn ngày** (tức ba năm) **thì người đó sẽ được Bồ Tát sai các quỷ thần và thổ địa sở tại hộ vệ trọn đời."** Bất luận người đó sống ở nơi nào, Bồ Tát Địa Tạng đều sai bảo các quỷ thần và thần thổ địa ở nơi ấy bảo hộ cho người đó đến trọn đời.

Ngoài ra, người đó còn được **"hiện đời y phục thức ăn dư dật, không có các thứ bệnh khổ."** Trong đời hiện tại, lúc người đó còn sống, thì áo quần, đồ ăn thức uống đều rất dồi dào, không hề thiếu ăn, cũng chẳng hề thiếu mặc, và cũng chẳng mắc phải bệnh tật đau đớn gì cảù.

Lại nữa, **"cho đến các hoạnh sự còn không hề vào đến cửa, huống nữa là đến nơi thân!"** "Hoạnh sự" tức là những việc rủi ro, không như ý mình mong muốn. Các tai họa, dù lớn dù

nhỏ, thảy đều không vào đến cửa, không bao giờ xảy ra cho gia đình, huống chi là cho bản thân của người đó!

"Người đó rốt ráo sẽ được Bồ Tát xoa đảnh thọ ký cho, và bảo rằng: 'Này Thiện nam tử! Ông đã phát tâm Bồ Đề rộng lớn, tương lai ắt sẽ kết thành quả Bồ Đề đấy!'"

KINH VĂN:

"Lại nữa, này Bồ Tát Quán Thế Âm! Vào đời vị lai, nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ nào muốn phát lòng từ rộng lớn để cứu độ tất cả chúng sanh, muốn tu Đạo Bồ Đề Vô Thượng, muốn ra khỏi Tam Giới; những người đó thấy hình tượng Bồ Tát Địa Tạng cùng nghe danh hiệu, rồi chí tâm quy y, hoặc đem hương hoa, y phục, vật báu, đồ ăn thức uống để cúng dường chiêm lễ, thì điều nguyện cầu của các thiện nam thiện nữ đó sẽ chóng được thành tựu, vĩnh viễn không bị chướng ngại."

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói tiếp: **"Lại nữa, này Bồ Tát Quán Thế Âm! Bây giờ Ta sẽ giảng tỉ mỉ hơn cho ông rõ. Vào đời vị lai, nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ nào muốn phát lòng từ rộng lớn ..."** Phát tâm từ bi là đã quý hóa lắm rồi, thế mà nếu có thể phát được thứ tâm từ bi bao la quảng đại thì lại càng tuyệt diệu hơn nữa.

Thế thì, trong đời vị lai, những người nam và người nữ chăm tu Ngũ Giới, hành trì Thập Thiện, muốn phát thứ tâm từ bi quảng đại ấy để làm gì? Chính là **"để cứu độ tất cả chúng sanh."**

Ngoài ra, có những thiện nam tín nữ thì lại "muốn tu Đạo Bồ Đề Vô Thượng, muốn ra khỏi Tam Giới, xa lìa ngôi nhà lửa trong ba cõi--Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới."

"Những người đó (không phải chỉ có một hoặc hai người mà là rất nhiều người đều mong muốn như thế, nhiều đến nỗi chẳng thể biết được là bao nhiêu, cho nên nói là "những người đó") **thấy hình tượng Bồ Tát Địa Tạng cùng nghe danh hiệu,**

rồi chí tâm quy y, hoặc đem hương hoa, y phục, vật báu, đồ ăn thức uống để cúng dường chiêm lễ ...”

Giả sử hết thảy những thiện nam tín nữ đó sau khi được trông thấy hình tượng và được nghe đến danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng, liền sanh lòng chí thành khẩn thiết đến quy y Bồ Tát Địa Tạng, hoặc đem các loại hương, các loại hoa, vô số y phục, vô số bảo vật, cùng vô số đồ ăn thức uống đến cúng dường Bồ Tát Địa Tạng, chiêm ngưỡng đảnh lễ Bồ Tát Địa Tạng, **“thì điều nguyện cầu của các thiện nam thiện nữ đó sẽ chóng được thành tựu, vĩnh viễn không bị chướng ngại.”**

KINH VĂN:

“Lại nữa, này Bồ Tát Quán Thế Âm! Vào đời vị lai, nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ nào muốn cầu trăm ngàn vạn ức điều nguyện, trăm ngàn vạn ức sự việc về hiện tại cùng vị lai, thì nên chỉ quy y, chiêm lễ, cúng dường, ngợi khen hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng; thì các điều sở nguyện sở cầu như thế tất đều thành tựu cả.

Nếu lại cầu mong Bồ Tát Địa Tạng, đấng đầy đủ lòng đại từ bi, mãi mãi ủng hộ cho mình, thì người đó trong giấc chiêm bao liền được Bồ Tát xoa đảnh thọ ký cho.”

LƯỢC GIẢNG:

“Lại nữa, này Bồ Tát Quán Thế Âm! Vào đời vị lai, nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ nào muốn cầu trăm ngàn vạn ức điều nguyện, trăm ngàn vạn ức sự việc (chứ chẳng phải vỏn vẹn một điều hay một việc mà thôi đâu) **về hiện tại cùng vị lai, thì nên chỉ quy y, chiêm lễ, cúng dường, ngợi khen hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng; thì các điều sở nguyện sở cầu như thế tất đều thành tựu cả.”**

“Điều nguyện” tức là điều mà quý vị ao ước, mong muốn đạt được. Quý vị mong ước cái gì, muốn xin việc gì, đều có thể được toại nguyện cả, song quý vị phải làm một việc; đó là việc gì? Đó là quý vị phải quy y Bồ Tát Địa Tạng, chiêm ngưỡng đảnh lễ Bồ Tát Địa Tạng, cúng dường Bồ Tát Địa Tạng và khen

ngợi hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng. Nếu quý vị làm được như thế thì mọi nguyện vọng, mọi mong cầu của quý vị đều được tùy tâm mãn nguyện, đều được thành tựu.

"Nếu lại cầu mong Bồ Tát Địa Tạng, đấng đầy đủ lòng đại từ bi, mãi mãi ủng hộ cho mình, thì người đó trong giấc chiêm bao liền được Bồ Tát xoa đảnh thọ ký cho." Nếu quý vị muốn cầu xin Bồ Tát Địa Tạng rũ lòng từ bi bao la mà phù hộ cho quý vị mãi mãi, thì khi quý vị đang say ngủ, Ngài sẽ thị hiện trong giấc mộng mà xoa đảnh thọ ký cho quý vị.

KINH VĂN:

"Lại nữa, này Bồ Tát Quán Thế Âm! Vào đời vị lai, nếu có người thiện nam kẻ thiện nữ nào đối với kinh điển Đại Thừa sanh lòng trân trọng thâm sâu, phát tâm không nghĩ bàn muốn đọc, muốn tụng, dầu gặp được bậc minh sư dạy bảo cho thành thục, song đọc rồi lại quên, trải đến cả tháng, cả năm vẫn không đọc tụng được; những kẻ thiện nam này vì có nghiệp chướng đời trước chưa trừ sạch, cho nên đối với kinh điển Đại Thừa không có tánh đọc tụng."

LƯỢC GIẢNG:

"Lại nữa, này Bồ Tát Quán Thế Âm! Vào đời vị lai, nếu có người thiện nam kẻ thiện nữ nào đối với kinh điển Đại Thừa (các sách kinh Phật và điển chươn) **sanh lòng trân trọng thâm sâu, phát tâm không nghĩ bàn muốn đọc, muốn tụng ..."** "Đọc" tức là nhìn vào sách mà đọc; còn "tụng" là đọc mà không cần nhìn vào sách bởi đã thuộc nằm lòng.

Những người đó vừa nhìn thấy các kinh điển Đại Thừa thì nâng niu, trân quý hơn bất kỳ báu vật nào khác, và liền phát tâm Đại Thừa không thể nghĩ bàn mà lập nguyện rằng: "Tôi nhất quyết phải đọc tụng bộ kinh này. Bất luận thế nào tôi cũng phải học thuộc bộ kinh này!" Thế nhưng, **"dầu gặp được bậc minh sư dạy bảo cho thành thục, song đọc rồi lại quên, trải đến cả tháng, cả năm vẫn không đọc tụng được."** Những người đó phát tâm bất khả tư nghì, có chí nguyện muốn đọc tụng các kinh

điển Đại Thừa, và còn gặp được bậc minh sư tận tâm dạy cho cách đọc kinh, xem kinh nữa. Tuy nhiên, họ cứ học thuộc rồi lại quên. Mặc dù họ chăm chỉ cần cù học tập trong suốt một thời gian dài (có thể là trong vài tháng mà cũng có thể là trong một năm hoặc nhiều năm) họ vẫn không thể nào đọc cho trôi chảy, tụng cho nhuần nhuyễn được! Vì sao họ cứ học rồi lại quên, phải học đi học lại mãi như thế?

"Những kẻ thiện nam này vì có nghiệp chướng đời trước chưa trừ sạch ..." Đó là do bị nghiệp chướng từ đời trước ngăn che, khiến họ không thể nào thuộc được kinh điển. Vì nghiệp chướng, mà họ cảm thấy lười biếng, không muốn tụng kinh. Vì nghiệp chướng, mà lúc họ học kinh thì cơn buồn ngủ ập đến. Vì nghiệp chướng, mà lúc họ muốn đọc tụng thì đầu óc lại hôn trầm. Tuy nhiên, cũng thật là kỳ lạ, khi không tụng kinh thì họ thấy đầu óc rất tỉnh táo, nhưng hễ tụng kinh thì họ lại cảm thấy buồn ngủ, cứ đặt quyển kinh xuống, không tụng nữa, thì con ma ngủ bỏ đi; mà hễ cầm quyển kinh lên để tụng thì con ma ngủ lại kéo tới!

Tôi tin rằng vài người trong quý vị đã có kinh nghiệm về việc này. Quý vị muốn nghe kinh ư? Ngay tức khắc cơn buồn ngủ xâm chiếm quý vị! Ngược lại, nếu quý vị nói chuyện thị phi, nói những chuyện vô ích, thì càng nói càng hăng say, càng nói càng hào hứng, nói đến nỗi nước miếng văng tới tấp như mưa vậy mà cũng chẳng thấy mệt mỏi hoặc buồn ngủ chút nào!

"Cho nên đối với kinh điển Đại Thừa không có tánh đọc tụng." Do vì nghiệp chướng chưa được tiêu trừ nên họ không có khả năng đọc tụng, không có được sức nhớ dai, không thể học thuộc kinh điển Đại Thừa.

KINH VĂN:

"Những hạng người này, khi nghe danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát cùng thấy hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát, thì nên đem hết bổn tâm mà cung kính bày tỏ; rồi dùng hương hoa, y phục, đồ ăn thức uống, cùng tất cả đồ chơi cúng dường Bồ Tát. Lại đem một chén nước trong đặt trước Bồ Tát một ngày một đêm, sau đó

chắp tay thỉnh để uống, mặt day về hướng Nam; khi nước sắp vào miệng phải chí tâm trịnh trọng. Uống nước xong, phải kiêng cữ ngũ tân, rượu, thịt, tà dâm, vọng ngữ và các việc giết hại trong bảy ngày hoặc hai mươi mốt ngày. Những người thiện nam thiện nữ này, trong giấc chiêm bao sẽ thấy Bồ Tát Địa Tạng hiện thân vô biên đến chỗ họ ở mà rưới nước quán đảnh cho. Những người này thức dậy liền được thông minh, các kinh điển một phen lọt vào nhĩ căn thì liền nhớ mãi, không còn quên một câu kinh hay một bài kệ nữa!"

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói tiếp: **"Những hạng người này, khi nghe danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát cùng thấy hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát, thì nên đem hết bổn tâm mà cung kính bày tỏ ..."** "Bày tỏ" tức là trình bày, nói rõ ý kiến của mình. Bày tỏ ý kiến gì?

Những người đó chớ nên buồn bã ưu sầu vì sự kém nhớ dễ quên, học đâu quên đó của mình, chỉ cần khi họ nghe được danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng, trông thấy hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng, họ nên dốc trọn vẹn bổn tâm, tức là "diệu minh chân tâm," cái tâm chân thật, vi diệu, sáng suốt của chính mình chứ không phải cái tâm gian dối xảo trá, mà cung kính thưa trình với Địa Tạng Vương Bồ Tát, khấn nguyện rằng: "Nam mô Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát! Xin Ngài từ bi giúp con dẹp trừ con ma ngủ, xua tan mọi ma chướng đang ngăn che trí nhớ của con, để cho đầu óc con được sáng suốt minh mẫn, có khả năng ghi nhớ thật tốt!"

"Rồi dùng hương hoa, y phục, đồ ăn thức uống, cùng tất cả đồ chơi cúng dường Bồ Tát." "Thức uống" ở đây không phải là rượu, mà là nước lọc, nước đã đun sôi để uống. Quý vị chớ lầm "thức uống" này là rượu; không phải vậy đâu! Nếu quý vị uống rượu thì trí nhớ của quý vị sẽ càng tệ hại hơn nữa đấy!

Quý vị đem các món đồ chơi cúng dường Bồ Tát để làm gì? Bồ Tát cũng cần đồ chơi sao? Bồ Tát cũng thích đồ chơi sao? Thật ra, ngay cả các đồ chơi, như trái banh của trẻ con, đều có

thể đem cúng dường cho Bồ Tát Địa Tạng được cả. Địa Tạng Vương Bồ Tát không nhất thiết là sẽ chơi đá banh, nhưng nếu quý vị đem những đồ vật mà mình yêu thích đến cúng dường Ngài, thì Ngài rất hoan hỷ.

"Lại đem một chén nước trong (phải là thứ nước thật tinh khiết, không được dùng nước dơ) **đặt trước Bồ Tát một ngày một đêm**. Những người đó nên lấy một chén nước trong đặt trước mặt Địa Tạng Vương Bồ Tát để cúng dường suốt một ngày và một đêm. **Sau đó chắp tay thỉnh để uống, mặt day về hướng Nam; khi nước sắp vào miệng phải chí tâm trịnh trọng."** Lúc uống chén nước này, họ phải ngoảnh mặt về hướng Nam và phải hết sức cung kính, trân trọng, phải đem lòng chí thành khẩn thiết mà quán tưởng rằng Địa Tạng Vương Bồ Tát đã gia trì chén nước này, tôi nhận thấy rằng điều này vô cùng quan trọng.

"Uống nước xong, phải cữ ngũ tân, rượu, thịt, tà dâm, vọng ngữ cùng các việc giết hại trong bảy ngày hoặc hai mươi mốt ngày." Sau khi uống chén nước đó rồi, thì đừng ăn năm thứ có mùi vị hăng nồng gọi là "ngũ tân", tỏi, hành, hẹ, kiệu, nén (hưng cừ). Năm thứ này đều làm gia tăng sự hôn trầm, khiến con người trở nên ngu si thêm và tâm dâm dục càng lớn mạnh hơn, cho nên chúng ta cần phải kiêng cữ. "Cữ" tức là kiêng cữ, không nên dùng, những người đó phải cẩn thận tránh dùng năm món hăng nồng này, đừng dùng rượu thịt, đừng có hành vi sắc dục, đừng nói dối, và đừng làm những việc giết hại.

Sau khi kiêng cữ, ngăn ngừa như thế trong một tuần lễ hoặc ba tuần lễ, **"những người thiện nam thiện nữ này, trong giấc chiêm bao sẽ thấy Bồ Tát Địa Tạng hiện thân vô biên** (Pháp thân vô biên) **đến chỗ họ ở mà rưới nước quán đảnh cho."** "Rưới nước quán đảnh cho" tức là Bồ Tát Địa Tạng rưới nước cam lồ trên đỉnh đầu của các thiện nam tín nữ đó.

Trong Bốn Mươi Hai Thủ Nhãn có một ấn pháp gọi là "Tay Cam Lồ" (Cam Lồ Thủ), đây chính là ấn pháp Bồ Tát dùng để quán đảnh cho quý vị. Tay Cam Lồ này hễ duỗi ra thì quý vị sẽ

cảm thấy như được tắm mát, có nước xối xuống đầu mình gột rửa mọi cấu trược, trừ sạch hết thảy nghiệp chướng. Nếu quý vị tu tập ấn pháp Tay Cam Lồ đến chỗ thành tựu, thì trong tương lai quý vị cũng có thể quán đảnh cho người khác. Người tu tập theo pháp môn này quyết không được lười biếng, một ngày cũng không được gián đoạn, một ngày cũng không được trễ nãi việc tu tập; nếu bỏ sót một ngày không tu, thì phải lập lại lần nữa.

"Những người này thức dậy liền được thông minh." Quý vị thấy có kỳ lạ không? Họ ngủ một giấc, nằm mộng thấy mình được quán đảnh, và khi thức dậy thì trở nên thông minh mẫn tiệp; quý vị nói có tuyệt diệu hay không chứ? Quý vị có muốn mình cũng được như thế không? Nếu muốn được như thế thì quý vị hãy làm thử xem sao!

"Các kinh điển một phen lọt vào nhĩ căn thì liền nhớ mãi, không còn quên một câu kinh hay một bài kệ nữa!" Trước kia thì họ hay quên, song bây giờ thì không còn quên nữa; cho dù họ muốn quên cũng chẳng thể nào quên được! Những người này ngay cả một câu kinh, một bài kệ tụng cũng không hề quên. Quý vị xem đấy, thật là mầu nhiệm không thể nói được!

Cũng như có người tìm cách để đừng đến Phật Giáo Giảng Đường nữa, song không nghĩ ra cách nào cả, nên vẫn cứ đến đều đặn, kỳ lạ như thế đấy!

KINH VĂN:

"Lại nữa, này Bồ Tát Quán Thế Âm! Vào đời vị lai, nếu có những người nào ăn mặc không đủ, cầu gì cũng trái nguyện, hoặc nhiều bệnh tật, hoặc nhiều sự hung suy, nhà cửa không yên ổn, quyến thuộc bị phân tán, hoặc các hoạnh sự cứ xảy đến làm thiệt thân, khi ngủ thường mộng thấy điều kinh sợ; những người như thế, khi nghe danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng, thấy hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng, mà chí tâm cung kính niệm đủ một vạn biến, thì những sự không như ý sẽ tiêu sạch lần lần, liền

được an vui, đồ ăn mặc dư dật, cho đến trong giấc mộng thảy đều an vui.”

LƯỢC GIẢNG:

“Lại nữa, này Bồ Tát Quán Thế Âm! Vào đời vị lai, nếu có những người nào ăn mặc không đủ ...” Có nhiều người thích mặc áo quần mới nhưng không có tiền để mua sắm. Cũng có ngườiịu chịu mặc đồ cũ song tất cả lại đều rách rưới, muốn tìm một bộ đồ cũ không vá mà chẳng thể nào tìm ra được. Đã vậy, họ ăn bữa nay lo bữa mai, không biết bao nhiêu ngày mới được một bữa no, thường xuyên bị thiếu ăn thiếu mặc.

Lại có những người **“cầu gì cũng trái nguyện.”** “Trái nguyện” tức là trái ngược với nguyện vọng. Họ cầu xin bất cứ điều gì cũng không được toại nguyện. Ngay cả áo quần, các thức ăn uống đều không có, thì quý vị nghĩ xem, những việc khác càng không thể nào toại ý được!

“Hoặc nhiều bệnh tật.” Có nhiều người thì cứ bị ốm đau bệnh hoạn liên miên. Họ đi làm công, buôn bán, hoặc bằng cách nào đó đã kiếm được một ít tiền, tính ra thì cũng đủ sống trong vài tháng; nhưng không may lại bị ngã bệnh bất ngờ. Thế là phải tốn tiền đi khám bác sĩ, rồi tiền mua thuốc, và cả tiền nằm bệnh viện nữa. Vì không có tiền để mua bảo hiểm, cho nên họ không có bảo hiểm về sức khỏe; do đó, hễ có bệnh thì bao nhiêu tiền bạc dành dụm được đều phải đem ra để trang trải. May mắn lắm thì vừa hết tiền thì bệnh cũng vừa khỏi; khỏi bệnh rồi thì lại phải tìm cách kiếm tiền. Kiếm được tiền rồi thì lại ngã bệnh nữa; đó gọi là “nhiều bệnh tật.” Vì sao lại như thế ư? Đó chính là nghiệp chướng!

“Hoặc nhiều sự hung suy.” “Hung” là hung tướng, không tốt lành; “suy” cũng là không tốt lành. “Hung suy” tức là việc dữ, không tốt đẹp gì cả.

“Nhà cửa không yên ổn.” Trong nhà cũng không được êm ấm. Không phải là ngôi nhà không an ổn, mà là những người sống trong nhà không được an ổn.

"Quyến thuộc bị phân tán." Bà con ruột thịt trong gia đình bị chia lìa, không thể thường xuyên gặp gỡ.

"Hoặc các hoạnh sự cứ xảy đến làm thiệt thân." Có nhiều người thường gặp phải những chuyện rủi ro bất ngờ, không tốt cho thân thể. Nhiều việc trái nghịch xảy đến nơi thân thể, không thuận cho thân thể; thí dụ như quý vị muốn không bị bệnh, thì cơ thể lại cứ ốm đau quặt quẹo.

"Khi ngủ thường mộng thấy điều kinh sợ." Có người trong lúc ngủ thường mộng mị thấy những việc đáng sợ, chẳng hạn nằm mơ thấy có người đến giết mình, có người cầm súng bắn mình; hoặc thấy mình đang đi dưới chân một ngọn núi thì bỗng dưng có những tảng đá lớn, nặng đến cả mấy ngàn tấn từ trên đỉnh núi ào ào lăn xuống, tưởng chừng như sắp đè chết mình; hoặc thấy mình đang đứng dưới một bức tường, bỗng dưng tường đổ sụp xuống, suýt bị đè chết. Bấy giờ, trong giấc mộng, người ấy sợ hãi, khiếp đảm đến nỗi toàn thân đều toát mồ hôi.

"Những người như thế, những người thiếu ăn thiếu mặc, cầu gì cũng không được toại nguyện, lại thường đau ốm, gặp nhiều sự không may, gia đình không êm ấm thuận hòa, thân thuộc bị chia cách, luôn bị ác mộng, **khi nghe danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng, thấy hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng, mà chí tâm cung kính niệm đủ một vạn biến, thiết tha thành khẩn trì niệm danh hiệu của Địa Tạng Vương Bồ Tát cho được một vạn lần, thì những sự không như ý sẽ tiêu sạch lần lần, liền được an vui."** Trước kia thì họ không được an vui, bây giờ niệm danh hiệu Bồ Tát Địa Tạng đủ một vạn lần, trong lòng cảm thấy an vui, thư thái.

"Đồ ăn mặc dư dật." Lúc trước thì không đủ cơm ăn áo mặc, không có áo quần cũng không có gì để ăn, song nay thì cái ăn cái mặc đều sung túc, dư dả, cái gì cũng có cả, nên họ cảm thấy rất an vui, "cho đến trong giấc mộng thảy đều an vui."

KINH VĂN:

"Lại nữa, này Bồ Tát Quán Thế Âm! Vào đời vị lai, nếu có người thiện nam thiện nữ nào, hoặc vì việc làm ăn sinh sống, hoặc vì việc công chuyện tư, hoặc vì sự sanh sự tử, hoặc vì việc khẩn cấp, mà phải vào rừng lên núi, qua sông vượt biển, cho đến gặp nước lớn hoặc đi ngang hiểm đạo; người đó trước tiên nên niệm danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát một vạn biến, thì đi qua nơi nào cũng có các vị quỷ thần hộ vệ, đi đứng nằm ngồi mãi mãi được an lạc, cho đến dẫu gặp cọp, sói, sư tử... cùng tất cả mọi thứ độc hại, cũng đều không thể làm thương tổn đến được."

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói tiếp: **"Lại nữa, này Bồ Tát Quán Thế Âm! Vào đời vị lai, nếu có người thiện nam thiện nữ nào, hoặc vì việc làm ăn sinh sống, hoặc vì việc công chuyện tư, hoặc vì sự sanh sự tử** như có kẻ gặp phải vấn đề sống chết, cần phải báo tin cho một ai đó) **hoặc vì việc khẩn cấp, mà phải vào rừng lên núi, qua sông vượt biển, cho đến gặp nước lớn hoặc đi ngang hiểm đạo ..."** "Hiểm đạo" tức là nơi vô cùng nguy hiểm, thường có các thú dữ như chó sói, cọp, beo... rình rập, hoặc bọn thổ phỉ chực sẵn để cướp bóc.

"Người đó trước tiên nên niệm danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát một vạn biến." Những người vì công việc phải dấn thân vào những chốn hiểm nguy như thế, thì trước khi lên đường, họ nên thành tâm trì niệm danh hiệu của Địa Tạng Vương Bồ Tát đủ số mười ngàn lần; vì sao? Bởi nếu họ làm được như thế "thì đi qua nơi nào cũng có các vị quỷ thần hộ vệ, đi đứng nằm ngồi mãi mãi được an lạc."

"Cho đến dẫu gặp cọp, sói, sư tử..., các mãnh thú có thể ăn thịt người, **cùng tất cả mọi thứ độc hại, cũng đều không thể làm thương tổn đến được."** Ngay cả những mãnh thú hay ăn thịt người cũng như các thứ độc hại khác, thảy dều không thể nào gây tổn hại cho người đó được.

Nay những người sắp sang Đài Loan (thọ Cụ Túc Giới, 1969) cũng chớ nên lo lắng thái quá, đi bằng máy bay cũng

không có việc gì đâu! Chỉ cần quý vị dụng công tu tập Bốn Mươi Hai Thủ Nhãn và trì niệm danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng, thì tôi có thể bảo đảm cho sự an toàn của quý vị.

KINH VĂN:

Đức Phật bảo Bồ Tát Quán Thế Âm: "Bồ Tát Địa Tạng có đại nhân duyên với cõi Diêm Phù Đề. Nếu nói về những việc lợi ích nhờ được thấy, được nghe của chư chúng sanh, thì trong cả trăm ngàn kiếp cũng không thể nói hết được.

Vì thế, này Quán Thế Âm! Ông hãy dùng thần lực mà lưu bố kinh này, làm cho chúng sanh ở thế giới Ta Bà trong trăm ngàn vạn kiếp luôn được hưởng sự an lạc."

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật bảo Bồ Tát Quán Thế Âm: **"Bồ Tát Địa Tạng có đại nhân duyên với cõi Diêm Phù Đề. Nếu nói về những việc lợi ích nhờ được thấy, được nghe của chư chúng sanh, thì trong cả trăm ngàn kiếp cũng không thể nói hết được."**

Địa Tạng Vương Bồ Tát vốn có nhân duyên rất lớn với tất cả chúng sanh ở cõi Nam Diêm Phù Đề. Giả sử Đức Phật Thích Ca Mâu Ni kể lể tỉ mỉ về những lợi ích có được nhờ trông thấy hình tượng và nghe đến danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng, thì cho dù trải qua cả trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp, thậm chí cả trăm ngàn vạn kiếp, cũng không thể nào nói hết được.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói tiếp: **"Vì thế, này Quán Thế Âm! Ông hãy dùng thần lực mà lưu bố kinh này, làm cho chúng sanh ở thế giới Ta Bà trong trăm ngàn vạn kiếp luôn được hưởng sự an lạc. Ông hãy dùng sức thần thông của mình mà lưu thông phổ biến Kinh Địa Tạng, khiến cho hết thảy chúng sanh ở thế giới 'kham nhẫn' này, trong trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp, trăm ngàn vạn kiếp, mãi mãi được yên ổn, vui vẻ."**

KINH VĂN:

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói kệ rằng:
"Ta xem Địa Tạng sức oai thần,
Hằng hà sa kiếp nói chẳng cùng.
Thấy, nghe, một niệm chiêm ngưỡng lễ,
Lợi ích trời, người vô lượng sự.
Hoặc nam, hoặc nữ, hoặc rồng, thần,
Báo tận sẽ sa vào đường ác,
Chí tâm quy y thân Đại Sĩ,
Thọ mạng chuyển tăng, tội chướng trừ."

LƯỢC GIẢNG:

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói kệ rằng: ... Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại e rằng có những hạng chúng sanh nghe chưa được rõ, hiểu chưa được thấu đáo, cho nên Ngài dùng lối kệ tụng để trùng tuyên một lần nữa.

Vậy, Đức Phật bảo Bồ Tát Quán Thế Âm rằng: **"Ta xem Địa Tạng sức oai thần,/ Hằng hà sa kiếp nói chẳng cùng.** Ta, Phật Thích Ca Mâu Ni, quán sát sức thần thông cùng oai đức của Địa Tạng Vương Bồ Tát, và nhận thấy rằng cho dù có dùng khoảng thời gian dài, trải qua số kiếp nhiều như số cát sông Hằng để nói về sức oai thần này, thì cũng khó mà nói cho hết được."

"Thấy, nghe một niệm chiêm ngưỡng lễ,/ Lợi ích trời, người vô lượng sự." Nếu người nào trông thấy hình tượng của Địa Tạng Vương Bồ Tát và nghe được danh hiệu của Ngài mà liền sanh lòng cung kính đảnh lễ, dù chỉ trong một niệm ngắn ngủi, thì trong tương lai người đó sẽ được hưởng vô lượng vô biên sự lợi ích như được sanh lên cõi trời, hoặc sanh ở cõi người.

"Hoặc nam, hoặc nữ, hoặc rồng, thần,/ Báo tận sẽ sa vào đường ác,/ Chí tâm quy y thân Đại Sĩ,/ Thọ mạng chuyển tăng, tội chướng trừ." Giả sử có người nam, người nữ, hoặc có vị trời, rồng, quỷ, thần... nào mà thân chánh báo đã hết, thọ mạng đã mãn, sắp phải bị đọa vào ba đường ác, nếu kẻ ấy có thể thành tâm khẩn thiết quy y Bồ Tát Địa Tạng, thì tuổi thọ của kẻ ấy sẽ được gia tăng và hết thảy tội chướng sẽ được tiêu trừ.

KINH VĂN:

"Trẻ thơ sớm mất tình phụ mẫu,
Chẳng rõ thần hồn lạc nơi đâu,
Anh em chị em cùng thân thuộc,
Sanh trưởng đến nay chẳng biết nhau.
Hoặc nặn hoặc vẽ hình Đại Sĩ,
Cảm thương chiêm lễ chẳng muốn rời,
Hăm mốt ngày luôn niệm danh hiệu,
Bồ Tát tất hiện thân vô biên,
Chỉ rành quyến thuộc ở nơi nao,
Dầu sa ác thú cũng ra mau;
Nếu được sơ tâm chẳng thối thất,
Liền đặng xoa đảnh, thọ Thánh ký."

LƯỢC GIẢNG:

"Trẻ thơ sớm mất tình phụ mẫu,/ Chẳng rõ thần hồn lạc nơi đâu." Có nhiều người lúc còn thơ ấu đã bị lâm vào tình cảnh thiếu thốn tình gia đình do bị mất cha, mất mẹ, hoặc mất anh chị em quá sớm. Thế nên, đến khi khôn lớn trưởng thành, những kẻ mồ côi đó thường ưu tư khắc khoải, không biết thân nhân của mình thác sanh ở chốn nào, hồn phách phiêu bạt nơi đâu.

"Anh em, chị em, cùng thân thuộc,/ Sanh trưởng đến nay chẳng biết nhau." Lại có những kẻ từ lúc sanh ra cho đến nay chưa hề gặp, chưa hề biết mặt anh em, chị em cùng những người bà con ruột thịt của họ.

"Hoặc nặn hoặc vẽ hình Đại Sĩ,/ Cảm thương chiêm lễ chẳng muốn rời." Những người ấy hoặc dùng đất sét, gỗ, đá, đồng, sắt, vàng, bạc, ... để tạo tượng Bồ Tát Địa Tạng, hoặc tô vẽ hình Bồ Tát Địa Tạng trên giấy. Bấy giờ, trong lòng họ nảy sanh cảm giác buồn rầu, đau xót, cứ lưu luyến ngắm nhìn và thường xuyên thành tâm đảnh lễ hình tượng Bồ Tát Địa Tạng, không muốn xa rời.

"Hăm mốt ngày luôn niệm danh hiệu,/ Bồ Tát tất hiện thân vô biên,/ Chỉ rành quyến thuộc ở nơi nao,/ Dầu sa ác thú cũng ra mau." Trong suốt thời gian ba tuần lễ, nếu những người đó có thể lúc nào cũng một lòng trì niệm danh hiệu của Địa Tạng Vương Bồ Tát, thì Ngài sẽ thị hiện Pháp thân vô biên mà báo cho biết nơi thác sanh của cha, mẹ, hoặc anh em, chị em của họ; trong trường hợp thân nhân của họ đang bị đọa lạc trong bốn đường ác, thì cũng sẽ mau chóng được thoát ra.

"Nếu được sơ tâm chẳng thối thất,/ Liền đặng xoa đảnh, thọ Thánh ký." Giả sử những người đó có thể kiên trì, không thối chuyển, không quên mất cái tâm niệm ban đầu, thì bấy giờ sẽ được Bồ Tát Địa Tạng xoa đảnh, thọ ký cho.

KINH VĂN:

"Bồ Đề vô thượng muốn tu hành,
Thậm chí lìa xa khổ Tam Giới,
Người này đã phát đại bi tâm,
Trước nên chiêm lễ tượng Đại Sĩ,
Hết thảy nguyện ước chóng thành tựu,
Nghiệp chướng vĩnh viễn chẳng ngăn đặng.
Có người phát tâm tụng kinh điển,
Muốn độ quần mê vượt bỉ ngạn,
Dầu lập thệ nguyện chẳng nghĩ bàn,
Đọc rồi liền quên, luôn sót mất.
Người này nghiệp chướng khiến u mê,
Học Đại Thừa kinh chẳng nhớ được.
Cúng dường Địa Tạng với hương hoa,
Y phục, uống ăn, cùng ngoạn cụ,
Bày chén nước trong trước Đại Sĩ,
Cách một ngày sau bưng lấy uống.
Sanh lòng trân trọng, cữ ngũ tân,
Rượu, thịt, tà dâm, cùng vọng ngữ.

Hăm mốt ngày liền chớ sát sanh,
Chí tâm nhớ tưởng Đại Sĩ danh.
Trong mộng tất thấy thân vô biên,
Thức giấc nhĩ căn liền lanh lợi,
Đại Thừa kinh giáo nghe qua tai,
Suốt ngàn vạn đời mãi chẳng quên.
Chính nhờ Đại Sĩ bất tư nghì,
Thầm giúp người kia được huệ tài.”

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói tiếp: **“Bồ Đề vô thượng muốn tu hành,/ Thậm chí lìa xa khổ Tam Giới,/ Người này đã phát đại bi tâm,/ Trước nên chiêm lễ tượng Đại Sĩ,/ Hết thảy nguyện ước chóng thành tựu,/ Nghiệp chướng vĩnh viễn chẳng ngăn đặng.”** Giả sử có những người thiết tha muốn tu tập đạo giác ngộ cao tột, cho đến phát tâm cầu thoát khỏi mọi khổ não trong ba cõi Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Những kẻ đã phát tâm từ bi rộng lớn dường ấy, thì trước tiên nên đối trước tượng của Địa Tạng Vương Bồ Tát mà chí thành cung kính chiêm ngưỡng và đảnh lễ. Được như thế thì tất cả các nguyện ước mong cầu của họ đều thành tựu một cách mau chóng, và mãi mãi không có nghiệp chướng nào có thể cản trở sự tu đạo của họ.

“Có người phát tâm tụng kinh điển,/ Muốn độ quần mê vượt bỉ ngạn,/ Dầu lập thệ nguyện chẳng nghĩ bàn,/ Đọc rồi liền quên, luôn sót mất.” Giả sử có những người phát tâm Bồ Tát Đại Thừa, muốn học thuộc, tụng niệm các kinh điển Đại Thừa. Vì sao chúng ta học kinh điển? Chính là vì muốn cứu vớt tất cả chúng sanh, những kẻ còn trầm luân mê muội, ra khỏi Tam Giới, đến được bờ giác ngộ ở bên kia.

Tuy lập thệ nguyện không thể nghĩ bàn như thế, nhưng đối với kinh điển Đại Thừa, họ đọc qua một lần cũng không nhớ được, đọc lại lần thứ hai cũng vẫn quên, cứ đọc rồi lại quên. “Đọc rồi liền quên, luôn sót mất” có nghĩa là học đâu quên đó, không thể nào nhớ được những chữ, những câu trong kinh điển;

thậm chí nhìn vào kinh để đọc cũng đọc sai nữa, cho nên càng không thể nào học thuộc được.

"Người này nghiệp chướng khiến u mê,/ Học Đại Thừa kinh chẳng nhớ được." Vì sao những người này gặp phải tình trạng như vậy? Bởi vì họ bị nghiệp chướng rất nặng nề ngăn che, khiến họ không thể nhớ được kinh điển. Đối với kinh điển Đại Thừa, họ làm cách nào cũng không thể học thuộc được. Vậy thì phải làm thế nào?

"Cúng dường Địa Tạng với hương hoa,/ Y phục, uống ăn, cùng ngoạn cụ." Những người này nên dùng hương, hoa, đèn dầu, đèn cầy, trái cây, hoặc y phục còn mới, thực phẩm tươi tốt, cũng như các món đồ chơi để cúng dường Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Ngoài ra, họ cũng nên **"bày chén nước trong trước Đại Sĩ,/ Cách một ngày sau bưng lấy uống."** Lại đem một chén nước sạch đặt trước tượng của Bồ Tát Địa Tạng, rồi trong suốt một ngày một đêm, quỳ trước tượng mà dập đầu đảnh lễ, sau đó mới bưng chén nước và quay mặt về hướng Nam mà uống cạn.

"Sanh lòng trân trọng, cữ ngũ tân." Phải phát lòng ân cần, trân trọng, hết sức thiết tha thành khẩn, không được thờ ơ lơ đãng, và tuyệt đối không được ăn năm thứ hăng nồng là tỏi, hành, hẹ, kiệu, nén (hưng cừ). Ăn năm loại này thì trong miệng có mùi rất hôi hám, nên đối với việc tụng kinh và đối với Đức Phật đều là một sự bất kính, vì thế mà phải ngăn cấm.

"Rượu, thịt, tà dâm, cùng vọng ngữ." Ngoài ra, cũng phải tuyệt đối cấm dùng rượu, thịt, cấm tà dâm và cấm nói dối; đó cũng chính là tuân thủ năm giới cấm—không giết hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, và không uống rượu.

"Hăm mốt ngày liền chớ sát sanh." Trong ba tuần lễ, tức là hai mươi mốt ngày phải không được sát sanh, không được trộm cắp, không được tà dâm, không được nói dối, không được uống rượu.

"Chí tâm nhớ tưởng Đại Sĩ danh." "Chí tâm" tức là không xen tạp niệm nào khác, chỉ thuần thành một lòng trì niệm danh

hiệu Địa Tạng Vương Bồ Tát, cùng nhớ nghĩ về nguyện lực và việc làm của Ngài mà thôi.

"Trong mộng tất thấy thân vô biên." Nếu có thể chí tâm thuần thành đến cực điểm thì trong giấc ngủ sẽ chiêm bao thấy được hình tượng, Pháp thân vô biên của Bồ Tát Địa Tạng.

"Thức giấc nhĩ căn liền lanh lợi,/ Đại Thừa kinh giáo nghe qua tai,/ Suốt ngàn vạn đời mãi chẳng quên." Và đến lúc thức dậy thì sẽ được nhĩ căn lanh lợi, nhạy bén, điều gì cũng chỉ nghe một lần là nhớ mãi, vĩnh viễn không bao giờ quên. Các kinh giáo, kinh điển Đại Thừa, họ chỉ cần nghe qua một lần thì trong ngàn vạn đời còn không quên nghĩa lý hàm chứa trong kinh, huống chi là một đời?

"Chính nhờ Đại Sĩ bất tư nghì,/ Thầm giúp người kia được huệ tài." Những nhân duyên đã nói ở trước là do thần thông không thể nghĩ bàn, cảnh giới không thể nghĩ bàn của Bồ Tát Địa Tạng mà có được. Ngài Địa Tạng có thần lực "cảm ứng Đạo giao", có thể khiến cho người kém trí nhớ có được trí nhớ tốt, kẻ ngu si kém cỏi được trở thành thông minh lanh lợi.

KINH VĂN:

"Chúng sanh nghèo khổ lại bệnh tật,
Nhà cửa hung suy, quyến thuộc lìa,
Ngủ mê mộng mị không an giấc,
Cầu chi cũng hỏng, chẳng toại lòng,
Chí tâm chiêm lễ tượng Địa Tạng,
Tất cả việc ác thảy tiêu trừ,
Cho đến mộng mị đều an ổn,
Quỷ thần ủng hộ, dư ăn mặc.
Muốn vào núi rừng, qua sông biển,
Cầm thú độc dữ cùng người ác,
Ác thần, ác quỷ, với ác phong,
Hết thảy tai nạn, mọi khổ não,

Chỉ cần chiêm lễ cùng cúng dường,
Địa Tạng Bồ Tát Đại Sĩ tượng,
Núi rừng biển cả dẫu có vào,
Tất cả sự ác đều tiêu sạch.
Quán Âm hãy lắng nghe Ta nói,
Địa Tạng vô tận không nghĩ bàn,
Trăm ngàn muôn kiếp chẳng kể xiết,
Rộng tuyên Đại Sĩ sức như vậy!
Như người nghe đến Địa Tạng danh,
Thậm chí thấy hình cùng chiêm lễ,
Hương hoa, thực phẩm, và y phục,
Cúng dường trăm ngàn hưởng diệu lạc.
Nếu đem hồi hướng khắp Pháp Giới,
Rốt ráo thành Phật, thoát sanh tử.
Vì thế, Quán Âm, ông hãy nên,
Bảo khắp Hằng sa các cõi nước!"

LƯỢC GIẢNG:

"Chúng sanh nghèo khổ lại bệnh tật,/ Nhà cửa hung suy, quyến thuộc lìa,/ Ngủ mê mộng mị không an giấc." Giả sử có những chúng sanh rất nghèo nàn khốn khổ, thường ốm đau bệnh hoạn, nhà cửa xảy ra nhiều tai họa, lắm việc không may, gia cảnh sa sút lụn bại, hoặc họ hàng thân thuộc bị chia lìa xa cách... khiến cho họ trong lúc ngủ cứ gặp toàn ác mộng, chiêm bao thấy những việc hung hiểm, đáng sợ.

"Cầu chi cũng hỏng, chẳng toại lòng." "Toại lòng" tức là vừa lòng hợp ý, cầu chi được nấy. Có nhiều người bất luận phát thệ nguyện gì hoặc mong cầu điều gì, thì đều bị trái nghịch, không được toại nguyện, không được như ý mình mong đợi; thậm chí trong lúc nằm mộng mà cầu xin việc gì cũng bị trái với tâm nguyện của mình.

"Chí tâm chiêm lễ tượng Địa Tạng,/ Tất cả việc ác thảy tiêu trừ,/ Cho đến mộng mị đều an ổn." Bất luận có vấn đề khó khăn

nạn giải gì, chỉ cần quý vị chí thành khẩn thiết, đến trước tượng Bồ Tát Địa Tạng mà cúi đầu đảnh lễ, thì mọi việc xấu, mọi điều ác, vô hình trung đều được tiêu tan; tất cả sẽ trở nên kiết tường, thuận lợi. Thậm chí trong giấc ngủ, mộng mị cũng đều bình an, tốt lành.

"Quỷ thần ủng hộ, dư ăn mặc." Quý vị thường chiêm ngưỡng lễ lạy Bồ Tát Địa Tạng, thì hết thảy quỷ thần đều theo bảo vệ và khiến cho tất cả sự việc của quý vị đều được như ý tốt đẹp; y phục, vật thực đều được dồi dào, dư ăn dư mặc.

"Muốn vào núi rừng, qua sông biển,/ Cầm thú độc dữ cùng người ác." Giả sử có những người phải dấn thân vào hiểm đạo như vào rừng sâu núi cao hoặc vượt qua biển cả gió to sóng lớn, nơi có người ác, giặc cướp hoặc rồng độc, thú dữ, hổ beo ... luôn rình rập.

"Ác thần, ác quỷ, với ác phong." Đừng cho rằng các vị thần đều là thiện thần cả đâu! Thần cũng có thiện thần, ác thần, và quỷ cũng có thiện quỷ, ác quỷ. Ngay cả gió cũng có gió dữ (ác phong) tức là sóng gió do yêu ma quỷ quái gây nên.

"Hết thảy tai nạn, mọi khổ não,/ Chỉ cần chiêm lễ cùng cúng dường,/ Địa Tạng Bồ Tát Đại Sĩ tượng." Trước khi phải đối diện với những tai nạn, những sự thống khổ như thế, quý vị nên chiêm lễ Bồ Tát Địa Tạng và cúng dường thánh tượng của Bồ Tát Địa Tạng, thì "núi rừng biển cả dẫu có vào,/ Tất cả sự ác đều tiêu sạch." Bấy giờ, các ác nhân, ác thú, ác cầm ở chốn núi rừng cùng các ác long, ác quỷ, ác thần nơi biển cả, hết thảy sự ác đều sẽ bị tiêu diệt, bặt tăm bặt tích.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy tiếp: "Quán Âm hãy lắng nghe Ta nói,/ Địa Tạng vô tận không nghĩ bàn,/ Trăm ngàn muôn kiếp chẳng kể xiết,/ Rộng tuyên Đại Sĩ sức như vậy! Này Bồ Tát Quán Thế Âm! Ông hãy chí tâm lắng nghe Ta nói đây: Oai thần nguyện lực và hết thảy mọi thứ của Bồ Tát Địa Tạng đều là bất khả tư nghị, không thể suy lường, không thể bàn luận. Chớ bảo rằng Ta tuyên nói trong một thời gian ngắn ngủi như thế, cho dù

có nói suốt cả thời gian dài bằng cả trăm ngàn vạn ức kiếp đi chăng nữa, cũng chẳng thể nào nói cho xiết được.”

“Như người nghe đến Địa Tạng danh,/ Thậm chí thấy hình cùng chiêm lễ,/ Hương hoa, thực phẩm, và y phục.” Nếu có người nghe đến danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng, hoặc không chỉ nghe danh mà còn thấy tượng của Bồ Tát Địa Tạng nữa, hoặc là đối trước tượng của Bồ Tát Địa Tạng mà chiêm ngưỡng lễ bái, dùng đủ thứ hương, hoa, y phục, đồ ăn thức uống, để cúng dường, thì “cúng dường trăm ngàn hưởng diệu lạc.” Bởi cúng dường Bồ Tát Địa Tạng thì thù thắng hơn cúng dường các Bồ Tát khác gấp trăm ngàn vạn ức lần, cho nên trong tương lai nhất định sẽ được hưởng sự diệu lạc thù thắng.

“Nếu đem hồi hướng khắp Pháp Giới,/ Rốt ráo thành Phật, thoát sanh tử.” Nếu quý vị có thể đem công đức có được từ sự cúng dường Bồ Tát Địa Tạng, lễ bái Bồ Tát Địa Tạng, hoặc xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Địa Tạng, mà hồi hướng cho tất cả chúng sanh trong Pháp Giới, thì tương lai quý vị nhất định sẽ thành Phật, liễu sanh thoát tử.

“Vì thế, Quán Âm, ông hãy nên,/ Bảo khắp Hằng sa các cõi nước! Thế nên, này Bồ Tát Quán Thế Âm! Ông cần phải biết rằng ông nên đi tuyên nói công đức thần thông diệu dụng của Bồ Tát Địa Tạng, phổ cáo cho khắp chúng sanh trong hằng hà sa số cõi nước được biết rõ. Thay thế Bồ Tát Địa Tạng hoằng dương nguyện lực của ông ấy, đó chính là việc mà ông cần phải làm vậy!”

KINH ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỔN NGUYỆN THIỂN THÍCH

Quyển Hạ

Phẩm Thứ Mười Ba

GIAO PHÓ CHO TRỜI NGƯỜI

Đây là phẩm Giao Phó Cho Trời Người (Chúc Lụy Nhân Thiên), phẩm thứ mười ba và cũng là phẩm cuối cùng của bộ Kinh Địa Tạng.

Thế nào gọi là "chúc"? "Chúc" là chúc phó, có nghĩa là giao phó, ủy thác cho; "lụy" là lao lụy, tức là khó nhọc, mệt nhọc. "Chúc lụy nhân thiên" có nghĩa là phó thác cho loài người ở nhân gian và thiên nhân trên cõi trời công việc hoằng dương Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện, làm cho bộ kinh này được truyền bá rộng rãi, khiến tất cả chúng sanh đều được thấm nhuần những lợi ích của pháp môn này.

KINH VĂN:

Lúc đó, Đức Thế Tôn giơ cánh tay sắc vàng xoa đảnh Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát mà bảo rằng: "Này Địa Tạng! Địa Tạng! Thần lực của ông không thể nghĩ bàn, đức từ bi của ông không thể nghĩ bàn, trí huệ của ông không thể nghĩ bàn, biện tài của ông không thể nghĩ bàn. Dầu cho chư Phật ở mười phương khen ngợi tuyên nói những sự không nghĩ bàncủa ông, trong ngàn vạn kiếp cũng chẳng nói hết được.

Này Địa Tạng! Địa Tạng! Ông hãy nhớ hôm nay Ta, trong cung trời Đao Lợi, nơi đại hội có trăm ngàn vạn ức không thể nói hết, không thể nói hết tất cả chư Phật, chư Bồ Tát, cùng Thiên Long Bát Bộ, một lần nữa đem các chúng sanh trong cõi trời, người, những kẻ còn ở trong nhà lửa, chưa ra khỏi Tam Giới, mà giao phó cho ông.

Ông đừng để cho các chúng sanh đó bị đọa vào đường ác dù là một ngày một đêm, huống là để cho họ phải đọa lạc vào địa ngục Ngũ Vô Gián cùng địa ngục A-tỳ, trải đến ngàn vạn ức kiếp không lúc nào ra khỏi!

Này Địa Tạng! Chúng sanh ở cõi Nam Diêm Phù Đề này chí tánh không định, kẻ quen theo thói ác thì nhiều."

LƯỢC GIẢNG:

Lúc đó, Đức Thế Tôn giơ cánh tay sắc vàng xoa đảnh Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát mà bảo rằng..."

Trong Phật Giáo, xoa đảnh là một cử chỉ biểu lộ lòng từ bi ái hộ. Ở phẩm trước, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã xoa đảnh Bồ Tát Địa Tạng rồi, bây giờ Đức Phật lại đặc biệt xoa đảnh vị Đại Bồ Tát này thêm một lần nữa, rồi nói rằng: **"Này Địa Tạng! Địa Tạng! Thần lực của ông khó thể nghĩ bàn."** Thần thông của ông, năng lực của ông, thật không có vị Bồ Tát nào có thể sánh bằng! Sức thần thông này vốn chẳng thể suy lường, chẳng thể luận bàn (có thể nói rằng trội hơn tất cả và là một sự đặc biệt trong những sự đặc biệt) thần lực của Bồ Tát Địa Tạng thật chẳng thể nghĩ, chẳng thể bàn được!

"Đức từ bi của ông không thể nghĩ bàn." Lòng từ bi của Bồ Tát Địa Tạng đối với chúng sanh cũng chẳng thể nghĩ, chẳng thể bàn được. Ngài từng phát nguyện rằng:

"Địa ngục chưa trống không, tôi thề chưa thành Phật,
Chúng sanh độ hết rồi, tôi mới chứng Bồ Đề."

Tâm lượng đại từ đại bi bao la như thế rất hiếm có. Các vị Bồ Tát khác, không có vị nào phát đại nguyện lực lớn lao dường ấy, chỉ có Bồ Tát Địa Tạng mới có nguyện lực đại từ đại bi như vậy.

"Trí huệ của ông không thể nghĩ bàn." Trí huệ rộng lớn của Bồ Tát Địa Tạng cũng rất ít Bồ Tát có thể sánh kịp, cho đến đại trí đại huệ của Ngài cũng chẳng thể nghĩ, chẳng thể bàn được.

"Biện tài của ông không thể nghĩ bàn." Có bốn loại biện tài vô ngại là Từ vô ngại biện, Nghĩa vô ngại biện, Nhạo thuyết vô ngại biện, và Pháp vô ngại biện. Tài biện luận không hề bị trở ngại của Bồ Tát Địa Tạng cũng chẳng thể nghĩ, chẳng thể bàn được.

"Dầu cho chư Phật ở mười phương khen ngợi tuyên nói những sự không nghĩ bàncủa ông, trong ngàn vạn kiếp cũng chẳng nói hết được!" Giả sử có thỉnh mời chư Phật trong khắp mười phương ngợi khen những kỳ tích bất khả tư nghị cũng như những sự vi diệu về thần lực, đức từ bi, trí huệ, cùng biện tài của Bồ Tát Địa Tạng, thì cho dù trải qua một ngàn đại kiếp, một vạn đại kiếp cũng không thể nào kể cho xiết, nói cho cùng được!

"Này Địa Tạng! Địa Tạng! Ông hãy nhớ hôm nay Ta, Phật Thích Ca Mâu Ni, trong cung trời Đao Lợi, nơi đại hội có trăm ngàn vạn ức không thể nói hết, không thể nói hết tất cả chư Phật, chư Bồ Tát, cùng Thiên Long Bát Bộ, trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, cùng nhân và phi nhân, **một lần nữa đem các chúng sanh trong cõi trời, người**, những chúng sanh ở cõi người và những chúng sanh trên cõi trời, những kẻ còn ở trong nhà lửa, chưa ra khỏi Tam Giới, Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, **mà giao phó**

cho ông. Ta nay phó thác, gởi gắm những chúng sanh này cho ông!”

Vậy, **“ông đừng để cho các chúng sanh đó bị đọa vào đường ác dù là một ngày một đêm, huống là để cho họ phải đọa lạc vào địa ngục Ngũ Vô Gián cùng địa ngục A-tỳ, trải đến ngàn vạn ức kiếp không lúc nào ra khỏi!** Ông cần phải bảo hộ tất cả những chúng sanh đó, làm cho họ không bị đọa lạc vào ác đạo.”

“A-tỳ” cũng gọi là “vô gián”; địa ngục Đại A-Tỳ chính là địa ngục Đại Vô Gián.

Quý vị nên biết, một ngày một đêm ở cõi trời Tứ Thiên Vương dài bằng năm mươi năm ở cõi nhân gian của chúng ta; còn một ngày một đêm ở cõi nhân gian chúng ta thì dài bằng năm trăm năm ở chốn địa ngục. Tại sao như vậy? Bởi vì đời sống ở cõi trời vô cùng vui sướng, mà khi vui vẻ sung sướng thì người ta cảm thấy thời giờ trôi qua rất nhanh! Ở cõi nhân gian vì có khổ não, cho nên năm mươi năm của chúng ta là một thời gian rất dài, song đó chẳng qua chỉ bằng một ngày một đêm trên cõi trời mà thôi.

Lại nữa, một ngày một đêm ở cõi nhân gian của chúng ta thì tương đương với năm trăm năm ở chốn địa ngục. Nếu so với cõi nhân gian thì ở địa ngục còn thống khổ hơn nhiều, mà khi phải chịu thống khổ thì người ta cảm thấy thời giờ trôi qua rất chậm chạp. Như khi chúng ta phải làm một việc gì đó chẳng hạn, nếu trong lòng cứ đắn đo, phiền muộn, thì sẽ thấy ngày dài lê thê; còn nếu tâm trí thơ thới, vui vẻ, thì lại thấy thời giờ trôi qua vùn vụt, hết một ngày lúc nào không hay!

Sau khi căn dặn Bồ Tát Địa Tạng chớ để cho các chúng sanh đó bị đọa vào địa ngục Vô Gián dù chỉ trong một ngày một đêm, huống hồ là vĩnh viễn không có ngày được thoát ra, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại gọi: “Này Địa Tạng! Chúng sanh ở cõi Nam Diêm Phù Đề này chí tánh không định, kẻ quen theo thói ác thì nhiều.”

Chí khí và tâm tánh của tất cả chúng sanh ở thế giới "kham nhẫn," tức cõi Ta Bà ở Nam Thiệm Bộ Châu, đều không được an định, có lúc họ tin có lúc họ lại không tin, cứ luôn thay đổi. Đã thế, đa số lại tiêm nhiễm nhiều thói ác. Ví dụ có nhiều người, nếu quý vị mời họ đến nghe kinh, thì họ lại có vẻ không thích, không hăng hái lắm; đặc biệt là họ còn lo sợ rằng nghe kinh rồi thì bao nhiêu tội ác của họ sẽ biến mất hết!!! Vì sao ư? Đó là vì họ đã quen làm điều ác, lại còn tìm cách che đậy tội lỗi của mình, không muốn sửa đổi, chẳng chịu hối cải.

Ví dụ trò cờ bạc, nhiều người chẳng cần phải có ai bày vẽ cho cả, chỉ đến sòng bài nhìn lướt qua một lượt là tự nhiên biết cách bấm máy, thắng hay thua, được hay mất, thì từ từ tự rút kinh nghiệm. Những người thường đến các sòng bài ở Reno, Las Vegas, đều rất thông minh, họ chỉ nhìn thoáng qua là biết cách chơi ngay, chẳng cần ai chỉ dẫn mà vẫn rất thành thạo. Tuy nhiên, nếu quý vị bảo họ học điều hay lẽ phải, thì dù có tận tâm dạy dỗ đến thế nào đi nữa, họ cũng không lãnh hội được; cho nên nói "kẻ theo thói ác thì nhiều."

Đức Phật đã sớm biết rõ mọi thói hư tật xấu của chúng sanh chúng ta; nhìn chúng sanh chúng ta, Ngài thấu rõ được đến tận xương tủy, biết được những gì đang tiềm ẩn trong tận cùng tâm tánh của chúng ta!

KINH VĂN:

"Dầu phát thiện tâm nhưng chốc lát liền thối thất; nếu gặp ác duyên thì niệm niệm tăng trưởng. Vì thế cho nên, Ta phải phân thân này ra làm trăm ngàn ức để hóa độ, tùy theo căn tánh mà độ thoát cho họ."

LƯỢC GIẢNG:

"Dầu phát thiện tâm nhưng chốc lát liền thối thất." "Chốc lát" là khoảng thời gian hết sức ngắn ngủi. chỉ trong một thoáng là liền thối thất thiện tâm, không còn gì cả.

Có nhiều người phát tâm làm việc thiện nhưng chẳng được bao lâu lại hối tiếc: "Ôi! Tôi bố thí nhiều như vậy, chẳng biết có

được đền bù cái gì không?" Như vua Lương Võ Đế cũng đã từng thắc mắc: "Tôi cất biết bao nhiêu là cảnh chùa, giúp độ được biết bao nhiêu là Tăng sĩ, lại từng bố thí cúng dường nhiều vô số kể; vậy chẳng hay công đức của tôi to lớn đến cỡ nào? Chẳng hay tôi có được công đức hay chăng?" Và sau đó thì nhà vua lại sanh lòng thối chuyển.

"Nếu gặp ác duyên thì niệm niệm tăng trưởng." "Ác duyên" tức là duyên bất tịnh, mà duyên bất tịnh lại chính là nhân duyên đọa lạc! Phàm quý vị gây ra những nhân duyên đọa lạc thì đều được xem như là gây tạo ác duyên, chẳng hạn như làm những việc ngu xuẩn, khởi lòng sân hận, hoặc sanh lòng tham vậy. Nếu quý vị có tâm tham dục thì sẽ tham tài, tham sắc; có tâm sân hận thì sẽ muốn giết người, đốt nhà; có tâm ngu si thì sẽ muốn đạt được những điều không thể đạt được. Đó đều là những ác duyên. Một khi gặp phải ác duyên thì thói ác mỗi niệm mỗi tăng trưởng, cái niệm xấu ác, cái tâm xấu ác mỗi lúc mỗi lớn mạnh hơn.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói tiếp: **"Vì thế cho nên, Ta phải phân thân này ra làm trăm ngàn ức để hóa độ.** Bởi chúng sanh khó độ như vậy, dầu họ có phát thiện tâm đi nữa thì cũng chỉ trong khoảnh khắc là liền thối thất, nếu lại gặp ác duyên thì tâm ác càng lúc càng tăng trưởng; cho nên Ta, Phật Thích Ca Mâu Ni, phải phân chia thân hình của Ta, dùng trăm ngàn vạn ức pháp môn phương tiện để giáo hóa chúng sanh, **tùy theo căn tánh mà độ thoát cho họ**, khiến cho tất cả đều được ly khổ đắc lạc."

KINH VĂN:

"Này Địa Tạng! Nay Ta ân cần đem chúng trời, người giao phó cho ông. Vào đời vị lai, nếu có hàng trời, người cùng thiện nam thiện nữ nào, ở trong Phật Pháp mà trồng chút thiện căn chừng bằng một mảy lông, một hạt bụi, một hạt cát, một giọt nước, thì ông nên dùng Đạo lực mà ủng hộ người đó, làm cho lần lần tu Đạo Vô Thượng, chớ để thối thất."

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại nói: **“Này Địa Tạng! Nay Ta ân cần đem chúng trời, người giao phó cho ông.** Ta kỳ vọng rất lớn nơi ông. Ta đem hết thảy chúng sanh trên cõi trời và ở cõi nhân gian mà phó thác, gởi gắm cho ông.”

“Vào đời vị lai, nếu có hàng trời, người cùng thiện nam thiện nữ nào ...” “Đời vị lai” tức là chỉ cho thế hệ chúng ta, bao gồm tất cả quý vị và tôi hiện nay. Đương thời, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni “ký hiệp ước,” phó thác chúng sanh cho Bồ Tát Địa Tạng; trong số các chúng sanh đó thì có cả quý vị và tôi nữa, bởi Đức Phật có nói là các “thiện nam thiện nữ”!

Quý vị đều là những “thiện nam tử, thiện nữ nhân,” mà tôi cũng là một trong những “thiện nam tử, thiện nữ nhân”; chúng ta tuyệt đối không phải là các “ác nam tử, ác nữ nhân”! “Ác nam tử, ác nữ nhân” thì không thể nào ngồi yên ở đây được; bởi nếu đến đây, họ sẽ ngồi trên ghế nệm êm ái mà cứ thấy xốn xang như ngồi trên bàn đinh, chỉ chực nhổm dậy bỏ chạy. Còn quý vị là những “thiện nam tử, thiện nữ nhân,” hễ đến được chốn này thì ngồi xuống rồi là không muốn bỏ đi nữa, càng nghe giảng càng thấy thích thú, càng thấy thấm thía, có ý nghĩa, cho nên chẳng muốn ra về.

“Ở trong Phật Pháp mà trồng chút thiện căn ...” Quý vị xem, chúng ta có hy vọng rồi đó! Tất cả chúng ta đều không nên lo lắng bởi vì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và Bồ Tát Địa Tạng đã “ký hiệp ước” với nhau rồi, đã “bàn giao” hết sức rõ ràng rồi! Đức Phật nói rằng: “Trong Phật Pháp, nếu có kẻ nào chỉ cần trồng một chút căn lành, chừng bằng một mảy lông, một hạt bụi, một hạt cát, một giọt nước, thì ông (Bồ Tát Địa Tạng) nên dùng Đạo lực mà ủng hộ người đó. Tuy rằng việc thiện mà họ làm được còn ít ỏi, nhưng đều phát xuất từ thiện tâm, ông phải dùng Đạo nhãn để quán sát, vận dụng Đạo lực (thần thông, thần lực, đức từ bi, trí huệ, biện tài) của mình để bảo vệ ủng hộ những người mới trồng được đôi chút thiện căn này, làm cho lần lần tu Đạo Vô Thượng, chớ để thối thất. Ông phải khiến cho họ mỗi

ngày mỗi tu nhiều thêm một chút, mỗi ngày mỗi hiểu rõ về Đạo Vô Thượng hơn một chút, đừng để cho họ thối thất tâm Bồ Đề."

Có người hoài nghi: "Trong kinh nói rằng mặc dù trồng ít căn lành như vậy mà vẫn được Bồ Tát Địa Tạng ủng hộ; song chúng con làm rất nhiều việc thiện mà sao lại không thấy có được sự ủng hộ của Ngài? Vì sao chúng con chưa thấy Địa Tạng Vương Bồ Tát đến ủng hộ mình?"

Quý vị chưa thấy Bồ Tát Địa Tạng ủng hộ quý vị ư? Quý vị có biết được không? Quý vị thử nghĩ lại xem, quý vị có từng bị xe đụng đáng lẽ phải chết, thế mà quý vị chỉ bị thương xoàng thôi chứ không nguy đến tánh mạng? Đó chính là nhờ Bồ Tát Địa Tạng âm thầm che chở cho quý vị vậy! Hoặc là quý vị có lúc đang đau nặng thì bỗng dưng được thuyên giảm, bình phục; nếu không phải nhờ Bồ Tát Địa Tạng che chở thì quý vị có thể có được sự cảm ứng như thế chăng?

Lại có người nói: "Con chưa hề bị xe đụng, cũng chẳng hề đau ốm, thế thì Bồ Tát Địa Tạng không che chở cho con sao?" Ồ! Thế ông còn nhớ không, có một lần ông đi biển, thuyền chòng chành cơ hồ sắp lật úp vậy, nhưng Bồ Tát Địa Tạng đã phù hộ ông, khiến thuyền không bị lật, có điều là ông không hay không biết gì cả đó thôi!

Lại có người nói: "Con chưa hề đi thuyền!" Thì ông có đi máy bay rồi, và máy bay chẳng gặp rủi ro, đó cũng là nhờ được sự bảo hộ của Bồ Tát Địa Tạng đấy!

Lại cũng có nhiều người ngồi trên máy bay mà cứ nơm nớp lo sợ: "Chẳng biết máy bay có bị rớt hay không? Bay cao đến thế kia!" Tại sao họ sợ? Đó là do trong quá khứ họ đã gây tạo nghiệp chướng quá nặng nề, cho nên bây giờ sợ rằng nghiệp chướng này sẽ hại mình bị đọa thêm, vì thế mới sanh lòng sợ hãi. May thay, họ đã học Phật Pháp, cho nên phi cơ không bị rớt!

Có người lại nói: "Tôi không sợ gì cả!" Ông không sợ gì cả ư? Đó là nhờ Bồ Tát Địa Tạng phù hộ và ban cho ông lòng can đảm đấy!

Trên đây là một vài trường hợp điển hình về sự linh cảm của Địa Tạng Vương Bồ Tát. Bất luận quý vị là ai, tất cả quý vị đều nên tin tưởng Địa Tạng Vương Bồ Tát bởi vì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và Ngài đã "ký hiệp ước" tại cung trời Đao Lợi, Ngài sẽ bảo hộ quý vị, tôi và tất cả chúng sanh đời hiện tại, bởi vì đó là trách nhiệm của Ngài, quý vị không thể không tin tưởng!

KINH VĂN:

"Lại nữa, này Địa Tạng! Trong đời vị lai, hoặc trời hoặc người, phải tùy theo nghiệp mà thọ báo ứng, đọa lạc vào ác đạo; lúc sắp bị đọa ác đạo hoặc vừa đến ngưỡng cửa, những chúng sanh đó nếu có thể niệm được danh hiệu của một đức Phật, danh hiệu của một vị Bồ Tát, cùng một câu kinh một bài kệ của kinh điển Đại Thừa, thì ông hãy dùng thần lực, phương tiện để cứu vớt các chúng sanh đó; ở chỗ của các người đó hiện thân vô biên, vì họ mà phá tan địa ngục, làm cho họ được sanh thiên, hưởng sự vui thù thắng vi diệu."

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng...

LƯỢC GIẢNG:

"Lại nữa, này Địa Tạng! Ta lại bảo thêm cho ông rõ một đôi điều nữa. **Trong đời vị lai, hoặc trời hoặc người, phải tùy theo nghiệp mà thọ báo ứng, đọa lạc vào ác đạo; lúc sắp bị đọa ác đạo hoặc vừa đến ngưỡng cửa ..."**

Giả sử vào đời sau, có những thiên nhân trên cõi trời hoặc những người ở cõi nhân gian, vì nghiệp chướng mình trót gây tạo nên phải chịu quả báo bị đọa vào ba đường ác, thì ngay khi họ sắp sửa đọa lạc trong đường ác hoặc vừa đến trước cửa địa ngục, **"những chúng sanh đó nếu có thể niệm được danh hiệu của một đức Phật, danh hiệu của một vị Bồ Tát, cùng một câu kinh một bài kệ của kinh điển Đại Thừa, thì ông hãy dùng thần lực, phương tiện để cứu vớt các chúng sanh đó.** Ông hãy vận dụng sức thần thông của mình đồng thời khéo dùng các quyền xảo phương tiện để cứu độ họ.**"**

Đồng thời, **"ở chỗ của các người đó hiện thân vô biên.** Ngay tại nơi mà những người đó đang cư ngụ, ông hãy hiển bày thân vô biên, thị hiện thần thông với đại oai thần, đại oai đức vô biên của mình. Ông hãy **vì họ mà phá tan địa ngục, làm cho họ được sanh thiên.** Ông hãy vung tích trượng, mở toang cửa địa ngục, phóng thích loài ngạ quỷ, khiến những chúng sanh đang chịu tội khổ đều được sinh về cõi trời, **hưởng sự vui thù thắng vi diệu."**

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng... Lúc đó, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dùng kệ tụng để trùng tuyên lại nghĩa trên như sau:

KINH VĂN:

"*Hiện tại, vị lai chúng thiên, nhân,*
Nay Ta ân cần dặn bảo ông:
Dùng đại thần thông phương tiện độ,
Chớ để đọa vào các ác đạo."

Bấy giờ Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát quỳ gối, chắp tay bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Cúi xin Đức Thế Tôn chớ lo! Trong đời vị lai, nếu có người thiện nam kẻ thiện nữ nào đối với trong Phật Pháp mà có một niệm cung kính, con cũng dùng trăm ngàn phương tiện để độ thoát người đó, làm cho mau được giải thoát trong đường sanh tử; huống nữa là nghe các thiện sự rồi niệm niệm tu hành, thì sẽ tự nhiên ở nơi Đạo Vô Thượng vĩnh viễn được không còn thối chuyển."

LƯỢC GIẢNG:

Lúc bấy giờ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói kệ rằng: "Hiện tại, vị lai chúng thiên, nhân,/ Nay Ta ân cần dặn bảo ông. Ta hiện nay, với lòng hy vọng to lớn nhất, rất ân cần, rất trịnh trọng giao phó cho ông một việc, Ta đem tất cả thiên nhân trên cõi trời, loài người ở nhân gian, cùng hết thảy chúng sanh trong đời hiện tại và vị lai, mà phó thác cho ông, Bồ Tát Địa Tạng."

“Dùng đại thần thông phương tiện độ,/ Chớ để đọa vào các ác đạo. Ông hãy dùng sức thần thông vĩ đại nhất của mình, đồng thời khéo léo vận dụng các quyền xảo phương tiện, ngõ hầu có thể độ thoát hết thảy các chúng sanh đó; đừng để cho họ bị đọa lạc trong các đường ác của A-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.”

Lúc ấy, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát quỳ gối ... Đây là một vị Đại Bồ Tát trong hàng Bồ Tát, là một vị Bồ Tát xuất chúng, Ngài có đại thần thông, đại từ bi, đại trí huệ, đại biện tài. “Đại” ở đây cũng chính là “không thể nghĩ bàn”; mà “không thể nghĩ bàn” cũng chỉ vì Ngài quá vĩ đại.

Vậy, lúc bấy giờ, vị Đại Bồ Tát này quỳ xuống trước mặt Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ba nghiệp thân khẩu ý đều thanh tịnh, **chắp tay bạch cùng Đức Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Cúi xin Đức Thế Tôn chớ lo!** Con nay chỉ mong muốn Đức Thế Tôn đừng lo nghĩ, đừng bận tâm về các chúng sanh nữa. Xin hãy để cho con lo liệu cho các chúng sanh đó, con sẽ đảm đương tất cả. Con sẽ độ cho hết thảy chúng sanh đều được thành Phật; cho nên, con cúi xin Đức Phật hãy an tâm, đừng lo lắng về các chúng sanh hậu thế nữa!”

Địa Tạng Vương Bồ Tát bạch tiếp: **“Trong đời vị lai, nếu có người thiện nam kẻ thiện nữ nào,** bất luận là chúng sanh nào ở địa phương nào hoặc quốc gia nào vào đời sau, **đối với trong Phật Pháp có một niệm cung kính**, chỉ cần chắp tay, hoặc khi thấy tượng Phật thì khẽ cúi đầu, vái một vái, **con cũng dùng trăm ngàn phương tiện để độ thoát người đó,** từ từ dẫn dắt khiến cho người đó được ly khổ đắc lạc, làm cho mau được giải thoát trong đường sanh tử, không còn phải chịu nhiều thống khổ nữa.”

Chúng ta mỗi người đều nên tự hỏi chính mình: Trong đời này kiếp này, mình sanh ra ở cõi đời này, rốt ráo là để làm gì, vì cái gì? Mình cần phải làm những việc gì? Phải chăng mình đến thế giới này là để sống buông thả, sống lây lất, ăn no chờ chết, cứ ăn rồi ngủ, ngủ rồi lại ăn, ăn ngủ chán chê rồi thì chờ chết? Phải

chăng ngày ngày mình đi làm kiếm tiền chỉ vì hai bữa cơm, dăm bộ quần áo? Có phải mình sống là vì những chuyện như thế không?

Nếu quý vị vì những chuyện đó mà sống thì hãy mau mau chết phứt đi cho xong, cho đỡ phiền phức! Bởi như thế thì sống ở thế gian này có ý nghĩa gì chứ? Ăn rồi ngủ, ngủ rồi ăn, cứ thế cho đến già đến chết, thì quả thật là một cuộc sống không có ý nghĩa gì cả! Nói "không có ý nghĩa" là bởi quý vị vì những vấn đề nhỏ nhặt như học thói lường gạt người khác để kiếm chút tiền, hầu duy trì cuộc sống của bản thân, mà đến thế giới này. Nếu chỉ đơn thuần vì các vấn đề nhỏ nhặt (cái ăn, cái mặc, nơi ăn chốn ở) mà lây lất sống ở thế gian này, thì thà là mau mau chết đi còn hơn! Chỉ vì để sinh tồn mà trên thế giới này mọi người đều tất tả bon chen, đầu tắt mặt tối; và do đó mà có rất nhiều phiền não, rất nhiều vấn đề nảy sanh. Những vấn đề này thì khổ não nhiều hơn là vui sướng, khốn khó nhiều hơn an nhàn, cho nên chi bằng chết phứt cho xong!

Thế thì, loài người chúng ta đến thế gian này để làm gì? Chúng ta đến thế gian này là để "tiên giác, giác hậu giác," tức là đem các đạo lý mà mình đã hiểu được giảng giải lại cho những người chưa hiểu, để ai nấy đều được hiểu rõ; bởi nếu người người đều hiểu rõ đạo lý tu hành, thì sẽ không đến nỗi còn nhiều phiền não như thế. Do đó, đây là nghĩa vụ chân chánh của chúng ta.

Lại nữa, chúng ta đến thế giới này, thì cũng nên "hữu công ư thế," đóng góp chút công sức với đời; đồng thời cũng cần phải "hữu đức ư dân," phải có đức hạnh, phải mang lại lợi ích cho mọi người. Phải chính mình làm lợi cho người, chứ đừng đòi hỏi người khác làm lợi cho mình. Chớ nên chỉ biết chờ người ta đến giúp đỡ mình, mà chính mình phải biết giúp đỡ mọi người. Đừng cho rằng để người khác làm giúp thì mình đỡ mệt, và như thế là có lợi cho mình; kỳ thật, đó là bị hố to!

Quý vị giúp đỡ người khác, tức là làm việc tốt. Chúng ta nên làm những việc tốt, có ích cho thiên hạ, thậm chí lợi ích cho

cả thiên hạ trong muôn đời sau nữa. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni toàn làm lợi lạc cho hết thảy chúng sanh chúng ta, và lịch đại Tổ Sư cùng chư Đại Bồ Tát cũng vậy, tất cả các ngài đều vì lợi ích của chúng sanh.

Chúng ta muốn học Phật Pháp thì nên học theo gương của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, cũng như của chư Tổ Sư cùng chư Đại Bồ Tát. Đừng xem Phật Pháp như những lời nói suông, đưa đãi ngoài cửa miệng; mà nhất định phải làm cho tất cả mọi người đều hiểu rõ Phật Pháp, khiến cho ai nấy đều mau chóng được giải thoát, đây là việc quan trọng nhất!

"Huống nữa là nghe các thiện sự rồi niệm niệm tu hành." Ví dụ quý vị nghe nói có người muốn in kinh thì trong lòng vô cùng hoan hỷ: "A! In kinh à? Tôi muốn góp in năm ngàn bộ. Để tôi bao tiền in luôn cho!" Hoặc lại nghe có người muốn tu bổ chùa chiền thì liền sốt sắng hưởng ứng: "Tôi sẽ đến làm công quả. Tôi thì không có tiền, song ai có tiền thì xuất tiền, ai có sức thì góp sức; tôi có thể làm những việc nặng nhọc."

Hôm nay có người nói rằng anh ta dự tính sang năm nhất định sẽ giúp xây một ngôi chùa. Có được một người phát tâm như thế rồi, nếu có thêm mười người rồi hàng ngàn hàng vạn người đều phát tâm góp phần, thì việc cất chùa sẽ mau chóng hoàn thành. Đây là việc lợi ích cho mọi người.

"Niệm niệm tu hành" tức là trong từng niệm một đều không quên tu hành, luôn luôn tu hạnh thanh tịnh; chứ không phải là niệm niệm muốn đi tạo nghiệp chướng!

"Thì sẽ tự nhiên ở nơi Đạo Vô Thượng vĩnh viễn được không còn thối chuyển." Nếu người thiện nam cùng kẻ thiện nữ đó nghe các việc lành rồi luôn luôn tu hành, thì tự nhiên họ sẽ không bao giờ còn thối chuyển đối với đạo quả Bồ Đề vô thượng.

KINH VĂN:

Lúc nói lời ấy xong, trong Pháp Hội có một vị Bồ Tát tên là Hư Không Tạng bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Con đến cung trời Đao Lợi nghe Đức Như Lai ngợi khen oai

thần thế lực không thể nghĩ bàn của Bồ Tát Địa Tạng. Trong đời vị lai, nếu có người thiện nam kẻ thiện nữ nào, cho đến tất cả hàng trời, rồng, nghe kinh điển này cùng danh tự của Ngài Địa Tạng, hoặc chiêm lễ hình tượng, thì sẽ được bao nhiêu điều phước lợi? Cúi mong Đức Thế Tôn vì tất cả chúng sanh ở hiện tại và vị lai mà lược nói việc ấy cho.”

LƯỢC GIẢNG:

Lúc nói lời ấy xong, trong Pháp Hội có một vị Bồ Tát tên là Hư Không Tạng...

Đây là vị Bồ Tát mà trên đỉnh đầu có một bảo tạng, đó là một viên ngọc Như Ý; với viên ngọc Như Ý này, người ta có thể muốn cái gì thì được cái nấy. Bởi viên ngọc này ở trên đầu của Bồ Tát, cho nên Ngài được gọi là Bồ Tát Hư Không Tạng. Quý vị có nhận ra Ngài không? Vị Bồ Tát mà trên đầu có đính một viên ngọc quý (viên ngọc “tùy tâm như ý”) chính là Bồ Tát Hư Không Tạng. Đó là biểu thị rằng các bảo bối của Ngài đều ở trong hư không, được tồn giữ trong hư không. Nếu quen biết được vị Bồ Tát này, tôi tin rằng quý vị chắc chắn sẽ không bao giờ bị nghèo túng nữa. Tại sao ư? Vì vị Bồ Tát này sẽ đem các bảo vật trong “hư không tạng” tặng cho quý vị, và như thế đời đời kiếp kiếp quý vị sẽ không thể nào dùng cho hết được!

Vậy, lúc Bồ Tát Địa Tạng vừa dứt lời thì trong đại hội ở cung trời Đao Lợi có Bồ Tát Hư Không Tạng bước ra và **bạch cùng Đức Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Con đến cung trời Đao Lợi nghe Đức Như Lai ngợi khen oai thần thế lực không thể nghĩ bàn của Bồ Tát Địa Tạng.** Từ cõi nước của mình, con vượt qua có đến tám vạn ức cõi nước để đến dự Pháp Hội tại cung trời Đao Lợi này. Con được nghe Đức Thế Tôn tấm tắc ngợi khen Bồ Tát Địa Tạng về oai đức thần thông cùng thế lực lớn lao chẳng thể nghĩ bàn. Đây là điều mà từ trước đến nay con chưa từng được nghe qua.”

Bồ Tát Hư Không Tạng bạch tiếp: **“Trong đời vị lai, nếu có người thiện nam kẻ thiện nữ nào, cho đến tất cả hàng trời, rồng, hoặc hết thảy tám bộ quỷ thần, nghe kinh điển này**

(Kinh Địa Tạng) cùng danh tự của Ngài Địa Tạng, **hoặc chiêm lễ hình tượng**, thành kính chiêm ngưỡng và lễ bái hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng, **thì sẽ được bao nhiêu điều phước lợi**, bao nhiêu loại phước báo, bao nhiêu sự lợi ích? **Cúi mong Đức Thế Tôn vì tất cả chúng sanh ở hiện tại và vị lai mà lược nói việc ấy cho.** Con nay thỉnh cầu Đức Thế Tôn, xin Ngài hãy vì hết thảy chúng sanh đời hiện tại và đời vị lai mà nói sơ qua cho chúng con được rõ."

KINH VĂN:

Đức Phật bảo Bồ Tát Hư Không Tạng: "Lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì ông mà nói rõ. Vào đời vị lai, nếu có người thiện nam kẻ thiện nữ nào trông thấy hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng cùng nghe Kinh này, cho đến đọc tụng, dùng hương hoa, đồ ăn thức uống, y phục, châu báu, mà bố thí cúng dường, ngợi khen chiêm lễ, thì sẽ được hai mươi tám điều lợi ích."

LƯỢC GIẢNG:

Đức Phật bảo Bồ Tát Hư Không Tạng: "Lắng nghe! Lắng nghe!" Đây là biểu thị của sự phải đặc biệt chú ý.

Vậy, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo Bồ Tát Hư Không Tạng rằng: "Ông hãy thận trọng mà lắng nghe cho kỹ! Hãy chú ý lắng nghe! **Ta sẽ vì ông mà nói rõ.** Ta sẽ vì các ông mà phân biệt giảng nói. Nay Ta sẽ nói cho ông rõ, nếu ông chẳng chú ý lắng nghe thì Ta sẽ không nói nữa. Ta sẽ giảng giải cặn kẽ, nhưng nếu ông chẳng chịu lắng nghe, thì nào có ích lợi gì?"

Cũng như hiện tại tôi đang giảng kinh ở đây vậy, quý vị cần phải chăm chú lắng nghe! Chú ý lắng nghe! Nếu chẳng lắng nghe, cứ ngồi ngủ gà ngủ gật, tôi giảng những gì quý vị đều không nghe thấy, thì chẳng khác nào tôi không giảng gì cả! Cho nên, yêu cầu đầu tiên của tôi đối với quý vị là đừng ngủ gật, đừng hôn trầm!

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy tiếp: **"Vào đời vị lai, nếu có người thiện nam kẻ thiện nữ nào trông thấy hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng cùng nghe kinh này** (Kinh Địa Tạng) **cho**

đến đọc tụng bộ Kinh Địa Tạng này ..." Nhìn ngắm tượng của Bồ Tát Địa Tạng tức là biểu thị sự thành khẩn của căn mắt (nhãn căn), sự thành khẩn được biểu lộ bằng mắt. Nghe Kinh Địa tạng tức là tỏ sự thành khẩn của căn tai (nhĩ căn); đọc tụng là tỏ sự thành khẩn của căn lưỡi (thiệt căn).

"Dùng hương hoa, đồ ăn thức uống, y phục, châu báu ..." Cúng dường hương hoa là biểu thị sự thành khẩn của căn mũi (tỷ căn); cúng dường các thức ăn uống cũng thuộc về sự thành khẩn của căn lưỡi; cúng dường y phục, đồ vật quý báu là sự thành khẩn của căn thân (thân căn).

"Mà bố thí cúng dường, ngợi khen chiêm lễ, thì sẽ được hai mươi tám điều lợi ích." Sự "bố thí cúng dường, ngợi khen chiêm lễ" từ mắt, tai, mũi, lưỡi và thân là thuộc về sự thành khẩn của căn ý (ý căn). Do sự thành khẩn của sáu căn này hợp lại mà chúng ta có được hai mươi tám điều lợi ích. Hai mươi tám điều lợi ích đó là gì?

KINH VĂN:

"Một là thiên long thường hộ niệm;
Hai là thiện quả ngày càng tăng;
Ba là tích tập các nhân thánh thượng;
Bốn là tâm Bồ Đề không thối chuyển;
Năm là y phục, thực phẩm đầy đủ;
Sáu là dịch bệnh không đến nơi thân;
Bảy là xa lìa các tai nạn về nước và lửa;
Tám là không bị tai ách trộm cướp;
Chín là người khác thấy đều cung kính;
Mười là quỷ thần đều hộ trì."

LƯỢC GIẢNG:

"Một là thiên long thường hộ niệm." Khi quý vị tụng Kinh Địa Tạng thì loài rồng từ trên trời, và luôn cả loài A-tu-la trên cõi trời, cũng đến bảo hộ quý vị. Loài A-tu-la ở cõi trời tuy

có phước trời (thiên phước) song không có quyền hành như một vị trời, và họ cũng phát nguyện muốn đến bảo hộ, che chở người tụng kinh.

Ngoài ra, Càn-thát-bà, Ca-lâu-la, Ma-hầu-la-già ... cũng đều đến để che chở những người tụng Kinh Địa Tạng. Càn-thát-bà là thần âm nhạc (nhạc thần), có nhiệm vụ tấu nhạc cho Ngọc Hoàng Đại Đế nghe, và còn được gọi là "thần ngửi mùi hương" (văn hương thần). Ngọc Hoàng Đại Đế có một loại hương, khi đem đốt thì tỏa mùi thơm ngào ngạt, thần Càn-thát-bà ngửi được mùi hương thì liền đến hầu. Càn-thát-bà cũng có nam, có nữ. Thần Càn-thát-bà nam thì trên đầu có một cái sừng, giống như con kỳ lân vậy. Khi thần ngửi được mùi hương đó thì sẽ vừa nhảy múa, vừa đàn ca hát xướng, tiếng nhạc réo rắt giữa không trung. Nghe quý vị tụng Kinh Địa Tạng, thì thần Càn-thát-bà cũng ở trên không trung khen ngợi.

Ca-lâu-la chính là đại bàng kim xí điểu, tức là chim đại bàng cánh vàng.

Khẩn-na-la cũng là nhạc thần.

Ma-hầu-la-già là con rắn lớn (đại mãng xà).

"Hai là thiện quả ngày càng tăng." Nhiều người tu Đạo, có lúc thì phát tâm Bồ Đề rất dũng mãnh, làm công đức rất nhiều; song cũng có lúc thì lại thụt lùi, nhụt chí, cảm thấy mình ở trong Phật Giáo làm việc công đức dường như không có cảm ứng rõ rệt thật sự, nên tâm Bồ Đề liền thối chuyển. "Thiện quả ngày càng tăng" tức là ở trong Phật Giáo mà càng ngày càng tinh tấn hướng về phía trước, chăm chỉ vun bồi phước huệ, siêng năng làm việc thiện, làm công quả, lập công đức, mãi mãi không lùi về phía sau. Làm thế nào mà được như vậy? Đó là do thành tâm niệm danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng, tụng Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện, lại còn lễ bái chiêm ngưỡng hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng nữa, cho nên có được cảm ứng là "thiện quả ngày càng tăng."

"Ba là tích tập các nhân thánh thượng." Thế nào là "tích tập các nhân thánh thượng"? Đó là làm đủ loại Phật sự, như in

kinh, xây chùa, sửa cầu, đắp đường, chuyển Đại Pháp Luân... Tất cả những việc tốt, tu đạo Bồ Đề đều là "tích tập các nhân thánh thượng."

"Bốn là tâm Bồ Đề không thối chuyển." Chúng ta tu hành, có lúc thì siêng năng tinh tấn, có lúc lại lười biếng giải đãi. Lúc siêng năng thì đối với mọi việc đều rất hăng hái dũng mãnh, khi lười biếng thì cảm thấy ở trong Phật Giáo làm Phật sự mà chẳng có cảm ứng gì rõ rệt cả, bèn sanh ra chán nản, thối chuyển Đạo tâm. Nếu quý vị có thể tụng Kinh Địa Tạng, niệm danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng, lễ bái cúng dường Bồ Tát Địa Tạng, thì tâm Bồ Đề của quý vị sẽ không còn lùi sụt, tâm giác đạo mãi mãi hướng về phía trước, và càng ngày càng tăng trưởng, không bao giờ thối chuyển.

"Năm là y phục, vật thực đầy đủ." Điều lợi ích thứ năm là không bao giờ bị thiếu thốn về cơm ăn áo mặc. Người đời chỉ vì ba bữa ăn mà làm lụng vất vả, chịu cực chịu khổ. Bởi sợ bị chết đói, chết lạnh, nên lúc nào họ cũng nghĩ đến việc kiếm thêm tiền. Trước kia, lúc chưa có tiền, thì ao ước có được mười ngàn đồng; song đến khi được toại nguyện, có được mười ngàn đồng trong tay rồi thì lại cảm thấy như thế vẫn còn chưa đủ. Bấy giờ lại nghĩ nếu mình có được một trăm ngàn đồng thì sẽ chẳng phải làm lụng gì nữa. Thế rồi, đến khi có được một trăm ngàn đồng, nghĩ tới học phí của con cái thì thấy không đủ, muốn sắm chiếc xe hơi thì thấy chẳng còn được bao nhiêu, mà tính tậu chiếc du thuyền thì lại thiếu trước hụt sau. Càng mơ ước những thứ to lớn hơn, như muốn mua chiếc máy bay chẳng hạn, thì một trăm ngàn đồng cũng chẳng thấm vào đâu! Và thế là lại phải lo kiếm tiền! Kiếm tiền! Phải kiếm cho được một triệu đồng. Đến khi có được một triệu đồng trong tay, những tưởng là phen này có thể làm chủ một chiếc máy bay, thì máy bay lại lên giá!

Ban đầu thì chỉ cần chín trăm chín chục ngàn là có thể mua được một chiếc máy bay, bây giờ giá cả leo thang, tăng vọt lên đắt gấp mười lần, tới chín triệu chín trăm ngàn một chiếc, lại mua không nổi nữa! Cho nên, cứ chạy theo không kịp, càng đeo đuổi

thì lại càng cách xa. Đó đều là do lòng tham tác oai tác quái! Trước kia thì chỉ ao ước có được một triệu đồng là thấy đủ rồi, nhất định sẽ về hưu; song đến khi có được một triệu rồi thì lại "lùi mà chưa dứt", vẫn chưa "tri túc," vẫn không thấy đủ!

Vậy, điều lợi ích thứ năm là nếu quý vị có thể trì niệm danh hiệu Bồ Tát Địa Tạng, tụng Kinh Địa Tạng, lễ bái cúng dường Bồ Tát Địa Tạng, thì quý vị sẽ được y phục, vật thực dồi dào, luôn luôn dư dả. Bấy giờ, quý vị chỉ muốn mua một chiếc máy bay, song tiền kiếm được lại nhiều đến nỗi mua hai chiếc cũng còn dư, kỳ diệu như thế đấy!

Có người nói: "Như thế thì tôi cũng mau mau niệm danh hiệu Bồ Tát Địa Tạng!" Dùng lòng tham lam, muốn mua hai chiếc máy bay để niệm danh hiệu Bồ Tát Địa Tạng, thì e rằng sẽ không linh nghiệm, vì tham vọng quá lớn! Chúng ta chỉ nên hết lòng trì niệm, có được cảm ứng hay không thì cũng chẳng nên so đo, tính toán.

Có người lại nói: "Giảng kinh theo cách của Sư Phụ lại làm cho con bị hố nữa rồi!" Bị hố thì sao? Mà không bị hố thì sao? Cho nên, con người nếu biết đủ thì thường được an vui, biết nhẫn nhục thì luôn được yên ổn (tri túc thường lạc, năng nhẫn tắc an).

"Sáu là dịch bệnh không đến nơi thân." "Dịch bệnh" tức là bệnh ôn dịch, bệnh truyền nhiễm. Đáng lẽ ra thì mọi người đều bị truyền nhiễm, mắc phải chứng bệnh nào đó, nhưng nhờ quý vị niệm danh hiệu Bồ Tát Địa Tạng nên giống như có một ranh giới vô hình, quý vị không bị lây bệnh.

Lúc tôi ở Đông Bắc, có lần bệnh ôn dịch lan tràn, có một gia đình nọ mười một người mà chỉ nội trong ba ngày đã có mười ba người bị chết! Tại sao gia đình mười một người mà lại có tới mười ba người chết? Tại sao lại có thêm hai người nữa? Đó là hai người "đưa tiễn", bởi vì mười một người có lẽ là chưa đủ số, cho nên phải chết thêm hai người nữa vậy! Hai người này, một người thì làm công cho gia đình nọ, còn người kia là bà con từ xa đến thăm. Cả hai người cùng chết chung với gia đình nọ cho đủ số! Do đó, trong vòng ba ngày mà gia đình mười một người lại có tới

mười ba người tử vong, và tất cả đều do bị lây bệnh truyền nhiễm mà ra.

Bấy giờ tôi đang ở địa phương đó, tôi bèn dẫn theo bốn đệ tử nhỏ tuổi và bảo họ rằng: "Chúng ta phải đi cứu người ngay!" Cứu như thế nào ư? Tôi căn dặn các đệ tử: "Chúng ta hãy trì niệm Chú Đại Bi để đối phó với thần ôn dịch!" Chúng tôi đến thôn làng đang có bệnh dịch hoành hành nọ, đi quanh làng ba vòng, vừa đi vừa niệm Chú Đại Bi. Sau khi chúng tôi niệm xong Chú Đại Bi và đi khỏi rồi, thì trong làng không còn bệnh dịch nữa. Thế nên, Chú Đại Bi thật vô cùng linh nghiệm, hết sức nhiệm mầu!

"Bảy là xa lìa các tai nạn về nước và lửa." Quý vị trì niệm danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng thì sẽ không gặp nạn nước, cũng chẳng mắc nạn lửa, vào nước không bị chìm, vào lửa không bị cháy. Thậm chí quý vị có bị té xuống biển, thì tự nhiên sẽ được gặp chỗ cạn, tấp vào bờ bình yên; và nếu bị lửa thiêu đốt thì tự nhiên sẽ có người đến cứu giúp.

"Tám là không bị tai ách trộm cướp." Tại sao quý vị bị trộm, bị cướp? Đó là do khi trước quý vị đã bất chấp đạo lý, cưỡng đoạt tài sản của người khác làm của riêng mình. Bởi xưa kia đã từng lừa gạt người khác cho nên đời nay phải bị người ta cướp đoạt tài sản, phải trả nợ. Vì thế, chúng ta bị trộm cắp, cướp đoạt đều là có "tiền nhân hậu quả," chẳng có gì là kỳ lạ cả. Nếu quý vị thật sự hiểu rõ thì gặp bất cứ cảnh giới nào đều phải nhận ra nhân quả của nó; hễ nhận chân được nhân quả của vấn đề thì sẽ chấm dứt được sự tuần hoàn lẩn quẩn.

"Chín là người khác thấy đều cung kính." Nếu quý vị thường cung kính niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm và Bồ Tát Địa Tạng, thì những người khác khi gặp quý vị đều cảm thấy có thiện duyên với quý vị và đều tỏ ra kính trọng quý vị. Người ta trông thấy quý vị mà như gặp được người thân đã tám đời nay, có cảm giác thân thiết gần gũi như được về nhà vậy. Cảm giác ấy lại giống như kẻ sống ở hải ngoại đã lâu không có người quen, nay được gặp lại bạn cũ, trong lòng vô cùng hoan

hỷ, mừng mừng tủi tủi, vừa khóc vừa cười! Khóc là vì bồi hồi xúc động được gặp lại người thân quen; còn cười ư? Bởi nghĩ rằng phen này quả thật có được sự an ủi, che chở rồi!

Quý vị niệm danh hiệu Bồ Tát Địa Tạng thì được mọi người kính trọng, không ai là không đối xử tốt với quý vị cả. Không cần quý vị phải tự giới thiệu: "Này, quý vị biết không, tôi là một cư sĩ tu hành tại gia đấy! Các ông các bà phải kính trọng tôi!"; hoặc là: "Tôi là một đại đức cao tăng, quý vị thấy tôi thì phải dập đầu cúi lạy đó!" Không phải như thế, không phải là mình biểu người ta phải kính trọng mình! Có câu:

Có xạ tự nhiên thơm,
Cần gì phải phô trương?
Hán văn
(Hữu xạ tự lai hương,
Hà nhu đương phong dương?)

Nếu quý vị quả thật có đức hạnh thì chẳng cần phải quảng cáo rao hàng như anh chàng bán thuốc cao dạo: "Thuốc cao dán của tôi là hay nhất, có thể trị phong thấp, trị đau khớp xương, trị tê bại... Bà con cô bác nào bị đau bị nhức chỉ cần dán một miếng là khỏi ngay! Mại dô! Mại dô!" Và rốt cuộc thì như thế nào? Dán rồi chẳng thấy bớt đau chút nào cả!

Quý vị đừng như tên "bán thuốc cao dán" đó; đừng tự quảng cáo cho chính mình, đừng sợ rằng người ta không biết đến mình mà phải tự rêu rao: "Quý vị đã biết gì về tôi chưa nhỉ? Đối với Phật Giáo, tôi là một vị hộ pháp đắc lực nhất đấy! Tôi còn là đại thí chủ, hộ pháp lâu năm của chùa nọ chùa kia. Còn nữa, tôi là giám đốc của cơ quan từ thiện..." Đừng nên làm như vậy, bởi đó là giả chứ không phải thật! Đó là quý vị tự động "bán chiêu bài," bán quảng cáo; kẻ không có mắt mới không biết và bị mắc lừa, chứ người có mắt thì sẽ nhận ra ngay: "Hừ, thật là tội nghiệp! Thật là đáng thương!"

"Mười là quỷ thần đều hộ trì." Nếu quý vị thật sự có công đức thì cần gì phải tự rêu rao cho chính mình? Bởi bấy giờ các

quỷ thần hộ pháp đều sẽ hỗ trợ cho quý vị, bảo vệ quý vị; nếu quý vị gặp khó khăn gì thì vô hình trung họ sẽ đến để giúp quý vị giải quyết vấn đề ngay, quý vị bất tất phải rêu rao!

Vậy, điều lợi ích thứ mười là quý vị sẽ được sự giúp đỡ, phù hộ của loài quỷ (thiện quỷ sẽ đến giúp đỡ quý vị, ác quỷ cũng đến giúp đỡ quý vị), và các thần linh (thiện thần sẽ đến giúp đỡ quý vị, ác thần cũng đến giúp đỡ quý vị). Vì sao ác thần cũng giúp đỡ quý vị? Phải chăng đó là do oai lực của Bồ Tát Địa Tạng? Chính thế! Chính là nhờ oai lực của Bồ Tát Địa Tạng mà tất cả ác quỷ cùng ác thần đều biến thành những vị hộ pháp đắc lực cả!

Có người lại hoài nghi: "Thế tôi niệm danh hiệu của Địa Tạng Vương Bồ Tát, có thể nào Bồ Tát lại sai người đến trách mắng tôi không?" Không bao giờ! Quý vị thắc mắc vì sao ư?

Tôi nói thật cho quý vị biết: Quý vị chưa đủ trình độ đâu! Quý vị sách vở chưa học đủ, đi thi chắc chắn sẽ bị đánh hỏng; phải đến lúc tốt nghiệp đại học thì mới có thể thi đậu được. Nếu quý vị chưa tốt nghiệp, chỉ vừa mới tập tễnh bước chân vào ngưỡng cửa trường đại học, thì bắt quý vị khảo thí để làm gì? Cho nên, đừng cho rằng trách mắng là không tốt. Trách mắng cũng là một cách để khảo nghiệm, thử thách, chịu đựng được tức là đạt yêu cầu, được thông qua; còn không chịu đựng được tức là chưa đạt yêu cầu, cần phải tu học tinh tấn hơn nữa.

Nói như thế thì có phải là thi đậu, đạt yêu cầu rồi thì không cần phải tu học thêm nữa? Thi đậu rồi thì càng phải nỗ lực tu hành hơn nữa!

Có người hoài nghi: "Thế thì thi đậu có tác dụng gì đâu?"

Thế thì tôi hỏi lại: Quý vị học Tiến Sĩ có tác dụng gì? Đạo lý cũng như nhau thôi! Quý vị hiểu được thì hiểu; không hiểu được thì tôi cũng chẳng có biện pháp nào cả!

KINH VĂN:

"Mười một là thân nữ chuyển thành thân nam;

Mười hai là làm con gái hàng vương giả, đại thần;
Mười ba là tướng mạo đoan chánh, tốt đẹp;
Mười bốn là phần nhiều được sanh lên cõi trời;
Mười lăm là có thể làm bậc đế vương;
Mười sáu là biết rõ việc đời trước;
Mười bảy là có mong cầu thì đều được toại ý;
Mười tám là quyến thuộc an vui;
Mười chín là các hoạnh sự đều dứt sạch;
Hai mươi là các nghiệp đạo đều trừ hẳn;
Hai mươi mốt là đi đâu cũng tới nơi cả;
Hai mươi hai là đêm nằm mộng được an ổn, vui vẻ;
Hai mươi ba là tổ tiên đã mất được lìa khổ;
Hai mươi bốn là nhờ phước đời trước mà thọ sanh;
Hai mươi lăm là chư thánh đều khen ngợi;
Hai mươi sáu là căn tánh thông minh, lanh lợi;
Hai mươi bảy là giàu lòng từ mẫn;
Hai mươi tám là rốt ráo thành Phật.

Lại nữa, này Hư Không Tạng Bồ Tát! Như hàng trời, rồng, quỷ thần ở hiện tại và vị lai, nghe danh hiệu của Địa Tạng, lễ bái hình tượng của Địa Tạng, hoặc nghe các việc về bổn nguyện tu hành của Địa Tạng, mà ngợi khen chiêm lễ, thì sẽ được bảy điều lợi ích.”

LƯỢC GIẢNG:

“Mười một là thân nữ chuyển thành thân nam.” Điều lợi ích thứ mười một là nếu có người nữ nào muốn mang thân nam, bèn chí tâm lễ bái, cúng dường, tán thán, trì tụng Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện và xưng niệm danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng, thì đời sau sẽ được chuyển thành thân nam.

Sự chuyển thân nữ thành thân nam này là hoàn toàn không phải vì chán ghét thân nữ, mà chỉ vì tự cảm thấy làm thân nữ lắm lúc cũng bất tiện, cho nên muốn mang thân nam để được thuận tiện hơn, vì thế mới có nguyện vọng này. Những người có chí

nguyện như thế chắc chắn sẽ được Bồ Tát Địa Tạng giúp cho tùy tâm toại ý, chí nguyện được thành tựu.

"Mười hai là làm con gái hàng vương giả, đại thần." Nếu thân nữ có thể chuyển thành thân nam, thì thân nam muốn chuyển thành thân nữ cũng có thể được toại nguyện.

Nếu có người nam nào có thể một lòng trì niệm danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng, lễ bái cúng dường hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng, và đọc tụng Kinh Bồ Tát Địa Tạng Bổn Nguyện, mà phát nguyện muốn mang thân nữ để khéo léo giáo hóa chúng sanh (vì người nữ thường không nóng tánh lắm, có khi còn rất tế nhị nữa, nói chuyện với ai cũng rất hòa nhã, dịu dàng); thì đời sau sẽ được làm thân người nữ, và, đó là do nguyện lực của bậc Bồ Tát.

Những người vì muốn hoằng dương Phật Pháp, giáo hóa chúng sanh mà phát nguyện mang thân nữ, thì không sanh vào các gia đình tầm thường, mà thường sanh làm con gái của những kẻ có thế lực lớn như hàng vua chúa, đại thần; để nhờ đó mà họ có thể gây ảnh hưởng đến được nhiều người, khiến cho nhiều người sanh khởi tín tâm, dốc lòng tu hành. Cho nên, đây đều là "thừa nguyện tái lai," theo nguyện lực mà tái sanh trở lại.

"Mười ba là tướng mạo đoan chánh, tốt đẹp." Điều lợi ích thứ mười ba là không chỉ được làm người nữ, mà còn được thông minh, có trí huệ, tướng mạo đoan chánh viên mãn, chẳng có khuyết điểm, mũi thì có hình thù của mũi, mắt có hình dạng của mắt, tai thì giống tai, và miệng cũng giống miệng.

Có người thắc mắc: "Thế thì có trường hợp tai không giống tai, mắt chẳng giống mắt hay sao?" Quý vị nhìn xem, có những người nữ có cặp mắt hình tam giác, cứ láo liên đảo qua đảo lại, y như cặp mắt của kẻ dắt trộm trâu! Đó là con mắt có vẻ hơi thô kệch, cục mịch, không được thanh tú, không đoan chánh, không viên mãn. Có người thì mũi lại mọc trên trán, lỗ mũi ngước lên trời; quý vị nói như thế là giống cái gì? Chao ôi, thế nhưng lại có những người dị dạng như thế đấy! Có người thì một con mắt nằm ở trên, còn một con lại tụt xuống dưới; lỗ tai thì mọc tận đằng sau

ót; miệng lại nằm dưới cằm (biến thành "dở ngô dở khoai") người không ra người, quỷ không ra quỷ, mà khỉ cũng chẳng giống khỉ nữa!

Theo "tiến hóa luận" thì con người là từ loài khỉ tiến hóa thành, như thế trong trường hợp này thì sao? Vì sao mọi người lại không giống như vậy, chỉ có cá nhân người đó là như thế mà thôi? Vậy, đó là các trường hợp thí dụ về tướng mạo không đoan chánh, không viên mãn.

Thế thì, quý vị phát nguyện muốn làm người nữ thì tướng mạo cũng cần phải viên mãn, lại phải đoan chánh nữa. Nếu ngũ quan đoan chánh, thì vừa gặp mặt là người ta liền thấy có thiện cảm, có thiện duyên ngay; còn như ngũ quan không được đoan chánh, thì e rằng người ta vừa trông thấy thì như gặp phải quỷ mẫu dạ xoa, cuống cuồng chạy mất!

"Mười bốn là phần nhiều được sanh lên cõi trời." Điều lợi ích thứ mười bốn thì lại hơn hẳn những điều trước nữa, đó là luôn được sanh lên cõi trời, được hưởng thiên phước, thọ hưởng sự an vui thù thắng vi diệu.

"Mười lăm là có thể làm bậc đế vương." Điều lợi ích thứ mười lăm là có thể được làm vua hoặc hoàng đế. Người nào đọc tụng Kinh Địa Tạng, lễ bái hình tượng Bồ Tát Địa Tạng, trì niệm thánh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng, thì sẽ có cơ hội làm hoàng đế "dự khuyết", điều lợi ích này quả thật không thể nghĩ bàn!

Có người nói: "Thầy ơi! Cho dù được làm hoàng đế, cao sang đẹp đẽ đến thế nào đi nữa, thì con đều không màng cả! Thế giới Ta Bà này thật là quá nhiều đau khổ; con cảm thấy đã 'đủ' lắm rồi!" Quý vị thật sự cảm thấy "đủ" rồi sao? Vậy thì quý vị vẫn có cơ hội được thành Phật, và đó chính là điều lợi ích cuối cùng (điều thứ hai mươi tám), "rốt ráo thành Phật."

"Mười sáu là biết rõ việc đời trước." "Biết rõ việc đời trước" tức là nhớ biết được những gì mình đã làm trong đời trước, như làm quan, làm học trò, hoặc làm lái buôn... Ngoài ra, cũng biết được trong đời trước mình họ gì, tên gì, sinh quán ở đâu, bao nhiêu tuổi thì chết... Có thể nói bây giờ (đời này) thì

giống như quý vị dọn sang một ngôi nhà mới, khác hẳn ngôi nhà khi trước (đời trước).

"Mười bảy là có mong cầu thì đều được toại ý." Điều lợi ích thứ mười bảy là cầu chi được nấy, cầu giàu sang thì được giàu sang, cầu có con trai tất được con trai, cầu có con gái tất được con gái, cầu đồ ăn thức uống thì được đồ ăn thức uống. Nếu quý vị thích phát tài thì sẽ có được không biết cơ man nào là vàng, bạc, ngọc ngà châu báu, nhiều đến nỗi không thể nào đếm xuể!

Thế nhưng quý vị đừng bắt chước một người nọ, kiếm được rất nhiều tiền mà chẳng dám tiêu xài; rốt cuộc chưa hưởng thụ được chút nào thì đã chết rồi. Chết rồi, thì lại hai bàn tay không, thật là chẳng có ý nghĩa, chẳng có giá trị gì cả! Do đó, quý vị chớ nên bủn xỉn keo kiệt, đừng làm nô lệ cho đồng tiền; bởi quý vị có muốn cất giữ cũng không thể cất giữ mãi được!

"Mười tám là quyến thuộc vui vẻ." Điều lợi ích thứ mười tám là trong gia đình, bà con quyến thuộc, bạn bè thân thích, đều êm ấm hạnh phúc, vui vẻ hòa thuận, không hề cãi cọ hoặc gây gỗ lẫn nhau.

Trong gia đình, mối quan hệ giữa vợ chồng, giữa cha mẹ con cái, giữa anh em, giữa chị em, hoặc giữa chị em dâu, lắm lúc cũng nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp. Ở đời, thông thường thì thân tình nhất là cha với con, song cũng có những khi cha con bất đồng ý kiến, khiến người con nghĩ: "Ồ! Người già thì đầu óc cũng già, tri thức cũng xưa, cách làm việc lại vô cùng cổ hủ, không theo kịp thời đại tân tiến, không thể ứng phó với thế giới hiện đại hóa ngày nay"; và cho rằng người già là một "chướng ngại"! Tuy nhiên, suy nghĩ như thế là không tốt!

Còn người già thì sao? Đối với con cái, vì quan tâm quá đáng, cho nên dù biết rằng con cái không đúng, bậc cha mẹ vẫn sẵn sàng tha thứ, lấy lòng bao dung mà đối đãi với con cái. Song le, con cái chẳng biết ơn thì chớ, lại còn dám cho rằng cha mẹ mình không đúng nữa! Tại sao có nhiều người nuôi dưỡng con cái mà lại không dạy dỗ chúng cho đàng hoàng? Đó là bởi những

kẻ làm cha làm mẹ này đều thiếu hiểu biết, không am tường đạo lý, cho nên không muốn để ý tới con cái; còn con cái thì lại không biết chăm sóc cho cha mẹ. Vì thế, giữa cha mẹ và con cái nảy sinh nhiều mâu thuẫn, có nhiều vấn đề không giải quyết được.

Quan hệ vợ chồng là một mối quan hệ tương thân tương ái hơn nữa. Khi chưa kết hôn, đôi bên nam nữ đều cố giữ cái "mặt nạ," không dám cãi cọ cũng chẳng hề gây gỗ lẫn nhau; nhưng sau khi kết hôn rồi thì mỗi người đều để lộ tánh nết của mình (chồng bộc lộ tánh xấu của chồng cho vợ thấy, vợ bộc lộ tánh xấu của vợ cho chồng xem) và thế là cả hai bên đều sanh phiền não!

Thế nhưng, theo điều lợi ích thứ mười tám này, thì nếu quý vị thấy được hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng, nghe được danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng, thì trong gia đình và quyến thuộc sẽ luôn được vui vẻ, hòa thuận.

"Mười chín là các hoạnh sự đều dứt sạch." Tất cả những tai nạn rủi ro, những việc không như ý, những việc không tốt lành, ... đều gọi là "hoạnh sự" (sự việc bất ngờ, đột ngột). "Hoạnh tử" tức là những cái chết đột ngột, rủi ro bất ngờ như treo cổ tự tử, bị chìm thuyền, máy bay rớt, bị xe đụng, hoặc uống thuốc độc tự sát... Thế nhưng, nhờ Bồ Tát Địa Tạng, "các hoạnh sự đều dứt sạch", tất cả tai nạn đều tiêu tan, mọi vấn đề bất ngờ hoặc nguy cơ bị thương tật cũng không còn.

"Hai mươi là các nghiệp đạo đều trừ hẳn." "Nghiệp đạo" tức là ba đường ác (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh). Vậy, "các nghiệp đạo đều trừ hẳn" tức là nghiệp tội được tiêu trừ, không còn bị đọa lạc vào ba đường ác nữa.

"Hai mươi mốt là đi đâu cũng tới nơi cả." Điều lợi ích thứ hai mươi mốt là quý vị đi đến nơi nào cũng đều được thông suốt thuận lợi, may mắn suông sẻ, đại kiết đại lợi, không hề gặp trở ngại.

"Hai mươi hai là đêm nằm mộng được an ổn, vui vẻ." Có nhiều người thường chiêm bao thấy mình gặp những việc hung hiểm, đáng sợ, hễ không bị quỷ rượt đuổi thì cũng bị chó rượt

cắn, hoặc bị cọp rình bắt để ăn thịt, ... đó đều gọi là "ác mộng." Có người lại bị quỷ đè trên mình khiến toàn thân cứng đơ, không nhúc nhích động đậy gì được, nên trong lòng vô cùng nôn nóng sợ hãi; đó gọi là bị "bóng đè." Quý vị trì tụng Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện, niệm danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng, thì đêm ngủ sẽ mộng thấy toàn những điềm an vui tốt lành.

"Hai mươi ba là tổ tiên đã mất được lìa khổ." Điều lợi ích thứ hai mươi ba là cha mẹ, tổ tiên của quý vị từ đời quá khứ cùng lục thân quyến thuộc từ vô thỉ kiếp đến nay, đều được xa lìa khổ não, hưởng sự an vui, liễu thoát sanh tử.

Điều lợi ích này theo nguyên văn chữ Hán là "tiên vong ly khổ"; trong đó, "tiên" là tổ tiên, và "vong" là đã mất, đã chết rồi. Đa số người đã chết đều còn vướng nghiệp chướng, ắt hẳn phải đọa địa ngục chịu khổ báo. Tuy nhiên, nay nhờ quý vị trông thấy hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng, nghe danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng, cho nên được hưởng hai mươi tám điều lợi ích, có thể khiến cho những người thân đã khuất được ly khổ đắc lạc.

"Tổ tiên đã mất" bao gồm tổ tiên đã mất của đời hiện tại, và tổ tiên đã mất của đời quá khứ của quý vị. Như vậy, tất cả cha mẹ và thân tộc của quý vị trong đời này mà đã chết rồi, đều có thể lìa khổ được vui; đồng thời, hết thảy cha mẹ và tổ tiên của quý vị từ vô lượng kiếp đến nay, trong đời đời kiếp kiếp, cũng đều được ly khổ đắc lạc.

"Hai mươi bốn là nhờ phước đời trước mà thọ sanh." Điều lợi ích thứ hai mươi bốn là đời trước quý vị có trồng thiện căn, có được phước báo; cho nên đời này nương nhờ phước báo đó mà thọ sanh. "Nhờ phước đời trước mà thọ sanh" tức là đời trước đã từng làm rất nhiều việc công đức, thiện căn rất sâu dày, cho nên nhân phước báo của đời trước mà đời nay thọ sanh để thọ hưởng. Chúng ta,

Đời này do đâu được giàu sang?
Đời trước cúng chay, giúp người nghèo.
Đời này vì sao phải nghèo hèn?
Đời trước chẳng chịu giúp kẻ nghèo.

Hán văn

(Kim sanh phú quý thị hà nhân?
Tiền sanh trai tăng, tế cùng nhân.
Kim sanh bần tiện thị hà nhân?
Tiền sanh bất khẳng tế bần nhân.)

Quý vị đời này vì sao được giàu sang? Ấy là nhờ trong những đời trước quý vị đã từng thiết trai tăng, ủng hộ đạo pháp, cúng dường Tam Bảo, cứu giúp người nghèo...; cho nên đời này được phước báo hưởng sự giàu sang phú quý.

Còn đời này vì sao quý vị phải chịu cảnh nghèo hèn túng thiếu, nghèo đến nỗi không có cơm ăn, chẳng đủ áo mặc? Đó là bởi trong đời trước quý vị quá keo kiệt bủn xỉn, chẳng hề bố thí cứu giúp người nghèo, chẳng chịu xả bỏ cái gì cả. Nếu trước kia không ích kỷ, keo kiệt quá đáng, mà lại chăm chỉ tu phước tu huệ, thì đời này quý vị ắt hẳn sẽ được thọ hưởng phước báo tạo ra từ đời trước.

"Hai mươi lăm là chư thánh đều khen ngợi." Điều lợi ích thứ hai mươi lăm là được tất cả chư Phật, chư Bồ Tát, chư thánh nhân, chư A-la-hán ở khắp mười phương đều tấm tắc ngợi khen: "Các con quả thật là những thiện nam, thiện nữ thuần thành!"

"Hai mươi sáu là căn tánh thông minh, lanh lợi." Điều lợi ích thứ hai mươi sáu là quý vị sẽ rất thông minh mẫn tiệp, và có trí nhớ rất tốt. Mắt thì trong sáng tinh anh, có thể nhìn thấy rất xa; tai cũng rất thính, nghe được hết sức rõ ràng, nói chung, cả sáu căn đều rất tinh tường, nhạy bén.

"Hai mươi bảy là giàu lòng từ mẫn." Điều lợi ích thứ hai mươi bảy là quý vị sẽ rất giàu lòng từ mẫn, có tâm lượng của bậc Bồ Tát, từ bi mang lại sự an vui và giải trừ bao nỗi thống khổ của người khác; và cho dù người ta có đối xử với mình như thế nào đi nữa thì quý vị cũng vẫn lấy lòng từ bi mà đãi người, không có tâm báo thù đối với bất kỳ một ai.

"Hai mươi tám là rốt ráo thành Phật." Điều lợi ích thứ hai mươi tám là điều quan trọng nhất; đó là gì? "Rốt ráo thành

Phật”! Tương lai nhất định sẽ được thành Phật, chắc chắn là như thế!

Trên đây là hai mươi tám điều lợi ích mà chúng ta có thể có được nhờ trông thấy hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng, ngợi khen chiêm lễ Bồ Tát Địa Tạng, trì niệm danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng, nghe Kinh Địa Tạng, đọc tụng Kinh Địa Tạng, hoặc cúng dường hương hoa, đồ ăn thức uống, y phục, châu báu... cho Bồ Tát Địa Tạng.

Bấy giờ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói tiếp: **“Lại nữa, này Hư Không Tạng Bồ Tát! Ta lại nói với ông một lần nữa: Như hàng trời, rồng, quỷ thần ở hiện tại và vị lai, nghe danh hiệu của Địa Tạng, lễ bái hình tượng của Địa Tạng...”**

Chúng ta cúi đầu quỳ lạy chư Phật cùng chư Bồ Tát, thì được lợi ích gì? Đảnh lễ chư Phật thì được lợi ích không gì sánh bằng: Quý vị ở trước Phật đảnh lễ, cung kính lạy Phật, thì nghiệp tội từ trước đến nay dù nhiều như cát sông Hằng cũng có thể được tiêu trừ!

“Hoặc nghe các việc về bổn nguyện tu hành của Địa Tạng, nghe được Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện, tất cả nhân duyên quả báo và các sự tích, mà ngợi khen chiêm lễ, **thì sẽ được bảy điều lợi ích.”**

KINH VĂN:

“Một là mau vượt thánh địa;
Hai là ác nghiệp được tiêu trừ;
Ba là chư Phật đến ủng hộ;
Bốn là Bồ Đề không thối thất;
Năm là bổn lực được tăng trưởng;
Sáu là việc đời trước đều rõ biết;
Bảy là rốt ráo thành Phật.”

Bấy giờ không thể nói hết không thể nói hết tất cả chư Phật Như Lai cùng Đại Bồ Tát, Thiên Long Bát Bộ ở mười phương nghe Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngợi khen tuyên bày sức đại oai

thần không thể nghĩ bàn của Địa Tạng Bồ Tát, đều khen là việc chưa từng có.

Lúc đó, tại cung trời Đao Lợi mưa xuống vô lượng hương hoa, thiên y, châu báu để cúng dường Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và Bồ Tát Địa Tạng. Xong rồi, tất cả đại chúng trong Pháp Hội đều lại chiêm lễ, chắp tay mà lui ra.

LƯỢC GIẢNG:

Bảy điều lợi ích này là gồm những gì?

"Một là mau vượt thánh địa." Thế nào gọi là "vượt"? Ví dụ từ địa vị thứ nhất tiến thẳng lên địa vị thứ ba, bỏ qua địa vị thứ nhì ở giữa; từ địa vị thứ ba nhảy vọt lên địa vị thứ năm; hoặc từ địa vị thứ năm tiến luôn đến địa vị thứ tám... như thế gọi là "vượt," bỏ quãng mà tiến lên. "Vượt" ngụ ý là tiến rất nhanh, rất mau.

"Hai là ác nghiệp được tiêu trừ." Mọi người tại sao chưa thành Phật? Đều là vì có ác nghiệp không thanh tịnh. "Ác nghiệp" là nghiệp nhiễm ô, cũng chính là những nghiệp tội không trong sạch mà quý vị đã trót gây ra; và còn gọi là "hắc nghiệp." "Ác nghiệp" chính là "hắc nghiệp"; "hắc nghiệp" là nghiệp hắc ám, rất đen tối, mờ ám. Phàm người làm việc gì cũng thường hay lén lén lút lút, không muốn cho ai biết đến, nên mới gây ra nghiệp này. Nếu quý vị thành tâm trì niệm danh hiệu Bồ Tát Địa Tạng thì ác nghiệp sẽ được tiêu trừ.

"Ba là chư Phật đến ủng hộ." Điều lợi ích thứ ba là sẽ được chư Phật khắp mười phương giáng lâm đến trước mặt để che chở hộ trì.

"Bốn là Bồ Đề không thối thất." Tâm Bồ Đề giác đạo của quý vị sẽ càng ngày càng tăng trưởng, càng ngày càng có tiến bộ, chỉ có tiến chứ không có lùi. Tâm Bồ Đề này vừa phát khởi thì quý vị liền hăng hái: "Hôm nay tôi sẽ thọ Ngũ Giới, ngày mai tôi phát nguyện xuất gia; còn ngày mốt ư? Tôi nhất định sẽ làm một vị cao tăng. Ngày kế nữa tôi nhất định sẽ thành vị Tổ Sư. Ngày kế tiếp nữa tôi sẽ hành trì đạo Bồ Tát, và chẳng bao lâu nữa thì tôi sẽ thành Phật!"

Tuy nhiên, điều thiết yếu ở đây là tâm Bồ Đề của quý vị phải không thối chuyển mới được! Quý vị chớ nên hôm nay phát tâm muốn thọ Ngũ Giới, song dùng dằng nghĩ tới nghĩ lui rồi đổi ý: "Thọ giới rồi mà lỡ phạm giới thì thật là xấu hổ. Người ta biết được mình phạm giới thì mất mặt quá! Chi bằng, tốt nhất là mình đừng thọ một giới nào cả!"; và thế là không muốn thọ giới nữa. Nếu lại nghe người ta kháo nhau là đời sống của người xuất gia rất khắc khổ, nên quý vị ngần ngừ, không muốn nghĩ tới chuyện xuất gia nữa; đó cũng là do quý vị chưa có được cái tâm "Bồ Đề không thối thất" vậy

"Năm là bổn lực được tăng trưởng." "Bổn lực" tức là sức mạnh vốn có của mình, là sức mạnh của bổn lai Phật tánh, là năng lực thành Phật và cơ hội thành Phật vốn có trong mỗi chúng sanh. Thế nhưng, quý vị cứ ngăn che Phật tánh của mình, khiến sanh ra phiền não, vô minh. Bây giờ quý vị phá bỏ được bức màn vô minh rồi thì phiền não cũng đoạn dứt, cho nên bổn lực liền hiện ra và tăng trưởng thêm.

"Sáu là việc đời trước đều rõ biết." Điều thứ sáu là biết được đời trước mình đã làm gì, đời trước nữa mình ra sao ... Nói chung là quý vị có thể truy cứu và biết rõ được mọi việc xảy ra trong nhiều đời nhiều kiếp, thậm chí đến tám vạn đại kiếp về trước. Những thánh nhân đã chứng quả A-la-hán tuy biết được việc đời trước, nhưng ngoài phạm vi tám vạn đại kiếp thì các ngài không thể biết được. Ở đây, biết rõ được việc đời trước tức là đắc Túc Mạng Thông rồi.

Thí dụ, quý vị có thể biết được rằng: "Tôi đã từng có một đời sanh làm thân kiến! Lúc ấy thì thân thể vô cùng nhỏ bé, đến bây giờ làm thân người thì biến thành to lớn dềnh dàng như thế này. Có lẽ là tôi từ thân kiến biến thành con ong mật, từ ong mật biến thành bươm bướm, từ con bướm biến thành con chim nhỏ, từ con chim nhỏ lại biến thành con chim ưng lớn. Rồi nhờ lúc mang thân chim ưng lớn tôi lại ăn chay chứ không ăn thịt, do đó tu tạo được phước báo, có được cái nhân thành Phật nên nay

được làm người, làm người thì trong tương lai sẽ được thành Phật."

Người đã chứng đắc Túc Mạng Thông thì nếu mình từng làm thân kiến, hoặc làm loài trùng nào, loài cầm thú nào... cũng đều rõ biết được cả. Cho nên, đằng sau cái xác thân hiện tại này, còn có sự biến hóa vô cùng của rất nhiều thân thể.

"Bảy là rốt ráo thành Phật." Sớm muộn gì rồi quý vị cũng đều được thành Phật cả. Điều này cũng tương tự như điều lợi ích thứ hai mươi tám đã nói ở trước.

Bấy giờ không thể nói hết không thể nói hết (không biết bao nhiêu, không có cách nào có thể nói được con số bao nhiêu) **tất cả chư Phật Như Lai cùng Đại Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, Bích Chi Phật, người, trời, quỷ, thần, Thiên Long Bát Bộ ở mười phương nghe Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngợi khen tuyên bày sức đại oai thần không thể nghĩ bàn của Địa Tạng Bồ Tát,** tán thán phước đức bất khả tư nghị của Địa Tạng Bồ Tát, chưa có vị Bồ Tát nào có thể sánh bằng, **đều khen là chưa từng có.** Toàn thể đại chúng đều trầm trồ, tấm tắc ngợi khen rằng từ trước tới nay chưa có vị Bồ Tát nào thù thắng, hy hữu như thế.

Lúc đó, tại cung trời Đao Lợi (cõi trời Ba Mươi Ba) **mưa xuống vô lượng hương hoa, thiên y, châu báu để cúng dường Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và Bồ Tát Địa Tạng.**

Bấy giờ, ở cõi trời Đao Lợi, các thiên nữ rải vô số hoa mạn-đà-la (tiểu bạch hoa), hoa đại mạn-đà-la (đại bạch hoa), cùng rưới các loại hương thơm, các y phục của cõi trời (y phục trên cõi trời rất nhẹ, nhẹ hơn cả loại hàng nylon của chúng ta) và vô số chuỗi ngọc quý giá cùng các bảo bối trân quý nhất, hiếm có nhất, để cúng dường Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và Bồ Tát Địa Tạng. Phải cúng dường cho Phật trước vì Phật là đấng tối cao.

Xong rồi, **tất cả đại chúng trong Pháp Hội đều lại chiêm lễ, chắp tay mà lui ra.** Sau khi cúng dường xong, tất cả đại chúng hiện diện trong Pháp Hội, chư Bồ Tát, A-la-hán, chư thiên

nhân, quỷ, thần... đều chiêm ngưỡng Bồ Tát Địa Tạng, hướng về Bồ Tát mà đảnh lễ, rồi chắp tay và cung kính lui ra.

Hết phẩm thứ mười ba

Kệ tán:

Kinh Địa Tạng Bổn Thệ,
So sánh các nghiệp nhân,
Ốm đau, tàn tật, câm ngọng do đời trước,
Đời này đọc tụng Đại Thừa,
Được phước lợi vô cùng,
Quyết định sen báu vãng sanh.
Nam mô Thường Trụ Thập Phương Phật.
Nam mô Thường Trụ Thập Phương Pháp.
Nam mô Thường Trụ Thập Phương Tăng.

LƯỢC GIẢNG:

"Tán" tức là tán thán, trầm trồ khen ngợi.

Kinh Địa Tạng gồm có ba quyển (thượng, trung, hạ) được chia làm mười ba phẩm; và đây là phẩm cuối cùng của quyển hạ.

Kinh Địa Tạng Bổn Thệ,/ So sánh các nghiệp nhân. Trong Kinh Địa Tạng Bổn Thệ Nguyện có so sánh, cân nhắc về các nhân duyên công đức của bộ Kinh Địa Tạng này.

Ốm đau, tàn tật, câm, ngọng do đời trước. Có nhiều người thường ốm đau quặt quẹo, bị tật nguyền, khuyết tật, hoặc mắc bệnh bại liệt, chân tay tê dại. "Tàn tật" tức là người bị không có tay, không có chân, không có mũi, không có mắt, hoặc không có tai ...; nói tóm lại là sáu căn không được đầy đủ, vẹn toàn. Vì sao họ lại bị bệnh tật, bị tàn phế, bị câm ngọng? Đó là bởi những người này đời trước đã gây nhiều nghiệp tội, cho nên đời nay phải chịu quả báo.

Đời này đọc tụng Đại Thừa. Nếu ngay trong đời này, những người đó thành tâm đọc tụng các kinh điển Đại Thừa (như Kinh Địa Tạng chẳng hạn) thì họ sẽ **được phước lợi vô cùng**. Những phước đức và lợi ích này thì vô cùng vô tận, không thể nào kể xiết.

Quyết định sen báu vãng sanh. Nếu họ thường xuyên đọc tụng Kinh Địa Tạng, hoặc trì niệm danh hiệu Địa Tạng Vương

Bồ Tát, thì nhất định họ sẽ được sanh trong hoa sen báu, hóa sanh từ hoa sen.

Trên đây là bài kệ tán thán; phần cuối có quy mạng ba ngôi Thường Trụ trong mười phương: **Nam mô Thường Trụ Thập Phương Phật, Nam mô Thường Trụ Thập Phương Pháp, Nam mô Thường Trụ Thập Phương Tăng.**

Như vậy là hôm nay đã giảng xong bộ Kinh Địa Tạng. Tuy rằng kinh đã giảng xong rồi, song việc trì tụng thì không thể gọi là xong được. Quý vị nếu mỗi ngày đều trì tụng Kinh Địa Tạng, thì không những sẽ được hai mươi tám điều lợi ích, mà còn được hưởng thêm bảy điều lợi ích khác nữa, phước lợi lớn lao biết bao!

Cho nên, ngay trong thời Mạt Pháp này mà chúng ta có thể thường xuyên đọc tụng Kinh Địa Tạng là tốt nhất. Bởi vì nguyện lực của Bồ Tát Địa Tạng là nếu người nào tụng Kinh Địa Tạng thì Ngài sẽ đến hộ trì, và người ấy sẽ có được hai mươi tám điều lợi ích. Thế nên, sau khi nghe giảng rồi, quý vị cần phải nỗ lực, cố gắng y theo giáo pháp mà tu hành, đừng bỏ lỡ cơ hội. Biết được Phật Pháp mà chẳng thực hành thì cũng như không biết; cho nên, biết được Phật Pháp rồi thì phải biết trân quý mà "y pháp tu hành", đây là điều rất thiết yếu!

Tuy rằng việc giảng bộ kinh này kể như hoàn tất rồi, nhưng việc tu hành thì không thể nói là xong được, phải đến khi nào quý vị tu thành Phật rồi thì lúc đó mới được gọi là xong! Có câu:

"Việc cần làm đã làm xong,
Hạnh thanh tịnh đã lập rồi,
Không còn phải trở lại nữa."

Hán văn

(Sở tác giai biện,
Phạm hạnh dĩ lập,
Bất thọ hậu hữu.)

Những việc nên làm thì ta đã làm xong, hạnh thanh tịnh của ta đã thành tựu rồi, ta không còn phải chịu luân hồi sanh tử nữa. Vì vậy, chúng ta, những người được nghe thấy các đạo lý trong

Kinh Địa Tạng, ắt hẳn đều là những người có thiện căn sâu dày. Những kẻ không có thiện căn thì dù muốn đến nghe Kinh Địa Tạng cũng không có cơ hội; họ không được phép tới nghe, thậm chí ngay chính bản thân họ cũng chẳng muốn nghe nữa. Vì sao họ không muốn nghe? Bởi vì nghiệp chướng của họ quá nặng nề; họ nói là: "Tôi không muốn thành Phật. Tôi muốn đến địa ngục gặp Bồ Tát Địa Tạng, chờ Bồ Tát Địa Tạng tới cứu tôi ra lần nữa. Bởi Bồ Tát Địa Tạng có nguyện lực từ bi, Ngài lại có chìa khóa mở được cửa địa ngục; hễ tôi bị sa vào địa ngục thì Ngài liền lấy chìa khóa mở cửa, bấy giờ tôi sẽ tẩu thoát và đi ăn cướp trở lại!"

Thế nên, quý vị xem, họ dự tính thoát khỏi địa ngục rồi thì lại đi làm kẻ cướp nữa! Song, Bồ Tát Địa Tạng có Tha Tâm Thông nên Ngài biết được ý đồ của họ: "A! Bọn này thật là quá quắt. Từ địa ngục thoát ra mà vẫn chưa chừa, vẫn còn muốn đi làm ăn cướp nữa ư? Thế thì Ta không mở cửa ngục cho các ngươi nữa!" Chúng ta không nên bắt chước theo hạng người như thế!

Vậy, hôm nay đã giảng xong bộ Kinh Địa Tạng rồi, chúng ta cần phải nương vào nguyện lực của Bồ Tát Địa Tạng mà tu hành, luôn luôn tinh tấn hướng về phía trước, không được chùn bước, không được bỏ cuộc!

(Hết quyển hạ)

KINH ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỔN NGUYỆN THIỂN THÍCH

PHẦN PHỤ LỤC

Hôm nay như vậy là đã giảng xong Kinh Địa Tạng, vẫn còn chút ít thì giờ, để tôi kể một vài sự kiện có thật cho quý vị nghe. Có hai người nọ, đều là người Hoa Kỳ, một người tên là Quả Minh. Quả Minh vốn rất thành tâm, song có một thói quen xấu

vẫn chưa từ bỏ được. Thói quen gì vậy? Đó là thói thích hút thuốc lá thơm!

Lúc đó là vào năm 1968, tôi đang cư ngụ ở một tầng lầu có diện tích cỡ 50ft x 25ft, tại chùa Thiên Hậu trên đường Waverly. Chúng tôi bấy giờ gồm có chừng ba, bốn chục người cùng sống chen chúc ở đó. Cách ăn ở như thế nào ư? Thì mọi người đều ngủ "giường đất" cả thôi! Chúng tôi trải chăn mền ngay trên sàn lầu thành từng dãy từng dãy như trong quân đội vậy, rồi cứ thế mà ngủ thôi, chứ không có giường.

Thế nhưng, sắp xếp như vậy vẫn không đủ chỗ ngủ cho cả ba, bốn chục người. Do đó, có một số phải chịu cảnh "màn trời chiếu đất," ngủ ngay trên sân thượng. Như thế, ngộ nhỡ trời mưa thì phải làm sao? Thì mỗi người bèn dùng một tấm vải mưa trùm kín cái thùng gỗ vuông vắn, vừa vặn cho một người ngồi (cũng có thể ngồi ngủ ở trong đó) cho nên cứ như thế mà luyện môn "tọa Thiền." Trên sân thượng có chừng mười mấy cái thùng vuông kiểu này, để thành cả dãy như vậy.

Anh chàng Quả Minh này cũng ngủ trên sân thượng. Có một đêm nọ vào khoảng hai giờ sáng, Quả Minh lén mở cửa ra ngoài mà không ai hay biết gì cả. Đến năm giờ sáng thì anh ta trở về kêu cửa, vì cửa đã bị khóa, anh ta không vào được. Hỏi là ai gọi cửa thì anh ta đáp: "Minh đây!" Ở chỗ chúng tôi bấy giờ có một người tên Ninh, vì âm Ninh và Minh nghe cũng từa tựa nhau nên người trong chùa nghe không rõ, tưởng là "Ninh," bèn mở cửa cho anh ta vào. Vào được rồi, anh ta liền đi thẳng lên lầu, len lén chạy đến cái thùng của mình và chui vào trong. Không ngờ tôi cũng đang ở đó, tôi liền chất vấn anh ta: "Con vừa đi đâu về vậy?"

Anh ta đáp: "Con chẳng đi đâu cả!"

- Chẳng đi đâu cả? Thật hay giả đấy?

- Ơ, con ...

Thấy anh ta cứ ngập ngừng, không chịu nói cho ra lẽ, tôi hỏi tiếp: "Con đi từ lúc nào?"

- Ồ, con ...

Bấy giờ, anh ta vẫn chưa chịu thú thật, cứ ngần ngừ mãi; tôi gằn giọng: "Con đi ra ngoài để làm gì?

- Walk! Take a walk! (Con đi tản bộ!)

- Con walk tới chỗ nào?

- Con... con chỉ đi dạo thôi mà!

- Thế con walk đến cây xăng để làm gì?

Anh ta tròn xoe hai mắt, ấp úng: "Con... "

- "Con" làm sao? Con đến đó để làm gì chứ?

- Con đến đó xem cho biết thôi!

- Xem cho biết ư? Thế con đã mua cái gì rồi?

- Ồ! Không... con chẳng mua gì cả!

- Không mua gì cả? Thế thuốc lá thơm của con là từ đâu đến vậy?

Nghe tôi chất vấn như thế, anh ta ngây người ra, trợn mắt thật to, lúng túng đáp: "Con... con đến đó mua thuốc hút!"

- Mua thuốc lá xong, con lại đi đâu nữa?

- Con... walk!

- Walk? Con walk thế nào mà lên tuốt trên xe buýt luôn vậy? Con lên xe buýt để làm gì? Con lên xe buýt để walk ư?

- Con... con đi xe buýt số 5.

- Con đi xe buýt số 5 à? Lúc ở trên xe con có hút thuốc không?

- Không có ạ!

- Không có? Thế tại sao con lại mời cô gái da đen đó một điếu thuốc?

- Ồ!...

Lúc này, anh ta càng sợ hãi hơn nữa.

- Con... con mời cô ấy hút thuốc để dễ bắt chuyện với cô ấy.

- Tại sao ông không bắt chuyện với đàn ông? Tại sao ông phải tìm đàn bà để nói chuyện?

- Ơ... vì không còn ai khác mà!

- Trên xe có đến bốn, năm người mà ông lại nói là không có ai khác nữa à?

Anh ta sửng sốt: "Ai nói với Sư Phụ như thế?"

Tôi nói: "Chẳng phải là con vừa mới nói với thầy đó sao?"

- Con chưa nói cho Sư Phụ biết cơ mà!

- Con chưa nói cho thầy biết sao? Con chóng quên quá đấy! Con vừa mới nói cho thầy biết đây thôi mà!

Tôi hù dọa như thế thôi mà anh ta sợ thật đấy! Mà không phải chỉ hù dọa suông thôi đâu, tôi còn đánh đòn nữa kia! Tôi nói cho quý vị biết: Tôi đánh thật đó, chứ không phải giả bộ đâu. Tôi cầm một cây gậy dài bằng gỗ, ra sức nện vào đầu anh ta một gậy đau điếng; rồi căn dặn: "Thầy cho con biết, từ nay về sau, nếu con không tuân theo quy củ của thầy thì thầy sẽ đánh chết con luôn đấy!"

Từ đó về sau, Quả Minh không dám liều lĩnh trốn ra ngoài nữa!

Đây là lúc ban sơ, lần đầu tiên tôi giáo hóa người Mỹ. Bấy giờ, những người Mỹ đang có mặt ở đó nghe tôi dọa như thế thì đều "sởn tóc gáy," chẳng hiểu đầu đuôi sự việc như thế nào; một người buột miệng hỏi:

- Sư Phụ! Làm sao Sư Phụ biết rõ đến thế?

- Thế không phải là ông ta vừa mới nói cho tôi biết hay sao?

Ai hỏi tôi, tôi cũng trả lời y như vậy; do đó, cho đến bây giờ họ vẫn chưa hiểu ra sao cả! Hôm nay tôi kể cho quý vị nghe câu chuyện này, để quý vị hiểu được vì sao rất nhiều người Mỹ không dám nói dối trước mặt tôi!

Bây giờ tôi lại kể cho quý vị nghe một câu chuyện nữa, quý vị có muốn nghe chăng? Cũng là một chuyện có thật, chứ không phải bịa đặt. Đây cũng là về một đệ tử người Mỹ của tôi, tên là Quả Tốc. Quả Tốc là một người rất có thành tâm xuất gia. Sau khi xuất gia, chẳng biết vì sao lại không hợp với vị sư huynh hoặc sư đệ nào đó trong chùa, thường hay bị vị đó bắt nạt; không chịu đựng nổi, anh ta bèn bỏ đi.

Trước tiên, Quả Tốc về ở nhà của bà mẹ. Được một thời gian, cảm thấy sống một mình cũng chẳng có gì thú vị, lại cũng chưa thấy khai ngộ, anh ta bèn tìm đến một ngọn núi (dường như ở về phía Bắc của Vạn Phật Thành bây giờ thì phải), và ở lại trên núi đó luôn.

Có một hôm, anh ta về gặp tôi và hỏi: “Bây giờ con muốn về lại đây. Thật ra, con cũng không biết là con nên ở đó hay là về lại đây?”

Tôi nói: “Lúc con bỏ đi, con chẳng màng hỏi ý thầy; thì tại sao khi muốn trở về con lại hỏi? Con đi đã không hỏi thầy, thì con có về lại cũng đừng hỏi thầy!” Ngụ ý của tôi là: Anh muốn trở về thì cứ việc trở về. Lúc đi là do anh tự ý đi; thì khi về, cũng tùy ý anh, đừng hỏi tôi, bởi tôi không thể nói: “Anh hãy về đây đi!” Nếu tôi bảo anh ta về đây thì anh ta sẽ ra vẻ như mình có thế lắm, cho nên tôi không thể nói như vậy được!

Trong khi Quả Tốc quỳ trước mặt tôi nói chuyện, tôi chợt thấy trên vành tai ông ta có vướng một sợi tóc dài khoảng ba tấc, không phải ba tấc thì cũng hai tấc rưỡi. Tôi hỏi: “Ủa! Ở đâu mà con mang về được một bảo bối như thế này?”

(Về việc này, về sau có một người đệ tử viết thành bài văn “Bài ký về một sợi tóc”; không biết có quý vị nào xem qua chưa?)

Tôi nói tiếp: “Con đi đâu về mà lại mang theo bảo bối này thế? Nếu nói sợi tóc này là từ chùa Kim Sơn mang về thì vô lý, bởi ở chùa Kim Sơn chẳng có ai có tóc dài như thế cả. Vả lại, ông nhận ra sợi tóc này là của ai mà, nó đến từ nơi ông đang ở. Tại sao ông lại mang sợi tóc này về? Ông có nhận ra sợi tóc này không?”

- Con nhận ra!

- Nhận ra hả? Đó là tóc của ai?

- Là tóc của một cô gái.

- Tóc của cô ta làm sao lại chạy đến vành tai của ông được? Ông nói thử xem!

- Dạ chẳng có gì cả ạ.

Tôi gặng hỏi: "Chẳng có gì cả ư? Thế thì vì sao cô ấy muốn xách súng bắn chết ông?"

- Ồ!...

Quả Tốc lúc này sợ hãi đến nỗi trợn to đôi mắt, cứng họng, không dám nói thêm tiếng nào.

Tôi dịu giọng: "Con hãy nói cho thành thật. Rốt cuộc đã xảy ra chuyện gì? Cac con vì sao lại đi báo cảnh sát đến đuổi cô ta? Con hãy mau mau thú thật hết đi, đừng để... "

Lúc này anh ta mới kể lể: "Bởi vì con tạm trú trên núi được một thời gian thì có một thanh niên đến ở chung. Chẳng bao lâu sau lại có một cô gái đến ở nữa, cô ta là bạn gái của anh thanh niên kia. Cuộc sống chung đụng này có ảnh hưởng đến người thanh niên nọ, vì anh ta không thích cô bạn gái này nữa, mà chỉ thích tu hành. Cuối cùng, anh ta đã đuổi cô ấy đi."

Cô bạn gái bị làm nhục đến thế nên tức tối, quyết tâm phải giết cả người thanh niên và Quả Tốc cho bằng được. Lần thứ hai trở lại, cô ta vừa lăm le khẩu súng trong tay vừa hỏi Quả Tốc: "Tại sao anh lại cướp bạn trai của tôi?"

Cô ấy cho rằng Quả Tốc chiếm đoạt bạn trai của mình, nên muốn bắn chết cả người bạn trai lẫn ông đệ tử này của tôi. Lúc bấy giờ cả hai người sợ hãi quá, chẳng biết làm gì hơn, bèn gọi điện thoại cho cảnh sát cầu cứu. Và cảnh sát đã đến thật, đến để bảo vệ họ. Có đến bốn, năm viên cảnh sát cùng đến và bắt giải cô gái này đi. Vì thế mà Quả Tốc không dám ở đó nữa, trở về hỏi ý kiến tôi là anh ta nên về đây hay cứ ở lại đó.

Đó là nguyên nhân khiến hôm nay Quả Tốc có mặt ở đây. Thế nhưng, khi nói xong câu chuyện thì sợi tóc cũng không còn, không biết nó lạc đi đâu? Chẳng có gió thổi, chẳng có gì cả, mà sao tìm không thấy sợi tóc nữa! Đó gọi là "Bài ký về một sợi tóc."

VẤN ĐÁP

- Hỏi: Có thể cúng dường thuốc men cho Phật được không?

Đáp: Cúng dường món gì cho Phật cũng đều được cả. Những gì mà quý vị yêu thích, thì quý vị đều có thể đem cúng dường cho chư Phật và Bồ Tát.

- Hỏi: Như có khi con nghe được một bài hát hoặc một khúc nhạc rất hay thì con có thể cúng dường ca khúc đó cho chư Phật và Bồ Tát được không? Nếu được, thì phép cúng dường phải như thế nào?

Đáp: Thì cũng là hát ca khúc đó lên thôi! Nhưng quý vị cần phải biết chắc là ca khúc đó không có tính cách dâm đãng, không gợi ý tà dâm thì mới được, mới là chánh đáng. Hiện nay Vạn Phật Thánh Thành của chúng ta cũng có những ca khúc về Phật Giáo, quý vị đều có thể đem cúng dường chư Phật. Chúng ta xướng những bài tán trước tượng Phật, thì đó cũng là dùng ca khúc để cúng Phật vậy. Trong Kinh Pháp Hoa đã có nói rất rõ ràng rằng các ca khúc, âm nhạc, bài tán có tính cách thanh tịnh, trang nghiêm, đều có thể được dùng để cúng Phật.

- Hỏi: Tuần lễ thứ ba của tháng sau là sinh nhật của Sư phụ, chúng con có thể tổ chức lễ mừng sinh nhật cho Sư Phụ chăng?

Đáp: Tôi không ăn mừng sinh nhật! Về sau, tôi đều không có sinh nhật. Ngày nào mà quý vị làm sinh nhật cho tôi, thì tôi sẽ chết. Nếu quý vị muốn cho tôi chết, thì cứ làm; còn nếu không

muốn cho tôi chết, thì đừng làm! Nói tóm lại, tổ chức lễ mừng sinh nhật là điều không nên. Vì sao lại không nên?

Bởi vì "sinh nhật" là ngày chúng ta được sinh ra đời, song, đồng thời cũng là ngày "thập tử nhất sanh" của mẹ chúng ta! Đó là "nạn nhật," một ngày mà người mẹ lâm nạn, nguy hiểm đến tánh mạng. "Nạn nhật" của mẹ thì chúng ta phải niệm Phật nhiều hơn, làm công đức nhiều hơn, làm điều tốt nhiều hơn. Nếu chúng ta tụ tập ăn uống linh đình, ồn ào náo nhiệt, lại còn thâu nhận đồ cúng dường, quà cáp của người khác, thì đây là một việc rất không đúng! Có điều, tôi không muốn nói ra, vì nếu tôi nói ra thì sẽ làm cho rất nhiều người trong quý vị không được vui, lại còn phàn nàn: "Chúng con ai nấy đều có làm sinh nhật cả; Sư phụ nói như vậy khiến cho chúng con không biết nên làm thế nào cho phải?"

Tôi lại hỏi quý vị: Quý vị có biết tổ chức ăn mừng sinh nhật, bất luận là người xuất gia hay tại gia, ai nấy cũng đều có tham cái gì không? Tham náo nhiệt, đó là điều thứ nhất. Còn điều thứ hai là gì? Ấy là tham quà tặng, tham lễ vật. Mừng sinh nhật mà, người thì đem tặng món quà này, kẻ thì biếu cho món quà nọ. Cha mẹ cũng tặng quà sinh nhật cho con cái. Sinh nhật của đứa trẻ con, ít nhất cũng phải tặng cho nó vài món đồ chơi, khiến cho nó mừng rỡ, thích thú.

Thật ra, đây là việc không cần thiết. "Sinh nhật" là ngày mình sinh ra đời, vì sao cần phải ăn mừng? Chúng ta vừa đến cõi đời này là bật khóc ngay, thế thì có gì đáng để ăn mừng nữa chứ? Quý vị cũng thấy đó, trẻ con vừa mở mắt chào đời là khóc thét lên: "Khổ a! Khổ a!"! Lúc đó đứa bé vì chưa biết nói, cho nên chỉ biết dùng tiếng khóc để bày tỏ nỗi niềm: "Khổ a! Khổ a! Đây là khổ a!"

Vì vậy, tôi muốn sửa đổi tập tục này. Quý vị đừng nên cố chấp; chúng ta cần phải phá bỏ mọi chấp trước mới được. Quý vị nghĩ xem, tôi dạy quý vị đừng tham lam, đừng tranh giành, đừng truy cầu, đừng ích kỷ, đừng tự lợi, đừng nói dối; thế mà nếu chính tôi lại mượn cớ làm sinh nhật để nhận "phong bì đỏ" (đựng

tiền cúng dường) của mọi người, thì quả thật là chẳng có giá trị gì cả!

Có một đệ tử quy y của tôi nói rằng: "Sư phụ không ăn mừng sinh nhật, khiến con không có cơ hội để bày tỏ lòng thành của mình được. Vậy thì con phải làm sao đây?"

Tôi mách cho quý vị một biện pháp: Quý vị hãy niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát cho thật nhiều! Mỗi ngày, quý vị hãy thay tôi mà niệm danh hiệu các Ngài mười vạn tiếng, như thế chính là chúc mừng sinh nhật cho tôi vậy. Quý vị có làm được không? Đó mới là thật sự làm sinh nhật cho tôi; người tính không bằng trời tính vậy!!!

HẾT

BÌA SAU SÁCH

Địa Tạng Vương Bồ Tát đời đời kiếp kiếp đều rất hiếu thảo với cha mẹ, do đó bộ Kinh Địa Tạng này chính là một bộ kinh về đạo hiếu (hiếu kinh) của Phật Giáo. Hiếu là nền tảng của con người. Làm con mà chẳng hiếu thuận với cha mẹ tức là trọn một đời chưa chu toàn trách nhiệm làm người; vì sao ư? Cha mẹ sinh ra ta, nuôi nấng ta, nếu ta được lớn khôn mà chẳng biết báo đáp công ơn, thì chính là chưa tròn nghĩa vụ làm người vậy.

"Hiếu" được chia làm bốn loại: Tiểu hiếu, Đại hiếu, Viễn hiếu và Cận hiếu. Thế nào gọi là "tiểu hiếu"? Tiểu hiếu là hiếu đạo trong phạm vi gia đình, tức là chỉ hiếu thảo với cha mẹ ruột của mình, chứ không hiếu thảo với tất cả mọi người, chưa có được lòng hiếu thảo bao la, quảng đại.

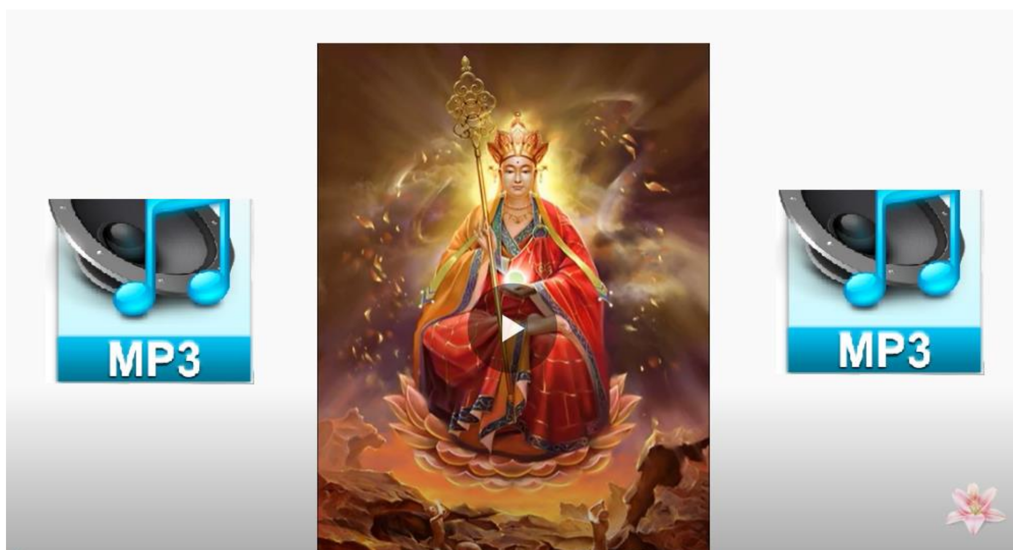
"Hiếu quảng đại" là gì? Đó chính là "đại hiếu", hiếu thuận với khắp thiên hạ, xem tất cả các bậc cha mẹ trên đời như là cha mẹ của mình. Đây gọi là hiếu thuận với tất cả mọi người. Thế nhưng, đại hiếu vẫn chưa phải là hiếu thuận chân chánh.

Thế nào là "hiếu thuận chân chánh"? Chỉ khi nào quý vị thành Phật mới gọi là có lòng hiếu thảo chân chánh, mới là "chân

hiếu.” Đây là một loại hiếu thảo đích thực, rốt ráo, vượt hẳn bốn loại hiếu kia.

Thế nào gọi là “cận hiếu”? Noi gương những người con chí hiếu thời cận đại, học cách hiếu thuận cha mẹ của họ, đó gọi là “cận hiếu.”

“Viễn hiếu” là gương hiếu thảo được muôn thế hệ truyền tụng và noi theo; còn cận hiếu là sự hiếu thuận đương thời. Cận hiếu cũng có thể gọi là tiểu hiếu, mặc dù vẫn có vài điểm bất đồng.



GOOGLE DRIVE

Kinhdiatangbotatbonnguyen.PDF

Kinhdiatangbotat.PDF

PHÁP SƯ TỊNH KHÔNG

BOTHIPHAP.BLOGSPOT.COM

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

https://giang-giai-kinh-lang-nghiem.blogspot.com/

KINH PHÁP HOA

https://gianggiaikinhphaphoa.blogspot.com/

KINH HOA NGHIÊM

https://gianggiaikinhhoanghiem.blogspot.com/